

Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không

**PHẬT THUYẾT THẬP
THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH
GIẢNG GIẢI**

Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Biên tập: Lê Huyền Trang

ĐỀ KINH

“**Phật Thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo**” là biệt đề, “Kinh” gọi là thông đề. Sao gọi là biệt đề là vì Kinh này khác biệt tên với các Kinh khác, là chuyên chỉ cho bộ Kinh này. Thông đề là thông tất cả Kinh, phạm hễ điều Phật giảng thì gọi là “Kinh”. “Phật Thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo” là ở ngay trong 7 cách lập đề thì thuộc về nhân pháp lập đề. “Phật” là nhân, “Thập Thiện Nghiệp Đạo” là pháp.

Chữ “**Phật Thuyết**” trong câu này và trong ba bộ Kinh của Tịnh Độ Tông là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”, “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh”, “Phật Thuyết A Di Đà Kinh”. Tên ba bộ Kinh này đều có chữ “Phật Thuyết”. Chữ “Phật Thuyết” của Kinh này cùng với “Phật Thuyết” trong ba Kinh Tịnh Độ Tông có ý nghĩa như nhau. Điều này không chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà cả mười phương chư Phật cũng đều nói. Các Kinh điển khác mười phương chư Phật chưa hẳn đều nói. Chỉ riêng Tịnh Độ ba kinh cùng với bộ Kinh này (Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo) là mười phương chư Phật đều nói. Do vậy, chúng ta mà có thể biết tính quan trọng của bộ Kinh này.

Chữ “**Phật**” là trong tiếng Phạn Ấn Độ, dịch âm là “Phật Đà Gia”. Người Trung Quốc vì muốn đơn giản nên lược bỏ những chữ cuối, chỉ xưng là “Phật”. Ý nghĩa của chữ “Phật” này gần giống nghĩa “Thánh”, “Thần” mà người Trung Quốc thường gọi. Thần, Thánh, Phật là từ dùng để chỉ những người thông đạt tường tận chân tướng nhân sinh vũ trụ, nhưng mức độ thông đạt có ít nhiều khác biệt. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, “Sự lý, tánh tướng, nhân quả” triệt để thông đạt tường tận mà

không bợn chút làm lẫn nào bợn chút nhập nhằng nào, người như vậy được gọi là “Phật”. “Thánh” tuy có ý nghĩa tương tự nhưng sự thông đạt không triệt để đến chân tướng nhân sinh vũ trụ. Đây là nói đến trình độ thông đạt không giống nhau.

“Phật Đà” là danh xưng của học vị. Trong Kinh Hoa Nghiêm có giảng về 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ. Bốn mươi một tầng thứ này đều gọi là “Phật”. Họ đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, sự lý, tánh tướng, nhân quả đều thông đạt, nhưng mà tầng thứ thông đạt không giống nhau, cho nên có 41 thứ bậc. “Phật” là thứ bậc cao nhất, cũng được xưng là cứu cánh viên mãn. Vị này chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

“Thuyết” là trong lòng hoan hỷ tức là sanh tâm hoan hỷ được vì chúng sanh mà thuyết pháp. Vì Đức Phật thấy rằng cơ duyên được chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh của chúng sanh đã đến lúc chín muồi, có thể tiếp nhận pháp môn này, cho nên Phật giảng dạy khuyến hóa mọi người vô cùng hoan hỷ, trợ giúp tất cả chúng sanh ngay trong đời này thành tựu. Pháp môn Tịnh Độ là mục tiêu cuối cùng của tất cả chư Phật thuyết pháp, trong đó Thập Thiện Nghiệp Đạo là phương pháp then chốt mà tất cả chư Phật thuyết pháp nhằm trợ giúp chúng sanh đạt thành tựu ngay trong một đời.

“Thập” có nghĩa là mười, nhưng ở đây nó không phải là con số cụ thể, nó là biểu hiện cho ý nghĩa đại viên mãn, cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm vậy, nghĩa pháp của nó hoàn toàn giống nhau. Thiện pháp của đại viên mãn quy nạp thành mười cương lĩnh. Cảnh giới của mỗi cương lĩnh sâu rộng vô biên.

“**Thiện**” Trong Kinh có nêu ra rõ tiêu chuẩn của thiện và ác. Ví như tu học không có nền tảng của Thập Thiện Nghiệp thì niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Vì sao biết được điều đó? Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy chúng ta trước khi tu tịnh nghiệp phải tu tam phước, tam phước là giáo lý căn bản của Phật pháp Đại thừa, ví như chưa có cái nền tảng này thì bất luận tu pháp môn nào cũng đều không thể thành tựu được, cho nên đây là nền tảng chung của “Tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”. “Tam thế” nghĩa là ba đời, tức: quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả chư Phật tu hành thành Phật đều có vô lượng pháp môn, nhưng bất luận pháp môn nào cũng lấy tam phước làm nền tảng. Như xây một ngôi nhà cất một tòa nhà cao, bất luận là cao bao nhiêu, hình thức nào thì nền móng nhất định giống như nhau, tức là chỉ có nền móng vững chắc thì kiến trúc mới được kiên cố.

Điều thứ nhất của “Tịnh Nghiệp Tam Phước” là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ bi bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Ba vế trước là Nguyện, vế sau cùng là Hành, nếu như không “Hành” được thì ba điều “Nguyện” kia chỉ là trống không. Vậy dùng phương pháp gì để hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng và từ bi bất sát? Chính là nhờ vào thập thiện nghiệp, thập thiện nghiệp thật sự trì hành được thì ba điều nguyện phía trước đều viên mãn.

“**Nghiệp**” vốn tồn tại trong đời sống thường ngày, đó là công việc, đó là việc đối nhân xử thế, v.v.. Tất cả những hành vi đang làm thì gọi là “Sự”. Sau khi đã làm xong, kết quả của nó gọi là “nghiệp”. Nếu làm việc tốt gọi là thiện nghiệp, làm việc không tốt gọi là ác nghiệp, ví như chúng ta đi học ở trường, bài khóa gọi là tác nghiệp, khi học xong tất cả các môn thì gọi là tốt

ngiệp. Nghiệp ở đâu? Nghiệp là thứ mà chúng ta không thấy được, không nghe được, cũng không sờ được. Phật dạy chúng ta rằng “Nghiệp” ở trong A Lại Da Thức. Tức là, những câu chữ nói ra ở hiện thời chính là do cái “Nghiệp” vốn đã tồn tại trong ấn tượng của chúng ta; tất cả nghiệp thiện ác mà chúng ta đã làm trong quá khứ, hiện tại ta nghĩ lại thì có thể nhớ được là vì có một nơi thay chúng ta lưu giữ những “dữ liệu” đó, cái nơi lưu giữ những “dữ liệu” này gọi là A Lại Da Thức. “A Lại Da ” là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc dịch thành ý là “Tàng thức”, giống như kho dữ liệu, nhà kho tất cả khởi tâm động niệm, lời nói việc làm từng li từng tí đều được lưu giữ trong kho dữ liệu này. Con người chết đi không mang theo được gì, nhưng nghiệp thì chắc chắn mang theo. Là vì những thứ hữu hình thì không mang đi nhưng nghiệp là vô hình sẽ đi theo cùng chúng ta.

Thế gian không có bất cứ thứ gì đáng sợ, chỉ việc thật sự đáng sợ nhất là tất cả tư tưởng, lời nói, hành vi bất thiện đều tồn tại trong A Lại Da Thức vĩnh viễn mà không mất đi. Hiểu rõ chân tướng của sự thật rồi chúng ta nhất định không tạo nghiệp ác, loại sạch điều ác, tu thiện viên mãn, bất luận người đời dùng cách nào tác động đến ta. Đối với ta tốt, ta cảm kích họ, đối ta không tốt nhất quyết không để trong lòng, vì nếu còn để trong lòng thì rõ là đã không qua được ải của chính mình.

Đức Phật dạy chúng ta ngày đêm “Thường niệm thiện pháp”, đây là tâm thiện; “Tư duy thiện pháp” đây là tư tưởng thiện; “Quán sát thiện pháp”, đây là hành thiện. Thiện pháp phải luôn được tưởng niệm và phải làm tăng trưởng, không mảy may xen tạp với cái bất thiện, dù chỉ đôi chút. Được như thế thì loại sạch cái ác, viên mãn tu thiện. Người khác đắc tội với chúng ta, phỉ báng, nhục mạ thậm chí hãm hại chúng ta, tất cả đều là

“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”(nghĩa là phàm những gì có tướng nhưng thực ra đều là hư vọng, không thật). Vậy nên hà tất phải đem nó để vào kho chứa tư liệu vậy ! Chúng ta phải học Phật, Bồ Tát và Pháp Thân Đại sĩ, kho tư liệu mở ra không có một chút bất thiện nào, như vậy là đã thành Phật rồi, Thập thiện nghiệp đạo tu được viên mãn đó chính là viên mãn Phật quả.

Chúng ta thường thấy được trên đỉnh hào quang của tượng Phật có “Án – A – Hồng” ba chữ này. Ba chữ này nghĩa là mười thiện viên mãn. “Án” là thân thiện viên mãn, “A” là ngữ thiện viên mãn, “Hồng” là ý thiện viên mãn. Cho nên thập thiện nghiệp khi viên mãn rồi thì thành Phật. So với năm giới thì thập thiện nghiệp đạo còn sâu rộng hơn. Năm giới là Phật truyền thọ cho chúng đệ tử , mười thiện là Đức Phật tuyên hóa đối với tất cả chúng sanh. Đây là dạy cho chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày, trong công việc xử sự, đối nhân tiếp vật đều phải tuân thủ nguyên tắc này.

Tạo tác của chúng ta được Đức Phật chia thành 3 loại lớn, gồm thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp. “Vô ký” nghĩa là không thể gọi là thiện hay ác, ví dụ như chúng ta cầm khăn lau mặt, uống tách trà, những loại này gọi là “Vô ký nghiệp”. Thiện ác có tiêu chuẩn, thứ bậc rất nhiều. Thông thường trong Phật pháp nó là “Ngũ thừa Phật pháp”, tức 5 tiêu chuẩn. 5 tiêu chuẩn đó là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Tiêu chuẩn mỗi cấp bậc dù không giống nhau nhưng đều có chung một nguyên tắc không đổi, đó chính là sự nghiệp vì lợi ích chúng sanh là thiện nghiệp, còn vì lợi ích cho bản thân là ác nghiệp.

Đối với cách nói này, người mới học biết Phật pháp khó thể tiếp nhận được vì ai mà không vì bản thân mình? Mục đích của Phật pháp và thế gian pháp không giống nhau. Mục đích của Phật pháp là phải thành Phật, mà thành Phật phải thoát khỏi tam giới, vượt qua thập pháp giới, sở dĩ chúng ta bị trôi lăn trong lục đạo luân hồi chính là vì tâm tự tư lợi quá nặng, chấp trước là có “Ngã”. Có “Ngã” thì thoát không ra khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, Phật pháp dạy chúng ta là phải phá chấp “Ngã”, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm quyết định không nghĩ cho bản thân thì cái “Ngã” này mới mờ dần và dứt trừ. Nếu khởi tâm động niệm còn nghĩ đến “Ngã” thì ý nghĩ về “Ngã” ngày ngày tăng thêm, bất luận là tu học pháp môn nào, bất luận tu tốt đến mức nào thì cũng chẳng qua là hưởng phước báu cõi trời mà thôi, mà không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế muốn thoát khỏi lục đạo luân hồi thì không đoạn “Ngã” không được.

Trong Kinh Kim Cang dạy rằng : “Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ Tát”. Vô ngã tướng có thể thoát khỏi tam giới nhưng chưa thoát khỏi thập pháp giới. Trong thập pháp giới có tứ thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật). Họ tuy là không còn chấp “Ngã” nhưng còn chấp “Pháp” tồn tại, chính là nói đến “Ngã tướng” không có rồi nhưng còn “Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng”. Cho nên họ không ra khỏi thập pháp giới. Trừ khi đoạn hết bốn tướng, bốn kiến thì mới có thể vượt qua thập pháp giới. Thoát khỏi thập pháp giới đó chính là Pháp thân Bồ Tát. Tiêu chuẩn trong Kinh Kim Cang là Pháp thân Bồ Tát không phải là quyền tiểu Bồ Tát trong thập pháp giới, cho nên yêu cầu trong Kinh Kim Cang là phải phá bốn tướng, bốn kiến. Như vậy giáo dục của Đức Phật là chân thật. Chúng ta phải cố gắng nỗ lực học tập, niệm niệm vì chúng sanh

mà nhớ nghĩ. Không phải vì bản thân mà lo nghĩ, thường phải vì người khác mà phục vụ, không đòi hỏi người khác vì ta mà phục vụ. “Ngã” không quên được thì quyết mãi trong lục đạo luân hồi.

Luân hồi quá khổ rồi! Nếu chúng ta muốn lìa bi khổ, đặc hỉ lạc thì phải toàn tâm toàn ý phụng sự cho hết thấy chúng sanh. Toàn tâm toàn ý phụng sự cho chúng sanh nhất định sẽ được phước báo lành. Gieo nhân thiện nhất định được quả thiện, chúng ta nhìn thấy có một số người trong đời này được đại phú quý, nhưng mà họ hình như chẳng làm điều thiện gì, thậm chí còn làm rất nhiều việc ác. Nguyên nhân gì? Đó là do đời trước họ tu nhân thiện đến đời này thì được thiện báo. Thế nhưng, trong kiếp này họ lại không gặp được thiện tri thức nên mê hoặc, tạo tác nghiệp ác. Bởi vì tạo nghiệp bất thiện trong đời này mà những phước đức tu được trong kiếp trước vốn hưởng hết rồi thì phước báo tương lai không còn nữa, ác báo liền hiện tiền. Cho nên, tất cả pháp trong thế gian chẳng qua là hiện tượng huyễn hóa của vòng tuần hoàn, chuyển biến tương tục của nhân duyên quả báo.

Bộ Kinh này tuy là dạy cho người mới học, nhưng thông suốt đến quả vị Như Lai, nói cách khác từ lúc phát tâm sơ khởi đến khi đắc quả vị Như Lai, lúc nào cũng phải phụng hành lời đức Phật dạy trong kinh này, không một phút giây xao nhãng, xa lìa. Đây là pháp căn bản cũng là đại pháp viên mãn của Phật pháp. Trong kinh này tuy chỉ có 10 điều, nhưng trong mỗi một điều đều ẩn chứa cái lý thâm sâu, cái sự thì quảng đại đến vô bờ vô bến mà từ lúc phát tâm sơ khởi đến khi đắc quả vị Như Lai đều không thể học hết. Vì vậy, tuyệt không nên xem nhẹ, cho rằng đây chỉ là những lời mua vui sáo rỗng. Chúng ta thường

mắc phải sai lầm này, tạo thành chướng ngại lớn đối với sự nghiệp tu hành của bản thân. Ngay cả hành đạo dễ nhất trong Phật pháp như niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng đều bị ác nghiệp làm chướng ngại. Thế giới Tây Phương Cực Lạc được xem là “Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ” (tức nơi hội tụ của các bậc thiện nhân). Tiêu chuẩn “Thiện” ở đây chính là những điều trong bộ Kinh này đã đề cập đến. Như vậy, niệm Phật thì nhất thiết phải tu thiện; mà thật ra, bất kể tu học pháp môn nào trong Phật pháp đều phải tu thiện.

“Đạo” có 2 nghĩa: về mặt lý mà nói thì “Đạo” ở đây là đạo lý, là quy luật tự nhiên của nhân sanh vũ trụ; nghĩa thứ hai, về mặt sự cụ thể mà nói, “Đạo” đây là thập pháp giới, nhất chân pháp giới. Nghĩa này là y theo tiêu chuẩn của thập thiện (mười điều thiện) mà chúng ta đã tu. Tu thập thiện cũng phân cao thấp: Thập thiện bậc thượng thượng phẩm là làm Phật ở nhất chân pháp giới, thập thiện của thượng trung phẩm là làm Bồ Tát trong thập pháp giới. Cứ như thế xuống dần đến thập thiện hạ hạ phẩm là cõi Ngạ quỷ. Còn phải như phẩm nào trong Thập thiện cũng đều không có thì là cõi Địa ngục. Nếu như thấu hiểu bộ kinh này khi chúng ta khởi tâm động niệm rơi vào cõi nào, thì chúng ta biết rất rõ ràng, không cần phải đi hỏi người khác, không những tự mình biết rõ ràng đời sau sẽ đến cõi nào, mà đến cái xác thân hiện tại này của chúng ta ở cõi nào cũng sẽ được thấu rõ.

Hiện tại chúng ta không phải đang ở cõi người sao? Không hẳn vậy! Ngài Đại Sư Thiên Thai có dạy: “Bách giới thiên như”, ví như ở trong cõi người vẫn có Phật đạo trong người, có Bồ Tát đạo trong người, có Thanh Văn, Duyên Giác đạo trong người, có Thiên đạo trong người, có Súc sanh trong

người và có cả Địa ngục trong người. Tuy hiện tại chúng ta ở tại cõi người, thuộc một trong Thập pháp giới, nhưng chúng ta cũng không thực hiểu rõ bản thân ở trong cõi nào. Đã là người, chúng ta nhất định phải làm người sáng suốt, không nên làm người hồ đồ.

Chúng ta xử sự với người hay với vật, đối đãi trong đời sống hay trong công việc thì phải luôn nhớ nghĩ đến lời giáo huấn của cổ nhân: “Nan đắc hồ đồ”, . Cái “hồ đồ” này là giả hồ đồ , không phải sự hồ đồ thật. “Cật khuy thị phúc”_ “Chịu thiệt là phúc”, tức là dứt khoát không nên giữ ý nghĩ chiếm phần hơn vì thực ra chiếm phần hơn khác nào là nhận phần “thiệt” lớn bởi vì cái ý nghĩ chiếm phần hơn chính là phạm giới trộm cắp. Đây là điều mà chúng ta nên chú tâm thận trọng. Chúng ta còn có sức khỏe, còn trí huệ thì hãy vì hết thảy chúng sanh mà phụng sự. Phụng sự xã hội, phụng sự thế giới. Lĩnh vực phụng sự của chúng ta càng rộng thì phước càng lớn. Chúng ta phải một lòng không vì mong cầu phước báo mà phụng sự, cái chúng ta mong cầu là vô thượng Bồ đề.

Về chữ “**Kinh**” thì người Trung Quốc gọi sách là “Kinh”. Đây là cách gọi có tính tôn trọng. Các vị pháp sư thời xưa giảng Kinh thường dùng bốn chữ “Quán, Nhiếp, Thường, Pháp” để giải thích.

“Quán” ý nói ngôn ngữ văn tự có trình tự, mạch lạc, không thừa không thiếu, nhất quán từ đầu đến cuối. Từ trong “Khoa Phán” trong kết cấu văn chương của Kinh Phật, chúng ta thật không thể thêm hay bớt dù chỉ một từ vào kết cấu ấy được.

“Nhiếp” là nhiếp thọ nhân tâm, khiến cho chúng ta sau khi tiếp xúc thì không thể dứt bỏ được. Giống như nam châm

hút sắt vậy, Kinh Phật cũng có năng lực như vậy. Với văn chương, báo chí bình thường thì xem qua một lần đã quyết định không muốn xem lần thứ hai, nhưng Kinh Phật xem cả đời cũng không chán, càng xem càng thích.

“Thường” là đạo lý, phương pháp đã nói ở trong Kinh Phật vĩnh viễn sẽ không thay đổi, bất luận là ở thời đại nào, bất kể ở nơi nào cũng đều đúng cả, đối với hết thảy chúng sanh đều có lợi ích cả.

“Pháp” là quy tắc, bất luận ở thời nào, nơi nào, bất kể chúng sanh nào tu hành cứ dựa theo quy tắc này thì nhất định có thể đạt được thành tựu.

Cho nên đầy đủ 4 ý nghĩa phía trên thì được gọi là Kinh.

NHÂN ĐỀ

Kinh Phật là những lời mà Đức Phật Thích Ca đã giảng. Sau khi Phật diệt độ, đệ tử của Người tập hợp lại và viết thành văn tự, rồi trở thành Kinh điển. Phật pháp khi truyền đến Trung Quốc tất phải dịch thành tiếng Trung; cho nên, Kinh Phật nhất định phải có tên của người phiên dịch. Ở Trung Quốc viện phiên dịch nổi tiếng nhất là viện phiên dịch của Đại sư Cưu-Ma-La-Thập có tất cả hơn 400 người, viện phiên dịch của Đại sư Huyền Trang có hơn 600 người. Đây là viện dịch Kinh điển có quy mô rất lớn. Những người tham gia phiên dịch được liệt kê trong kinh điển là người phụ trách viện dịch thuật kinh điển .

“Đường Vu Điền, Tam tạng pháp sư, Thật Xoa Nan Đà dịch”.

“*Đường*” là chỉ niên đại. Bộ Kinh này được dịch vào đời Đường, triều đại Võ Tắc Thiên. “*Vu Điền*” là quê quán của pháp sư hiện nay gọi là “Hòa Điền Tân Cương”. “Tam tạng pháp sư” tức là học lực của pháp sư. Người chủ trì phiên dịch nhất thiết phải thông đạt tam tạng. Vì vậy, Đại đức dịch kinh đều là Tam Tạng Pháp Sư. “*Thật Xoa Nan Đà*” là tên của Ngài, có nghĩa là “Hỷ học” là thích học tập. Bất luận là Thế pháp hay Phật pháp chỉ cần là người hiếu học thì nhất định sẽ thành tựu. Nếu như không hiếu học, lười biếng thì học lực đạo nghiệp đương nhiên không thể thành tựu. Đây là hàm nghĩa trong danh hiệu của pháp sư. Chúng ta cần chăm chỉ học tập theo Ngài. “Dịch” nghĩa là đem Phạn văn phiên dịch thành Hoa văn.

Trong số những kinh điển mà Đại sư Thật Xoa Nan Đà phiên dịch, nổi tiếng nhất và được người Trung Quốc thích đọc tụng nhất là “*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh*”, ngoài ra còn một bộ kinh vô cùng quan trọng là “*Bát Thập Hoa Nghiêm*”. Từ đó có thể thấy, sự cống hiến của Pháp sư đối với Phật giáo Trung Quốc rất lớn và sức ảnh hưởng đối với lịch sử dịch Kinh của Phật giáo Trung Quốc không kém so với Đại Sư La Thập, Đại Sư Huyền Trang. Có thể nói trong lịch sử dịch kinh Ngài là một nhân vật rất quan trọng.

CHÁNH THÍCH KINH VĂN

Kinh văn: “*Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Ta-Kiệt-La Long Cung, dĩ bát thiên đại Tỳ kheo chúng; Tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma Ha Tát câu*”.

Từ đoạn Kinh văn này chúng ta thấy được Kinh này với các Kinh khác không giống nhau. Ví dụ “*Kinh A Di Đà*” là

Kinh Đức Phật giảng tại Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, tức giảng tại nhân gian, còn bộ Kinh này được giảng tại Long Cung.

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Đức Phật đã dặn dò Ngài A Nan là tất cả Kinh điển mở đầu phải lấy chữ “Nhu thị ngã văn”. Trong đó, “Nhu thị” chỉ bộ Kinh này “Ngã” là Ngài A Nan tự xưng; “Văn” là đích thân nghe, không phải là truyền thuyết, do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thân giảng. “Nhu thị ngã văn” nghĩa là Bộ Kinh này là do ngài A Nan đích thân nghe Đức Phật giảng. Đây là nghĩa hẹp của cụm từ “Nhu thị ngã văn”. Còn nếu bàn đến nghĩa sâu rộng thì trong Đại Trí Độ Luận có đến 4 quyển giải thích bốn chữ này. Vậy mới thấy mỗi câu chữ trong Kinh Phật có ý nghĩa bao hàm vô lượng dường nào.

“*Nhu*” là nói chân như, tự tánh, chỉ có chân như tự tánh mới là “Thị” hay nói cách khác, ngoài chân như tự tánh ra đều là “Phi” (tức không phải “Thị”). Đây cũng là “Chân” và “Vọng” mà trong Phật pháp có giảng đến. Tại sao nói ngoài chân tánh đều là “Phi”? Ngoài chân tánh đều là huyễn tướng? Trong Kinh Kim Cang dạy rằng “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Vậy tất cả hữu vi pháp là thật có hay không? Có. Tuy là có nhưng nó không thật, cái chân như năng biến là chân, các hiện tượng sở biến đều là cái hư huyễn, không chân thật. Không những hư huyễn, không có thật mà còn không thực tồn tại. Cho nên phần sau cùng Kinh Kim Cang lại dạy: “Nhu sương mà cũng như ánh chớp, phải nên quán chiếu như thế” thì sẽ thấy được chân tướng của hiện tượng vũ trụ.

Kẻ phàm phu thường bị cảnh giới hư huyễn này che mắt, bởi cảnh giới hư huyễn này cũng như hình ảnh chúng ta thấy khi xem phim vậy. Chúng ta cho rằng những hình ảnh trên phim là

có thật nhưng kỳ thật lại là giả. Nói hình ảnh trong phim là giả thì mỗi người chúng ta đều có thể hiểu được; nhưng nói tất cả cảnh giới thực tại này là giả thì rất nhiều người không có cách nào lĩnh hội được, vì đều cho rằng thực tại này là có thật. Kỳ thật, tất cả các hiện tượng sát na biến đổi không ngừng, sanh diệt từng sát na, cho nên nó không phải sự tồn tại thật sự. Cái tồn tại thật sự đó là pháp tánh năng biến. Pháp tánh cũng gọi là “chân như”.

Đức Thế Tôn nói tất cả pháp đều từ tự tánh mà ra cho nên gọi là “Như thị”, tuyệt đối không phải do tâm, ý, thức sinh ra. Những ý nghĩ, tư tưởng, quan niệm mà người bình thường hay nói đến trong Phật pháp gọi là tâm, ý và thức. Tâm là A Lại Da, ý là Mạc Na, thức chính là ý thức sáu . Chúng sanh ở trong mười pháp giới thì tư tưởng, tri kiến của họ không lìa tâm, ý, thức. Nếu có thể lìa tâm, ý, thức thì thoát khỏi mười pháp giới, vào Nhất chân pháp giới. Vào được Nhất chân pháp giới, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân Đại sĩ. Đây là cứu cánh giải thoát, đích thật đạt đại viên mãn, như trong Thiền tông gọi là “Phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục”, cũng chính là thật sự trở về tự tánh, trở về tự tánh chính là tìm được chính mình, chân tâm tự tánh của mình biến hiện ra hư không pháp giới. Mười phương pháp giới y chánh trang nghiêm có thể nắm bắt được.

Mười phương pháp giới y chánh trang nghiêm đều là cảnh giới thọ dụng của chính mình, lúc này thì được xưng gọi Phật, Bồ tát. Trước khi chưa quay về tự tánh, chúng ta sống trong cảnh giới hư huyễn của tự tánh biến hiện ra. Đời sống không tự do, do bị cảnh giới xoay vần, trong cảnh giới này không làm chủ

được, đều do nghiệp lực làm chủ, sau khi minh tâm kiến tánh thì tự mình làm chủ chứ không phải do nghiệp lực làm chủ nữa.

Trong Phật pháp giảng về “Thường lạc ngã tịnh”, đây là bốn tịnh đức. Bốn tịnh đức này hoàn toàn là có thật, chắc chắn không phải là giả, nhưng nếu chúng ta chưa có được kiến tánh thì đó chỉ là hữu danh vô thực. “Thường” nghĩa là vĩnh hằng bất biến. Trong đời sống hiện thực của chúng ta, hễ là động vật thì có “Sanh, lão, bệnh, tử”, hễ là thực vật thì có “Sanh, trụ, dị, diệt”, hễ là khoáng vật thì có “Thành, trụ, hoại, không”. Tất cả không có gì là “Thường” cả, ngay cả “Lạc” cũng không có! Cái “Lạc” trong hiện tại của chúng ta chẳng qua chỉ là cái khổ tạm dừng mà thôi. Ví dụ, mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa cơm, nếu có một bữa không ăn thì sẽ đói, cảm giác rất khổ sở, ăn no rồi, cái khổ của đói tạm ngưng lại thế nên lại có cảm giác vui lại ; Khi không ăn thì khổ lập tức hiện tiền, vì thế phàm phu trong sáu cõi chỉ có khổ không có vui. “Ngã” nghĩa là tự mình có thể làm chủ được, nhưng phàm phu thì không thể làm chủ được, thường bị cảnh giới quấy nhiễu, chưa có kiến tánh chắc chắn chưa có “Ngã”. “Tịnh” là thân tâm thanh tịnh. Trong tâm chúng ta vì có “Thị - phi - nhân - ngã”, có “Tham - sân - si - mạn” nên thân không trong sạch, như thể một ngày không tắm rửa mùi hôi thối xông lên vậy. Cho nên “Thường lạc ngã tịnh” không chỉ trong phàm phu sáu cõi (lục đạo) không có mà tứ thánh pháp giới của mười pháp giới cũng không có, chỉ vào Nhất chân pháp giới mới có. Trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng rằng người và tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thường trụ bất biến, cho nên họ có đầy đủ “Thường, lạc, ngã, tịnh”.

Toàn bộ Kinh giáo của Chư Phật Như Lai vì tất cả chúng sanh trong thập pháp giới mà giảng cũng không ngoài hai chữ

“Nhu thị”. “Nhu” là chân tướng của sự vật, những điều Đức Phật đã nói là hoàn toàn tương ứng với chân tướng sự thật, Đức Phật không thêm cũng không bớt đi chút nào. Nghĩa của từ “Nhu thị” nghĩa này khá sâu, cho nên đức Phật không có ý của mình, không có sáng tạo của riêng mình. Những điều Đức Phật nói hoàn toàn là có sao nói vậy, vì chúng sanh mà mang đạo lý, sự tướng, nhân quả (sự chuyên biến và tương tục của nhân quả) của vũ trụ nhân sanh ra giảng dạy thôi.

Từ đó cho thấy, tất cả điều chư Phật Như Lai dạy, mỗi câu đều chính là tình cảnh cuộc sống thực tại của chúng ta, có như vậy mới hiểu được Phật pháp có mối liên hệ vô cùng mật thiết với chúng ta. Học Phật pháp chính là phải thấu hiểu bản thân, nhận biết được hoàn cảnh sống thật sự của bản thân. Giáo dục của Phật pháp là giáo dục chân thật cứu cánh viên mãn bậc nhất của thế gian, chúng ta không thể không biết, không thể không học tập, chỉ có thông qua học tập này mới có thể thật sự nhận thức được chính mình, hiểu rõ chân tướng hoàn cảnh sinh sống của chính mình. Khế nhập vào cảnh giới này thì gọi là “Bồ Tát”, còn nếu đạt đến cứu cánh viên mãn thì gọi là “Phật Đà”. Thành quả tu học Phật pháp ở giai đoạn thứ nhất gọi là “A La Hán”, giai đoạn thứ hai gọi là “Bồ Tát”. Giai đoạn cao nhất gọi là “Phật Đà” cho nên Phật, Bồ Tát, A La Hán không phải là thần tiên mà là đại diện cho tên gọi học vị của giai đoạn tu học trong giáo dục của Phật.

“*Nhu thị ngã văn*” là bộ Kinh do Tôn giả A Nan vì chúng ta mà giảng lại. Những lời trong Kinh là do Ngài đích thân nghe Đức Phật dạy, và đó cũng không phải ý của chính Đức Phật mà là chân tướng thật sự của nhân sanh vũ trụ. Bốn chữ này khi được thốt ra khiến chúng ta phải sinh khởi tâm cung kính, tâm

tôn kính và tâm tín ngưỡng. “Nhu thị” gọi là “Tín thành tựu” , còn “Ngã văn” là “Văn thành tựu”

“*Nhất thời*” là thời gian, ý chỉ thời gian Đức Phật giảng Kinh. Thời gian không dùng ngày, tháng, năm mà dùng “Nhất thời” là có thâm ý sâu xa. Như lời Đức Phật dạy chúng ta, thời gian và không gian đều là khái niệm trừu tượng, không xác thật; cho nên, ý nghĩa của “Nhất thời” không chỉ có thâm ý sâu xa mà còn rất xác thực, so với chúng ta ghi chép giờ ngày tháng năm còn chính xác hơn.

Về chữ “Nhất”, cổ đức (người xưa) có nhiều cách giảng. Nói theo cách thông thường nghĩa là chỉ có thể nghe hiểu được bộ kinh này khi cơ duyên đã chín muồi. Thời khắc đó được gọi là “Nhất thời”. Nếu cơ duyên chưa đến lúc chín muồi dầu có giảng cũng thành vô ích, cho nên nói “*Sư tư đạo hợp*” chính là “Nhất thời” vậy. Đây là đối với cảnh giới hiện tiền của chúng ta mà nói. Về mặt lý mà nói, cái gọi là “Thức đặc nhất, vạn sự tất” trong Thiên tông cũng được gọi là “*Vạn pháp quy nhất*”. Chữ “Nhất” này tương ứng với “*Tự tánh*”, ý nghĩa này rất sâu xa. Trong Tịnh Độ tông nói là “*Nhất tâm bất loạn*”. Cái biểu hiện của cảnh giới Nhất tâm bất loạn chính là Nhất chân pháp giới. Tâm loạn rồi thì Nhất chân pháp giới sẽ biến thành thập pháp giới, Vô lượng vô biên pháp giới. Vì thế, nếu tâm thật sự quy về một mối, nhất niệm bất sanh, nhất tâm bất loạn, thì hết thấy Kinh văn mà tất cả Chư Phật Như Lai đã giảng đều viên mãn hiện tiền. Đây mới thực sự là “Nhất thời”, Pháp Thân Đại sĩ mới có thể chứng đắc.

Trong truyện sử Trung Quốc có ghi lại, Trí Giả Đại Sư tụng đọc Kinh Pháp Hoa tụng đến phẩm “*Dược Vương Bồ Tát*

Bổn Sư” thì Ngài bỗng nhiên nhập định. Ở trong định Ngài nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng Kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu. Sau khi xuất định, Ngài nói với mọi người rằng: “Đức Phật Thích Ca giảng Kinh Pháp Hoa, giảng hội này vẫn chưa tan”. Điều này có phải là thật không? Đúng thật là vậy. Trong Kinh Pháp Hoa có nói rằng: “Thị Pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”. Hiện nay nhà khoa học cũng cho rằng: Nếu chúng ta có năng lực vượt qua tốc độ ánh sáng thì có thể trở về quá khứ, có thể tham gia pháp hội mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh của ba ngàn năm trước. Điều này minh chứng rõ ràng thời gian, không gian không phải là thật. Nếu như cơ duyên chín muồi, lại đạt được định lực như Trí Giả Đại Sư thì hẳn có thể quay về quá khứ, cũng có thể khế nhập vị lai.

Trên thế gian có hai loại nhà tiên tri lớn, một loại là dựa vào lý số mà đưa ra dự đoán, những dự đoán này phần nhiều là ước lượng, không chính xác lắm; loại còn lại là định công, cảnh giới trong định là cảnh giới hiện lượng do tự thân nhìn thấy, cảnh giới hiện lượng được gọi là “Nhất thời”. Nếu như ghi chép lại ngày, tháng, năm nào đó thì chúng ta vĩnh viễn không có cơ hội tham dự pháp hội của tất cả Như Lai. Nhưng nếu vận dụng được “Nhất thời”, chỉ cần công phu của chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn thì có năng lực tham dự pháp hội. Tâm của Đức Phật là nhất tâm, tâm của chúng ta cũng là nhất tâm, nhất tâm cùng nhất tâm giao cảm thì sẽ đạt được cảnh giới liền hiện tiền. Vì vậy hai chữ “Nhất thời” là “sống động” chứ không phải là “cố định”.

“*Phật tại*”, Phật là chỉ người chủ giảng tức là Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. “Phật tại” chứ không phải “Phật trụ”, ý nghĩa của “Tại” và “trụ” không giống nhau. “Tại” là tùy

duyên, “Trụ” là phan duyên vì vốn “Phật vô sở trụ”. Như trong Kinh Kim Cang có nói “Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, vậy thực tế Đức Phật trụ nơi nào? Tận hư không khắp pháp giới không nơi nào không là trụ xứ của Đức Phật, còn trong quan niệm của phàm phu “Tôi có căn nhà nhỏ thì đây chính là trụ xứ của tôi”. “Trụ” này chấp trước của kiên cố, cảnh giới này rất nhỏ, tâm lượng cũng nhỏ, do mê lạc mà mất đi tự tánh. Cho nên, “Trụ” này chính là vọng tưởng, là phân biệt, là chấp trước. “Tại” tức là chẳng nơi nào mà không có, nơi nào có duyên thì ở nơi đó hiện thân. Chư Phật Như Lai là như vậy! Chúng ta tuy chưa đạt được tự tại như thế, nhưng cũng có thể tạo được tự tại tương tự. Nơi nào có duyên chúng ta sẽ đến nơi đó để giảng kinh hoằng pháp, chứ không nhất thiết là một trụ xứ nhất định nào. Chấp trước vào một trụ xứ cố định thì đã đổi ngược hoàn toàn với “Vô trụ sanh tâm” vì “Vô trụ sanh tâm” là giác mà giác thì đối ngược với mê.

“*Ta Kiệt La*” là tiếng Phạn, nghĩa là nước biển mặn, nước trong biển đều có vị mặn. Biển mặn mà Đức Phật nói đó có thể chỉ Ấn Độ Dương. Đây là cách nói hình dung thế gian là biển khổ.

“*Long Cung*” đây là đạo tràng của Ngài Đại Long Bồ Tát, vị Bồ tát này cũng là pháp thân đại sĩ. Vùng không gian của Ngài không giống với chúng ta. Lấy màn ảnh truyền hình làm ví dụ, tần số không gian mà nó phát ra với tần số không gian đương hiện của chúng ta là khác nhau; hoặc như tuy là cùng một màn ảnh nhưng có nhiều kênh khác nhau do nhiều tần số khác nhau. Cho nên Đại Long Bồ Tát là có thật, không phải là không có, chỉ cần chúng ta chuyển “kênh” đúng “tần số” liền thấy được ngay. Ngày nay khoa học phát triển, dẫu tàu ngầm hết sức

ting vi, có thể xuống đến tận đáy biển nhưng vẫn chưa phát hiện ra Long Cung, lý do cũng là vì tần số không gian không tương đồng.

Vùng không gian của Bồ tát, của quỷ thần đều không cùng tần số với vùng không gian của chúng ta. Trong sử truyện có ghi lại rằng: Pháp Chiếu Thiên sư đời Đường nhìn thấy Văn Thù Bồ Tát hóa hiện tại chùa Đại Thánh Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn và tận mắt thấy Văn Thù Bồ Tát đang giảng kinh. Điều Ngài nói không phải vọng ngữ. Vì vốn là Ngài có được nhân duyên đặc thù mà ngày nay người đời nói là đi vào cánh cửa thời gian. Ngài có thể bước vào một vùng không gian với tần số khác, nhìn thấy được chùa Đại Thánh Trúc Lâm. Ngài còn nghe được một hội và còn thỉnh giáo nhiều câu hỏi với Văn Thù Bồ Tát. Trong đó, Ngài có hỏi rằng “Căn tánh của chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp dần dần chậm lụt. Vậy nên tu pháp môn nào là tương đối thích hợp?” Văn Thù Bồ Tát dạy ngày tu pháp môn niệm Phật. Ngài thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát niệm vị Phật nào. Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm “A Di Đà Phật” và còn niệm vài câu cho Ngài nghe cũng chính là “Ngũ hội niệm Phật” đã truyền về sau này. Pháp Chiếu Thiên sư sau khi rời khỏi chùa Trúc Lâm, Ngài làm dấu lại trên đường, hy vọng lần sau lại đến nữa; nhưng đang lúc làm dấu, quay đầu nhìn lại thì đã không thấy chùa Đại Thánh Trúc Lâm đâu nữa, chỉ nhìn thấy một vùng núi hoang. Lúc này Ngài mới biết là Bồ Tát thị hiện. Rời khỏi chùa Đại Thánh Trúc Lâm, Ngài lại quay về “tần số” thời gian, không gian của chúng ta, còn “tần số” trước đó thì không thấy nữa. Đây là một ví dụ rất hay về khác “tần số”.

Trong Kinh Từ Bi Tam Muội Thủy Sám cũng có câu chuyện về Quốc sư Ngô Đạt đời Đường gặp Tôn giả Ca Nặc Ca

cũng là một ví dụ rất hay về khác “tần số”. Ngô Đạt quốc sư bị bệnh mụn ghẻ hình mặt người. Tôn giả Ca Nặc Ca dùng nước Từ bi tam muội rửa mụn ghẻ mặt người cho Quốc sư, giúp Quốc sư giải hết oan khiên. Đây là đến Đạo tràng của A La Hán. Ngô Đạt Quốc sư sau khi rời khỏi, quay đầu nhìn lại, cung điện lầu các đều biến mất, chỉ còn lại vùng núi hoang. Vài ví dụ trên đây đều nêu rõ có tần số không gian không giống nhau, và lại không gian, thời gian đều là không thật.

Kinh Kim Cang dạy rằng “*Tất cả các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, , bọt, bóng*” vì vậy không nên chấp trước. Cái hư huyễn này là tướng không thật, không những không nên chấp trước mà cả phân biệt cũng không nên. Chỉ cần có một chút phân biệt, chấp trước thì đã rơi vào phan duyên. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta rằng đối với tất cả các pháp thế xuất thế gian đều không nên phân biệt, không nên chấp trước, không khởi tâm, không động niệm thì sẽ được đại tự tại ở trong hết thảy cảnh giới.

Mười pháp giới hoàn toàn là có thật, đó chính là cái mà các nhà khoa học ngày nay gọi là tần số không gian khác. Đối với sự tồn tại của một không gian với tần số khác chắc chắn không phải nghi ngại, hơn nữa mỗi một tần số không gian đều có chúng sanh. Tâm Chư Phật, Bồ Tát bình đẳng, thanh tịnh, nơi nào hội đủ duyên các Ngài sẽ đến nơi đó giảng Kinh thuyết pháp, chẳng hạn bộ Kinh này được giảng ở Long Cung không phải giảng ở không gian nhân gian của chúng ta.

Ví như những con số được ghi chép trong kinh “*Cùng tám ngàn Đại Tỳ kheo, 32 ngàn Bồ Tát Ma Ha Tát*” đều là có ý nghĩa tượng trưng cho sự viên mãn. Phía trước Tỳ kheo thêm

một chữ “Đại” ý chỉ không phải là những tỳ kheo tầm thường mà là Bồ Tát Đại thừa lấy thân phận Tỳ kheo thị hiện, thực chất toàn là Bồ Tát Ma Ha Tát, tổng cộng có 40 ngàn người. Phải nói rằng đây là pháp hội vô cùng thù thắng. “Chúng” nghĩa là đoàn thể. “Tỳ kheo chúng” là chỉ đoàn thể Phật giáo. Trong “Tam quy y” thì “*Quy y tăng chúng trung tôn*”. Mỗi người trong tăng đoàn phải tuân thủ “Lục hòa kính”, là một đoàn thể Lục hòa kính. Vì vậy đoàn thể này là thể xuất thế đáng quý nhất, đáng được người tôn kính nhất trong các đoàn thể. Tỳ kheo còn được như vậy huống chi là Bồ Tát. Cho nên, đối với đoàn thể “Lục hòa kính”, chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải tôn trọng, phải học tập.

Kinh văn: “*Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long Vương ngôn: “Nhất thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển”*”.

Đoạn này Đức Thế Tôn nói với chúng ta nguyên do của lục đạo luân hồi, cũng chính là tất cả pháp từ tâm tưởng sanh mà Kinh Đại thừa giảng. Kinh Hoa Nghiêm dạy “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thức chính là tâm tưởng. Do tâm tưởng không giống nhau nên tạo nghiệp không giống nhau. Nghiệp có ba loại lớn là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Trong đó, ý nghiệp làm chủ thể, ý nghiệp chính là ý nghĩ. Những tạo tác đến thân, khẩu đều do ý, theo ý niệm mà ra; niệm thiện tạo nghiệp thiện, niệm ác tạo nghiệp ác. Pháp thể xuất thế, thập pháp giới y theo chánh trang nghiêm cũng từ tâm tưởng sanh ra. Đây là chân tướng của sự thật, cũng chính là chân lý. Nếu có thể thông ngộ được đạo lý này thì đối với việc an định của xã hội, hưng thịnh của quốc gia và hòa bình của thế giới sẽ được thông suốt. Muốn

vậy thì nên bắt đầu từ đâu? Đó là nên xem xét từ tâm tưởng của tất cả chúng sanh.

Tâm tưởng của chúng sanh trong mười pháp giới là vô cùng phức tạp, có vô lượng vô biên vọng tưởng và ý niệm. Chúng ta phải tìm trong đó ra được vọng niệm đầu tiên. Nhân tố đầu tiên của mười pháp giới mà Đức Phật dạy chúng ta. Trong cõi địa ngục, nghiệp nhân đứng đầu là sân hận, tâm đố kỵ. Tâm đố kỵ, sân hận sâu nặng thì ý nghĩ tự tư tự lợi kiên cố, chắc chắn phá hoại việc thiện của người khác. Loại tâm tưởng này tạo thành cảnh giới địa ngục. Như vậy thì địa ngục là từ trong tâm tưởng của mình mà sanh ra, không liên quan đến người khác. Tự mình tạo nghiệp tự mình lãnh thọ báo ứng, bất luận ai cũng không thể thay thế được. Thấu hiểu đạo lý này thì chúng ta mới có thể cứu được. Chỉ cần bản thân không tự tạo ác nghiệp, không khởi ác ý thì đã được cứu. Kỳ thật cõi nào cũng đều đầy đủ mười ác nghiệp, chỉ là độ nghiêng nặng không giống nhau thôi, nghiêng nặng vào đâu trong mười ác thì đó là nghiệp nhân đứng đầu của một cõi đó.

Trong cõi nạ quỷ, nghiệp nhân đứng đầu là tâm tham_ lòng tham vô độ. Ví dụ: Có người học Phật rồi, thế gian pháp buông bỏ rồi, nhưng mà tham ái Phật pháp thì vẫn phải đọa cõi nạ quỷ. Kinh Kim Cang có dạy: “*Pháp còn phải xả hướng hồ phi pháp*” cho nên dù là Phật pháp cũng không được tham. Phật pháp là dạy chúng ta thấu hiểu đạo lý giác ngộ, nên với Phật pháp nhất định cũng không thể khởi tâm tham được.

Trong cõi súc sanh, nghiệp nhân đứng đầu tiên là ngu si. Thế nào gọi là ngu si? Không có trí huệ, điên đảo trắng đen, không có năng lực phân biệt chánh tà, thị phi, thiện ác, lợi hại, thật giả

rất dễ dàng đi nghe tin theo lời đồn đại trong tâm do dự không quyết định thì gọi là ngu si. Trên đây là nghiệp nhân của ba cõi ác (tam ác đạo).

Ngoài tam ác đạo ở trên, song song đó còn có ba đường thiện, tức Tam thiện đạo. Tam thiện đạo gồm A tu la, Nhân đạo(cõi người) và Thiên đạo(cõi trời). Kinh Lăng Nghiêm có nói rằng, trong lục đạo ngoại trừ cõi địa ngục, các cõi khác như ngạ quỷ, súc sanh, nhân đạo, thiên đạo đều có A tu la. Vậy A tu la là ở cõi nào? Là tùy danh xưng của cõi này chứ không phải dựng lên thêm. Cho nên Kinh văn thường nói là “Ngũ thú luân hồi” chính là ý này vậy. Nếu tính A tu la như một đạo riêng biệt, thông thường là chỉ Thiên A tu la_ tức là cõi ở phía trên cõi người.

Trong cõi Nhân đạo, nghiệp nhân đứng đầu là ngũ giới thập thiện. Đức Phật thường dạy “*Thân người khó được nhưng dễ mất*”. Đương hiện chúng ta được làm người, nhưng kiếp sau có thể được làm người hay không thì phải xem sự tu của chúng ta về ngũ giới thập thiện như thế nào, nếu tu về ngũ giới thập thiện chưa đạt thì không thể được làm người. Cho nên, tự chúng ta suy ngẫm về tu ngũ giới thập thiện của mình: ví như tu ngũ giới thập thiện vượt qua tham sân si, thì đời sau lại có thể đạt lại được thân người; còn giả như tu ngũ giới thập thiện rất mỏng yếu, ý nghĩ tham sân si lại nặng, kiếp sau chắc chắn đọa ác đạo.

Thiên đạo phải tu thượng phẩm thập thiện, tứ vô lượng tâm. Tứ vô lượng tâm là “Tù, Bi, Hỷ, Xả”. Cho nên chúng ta có thể tự thân xét nghĩ xem mình có phần sanh ở Thiên đạo hay không? Tự mình sẽ rất rõ ràng. Cư sĩ Hứa Triết ở Singapore vô cùng tự tin khi nói “*Ông trời sẽ bảo hộ tôi*” cho nên Bà ấy nhất

định được sanh nơi Thiên đạo, tiền đồ sáng lạng mà không chút mây may nghi ngờ. Hiện nay Bà niệm A Di Đà Phật cầu vãng sanh Tịnh độ thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh độ vì do Bà có đủ ngũ giới, thập thiện, tứ vô lượng tâm. Niệm Phật như vậy thì đâu có lý do nào mà không được vãng sanh. Đây là tấm gương của chúng ta, Bà ấy làm được mà chúng ta làm không được đó là vì chúng ta có chướng ngại, chỉ cần tiêu trừ được chướng ngại đó thì chúng ta cũng có thể làm được.

A Tu La Đạo cũng là tu ngũ giới, thập thiện, tứ vô lượng tâm nhưng lại có lòng hiếu thắng, ganh đua, kiêu mạn. Ví như khi đến thấp hương nơi chánh điện thì họ cũng phải tranh giành là người thấp đầu tiên, không cam tâm làm người thứ hai. Đây là quả báo của ở cõi A tu la vì vốn A tu la ưa tranh giành, chuộng hiếu thắng. Trên trời thì đấu với Thiên Đế, cõi nhân gian thì tranh với người đời, bất luận ở cõi nào đều có tính hơn thua. A tu la có phước báo là từ quá khứ trì giới, tu thiện, tích đức nên nếu họ có thể khiêm tốn, nhún nhường thì chắc chắn được sanh về Thiên đạo.

Phần vừa rồi là giới thiệu nghiệp nhân trong lục đạo (sáu cõi), trên nữa là pháp giới tứ thánh, nhân của Thanh Văn là tứ đế. Nhân của Bích Chi Phật là thập nhị nhân duyên, nhân của Bồ Tát là lục độ, nhân của chư Phật Như Lai là tâm bình đẳng. Chúng ta từ sáng đến tối nghĩ về điều gì? Tự mình bình tĩnh tư duy thì biết được bản thân sẽ đi đến cõi nào. Người xưa khuyên dạy chúng ta cần “*tự cầu đa phước*”. Nguyên do là vì đây là điều mà bất cứ ai cũng không thể giúp đỡ được. Chư Phật Bồ Tát có lòng từ bi cũng không thể giúp. Bồ Tát từ bi cũng chỉ có thể dạy cho chúng ta về chân tướng sự thật, còn về thọ quả báo như thế nào đều do tự mình chọn lựa cả.

Thấu hiểu đạo lý này, ngoảnh đầu nhìn lại thế giới ngày nay. Như lời Đức Phật dạy “*Y báo tùy theo chánh báo chuyển*”, “y báo” chính là môi trường sống của chúng ta, bao gồm môi trường nhân sự và môi trường vật chất. Tất cả đều theo ý niệm của chúng ta mà biến chuyển. Ví như, trong tâm của cư sĩ Hứa Triết thì thế giới là tốt đẹp, chúng sanh lương thiện; thế nhưng thực chất môi trường sống của chúng ta là ngũ trược ác thế, nguyên nhân là do “tâm tưởng khác biệt”. Bà nhìn thấy tất cả mọi người đều là người thiện là vì bà luôn tìm thấy điểm tốt của người khác, luôn nghĩ về lòng thiện của người khác. Còn như với những điều xấu, hay người không có lòng thiện thì Bà xem như đối với những người lạ mặt qua lại trên đường, không để trong lòng vậy thôi. Cho nên dù Bà sống trong môi trường xấu nhưng lòng không có tướng xấu. Thế nhưng chúng ta thì không được như vậy, chúng ta không những sống trong ngũ trược ác thế mà tâm còn có cả tướng ác trược. Đây chính là “Tâm tưởng khác nhau”. Các loại quan niệm, kiến giải hành vi này của Bà cũng chính là điều mà Đại Sư Ngẫu Ích đã nói “*Cảnh duyên không có tốt xấu*”! “Cảnh” là môi trường vật chất, “Duyên” là môi trường nhân sự, nhân sự và vật chất thật sự thì không có tốt xấu, thiện ác thị phi. Tất cả mọi tốt xấu thiện ác, thị phi, đều do tự tâm sanh ra, cho nên “*tất cả chúng sanh do tâm tưởng khác nhau, nên tạo nghiệp cũng khác nhau*”. Vì vậy, tồn tâm khác nhau thì quả báo cũng khác nhau.

Tâm của chư Phật Bồ Tát chan chứa sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, vì vậy mà cảnh giới của các Ngài luôn tốt đẹp. Cho nên nói cảnh giới tốt đẹp phải tự mình cầu, tự mình tu, không phải do người khác cho. Chúng ta phải thấu hiểu chân tướng sự thật là vậy. Ngoái mắt nhìn lại muôn vạn chúng sanh ngoài kia, tâm tưởng không thiện, chỉ toàn nhìn

thấy khuyết điểm của người khác, chỉ nhớ lỗi lầm của người khác, thành ra trên thế gian không có người nào là người tốt, không có việc nào là việc tốt. Đây chính là cỗi ác của nhân gian.

Tại sao ngày này tỷ lệ ly hôn cao như vậy? Chính là vì vợ chồng không hòa hợp. Đạo lý của nhà Nho là “*Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. “*Bình thiên hạ*” là làm cho thiên hạ được công bình, hòa bình. Thế giới hòa bình là dựa vào hưng thịnh của quốc gia, hưng thịnh quốc gia là dựa vào gia đình hòa thuận, gia đình hòa thuận thì phải dựa vào vợ chồng. Gia không tề thì quốc không thể trị. Quốc không thể trị thì thiên hạ đại loạn. Cho nên nam nữ kết hôn không những chỉ là việc của hai người mà còn có quan hệ đến cả xã hội. Thế giới giống như thân thể của chúng ta vậy, gia đình là một tế bào trên cơ thể, một tế bào mà hư rồi thì ảnh hưởng đến sức khỏe của cả cơ thể. Nếu vợ chồng biết đón nhận và phát huy cái tốt của nhau thì gia đình cũng sẽ hòa thuận, ấm êm. Cho nên nói, sự viên mãn, hạnh phúc của gia đình và tiền đồ của mình là do “nhất niệm” của bản thân ta mà thôi.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy rằng “*Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (nghĩa là “Vì người đời trước sống không biết hành thiện, chẳng màn đạo đức nên chẳng có gì để truyền dạy cho đời sau. Thế thì cũng chả có gì là quái lạ). Hiện tượng xã hội ngày nay cũng tương tự vậy, chính là không có người hướng dẫn, chỉ bảo mới nên nổi. Cho nên, hòa bình và ổn định của thế giới phải được xây dựng trên nền tảng giáo dục. Giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội và giáo dục tôn giáo là bốn rường cột giáo dục. Nếu giáo dục sụp đổ thì xã hội không an định, thế giới không hòa bình, chúng sanh chắc chắn phải sống trong thống khổ.

Kinh văn: “*Long Vương, nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại, các biệt phủ da? Như thị nhất thiết, mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí*”.

“*Long Vương*” trong câu này ý là đại diện cho đại chúng của chúng ta. “*Long*” đại diện cho sự thiên biến vạn hóa, chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của tất cả chúng sanh. “*Vương*” ý nghĩa là chủ, ở thời đại Đế Vương chỉ có Đế Vương làm chủ, ban ra hiệu lệnh thì thần dân toàn quốc phải nghe theo mệnh lệnh của ông ta. Trong thời đại ngày nay chỉ cho người lãnh đạo, người đứng đầu ở các lĩnh vực. Long Vương là từ xưng hô đại diện cho sự biến hóa khôn lường của những người lãnh đạo các tầng lớp trong xã hội.

“*Nhữ kiến thử hội*” hôm nay mở Đại hội Thập thiên nghiệp đạo với mục đích thảo luận mười thiện nghiệp . Người tham gia pháp hội lần này có 8 ngàn chúng đại tỳ kheo, 32 ngàn chúng Bồ Tát. Tuy chỉ nói đến hai loại là Tỳ kheo và Bồ Tát nhưng trên thực tế gồm cả nam nữ, lão ấu đủ mọi ngành nghề trong xã hội. Tỳ kheo đại diện cho đại chúng xuất gia, các vị Bồ Tát tại gia lẫn Bồ Tát xuất gia đều có tham gia cả. Phạm là người y theo phương pháp lý luận, phương pháp tu học và áp dụng vào trong đời sống, công việc, xử người đối vật trong đời sống hằng ngày thì được gọi là Bồ Tát.

“*Đại hải trung*” trong cụm từ “*Cập đại hải trung*” là cách nói tỷ dụ cho xã hội. Bộ kinh này Đức Phật giảng tại Long Cung Ta Kiệt La. Long Vương Ta Kiệt La là học trò của Đức Phật. Ngài cũng là Bồ Tát Ma Ha Tát, là Bồ Tát thị hiện. “*Ta Kiệt La*” là tiếng Phạn, nghĩa tiếng Trung là “*Hàm thủy hải*” ý là nước

biển mẫn. Thuyết pháp của Đức Phật đều là ý tại ngôn ngoại, “nước biển mẫn” tức là khổ hải, dùng để hình dung biển khổ vô biên. Chúng ta ở trong biển khổ hình như sóng rất vui vẻ, rất tự tại, đây là không giác ngộ. Biển khổ này là để hình dung lục đạo, đặc biệt là chỉ tam ác đạo. “Long” (rồng) là thuộc về Súc sanh đạo, không phải Nhân đạo, cho nên ý đại diện cho tam đồ ác vô cùng rõ ràng.

“*Hình sắc chủng loại các biệt phủ da*” (hình sắc chủng loại không giống nhau). Chúng ta thử quan sát thế giới này, xã hội này mà xem: hình dáng của tất cả chúng sanh không ai giống ai. Tuy cùng là người nhưng hình dáng mỗi người mỗi khác, có người cao, người thấp, có người mập, người ốm; ngay cả màu da cũng không giống nhau, có người da trắng, người da vàng, người da đỏ, người da đen. Khác biệt về kiểu loại thì càng nhiều, có nam, nữ, già, trẻ và các ngành nghề khác nhau. Nếu mở rộng ra đến cả sinh vật thì có động vật sống trên cạn, động vật bơi dưới nước, động vật bay trên trời, hình sắc chủng loại mỗi loài mỗi khác. Vì đâu có nhiều khác biệt như thế? Đoạn tiếp theo Đức Phật sẽ giảng rõ về việc này.

“*Như thị nhất thiết*”, “Nhất thiết” nghĩa là tất cả, không chỉ có loài người như ở trên đã nói mà còn bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật. Thật là mỗi loài mỗi khác! Ví dụ: khoáng sản tiềm tàng thì vô số chủng loại, một số được phát hiện và được khai thác, thì vùng này sẽ trở nên giàu có. Hoặc như cái gọi là thời điểm nhân duyên phát hiện ra các loại khoáng sản, thời điểm nhân duyên đó cũng không giống nhau. Ví dụ: dầu hỏa, ở 200 năm trước phát hiện thì không có giá trị, vì lúc đó chưa có xe hơi. Ngày nay khi khoa học kỹ thuật phát triển, dầu được dùng làm nguyên liệu nên nó trở thành quý báu. Điều này

làm chúng ta hiểu rằng ngay cả khoáng vật ẩn trong lòng đất, khai thác cũng phải cần có thời điểm nhân duyên. Thế mới biết tính phức tạp của tất cả vạn vật trong vũ trụ.

Vạn vật trong vũ trụ sinh ra như thế nào? Nhiều nhà khoa học, nhà triết học và các nhà nghiên cứu tôn giáo từ trước đến nay vẫn chưa có được câu trả lời xác đáng về chân tướng sự vật. Duy chỉ có đại thừa Phật Pháp mới có thể giảng giải thấu triệt. Đức Phật trong Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta về hiện tượng trong vũ trụ, bao gồm cả hiện tượng mà các nhà khoa học đã nói về không gian tần số không giống nhau. Các nhà khoa học hiện đại phương Tây đã chứng thực sự tồn tại của không gian 11 chiều. Thế nhưng, từ góc độ lý luận mà nói, tần số không gian khác nhau là vô hạn độ. Chữ dùng trong nhà Phật không gọi là “không gian” mà gọi là “Pháp giới”. Giới là giới hạn, không cùng tần số tức là không cùng giới hạn. Đại Sư Thiên Thai giảng thập pháp giới, trong mỗi một pháp giới lại có đầy đủ thập pháp giới, tức là 100 pháp giới. Trong 100 pháp giới này mỗi một pháp giới còn có 100 pháp giới, trùng trùng vô tận. Đây mới thật là đem chân tướng sự thật này nói ra.

Nói cách khác, không gian không cùng tần số trong Pháp giới sẽ tùy theo ý nghĩ khác nhau của mỗi người chúng ta mà thay đổi. Tâm của người tu hành thanh tịnh khi họ nhập định. Lúc chúng ta nhập định, Pháp giới trong lúc nhập định và pháp giới lúc chưa nhập định sẽ có tần số không gian khác nhau. Cho nên, trong lúc nhập định có thể thấy quá khứ, vị lai, còn có thể nhìn thấy chuyện ở xa. Cảnh giới này đều từng xuất hiện đối với những người tu thiền định. Riêng đối với người thường, họ cũng trải qua việc tương tự là nằm mơ, giấc mơ cũng là không gian không cùng tần số. Cho nên, hiện nay chúng ta không phải sống

cố định trong một không gian mà là sống trong không gian đa chiều, chỉ cần tự mình thể hội quan sát tỉ mỉ thì có thể phát hiện được.

Những giới hạn không cùng tần số không gian này được tạo ra thế nào? “*Mị bất do tâm tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí*” (tất cả như thế đó đều do tâm, tạo nghiệp thiện hay bất thiện, nghiệp của thân, nghiệp của khẩu, nghiệp của ý mà ra), toàn bộ hiện tượng vũ trụ nhân sinh là do tâm tưởng biến hiện mà ra cũng chính là “*tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị*” (vì tâm tưởng khác nhau nên nghiệp tạo ra cũng khác nhau). “Dị” là biến thành giới hạn khác nhau, mỗi người chúng ta hằng ngày đang tạo nghiệp, từ trước đến giờ chưa từng ngừng, những nghiệp tạo nên cũng không gì ngoài ba loại: vọng tưởng, phân biệt và chấp trước. Do có vọng tưởng, phân biệt và chấp trước mới biến thành kẻ phàm phu. Sự khác biệt giữa Phật, Bồ Tát và kẻ phàm phu là ở chỗ này. Những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước kia pháp thân Bồ Tát và Phật đều buông bỏ rồi tiến tới Nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới tức là vô lượng vô biên pháp giới, tức các loại không gian không cùng tần số toàn bộ đã đột phá.

Hiện nay Vật lý học phát hiện ra “gia tốc”. Theo lý thuyết mà nói, nếu tốc độ của chúng ta vượt qua tốc độ ánh sáng thì chúng ta có thể trở về quá khứ hoặc tiến đến tương lai. Nói cách khác, chướng ngại thời gian và không gian sẽ được phá vỡ. Tuy nhiên sự phá vỡ này là hữu hạn không phải vô hạn, bởi vì nó có sự can thiệp của con người. Ví như khoảng cách giữa chúng ta với Hoa Kỳ khoảng hơn 10.000 km, thế nhưng nhờ vào mạng (internet) lập tức có thể mặt đối mặt thảo luận bài giảng. Thời gian và không gian dường như đã được phá vỡ, nhưng là nhờ

vào máy móc để khai thông nội liên. Khả năng của máy móc thì có hạn, vả lại đối phương cũng cần có thiết bị, không có thiết bị thì vẫn không làm được, như thế nghĩa là không đạt đến “tự tại”. Phương pháp mà Đức Phật dạy chúng ta là “tự tại”, chỉ cần buông bỏ mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ được tự tại.

Cho nên vô lượng vô biên pháp giới là do tất cả chúng sanh “tâm tạo thiện, bất thiện”. Cái gì đang tạo ra những “thiện”, “bất thiện” đó? Thân thể đang tạo, ngôn ngữ đang tạo, ý nghĩ đang tạo. Nguyên nhân tạo tác có vô lượng vô biên nhưng không ngoài ba loại thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Mỗi ngày đang tạo, chính những thứ ấy làm chúng ta hằng ngày đều vướng phải chướng ngại trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn sẵn có đầy đủ trong tự tánh của ta. Đem trí huệ đức năng của mình càng gom càng nhỏ, nhỏ đến cuối cùng là vô tri vô năng.

Kinh văn: ***“Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, dẫn thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở, Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật u trung, vô hữu tác giả. Cố nhất thiết pháp, giai bất tư nghị.”***

Đoạn trước đã giải thích tại sao có lục đạo luân hồi, còn đoạn này sẽ nói rõ căn nguyên của chân tướng sự thật. Hiện tượng này rốt cuộc phát sinh thế nào? Phật dạy: “Từ tâm tưởng sanh” đều do tâm tạo thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp mà biến hiện ra cảnh giới của lục đạo luân hồi. Cho nên căn nguyên đều tại “tâm”. “Tâm” vô cùng khó hiểu, cổ đức dạy: ***“Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”*** (nếu ai cũng thấu hiểu được tâm thì đại địa không còn tác đất). Phật pháp nói ngộ đạo, chứng quả đó chính là thật sự thấu hiểu “tâm”, cho nên gọi là

“Minh tâm kiến tánh”. Minh tâm kiến tánh chính là đại triệt đại ngộ, chứng được Phật quả vô thượng Bồ đề.

Thế nào gọi là “tâm”? Chúng ta đều cho rằng tâm là trái tim, nhưng đó là ngộ nhận. Trong Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Thế Tôn hỏi Ngài A Nan: “Nhân duyên gì khiến Ngươi phát tâm xuất gia học Phật.” Ngài A nan trả lời: “Con thấy g 32 tướng tốt của Thế Tôn, tướng này thật là thù thắng, mỹ diệu. Con thường tự nghĩ rằng ấy không phải do đam mê dục ái của cha mẹ sanh ra , mà nhất định là do tu hành thành tựu. Và con cũng khát ngưỡng tướng tốt ấy mà phát tâm xuất gia.” Đức Phật lại hỏi tiếp Ngài A Nan “Cái tâm mà ông phát ở đâu?” Ngài A Nan vô cùng thông minh kể ra bảy nơi, kết quả đều bị Đức Phật phủ định. Thế nên Ngài hướng về Thế Tôn thỉnh giáo “tâm rốt cuộc ở đâu?”.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Hư không pháp giới nhất thiết chúng sanh duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tâm là chân tâm, thức là vọng tâm, chân tâm và vọng tâm chỉ là một. Tâm hoàn toàn giác ngộ, không mê hoặc chính là chân tâm. Còn mê hoặc thì chính là vọng tâm. Mê hoặc là gì? Là có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là vọng tâm. Không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chân tâm liền hiện tiền. Quyết không thể nói ngoài vọng tâm còn có chân tâm. Kỳ thật chân tâm và vọng tâm chỉ là một cái tâm mà thôi, tuyệt không phải hai cái tâm tách biệt. Chân tâm là năng hiện, năng hiện vũ trụ hư không, tức là thập pháp giới y chánh nghiêm trang, ngay cả Nhất chân pháp giới cũng là chân tâm sở hiện. Thế giới Hoa Tạng mà Kinh Hoa Nghiêm giảng, thế giới Cực lạc mà Tây phương Tịnh độ, thực chất đều là do chân tâm hiện ra, cho nên nó không thay đổi. Người ở nơi đó

thọ vô lượng, vĩnh viễn không mất đi, không già cả cũng không bệnh tật. Do vậy mà biết chúng ta già cả, bệnh tật, chết chóc đây là vọng tâm tạo thành, vọng tâm chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu như chúng ta có thể đoạn tuyệt những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này thì chúng ta cùng chư Phật Như Lai không khác gì nhau: cũng là không sanh, không diệt, không già cả, không bệnh tật, không chết chóc. Như vậy, Phật và chúng sanh là bình đẳng, không phân cao thấp.

Nếu chúng ta buông bỏ chấp trước, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không còn chấp trước thì thoát khỏi lục đạo gọi là A La Hán. A La Hán, Bồ Tát, Phật là danh xưng học vị trong nền giáo dục Phật Đà. Cầm được học vị A La Hán rồi thì vĩnh viễn không thối chuyển đến lục đạo chịu khổ ải. Nếu tiến thêm một bước nữa là đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không phân biệt. Đoạn tuyệt sự phân biệt được gọi là Bồ Tát. Như vậy có thể thấy, A La Hán tuy không chấp trước nhưng còn phân biệt. Bồ Tát không chấp trước cũng không phân biệt, cao hơn A La Hán nhưng chưa thoát ra phạm vi của thập pháp giới, cần phải đem vọng tưởng (gồm vô minh, phiền não) đoạn mấy phần. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 phẩm chỉ đoạn 1 phẩm thì thoát khỏi thập pháp giới vào Nhất chân pháp giới, chỉ còn thừa lại một vài vọng tưởng nhỏ nhoi. Trong kinh Đại thừa có dạy phải trải qua ba A - Tăng kỳ kiếp mới đoạn sạch sẽ, sau đó mới nhận được học vị cao nhất đó là Phật.

“Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước” là nói một cách dễ hiểu, dễ hình dung, còn từ dùng trong Phật học là “vô minh phiền não”, “trần sa phiền não”, “kiến tư phiền não”. “Kiến tư phiền não” chính là chấp trước, “trần sa phiền não” chính là phân biệt, “Vô minh phiền não” chính là vọng tưởng. Chúng ta

bị vọng tưởng, phân biệt và chấp trước che mắt nên ngay cả làm người đều không tự tại, mỗi ngày đều sinh phiền não, đi đến đâu cũng phân biệt thân phận, chấp trước thân phận, phải có địa vị của ta, danh dự của ta, có những thứ này thì có sanh có tử, liền có nhân duyên quả báo. Nếu chúng ta có thiện niệm sẽ thọ báo nơi tam thiện đạo, có ác niệm thì thọ báo nơi tam ác đạo. Thiện niệm và ác niệm không có rồi thì nhân của lục đạo không còn, quả của lục đạo đương nhiên cũng không có.

La Hán, Bồ Tát, Phật đến sáu cõi là “Thừa nguyện tái lai” tức nguyện đến mà giúp đỡ chúng sanh giải thoát. Tuy là hiện thân trong lục đạo nhưng cũng rất tự tại, ví như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cần dùng thân gì để độ thì hiện thân ấy. Nếu như Ngài chỉ có một thân tướng thì không thể hiện thân tướng thứ hai. Chúng ta chấp trước thân này là ta, tướng này là ta, thì không thể hiện cái thân tướng thứ hai. Các Ngài không có chấp trước cho nên tùy loại biến hóa, biến hóa cũng không phải là trong tâm mình nghĩ “Tôi muốn biến hóa ra cái gì?” Mà là do tùy tâm tướng của chúng sanh mà biến ra, tự mình quyết định không nghĩ, nghĩ tướng là chấp trước, là biến thành phàm phu rồi.

Cổ nhân Trung Quốc tạo chữ rất có ý nghĩa. Ví như chữ “Tu” gồm trên chữ “tâm” (là chữ “điền”) vẽ rất nhiều ô vuông, lần kẻ trong ô vuông chính là sự phân biệt. Hoặc như chữ “tướng”, “có tướng” phía trên chữ “tâm”, tướng là chấp trước. Tâm là cái gì? Dem “điền”, dem “tướng” bỏ đi phần còn lại mới là “Tâm”. Cho nên chữ Trung Quốc được xem là ký hiệu trí tuệ, là phù hiệu để nhắc nhở mọi người giác ngộ. Có “tu”. có “tướng” chắc chắn là phàm phu nơi lục đạo. A La Hán có tu không có tướng, Bồ Tát thì không có tu cũng không có tướng.

Vì thế, trong Kinh Đức Phật thường dạy, Đức Phật 49 năm giảng kinh nói pháp không có nói một câu. Đức Phật nếu nói pháp thì có tư tưởng. Cho nên, Kinh Phật không thể dùng tư tưởng để nghiên cứu, Đức Phật không có tư tưởng, nếu chúng ta dùng tư tưởng để nghiên cứu thì chúng ta biến thành nghĩ tưởng lung tung “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” là xa rời tư tưởng mới có thể hội ý của Đức Phật. Đây là trí huệ chân thật viên mãn.

“*Nhi tâm vô sắc* (tâm thì không có hình sắc)”, “tâm” không phải vật chất, không phải sắc pháp; “Sắc” là sắc pháp tức là ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Hiện nay khoa học đem nó phân thành hai loại lớn: một là vật chất, một là tinh thần. “Sắc” mà Phật pháp giảng chính là vật chất, “Tâm” chính là tinh thần. Tâm thì có chân tâm, vọng tâm, bất luận chân tâm hay vọng tâm thì đều không phải vật chất. Cho nên, mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, thân thể không tiếp xúc tới, ngay cả suy nghĩ cũng nghĩ không được. Lục căn gồm: nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân và ý (tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý). Ý chính là ý nghĩ, ngay cả ý nghĩ cũng không tới được. Trong Lục căn năng lực mạnh nhất là ý căn. Chúng ta thường vọng tưởng, tưởng về chuyện trước đó, tưởng về việc sau này, tưởng từ quá khứ vô thủy kiếp, tưởng đến vị lai vô lượng kiếp, tưởng thế giới này, tưởng ngoài vũ trụ, tưởng đến cõi chư Phật, nhưng “tâm” này lại không tưởng ra. Vì tâm không phải sắc pháp, ý thức có thể duyên tất cả sắc pháp, nhưng duyên không đến chân tâm.

“*Bất khả kiến thủ*” (không thể nắm bắt được) là nói lục căn chắc chắn không đạt tới. “Thủ” là chấp trước, là chiếm hữu, không những là tâm pháp không thể thấy, không thể đạt được, sắc pháp cũng như vậy. Ví dụ thân là sắc pháp, thân tuy có thể

thấy, nhưng chắc chắn không thể giữ lấy mãi. Hiện nay khoa học đã chứng minh tế bào trong cơ thể thay cũ đổi mới theo từng sát na sanh diệt. Tế bào cũ chết đi, tế bào mới sanh ra. Nếu như có thể “thủ” thì tế bào chắc chắn vĩnh viễn không sanh không diệt, cho nên ngay cả thân thể đều không thể “thủ” huống hồ là vật ngoài thân, nói cách khác, không có vật gì là thuộc về mình.

Trong Phật pháp giảng rằng: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*”. Pháp thế xuất thế gian chính là nhân quả, nhân quả cũng nằm trong vạn pháp, vậy tại sao “*nhân quả bất không*”? Sở dĩ nói “*nhân quả bất không*” là nói nhân quả chuyển biến bất không, tương tục bất không, tuần hoàn bất không. Bộ Kinh này tuy lời gọn nhưng ý đủ, dạy con người phải đoạn ác tu thiện. Có thể đoạn ác tu thiện, chuyển biến nhân quả càng ngày càng tốt hơn ; tương tục, tuần hoàn của nhân quả càng ngày càng tự tại. Nếu không thấu hiểu nghĩa lý này, cứ tùy thuận theo phiền não tập khí của chính mình thì chuyển biến càng chuyển càng xấu đi ; tương tục, tuần hoàn thì càng đọa lạc xuống thêm.

Cho nên tất cả pháp thế xuất thế gian không có người làm chủ tể, tất cả là tự làm tự nhận lấy, Đức Phật cũng không thể giúp đỡ được. Ví dụ: Tín đồ của Islam giáo (Hồi giáo) giới thiệu sơ lược cho chúng ta rằng Allah là chủ tể (Đấng tối cao) duy nhất trên thế giới này. Allah mà họ nhắc đến chính là tâm tánh mà chúng ta thường nói, nhưng họ chưa giảng đến chân tâm, cái họ nói chỉ là vọng tâm. Tại sao? Ngài ấy muốn làm chủ tể (Đấng tối cao), chủ tể là vọng tâm, chân tâm thì không làm chủ tể, trong chân tâm lại không có cái vọng tâm về cái gọi là chủ tể (Đấng tối cao) này.

“*Nhi tâm vô sắc bất khả kiến thú*” chúng ta phải thường ghi nhớ câu này. Trong Bát Nhã Tâm Kinh dạy rất cụ thể, thấu triệt, “*Quán tự tại Bồ Tát, chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. “Quán” là quán chiếu. Sao gọi là quán chiếu? Bồ Tát dùng tâm gọi là “quán chiếu” cũng chính là lục căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới bên ngoài; mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là “quán chiếu”. Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì là tư tưởng. Phật Bồ Tát dùng quán chiếu, có thể thấy tướng chân thật của tất cả hiện tượng; phàm phu dùng tư tưởng, xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đem tướng chân thật bóp méo, cho nên không thể nào thấy được chân tướng sự thật. Nếu như chúng ta cũng có thể lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì liền thấy được chân tướng. Nên hiểu rằng bóp méo không phải là bóp méo hiện tượng bên ngoài, mà là bóp méo những năng lực tự thân của lục căn, tuyệt nhiên không liên quan đến môi trường ngoại cảnh. Môi trường ngoại cảnh luôn luôn là trung lập, là duy tâm sở hiện .

Cho nên Phật Bồ Tát tuy cùng ở với chúng ta nhưng cảnh giới hoàn toàn không giống nhau. Cảnh giới của Phật Bồ Tát là Nhất chân pháp giới, còn chúng ta là ở lục đạo luân hồi. Nên hiểu rằng lục đạo luân hồi và Nhất chân pháp giới viên dung với nhau chứ không phải ở ngoài lục đạo luân hồi còn có Nhất chân pháp giới, nhưng bên ngoài Nhất chân pháp giới thì có lục đạo luân hồi. Ví dụ buổi tối có rất nhiều người cũng ngắm trăng, mặt trăng giống nhau nhưng cảm xúc của mỗi người không giống nhau, cảnh giới của mỗi người cũng khác nhau. Cảnh sắc bên ngoài chỉ là một, tuyệt không vì cảm nhận của chúng ta mà sanh biến hóa.

“*Đản thị hư vọng chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở*”(là do hư vọng, do các pháp hợp lại mà khởi hiện, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở). Luận Bách Pháp Minh Môn là bài học đầu tiên của phần sơ học Đại thừa, Bồ Tát Thiên Thân đem 660 pháp trong Luận Du Già Sư Địa quy nạp thành 100 pháp để tiện lợi cho người sơ học Đại thừa. Tất cả pháp ở trong vũ trụ này quy nạp thành 100 điều, mà sự hàm chứa trong mỗi điều đó lại vô lượng, vô biên, không cách gì tính được. Bất luận là thuộc về môn nào, tâm pháp năng biến, có khi cũng nói là năng sanh năng biến. Tuy nhiên, năng sanh không phải năng hiện. Ý nghĩa của năng sanh, năng hiện không giống nhau. Năng hiện là chân tâm, vọng tâm thì “bất năng hiện”; còn vọng tâm thì năng biến. Đem Nhất tâm pháp giới biến thành thập pháp giới biến thành vô lượng vô biên pháp giới chính là có công năng như vậy.

Vọng tâm từ đâu mà khởi? “*Đản thị hư vọng chư pháp lập khởi*”. Hư vọng là nói đến vọng tâm không phải chân thật. Tại sao có hiện tượng này? Là do tập khởi. Trong Luận Trung Quán dạy “*Chư pháp bất tự sanh, diệc bất tùng tha sanh, bất cộng bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh*”. Đây là nói đến căn nguyên của các pháp nhân sanh vũ trụ. Có thể nói một bộ Luận Trung Quán với 500 bài tụng chính là giải thích rõ điều này. Đối với hiện tượng này thấu hiểu rồi gọi là “pháp thân Bồ Tát”, còn hoàn toàn mơ hồ không thấu hiểu chính là “phàm phu”. Phàm phu, Phật và Bồ Tát không khác biệt, chỉ là đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh nhận thức không giống nhau. Cũng giống như học ở trường học, chúng ta đạt được học vị tiến sĩ, người khác đạt được học vị thạc sĩ, còn có những người khác nữa không có văn hóa, ngay cả bậc tiểu học cũng chưa học qua,

nhưng đều là người, chỉ là trên trình độ văn hóa sai biệt không giống nhau.

Vì thế thập pháp giới chính là sự khác biệt của trình độ văn hóa, trải nghiệm cuộc sống không giống nhau. Từ chỗ đó mà chúng ta nên ngộ ra chúng ta phải sống đời sống tốt, đem phẩm chất cuộc sống của mình nâng cao. Muốn được vậy phải dựa vào giáo dục. Ngày nay trên thế giới có rất nhiều khu vực nghèo khó, cuộc sống rất khổ, phải làm gì cứu tế? Cứu giúp vật chất không thể giải quyết được vấn đề, nhất định phải xây trường học, nâng cao trình độ văn hóa của họ, như thế mới có thể nâng cao phẩm chất cuộc sống. Theo Phật pháp mà nói, chúng ta có thể từ nhân đạo nâng lên Thiên đạo, từ Dục giới thiên nâng lên Sắc giới thiên, từ Sắc giới thiên nâng lên Vô sắc giới thiên, từ trong lục đạo nâng lên Tứ thánh pháp giới, từ Tứ thánh pháp giới nâng lên Nhất chân pháp giới. Toàn bộ đều dựa vào giáo dục. Pháp thế xuất thế không ngoại lệ. Chúng ta phải nhận thức được điều này.

A Lại Da là từ đâu mà có? A Lại Da là tiếng Phạn, ý nghĩa là “Tàng thức”. Tàng nghĩa là hàm chứa, hàm chứa cái gì? Hàm chứa ấn tượng, chủng tử của các pháp mà thuật ngữ Kinh Phật gọi là “Chư pháp lạc tạ ảnh tử”, thứ mà người đời nay gọi là ấn tượng. Trong đời sống này, từ sáng đến tối, cảnh giới mà lục căn của chúng ta tiếp xúc đều để lại ấn tượng, vĩnh viễn không mất đi. Đó là nhờ vào chức năng của A Lại Da. A Lại Da giống như kho lưu trữ, chúng ta tạo tất cả thiện, ác và cả vô ký mà chúng ta tạo ở trong kho lưu trữ, vĩnh viễn không bị quên lãng. Trôi qua trăm ngàn vạn kiếp, những ấn tượng chủng tử tiềm ẩn trong A Lại Da khi nhân duyên hội ngộ thì sẽ có quả báo liền hiện tiền. A Lại Da vô cùng vi tế, ý nghĩ vi tế tạo

ngiệp, thức thứ sáu còn chưa phát giác được nhưng trong A Lại Da đã lưu giữ rồi.

Những ấn tượng chủng tử này của A Lại Da không có hình tướng, vì nếu nó là sắc pháp, là vật chất thì theo lời dạy Đức Phật sự tạo tác của chúng ta vô lượng kiếp đến nay có bao la như hư không cũng chứa không hết. Như vậy chúng ta mới hiểu được nghiệp mà chúng ta tạo là bao nhiêu. Cho nên chúng ta trên con đường Bồ đề làm gì mà không có nạn, không có chướng ngại chứ? Từ xưa đến nay tạo ác nghiệp quá nhiều rồi, ác nghiệp cản trở chúng ta, thiện nghiệp cũng cản trở chúng ta, thiện nghiệp dẫn tới lòng tham ái của chúng ta, ác nghiệp dẫn tới lòng sân hận của chúng ta. Tham sân si toàn là chướng ngại. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta tu tịnh nghiệp, tu tịnh nghiệp sẽ không có chướng ngại.

Chân chánh tu tịnh nghiệp, thuần tịnh không nhiễm tạp là Pháp thân Đại sĩ. Ở trong tịnh còn tạp ít phần bất tịnh là pháp giới Tứ thánh. Trong pháp giới của lục đạo thường là nhiễm nhiều tịnh ít. Ở chốn phàm phu người tu hành chân chánh rất tốt, phân lượng nhiễm nghiệp xen tạp tương đối ít, xen tạp khoảng 20% - 30% đã tương đối được rồi. Trình độ này của chúng ta hiện nay khoảng trên 95% là nhiễm nghiệp, tịnh nghiệp chỉ có 2% - 3% thậm chí chỉ có 1% - 2% mà thôi.

Những cảnh giới này thật sự là hư vọng. Tuy là hư vọng, nhưng nếu chúng ta không biết nó là hư vọng, thì sẽ bị nó hại, biết nó là hư vọng thì sẽ không bị nó làm hại, là chúng ta đã giác ngộ rồi. Thế nên, mấu chốt là ở mê, ngộ, khi mê thì vĩnh viễn sẽ bị vọng cảnh ràng buộc chi phối. Ví dụ thế giới này, trước mắt là hư vọng, nhưng chúng ta không biết nó hư vọng nên khởi tâm

động niệm làm cho tất cả hành vi sinh hoạt trong đời sống đều bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Giả như thật sự biết nó là hư vọng, nhất định sẽ không chịu sự hư vọng đó can thiệp, ngay trong hoàn cảnh đó vẫn vĩnh viễn giữ tâm thanh tịnh, đạt được đại tự tại.

Lịch đại Tổ sư ở Trung Quốc, không ít người chứng được cảnh giới này, tức là cảnh giới như Kinh Lăng Nghiêm đã nói “*Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai*”. Họ không bị hoàn cảnh làm mê hoặc không bị hoàn cảnh lay chuyển, ở hoàn cảnh nào cũng có thể làm chủ được, có thể làm hoàn cảnh chuyển biến. Người thiện gặp được họ càng thiện hơn, người ác gặp họ thì sửa đổi thành thiện. Bất kể người hay sự vật hay hoàn cảnh vật chất đều có thể chuyển. Ngay cả trong hoàn cảnh vật chất có rất nhiều thiên tai như gió bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, v.v.. cũng không ngoại lệ. Họ đến những nơi này thì thiên tai giảm thiểu. Đây hoàn toàn là sự thật. Cái “lý” ở đây cũng hết sức thâm sâu cho nên Kinh Phật mới giảng là “mật”, không phải chỉ “bí mật”, mật ở đây là “thâm mật”. Lý càng sâu cần dựa vào phương pháp tuần tự từ từ mà tiến, nhất định có thể chứng đắc, cho nên gọi là “Hoát nhiên đại ngộ”.

Kinh Kim Cang dạy “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm thứ gì có tướng thì đều là hư vọng) lại dạy “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*” (tất cả các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng). Hữu vi pháp chính là chín mươi bốn pháp phía trước trong “Bách pháp”. Sáu pháp phía sau là vô vi pháp. Bất luận là Tâm pháp, Tâm sở pháp, Sắc pháp, Tâm bất tương ưng hành pháp đều là chư pháp tập khởi.

“*Tất cánh vô chủ*”. “Vô chủ” là không có chủ thể. Thế nào tập khởi? Duyên. Phật pháp vô cùng coi trọng chữ “duyên”. Phật pháp dùng “duyên sanh” chứ không dùng “nhân sanh” là vô cùng có lý. Trong nhà Phật giảng tất cả hiện tượng của vạn pháp đều là “duyên khởi” mà duyên khởi chắc chắn nhất định là tánh không, tánh không chính là “tất cánh vô chủ”.

“*Vô ngã ngã sở*”. Chân tướng của tất cả các pháp đều là như vậy cho nên nói “vạn pháp giai không”. Khoa học hiện đại dùng phương pháp để phân tích, đem tế bào từ trong thân thể con người hoặc vật chất phân tích thành phân tử, rồi từ phân tử lại phân tích thành nguyên tử, điện tử, thành hạt cơ bản. Vậy mới hiểu được thân thể này, vật chất này chỉ là không. Vốn là tất cả pháp đều do hạt cơ bản tổ hợp lại mà thành, chỉ là hiện tượng tổ hợp không giống nhau. Có tổ hợp thành khoáng vật, có tổ hợp thành thực vật, động vật. Kỳ thật đều là một tổ hợp thành, chẳng qua là phương trình tổ hợp không giống nhau. Kinh Kim Cang giảng rằng, thế giới này là “*nhất hợp tướng*”. Vì sao gọi là “nhất hợp tướng”? Vật chất cơ bản chỉ là một, nhỏ thì li ti như bụi, lớn thì như vĩ đại như thế giới, đều là cùng một hạt cơ bản hợp thành, cũng chính là “nhất hợp tướng” tổ hợp. Tổ hợp này duyên tụ đầy đủ thì nó hình thành, duyên tan thì nó cũng tan rã, tụ tán vô thường, nó đâu có chủ, tụ hợp vĩnh hằng không tan rã thì mới là có chủ, mà sự thật của chân tướng là tụ tán vô thường, sát na biến hóa.

Nếu như thấu triệt chân tướng của sự thật này thì đối với pháp xuất thế gian chắc chắn không có tâm tham luyến. Vì sao vậy? Vì nó là giả, tham luyến là mê hoặc, là chấp trước, chiếm hữu là vọng tưởng. Đến thân ta còn không thể chiếm hữu sự biến đổi của tế bào là biến hóa trong từng sát na, đích thật là vô

ngã. Người thế gian cho rằng thân này là của ta, đây là mê hoặc trước tiên, từ mê hoặc “ngã” mà sanh ra tự tư tự lợi, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Thông thường nói đọa lạc trong luân hồi, kỳ thật không phải đọa lạc mà là những nghiệp lực này đem cảnh giới biến thành cảnh giới luân hồi, biến thành cảnh giới địa ngục. Địa ngục từ đâu mà có? Là do tự mình biến hóa ra, tự làm tự chịu. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm không phải Đức Phật tạo ra, là do tự tâm biến hiện. Chính là phần trước đã nói “*nhất thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị*”, “*nhất thiết pháp từ tâm tưởng sanh*”.

Một số vị đồng tu hỏi tôi “*Quý có thật hay không, rồng có thật hay không?*” Tôi đều gật đầu nói “*Có*”. Tại sao lại có? Tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh, vốn không có nhưng mỗi ngày chúng ta nghĩ quý, thì sẽ có nhiều quý thôi. Có như vậy chúng ta mới thấu hiểu được vì sao “*Tịnh nghiệp tam phước*” dạy chúng ta phải tin sâu vào nhân quả, chính là tin sâu rằng “*Niệm Phật thị nhân, thành Phật thị quả*” (niệm Phật là nhân, thành Phật là quả). Phật cũng là tâm tưởng sanh, ta mỗi ngày nghĩ Phật, Đức Phật liền hiện tiền. Hạt cơ bản tổ hợp cũng là từ tâm tưởng mà thành, tâm tưởng Phật liền tổ hợp thế giới của Phật. Còn mỗi ngày nghĩ quý thì tổ hợp thế giới quý. Quý là tham ái. Hằng ngày niệm niệm không quên tham ái thì cảnh giới biến hiện chính là pháp giới quý. Tạc dạ sân hận người khác, người thế gian đều là đáng ghét, không tốt thì pháp giới địa ngục sẽ hiện ra. Như vậy, thập pháp giới đều là hư huyền không thật, là mộng huyễn, bọt, ảnh, cho nên Đức Phật mới khuyên dạy chúng ta đừng nghĩ ác, đừng tạo ác, phải nghĩ thiện, phải hành thiện. Thấu triệt lời dạy của Đức Phật đối với chúng ta, thật sự là từ bi ái hộ đến tột cùng, chúng ta mới biết cảm ân.

Như vậy, “Ngã” còn không có thì đâu đến có “ngã sở”. Ngã sở chính là những thứ mà ta sở hữu, những thứ thuộc về ta, của ta. Cái nhà này thuộc về ta, tài sản này thuộc về ta, địa vị này của ta, quyền lực này của ta. Không hiểu đạo lý này và chân tướng sự thật thì tâm làm sao thanh tịnh, bình đẳng. Tóm lại là có cảm giác mình cao hơn người khác, người khác không bằng mình trong khi vạn pháp là bình đẳng. Phật với ngạ quỷ cùng là bình đẳng, với súc sanh, với địa ngục cũng bình đẳng. Đức Phật còn như vậy, chúng ta sao lại không bình đẳng với mọi người, mọi điều? Chúng ta trên thì cùng chư Phật bình đẳng, dưới thì cùng địa ngục bình đẳng. Tâm bình đẳng rồi, bất luận là thuận cảnh nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, chướng ngại đều không còn là vấn đề. Bình đẳng là pháp giới Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm ngài Thanh Lương chú sớ có dạy rằng “*Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”. Đây mới thực sự là đại viên mãn đại tự tại.

Bộ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo không khó hiểu, riêng đoạn này giảng lý này lại vô cùng thâm sâu. Vì lý không thấu triệt thì không thể thực hành mười thiện. Chúng ta hiểu thiện là tốt, bất thiện là không tốt nhưng vẫn chưa hành thiện được. Chúng ta hiểu rằng tham sân si mạn là phiền não, gạt người không phải là việc tốt nhưng mỗi ngày vẫn làm, nguyên nhân vì đâu? Vì chưa thấu triệt được đạo lý. Khi thật sự thấu triệt rồi, chắc chắn không làm ác nữa, người khác lừa ta nhưng ta không lừa lại họ; người khác phỉ báng, làm nhục, hãm hại ta, ta nhận sự hãm hại của họ, chắc chắn không có tâm niệm báo thù. Ta vẫn cứ thành tâm thành ý, thiện tâm đối đãi họ. Đây là thật sự giác ngộ. Họ rất đáng thương vì họ hồ đồ, họ không biết chân tướng sự thật. Họ là “người đáng thương”, chúng ta phải tha thứ họ. Quyết định không có tâm niệm báo thù, vẫn cứ thành tâm

thành ý, đối đãi họ. Cho dù sanh mệnh bị họ hại chết cũng rất tốt, đúng lúc đó sanh thiên. Cảm ơn còn chưa kịp làm sao có thể trách họ? Chỉ có người thật sự thấu triệt đạo lý này thì mới có thể hiểu và thực hành những điều này.

“*Đản thị hư vọng chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ*”. Đây là nói A Lại Da, “vô ngã, ngã sở”, chữ “vô” này sử dụng cho cả 2 cụm: “vô ngã” và “vô ngã sở”. “Vô ngã, vô ngã sở” đây là chân tướng của sự thật không chỉ chân tướng lục đạo mà ngay cả thập pháp giới cũng y chánh trang nghiêm. Đức Phật chỉ một câu mà nói thông suốt.

“*Tuy các tùy nghiệp, sở hiện bất đồng, Nhi thật u trung vô hữu tác giả. Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghị*”(tùy theo nghiệp mà hiện ra khác nhau, mà thật sự trong đó thì không có tác giả, cho nên tất cả pháp không thể nghĩ bàn).

“*Tuy các tùy nghiệp, sở hiện bất đồng*”. Phật pháp giảng thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Thập pháp giới là nói những hiện tượng sai biệt lớn. Nếu nói cận kề thì pháp giới ấy vô lượng vô biên, mỗi người đều không giống nhau, vì tư tưởng ý nghĩ của mỗi người không giống nhau, cho nên cảnh giới hiện ra đương nhiên là khác nhau. Đức Phật dạy “*Tâm tướng dị cố, tạo nghiệp diệc dị*” mà ngôn ngữ thế gian có câu rằng “*nhân tâm bất đồng, các như kỳ diện*” (lòng người khác biệt, mỗi người một vẻ). Nếu như tâm hai người tương đồng, thì diện mạo của họ cũng tương đồng. Chúng ta thử quán sát tỉ mỉ thêm, nếu như tướng mạo của hai người giống nhau thì thường giữa họ cũng có nhiều hành vi giống nhau; vả lại, cách nghĩ, cách nhìn của họ đối với con người, sự vật, hiện tượng cũng rất gần nhau. Điều

này chứng minh được lời dạy trong Kinh Đức Phật dạy là chính xác.

Tất cả chúng sanh tâm tướng không hoàn toàn giống nhau nên cảm nhận thân tướng, dung mạo, màu da, sức khỏe cũng khác nhau. Những thứ này đều từ tâm tướng mà sanh ra. Sau khi chúng ta hiểu được đạo lý này, lại thêm sự quan sát tỉ mỉ sẽ thấy rằng, người mang nhiều bệnh là người có nhiều vọng tưởng, lo nghĩ, phiền não; còn người vui vẻ, thân thể khỏe mạnh, hoạt bát thì lại là người có ít vọng tưởng, phiền não. Những thứ này đều là sự thật hiện bày ở trước mắt chúng ta. Nguyên lý nguyên tắc này trong Kinh Phật dạy rất thấu triệt.

Suy cho cùng, tất cả các hiện tượng từ hư không, vũ trụ, tinh cầu cho tới động thực vật đều do tâm tướng của bản thân mà biến hiện ra. Mỗi người có một thế giới riêng biệt, không thể có thế giới của hai người hoàn toàn giống nhau. Cùng là một sự việc nhưng cảm nhận của chúng ta về việc đó thì không giống nhau. Lấy trước mặt mà luận, chúng ta triển khai bộ Kinh Phật Thuyết Thập Thiên Nghiệp Đạo, bản Kinh tuy giống nhau nhưng tùy mỗi người đọc tụng mà cảm nhận, lý giải không giống nhau. Nguyên nhân do đâu? Là do “*Tâm tướng dị cố*”. Trong bài kệ khai kinh dạy “*Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Chúng ta có thể thực hiện được lời nguyện ấy không? Không thể! Tại sao? Chúng ta có tâm tướng, Đức Phật không có tâm tướng, tâm tướng thuộc về bát thức. Đức Phật chuyển bát thức ấy thành tứ trí. Đức Phật không có tâm ý thức. Nếu chúng ta rời bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi mới đọc tụng kinh điển này thì sẽ đạt được “*Như Lai chân thật nghĩa liền ở hiện tiền*”. Như thế chẳng phải là “*Tuy các tùy nghiệp, sở hiện bất đồng*” sao?

Từ đây chúng ta cũng có thể lĩnh hội được ý nghĩa mà Đức Phật đã dạy trong Kinh Đại thừa liễu nghĩa, tất cả vạn pháp ở thế gian đều là “*bất khả đắc, vô sở hữu*”. Lời dạy trong Kinh Kim Cang “*Tất cả pháp hữu vi đều như mộng huyễn, đều như bọt, ảnh*” cũng chính là lời dạy “*bất khả đắc, vô sở hữu*” trong Kinh Đại Bát Nhã. Tâm năng đắc không được vì trong Kinh dạy “*Tâm quá khứ không được, tâm hiện tại không được, tâm vị lai không được*”(Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc). “*Sở đắc*” là cảnh giới bên ngoài, cảnh giới là pháp duyên sanh, duyên khởi tánh không cho nên cảnh giới bên ngoài cũng không thể được. Đức Phật dạy “*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” không những tất cả hiện tượng ở trong thập pháp giới này là không thể được mà những hiện tượng trong Nhất chân pháp giới cũng không thể được. Hiện tượng là có hay không? Không thể nói nó không có, cũng không thể nói nó có. Dù nói có hay nói không có đều là sai lầm. Tuy là “*phi hữu diệt phi vô*”, đem nó hợp chung lại nói là “*phi hữu phi vô, diệt hữu diệt vô*” (chẳng phải có, chẳng phải không, cũng là có, cũng là không) thì được không? Đều không được, vì chỉ cần có cái ý nghĩ này thì bị rơi vào tình thức. Đây là điểm rất ráo của Phật pháp, là điểm cao minh của Phật pháp.

Đức Phật dạy chúng ta trong tất cả cảnh duyên _ tức trong đời sống thực tế, nên dùng tâm thái gì để sống để xử sự đối nhân tiếp vật? Đó là “*Nhất niệm bất sanh, tùy duyên nhi bất phan duyên*” (dù một ý niệm cũng không được khởi sinh, tùy duyên mà không vướng mắc vào duyên). Bồ Tát Phổ Hiền có dạy “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Đây là thái độ làm người của Bồ Tát Phổ Hiền chân thật trí huệ cứu cánh viên mãn. Chúng nên cần phải học tập. Chúng ta học được một phần thì thọ dụng một phần, học được mười phần thì thọ dụng mười

phần, không được nói là học không được sẽ không học, không học thì thuận theo phiền não mà thuận theo phiền não thì vĩnh viễn sống trong lục đạo luân hồi.

Câu “*Tuy các tùy nghiệp, sở hiện bất đồng*” là nói về hiện tượng của vũ trụ nhân sinh. Phần tiếp dưới đây sẽ bàn về tính chân thật của nó. “*Nhi thật ư trung, vô hữu tác giả*” có rất nhiều người có quan niệm sai lầm. Quan niệm này rất khó phá vỡ. Họ sẽ truy hỏi “*Hiện tượng này từ đâu mà có? Hiện tượng là sinh ra như thế nào?*” Phải hiểu rằng khi lòng ta khởi lên ý niệm này thì đều rơi vào vòng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tất cả hiện tượng trong hư không pháp giới là vọng tưởng, chấp trước biến hiện ra, chúng ta lại dùng vọng tưởng, chấp trước để lý giải nó là điều không thể. Vậy làm thế nào mới có thể thông đạt chân tướng sự thật? Phải buông xả tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà trong nhà Phật gọi là đạt được trạng thái “*Thiền định*” cũng như Kinh Lăng Nghiêm dạy là “*Tịnh cực quang thông đạt*”, tức là buông xả hết thảy, tâm tịnh đến tột cùng, ánh sáng Bát nhã tự tánh liền hiện tiền. Tất cả các pháp trên thế gian này, tánh tướng, lý sự, nhân quả hoàn toàn tự nhiên thông đạt, hiểu rõ rồi, đây là trí huệ chân thật. Hết thảy chư Phật Như Lai đều phải đi qua con đường này mà đạt đến giác ngộ triệt để.

Cho nên không những Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà tất cả chư Phật Như Lai khi giảng Kinh, thuyết pháp đều quy kết về cương lĩnh “*Giới, Định, Huệ*”. Giới là phương tiện, định mầu chốt, huệ là mục đích. Giới là thủ pháp, nhất định tuân thủ theo con đường của người đi trước. Con đường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi là con đường nào? Con đường tất cả chư Phật mười phương đi là con đường nào? Chúng ta phải theo đường đó mà đi không thể buông bỏ. Còn nếu chúng ta muốn tìm một con

đường khác, hẳn là không thể tìm ra! Vì vốn con đường mà tiền nhân đã đi là chánh đạo. Chánh đạo chắc chắn có thể khai trí tuệ, tà đạo chắc chắn không thể mở trí tuệ. Đó chính là sự khác biệt giữa chánh và tà đạo. Theo Thiên Tông mà nói, chánh đạo nhất định sẽ đạt đến minh tâm kiến tánh, tà đạo thì không thể. Con đường mà chư Phật Bồ Tát đi là chánh đạo. Thuận chánh chánh đạo đối với căn cơ của chúng ta mà nói, con đường thuận chánh đơn giản, yên ổn, tiện lợi, nhanh chóng, không gì qua pháp môn Tịnh Độ.

Tu học pháp môn Tịnh Độ, Phật Bồ Tát dạy chúng ta một câu “Thành thật niệm Phật”. Ngày nay công phu niệm Phật chúng ta không đắc lực nguyên nhân là do không thành thật, nếu thật sự thành thật thì hiệu quả rất nhanh. Đối với người thành thật đích thực thì không cần giảng “Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo” nữa vì họ hoàn toàn làm được rồi. Ví dụ ở Singapore, có vị cư sĩ Hứa Triết, Bà đến 101 tuổi mới quy y, từ trước chưa học Phật nhưng mỗi điều trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo Bà đều làm được, tuy không học mà Bà có thể làm được, nguyên nhân là gì? Vì Bà là người thành thật, làm người rất chuẩn mực. Chúng ta mỗi ngày dù đang học tập nhưng trong đầu còn chất chứa nhiều thứ, lại không y giáo phụng hành_ đây là không thành thật.

Vì thế, chúng ta thấy tất cả các pháp có cần phải truy cầu học hỏi không? Thì người thế gian thường nói “Phải hỏi cho ra ngọn ngành, hỏi đến cùng”. Trong Phật pháp cho phép được hỏi. Tại sao? Vì nghi hoặc nhất định phải được đoạn trừ. Hỏi đến cùng là giúp quý vị đoạn nghi sanh tín. Tất cả nghi hoặc đều không còn, con người sẽ trở nên thành thật. Người thành thật có hai loại, một là thiện căn phước đức sâu dày, giống như Bà Hứa

Triết này, Bà tự không có nghi hoặc; còn một loại nữa chính là phải tự làm sáng tỏ những chân tướng sự thật để không còn nghi ngờ liền trở nên thành thật. Ở trong khoảng giữa 2 loại này chiếm đại đa số sao gọi là vừa không phải thượng trí, vừa không phải hạ ngu, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất nhiều, loại người này khó mà độ họ.

Vì vậy, với tất cả hiện tượng hư không pháp giới Đức Phật đều dạy chúng ta rằng “*Vô hữu tác giả*”. Lời dạy này là chân thật, không phải do Phật tạo ra, không phải do thần tạo ra, cũng không phải Thượng đế tạo ra. “*Vô hữu tác giả*” là tâm hiện thức biến tức là “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm năng hiện, thức năng biến, quả thực là không có tác giả.

“*Cổ nhất thiết pháp giai bất tự nghị*”. Bồ Tát Long Thọ trong Luận Trung Quán dạy chúng ta: “*Chư pháp bất tự sinh, diệt bất tùng tha sinh, bất cộng bất vô nhân, thị cố thuyết vô sinh*”. Câu này nghĩa là tất cả các pháp trong vũ trụ quyết không phải là tự mình sanh ra, không phải từ vật khác sanh ra, không phải tự mình và vật khác đồng sanh ra, cũng không phải không có nguyên nhân sanh, cho nên gọi là vô sanh. Chúng ta phải thật thấu hiểu bốn câu này thì chứng được địa vị “*Vô sanh nhẫn*”. Trong Kinh Nhân Vương có nói rằng hạ phẩm của Vô sanh nhẫn là thất địa Bồ Tát, trung phẩm là Bát địa, thượng phẩm là Cửu địa. Đạt đến địa vị này thì mới liễu giải thấu triết bốn câu trên của Luận Trung Quán .

Các Ngài ấy đã dùng phương pháp gì liễu giải? Nếu không phải mỗi ngày mỗi nghĩ, ngày ngày đều nghĩ thì vĩnh viễn không thể liễu giải được! Các Ngài dùng công phu thiền định rất sâu, cũng chính là “*Nhìn thấu, buông bỏ*”. Tám vạn bốn

ngàn pháp môn, Vô lượng pháp môn đều là tu thiền định. Thiền định chính là sáu căn tiếp xúc tất cả cảnh giới, rõ ràng, minh bạch. Ở cảnh giới này tâm nhất định không khởi, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước; ngay cả tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài cũng thật sự đạt được việc buông bỏ phân biệt, chấp trước, không khởi tâm động niệm_đây là Định. Ứng phó mọi thứ viên mãn là Huệ. Định - Huệ đồng đẳng, Định - Huệ cùng vận hành. Đây là đời sống của Phật Bồ Tát. Cho nên, tất cả các pháp đều quả thực không có tác giả.

“*Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghị*” trong Kinh Phật thường dạy “*Pháp nhĩ như thị*” (Pháp vốn dĩ như vậy), cho nên “*Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”. Những lời dạy này trong Kinh Hoa Nghiêm được Đức Thế Tôn áp dụng toàn bộ trong đời sống sinh hoạt của Bồ Tát cho nên hợp lại xem cùng Kinh Hoa Nghiêm thì vô cùng thú vị, chúng ta có thể hội càng sâu thêm.

Kinh văn: “Tự tánh như huyễn, trí giả tri dĩ, ưng tu thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh, uẩn ,xứ ,giới đẳng, giai tất đoạn chánh, kiến giả vô yểm”.

“*Tự tánh như huyễn*” là nói khởi dụng, khi khởi tác dụng, như trong Kinh Kim Cang có dạy rằng “*mộng huyễn bọt ảnh*”. Đức Thế Tôn thường dùng “*bất khả tư nghị*” để giải thích chân tướng sự thật. Tại sao Đức Phật không giảng rõ luôn chân tướng sự thật là gì mà chỉ nói “*bất khả tư nghị*”. Kỳ thật lời Đức Phật nói là sự thật, chỉ có “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*” (cắt đứt con đường ngôn ngữ, dừng để tâm ý tìm ý niệm) thì chân tướng sự thật mới có thể rõ ràng, chúng ta mới hoàn toàn thấu hiểu. “*Tư*” là ý thức, “*nghị*” là ngôn ngữ, chân tướng sự thật này tuyệt nhiên không phải ngôn ngữ có thể nói ra được,

cũng không phải tư duy tưởng tượng mà có thể đạt được. Vì vậy “bất khả tư nghị” là một câu nói chân thật, tuyệt không chút mơ hồ, chỉ cần chúng ta không nghĩ, không bàn luận, chân tướng sự thật liền hiện tiền, và vì “*Nhất thiết pháp tông tâm tướng sanh*” (tất cả các pháp là do tâm tướng sanh). Chúng ta phải để tâm tướng “dừng lại” được thì sau đó mới thấy được chân tướng của tất cả pháp. Các pháp vốn dĩ là “*bất sanh bất diệt, bất lai bất khứ, bất nhất bất dị, bất thường bất đoạn*” (không sanh không diệt, không đến không đi, không một không khác, không thường không đoạn).

Người phạm thường không rời “tư nghị” cho nên vĩnh viễn không thể thấy Đạo. “Đạo” chính là tự tánh. Tông môn gọi là “minh tâm, kiến tánh”. Ai mới có thể đạt được kiến tánh? Là người đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian bất tư, bất nghị sẽ đạt được kiến tánh. Sao phải dùng phương pháp này? “Đoạn đường ngôn ngữ” là bất khả nghị, “*tâm hành xứ diệt*” là bất khả tư, cho nên “bất khả tư nghị” chính là cắt đứt con đường ngôn ngữ, đừng để tâm ý tìm ý niệm, thì chân tướng liền hiện tiền.

Thế nhưng trong “bất khả tư nghị” Đức Thế Tôn lại dạy chúng ta “tư nghị”, trong “bất khả thuyết” (không thể nói) Ngài lại thường nói với chúng ta. Đây chính là sự huyền diệu! Chúng ta phải thấu hiểu cách giảng pháp của Đức Phật là “nói mà không nói, không nói mà nói” còn người biết nghe là “nghe mà không nghe, không nghe mà nghe”, đây chính là khế nhập rồi. Đây là căn duyên của chúng sanh chín muồi rồi, là chúng sanh thượng thượng căn. Đức Phật dạy không sai, là do chúng ta nghe sai, vì sao nghe sai? Vì chúng ta có “tư” lại có “nghị”, chúng ta không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, cho nên mới

“*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Câu này nói thì nghe dễ sao?

Tự tánh khởi dụng chính là thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Không chỉ là thập pháp giới, mà Nhất chân pháp giới cũng là tự tánh khởi dụng. Thập pháp giới như huyền thì Nhất chân pháp giới cũng không thật. Trong kinh dạy “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” bao gồm cả thế xuất thế gian. Cho nên người giác ngộ, pháp thân Đại sĩ ở trong Nhất chân pháp giới, trụ thế giới Hoa Tạng, trụ thế giới Cực Lạc mà không một mảy may dính mắc, là vì các Ngài biết đó đều là “mộng huyền, bọt ảnh”.

“*Trí giả trí dĩ*”(người có trí huệ biết như vậy), “Trí giả” là chư Phật, Bồ Tát. Bồ Tát đặc biệt là chỉ pháp thân Đại sĩ. Các Ngài biết rõ thật tướng các pháp, sau khi biết rõ, các Ngài sống thế nào? Các Ngài “tu thiện nghiệp”. “Ung” là nói lời khuyên dạy, Đức Phật dạy chúng ta không những hành thiện, nói thiện, mà ngay ở trong tâm một mảy may ác niệm cũng không có. Ngày nay chúng ta làm không được vì chúng ta không thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật.

Tại sao phải tu thiện nghiệp? Tu thiện nghiệp là không có lý do, không có nguyên nhân. Pháp là như vậy, vốn là như vậy. Phật pháp dạy “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Phật tánh là bình đẳng, đã có Phật tánh đều xem như Phật, tất cả đều thành Phật. Vì sao họ lại bất thiện vậy? Chúng ta mỗi người đều thuần thiện, thuần thiện tại sao bây giờ biến thành bất thiện mà đi tạo ác vậy? Vì mê muội mà mất đi tự tánh. Tuy mê tự tánh, tự tánh này vẫn khởi tác dụng, mang mê mà khởi tác dụng, liền tạo ác nghiệp. Chư Phật Như Lai nhìn tất cả chúng sanh là nhìn vào

bổn tánh, cho nên tâm Ngài dù một ác niệm cũng chẳng gợn. Phạm phu nhìn tất cả chúng sanh là nhìn tập tính nên thế gian không có một người nào là người tốt. Có sự khác biệt này giữa Chư Phật Như Lai và người phạm là do khác biệt “nhất niệm”, chỉ “nhất niệm” mà đem hiện tượng bên ngoài biến đổi.

Cho nên, chúng ta nhất định phải khẳng định điều mà Đức Thế Tôn nói là “Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh”. Ở trong tất cả pháp này, gần gũi với chúng ta nhất là thân thể, dung mạo của chúng ta. Người có tâm tử mi sẽ nhận biết rất rõ ràng, thấu đáo điều này. Người có tâm địa thiện lương thì dung mạo từ bi, cử chỉ nhu hòa, ôn nhã. Người có tâm hạnh bất thiện thì dung mạo đáng sợ, người khác nhìn thấy là sợ hãi, người ta thường nói là sát khí người này rất nặng, người nước ngoài gọi là từ trường. Từ trường không tốt khiến người khác khi nhìn, khi tiếp xúc cảm thấy rất sợ hãi, không thoải mái. Người tâm địa thiện lương, từ bi thì từ trường của họ tốt, khi người tiếp xúc đều sanh tâm hoan hỷ, cảm thấy tự tại thanh lương, rất muốn gần gũi với họ. Đây là kinh nghiệm trong cuộc sống, chúng ta hoàn toàn có thể hội được.

Trước đây tôi từng có dịp tiếp xúc với ba vị Thầy, chỉ cần có thời gian là tôi đến gặp và học hỏi cùng quý Thầy. Ngồi trong phòng, ngay cả khi không có lời dạy nào được thốt ra thì tôi vẫn có thể cảm nhận được bầu không khí thuần tịnh và từ trường an lành. Điều này cho thấy người tâm thiện thì từ trường sẽ thiện lành, bầu không khí cũng vì thế mà thiện lành theo. Bầu không khí thiện lành có thể cảm động lòng người, khiến người sanh tâm hoan hỷ.

“*Dĩ thị sở sanh, uẩn, xứ ,giới đẵng*”(nên sanh ra các uẩn, xứ ,giới). “Uẩn xứ giới” là sở sanh, tự tánh là năng sanh, năng hiện, năng biến. Tự tánh năng hiện là thuộc về bản năng của nó, còn năng biến là mê lạc làm mất đi tự tánh. Hiện tượng mà tự tánh sở hiện thì sẽ sinh ra thay đổi, đem Nhất chân pháp giới biến thành thập pháp giới, biến thành vô lượng, vô biên pháp giới.

“Tri” là duyên, “Tu thiện” là nhân, còn “*Sở sanh, uẩn, xứ giới đẵng, giai tất đoan chánh*”(nên sanh ra các uẩn, xứ ,giới, thảy đều tốt đẹp) là quả. “Kiến giả vô yểm” là thiện báo, gieo nhân thiện đắc quả thiện. “Sở sanh uẩn, xứ giới đẵng” là thiện quả. Tu thiện nghiệp, thiện nhân thì được thiện quả. “Uẩn” là ngũ uẩn (5 uẩn) tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; “Sắc” là thân thể, còn “Thọ, Tưởng, Hành, Thức” là hiện tượng tâm lý. Nên trong Tâm kinh dạy: “*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” thì Ngũ uẩn đó bao gồm hết thảy tất cả các pháp ở trong vũ trụ rồi.

Tất cả mọi hiện tượng thế xuất thế gian, dùng một chữ “sắc” để đại diện. Tâm pháp nói rất tường tận về bốn thứ: “Thọ” là cảm nhận; “Tuởng” là tư duy; “Hành” là sát na bất trụ, chỉ ý niệm sanh diệt vĩnh viễn không ngưng nghỉ, cứ niệm trước diệt niệm sau liền sanh ra_đây là hành, hành là niệm niệm không dừng; “Thức” là hàm chứa. Những tạo tác của chúng ta, bất luận là thiện pháp, ác pháp, vô ký pháp, hình bóng của nó đều được lưu giữ trong A Lại Da Thức. Chúng tử mà A Lại Da Thức lưu giữ vĩnh viễn không mất đi, gặp duyên thì nó liền khởi tác dụng, liền sanh khởi hiện tượng, thường gọi là thọ báo. Trong kinh dạy: “*Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ*” (Dẫu qua trăm ngàn kiếp, nghiệp được tạo ra cũng không mất đi, khi nhân duyên hội

ngộ đủ, tự nhận lấy quả báo)_ đây là chân lý! Nếu hiểu được chân tướng sự thật, thì người này nhất quyết không làm ác, tại sao? Việc ác dù bằng một sợi tóc, cũng phải tự mình chịu ác báo. Tọa tác do chúng ta gây ra, người khác không thể chịu thay, tự mình làm tự mình phải chịu.

“Xứ” là mười hai xứ, tức gồm lục căn lục trần. Lục trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Lục căn là sáu bộ phận: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Trong mười hai thứ này, thuộc về Tâm pháp chỉ có một loại, đó chính là ý, mười một loại còn lại thuộc về Sắc pháp. Vì sao Đức Phật phải dùng cách giảng pháp này? Vì chúng sanh mê ngộ không giống nhau: có người đối với sắc pháp ít mê quáng nhưng đối với tâm pháp lại mê muội nặng thì Đức Phật sẽ giảng dạy “Ngũ uẩn” cho họ, giảng bốn điều tâm pháp. Còn có người đối với tâm pháp ít mê quáng nhưng với sắc pháp lại mê muội nặng thì Đức Phật sẽ giảng “mười hai xứ”, sắc pháp giảng mười một loại, tâm pháp giảng một loại.

“Giới” là “Thập bát giới” là mười hai xứ lại thêm sáu thức, sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Sáu thức thêm “ý” ở trong mười hai xứ thành ra tâm pháp có bảy loại. Trong mười tám giới, tâm pháp có bảy loại, sắc pháp có mười một loại. Đây là Đức Phật giảng cho người đối với sắc, tâm quá mê đắm .

Như vậy, quy nạp lại tổng cộng có hai pháp: sắc pháp và tâm pháp. Tâm pháp là năng biến, sắc pháp là sở biến. Uẩn, xứ, giới là cùng một sự việc chỉ là sự khai hợp không giống nhau. Theo cách ngày nay mà nói là “*sở sanh uẩn xứ giới đẳng*”, đó chính là hiện tượng của tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới.

“*Giai tất đoan chánh*” từ thân tướng cho đến hoàn cảnh sinh sống của chúng ta. Thân tướng của chúng ta đoan chánh, môi trường chung ta cư trú đoan chánh, xã hội chúng ta cư trú đoan chánh, quốc gia chúng ta cư trú đoan chánh, thế giới chúng ta cư trú đoan chánh ; mở rộng xa hơn, hệ ngân hà chúng ta cư trú đoan chánh. Đây chẳng phải là y báo tùy theo chánh báo chuyển ư !

Ngày nay chúng ta nói xã hội không tốt, thế giới không thái bình, nguyên nhân từ đâu mà ra? Chính là vì chúng sanh không biết tu thiện pháp, không biết chân tướng khởi dụng của tự tánh. Nếu chúng ta thật thấu hiểu rồi thì sẽ thực hành, còn nếu chưa phát tâm thực hành thì thành thật mà nói là vẫn chưa thấu hiểu.

Đại sư Chương Gia từng nói, Phật pháp là “Hiểu khó, làm dễ”_ để hiểu được thì rất khó, (hiểu được rồi) thực hành thì rất dễ. Thật sự hiểu rồi thì phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, chỉ cần ý niệm chuyển trở lại thì liền thành Phật. Còn có sao ý niệm không chuyển lại được? Là vì chưa hiểu thấu. Cho nên Phật pháp trước tiên là hiểu, sau mới thực hành. Trong Kinh Hoa Nghiêm có giảng về việc Đại sư Thanh Lương đem toàn bộ kinh phân làm bốn phần tức là Tín – Giải – Hành – Chứng. Tín – Giải thì khó; Hành – Chứng thì không khó, thực là dễ như trở bàn tay. Ngày nay chúng ta cảm giác Hành, Chứng khó như vậy là do không có nền tảng về Tín – Giải. Sau đó chúng ta liền nghĩ đến tại sao Đức Thế Tôn một lòng thành khẩn thuyết pháp đến 49 năm, mục đích là vì đâu? Chính là giúp chúng ta Tín – Giải, chỉ cần tín giải rồi thì Hành và Chứng là việc của mỗi bản thân mình.

Kinh văn: ***“Long vương! Nhữ quán Phật thân, tùng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức tự tại phạm vương, tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, mạc bất mục huyển.”***

“Long Vương” là đại diện cho lục đạo chúng sanh. Tại sao dùng “Long Vương” làm đại diện? “Long” là đại diện cho biến hóa đa dạng, biến hóa vô cùng. Lấy dẫn chứng từ chính từ bản thân mà nói, chúng ta khởi tâm động niệm thiên biến vạn hóa hoặc ngay chính nơi môi trường sinh sống mà nói, tất cả con người, sự vật cũng biến hóa khôn lường. Còn ý nghĩa của “Vương” là tự tại, không bó buộc miễn cưỡng, giống như thiên tánh tự nhiên khởi tâm động niệm sát na không dừng. Do vậy mà biết được, vì chúng ta nghiệp lực sâu nặng nên bản thân tự mình không cách nào thể hội. Còn nguyên có của nghiệp chướng sâu nặng thì tự bản thân mình cũng hoàn toàn không thể biết được. Thế nên dùng “Long Vương” làm đại diện, ý nghĩa rất sâu xa.

“*Nhữ quán Phật thân*”(Ông thấy sắc thân của Phật). Đức Phật hiện thân thuyết pháp là vì làm gương tốt cho đại chúng. Phật thân có “32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp” mà tướng tốt là do quả báo, có quả ắt có nhân. Chúng ta thường nói “Tướng tùy tâm chuyển”, không những tướng mạo thể chất của bản thân chúng ta là tùy tâm sở chuyển, mà môi trường sống cũng như thế. Môi trường nhân sự, môi trường vật chất là tùy tâm sở biến, tùy tâm sở chuyển.

Có người cho rằng môi trường nhân sự lẫn môi trường vật chất đều không tốt, nhưng có người cho rằng nhân sự, hoàn

cảnh vật chất vô cùng tốt đẹp. Nguyên nhân vì đâu? Vì tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh. Tâm tưởng của chúng ta là tốt đẹp thì tất cả người, sự vật, hoàn cảnh đều tốt đẹp; ý nghĩ của chúng ta không tốt đẹp thì người sự vật cũng theo đó mà xấu đi. Đại sư Ngẫu Ích gọi là “*Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu do tâm khởi*”.

“*Bách thiên ức phước đức sở sanh*”(trăm nghìn ức phước đức sanh ra). Mỗi một ý nghĩ của Đức Phật đều là thuần tịnh, thuần thiện_ đây là cái nhân phước đức. “Bách thiên ức”, không phải chỉ con số cụ thể mà có tính hình dung, ước lượng. Đức Phật dạy chúng ta, một cái khủy móng tay có 60 sát na, một sát na có 900 ý niệm. Loại ý niệm vi tế này, phàm phu không thể nhìn ra được, vậy ai có thể nhìn thấy được? Bồ Tát Bát Địa nhìn thấy được, định công của Bồ Tát Bát Địa hết sức thâm sâu, đạt được Tâm thanh tịnh nên có thể nhìn ra được sự sanh diệt của ý niệm vi tế. Về ý niệm của phàm phu sáu cõi (lục đạo) Đức Phật quy nạp thành 3 loại: thiện, ác, vô ký. Thiện có phước nhưng không phải Đức. Chúng sanh lục đạo được phước, lại có thêm đức là đã khó rồi. Đức là gì? Tất cả niệm đều là thiện niệm, niệm niệm vô trụ là đức.

Kinh Kim Cang dạy: “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”. Vô trụ chính là lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà kể cả ý nghĩ vô cùng vi tế của chúng ta đều rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cho nên, khi theo học theo con đường giáo huấn của Đức Phật chúng ta đều cảm thấy khó khăn. Điều này là có nguyên nhân. Trong một giây có hai cái mười vạn tám ngàn lần sanh diệt. Mỗi một lần sanh diệt đều có đủ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Từ đó mà biết, ngày nay chúng ta nói phải xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ là bỏ cái tướng thô

giống như một cây mà bỏ mấy chiếc lá, buông bỏ cái ngọn cây mà thôi, gốc thân cành đều không chút nào dao động. Chúng ta sao có thể so sánh được với Đức Phật?

Dụng ý của việc cúng dường tượng Phật cũng là như vậy, là để chúng ta nhìn thấy tượng Phật nghĩ đến Đức Phật, khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, hoàn toàn phước đức viên mãn. Đây cũng chính là điều trong Kinh Kim Cang dạy: “*Ứng vô sở trụ, như sanh kỳ tâm*”. Sanh tâm gì? Sanh tâm cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Đức Phật lập tức có ứng. Đức Phật và Bồ Tát tùy theo loại mà hiện thân, không vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước. Đức Phật vì tất cả chúng sanh tùy cơ thuyết pháp, cũng không có vọng tưởng, phân biệt hay chấp trước. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này.

Gốc của phước đức là gì? Là mười thiện nghiệp . Cái gốc của trăm ngàn ức với phước đức của Đức Phật Như Lai chính là điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện cũng có dạy câu này, nhưng sự khinh trọng khác nhau, là lấy: “Hiếu thân tôn sư” làm trọng. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo và Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện là không hai không khác, nhưng nghiêng nặng về “*Từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Hai bộ kinh này hợp lại xem thì điều thứ nhất của tịnh nghiệp tam phước là viên mãn rồi. Chư Phật Bồ Tát từ chỗ này mà khởi tu, cũng ở chỗ này mà hoàn thành.

Kinh Địa Tạng dạy “*Diêm phù đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô bất thị tội*” (Chúng sanh cõi Diêm phù đề khởi tâm động niệm đều là tội lỗi). Thân của chúng ta ngày nay là từ

hàng trăm ngàn ức nghiệp chướng mà sanh ra, từ tội nghiệp mà sanh ra, tại vì niệm niệm của chúng ta làm đều là tự tư tự lợi_ đây chính là tội. Còn Đức Phật được sanh ra từ phước đức. Đức Phật khởi tâm động niệm nhất nhất đều không vì bản thân. Phật Bồ Tát “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ tướng giả tướng*”, “*vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến*” cho nên các Ngài thành tựu vô lượng phước đức. Chúng ta khởi tâm động niệm là lợi ích cho mình, đây là đủ bốn tướng, cho nên đều là tội lỗi. Thấu hiểu được chân tướng sự thật này rồi, chúng ta tự biết nên phải làm sao để học theo Phật.

“*Tùng bách thiên ức phước đức sở sanh*” đây là nhân. “*Chư tướng trang nghiêm*” là cách nói tổng quát về quả báo. Chúng sanh ở thế gian phước mỏng nên Phật Đà mới thị hiện ở thế gian. Ngài thị hiện cùng loại thân với tất cả chúng sanh. Đức Phật là tướng tốt khi Ngài thị hiện cùng loại thân, Đức Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, điều này chúng ta có thể hội được như trong Kinh tán thán báo thân của Đức Phật có câu “*Thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo*” (Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp). Đây là cảnh giới quả vị của Như Lai, phàm phu không cách nào lý giải được. Người chí sĩ của thế gian như Tôn giả A Nan, nhìn thấy thân ảnh rạng ngời của Đức Phật thì phát tâm học tập theo Người. Đây cũng chính là biểu hiện của quả tốt. Nếu như chúng ta cho rằng quả này là tốt, chúng ta cũng muốn có, thì phải tu nhân giống như Đức Phật Bồ Tát vậy. Nhân tròn ắt quả cũng được đầy; Không tu nhân, thì chắc chắn không được quả.

“*Quang minh hiển diệu*”(hào quang nhiệm màu rực rỡ) đây là hiện thị quả đức. Trước tiên nói rõ hai chữ “Quang

minh”. Người Trung Quốc thường nói là bầu không khí, người nước ngoài dùng từ “tử trường”, còn trong Phật pháp gọi là “quang”. Bất luận là dùng từ “bầu không khí” hay “tử trường” hay “quang minh” thì trong thực tế phạm vi của “quang minh” (ánh sáng) là khắp cả hư không pháp giới. Sóng của vật chất càng xa càng suy yếu. Sóng tư tưởng từ trong tình thức tuy không giống sóng của vật chất nhưng cũng theo nguyên tắc càng xa thì sức mạng càng yếu dần. Tuy nhiên, ánh sáng tự tánh thì không giống như vậy. Kinh Đại Thừa thường dạy “*Chư Phật Bồ Tát, quang minh biến chiếu*” Ánh sáng của Chư Phật Bồ Tát luôn đều đặn nhưng phàm phu vẫn không thể phát hiện ra, nguyên nhân là do phiền não tự thân ta làm chướng ngại. Nếu như đem những phiền não, tạp niệm đoạn trừ thì bất kể ở đâu, lúc nào chúng ta cũng có thể cảm nhận được ánh sáng chiếu khắp của Đức Phật là viên mãn.

Đây chính là sự khác nhau của tánh đức và tu đức. Tu đức là có sự phân chia sâu cạn, giống như cách chúng ta cảm nhận bầu không khí vậy. Ví dụ chúng ta tiếp xúc một người có đức hạnh, liền cảm nhận bầu không khí này đặc biệt đậm, dù cả khi không ở trong phòng của họ thì ta vẫn cảm nhận được điều này. Trên thực tế lý luận mà nói, tử trường, bầu không khí và sóng quang (ánh sáng) của họ cũng là khắp cả hư không pháp giới, nhưng so với Phật và pháp thân Bồ Tát thì không giống nhau, là do tuy bầu không khí của họ là tốt nhưng phiền não chưa đoạn tận hết, chỉ là phiền não của họ so với chúng ta nhẹ nên chúng ta cảm nhận bầu không khí của họ là tốt. Đạo lý là như vậy.

Cảm nhận rõ ràng nhất là ở người không có tu trì, tâm địa không thanh tịnh, tràn đầy tham, sân, si và ngạo mạn. Mùi trên thân thể của họ, mùi hơi thở trong miệng của họ đều rất khó

người. Người có tu hành thì không giống như vậy. Ví dụ như Lão Hòa Thượng Hư Vân, không những thân thể mùi thơm ngát mà ngay cả mùi của quần áo của Ngài đều thơm dịu. Do đó mà biết được ý nghĩ của thiện ác đích thực là ảnh hưởng đến tổ chức sanh lý, ảnh hưởng đến bài tiết.

Đức Phật đoạn hết kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não rồi. Những cảnh giới này chúng ta không cách nào tưởng tượng được, trong Phật pháp gọi là “*Quang minh hiển hiện, tế chư đại chúng*”, chữ “tế” có nghĩa che đậy.

“*Thiết vô lượng ức tỳ tại Phạm Vương*”. “Thiết” là giả thiết, “vô lượng ức” là chỉ số nhiều, “tỳ tại Phạm Vương” là Đại Tự Tại Thiên (trời Đại Tự Tại), Ma Hê Thủ La Thiên (trời Ma Hê Thủ La). Họ tu tứ thiền bát định cũng là phước huệ song tu, tạp khí phiền não hoàn toàn điều phục nhưng chưa đoạn. Nếu mà đoạn được thì chứng quả A La Hán, thì không phải phạm phu, bầu không khí, từ trường của họ cũng không người nào sánh kịp.

Chúng ta tu hành phải kiểm nghiệm bản thân có tiến bộ không, nếu cảm nhận được mùi trên cơ thể khó người chính là chúng ta chưa đạt được công phu nhất định. Người thật sự tu tập đến trình độ nào đó rồi, loại mùi khó người này nhất định theo năm tháng sẽ phai dần đây là minh chứng công phu bản thân có tiến bộ. Một tuần không tắm, trên thân tuy ít nhiều dơ bẩn, nhưng không khó người, cho nên người thật sự có công phu thì không nhiễm.

Đây đều là Đức Phật, Bồ Tát vì chúng ta mà hiện thân thuyết pháp. Chúng ta phải thấu hiểu đạo lý này, hiểu được chân tướng của sự thật mà siêng năng nỗ lực tu học thì thực sự

tự thọ dụng, mới có thể làm lợi ích người khác, bản thân không tự thọ dụng được nói gì đến giúp người thọ dụng? Muốn giúp người thọ dụng trước tiên bản thân phải tự thọ dụng trước. Cho nên chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải thực hành, “ phải làm thật”.

Rốt cuộc, Phật pháp có thể kết tổng quy thành: “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Mọi người phải niệm niệm không quên, y giáo phụng hành. Chúng ta phải tu tâm chân thành, chân là không giả, thành là không hư ngụy, thanh tịnh là không nhiễm tạp, bình đẳng thì không cao thấp, chánh giác thì không mê muội, từ bi nhất định không có tự tư tự lợi. Đây là tâm Phật, là tâm Bồ Đề. Chúng ta phải giữ tâm mình như vậy.

Chúng ta phải áp dụng thực hành trong đời sống, phải nhìn thấu, buông xả. Nhìn thấu là tất cả thông đạt hiểu rõ ; buông xả là mây may bụi cũng không nhiễm , mây may không dính nhiễm. Biểu hiện ra bên ngoài chính là nói: “*quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng*” tức tự tại, tùy duyên, sau cùng quy kết đến niệm Phật, phần trên có mười tám chữ thầy đều là niệm Phật. Dùng niệm Phật làm tổng quy kết ở trong quy kết. Vì vậy trong một đời chúng ta sẽ thành tựu viên mãn, chúng ta khởi tâm động niệm đều phải như vậy mà tu, như vậy mà học, nhất định không được tự tư tự lợi, niệm niệm đều là vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, tự nhiên có thể làm mẫu mực của xã hội đại chúng.

“*Tất bát phục hiện*”. Đại Tự Tại Thiên Vương ngồi trong hội của Đức Phật thì quang minh phước đức của họ đều không thể hiển hiện. Ví như dưới ánh sáng mặt trời mà thấp vô vàn vô lượng đèn cầy thì ánh sáng của đèn cầy đều không thể hiện rõ,

đây là ví dụ mà mọi người đều hiểu. Ví dụ này giải thích rõ ý là khi ở trước Phật thì chỉ cảm nhận được bầu không khí của Đức Phật, còn bầu không khí của Đại Tự Tại Thiên gần như trở nên không hề có vậy.

“*Kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, mạc bất mục huyễn*” (người chiêm ngưỡng thân Như Lai không ai không lóa mắt)_ đây là lời tán thán, ca ngợi. Chúng ta ngày nay sinh phải thời kỳ mạt pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật cách chúng ta hơn 3.000 năm rồi, trên thực tế bầu không khí của Đức Phật là vĩnh hằng, là khắp pháp giới. Chúng ta có thể cảm nhận được không? Được! Chỉ cần chúng ta tu hành theo giáo pháp ắt có thể đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lúc ấy hẳn là sẽ cảm nhận được bầu không khí Chư Phật Như Lai. Bầu không khí của Chư Phật Như Lai, chính là bầu không khí của Chân như bản tánh, không phải bên ngoài đến, bầu không khí chân như bản tánh, lý nào lại không tận hư không khắp pháp giới.

Do vậy mà biết được, vốn thật chúng sanh và Đức Phật là bình đẳng. Ngày nay không bình đẳng là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình tạo thành, xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thật sự bình đẳng. Tự tánh vốn đã tự đầy đủ đức năng, hảo tướng, Đức Phật chỉ bày ra cho chúng ta thấy: đó là quả đức của chúng ta. Chúng ta ngày nay bất hạnh nhiễm phải vô minh, trần sa, kiến tư phiền não. Giống như người hút ma túy bị nghiện thuốc. Giáo pháp của Đức Phật chính là thuốc giúp chúng ta cai nghiện, chúng ta phải chịu nhận lấy thuốc thì bệnh của chúng ta mới trừ bỏ tận gốc rễ. Sau hồi phục, bình thường chính là Chư Phật Như Lai. Đức Phật đã giúp chúng ta, chúng ta phải nên tiếp nhận, phải chăm chỉ nỗ lực học tập để hồi phục lại tánh đức và trí huệ đức tướng của mình.

Đoạn Kinh văn này có vẻ như bình thường nhưng thực tế hàm nghĩa vô cùng sâu sắc, thể hiện nội dung chính của việc quán tượng niệm Phật. Chúng ta phải hiểu được cách để học tập theo Đức Phật, biết được tự thân khởi tâm động niệm, cho dù là ý niệm cực kỳ nhỏ cũng có quan hệ mật thiết với y báo, chánh báo. Cho nên bất luận chúng ta có được thân tướng như thế nào, bất kể sống trong hoàn cảnh nào, không có gì là không phải tự tâm biến hiện. Đây mới thật hiểu được chân tướng sự thật của “*tâm hiện thức biến*”. Chính nguyên nhân như vậy Đức Phật mới nói: “*Trí giả tri dĩ, ưng tu thiện nghiệp*”. Chữ “*Ứng*” này ý là khuyên bảo, nhưng trên thực tế, nó có ý nghĩa là “*Pháp như thị*” (Pháp vốn dĩ như vậy). Cho nên họ sẽ tu thiện nghiệp một cách tự nhiên mà không cần người khuyên bảo. Như vậy có thể thấy, chúng ta ngày nay không hiểu được tu thiện nghiệp, thì đối với chân tướng sự thật hoàn toàn không thấu hiểu, đây cũng là biểu hiện tâm quan trọng của giáo dục vậy.

Kinh văn: “*Nhữ hựu quan thử chư đại Bồ-tát, diệu sắc nghiêm tịnh, nhất thiết giai do tu tập thiện nghiệp phước đức nhi sanh.*”.

Đoạn trước đã giảng về quán thân Phật. Thân Phật là do trăm ngàn ức phước đức sanh ra, thân Phật là biểu hiện cho tánh đức, tánh đức là cứu cánh viên mãn. “*Bách thiên ức*” (trăm ngàn ức) đây là cách nói hình dung, trên thực tế là vô lượng vô biên phước đức, không những chúng ta nói không hết mà cả Chư Phật Như Lai khác đồng thanh tuyên nói đến vô lượng kiếp cũng nói không hết. Vì đây là xứng tánh thì không ai có thể nói được.

Nội dung của đoạn này là giảng về diệu sắc thân của Bồ Tát. Khi chưa thành Phật, diệu sắc thân trang nghiêm của Bồ

Tát là thuộc về tu đức. “Diệu sắc” là là sắc tướng, “trang tịnh” nghĩa là trang nghiêm và thanh tịnh. Trong Kinh thường dạy “32 tướng tốt 80 vẻ đẹp” là thuộc về tu đức của Bồ Tát, là tướng hảo trên quả vị Như Lai. Đại Kinh thường dạy “thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo” (thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp). Đây là tu đức viên mãn, tánh đức hiện tiền, mới có trang nghiêm thù thắng như thế.

“Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp” là “liệt ứng thân” của Bồ Tát thị hiện ở thế gian. Trong Kinh văn, Đức Phật giảng “Bồ Tát hiện thị thành Phật”, giống như lời giảng trong “Phẩm Phổ Môn”: “*Cần vì thân Phật mà độ liền hiện ị thân Phật mà thuyết pháp*”. Chắc chắn hiện thân này là hiện cùng loại thân. Vì thế, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật ở nhân gian chúng ta, nhất định thị hiện ở cõi người.

“Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp” là quả báo, có quả ắt phải có nhân. Ví dụ trong phần Kinh ngợi khen “*quảng trường thiết tướng*” (ý nói tướng lưỡi rộng dài) của Đức Phật, đây là quả báo của đời đời kiếp kiếp không vọng ngữ của Đức Phật. Đức Phật dạy một người ba đời không vọng ngữ, thì đầu lưỡi có thể liếm đến chóp mũi của mình. Chúng ta đầu lưỡi đưa ra liếm không tới được, chứng tỏ chúng ta thường vọng ngữ. Từ đó có thể thấy, tuy giảng về “Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp” nhưng cơ bản nền tảng của nó vẫn không rời mười thiện nghiệp. Nếu tu tốt mười thiện nghiệp rồi, diệu sắc trang nghiêm thanh tịnh sẽ hiện tiền một cách tự nhiên.

Bốn chữ “Trang – Nghiêm – Thanh – Tịnh” này quan trọng nhất là chữ Tịnh. Tịnh là tâm thanh tịnh. Những lời dạy của Đức Phật, chúng ta có thể quy nạp thành “Chân thành – Thanh tịnh – Bình đẳng – Chánh giác – Từ bi”. Nếu chúng ta

không chân thành, chắc chắn không thanh tịnh, chúng ta không bình đẳng, cũng sẽ không thanh tịnh, nếu mê hoặc, không có trí huệ cũng không thanh tịnh, tâm địa không từ bi cũng không thanh tịnh. Vì thế một điều thành tựu thì nhất định đầy đủ viên mãn năm điều, như vậy sắc tướng mới trang nghiêm.

Sắc tướng gọi là “diệu”. Diệu ở chỗ nào? Trong Kinh Kim Cang dạy “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”_đây chính là diệu, hay nói cách khác “chấp tướng” thì không phải là diệu rồi. Nói cho rõ hơn, khi sáu căn (lục căn) của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, khởi tâm động niệm thì không gọi là diệu rồi. Chư Phật Bồ Tát và phàm phu khác nhau là ở chỗ này. Chúng ta thấy sắc, nghe âm thanh thì khởi tâm động niệm, chịu sự cảm dỗ của cảnh giới bên ngoài, tùy thuận theo ý thích của mình mà khởi tâm tham, tùy thuận sự chán ghét của mình mà khởi tâm sân hận. Đây là phàm phu, đây là tạo nghiệp, quả báo được nhận đương nhiên không thù thắng. Ngược lại, sắc tướng của Chư Phật Bồ Tát là tùy thuận tánh đức, tánh đức là chí thiện.

“Tam tự kinh” viết “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” tánh là tự tánh, bốn tánh, bốn hạnh là thuần tịnh thuần thiện, thiện này không phải thiện trong “Thiện – Ác”, thiện trong “Thiện – Ác” chỉ mang tính tương đối. Cái thiện tương đối trong “Thiện – Ác” chỉ là tập tánh, không phải bốn tánh. Chữ tánh trong câu “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” là chân tánh, bốn tánh. Tất cả chúng sanh đều như vậy, không hai không khác nhưng tập tánh có thiện, có ác, “Thiện – Ác” này là thiện ác có tính tương đối không giống với ý nghĩa của “*Tánh bốn thiện*”.

Tứ thánh pháp giới mà trong kinh dạy gồm có Thanh văn (A la Hán), Duyên giác (Bích Chi Phật), Bồ Tát và Phật (Pháp

giới Phật trong mười phương pháp giới). “ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp” của Phật là tu đức, không phải tánh đức, vì còn chưa kiến tánh cần phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân thì tánh đức mới hiện tiền, đến lúc này mới là “*Thiên vạn ức phước đức sở sanh*”. Thiên vạn ức phước đức không phải là tu mà có mà là tự tánh vốn đầy đủ.

Ngày nay, chúng ta phần nhiều là phàm phu, nhất định phải “*Tự tri chi minh*” (tự mình biết mình). Cái gọi là “*nhân quý tự tri*” (làm người, quý nhất ở chỗ phải tự hiểu rõ bản thân mình) nghĩa là một người quan trọng nhất là phải hiểu chính mình, rồi mới nói đến tu hành, nếu tự mình không nhận thức mình thì không thể bàn đến tu hành. Then chốt nhất của việc tu hành là đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, nhưng nếu không hiểu cái gì là thiện ác, mê ngộ thì tu hành biết khởi từ đâu? Không những tu không được mà học cũng không xong. Tuy nói mỗi ngày chúng ta có tụng Kinh, nghe Kinh nhưng liệu có thật nghe hiểu và lý giải thấu đáo được không? Không! Sao có thể khẳng định như vậy? Vì nếu thật sự nghe hiểu, thật sự lý giải thì ý nghĩ liền xoay chuyển lại rồi.

Phật pháp không dùng “giáo học” mà dùng “giáo hóa”. Người sau khi được “giáo” rồi sẽ thật thông hiểu, thật sự sáng rõ, lập tức liền sản sanh biến hóa, hóa mê thành ngộ, hóa ác thành thiện, hóa phàm thành thánh. Cổ nhân gọi là “*Độc thư biến hóa khí chất*” (đọc sách có thể làm thay đổi khí chất của con người). Chữ “hóa” theo như cách nói ngày nay là dựa vào thành tích mà quan sát, còn “giáo” là dựa theo sự tướng mà nói. Rốt cuộc thì hiệu quả không và hiệu quả ra sao? Vậy thì phải xem chúng ta thay đổi được bao nhiêu, thay đổi ít thì thấu hiểu

được ít phần, thay đổi nhiều thì thấu hiểu được nhiều phần, còn nếu thay đổi lớn thì chúng ta thật sự thấu suốt rồi.

Tập khí, nghiệp chướng của phàm phu vô cùng nặng nề gây nhiều cản trở đối với lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Ví như tuy mỗi ngày chúng ta đều học tập, nghe giảng nhưng không chút may mắn thay đổi thì phải dùng phương pháp gì để tiêu trừ nghiệp chướng? Phải huân tập lâu dài! Bởi phiền não tập khí cũng do huân tập trong khoảng thời gian dài mà thành nên nếu chúng ta có thể huân tu giáo huấn thánh hiền trong thời gian dài thì cũng sẽ có một ngày giác ngộ. Căn tánh của chúng sanh không giống nhau, nỗ lực của mỗi người cũng không giống nhau, thời gian thành tựu cũng không nhất định nhưng nếu chăm chỉ nỗ lực học tập nhất định có thể rút ngắn thời gian mà sớm giác ngộ.

Chúng ta không những nỗ lực học tập Kinh điển, điều quan trọng nhất là phải đem giáo học trong Kinh điển áp dụng vào đời sống thường ngày; nếu rời xa đời sống thường ngày, thì cánh cửa giác ngộ liền bế tắc _ điểm này phải thấu hiểu. Tại sao cổ nhân chỉ cần ba năm, năm năm, tám năm hay mười năm đã có thể khai ngộ? Đó chính là họ có thể đem điều học được áp dụng thực hành. “Tín – Giải – Hành – Chính” học tập theo Kinh điển là “tín”, “giải”; sau khi “giải” rồi áp dụng những điều đã học vào cuộc sống thường ngày là “hành”. “Hành” ở đây là thực nghiệm, thông qua thực nghiệm chứng thực điều chúng ta hiểu được là không sai. “Chứng” chính là chuyển phàm thành thánh, chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ. Nếu chúng ta không thể áp dụng điều đã học trong Kinh điển vào đời sống, công việc, đối người đãi vật thì làm sao có thể khế nhập vào cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Khế nhập chính là “Chứng”, cho

nên nếu không có “hành”, “chứng” thì dù có học (Phật pháp) vẫn không thể hóa mê thành ngộ, hóa phàm thành thánh được.

“*Tu tập thiện nghiệp phước đức*”, câu này thiên về mười thiện nghiệp. Chúng ta nếu thật sự muốn đạt được giác ngộ, phải thành tâm kiên định, vĩnh viễn lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lời, nói lời ác nghiệt, nói lời thù dật; diệt sạch những tham, sân, si, và từ trong nội tâm đem mười ác nhỏ sạch. Đây là tu đức mà nói.

Kinh văn: “*Hựu chư thiên long bát bộ chúng đấng, đại oai thế giả, diệt nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh*”.

Chữ “oai” trong “Đại oai thế giả” nghĩa là có uy đức, còn chữ “thế” là có thế lực_ đây là chỉ người đứng đầu, người lãnh đạo ngành nào đó trong đời sống. “*Diệt nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh*” (cũng là nhờ thiện nghiệp nhiều đời mà có được). Tức nếu như không phải thiện nghiệp phước đức nhiều đời nhiều kiếp thì uy thế nhất định không được như vậy. “Đại oai thế” là quả báo, có quả ắt có nhân, nhân đó là nhân thiện đã được trồng.

Đức Phật đưa một ví dụ “chư thiên”, đó là nói về Thiên vương (vua trời). Cõi Vô Sắc Giới Thiên (cõi Trời Vô Sắc Giới) không có thân tướng thì không nói đến. Từ chỗ có sắc tướng của cõi Sắc Giới Thiên (cõi Trời Sắc Giới) mà nói. Đỉnh trời Tứ thiên Ma Hê Thủ La Thiên vương, đỉnh trời Sơ thiên Đại Phạm Thiên vương, phía dưới là sáu tầng trời dục giới. Đây đều là Chư Thiên, chư thiên hướng lên trên, càng lên cao phước báo lớn hơn tầng dưới, chúng ta không thể tưởng tượng được. Phía dưới những tầng đó là vua trời cõi nhân gian mà ngày nay gọi là người lãnh đạo quốc gia. Những người có uy thế lớn này được

rất nhiều người ủng hộ, chắc chắn không phải là ngẫu nhiên, mà đều do thiện căn phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp mà sanh ra.

Người có đại oai thế trên thế gian đều phải tu thiện nghiệp phước đức. Thiện nghiệp phước đức chính là vì người mà xả thân, hy sinh bản thân, phụng hiến cho người khác. Nếu chúng ta không thể xả thân vì người thì những tham, sân, si mạn chắc chắn sẽ ngày càng nhiều lên thêm. Khi tham, sân, si, mạn đã nhiều lên rồi thì dù có học Phật cũng phải đọa tam đồ ác. Như chuyện bạn học của Ngài An Thế Cao là Long Vương của Hồ Cộng Đình là một ví dụ rất là hay. Trong truyện ký của An Thế Cao, Ngài thường khen ngợi người bạn học này là người “minh kinh hiểu thí”, thông đạt giáo lý, thích giảng Kinh lại thích bố thí. Tuy nhiên, lúc ông ra ngoài khát thực, thấy cơm và thức ăn trong bát không tốt, trong tâm không hoan hỷ liền nghĩ “*tôi cống hiến cho xã hội nhiều như vậy, xã hội trả ơn cho tôi là như vậy*”, lòng cảm thấy khó chịu. Người này vì khởi lên ác niệm như vậy, cuối cùng đọa vào con đường súc sanh đi làm Long Vương. Nghĩ lại, đức hạnh, phước đức của chúng ta ngày nay không sánh bằng ông, ác nghiệp của chúng ta tạo ra so với ông càng nặng hơn. Ông đọa làm Long Vương, chúng ta đọa vào cõi nào đây? Chúng ta xem những công án này phải tự mình cảnh tỉnh, một suy nghĩ sai lầm, vạn kiếp khó khôi phục lại vậy.

Kinh văn: “*Kim đại hải trung, sở hữu chúng sinh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm, tác thân ngữ ý chư bất thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo*”.

Trước tiên Đức Thế Tôn để chúng ta quan sát quả báo phước đức thiện nghiệp của thế xuất thế gian, sau đó lại quay lại

xem thử. Chúng sanh hữu tình trong sáu cõi tạo tác nghiệp bất thiện, từ quả báo đó mà hình thành sự so sánh mạnh mẽ. Điều này chứng tỏ vì sao Đức Phật nói “*Trí giả tri dĩ, ung tu thiện nghiệp*”.

“*Kim đại hải trung sở hữu chúng sanh*”(Nay tất cả chúng sanh trong đại hải). “Đại hải ”là ví dụ chúng sanh hữu tình trong lục đạo (sáu cõi). Trong “Hình sắc thô bỉ” thì “hình” là thể chất, là hình dáng thân thể; “sắc” là màu da, là dung mạo, nhan sắc; “thô bỉ” là thô ác bỉ lậu. Cụm từ “hoặc đại hoặc tiểu” là nói tới hình dáng. Nơi biển lớn có nhiều động vật to lớn đồng thời cũng có những loài tôm cá nhỏ bé; sự khác biệt nhỏ lớn đó cũng như sự khác biệt phước đức của chúng sanh. Ngạn ngữ có câu “nhân tâm bất đồng, các như kỳ diện” (tâm người khác biệt, mỗi người mỗi vẻ). Diện mạo mỗi người khác nhau, tình trạng sức khỏe khác nhau, môi trường sống cũng có sự sai khác. Vậy nguyên nhân của sự sai khác này là gì? Là vì “*giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm*” (tất cả đều vì mọi tướng niệm trong lòng mà ra). “Tướng niệm” này là tướng niệm bất thiện, tư tưởng không thiện, lời nói và hành động đương nhiên không thiện. Cho nên quan sát đức hạnh của một người, có thể xem từ trong lời nói việc làm, lời nói việc làm chính là phản ứng tự nhiên của tư tưởng.

“*Tác thân ngữ ý chư bất thiện nghiệp*” thì “Thân” tạo sát, đạo, dâm; ngữ tạo vọng ngữ, nói năng hai lời, thêu dệt, ác khẩu; “ý” có tham, sân, si, mạn nên mới chiêu cảm quả báo bất thiện.

“*Thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo*”(tùy theo nghiệp mà tự thọ báo) chúng ta thấu hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, phải biết tự mình cần nhiều phước, đây mới thật sự là giác ngộ.

Chúng ta khởi tâm động niệm chiêu cảm quả báo thì chắc chắn bản thân tránh không khởi thụ nhận quả báo. Người thật sự thông đạt thì sẽ thấu hiểu đây là việc tự làm tự chịu, chắc chắn không có một mảy may can thiệp từ bên ngoài. Ngược lại, người ở thế gian không hiểu đạo lý này, nên oán trời trách người, như thế đều do người khác hay hoàn cảnh tạo thành nghiệp báo ấy chứ không phải do bản thân mình. Đây là sai lầm vô cùng lớn.

Phật dạy “Tứ duyên sanh pháp” nhưng con người chỉ thấy được một duyên, ba duyên còn lại thì không nhận ra. Những quấy nhiễu bên ngoài thuộc về tăng thượng duyên, còn tự bản thân thì có thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên. Những duyên này đều bị chúng ta lơ là. Nếu như tự thân có đủ ba loại duyên tốt này thì tăng thượng duyên chắc chắn không chịu quấy nhiễu. Cho nên Chư Phật Bồ Tát không nhiễm quấy nhiễu; người tu học thiền định không bị quấy nhiễu. Từ đó có thể thấy, quấy nhiễu là do ba loại ác duyên của tự bản thân mình cùng tăng thượng duyên bên ngoài kết hợp với nhau. Nguyên nhân thật sự chính là điểm này.

Đức Phật dạy chúng ta “*Dĩ khổ vi sư, dĩ giới vi sư*” (Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy). Tu học của Tiểu thừa vô cùng coi trọng khổ hạnh, ở trong khổ hạnh rèn luyện ý chí, tôi luyện thân tâm, thành tựu pháp khí. Về việc này có thể lấy Tôn Giả Ca Diếp làm đại biểu. Đại thừa ở trong pháp giới vô chướng ngại thành tựu công đức viên mãn của mình. Đại thừa ở trong thuận cảnh tu hành. Về việc này có thể lấy Thiện Tài Đồng Tử làm đại biểu. Ngài sanh trong gia đình phú quý, sống đời sống vinh hoa phú quý, ở đây thành tựu công đức viên mãn. Đại thừa là thánh nhân. Họ có thể thành tựu ở thế giới cực lạc vì bất luận họ ở trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên

đều không động tâm, không phân biệt, không chấp trước, cho nên mới có tư cách hưởng thọ cực lạc, thế giới Hoa Tạng viên mãn. Nếu như ở trong thuận cảnh, thiện duyên, vẫn còn tham ái, nghịch cảnh ác duyên vẫn còn sân hận thì đó chỉ là phàm phu.

Kinh Kim Cảnh dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”. Chúng ta bình tĩnh quán sát. Đời người đích thực là một giấc mộng. Ngày hôm qua qua rồi, không trở lại nữa, trước mắt từng sát na qua đi, đều không trở lại, chúng ta từng bước đi về hướng mộ phần, đi về hướng đường chết, đến một hơi thở hít vào mà còn phải thở ra thì thế gian này cái gì là của chúng ta? “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (vạn thứ đều không thể mang theo, chỉ có nghiệp là mang theo bên mình). Đây là lời Đức Phật khuyên dạy. Người dạy rằng thứ duy nhất đi theo chúng ta chỉ có nghiệp lực mà thôi, tất cả những điều còn lại từ đồ vật đến con người thì tuyệt nhiên không. Vậy thì phải buông bỏ, dứt khoát không thể để những thứ “không thể mang theo” mà khởi tâm động niệm. Tạo phước đức thiện nghiệp có thể mang theo, tạo ác nghiệp cũng sẽ mang theo vì tại sao không đoạn ác tu thiện, kết thiện duyên với tất cả chúng sanh?

Người thật sự thấu hiểu đạo lý, thông đạt chân tướng sự thật, thì chắc chắn không tạo ác nghiệp. Không những không tạo ác nghiệp mà ngay cả một niệm ác cũng không khởi. Vì sao? Vì sẽ có hại cho bản thân, cho nên sẽ không tự mình hại mình. Tự bản thân không những nói lời thiện, làm việc thiện, mà khởi tâm động niệm đều thiện. Chúng ta làm như thế vì chúng ta biết những thứ này có thể mang theo, đây là lợi ích lớn cho chúng ta, có thể thành tựu phước báu đại uy đức. Cho nên nếu chúng ta có ý nghĩ ác, hành vi ác ắt phải đổ vào ác đạo.

Rất nhiều người trong cuộc sống thường ngày tạo tác ác nghiệp mà tự mình không biết. Ví dụ như đi du lịch, đoàn sắp xếp bảy giờ phải lên xe xuất phát. Chúng ta đến trễ năm phút làm cho rất nhiều người trên xe đợi chúng ta, đây chính là ác nghiệp, chúng ta phải thiếu nợ với bao nhiêu người đó, chúng ta không tuân thủ quy tắc, muốn chiếm phần hơn với người khác. Tôi từng nghe kể, Đại Sư Hoàng Nhất khi ở Nhật. Ngài hẹn với người bạn tám giờ gặp mặt, tám giờ một phút người bạn này vẫn chưa đến, Ngài liền đóng cửa lại, một lát sau người này đến. Ngài ở trong cửa sổ mắng người bạn này một trận, đuổi về, vì người bạn này không giữ đúng giờ. Đây là một ví dụ dễ thấy nhất trong đời sống hàng ngày. Một người mê ngộ hoặc điên đảo quá lâu, muốn giác ngộ không phải là chuyện dễ dàng.

Mọi người đều biết niệm: A Di Đà Phật. Tuy niệm nhưng không thật sự áp dụng vào cuộc sống thường ngày cho nên công phu không đủ lực. Nghĩa của “A Di Đà Phật” tiếng Trung Quốc dịch là vô lượng giác thêm hai chữ “Nam Mô” là quy y vô lượng giác. Vô lượng giác là đối với mọi người, mọi vật, mọi việc trong mọi lúc mọi nơi đều phải đạt được giác chứ không mê ngộ. Phật pháp là giáo dục đời sống. Dạy cho chúng ta sống như thế nào, làm việc như thế nào, xử sự đối với người tiếp vật ra sao. Chúng ta tuy học Phật rồi nhưng cuộc sống vẫn như cũ, sống vô cùng khổ, đây là nguyên nhân gì? Ăn mà không tiêu hóa được, chính là vì mỗi ngày học Phật rồi mà không thể kết hợp với đời sống thành một thể, không biết sống như thế nào. Loại học này chính là “học mà không hành”.

Ví dụ như chúng ta mới bước vào đạo tràng Phật giáo điều trước tiên thấy được là tượng Bồ Tát Di Lặc. Bồ Tát Di Lặc luôn tươi cười là để dạy chúng ta luôn tươi cười với mọi người.

Cái bụng to lớn của Ngài là dạy ta phải phước lớn tâm lượng lớn. Phải hiểu được bao dung, đây là giáo dục đời sống. Trong Tứ Đại Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương dạy chúng ta phải tận lực làm tròn trách nhiệm, Tăng Trưởng Thiên Vương dạy chúng ta phải cầu tiến bộ, Quảng Mục Thiên Vương dạy chúng ta thấy xem nhiều, Đa Văn Thiên Vương dạy chúng ta phải nghe nhiều. Thấy nhiều, nghe nhiều, nói ít chính là “*nói nhiều lời, không bằng bớt nói một câu, bớt nói một câu, không bằng không nói*”. Như thế tâm địa mới thanh tịnh tự tại. Ngài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát cũng khuyên chúng ta “ít nói một câu, niệm nhiều một câu Phật, đánh ý nghĩ chết, để pháp thân sống”.

Cho nên, qua những ví dụ, so sánh mạnh mẽ của việc có phước báu, có uy đức với không có phước báu, uy đức, chúng ta phải giác ngộ, phải hiểu được ý nghĩa mà Phật Đà giảng dạy. Từ trong đây mới có thể cảm nhận được sự từ bi chân thật của Phật Đà.

Kinh văn: “***Nhữ kim dương ung như thị tu học, diệt linh chúng sanh, liễu đạt nhân quả, tu thập thiện nghiệp***”.

“*Dương ung*” là những việc mà lúc này chúng ta phải làm. Trong cụm từ “*Như thị tu học*”, hai chữ “*Như thị*” này là từ đầu đến cuối. Phần trước dạy chúng ta nhận biết “*Nhất thiết pháp do tâm tưởng sở sanh*” (*Tất cả pháp do tâm tưởng mà sanh*) và giảng cái gọi là “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” trong Kinh Hoa Nghiêm. Tướng là tâm hiện, nhất định không có thiện ác, tốt xấu ; tướng là diệu tướng thanh tịnh bình đẳng. Sao lại có sự biến hóa phức tạp như vậy? Bởi vì tướng là do tâm sinh ra mà phần sau sẽ bàn cụ thể hơn. Tất cả “*giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm*”, những tướng niệm trong lòng này có thiện, có ác, cho nên đã làm thay đổi tướng thanh tịnh bình đẳng. Kỳ

thật chân tướng vĩnh viễn không thay đổi, thay đổi là vì vọng tâm đang thao túng, vọng tâm biểu hiện thành vọng tưởng, không phải chân tướng.

Chân tướng là gì? Nhất chân pháp giới là chân tướng. Thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm là chân tướng, thế giới Cực Lạc của pháp môn Tịnh Độ là chân tướng, thường trụ bất biến (không đổi). Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay đây! Cổ đức có câu “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thực bất khứ*” (sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật sự chẳng đi). Câu này vô cùng khó hiểu. Giống như cách mà khoa học hiện đại nói là không gian không cùng tần số, chúng ta lấy ví dụ những kênh khác nhau trên màn hình ti vi. Trong Phật giáo thường gọi “Thập pháp giới”. “Một pháp giới hiện thì chín pháp giới ẩn” cũng giống như màn hình ảnh ti vi, có mười kênh khi ta ấn một kênh thì tướng của kênh này hiện ra, còn chín kênh kia đều ẩn rồi. Đổi một kênh khác thì tướng của kênh khác hiện ra, tướng mới vừa nãy lại ẩn mất rồi. Nhưng thật ra các kênh ấy đều cùng ở chung không tách rời. Tương tự như vậy, Thập pháp giới, Bách pháp giới, Thiên pháp giới cũng chính là một pháp giới. Từ ví dụ này chúng ta mới hiểu được “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*”.

Đây chính là chuyển đổi tần số không gian. Đem không gian nhân gian chuyển thành không gian Hoa Tạng, chuyển biến thành không gian thế giới Cực Lạc. Việc này cũng giống như chuyển kênh đài vậy. Vậy thì nút ấn chuyển kênh ở đâu? Nút ấn ở “khởi tâm động niệm”, “từ tâm tướng sanh”. Ngày nay, chúng ta đang mượn những công cụ khoa học để lý giải, giúp chúng ta dần dần thể hội được chân tướng vũ trụ nhân sanh mà trong

Kinh dạy, hiểu cái gọi Thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Như vậy chúng ta đều có thể thông đạt, thấu hiểu.

Chữ “Như thị” ở chỗ này đặc biệt chỉ “tu tập thiện nghiệp” không những tự bản thân phải “*như thị tu học*” mà còn “*diệt linh chúng sanh, liễu đạt nhân quả*”. Chữ “Liễu” trong câu này là hiểu rõ, còn “Đạt” là thông đạt. Nền tảng cơ bản của Phật giáo được xây dựng trên thuyết giáo dục nhân quả. Nhân quả là có thật, như “trồng dưa thì được dưa, trồng đậu được đậu” vậy, tuyệt đối không phải mê tín. Cho nên thế xuất thế gian pháp đều không tách rời nhân quả, như kinh Pháp Hoa giảng về Nhất thừa nhân quả, kinh Hoa Nghiêm giảng về Ngũ chu nhân quả. Có bộ Kinh nào không giảng nhân quả đâu! Trồng nhân thiện nhất định được quả thiện. Người tâm thiện, niệm thiện, hành thiện chắc chắn được báo ứng thiện. Chúng ta đối đãi tốt với người, thì người cũng đối tốt với mình như câu “*Kính nhân giả, nhân hằng kính chi*” (mình kính người thì người cũng kính lại với mình) vậy. Kính người là gieo nhân thiện, người ta tôn kính chúng ta là quả thiện. Đây là nhân quả. Chúng ta lấy ác ý đối đãi người đây là gieo nhân ác, người ta sẽ lấy ác ý đáp trả lại chúng ta _ đây là ác quả. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này.

Quyển Liễu Phàm Tứ Huân nói về “liễu đạt nhân quả” rất cụ thể, rất chi tiết nên Đại Sư Ấn Quang cả đời không tiếc sức lực hoằng dương quyển này. Việc này đã thể hiện trí tuệ chân thật, đại từ, đại bi của Đại Sư. Ngài biết trong xã hội hiện tiền giáo dục luân lý, đạo đức của nhà Nho bị sụp đổ, giáo dục Phật giáo cũng dần dần suy yếu, biến chất. Giáo dục trong trường học chỉ chú trọng khoa học kỹ thuật, kinh tế công thương mà lơ là giáo dục nhân văn. Vì vậy tuy thấy đời sống con người dồi dào sung túc nhưng tai nạn chồng chất. Con đường để cứu vãn chỉ

có luân lý đạo đức. Nếu như luân lý đạo đức mất đi thì người không ra người, nhà không ra nhà. Hiện nay tuy mọi người trên thế giới sống cuộc đời sung túc, điều kiện vật chất không thiếu nhưng thân tâm không cảm thấy an toàn_ giống như lời cổ nhân nói “*không phải là đời sống của con người*”. Những đạo lý và chân tướng sự thật này chúng ta không thể không thấu hiểu, không thể không thông đạt.

Ấn Quang Đại Sư cả đời ngài đề xướng ba bộ sách. Thứ nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Liễu Phàm Tứ Huấn dạy chúng ta “liễu đạt nhân quả”. Thứ hai là Cảm Ứng Thiên Hội Biên, bộ này dạy chúng ta phải “tu tập thiện nghiệp”, đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện. Thứ ba là An Sĩ Toàn Thư, Ngài lấy quyển này làm tóm lại cho phần “tu tập thiện nghiệp”. An Sĩ Toàn Thư phân làm 4 thiên. Thiên thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn” giảng về tiêu chuẩn của thiện ác; thiên thứ hai Vạn Thiện Tiên Sư chuyên giảng về giới sát; thiên thứ ba Dục Hải Hội Cuồng chuyên giảng về giới dâm; thiên cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ, mong mọi người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Vậy là cuộc đời đã viên mãn rồi. Nếu chúng ta có thể có thể tin tưởng, hiểu rõ, y giáo phụng hành theo những điều dạy của ba bộ sách này, chắc chắn vãng sanh làm Phật. Cho nên, hai câu nói “*Liễu đạt nhân quả, tu tập thiện nghiệp*” cũng chính là sự nghiệp cả đời của Tổ Ấn Quang.

Đức Thế Tôn khai thị ở đoạn này, kỳ thật chính là sự đúc kết cả đời cứu độ chúng sanh khổ nạn của Tổ Ấn Quang. Ngôn ngữ tuy vô cùng đơn giản nhưng ý nghĩa vô cùng sâu rộng, chúng ta phải thể hội kỹ càng, phải cố gắng nỗ lực học tập, ngay trong đời này chắc chắn đạt thành tựu. Có như vậy thì sống trên đời mới không uổng phí, mục tiêu của chúng ta sẽ đạt được rồi.

Kinh văn: **“Nhữ đương ư thử chánh kiến bất động, Vật phục đọa tại đoạn thường kiến trung, ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng. Thị cố nhữ đẳng diệc đắc nhân thiên tôn kính cúng dường”**.

Đoạn này Đức Thế Tôn đúc kết lại, khuyến khích chúng ta “*nhữ đương ư thử*” ở đây ý chỉ Long Vương mà Long Vương đại biểu cho mọi người chúng ta. Đức Phật khuyên chúng ta đối với sự việc này phải làm đến “*Chánh kiến bất động*”. “Chánh kiến” là kiến giải chính xác, quyết định không thể bị tà kiến làm dao động, đặc biệt “không đọa vào trong đoạn thường kiến nữa”. “Đoạn thường kiến” là cách nhìn sai lầm của Ấn Độ thời xưa. “Đoạn kiến” cho rằng “người chết rồi như đèn tắt”, chết rồi tắt cả đèn không còn nữa, không tin có kiếp sau, không tin có báo ứng. Đây là kiến giải sai lầm. Còn một “Thường kiến” nữa, đó là cho rằng người chết rồi, 20 năm sau lại đầu thai thành một hảo hán_đây cũng là sai lầm.

Người thế gian thường nói “*Người không vì bản thân mình trời tru đất diệt*”, thử hỏi có người nào mà không vì mình? Đây là sai lầm, đây không phải chánh kiến, đã dẫn sai đường cho rất nhiều chúng sanh, sao gọi là chánh kiến? Là một người vì xã hội, vì chúng sanh, không vì bản thân mới là chánh tri chánh kiến.

Ở Singapore có vị đại phú ông Trần Gia Canh, tay trắng làm nên sự nghiệp, phát tài giàu to. Ông mở trường khắp nơi, đề xướng giáo dục, giúp đỡ một số người khổ nạn. Có một lần nọ, đưa con trai của ông bị kẻ cướp bắt cóc tống tiền. Kẻ cướp đưa ra số tiền để chuộc. Ông thông báo với kẻ cướp “Người đem con trai tôi giết đi là xong rồi. Tôi một xu cũng không đưa

cho người. Toàn bộ tiền của tôi để làm sự nghiệp từ thiện công ích, tuyệt đối không để lại cho con cháu”. Sau đó, kẻ cướp thả con trai của ông ra. Đây đích thực là làm sự nghiệp phước lợi từ thiện xã hội, niệm niệm đều vì người khác mà nghĩ, nghĩ cho xã hội, không vì bản thân mình. Đây là chánh tri, chánh kiến.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân vương tử, có thể hưởng thụ cuộc sống giàu có sung túc, tại sao Ngài không hưởng thụ, mà còn mỗi ngày phải đi khất thực, ngủ ở dưới gốc cây vậy? Đó là để nói cho chúng ta phải buông xả vạn duyên. Ngài sanh ra trên đời này là để vì chúng sanh, vì xã hội chứ không phải vì bản thân cho nên Ngài không có nghiệp chướng. Còn nếu vì bản thân mình liền sanh ra nghiệp chướng, còn sống vì chúng sanh thì lấy đâu ra nghiệp chướng? Vì vậy, chúng ta ngày nay phải tiêu trừ nghiệp trước, đem ý niệm thay đổi liền ngay. Cho nên “vì mình” là quan niệm hoàn toàn sai lầm.

Tâm của chúng ta phải trụ trong chánh tri chánh kiến thì không bị dao động bởi những thứ bất thiện của xã hội. Phạm là tâm hành bất định thì dễ bị dao động, đều là tham cầu danh vọng lợi ích, hưởng thụ ngũ dục lục trần (5 dục, 6 trần). Nếu buông bỏ được những ý niệm này thì sao còn có thể bị dao động nữa? Chân tướng của nhân sanh vũ trụ là hiện tượng nhân duyên quả báo, pháp thế gian xuất thế gian không ngoại lệ. Nói trắng ra chính là sự chuyển biến của nhân quả, sự tương tục, tuần hoàn của nhân quả, cho nên nó không phải thường kiến cũng không phải đoạn kiến.

“*U chư phước điền, hoan hỷ kính dưỡng*”(đối với các phước điền phải hoan hỷ kính dưỡng). “Kính” là tôn kính, “dưỡng” là cúng dường. “Điền” (đất ruộng) là một cách nói thí

dụ, đất ruộng có thể sanh trưởng ngũ cốc lương thực, nhân đó có thể sanh phước nên mọi người gọi là phước điền. Phước điền có ba loại:

Loại thứ nhất “Kính điền”, gọi là “*Kính nhân giả, nhân hằng kính chi*”. Chúng ta tôn kính đối với người khác, người ta tôn kính đối với chúng ta. Đại biểu chủ yếu của “Kính điền” là Tam bảo. Chúng ta cung kính Tam bảo nhưng nên hiểu rằng phải đem sự cung kính Tam bảo dùng vào đối với tất cả chúng sanh. Ta cung kính đức Phật như thế nào thì ta cung kính tất cả chúng sanh như thế ấy. Cách làm này là “Hạnh Phổ Hiền”. Sự khác nhau của hạnh Phổ Hiền và hạnh Bồ Tát là ở chỗ: Hạnh Phổ Hiền là dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, không có cao thấp, xem Phật và chúng sanh đều bình đẳng, một dạ cung kính thì được quả báo không thể nghĩ bàn.

Loại thứ hai là “Ân điền”. Ân điền là lấy cha mẹ làm đại biểu, cha mẹ là người ân lớn nhất của chúng ta, chúng ta phải tri ân báo ân, đem tâm hạnh báo đáp công ơn cha mẹ dùng vào tất cả chúng sanh. Trong bài kệ hồi hướng “Trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường”, chúng ta có tâm báo ân này không? Nếu tâm báo ân còn không có thì lấy đâu ra hành động báo ân? Chúng ta lấy gì để báo ân? Dùng tâm thiện, niệm thiện, hành thiện. Cả đời nỗ lực tu thiện, dùng hành động này báo đáp ơn cha mẹ, báo đáp ơn thầy tổ, báo đáp tất cả chúng sanh ân cung cấp cho chúng ta tất cả điều kiện sinh hoạt trong cuộc sống.

Loại thứ ba “Bi điền”. Chúng ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn trên thế gian để họ thoát khỏi cảnh khốn khó. Đây là sự giúp đỡ vật chất nhưng quan trọng hơn là sự giúp đỡ về giáo dục, vì giúp đỡ vật chất chỉ mang tính nhất

thời, chỉ giải quyết những đau khổ ở trước mắt. Cổ nhân nói “Giúp ngật không giúp nghèo”. Trước mắt họ có tai nạn chúng ta phải cứu giúp họ, nhưng nghèo khó không có cách nào cứu giúp. Đối với sự nghèo khó nên giúp thế nào? Giúp bằng cách giáo dục, dạy họ năng lực kỹ thuật để họ tự mình có thể độc lập mưu sinh. Cho nên, lập trường học là phương pháp duy nhất để giúp cải thiện sự nghèo khó. Giúp họ phá mê khai ngộ, dạy họ kỹ năng mưu sinh, họ giác ngộ rồi thì có thể sống đời sống hạnh phúc viên mãn.

Bất luận là cổ thánh tiên hiền trong hay ngoài nước, không vị nào không coi trọng giáo dục, mà quan trọng nhất của giáo dục là giáo dục đức hạnh. Khổng Tử dạy học bốn môn: Thứ nhất là “Đức hạnh” là dạy đạo làm người, hiểu rõ quan hệ giữa người với người, hiểu được làm người như thế nào, dạy chúng ta làm người tốt, làm người thiện, làm người hiền và làm thánh nhân. Đây là giáo dục đức hạnh. Thứ hai là “Ngôn ngữ”. Cái gọi là “miệng là cửa của họa phúc” chính là ở chỗ dạy cho chúng ta nói năng chừng mực khi trong gia đình, khi ở giữa quần chúng; dạy chúng ta nhỏ, biết lớn, biết vai trò của mình. Đối với người như thế nào thì nên nói năng như thế này. Những điều này phải dạy từ ngày còn nhỏ. Cách này chính là “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (rèn luyện từ nhỏ thì sẽ hình thành tính như bẩm sinh, do thói quen mà thành ra như tự nhiên). Thứ ba là “Chánh sự” chính là huấn luyện về kỹ thuật, năng lực. Ngày nay gọi là giáo dục nghề nghiệp, giáo dục khoa học kỹ thuật. Chúng ta học thành rồi, tương lai trong xã hội có kỹ năng mưu sinh, có điều kiện phát triển. Thứ tư là “Văn học”, tức là sau khi chăm lo đời sống vật chất sung túc rồi thì mới nâng cao sự hưởng thụ đời sống tinh thần.

Giáo dục ngày nay bỏ qua có hai điều phía trước, chỉ có hai điều phía sau, cho nên xã hội phát sinh vấn đề. Hai điều gốc rễ phía trước không còn nữa, ví như hoa cắm trong bình, bề ngoài tuy nhìn đẹp mắt nhưng không có gốc. Xã hội vì thiếu gốc rễ nên dao động, hỗn loạn. Cách giáo dục như vậy là đã bỏ đi cách dạy học của cổ thánh tiên hiền mà không hề biết rằng nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền là chân thật phước điền. Vì lẽ đó, chúng ta trước tiên phải thật sự nhận thức phước điền, mới biết được làm thế nào gieo phước, vô cùng hoan hỷ tôn kính phước điền, rộng tu cúng dường.

“Thị cố nhữ đẳng, diệc đắc nhân thiên tôn kính cúng dường” chúng ta có thể làm được như vậy thì sẽ được nhân thiên tôn kính cúng dường. Nữ cư sĩ Hứa Triết ở Singapore cả đời bà đều làm việc này. Bà thật sự nhận thức được phước điền, đặc biệt là bi điền, cho nên cả đời chuyên chăm sóc người già, người bệnh, người nghèo nàn, khổ nạn. Vì vậy mà bà được nhân thiên tôn kính cúng dường, đại chúng xã hội không ai mà không tôn kính Bà. Điều mà Đức Phật dạy là ở chỗ này, chúng ta ở xã hội hiện nay tận mắt nhìn thấy tận tay được nghe cho nên “gieo trồng nhân thiện thì được quả thiện”. Đây là chân lý không mảy may hư dối.

Bồ Tát hữu nhất pháp năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ. Vị trú dạ thường niệm, tư duy, quán sát thiện pháp(Bồ Tát có một pháp, có thể đoạn trừ tất cả khổ trong ác đạo, đó là ngày đêm thường nghĩ, tư duy, quán sát pháp lành).

Kinh văn: *“Long vương đương tri : Bồ Tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhất? Vị trú dạ thường niệm, tư duy, quán sát thiện pháp,*

linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp. Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận chư Phật, Bồ Tát cập dư thánh chúng”.

Đoạn khai thị này là phần quan trọng nhất của bộ Kinh này. Không chỉ là trung tâm của bộ Kinh, mà cũng nói đó là điều cốt lõi mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật 49 năm giảng kinh nói pháp, giáo hóa chúng sanh.

Đoạn kinh này đã giảng hết sức rõ ràng về nội dung tu hành cho chúng ta. Pháp tu của chúng ta là Tịnh Độ, Tịnh Độ học từ đâu vậy? Cũng phải học từ thập thiện nghiệp đạo. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ kể về việc phu nhân Vi Đề Hy đã gặp biến cố gia đình và biến cố quốc gia. Đau khổ vô cùng, bà cầu hỏi Đức Thế Tôn chỉ dạy cho biết ở nơi đâu có hoàn cảnh sống tốt hơn, Bà muốn cầu sống nơi đó. Đức Thế Tôn vô cùng từ bi Ngài đem vùng đất của mười phương chư Phật biến hiện ngay trước mặt để Bà tự mình lựa chọn. Bà chọn thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Đức Thế Tôn vô cùng khen ngợi với sự lựa chọn của Bà. Bà muốn cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, vậy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy Bà như thế nào? Điều này chúng ta không thể không lưu ý.

Đầu tiên Đức Phật chưa dạy Bà phương pháp tu vãng sanh mà dạy Bà học tập “Tịnh nghiệp tam phước”. Điều thứ nhất là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Điều thứ hai “*Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”. Điều thứ ba “*Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả độc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả*”. Ba điều này là “Tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”. Pháp

môn tu hành của Tam thế chư Phật tuy không giống nhau, có vô lượng vô biên pháp môn nhưng đều lấy tịnh nghiệp tam phước làm căn bản. Đây là tổng cương lĩnh mà mười phương tam thế chư Phật dùng giáo hóa chúng sanh. Mà tổng cương lĩnh trên thực tế chính là hai câu đầu tiên “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Sự tu học Phật pháp bắt đầu từ chỗ này cũng viên mãn ở ngay đây, những điều còn lại sau đó đều là phương tiện.

Làm thế nào để thực hành viên mãn hai câu dạy này? Đó chính là nhờ vào chín câu còn lại. Từ câu “Từ tâm bất sát” trở về sau đều là pháp phương tiện, trong đó điều quan trọng nhất là “Từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là giảng giải hai câu này, cho nên không hiểu Thập Thiện Nghiệp Đạo thì “hiếu thân tôn sư” chỉ là hai câu khẩu hiệu trống rỗng, mà không hề thực hành trong đời sống. “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng” thực hiện ở “Từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Đây là “Tịnh nghiệp chánh nhân”.

Đặc biệt là muốn cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là Tịnh độ. Tịnh độ làm thế nào có thể vắng sanh? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì thân nghiệp thanh tịnh, ngữ nghiệp thanh tịnh. Tam nghiệp đều thanh tịnh. Phần mở đầu của Kinh Vô Lượng Thọ là nhắc nhở chúng ta cương lĩnh tu hành cũng là “Tịnh nghiệp tam phước”. Phật Đà dạy chúng ta phải “nên giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Đại Sư Huệ Năng cũng có dạy điều tương tự “*Nếu người chân thật tu hành, không thấy lỗi thế gian*”. Mỗi ngày nói lời thị phi, ý kiến nhiều, phê bình người khác thì không phải là người tu hành, càng không phải là đệ tử Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta “*khéo giữ thân nghiệp, không rời luật nghi, khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không*

nhiễm”. Chúng ta phải làm theo lời dạy này cho đến khi tâm thuần tịnh hành thuần thiện. Vậy phải bắt đầu làm từ đâu? Chính là bắt đầu làm từ đoạn Kinh văn này.

“*Long Vương đương tri*”(Long vương nên biết). Ta kiệt La Long Vương là người đương cơ của bản Kinh, cũng là đại diện cho con người chúng ta. Ta Kiệt La là tiếng phạn nghĩa là biển mặn, nước biển mặn biểu thị tâm chúng ta không thanh tịnh. Đức Phật gọi Long Vương đương tri cũng chính là gọi chúng ta, gọi chúng sanh lục đạo đương tri.

“*Bồ Tát hữu nhất pháp*”(Bồ Tát có một pháp), Đại Sư Huyền Trang phiên dịch “Bồ Tát” là “giác hữu tình”. “Hữu tình” tức là nói đến chúng sanh hữu tình trong mười pháp giới, chúng sanh hữu tình khi giác ngộ rồi thì gọi là Bồ Tát. Thế nào gọi là giác ngộ? Người có thể lìa khổ được vui là người đã giác ngộ. Người thế gian nghĩ rằng danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần là vui mà không hề biết đây là nguồn gốc của khổ. Kết quả của sự hưởng thụ dục lạc là quả báo ở tam đồ _ như câu nói “liếm mật ngọt trên lưỡi dao” vậy. Người thật sự giác ngộ thì buông xả lòng tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm vì chúng sanh, vì xã hội, vì chánh pháp trụ vững muôn đời, đoạn ác tu thiện, chuyển mê thành ngộ.

Đức Phật dạy cho chúng ta rằng Bồ Tát có một phương pháp “*năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ*”. “Chư ác đạo” không chỉ là ba cõi sáu đường (tam đồ lục đạo) mà bao gồm cả thập pháp giới ở trong đó. Cái khổ ở nhân gian, chúng ta có thể tự thân cảm nhận được. Trên trời tuy vui nhưng vẫn có hoại khổ, hành khổ, pháp giới. Tứ thánh pháp giới cũng có cái khổ đó là không phá vô minh chứng pháp thân. Chỉ cần sự khổ còn

hiện diện thì chính là ác đạo, thế nên, Tứ thánh pháp giới vẫn coi như là ác đạo. Vì vậy, khi so với Nhất chân pháp giới thì Tứ thánh pháp giới vẫn là ác đạo dù đối với Lục đạo (sáu cõi) nó là thiện đạo.

“*Hà đẵng vi nhất*”(sao gọi là một?). Vậy rốt cuộc Bồ Tát dùng pháp nào vậy? Đó chính là “*vi u trú dạ thường niệm tư duy quán sát thiện pháp*” (ngày đêm thường niệm tư duy, quán sát thiện pháp). “Thiện pháp” là gì? Thiện pháp chính là mười thiện nghiệp đạo, đây là nền tảng tu hành. Nếu không có nền tảng này thì không thể bàn đến niệm Phật, tu hành nữa. “Trú dạ” (ngày đêm) tức là 24 tiếng không gián đoạn. “Thường niệm” là ở trong tâm thật sự có tâm thiện. “Tư duy” là khởi tâm động niệm ý nghĩ thiện. “Quán sát” là lời nói việc làm hành vi thiện, thân – khẩu – ý không chứa điều bất thiện. Phải theo như vậy mới được. Trong lòng còn có tự tư tự lợi chính là tâm bất thiện. Lòng tự tư tự lợi là gốc rễ của bất thiện. Sao người ta lại gây ra tội nghiệp, gây ra mười điều ác vậy? Cũng đều là vì tự tư tự lợi, chỉ biết có tự bản thân mình, không nghĩ cho người khác. Đây là sai lầm căn bản! Thế mới thấy người trần còn nhiều mê muội, trong lòng vẫn luôn tự tư tự lợi.

Trong Kinh Kim Cang có dạy là “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ Tát*”, lại dạy thêm “*Nhược Bồ Tát hữu ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi Bồ Tát*”. “Kiến” ở đây là kiến giải, khởi tâm động niệm còn có cách nghĩ này, cách nhìn này thì không phải Bồ Tát. Người thật sự giác ngộ là “vô ngã”, vô ngã chính là không có tự tư tự lợi, còn có tự tư tự lợi đây là người mê hoặc, chưa giác ngộ.

Vì thế chúng ta nhất định phải học “*tâm thiện, ý nghĩ thiện, hành vi thiện*”. Nên bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ mười thiện nghiệp. Tuyệt đối không có ý nghĩ làm tổn hại chúng sanh, không những không thể sát sanh, ngay cả làm chúng sanh phiền não cũng không thể. Làm chúng sanh phiền não cũng ngang bằng với sát sanh. Mạng sống của con người có xác thân vật chất, có pháp thân huệ mạng tinh thần. Cho nên chư Phật Bồ Tát là phải làm tất cả chúng sanh thường sanh tâm hoan hỷ, tuyệt đối không khiến chúng sanh sanh lòng phiền não. Khiến chúng sanh sanh lòng phiền não chính là ma không phải Phật.

Có khả năng là Phật Bồ Tát đến để thử thách chúng ta hay không? Có. Phật Bồ Tát thử thách chúng ta, nếu chúng ta vượt qua được thử thách này, chúng ta nhất định thành tựu. Cũng giống như phương pháp dùng gậy đánh và quát to của Thiền Tông, nếu chúng ta thật sự có năng lực, có trí huệ thì một gậy đánh xuống là có thể khai ngộ. Đó thật sự là phương tiện. Thế nhưng ma cũng có năng lực này nhưng ma thật sự là dẫn dắt chúng ta chứ không phải thử thách chúng ta. Phật biết rằng, một tiếng hét lên, một thiền bảng đánh xuống thì chúng ta khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Còn ví như một tiếng hét lên, một thiền bảng đánh xuống mà chúng ta không khai ngộ thì Đức Phật tuyệt đối không dùng phương pháp này. Ma học phương thức này của Phật Bồ Tát để hại tất cả chúng sanh, còn tự mình nói tốt đẹp “Tôi thành tựu cho quý vị” chúng ta phải có năng lực phân biệt giữa Phật và ma, không thể bị ma lừa. Đây là cương lĩnh của sự tu hành “ngày đêm đều phải tư duy thiện pháp, tâm thiện, hành thiện”.

Khi thành lập Tịnh Tông Học Hội, tôi đề xuất năm môn tu học: Thứ nhất là “Tịnh nghiệp tam phước”, thứ hai là “Lục

hòa”, thứ ba “Giới định huệ tam học”, thứ tư “Lục độ”, thứ năm là “Phổ Hiền Thập Nguyện”. Đây là những thiện pháp cao hơn so với thiện pháp đang nói ở đây. Thế nhưng thiện pháp nói ở đây là lại là nền tảng, những thiện pháp kia, có cao hơn nữa cũng phải bắt đầu từ nền tảng. Năm môn này chúng ta phải thường xuyên ghi nhớ trong lòng phải thường niệm.

Thứ nhất “Tịnh nghiệp tam phước”. Một là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu*”. Trong đó, đầu tiên phải thực hiện “*dưỡng phụ mẫu chi thân*”, nghĩa là chăm nom đời sống vật chất, chăm sóc chu đáo; sau đó thì “*dưỡng phụ mẫu chi tâm*” tức phải làm cho cha mẹ thường sanh tâm hoan hỷ, đừng làm cha mẹ lo âu. Đây là tận hiếu! Thêm nữa là phải “*dưỡng phụ mẫu chi chí*” không phụ lòng kỳ vọng của cha mẹ đối với chúng ta. Thực hiện đủ ba điều này mới gọi là “Hiếu dưỡng phụ mẫu”.

Về việc mở rộng đức hạnh của “hiếu dưỡng phụ mẫu”, trong Kinh Bồ Tát Giới có dạy “*Tất cả người nam là cha mình, tất cả người nữ là mẹ mình*”. Câu này nghĩa là đem đức hạnh hiếu dưỡng cha mẹ mở rộng đến tất cả chúng sanh. Hay nói cách khác, chúng ta đối với tất cả chúng sanh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, phải tận tâm tận lực đi chăm sóc, giúp đỡ. Đây là đạo hiếu thuận, cùng chung sống với người khác, phải khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Nếu người khác không hoan hỷ đối với chúng ta, chúng ta nên cần phải xem lại, phản tỉnh không để cho tất cả chúng sanh thất vọng về ta.

“Phụng sự sư trưởng”, sư trưởng với cha mẹ là như nhau, chúng ta cũng phải chăm sóc đời sống cho thầy cô, chớ phụ lời dạy bảo và kỳ vọng của thầy cô. Phật pháp bắt đầu từ đây cũng phải viên mãn ngay chỗ này. Hai câu “Hiếu dưỡng phụ mẫu,

phụng sự sư trưởng” là căn bản, tất cả pháp mà Đức Phật dạy trong 49 năm đều là phương tiện. Dùng pháp phương tiện để thực hành hai điều căn bản này một cách viên mãn chính là “Phật đạo”.

Chúng ta bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chỗ “Từ tâm bất sát”. Bắt đầu từ tự mình bồi dưỡng tâm từ bi của mình mới có đủ lòng thành hiếu dưỡng cha mẹ, sư trưởng, đủ chí hiếu dưỡng cha mẹ sư trưởng. Được như thế mới gọi là đủ tâm từ bi. Tâm từ bi chính là tâm đại Bồ đề, được thực hành ở “tu thập thiện nghiệp”.

Cha mẹ, sư trưởng hy vọng chúng ta làm một người tốt trong xã hội, toàn tâm, toàn lực trợ giúp xã hội, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Phải từ những điều dạy căn bản này rồi mới nâng cao thêm, đó là “*Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”. Lên cao hơn nữa là lời dạy thứ ba “*Phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả*”. Thâm tín nhân quả không phải là nhân quả bình thường mà là “Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. Ba điều mười một câu này là “*Tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân*” được thực hành từ thập thiện nghiệp đạo.

Thứ hai “Lục hòa kính” (6 điều để duy trì sự hòa hảo, tôn kính). Điều đầu tiên là “Kiến hòa đồng giải” (Thấy biết giải bày cho nhau hiểu) không phải đồng với người khác mà là với Phật, với Bồ Tát, với Chân như bản tánh. Đức Phật không có lòng riêng, Bồ Tát không có lòng riêng tư, tâm hiện y chánh trang nghiêm cũng không có lòng riêng chính là đồng với điều này. Điều thứ 2 là “Giới hòa đồng tu”. Giới là Phật hành, chính là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vì chúng sanh làm mô phạm. 3 điều tiếp theo

“*Thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt*” (Thân hòa cùng ở, lời nói hòa hiệp, không tranh cãi nhau, ý hòa cùng vui) là ba điều được thực hiện áp dụng trong Thập thiện nghiệp đạo. Phàm là người không thể sống hòa đồng với đại chúng, chắc chắn tạo mười ác nghiệp, không phải tu thiện nghiệp. Cuối cùng “*Lợi hòa đồng huân*” (Lợi hòa cùng chia đều nhau). Người thật sự giác ngộ là người có thể vì người khác mà xả bỏ mình, mọi lợi ích luôn để phần người nhiều hơn, phần mình ít đi. Họ hoan hỉ để bản thân sống một đời sống vật chất thấp nhất, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày dùng một bữa, ba y, một bát, trải qua đời sống thấp nhất vậy, lợi ích đều cho người khác.

Thứ ba, “Tam học” bao gồm “*Giác nhi bất mê, chánh nhi bất tà, tịnh nhi bất nhiễm*” (giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm). Đây là Tam học về Giới, Định, Huệ. Giới học là thanh tịnh, tịnh mà không nhiễm. Định học là chánh tri chánh kiến, chánh chú không tà. Huệ học là giác chứ không mê.

Thứ tư, “Lục độ”. Thứ năm “Thập nguyện”. Những điều này đều phải được áp dụng vào đời sống thường ngày, vào chỗ khởi tâm động niệm. Nếu tu hành được như vậy thì niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ chắc chắn được vãng sanh. Năm môn này phải thường xuyên ghi nhớ trong lòng, thực hành trên hành động. Đây chính là đoạn ác tu thiện.

“*Tu duy thiện pháp*” là ý nghĩ thiện, khởi tâm động niệm là suy nghĩ về năm môn học này. “*Quán sát thiện pháp*” là hành vi thiện. Nếu như có ai đó có mười khuyết điểm mà chỉ có một ưu điểm thì chúng ta nên nhìn vào ưu điểm của họ, chứ đừng

chăm chăm vào mười khuyết điểm kia. Đây chính là quán sát thiện pháp.

Trong ba ngàn năm nay, Tổ Sư Đại đức vì hậu thế chúng ta mà chú giải, viết luận, phát huy giáo huấn của Phật Đà; lưu lại kho báu chân thật này, giúp chúng ta khai phát kho báu của tự tánh. Như vậy mới “*Khiến các thiện pháp mỗi niệm mỗi tăng trưởng*”. “*Bất dung hào phân bất thiện gián tạp*”. Câu này nghĩa là chút mảy may bất thiện cũng không thể xen tạp, nếu như xen tạp bất thiện thì không thể thành tựu.

“*Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn; thiện pháp viên mãn*” (khiến cho các ác pháp vĩnh viễn đoạn trừ, thiện pháp được viên mãn). Các đồng tu học Phật ai cũng muốn thiện pháp của mình thành tựu viên mãn, nhưng có sao không thành tựu được? Vì trong khi tu thiện pháp có xen tạp bất thiện. Trong Kinh nêu cụ thể “bất thiện” chính là sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham, sân, si. Những bất thiện ấy xen lẫn trong tu thiện làm cho toàn bộ thiện hạnh của chúng bị hủy hoại hết, nên không thể thành công. Cái gốc của bất thiện chính là “ngã chấp”. Tất cả chúng sanh khởi tâm động niệm chấp một cái “ngã” (cái tôi). “Ta là số một, tất cả đều vì ta”_ cái suy nghĩ này là nhân tố đầu tiên của lục đạo luân hồi. Không nhỏ bỏ nhân tố này thì chắc chắn không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, chúng ta muốn lìa xa lục đạo, thì phải đem gốc bệnh này nhỏ bỏ đi, phải mỗi niệm đều nghĩ vì chúng sanh.

Như vậy, từ “*Trú dạ thường niệm tư duy*” đến “*Bất dung hào phân bất thiện gián tạp*” là nhân lành; và “*Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn*” là nói về quả thiện; còn “*Thiện pháp viên mãn*” chính là đạt được chí thiện_ quả thiện

này là quả thiện thù thắng! “*Thường đăc thân cận chư Phật Bồ Tát cập đư thánh chúng*” (thường đợc thân cận với chư Phật Bồ Tát cùng bậc Thánh chúng). Đây là thiện duyên, cũng chính là nói nếu chúng ta có thể tu thiện như vậy thì quả báo tương lai nhất định có thể ở cùng chư Phật Bồ Tát nơi thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc.

Đoạn kinh văn vừa giảng đã nói đầy đủ nhân duyên quả báo rồi. Giảng từ trong hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta, có nhân cần phải có duyên, vậy duyên là gì? Duyên là phải thân cận thiện tri thức, thường nghe lời giáo huấn của thiện tri thức, thiện tri thức lúc nào cũng nhắc nhở chúng ta, phạm phư trong lục đạo thường mau quên. Đặc biệt, trong đời sống hiện đại, những thứ mà lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần đều là cám dỗ chúng ta vào con đường tà, không phải chánh đạo. Cho nên thân cận với thiện tri thức rất quan trọng. Phải đi tìm Thiện tri thức ở đâu? Chư Phật Bồ Tát chính là thiện tri thức. Tuy chư Phật Bồ Tát không hiện trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta cúng dường hình tượng chư Phật Bồ Tát, ngày ngày chiêm ngưỡng hình tượng chư Phật Bồ Tát, cung kính lễ bái hình tượng chư Phật Bồ Tát và mỗi ngày đọc tụng kinh luận thì chính là thân cận chư Phật Bồ Tát.

Từ “*Long Vương đương tri*” đến “*Sân nhuế, tà kiến*”, đoạn kinh này nhất định phải đọc thuộc, mỗi khi khởi tâm động niệm đều phải nghĩ đến lời giáo huấn từ bi của Phật Đà. Nếu thật có thể thực hành đợc tâm lương thiện, suy nghĩ lương thiện, hành vi lương thiện thì chúng ta chắc chắn sẽ đợc vãng sanh về thế giới chí thiện. Cực Lạc Tây Phương và Hoa Tạng đều là thế giới chí thiện, người người đều vô lượng thọ, đều vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vô lượng

thọ mạng. Điều kiện quyết định vãng sanh là thiện tâm, thiện niệm và thiện hạnh, nếu như tâm hạnh bất thiện cũng như tín nguyện đầy đủ nhưng hạnh không đủ thì dù niệm Phật vẫn không thể vãng sanh, vì hạnh không chỉ là niệm Phật mà còn phải tu thiện, điểm này vô cùng quan trọng.

Kinh văn: **“Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân, Thanh văn Bồ đề, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề, giai y thứ pháp, dĩ vi căn bản, nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp”**.

“*Thiện pháp*” là gì? Trong lục đạo (sáu cõi) được thân người, thân trời (Nhân Thiên thân) ấy là do nhận thiện pháp mà được. “*Thanh văn Bồ đề, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề*” đều là Thánh nhân tu thiện pháp mà chứng đắc được. “*Thanh Văn*” là A La Hán, vì nghe Phật giảng Kinh mà giác ngộ, nên gọi là Thanh Văn; còn “*Bồ đề*” tức là chánh giác. Thiên, Nhân (cõi trời, cõi người) là cõi thiện trong sáu cõi. Riêng A Tu La không tính là cõi thiện vì A Tu La tuy tu thiện nhưng xen tạp tham sân si mạn nghiêm trọng. Phước báo A Tu la được hưởng thụ ở thế gian là thù thắng hàng đầu, nhưng sau khi phước báo hưởng xong, không có ai mà không đọa Địa ngục. Nguyên nhân vì đâu? Vì phước báo lớn nên tạo nghiệp nặng.

Người bình thường không có phước báo, giết một người liền đi đền mạng, phải bị xử tử hình. Người có phước báo lớn, giết mấy ngàn người, mấy vạn người, mấy trăm triệu người, người ta còn ca ngợi họ, tán thán họ vĩ đại. Tuy pháp luật thế gian không thể phán xử họ nhưng nhân quả sẽ phán xử họ. Vì giết người, hại người chắc chắn là trừng phạt ác nghiệp. Quả báo tương lai của họ chắc chắn đọa vào tam đồ. Đây là mê chứ không phải giác. Pháp bồ đề của Thanh Văn, Độc giác, Bồ Tát giác ngộ đều là phương pháp giác ngộ có được thành tựu thiện

pháp. Nếu không có thiện pháp thì họ vĩnh viễn sẽ không giác ngộ.

Chúng ta học Phật cần cầu cái gì? Cầu giác Ngộ, cầu chánh giác, cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ở đây Đức Phật dạy chúng ta. Giác ngộ là bắt đầu từ thiện pháp. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*Phước chí tâm linh*”. Phước là phước báo, là quả báo thiện. Quả báo thiện hiện tiền thì tâm liền khai mở, linh rồi, thông minh trí huệ sẽ hiện tiền. Cho nên trong câu “*phước huệ song tu*” mà Đức Phật dạy chúng ta là lấy phước làm đầu. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, nhất định phải hành thiện tu phước. Cho nên từ nhân thiên đến quả vị Phật đều y theo thiện pháp mà thành tựu.

Thập thiện nghiệp đạo, hà đẳng vi thập?

Kinh văn :“*Thử pháp tức thị thập thiện nghiệp đạo. Hà đẳng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thù đạo, tà hạnh, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến*”.

Pháp đó chính là Thập thiện nghiệp đạo. Thập thiện (mười điều thiện) là bao gồm những gì?

Thứ nhất: “*Vĩnh ly sát sanh*” (vĩnh viễn xa rời sát sanh). Không những không có hành động sát sanh mà ngay cả ý nghĩ sát sanh cũng phải xa lìa. Bất luận đối với người nào, từ người cực ác hay người làm tổn hại mình, thậm chí là như trong câu chuyện mà Kinh Kim Cang kể về Ca Lợi Vương cắt thân thể Tiên Nhân, Tiên Nhân nhẫn nại chịu đựng bị cắt thân nhưng Tiên Nhân không hề có mảy may sân hận, không khởi ý niệm “tôi đúng, anh không đúng”. Đây mới là “vĩnh ly sát sanh”. Ý câu này suy ra chính là dứt khoát không có ý nghĩ tổn hại chúng

sanh, phải khởi tâm hộ sanh, niệm niệm giúp đỡ chúng sanh, lợi ích chúng sanh, ái hộ chúng sanh. Đây mới thực là ý nghĩa của “vĩnh ly sát sanh”.

Sáu đại cương lĩnh mà Bồ Tát tu học gọi là “Lục ba la mật”. Thứ nhất là Bồ thí, đối tượng của bồ thí là tất cả chúng sanh, bồ thí tài vật, bồ thí Phật pháp, bồ thí vô úy. Nếu khiến chúng sanh sợ hãi cũng bao gồm cả sát sanh trong đó. Tuy chúng ta không sát hại chúng nhưng khiến họ khủng hoảng, sợ hãi không an đều thuộc phạm vi của sát sanh. Thậm chí chúng sanh đối với những việc chúng ta làm mà bất mãn, không vui thì cũng như chúng ta đã mắc sai lầm rồi. Đây chính là “*Bát dung bào phân bất thiện gián tập*”.

Thứ hai, “*Vĩnh ly trộm cắp*”. Trộm cắp là không cho mà lấy. Một vật nào đó đã có chủ, chủ của vật không đồng ý mà ta cầm lấy hoặc chiếm làm của riêng hoặc lấy sử dụng tạm thời hoặc dời nó khỏi vị trí ban đầu, bất luận là dùng cách nào cũng đều gọi là trộm cắp. Các vị cho rằng cây cối hoa cỏ là cây mọc dại, không có chủ, đó là sai lầm rồi, ví dụ người xuất gia ở trên núi tự mình cất một cái am nhỏ, liền ở chỗ đó mà lấy vật liệu đốn vài cây cũng không được, vì cây cối cũng có chủ. Vậy ai là chủ? Sơn thần là chủ, thần cây là chủ. Điều này người trần mắt thịt như chúng ta không thấy được. Đức Phật dạy một cái cây chỉ cần cao bằng chiều cao người bình thường, khi chúng ta muốn đốn hạ nó thì trước đó 3 ngày phải cúng tế và tụng Kinh trì chú cho cây, giải thích rõ ràng là tôi phải dùng cây này để cất cái am tranh để tu hành, xin Thần cây dời nhà. Nếu không làm như vậy, cũng xem như trộm cắp. Cho nên đối với người, với sự việc, với vật nhất định phải chú ý cẩn thận.

Đức Phật răn dạy chúng ta, lấy cắp của Tam bảo là tội nặng nhất. Chủ của vật Tam bảo là tận hư không pháp giới, tội trộm cắp này vĩnh viễn không trả hết. Kinh Đại Thừa dạy, giả như chúng ta tạo ngũ nghịch thập ác thì chư Phật Bồ Tát đều có cách để cứu; còn bằng như trộm vật của Tam bảo, trộm vật của thường trụ thì ngay cả Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật cũng vô phương cứu độ. Vì thế một cây kim, một sợi chỉ, một trang giấy cũng không được cố lòng lấy cắp.

Thời đại ngày nay không giống như xưa, khoa học kỹ thuật phát triển, bật đèn chiếu sáng phải trả tiền điện phí, gọi điện thoại phải trả điện thoại phí. Nếu như lãng phí nguồn năng lượng này để thường trụ phải nộp phí trả tiền cũng thuộc về trộm cắp. Có một số cư sĩ hiểu chuyện khi họ dùng điện thoại của thường trụ, sau khi dùng xong rồi nhất định phải trả tiền. Làm vậy là đúng! Sự việc nhỏ nhặt như vậy chính là “Hào phân bất thiện” (mảy may bất thiện) nhỏ xen tạp ở trong đây khiến thiện pháp bị hủy sạch. Chúng ta không thể không biết.

Trộm cắp nói đến chỗ gần gũi nhất, chính là việc chúng ta giành phần lợi của người khác. Người khác tổn thất không lớn nhưng tổn thất của chúng ta quá lớn. Tại sao? Đạo nghiệp của mình chướng ngại, phá hoại tâm thanh tịnh của mình, đem cơ hội vãng sanh làm Phật của mình bỏ lỡ. Tổn thất này không cách nào bù đắp. Người khác giành phần lợi của mình thì được, không cần tính toán, không nên để ở trong lòng, đây là bố thí. Nếu như muốn tính toán, chúng ta lại biến thành bất thiện. Nhất định không được có suy nghĩ chiếm phần lợi của người khác, chiếm phần lợi của một người còn không được phép thì sao có thể chiếm phần lợi của tập thể? Nhất định phải ghi nhớ hai chữ “Vĩnh ly” (vĩnh viễn xa lìa), đời này chúng ta chắc chắn thành

tự. Vì thế chúng ta phải niệm niệm giúp đỡ người khác. Tất cả mọi lúc mọi nơi phải tôn trọng người khác, dứt khoát không chiếm phần lợi của người khác.

Thứ ba “vĩnh ly tà hạnh” tức là không dâm dục. Tình dục của nam nữ phải dứt bỏ từ trong suy nghĩ, không có tâm này cũng không nghĩ ngợi việc này mới là vĩnh viễn xa lìa. Nếu chỉ đem cái suy nghĩ này ẩn xuống, khiến không khởi ra hiện tiền thì cũng như chưa đoạn tận gốc, tương lai có thể sanh Sắc Giới Thiên. Nếu chưa đoạn tuyệt ý niệm này, vẫn còn suy nghĩ về nó dù là một suy nghĩ nhỏ nhoi và trong phút chốc cũng không thoát ly được dục giới, tu hành công phu cao thế nào cũng ở trong lục dục thiên.

Trong Kinh thường dạy “*Tài, sắc, danh, thực, thụ, địa ngục ngũ điều căn*”. Tài, sắc, danh, thực (ăn), thụ (ngủ) thì gọi là ngũ dục (năm thứ ham muốn). Phạm vào ngũ dục nghiêm trọng tất bị đọa địa ngục, còn nếu có thể buông xuống thì gốc của địa ngục cũng đoạn. Nếu tham luyến hưởng thụ lục trần ngũ dục, niệm Phật dù giỏi đến đâu cũng không thể vãng sanh, từ tu nhân thiện chẳng qua được phước báo Nhân thiên mà thôi, chắc chắn không ra được tam giới.

Đức Phật dạy học trò “*Dĩ giới vi sư, dĩ khổ vi sư*”. Bất luận là khổ trong cuộc sống vật chất hay tinh thần, đều có thể nhận chịu được, khổ mới có thể làm dậy lên ý chí quyết đoạn lìa đối với toàn bộ sự vật trước mắt, tuyệt không lưu luyến. Cuộc sống quá đầy đủ, thoải mái thì hay sanh tâm lưu luyến, không nỡ buông bỏ. Như vậy thì không thể vãng sanh. Cho nên trong nhà Phật tán thán sự khổ hạnh; sự khổ hạnh đối với pháp môn tu xuất thế của chúng ta rất ít chướng ngại. Đạo lý là ở chỗ này.

Việc quan hệ nam nữ bừa bãi trong xã hội ngày nay đã quá phổ biến, làm cho xã hội rối loạn, thế giới không thái bình. Phật pháp dạy hư không pháp giới giống như một cơ thể, mỗi một gia đình giống như một tế bào trong cơ thể. Vợ chồng chính là hạt nhân của tế bào. Vợ chồng không hòa hợp, người nam ra ngoài có người tình, người nữ cũng có người tình thì cái nhân tế bào coi như hư rồi, tế bào hư rồi thì ảnh hưởng sức khỏe đến cả cơ thể. Cho nên, vợ chồng bất hòa, gia đình tan vỡ chính là căn nguyên xã hội rối loạn. Vậy mới thấy quả báo của nhân tà hạnh lớn biết bao! Mà ngày nay tỷ lệ ly hôn trên toàn thế giới cao như vậy, thế giới không loạn sao được! Cho nên Đức Phật đem điều này đặt làm giới căn bản.

Thế giới hòa bình, xã hội an định, quốc gia hưng vong đều từ gia đình mà ra, cho nên nhà Nho dạy “*Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Chúng ta mỗi khi khởi tâm động niệm liền phải nghĩ đến hành vi của mình ảnh hưởng thế nào đến xã hội. Một suy nghĩ ác sẽ khiến xã hội, thế giới, tất cả chúng sanh bị nạn. Một suy nghĩ thiện có thể khiến tất cả chúng sanh đều được phúc. Sự an nguy của xã hội, họa phúc của chúng sanh đều ở chỗ khởi tâm động niệm của chúng ta.

Thứ tư là “*Vĩnh ly vọng ngữ*”. Vọng là hư vọng, không thành thật, gọi là nói dối, cố ý hay vô ý lừa gạt người khác. Đây là tội nghiêm trọng nhất, dễ phạm phải nhất trong ác khẩu. Tại sao con người lại tạo ác, lại hủy phạm lời giáo huấn của Phật Đà? Vì bảo vệ lợi ích của bản thân, thực ra là bao che tội ác của mình. Thế nhưng chúng ta nên hiểu là không nên tích lũy tội ác. Tội ác càng tích lũy càng lớn, quả báo tương lai là càng đọa lạc càng khổ.

Thứ năm là “*Vĩnh ly lưỡng thiệt*”. Lưỡng thiệt là xúi giục thị phi, mê hoặc chúng sanh, tọc mạch/ hỗn loạn đôi bên. Tội này đặc biệt nặng, quả báo là Địa ngục kéo lùi. Nghiêm trọng nhất của lưỡng thiệt là phá hòa hợp Tăng. Đây là một trong năm tội ngũ nghịch. Trong Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo dạy, nếu người xuất gia đố kỵ phỉ báng sư thầy giảng Kinh nói pháp, phá hoại đạo tràng, làm tín đồ mất lòng tin đối với sư thầy thì mục đích của người đố kỵ tuy đã đạt được nhưng quả báo là đọa lạc vào địa ngục. Tính theo thời gian trần tục chúng ta là một ngàn tám trăm vạn năm. Chúng ta phải hiểu rằng chênh lệch thời gian giữa địa ngục và nhân gian rất lớn. Ở địa ngục cảm thọ của những người phải chịu tội là vô lượng kiếp. Thời gian không phải là thật pháp mà là từ ý niệm trừu tượng tạo thành. Trong Kinh Đại Thừa, Đức Phật có dạy “*niệm kiếp viên dung*”. Một suy nghĩ, một ý niệm triển khai là vô lượng kiếp, và vô lượng kiếp có thể rút ngắn lại thành một niệm.

Cho nên chúng ta nhìn thấy người khác làm việc tốt, nên tùy hỷ tán thán, hỗ trợ, thành tựu họ, công đức mà chúng ta được cũng lớn giống như họ. Tự lợi và tự hại, kiết hung và họa phúc tồn tại trong một niệm. Một niệm giác ngộ thì được vô lượng vô biên phước báo, một niệm sai lầm thì rước về họa hoạn vô cùng. Ví như không học Phật pháp thì không biết, còn người học Phật rồi thì phải thấu đáo đạo lý này.

Thứ sáu “*Vĩnh ly ác khẩu*”. Ác khẩu là nói lời thô lỗ, không lịch sự. Nó thể hiện trình độ của quá trình tiếp nhận giáo dục và hành vi tu dưỡng, hành vi và tiếp nhận giáo dục của một người. Giáo dục ở đây là chỉ giáo dục thánh hiền. Tiếp nhận giáo dục chính là nâng cao đạo đức, tu dưỡng, cảnh giới của chính mình mà thuật ngữ của Phật pháp nói là siêu phàm nhập

thánh. Bậc Thánh chính là vĩnh viễn đoạn trừ thập ác nghiệp. Bậc đại Thánh quả thật đạt đến cảnh giới không một mảy may bất thiện xen tạp.

Ngày nay giáo dục nhà trường chỉ thuần về giáo dục tri thức, giáo dục khoa học kỹ thuật, không phải giáo dục thánh hiền, nói cách khác đó không phải là cách giáo dục làm người, nó đi ngược hoàn toàn với giáo dục của thánh hiền. Không chỉ có bậc Đại Thánh, Đại Hiền trong Nho hay Phật giáo, thậm chí một giáo chủ sáng lập ra tôn giáo nào cùng các tín đồ đi theo họ, không ai không quên mình vì người. Hy sinh bản thân mình để thành tựu người khác, chắc chắn không tự tư tự lợi, đây là giáo dục thánh hiền.

Người ác khẩu hành xử với người thì vô lễ, đối với sự thì thô lỗ, đối với vật không có tâm quý mến. Đó là biểu hiện của phiền não, tạp khí hiện tiền. Nó không những tổn hại chính mình mà còn tổn hại người khác, tổn hại xã hội. Cho nên trong việc dạy học, Khổng Tử rất coi trọng đến việc giáo dục lời ăn tiếng nói. Chúng ta chẳng may sinh nhằm thời loạn lạc, xã hội đối với nền giáo dục của thánh hiền tuy không phủ định nhưng lại dùng ánh mắt lạnh nhạt.

Thứ bảy “*Vĩnh ly ý ngữ*”. Ý ngữ là lời đường mật, nói nghe ngọt tai để nhằm mục đích hại người, khiến chúng sanh hành nghiệp bất thiện. Hiện nay, từ truyền hình, điện ảnh, kịch tuồng, khiêu vũ đến âm nhạc, thậm chí mỹ thuật cũng thuộc kiểu hoa ngôn xảo ngữ này. Nó có thể làm cho đại chúng vui thích nhưng nội dung là bất thiện. Truyền thông ngày nay dùng danh từ mỹ miều là “nghệ thuật” đặt cho nó cái mục đích tốt đẹp là giáo dục xã hội nhưng thực chất nội dung của nó lại dạy

người ta sát, đạo, dâm, vọng, tham, sân, si, mạn. Nguyên tắc giáo huấn văn học nghệ thuật của thánh hiền là “Tur vô tà”. Nguyên tắc ấy như con mắt của nhân thiên, là ngọn đèn soi sáng trong đêm tối. Vì vậy, nếu giáo dục của thánh hiền không còn nữa rồi thì nhân gian này khác gì biển khổ.

Đoạn trên giảng về bốn nghiệp sai lầm từ miệng. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra*”, còn trong Kinh Vô Lượng Thọ có dạy “*khéo gìn giữ khẩu nghiệp, không chê bai lỗi của người*”. Cả hai lời dạy này đều đem khẩu nghiệp lên hàng đầu, đạo lý là ở chỗ này.

Thứ tám “*Vĩnh ly tham dục*”. Ý nghiệp có ba điều. Thứ nhất là “Tham dục”. Trong Phật pháp tham – sân – si gọi là ba loại độc phiền não. Mọi nghiệp ác thế gian đều bắt đầu từ đây. Đây là gốc đại ác nghiêm trọng. Người Tây Phương đề xướng tham dục, cho rằng đây là nguồn động lực tiến hóa của xã hội. Con người không có tâm tham thì xã hội không có tiến bộ cho nên khuyến khích tham dục, khuyên dạy tham dục khiến chúng ta niệm niệm tham dục tăng trưởng. Ngược lại, Đức Phật dạy chúng ta tâm tham là nạ quỷ, sân hận là đại ngục, ngu si là súc sanh. Đây là nghiệp nhân của tam đồ ác. Vậy mà ngày nay đề xướng tham sân si, tiêu diệt đi giới định huệ. Đây là thế giới gì vậy?

Rốt cuộc, chúng ta tin tưởng khoa học hay là tin vào giáo huấn của Phật Đà thì phải tự mình quyết định. Đây là trí huệ chân thực, phước đức chân thật, quyết định này sẽ mang đến hai loại quả báo khác nhau. Nếu cứ bị cuốn theo tham sân si thì quả báo đọa tam đồ; nếu tùy thuận giáo huấn của Phật Đà, tin vào

pháp môn Tịnh Độ, như lý như pháp tu học chắc chắn sanh Tịnh Độ.

Sự và lý của thế xuất thế gian là vô lượng vô biên, vô cùng vô tận. Sự thì phức tạp, lý thì thâm mật, vậy ai có thể thấy được triệt để của nguồn pháp? Đức Phật có thể. Nói điều này không phải đề cao Phật giáo, coi thường người khác. Nó giống như một cây to vậy, từ gốc rễ cho đến cành lá hoàn toàn thông suốt, không mảy may chướng ngại thì gọi là “Phật”. Nếu trí huệ của chúng ta chỉ ở mức biết một ngọn cây, một cành cây hoặc một thân cây thì đó trí huệ không viên mãn. Kiến giải không phổ biến, cách nghĩ, cách làm của chúng ta vẫn mắc sai lầm như cũ. Cho nên trong Kinh dạy, Bồ Tát Đẳng Giác còn có một phần sanh tướng vô minh chưa phá thì trí huệ, đức năng vẫn chưa đạt đến cứu cánh viên mãn. Phật pháp là pháp bình đẳng, pháp giới bình đẳng, tất cả chúng sanh bình đẳng. Vậy mới là thực sự đáng được tán thán, tôn kính. Chúng ta học Phật là ở chỗ này, cần phải phân biệt rõ ràng.

Thứ chín là “*Vĩnh ly sân nhuế*”, thứ mười “*Vĩnh ly tà kiến*”. Chỗ này không cần nói nhiều. Tà kiến là ngu si đều phải vĩnh viễn đoạn diệt.

Đoạn Kinh văn là Thế Tôn giáo huấn cho tất cả chúng sanh. Chân thực khai thị, không chỉ là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai cũng đều dạy như thế.

Đoạn kinh từ “*Long Vương đương tri*” đến “*sân nhuế tà kiến*” nhất định phải học thuộc lòng, phải thường cảnh tỉnh chính mình. Phật pháp nói tu hành, tu cái gì? Chính là tu trong đoạn này. Đoạn kinh này là thực hành của nhà Phật. Kinh văn sẽ

nói chi tiết phần sau, dạy chúng ta tu mười thiện nghiệp đạo có thể được quả báo nào.

Ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp (Lìa xa sát sanh, tức được thành tựu mười pháp xa lìa phiền não)

Kinh văn: *“Long Vương !Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đẳng vi thập ?Nhất, w chư chúng sanh phổ thí vô úy. Nhị, thường w chúng sanh khởi đại bi tâm.Tam, vĩnh đoạn nhất thiết sân Nhuế tập khí.Tứ,thân thường vô bệnh. Ngũ, thọ mạng trường viễn.Lục ,hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ. Thất, thường vô ác mộng, tầm giác khoái lạc. Bát, diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải.Cửu, vô ác đạo bố. Thập, mạng chung sanh thiên. Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng”.*

Sát sanh là tội nghiêm trọng nhất trong số các ác nghiệp. Quả báo nhận lãnh cũng là khổ nhất. Trong Kinh này chỉ nói lợi ích và mặt tốt của hành động không sát sanh. Quả báo của sát sanh là ngược lại với mười loại ly não pháp. Trước đây Ngài Ngẫu Ích Đại Sư đã giảng qua mười loại ác báo của sát sanh. Không sát sanh có mười loại thiện báo. Tôi đem phần này cho vào phía sau của bộ Kinh này dùng để bù vào phần còn thiếu của Kinh văn. Quả thật mà nói, Kinh văn đã đầy đủ rồi, chỉ vì người đọc kinh thường không thể hội, cho nên Tổ Sư mới trợ giúp chúng ta.

Phần trước kinh văn Đức Phật có dạy *“Ngày đêm phải thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không mảy may bất thiện xen tạp”*. Dầu không có hành vi sát sanh nhưng trong ý nghĩ vẫn chưa thanh tịnh thì chính là có xen

tạp. Nhất định từ trong tâm thức, ý nghĩa sát sanh phải được đoạn lìa, thế mới coi là thanh tịnh. Tiểu Thừa giới “*luận sự bất luận tâm*”, giống như pháp luật thế gian xử án vậy, nói đến chứng cứ thực. Phải xác thực việc giết chúng sanh thì mới định tội, nhưng nếu khởi tâm động niệm muốn giết nhưng chưa giết thì không phạm tội. Ngược lại, Đại Thừa Phật pháp thì “*luận tâm bất luận sự*”: miễn là trong tâm chúng ta khởi phát ý nghĩ muốn sát hại thì tội này liền thành lập. Từ đó có thể thấy, thiện của Tiểu Thừa có xen tạp bất thiện; thiện pháp của Đại Thừa chắc chắn không xen tạp bất thiện. Chỉ cần có ý nghĩ bất thiện thì đã là bất thiện, đến ngay cả ý nghĩ mà còn không thiện thì làm sao hành động thiện cho được? Chúng ta phải từ chỗ này mà bồi dưỡng thiện tâm chân thật của mình.

Nhưng mà việc này rất khó, khó ở chỗ nào? Nguyên nhân thứ nhất là do chúng ta phiền não tập khí quá nặng, gặp việc không như ý, đặc biệt là việc bất lợi với mình liền nảy ý sát hại, khởi lên điều khác nữa là tâm tham, như thấy đồ mình thích ăn liền khởi tâm tham vậy. Cho nên hận nó cũng giết nó, yêu thích nó cũng giết nó. Đây là tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, làm chúng ta không có cách gì để đoạn trừ ý nghĩ sát hại chúng sanh.

Nguyên nhân thứ hai là do không thấu hiểu chân tướng sự thật. Vấn đề này thuộc về giáo dục. Nhà Nho không giảng nghiêm khắc như Phật pháp. Nhưng trong sách Nho cũng nói “*Quân tử nên xa nhà bếp, nghe tiếng con vật kêu la mà không đành tâm ăn thịt nó*” hay nói cách khác là, nhà Nho tán thành Tam tịnh nhục. Tam tịnh nhục nghĩa là không dùng thịt động vật trong 3 trường hợp sau: không nhìn chứng kiến cảnh con vật bị giết, không nghe tiếng con vật kêu gào lúc bị giết, không vì

mình mà con vật bị giết. Đây là thánh hiền của thế gian. Tôn giáo cũng chú ý đến vấn đề này. Kinh Cổ Lan (Qur'an) cũng có nói “*tế sát súc sanh phải có thầy truyền giáo cầu nguyện chúc phúc, nếu thịt súc sanh chưa được thầy cầu nguyện chúc phúc thì không được ăn*”. Những lời dạy này đều chứa trong đó lòng nhân từ, yêu thương.

Lời dạy của Phật pháp lại càng rõ ràng hơn, khuyên dạy không ăn thịt chúng sanh. Phật dạy ăn tam tịnh nhục là bắt đắ dĩ, tại sao? Vì phương thức sanh hoạt của Đức Phật khi còn tại thế là khát thực. Phật pháp dạy “*Từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (lấy từ bi làm gốc, lấy phương tiện làm gốc) quyết không làm Phật tử thêm phiền phức, quyết không phân biệt chấp trước, vậy mới là ăn tam tịnh nhục. Khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc chế độ khát thực không được phổ biến nữa vì một vài vị Cao Tăng Đại Đức Ấn Độ đến Trung Quốc đều là do quốc gia cúng dường. Thời gian lâu dần thì Quốc Vương, Đại Thần, bá tánh thường dân cũng biết cúng dường tam bảo, còn việc ăn chay là do Lương Võ Đế đề xướng và vận động. Lương Võ Đế đọc Kinh Lăng Già, thấy trong kinh dạy “*Bồ Tát từ bi, không nhân tâm ăn thịt chúng sanh*”, Lương Võ Đế hết sức cảm động, tự mình liền không ăn thịt nữa. Ông là Đại hộ pháp trong nhà Phật, là người đã đề xướng ăn chay, nhị chúng xuất gia lập tức hưởng ứng. Cho nên Phật giáo trên toàn thế giới chỉ có Phật giáo Trung Quốc là ăn chay. Phật giáo của các quốc gia khác không ăn chay.

Ăn chay có thể đạt được vĩnh ly sát sanh. Vì sao? Người đồ tể giết hại chúng sanh là vì có người muốn ăn thịt. Nếu như không có người muốn ăn thì không có người đi giết hại. Từ đó cho thấy, tuy là ăn tam tịnh nhục nhưng tâm vẫn không thanh

tịnh, nghiệp cũng không thanh tịnh; nên ăn chay chắc chắn là có lợi ích.

Lại nói đến thập ly não pháp. Chữ “não” ở đây là phiền não. Thập ly não pháp là mười phương pháp viễn ly phiền não.

Thứ nhất là “*U chur chúng sanh phổ thí vô úy*” (cho khắp chúng sanh không sợ hãi). Từ đầu đến cuối, Phật dạy chúng sanh vẫn không gì ngoài “Bố thí”, có thể hành bố thí chính là Bồ Tát, không thể thực hành bố thí thì là phàm phu. Trong hành pháp Bồ Tát sáu ba la mật điều đầu tiên là Bố Thí. Bố thí có ba loại: Bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Năm điều phía sau của lục ba la mật gồm Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Bát nhã đều có thể quy về bố thí. Trì giới, nhẫn nhục là bố thí vô úy. Vô úy là khiến tất cả chúng sanh thân tâm an ổn, không chút sợ hãi. Một người trì giới, chúng sanh gặp người này trong tâm rất an định, dù họ có tiền tài của báu, họ cũng không lo lắng vì người trì giới không xâm hại họ. Người nhẫn nhục, chúng ta có đắc tội với họ cũng không có gì vì họ sẽ không báo thù, không ôm hận. Những điều này thuộc về bố thí vô úy. Tinh tấn, thiền định, bát nhã thuộc về bố thí pháp. Cho nên lục độ tổng quy nạp lại chính là một câu “*bố thí ba la mật*”.

Không nên có ý nghĩ sát hại mà phải yêu thương, giúp đỡ tất cả chúng sanh, được như vậy thì chúng sanh mới gần gũi với chúng ta được. Lấy ví dụ như ở Trung Quốc, chim thú nhìn thấy người đều bỏ chạy, hoảng sợ là có vì sao? Vì người ở đó có tâm sát hại chúng sanh. Ngược lại, các công viên hoặc khu thiên nhiên ở nước ngoài có rất nhiều động vật hoang dã mà chỉ cần vừa đưa tay ra thì chúng sẽ đến gần mà không sợ người, bởi vì ở đó không ai làm hại nó. Có một năm tôi ở San Francisco, bên

cạnh có một công viên. Mỗi ngày chúng tôi đều đến công viên tản bộ, bên trong có rất nhiều bồ câu và vẹt trời. Một lần nọ, tôi thấy có một con bồ câu bị người dùng dây cột lại, chúng tôi giúp nó mở sợi dây ra, nó hiểu được, đến ngày thứ hai nó dẫn lại ba con chân cũng bị cột dây như vậy đến tìm chúng tôi giúp đỡ. Rõ là nó có tánh linh, biết được chúng tôi sẽ giúp đỡ nó. Đây là bố thí vô úy.

Vì vậy, chỉ cần chúng ta vĩnh ly đoạn trừ ăn thịt, không có ý niệm tổn hại chúng sanh thì sát khí trên thân không còn nữa, sẽ chuyển thành từ quang_ tức ánh sáng của lòng từ bi. Những động vật nhỏ nhìn thấy từ quang đều thích gần gũi. Công đức này bất khả tư nghị, quả báo nhận được là khỏe mạnh, trường thọ.

Thứ hai “*Thường u chúng sanh khởi đại từ tâm*”(thường vì các chúng sanh khởi tâm đại bi). Chúng ta không nhẫn tâm tổn hại chúng sanh, luôn giữ lòng thương yêu chúng sanh. Từ động vật, thực vật cho đến tất cả các sinh vật, chúng ta đều phải khởi tâm yêu thương chân thật. Trong Giới Kinh dạy rằng “*Tỳ kheo thanh tịnh không giẫm cỏ dại*” tức là trừ khi không còn đường nào khác, nhất thiết phải đi đường này thì mới phải bước lên cỏ xanh mà đi. Đây là Đức Phật khai duyên. Đây là lý nào pháp, trưởng dưỡng tâm từ bi của mình, để mình tu học sức nhẫn nhục, tâm nhẫn nại.

Thứ ba là “*Vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuế tập khí*” (nghĩa là vĩnh viễn rời xa tập khí sân nhuế), vì quả báo của sân nhuế là ở địa ngục. Người thế gian có câu “sự đời, 10 việc thì đã có 8, 9 là không như ý”, vì sao có nhiều việc không như ý như vậy? Vì trong kiếp trước lần đời này đã tạo nhiều thứ nghiệp bất thiện.

Những việc mà đời này chúng ta gặp phải đều là quả báo của bản thân chứ không phải do người khác mang lại. Đó chính là tự mình làm tự mình nhận. Thật sự thấu hiểu về việc “tự làm tự chịu” thì không có ý nghĩ oán trời trách người, vì oán trời trách người đều là sân nhuế. Phải hiểu rằng dù bản thân có tâm thiện, có hành thiện nhưng vẫn còn gặp nhiều việc không như ý, người tu hành nên biết đó là nghiệp báo vô lượng kiếp trong đời quá khứ, thì nên bình tâm đón nhận, không sanh phiền não.

Thứ tư là “*Thân thường vô bệnh*” (nghĩa là thân không bệnh tật) và thứ năm “*Thọ mạng trường viễn*” (nghĩa là thọ mạng lâu dài). Đây là hai điều mà người thế gian mong cầu, bất luận là người trong hay ngoài nước, chủng tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau, không ai không cầu sức khỏe, trường thọ. Sức khỏe trường thọ không phải Phật Bồ Tát ban cho, càng không phải thần linh ban tặng nên cầu khẩn với thần linh cũng không có tác dụng. Đó là nghiệp báo của bản thân mình, còn chư Phật Bồ Tát, thần linh chỉ có thể gia hộ chúng ta mà thôi. Gia hộ bằng cách nào? Bằng cách giáo huấn. Nếu chúng ta tiếp nhận, y theo lời dạy mà thực hành thì mới có thể chuyển nghiệp báo của mình. Ví như chúng ta có số đoản mạng, gặp nhiều tai nạn, nhiều bệnh tật thì vẫn có thể thay đổi được, thay đổi bằng cách nào? Đó là phải cố gắng nỗ lực tu thập thiện nghiệp thì có thể thay đổi được. Còn nếu như tiếp tục thuận theo tập khí phiền não, tạo tác đủ thứ bất thiện thì vận mệnh nghiệp báo không thể nào thay đổi được, không những không thay đổi được mà quả báo này càng chuyển càng tệ hơn.

Những đạo lý và chân tướng sự thật không chỉ ở trong sách cổ thánh tiên hiền thuật lại mà nếu chúng ta thường đọc lịch sử ghi chép hoặc bút ký của cổ nhân thì có thể phát hiện rất

nhiều ví dụ điển hình về sự tương quả báo tương tự như vậy. Chúng ta đọc thấy rồi thì phải nỗ lực quan sát, tư duy tỉ mỉ thì mới hiểu được rằng nhất định không thể sát sanh, dù gặp phải ác nhân sát hại chúng ta, chúng ta cũng không có ý nghĩ mảy may báo thù, càng không thể có hành vi trả thù.

Kinh Kim Cang dạy Ca Lợi Vương cắt xẻo thân thể Nhẫn Nhục Tiên Nhân, Nhẫn Nhục Tiên Nhân không có ý hận cho nên thành tựu nhẫn nhục ba la mật, thành tựu đức hạnh chân thật của mình. Tuy bị người sát hại nhưng lập tức có thể sanh thiên hưởng phước. Ngược lại nếu có ý sân hận, có suy nghĩ báo thù thì sau khi bị người sát hại lại phải nhận quả báo đi vào tam đồ. Nếu cả đời không tạo tội nghiệp nặng nhưng lúc chết có ý sân hận thì đa phần kiếp sau đầu thai thành loài rắn độc, mãnh thú. Còn nếu có thể duy trì được tâm thanh tịnh, từ bi, ít nhất cũng có thể làm Thiên Vương. Nhân gian thống khổ, trên trời an lạc. Họ sát hại ta rồi, là lập tức đưa ra lên trời. Ta cảm ơn chưa kịp làm sao có thể hận họ? Cho nên kiết hung họa phước chỉ trong nhất niệm. Thế nên ngày thường phải bồi dưỡng thường xuyên, nếu không cảnh giới hiện tiền thì tập khí không chóng lại nổi, ý hận sân lên thì đọa lạc đi xuống. Vì vậy lúc bình thường phải tu dưỡng, tạo thành thói quen, gặp phải nghịch duyên, gặp phải người ác không sanh sân hận mà vẫn luôn từ ái tiếp đãi họ.

Thứ sáu “*Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ*”(thường được phi nhân ủng hộ). “Phi nhân” là chỉ ngoài cõi người, phần lớn chỉ là quỷ thần. Ngạn ngữ Trung Quốc nói “*nhân đồng thủ tâm, tâm đồng thủ lý*” (nghĩa là “người cùng một lòng, lòng cùng một ý”). Dù là ngạ quỷ nhưng họ cũng tôn kính người có tâm thiện, không làm tổn hại, dẫu là oan gia trái chủ trong quá khứ, gặp phải người có tâm từ họ cũng cung kính như nhau, không những

không gây phiền phức mà còn ủng hộ. Bởi vì chúng ta có tâm thiện hạnh thiện, họ cũng thơm lây, họ cũng được phước cho nên tâm thiện, niệm thiện hành thiện là quan trọng nhất.

Tất cả bệnh tật không ngoài ba nguyên nhân. Thứ nhất là do ăn uống sinh hoạt không điều độ, cái này thuốc có thể trợ giúp. Thứ hai là do oan gia trái chủ theo mình, ví như Ngô Đạt Quốc Sư bị mụn ghẻ mặt người chính là thuộc loại này. Phật pháp gọi là “phi nhân”. Người thế gian gọi là bị oan quỷ nhập thân. Phàm là gặp phải loại bệnh này, đi khám bệnh uống thuốc chỉ có thể trợ giúp chút ít nhưng chắc chắn trị không khỏi, quan trọng nhất là tụng Kinh lạy sám hối để hóa giải. Như Lương Hoàng Sám, Từ Bi Tam Muội Thủy Sám đều thuộc về hòa giải, đối phương tiếp nhận hòa giải sẽ đi ngay, bệnh sẽ khỏi được. Nguyên nhân thứ ba là do nghiệp chướng. Đây không phải oan gia đầu đầu mà là tự mình tạo tội nghiệp quá nhiều, thuộc về nghiệp báo, bệnh này thuốc thang không thể trị được, hòa giải cũng không được, Đức Phật dạy phải sám hối.

Phải bắt đầu sám trừ nghiệp chướng từ đâu? Sám trừ trong tâm, đoạn ác tu thiện, sửa lỗi lầm, bệnh liền chuyển biến, chuyển nguy thành an. Đối với loại bệnh do hai nguyên nhân sau gây nên thì đoạn ác tu thiện vô cùng hiệu quả, đặc biệt phải có một người thật sự hiểu biết quay đầu, biết mình khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều sai lầm rồi, triệt để sửa đổi lỗi lầm, không những bệnh nghiệp chướng tiêu trừ mà oan gia trái chủ cũng không đến gây phiền toái.

Người thiện mỗi niệm đều vì xã hội, niệm niệm đều vì chúng sanh cho nên “phi nhân” cũng được phước. Họ không những không hại người thiện mà ngược lại còn bảo vệ người

thiện. Ví dụ có người khi đang tụng Kinh, niệm Phật thì có cảm giác bên cạnh mình có “phi nhân”, thậm chí bị sờ tóc gáy. Nếu như gặp hiện tượng này thì cũng không cần lo sợ, chỉ cần lấy tâm chân thành niệm Phật, tụng Kinh hồi hướng cho họ, như vậy chính là siêu độ cho họ. Có rất nhiều quỷ thần sanh tâm hoan hỷ nghe Kinh. Chúng ta niệm Kinh cho họ nghe, họ nghe rồi sẽ giác ngộ, giống như trước đây Thiên Tông Đại Sư Huệ Năng tình cờ đi qua cửa sổ nhà người ta, trong nhà có người tụng Kinh Kim Cang, Ngài vừa nghe liền giác ngộ. Cho nên nếu chúng ta làm được vậy thì sẽ thường được thiên địa quỷ thần bảo hộ, thần hộ pháp phù hộ.

Thứ bảy là “*Thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc*”(thường không ác mộng, thức ngủ đều an lạc) tức là ngủ nghỉ vô cùng yên ổn, không mơ ác mộng. Công phu tu hành của bản thân chúng ta đắc lực hay không, có thể dựa vào chỗ này để kiểm tra. Khi chưa học Phật thì thường thấy ác mộng, sau khi học Phật thì ác mộng ít đi tức là biểu hiện công phu của chúng ta có thành tựu rồi, công phu càng cao thêm, càng ít khi gặp ác mộng, một năm hiếm có một lần ác mộng_ như thế cũng xem như là công phu khá tốt rồi. Công phu càng thuần thực sẽ thường mơ thấy Thánh Hiền, Phật Bồ Tát, thấy cảnh giới thù thắng mà trong Kinh điển từng nhắc tới. Đây là tướng tốt. Nếu trong một tuần mơ thấy hai, ba lần ác mộng thì phải đặc biệt cảnh giác, đây là công tu không đủ. Phải khởi tu từ đâu? Đoạn ác tu thiện, nhất định phải nỗ lực sửa chữa lỗi lầm. Đây là cách dễ nhất, thông dụng nhất để kiểm tra công phu tu hành chúng ta.

Thứ tám là “*Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải*”(diệt trừ oán kết, các oán tự giải.). “Oán kết” chính là việc hiềm khích, không vui với người, thường gọi là đắc tội với người, việc đắc

tội với người rất nhiều, thường hay phạm phải, đặc biệt là trong lời nói, vô tình hay cố ý mà kết oán với người. Với một người có tinh thần học hỏi, dẫu thường vấp phải chướng ngại nhưng dần dần họ sẽ học được và trở nên tốt hơn, biết phải cẩn thận, người này trong xã hội bất luận là làm gì, nghề nào cũng đều sẽ thành công. Tại sao? Vì họ được rất nhiều bạn bè giúp đỡ. Nếu không hiểu đạo lý này, đến nơi nào cũng có lỗi với người thì không được người khác giúp đỡ, bị cô lập một mình, bất kể làm ngành nghề gì cũng sẽ thất bại.

Người xuất gia cũng không ngoại lệ, có lỗi với người khác nhiều thì hộ pháp không có, nội hộ ngoại hộ đều không có thì sẽ gian nan khốn khổ. Thế nên Phật pháp thường dạy kết thiện duyên, kết pháp duyên, điều này rất quan trọng. Nhất định không kết ác duyên, ác duyên nếu đã có thì phải hóa giải. Phương pháp hóa giải là tự mình thật sự đoạn ác tu thiện. Cho nên có câu “*diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải*”, chỉ cần chúng ta thật sự quay đầu, thật sự là người thiện, được xã hội đại chúng nhìn nhận thì những oan gia trái chủ của chúng ta thấy được nghe được tâm họ cũng bình yên, ý nghĩ báo thù cũng tan đi. Đây là phương pháp hóa giải kết oán.

Thứ chín là “*Vô ác đạo bố*”(không sợ vào ác đạo). Bản thân có tín tâm chắc chắn tương lai không đọa ba ác đạo. Nghiệp nhân ba đường ác mặc dù có, vì đây là vô lượng kiếp trước tạo nghiệp ác, không thể tránh khỏi nhưng nhân phải khởi hiện hành, phải có duyên mới kết thành quả, giống như một hạt giống để trong ly thủy tinh, không có đất, nước, ánh sáng, không khí, v.v.. (những thứ này tương tự như “duyên” vậy) thì không thể kết thành quả. Không có duyên thì dẫu có nhân vẫn không thể kết thành quả.

Trong A Lại Da thức của mỗi chúng sinh đều có đủ nghiệp nhân của thập pháp giới, cho nên muốn có thành tựu thế nào thì phải hiểu được duyên. Ví dụ như, tôi muốn làm Phật thì phải làm cho cái duyên Phật của ta niệm niệm tăng trưởng, còn duyên với chín pháp giới khác thì không chế nó, xa lìa nó. Như vậy cả đời này cũng xem là thành Phật rồi.

Cái duyên làm Phật quan trọng nhất là phải niệm Phật, niệm niệm đều tương ứng với Phật thì nhất định làm Phật. Vì vậy, không nên hoài nghi bản thân không có thiện căn, không có chủng tử Phật. Tất cả chúng sanh đều có chủng tử Phật, nên mình phải có tín tâm.

Điều thứ ba trong “Tịnh nghiệp tam phước” là “*Phát tâm Bồ đề, thâm tín nhân quả*”. Nhân quả này chính là “*Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*” nhất định phải tin rằng niệm Phật thì làm Phật, niệm Bồ Tát thì làm Bồ Tát. Người thật sự thấu hiểu thì từ sáng đến tối chỉ niệm A Di Đà Phật. Họ không niệm kinh, không niệm chú cũng không tu các pháp môn khác. Vì như vậy là xen tạp rồi, công phu không thuần. Công phu thuần chắc chắn vắng sanh. Chúng ta nghe Kinh, tụng Kinh là vì đoạn nghi sanh tín. Nếu đã tin rồi, không còn mảy may nghi ngờ thì Kinh giáo không cần nữa, một câu niệm Phật hiệu niệm đến cùng.

Niệm Phật đường của Đại sư Ấn Quang chỉ có một câu Phật hiệu, nhất định không xen tạp những thứ khác. Thấp một nén hương, niệm một biến Kinh A Di Đà là để nhiếp tâm. Vì trước khi vào Niệm Phật Đường tâm thường tán loạn, niệm một biến Kinh A Di Đà là để thu tâm lại. Nếu tâm thanh tịnh, không phân tán thì dầu một quyển Kinh A Di Đà đã là quá nhiều rồi.

Từ đó mới biết dụng công phu tối thượng thừa là như thế nào. Ngày nay chúng ta niệm Phật là muốn niệm Kinh Địa Tạng, lại muốn niệm Hạnh Nguyên Phẩm, còn muốn tu Mật tông, nếu xen tạp rất nhiều pháp môn như vậy thì là người phước mỏng, không phải người tối thượng thừa như đã nói. Tối thượng thừa chỉ là một câu Phật hiệu mà thôi.

Mỗi ngày đạo tràng giảng Kinh vì muốn chỉ dẫn người sơ cơ, giúp xã hội tiêu trừ tai nạn. Cho nên việc giảng Kinh là cần thiết. Nếu ở cõi đời có thêm một người học Phật, thêm một người hiểu rõ Phật pháp tức đã thêm một người thiện, bớt đi một người ác, người thiện nhiều hơn, xã hội sẽ được “*hằng vi phi nhơn chi sở thủ hộ*” tức liền có chư Phật hộ niệm, Long Thiên Thiện Thần ủng hộ. Cho nên giảng Kinh là giúp đỡ tất cả chúng sanh tiêu tai miễn nạn, riêng đối với sự tu học của bản thân thì nhất định một câu Phật hiệu phải niệm đến cùng. Nên thấu hiểu đạo lý này là vậy.

Nếu tín tâm không đầy đủ, vẫn còn nghi hoặc gặp phải cảnh giới còn động tâm thì phải nghe Kinh, tụng Kinh. Tụng kinh tốt nhất cũng phải chuyên đọc một bộ, chuyên niệm Kinh Vô Lượng Thọ, chuyên nghe Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu tín tâm vẫn còn không đủ, nghi hoặc không thể giải trừ, thì phải nghe Kinh nhiều hơn. Đây là phương pháp giúp đỡ người thượng thượng căn của cổ thánh tiên hiền và các đời tổ sư.

Nếu muốn phát bồ đề tâm, phổ độ tất cả chúng sanh thì chúng ta phải học nhiều, tại sao? Tại vì căn tánh chúng sanh không giống nhau. Quảng học đa văn (học rộng nghe nhiều) là vì người khác, không phải vì bản thân. Cho nên, học là vì người khác, niệm Phật là vì bản thân, tự lợi và lợi tha (lợi người khác)

phải rõ ràng, nhưng lợi tha tuyệt đối không hại tự lợi, tự lợi cũng có thể giúp đỡ lợi tha.

Thứ mười “*mệnh chung sanh thiên*” (tức là khi chung mệnh sẽ được sanh ở cõi trời). Nếu chưa phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, cũng chắc chắn sẽ được sanh ở cõi thiên hưởng phước trời, vì sao vậy? Thiên nhân là từ bi, nếu cả đời chúng ta có thể giữ thiện pháp không sát sanh thì mức độ đức hạnh này sánh ngang cõi trời. Được sanh ở cõi trời (sanh thiên) là do đạo lý này chứ không phải vì mỗi ngày cúng dường thiên thần thì liền có thể sanh thiên. Mức độ đức hạnh phải đạt đến cõi trời (thiên đạo) mới được. Như vậy, dù quý vị không bái lạy trời cũng sẽ sanh thiên.

Mười loại quả báo vừa giảng đến đều là quả báo thiện, cho nên vĩnh ly sát sanh thì có thể vĩnh ly những pháp khổ này.

“*Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm, tự tại thọ mạng*”(Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật, được quả Phật thì tùy tâm, tự tại sống lâu). Không sát sanh là bổ thí vô úy, quả báo được sức khỏe trường thọ. Nếu đem công đức này hồi hướng về Vô thượng bồ đề tương lai thành Phật sẽ được vô lượng thọ, “tùy tâm tự tại”. Chúng ta đã thấu hiểu quả báo thù thắng viên mãn như vậy thì nên chăm chỉ học tập. Đối tất cả chúng sanh nhất định không nên có ý nghĩ tổn hại, không những không được tổn hại mà ngay cả việc khiến chúng sanh sanh phiền não cũng không được làm, chúng sanh vì ta mà sanh phiền não thì bản thân mình cũng sẽ có phiền não, vậy là không thể đoạn tuyệt phiền não được. Đạo lý này nhất định phải thấu hiểu.

Ly thân đạo đắc thập chủng khả bảo tín pháp(xa lìa trộm cắp, sẽ được mười pháp bảo tín)

Kinh văn:“ *Phục thứ Long Vương, nhược ly thân đạo, tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, tư tài doanh tích, vương tặc, thủy, hỏa cập phi ái tử bất năng tán diệt. Nhị, đa nhân ái niệm. Tam, nhân bất khi phụ. Tứ, thập phương tán mỹ. Ngũ, bất ưu tổn hại. Lục, thiện danh lưu bố. Thất, xứ chúng vô úy. Bát, tài , mạng, sắc , lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết. Cửu, thường hoài thí ý. Thập, mạng chung sanh thiên. Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại Bồ đề trí’.*

Đoạn này, Đức Thế Tôn vì chúng ta mà khai thị mười loại quả báo thù thắng của không trộm cắp. “Bảo” là gìn giữ mà không mất đi.

Thứ nhất, “*Tư tài doanh tích, Vương tặc thủy hỏa cập phi ái tử bất năng tán diệt*”(của cải đầy tràn, vua, tặc, nước, lửa và con hư không phá diệt). “Vương” là quốc pháp, thời xưa phạm tội, gia sản bị nhà nước tịch thu gọi là “Sao gia” (tức tịch thu tài sản), “tặc” là trộm cướp, “thủy” ý chỉ bị nước cuốn trôi, “hỏa” ý chỉ bị hỏa thiêu đốt, “phi ái tử” là chỉ con phá hoại. Những thứ này được gọi là “của cải chung của năm nhà”. Như vậy, nếu có thể tránh xa trộm cắp thì có thể tránh được những tai nạn này.

Của cải giàu có là điều tất cả chúng sanh luôn mong cầu; còn người tu đạo chân chính thì chỉ cần an bản lạc đạo, không thích giàu có, nhưng mẫu người này rất hiếm. Giàu có có thể đeo đuổi được không? Nếu chúng ta có khả năng đeo đuổi giàu có thì giáo huấn của Thánh Hiền có thể bỏ đi, luật nhân quả có

thể lật đổ. Đức Phật dạy chúng ta rằng pháp thể xuất thế gian đều không nằm ngoài luật nhân quả, pháp xuất thế gian cũng vậy. Đại sư Thanh Lương phân Kinh Hoa Nghiêm thành “Ngũ chu nhân quả”. Đại sư Trí Giả phân Kinh Pháp Hoa thành “Nhất thừa nhân quả” cho nên Phật pháp cũng không lìa nhân quả. Gieo nhân thiện nhất định được quả thiện, gieo nhân bất thiện mà muốn cầu được quả thiện là trái với đạo lý.

Đức kết lại lời dạy của Thánh Hiền chẳng qua là dạy chúng ta có trí huệ để phân biệt chánh tà, thị phi_đây là nhân. Giúp đỡ chúng ta nhận thức kiết hung họa phước, đây là quả. “Tà” là gì, còn “chánh” là gì? Quả báo là tai họa, là hung thì là “tà”_ cũng chính là “phi”. Quả báo là điều kiết tường, là phúc thì là “thị”, cũng chính là “Chánh”. Tiêu chuẩn, định nghĩa của kiết hung họa phúc nhất định phải xét từ quả báo. Quả báo thông ba đời, tức hiện tiền được phước báo nhưng tương lai không có phước thì phước báo này là giả, không phải thật.

Xã hội ngày nay có rất nhiều người lúc trẻ thì phát đạt, thực sự là “*tu tài doanh tích*”, tài sản có ức vạn, nhưng kinh doanh 10 năm, 20 năm thì công ty phá sản vỡ nợ. Chuyện này xảy ra rất nhiều. Như vậy có thể thấy, sự giàu có đó của họ không phải thật, chỉ là bày ra trước mắt được vài ngày thôi, thời gian không dài. Nếu sự giàu có của họ có thể kéo dài đến đời con cháu, đời đời có thể duy trì thì mới là thật. Như cổ nhân Trung Quốc có câu nói “giàu không quá ba đời”, ý nghĩa của câu này hết sức sâu sắc. Qua ba đời thì suy bại rồi, như vậy đâu thể xem là thật sự giàu có. Ba đời còn không có thật, tự mình trong đời này cũng giữ không xong, có thể thấy là càng hư huyền. Phước báo mà Phật pháp dạy là đời này có phước đời sau có phước, đời sau nữa cũng có phước, đời đời kiếp kiếp đều có

phước_ đây mới là phước báu thật! Người đời nhãn quang nông cạn, chỉ thấy trước mắt, đây là không có trí tuệ, là ngu si.

Giáo huấn của cổ nhân chắc chắn không xen tạp điều lợi hay cái hại của cá nhân, không mong cầu bất kỳ báo đáp nào, không những không mong cầu vật phẩm cúng dường, cũng không cầu hậu thế đối với họ kính lễ, ca tụng. Đó thật sự là đạt được vô sở cầu! Vô sở cầu là lời nói đó là chân thật, phàm là có sở cầu có điều kiện thì lời nói đó chưa chắc là thật. Chư Phật Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền đối với tất cả chúng sanh là thái độ vô điều kiện, vô sở cầu. Cho nên những lời giảng dạy đều là lời chân thật. Chư Phật Bồ Tát, Cổ thánh tiên hiền nhìn sự việc vô cùng thấu triệt. Đối với sự thật nhân quả và lý luận nhân quả (chuyển biến nhân quả, tương tục nhân quả, tuần hoàn nhân quả) của sự việc các Ngài đã quá rõ ràng rồi, cho nên các Ngài mới hướng dẫn chúng ta một nguyên tắc tổng quát là gieo nhân thiện nhất định nhận quả báo thiện, gieo nhân bất thiện chắc chắn gặt quả báo bất thiện.

Sự giàu có từ đâu mà có? Là do bố thí tài của mà có. Bố thí tài vật là nhân được gieo, giàu có là quả báo nhận được. Đời này chúng ta được giàu có là do trong quá khứ đã tu nhân thiện, bố thí tài vật, thế nên đời này mới nhận thiện báo. Quả báo hiện tiền là phước hay họa rất khó nói, vấn đề ở chỗ chúng ta có trí huệ hay không. Biết dùng tiền hợp lý là trí huệ. Nếu không có trí huệ, dùng tiền không hợp lý là tạo tội nghiệp, phước biến thành họa, là không phải phước thật.

Do đó có thể thấy, thật sự biết dùng tiền là phải dựa vào trí huệ, trí huệ lớn lại từ trong giáo dục mà ra. Nên suy cho cùng, mấu chốt của kết hung họa phước vẫn là ở giáo dục.

Người có trí huệ tự nhiên có thể gần lành lánh ác. Cách thức để có thể gần lành lánh ác là nhất định phải đoạn ác tu thiện thì nhân quả mới tương ứng, phá mê khai ngộ thì mới thật sự có thể ta lìa hung tai, hướng về kiết tường. Đây là giáo huấn của thánh hiền.

“*Vương tặc thủy hỏa cập phi ái tử*” đều là do chúng ta đã kết duyên bất thiện với tất cả chúng sinh trong đời này và trong quá khứ mà tạo thành. Từ cho thấy, chúng ta sống trên thế gian này, xử sự đối nhân, tiếp vật cử chỉ ngôn hạnh không thể không cẩn thận. Bồ Tát tuyệt đối sẽ không kết oán với một chúng sanh nào vì kết oán sẽ phải oan oan tương báo. Năm họa trên chính là quả ác của oan oan tương báo. Kết thiện duyên với mọi người, thì không có những việc này. Cho nên phước báo đích thực là của cải đem ra hưởng chung với đại chúng xã hội chứ không phải để một mình hưởng riêng. Ví như chúng ta phát tài lại biết chia sẻ thì mọi người tán thán, hoan hỷ vì họ cũng được thơm lây.

Ngày xưa, ở Trung Quốc có một người cũng được xem là người biết cách dùng tiền, tên gọi Phạm Lãi. Ông thật sự có trí tuệ, ông có thể chia sẻ, bố thí khắp nơi gọi là “tam tụ tam tán” (ba lần phát tài, ba lần chia hết tiền của). Vậy mới thấy, số mạng mình đã có rồi thì có bỏ cũng bỏ không được. Ông là một nhân vật điển hình về tu tích của cải. Ông là một người thật sự giàu có, mẫu mực! Cho nên, nếu tiền của càng được phân phát bố thí thì lại càng có nhiều.

Mấy năm nay Đông Nam Á gặp bão tài chánh, kinh tế suy thoái khắp nơi nhưng thu nhập của “Phật Giáo Cư sĩ Lâm ở Singapore” mỗi tháng đều tăng trưởng, vì biết bố thí tài, không

tích chứa tài sản. Nhà Phật dạy ba loại bố thí (bố thí tài, bố thí pháp, và bố thí vô úy) thì “Cư sĩ Lâm” hằng ngày đều tích cực làm, cho nên tài của không ngừng ra vào liên tục. “Cư sĩ Lâm” từ trên xuống dưới ai ai cũng đều có trí huệ, khỏe mạnh trường thọ, đây là quả báo

Còn có một vị là cư sĩ Lý Kim Hữu ở Malaysia. Ông cũng làm đúng như pháp. Ông mua cả vùng núi hoang ở Cổ Tấn mà gần nơi đó có mười mấy thôn trang, người ở đó đều làm nghề đi săn. Ông mua lại hết những dụng cụ săn bắn của họ, mời họ lên núi làm việc. Ông đối đãi với họ rất tốt, giúp họ có thể nuôi cả gia đình mà không phải đi săn bắt. Vì vậy người trong vùng này không sát sanh nữa, không những không sát sanh mà còn ăn chay trường. Ông bố thí cho nhiều người như vậy, nên họ hết sức cảm kích ông, đều làm hộ pháp của ông. Cho nên, một người có phước thì người trong cả khu vực được hưởng phước báo theo. Đối với cả xã hội, với tất cả chúng sanh, toàn tâm toàn lực dâng hiến, phước báo về sau là bất khả tư nghị. Cho nên làm người phải có tâm đại bồ đề, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn.

Hiện nay, chúng ta có thể liên kết các tôn giáo, các chủng tộc khác nhau ở Singapore lại với nhau và được nhiều người trên thế giới ngợi khen. Chúng ta làm điều này không phải vì mong cầu những lời ngợi khen. Người đời ngợi khen cũng được, phỉ báng cũng được, chẳng liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta chỉ cần nhắc kỹ càng rằng việc này có nên làm hay không. Tiêu chuẩn để cân nhắc là sự “an định”, “hòa bình”, “phồn vinh”, “hạnh phúc” của việc ấy đối với xã hội, đối với thế giới. Phải xét xem nó có đạt các điều kiện tương ứng này không? Nếu tương ứng thì nhất định làm, không tương ứng nhất định không làm.

Ngày nay, chúng ta nhìn thấy thế giới sắp gặp phải tai nạn lớn. Những người trí huệ, nhà chánh trị, nhà khoa học trong các ngành nghề trên toàn thế giới đều có thể cảm giác được sâu sắc dấu hiệu của tai nạn này, nhưng không có giải pháp giải quyết vấn đề. Nguyên nhân do đâu? Do giáo dục thất bại. Trung Quốc đem giáo dục đạo đức luân lý thánh hiền bỏ hết. Phương Tây đem giáo dục tôn giáo bỏ hết. Giáo dục gia đình không còn, giáo dục nhà trường không còn, giáo dục xã hội không còn, giáo dục tôn giáo cũng không còn. Vì vậy chúng ta phải liên hiệp, đoàn kết tất cả các tôn giáo lại, giúp nhắc họ nhất định phải xem trọng giáo dục tôn giáo, không nên cứ coi trọng ở trên nghi thức tôn giáo, có nghi thức mà không có giáo dục thì chỉ là mê tín, cần phải khôi phục lại giáo dục tôn giáo để đoàn kết chủng tộc, bồi đắp giáo dục thánh hiền. Chỉ có thật sự khôi phục giáo dục đạo đức luân lý thánh hiền, thế gian mới có thể tránh khỏi tai nạn.

Tâm lượng nhất định phải lớn, không nên chỉ vì bản thân mình. Vì sao? Vì thế giới này giống như thân thể của chúng ta, thân thể là do rất nhiều bộ phận khác hợp thành. Nếu các bộ phận khác không hợp tác thì thân này còn có thể sống không? Điều mà Đức Phật dạy chúng ta không chỉ có thế giới, mà là “tận hư không khắp pháp giới, tất cả chúng sanh là một pháp thân”. Cho nên Kinh điển thường dạy “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới” (tức là tấm lòng rộng lớn, ôm trọn cả hư không vũ trụ)_đạo lý là ở chỗ này. Chúng ta không thể chỉ quan tâm bản thân mà phải quan tâm đến toàn thể đại cục, đại cục là toàn thể giới, là biến pháp giới. Khởi tâm động niệm thì luôn nghĩ đến toàn thể giới. Cả thế giới hòa bình, xã hội an định, mọi người đều được phước. Nơi nào có tai nạn đều có quan hệ mật thiết với chúng ta. Toàn thể giới là cùng đồng một thể, một sanh

mệnh, cho nên chúng ta phải có một cái nhìn vĩ mô, phải có trí tuệ chân thật.

Thứ hai là “*Đa nhân ái niệm*”(được nhiều người yêu thương). Không trộm cắp và không sát sanh thuộc về bố thí vô úy, hay nói cách khác là khiến cho tất cả chúng sanh xa lìa sợ hãi lo lắng. Người thế gian thường nói “Không nên phô bày của cải”. Để người khác biết được của cải của chúng ta, họ dễ khởi ác niệm, nghĩ đến việc trộm cắp hoặc cướp đoạt. Nhưng nếu họ là người trì giới, dầu thấy tiền của, họ cũng không động tâm, không khởi ác tâm. Nhờ vậy chúng ta cũng được an tâm. Đây chính là bố thí vô úy, không trộm cướp nhất định đạt được “*Đa nhân ái niệm*”, trong cuộc sống được nhiều người quan tâm và ủng hộ. Đây là quả báo rất thù thắng.

Thứ ba là “*Nhân bất khi phụ*”(người không ức hiếp). Chúng ta phải hiểu rõ nghiệp nhân quả báo, ta không ức hiếp người thì không có người lại ức hiếp ta. Nếu ta không ức hiếp người mà vẫn còn có người ức hiếp ta, đó là ác nghiệp đã tạo trong quá khứ. Lúc này chúng ta nên tiếp nhận nghịch duyên, đến mà nhận lấy, bình tâm nhận lấy thì nghiệp chướng tiêu tan. Sau khi nghiệp chướng tiêu hết, thiện quả nhất định hiện tiền. Cho nên, đối với mười loại pháp bảo tín phải có tín tâm, đối với thánh giáo nhất định không có nghi ngờ. Một người tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện nhất định được chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần phù hộ, dù gặp phải khổ nạn cũng không sợ hãi, gặp phải tai nạn hiện tiền tự mình có niềm tin mạnh mẽ rằng sẽ có Phật, Bồ Tát gia hộ, đây chỉ là tiêu nghiệp chướng mà thôi. Nghiệp chướng đời này và quá khứ đã tạo, ngay tại đây đã trả báo hết rồi. Dù nghịch cảnh hiện ngay trước mắt, dứt khoát không có chút ý nghĩ oán trời trách người. Nếu như có ý

ngã này, không những nghiệp chướng không tiêu được mà còn tăng trưởng thêm.

“*Thân người khó có được, Phật pháp khó được nghe*”. Cơ duyên học Phật là “Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” (trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được). Đây là lời chân thật. Gặp được rồi thì phải biết quý trọng, nhất định phải tự mình khắc phục tập khí, phiền não, nên biết cơ hội này không phải dễ dàng gặp được. Như cư sĩ Bành Tế Thanh nói “*trong vô lượng kiếp mới hy hữu gặp một ngày*”. Thật thấu hiểu đạo lý này thì dù tập khí phiền não thế nào cũng phải khắc phục; nếu không thể khắc phục, sau này phải lại chịu khổ vô lượng kiếp chịu khổ trong lục đạo luân hồi. Người gặp được Phật pháp giống như tia lửa điện chớp, xẹt ngang lập tức tắt liền, lại thôi chuyển, không thể giác ngộ_ loại người này nhiều vô cùng.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói “*trong một vạn người niệm Phật, thật sự vĩnh sanh chỉ có hai, ba người*”. Hai, ba người đó thật sự thấu hiểu, không muốn tạo sanh tử luân hồi nữa nên khắc phục được tập khí phiền não tham sân si mạn của mình thì đời này thành tựu rồi. Chúng ta nhất định phải thấu hiểu, nếu không thể khắc phục tập khí phiền não thì vẫn đọa lạc trong tham sân si mạn, tương lai nhất định vẫn chịu vô lượng kiếp sanh tử luân hồi. Nên biết rằng sự việc này rất là đáng sợ, hiểu được điều đáng sợ thì đối với danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần phải giữ khoảng cách, càng xa càng tốt, không được đến gần nó. Vì bản thân mình không có công phu, không có định lực, không có trí huệ, vừa đến gần thì phiền não liền khởi lên hiện hành.

Cho nên, xưa kia Đại đức xây dựng đạo tràng đều chọn nơi núi sâu, không có dấu chân người đến, khiến người ta vĩnh viễn rời bỏ danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. Nhưng hiện nay giao thông thuận tiện, chỉ có tự mình thật sự phát tâm, quan tâm chăm sóc bản thân, tự mình phải hiểu biết viễn ly, không cần thiết thì không đến gần, không cần thiết thì ít chuyện trò, phải niệm Phật nhiều đọc tụng Kinh nhiều. Trong Kinh Tây Phương Xác Chỉ, Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh dạy chúng ta: “*Ít nói một câu chuyện ;Niệm nhiều một câu Phật ;Đánh chết được vọng niệm ;Pháp thân hiển chân thật*”.

Nếu quả thật chúng ta không làm được như vậy, thì chúng ta có năng lực gì trong cảnh giới mà không nhiễm ô chứ. Trong cảnh giới ngũ dục, lục trần mà thân tâm thật sự không nhiễm thì quả là người thành tựu công phu tịnh nghiệp.

Trong mười tông phái lớn, Tịnh độ tông và Mật tông đều là tu tâm thanh tịnh. Mật tông là thượng thượng thừa tâm thanh tịnh. Tịnh độ tông thì thượng, trung, hạ ba loại đều có. Mật tông thì không lìa danh vọng lợi dưỡng ngũ dục, lục trần; ở trong đó mà tu tâm thanh tịnh, nhất định không bị ô nhiễm. Đây là công phu thật. Người bình thường học Mật tông, nếu không được loại công phu thật này thì ắt đọa địa ngục. Tu học Mật tông chỉ có hai kết quả: một là thành Phật, hai là đọa địa ngục. Đối với những người bình thường, không có công phu mà nói thì chỗ thù thắng của Tịnh độ tông chính là vĩnh viễn xa rời ngũ dục lục trần, không tiếp xúc mới có thể giữ bản thân mình được. Chúng ta có thể viễn ly, chư Phật hoan hỷ, thiện thần ủng hộ, nhiều người thương mến, người khác không ức hiếp.

Thứ tư là “*Thập phương tán mỹ*”(mười phương khen ngợi), ý là nói chư Phật Như Lai mười phương, pháp thân Đại sĩ khen ngợi chúng ta. Vì chúng ta đã khắc phục tạp khí, phiền não của bản thân, đây là công phu thật.

Thứ năm là “*Bất ưu tổn hại*”(không lo tổn hại). Nếu thật người khác có đến tổn hại chúng ta thì cũng không sầu lo. Bà Lý Tú Cẩm là phó Lâm trưởng của “Phật Giáo Cư sĩ Lâm ở Singapore ” mở ra một cửa hàng nhỏ, học sinh tiểu học đến cửa hàng đó lấy cấp đồ, bà nhìn thấy liền gọi với theo và hỏi “Có đủ không? Cần nữa không? Cứ tùy ý lấy”. Bà không lo tổn hại, người hàng xóm láng giềng đều cảm động. Bà hoan hỷ bỏ thí là tấm gương tốt tu hành thời mạt pháp. Chúng ta tổn thất không bao nhiêu nhưng người không có tiền thì cần những thứ đó. Chúng ta nên giúp đỡ họ, không quở trách họ, dùng tâm tốt tiếp đãi họ, cảm hóa họ. Đây là cách Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, thành tựu vô lượng công đức.

Thứ sáu là “*Thiện danh lưu bố*”(tiếng lành vang khắp). Chúng ta tu hành mười thiện, xã hội người người đều tán thán ấy là người tốt, người thiện. Ngay cả người ác cũng không xâm phạm, đều thương mến chúng ta_ đây là đức hạnh chiêu cảm.

Thứ bảy là “*Xử chúng vô úy*”(ở trong chúng không sợ). “Chúng” ở đây là đoàn thể, nghĩa là bất luận trong đoàn thể nào chúng ta đều sẽ rất ung dung, rất tự tại. Những người nào sống với “chúng” thì thân tâm không an? Là người tạo tác bất thiện. Đó gọi là nội tâm áy náy, có lỗi với Phật Bồ Tát, có lỗi với Tổ sư Đại đức, có lỗi với hộ pháp nên trong đoàn thể mới biểu hiện thần thái bất an. Nếu như thật sự đạt đến mức “ngẩng lên không phụ với trời, cúi xuống không thẹn với đất”, làm người thông

minh chánh trực, dứt khoát không được có ý niệm ám hại người khác. Không những không được hại người mà ngay cả động vật cũng không được hại, kể cả các loài vật nhỏ bé. Trong nhà chúng ta thế nào cũng các loại côn trùng như muỗi, ruồi, kiến, v.v.. chúng ta không nên có suy nghĩ làm hại chúng vì những con vật đó cũng chỉ là đi tìm thức ăn, giống như chúng ta mỗi ngày làm việc kiếm sống, chúng có tội tình gì? Nhìn thấy chúng, chúng ta tuyệt đối không sát hại chúng, lại nên thông cảm cho chúng. Chúng ta có tâm từ bi, có thiện ý, động vật nhỏ cũng thông tình đạt lý, tự nhiên không đến quấy rầy quý vị.

Đại sư Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái sinh. Hồi trước, khi nơi ở của Ngài có muỗi, bò chét thị giả của Ngài muốn giúp Ngài quét dọn, Ngài Ấn Quang nói với thị giả rằng “Không cần đâu! Cứ để chúng ở đây! Nên xem chừng đức hạnh của mình không đủ nên không thể cảm hóa chúng, thường sinh tâm hổ thẹn”. Ngài xem chúng làm thiện tri thức mà đối đãi, từng phút từng giây phút nhắc nhở bản thân phải tự mình cẩn thận phản tỉnh, sửa đổi lỗi lầm. Quả nhiên sau 70 tuổi, bất luận Tô sư sống ở chỗ nào những động vật nhỏ đều di dời hết, đức hạnh có thể cảm động được những động vật nhỏ này, há không cảm động người ư! Trong vạn vật, con người có tánh linh đứng đầu. Chúng ta không thể cảm hóa được người khác vì chúng ta không có đức hạnh. Cho nên tiên đức tu nghiệp là việc trọng đại của đời người, chúng ta không thể không biết điều này!

Quả báo của việc không sát sanh là thù thắng nhất không gì bằng. Trong quả báo thù thắng, quan trọng nhất là sức khỏe trường thọ. Đây là cái đức hàng đầu, là điều mà nhiều người rất khó có được. Nguyên nhân do đâu? Do tập khí quá nặng! Tập khí của sân hận, kiêu căng ngạo mạn, đối với người, với sự việc,

đối với mọi thứ vô tình mà khởi lên hiện hành, cứ như vậy tạo ác nghiệp. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta phải đoạn phiền não, càng phải đoạn tập khí.

Chúng ta thử để ý cách tạo hình nghệ thuật của các tượng trong Phật giáo, mỗi tượng A La Hán đều có diện mạo khác nhau, nhưng nếu quan sát kỹ thì mỗi tượng đều toát ra vẻ từ bi. Riêng hình tượng của Bồ Tát thì không giống vậy. Hầu như diện mạo của các tượng Bồ Tát rất ít sự khác biệt. Nguyên nhân là vì đâu ? Là vì A La Hán thì ác nghiệp đã đoạn nhưng tập khí vẫn còn; thế nhưng Bồ Tát thì ác nghiệp lẫn tập khí đều đoạn trừ hết nên diện mạo hiền từ, hòa ái. Tất cả chúng sanh nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỷ, chúng ta ở chỗ này cần phải thể hội được, biết học tập thế nào, quan trọng nhất là đoạn tập khí.

Đoạn tập khí bằng cách nào? Cách hiệu quả nhất là ghi hình lại tất cả hành vi sinh hoạt của chúng ta khi đối nhân tiếp vật, sau đó thì tự mình thường thường xem lại. Nhưng nếu không có người giúp mình ghi hình lại thì sao? Chúng ta thử nghĩ xem người xưa đã dùng cách nào? Đó là ngày ngày nhìn vào gương, nhờ gương soi lại chính mình mỗi lúc vui, mừng, giận, ghét để bản thân có thể tự kiểm điểm lại đức tánh của bản thân, nhờ đó là tỉnh ngộ ra. Thật ra, trong cuộc sống này, chúng ta chỉ cần tự mình lưu ý, chịu khó dụng tâm quan sát người khác, những người khác đó chính là tấm gương của chúng ta. Nhìn thấy nét mặt, điệu bộ, ngữ khí bất thiện của người khác, ta cảm thấy thế nào? Xoay lại thử nghĩ mình đối đãi với mọi người có phải cũng như vậy không? Đức Khổng Tử có dạy rằng “*Trong ba người đi cùng ắt có một người là thầy ta*”. Thế nên sau khi quan sát dáng vẻ của người thiện hay kẻ bất thiện, chỉ

cần bản thân tự mình chịu lưu ý thì liền biết sửa đổi, trong cuộc sống hằng ngày từng li từng tí đều sẽ biết dụng tâm để học tập.

Chỉ có người lơ là, sơ ý thì khó sửa lỗi, nhưng loại người này rất nhiều, đặc biệt là trong thời đại hiện nay, loại người này thì trong Kinh thường gọi là “người đáng thương hại”. Đối với “người đáng thương hại” này, chúng ta dứt khoát không được quở trách họ, tại sao? Vì không có người dạy cho họ biết. Người xưa gọi đó là chưa nhận được sự giáo dục, ở đây là nói đến giáo dục về nhân cách và giáo dục luân lý đạo đức. Những thứ mà ngày nay nhà trường giảng dạy là khoa học kỹ thuật, giáo dục kỹ năng, nếu so với bốn môn học mà Khổng Tử gồm đức hạnh, ngôn ngữ, chánh sự và văn học thì giáo dục ngày nay chỉ dạy chánh sự và văn học chứ không dạy đức hạnh, ngôn ngữ.

Không những cổ thánh tiên hiền dạy về nhân cách không chỉ có ở Trung Hoa mà ngay cả nước ngoài cũng vậy. Chúng ta thử xem Kinh điển trong tôn giáo của họ, đều là giáo dục xã hội đa văn hóa. Lời dạy của mỗi một tôn giáo đều vượt qua không gian, thời gian, vượt qua lãnh thổ quốc gia, vượt qua chủng tộc, cũng vượt qua tôn giáo: đó là dạy về đạo đức luân thường ngày nay gọi là giáo dục nhân văn. Dạy chúng ta làm người thế nào? Chỉ có biết làm người thì người với người mới có thể chung sống hòa thuận, đối xử bình đẳng. Như các vị thế xuất thế gian Đại Thánh đại hiền vậy, tâm các vị ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng là nhân tố đầu tiên trở thành Phật. Bồ Tát là tâm lục độ vậy mà Bồ Tát vẫn chưa đạt được sự bình đẳng trọn vẹn, cho nên đạt được tâm bình đẳng là rất khó. Đức Phật dạy “*Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai*”, “*Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật*” thế nhưng ngày nay chúng ta lại thành ra như vậy, nguyên nhân chính là do chưa nhận được giáo dục Thánh

hiền, tự mình thuận theo phiền não tạp khí của bản thân nên tiền đồ chúng ta là một mảng tối tăm.

Thứ tám là “*Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết*” (của cải, sinh mạng, hình sắc, sức lực đều an lạc, biện tài đầy đủ không thiếu) trong đó “tài” là tiền của, “mạng” là tuổi thọ, “sắc lực” là sức khỏe, “lực” còn bao gồm năng lực. Ba thứ này là thứ mà tất cả chúng sanh đều mong cầu.

Thế nhưng, tiền của không nhất thiết phải có thật nhiều, đủ dùng là tốt rồi Không riêng gì giáo huấn của Phật giáo mà bất kỳ Tôn giáo nào, thậm chí là giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền đều dạy chúng ta rằng “*Biết đủ thường lạc, biết đủ thì giàu*”. Điều kiện đắc thành Phật là gì? Là biết đủ, biết đủ mới là viên mãn, viên mãn rồi mới đắc thành Phật. Cho nên, vị Phật kế tiếp sau Phật Thích Ca đều trụ ở trời Tri Túc (Trời Đâu Suất chính là trời Tri Túc). Không biết đủ thì có giàu có cũng là bần cùng, biết đủ thì làm ăn xin cũng thấy viên mãn! Từ đó có thể thấy, kiết hung họa phúc đều trong nhất niệm, tùy theo chúng ta có cách nghĩ thế nào thôi. Nhất niệm giác ngộ thì phàm phu thành Phật, nhất niệm mê muội thì vĩnh viễn đọa ác đạo_ đây điều chúng ta phải hiểu rõ. Không chỉ tài mệnh sắc lực an lạc còn được “*biện tài cụ túc vô khuyết*”. Biện tài là xử sự đối nhân tiếp vật phải hoàn bị, không những tự mình được lợi ích mà còn giúp đỡ người khác.

Đức Phật dạy chúng ta một chân tướng sự thật chính là chân lý về nhân duyên quả báo, không những thế pháp như vậy, pháp xuất thế gian cũng không rời định luật này. Quả báo của việc ác là ngược lại mười loại pháp bảo tín. Thấu hiểu đạo lý này và chân tướng sự thật rồi thì sao không sớm đoạn ác tu

thiện? Con người đều hy vọng, mong cầu được quả báo tốt. Bất luận là người đời nay hay đời xưa, ở nước này hay nước khác, không chúng sanh nào là không cầu của cải, thọ mạng, trí huệ. Mong cầu thế mà có được không? Câu trả lời là cầu được, cho nên trong nhà Phật thường nói “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng” (trong cửa nhà Phật, có cầu tất ứng). Nhưng nhất định cầu phải như pháp như lý thì mới cầu gì ứng đó; cầu không hợp lý, không hợp pháp thì không cảm ứng.

Thứ chín là “*Thường hoài thí ý*”(thường có lòng bố thí). “Thí” là giúp đỡ người khác; cả câu này nghĩa là thường phải giữ ý niệm giúp đỡ tất cả chúng sanh. Thường giữ tâm này, gặp lúc chúng sanh cần được giúp đỡ thì tự nhiên liền hoan hỷ bố thí, đây là đức hạnh chân thật.

Thứ mười là “*Mệnh chung sanh thiên*”(sau khi mạng chung được sanh cõi trời). Chỗ này cần nói rõ ra, vì chúng ta vẫn chưa phát nguyện xuất ly tam giới, nên quả báo về cõi trời, chúng ta nhất định phải giác ngộ. Phạm trộm cắp thì ngay cả sanh thiên cũng không thể, huống là vãng sanh thế giới cực lạc. Phạm vi của trộm cắp sâu rộng vô hạn, chúng ta ở trong đời sống thường ngày thường phạm, phạm mà không thể nhận biết cho nên cả đời niệm Phật, khi lâm chung không thể vãng sanh, còn trách Phật không linh, cái gọi là “miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn” chính là đây. Tâm tán loạn chính là trong tâm còn xen tạp rất nhiều ác nghiệp. Như vậy sao có thể vãng sanh !

Trộm cắp chính là có thói quen giành phần hơn. Có ý nghĩ như vậy đã là tâm trộm, như giành phần lợi của người khác, chiếm phần lợi của công, trong tự viện chiếm phần lợi của thường trụ. Đây là những điều rất dễ phạm. Ví dụ dùng điện

thoại của thường trụ để tán chuyện với bạn bè đều là trộm cắp, có sự việc cần thiết thì mới nói, chuyện càng đơn giản càng tốt.

Chúng ta nên suy ngẫm xem mình có lãng phí của thường trụ không? Trong Kinh Địa Tạng nói về quả báo thật đáng sợ. Chúng ta phá giới tạo tội ngũ nghịch mười điều ác, Đức Phật có thể cứu; còn trộm đồ của thập phương thường trụ, Phật không thể cứu. Đây là sự thật. Kinh Vô Lượng Thọ có dạy, người tạo tội ngũ nghịch mười điều ác khi lâm chung nếu biết sám hối Phật vẫn có thể giúp đỡ cho họ vãng sanh. Nhưng tội trộm đồ của thập phương thường trụ, Phật không thể cứu. Tại sao? Vì không thể sám hối. Việc này rất nghiêm trọng nhưng chúng ta thường không để ý. Thật sự mà nói, tội trộm cắp còn nghiêm trọng hơn tội sát sanh. Chúng ta giết người, sát thân mệnh của chúng sanh, nhưng chúng ta không đoạn huệ mạng của họ, đó là trách nhiệm một đối một, dễ dàng sám hối. Riêng tội trộm cắp, đặc biệt là trộm cắp của thường trụ, so với tội trộm cắp của công của quốc gia còn nặng hơn, vì tứ chúng đệ tử tận hư không biến pháp giới đều là chủ nợ. Quốc gia là một nước, số người có hạn, còn thường trụ là thông hư không pháp giới. Hư không pháp giới không giới hạn số lượng. Ngày nay mọi người chiếm phần lợi của thường trụ, chiếm phần lợi của người khác hầu như đã thành thói quen, cảm giác như lẽ đương nhiên mà không biết hậu quả nghiêm trọng là sẽ chướng ngại sanh thiên, cho nên đồ vật của thường trụ phải biết quý trọng.

“Nhược năng hồi hướng, A-nậu –đà- la- tam -niệu -tam -bồ -đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh, đại bồ đề trí” (Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, chứng trí thanh tịnh đại bồ đề). Trên quả vị Như Lai thì trí huệ đức năng vô lượng vô biên. Các Ngài

làm sao mà chúng đắc được? Tất có nhân duyên, nhân là trí huệ đức năng tự tánh vốn có đủ, duyên là khi hành Bồ Tát đạo tích lũy công đức. Chúng ta có nhân nhưng không có duyên thì quả báo không thể hiện tiền. Bồ Tát Thập Địa, Bồ Tát Đẳng Giác thì “thanh tịnh đại bồ đề trí” chưa viên mãn, chính là duyên còn thiếu một phần. Duyên chính là tích công tích đức!

Cho nên phải đoạn tuyệt cho bằng hết ý niệm trộm cắp thì hành vi trộm cắp đương nhiên không có. Đây chính là tu từ căn bản.

Trong bộ Kinh này Đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta về mười loại pháp khả bảo tín. Trong Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tín là cội nguồn của đạo, là mẹ của các công đức*”, còn Nho giáo thì có câu “Người không có tín thì không thể đứng vững trong xã hội”. Làm sao để giữ gìn “tín” _ điều mà người đời nay cũng thường gọi là có tín nhiệm. Trong Di Đà Yếu Giải Đại Sư Ngẫu Ích dạy có sáu loại tín, đó là tin mình, tin người khác, tin nhân, tin quả, tin sự, tin lý. Trên đường tu đạo Bồ đề thì có tam tư lương là “Tín”, “Nguyện” và “Hạnh”. Trong “Tam tư lương”, điều đầu tiên là tín, nếu có tâm trộm cắp không buông xả thì xem như không có tín; nói cách khác trong tam tư lương điều đầu tiên đã không có thì hai điều nguyện và hạnh không cần bàn nữa, làm thế nào có thể được vãng sanh? Đại đức thời xưa thường dạy “Người niệm Phật có nhiều nhưng người vãng sanh ít”. Chúng ta đọc bộ Kinh này, suy ngẫm kỹ càng sẽ thấu hiểu được, rồi nhìn lại bản thân mình, tự biết “đời này có thể vãng sanh không”? Điều này đối với chúng ta có mối quan hệ vô cùng quan trọng.

Cho nên Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nhất định phải đọc thuần thực, tốt nhất là có thể đọc thuộc lòng mỗi ngày, thọ trì làm phụ trợ để tu Tịnh độ. Tổ sư thường giảng pháp môn Tịnh tông là chánh trợ song tu. Chúng ta dựa theo Kinh Vô Lượng Thọ, dựa vào sáu chữ hồng danh, đây là chánh tu; còn mỗi ngày đọc Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo để kiểm điểm tư tưởng, thân tâm chúng ta_ đây là trợ tu. Chánh tu song hành cùng trợ tu, nhất định thành tựu.

Ly tà hạnh đắc tứ chủng trí sở tán pháp.(xa lìa tà hạnh, sẽ đắc bốn pháp mà người trí khen ngợi).

Kinh văn: ***“Phục thứ Long Vương, nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ? Nhất, chư căn điều thuận. Nhị, vĩnh ly huyên tạp. Tam, thể sở xưng tán. Tứ, thê mạc năng xâm. Thị vi tứ, nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu- tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật trượng phu, ẩn mật tàng tướng”***.

“Tà hạnh” tức chỉ tà dâm. Nếu như có thể vĩnh ly tà dâm thì sẽ đắc bốn pháp mà người trí khen ngợi. “Trí” là người trí, người có trí huệ nhất định sẽ tán thán chúng ta.

Thứ nhất, ***“Chư căn điều thuận”***(các căn điều thuận). “Căn” là thân căn, nói theo cách hiện nay chính là thân thể khỏe mạnh. Thân thể khỏe mạnh là điều mong cầu đầu tiên của tất cả chúng sanh. Dù là người đại phú đại quý nhưng thân thể không khỏe mạnh thì cũng hối tiếc cả đời. Đặc biệt đối với người ở tuổi trung niên trở về sau, khỏe mạnh là phúc báo chân thật. Dâm dục quá độ nhất định tổn hại sức khỏe, lúc còn trẻ không hiểu biết, đến tuổi trung niên tất cả bệnh tật liền xuất hiện, cho nên Đại đức thời xưa dạy người trẻ phải giảm sự ham muốn.

Thứ hai, “*Vĩnh ly huyền trạo*”(xa lìa cãi cọ). “Huyền” ồn ào, âm ỉ, cãi cọ. Ở chỗ này là nói vợ chồng trong gia đình bất hòa, cãi cọ. “Trạo” là thân tâm bất an. Gia đình mà vợ chồng không hòa hợp, như cách nói thời nay là ngoại tình thì gia đình đã gặp vấn đề rồi. Vì hoài nghi, đổ kỵ, sân hận thì việc cãi vã là điều không thể tránh khỏi. Sự ảnh hưởng của nó rất lớn, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hai vợ chồng mà còn làm tổn thương cho con cái, đặc biệt là con cái lúc mà tuổi nhỏ ấu thơ. Cha mẹ là tấm gương trong mắt của chúng. Nếu cha mẹ làm tấm gương bất thiện, thì ảnh hưởng cả đời chúng. Chúng lại ảnh hưởng đến xã hội, ảnh hưởng này cứ dần dần lan rộng ra. Do đó, có thể thấy tà hạnh tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp; thế nhưng có rất ít người có thể hiểu được vấn đề này, thấu hiểu được chân tướng sự thật. Cho nên, nếu có thể vĩnh ly tà hạnh thì gia đình có thể hòa hợp, vợ chồng hòa thuận thì sẽ ảnh hưởng đến an định xã hội, xúc tiến thế giới hòa bình, công đức rất lớn, bất khả tư nghị.

Thứ ba, “*Thế sở xưng tán*(được người đời khen ngợi.)”. Đây là điều rõ ràng dễ thấy nhất, vợ chồng hòa thuận, gia đình mỹ mãn, không những cha mẹ, anh chị em trong gia đình chúng ta ngợi khen mà đến cả bạn bè thân thích, bà con hàng xóm, xã hội đại chúng không ai không tán thán. Chúng ta thấy ở Singapore “Hiệp hội truyền đạo Hồi giáo” tổ chức ngày Lễ của Mẹ để biểu dương mười mấy người vợ hiền, mẹ tốt. Những người mẹ mẫu mực này phần lớn là những người khi còn trẻ mà chồng đã qua đời hoặc là đã ly hôn. Cả đời họ thủ tiết, trải cuộc sống cực khổ gian nan. Họ nuôi dạy con cái nên người, cho con cái tiếp thu nền giáo dục tốt đẹp vì Singapore, vì xã hội này mà có những cống hiến kiệt xuất. Cho nên trong mắt những đứa con này, người mẹ vĩ đại không gì sánh được. Họ là tấm gương cho

xã hội, mà cốt lõi của tấm gương là trung kiên, là vĩnh ly tà hạnh_ theo cách gọi của người Trung Quốc xưa là thủ tiết.

Ngày nay xã hội loạn động, căn nguyên do đâu? Căn nguyên là do gia đình đổ vỡ, tỷ lệ ly hôn cao. Hôn nhân là việc lớn của đời người, thời xưa Trung Quốc coi trọng lễ này biết bao. Vì sao phải coi trọng? Vì đây là cội gốc của tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Thế nên chúng ta thử xem xét tỉ mỉ xã hội ngày nay, nhân tố căn bản của thế giới loạn động bất an có phải chính là do lơ là giáo dục gia đình. Trên thế giới tuy có rất nhiều trường học, cơ hội được tiếp nhận giáo dục rất phổ biến nhưng là giáo dục công lợi, cổ vũ người ta thêm tham sân si, giết chóc, trộm cắp, dâm dục, xằng bậy. Xã hội như vậy làm sao không động loạn được! Những hiện tượng mà chúng ta nhìn thấy trong xã hội ngày nay chính là điềm báo nạn tai, vô cùng đáng sợ.

Giữa người với người không có đạo lý, không có nghĩa tình chỉ có điều lợi và cái hại, “chỉ biết mưu lợi” mà thôi. Thời đại quân chủ chuyên chế xưa lấy nhân nghĩa để trị quốc. Phật giáo dạy Đế Vương dùng mười thiện trị quốc, Nho giáo dạy cho đại chúng “minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện”, khinh tài lợi, trọng nghĩa nhân. Ngược lại, nếu người người đều tranh danh đoạt lợi, kết cục cuối cùng nhất định là đại chiến thế giới. Không thể dùng chính trị để cứu vãn kiếp nạn này (gồm thiên tai lẫn nhân họa), càng không thể dùng vũ lực để giải quyết, dùng vũ lực chỉ kết thêm thù oán, oan oan tương báo không bao giờ dứt. Cho nên Thánh hiền thế xuất thế gian không ai là không dạy chúng ta tiết kiệm, nhẫn nhịn, dùng tâm thiện chân thành để giúp đỡ người khác. Vậy mới có thể được hòa bình vĩnh cửu, thế nên, giải quyết vấn đề tai nạn trước mắt chỉ có giáo dục thánh hiền, giáo dục của Phật, Bồ Tát mới có thể làm được.

Thứ tư, “*Thê mạc năng xâm*”, (vợ không ai xâm phạm) “xâm” là xâm phạm. Tội xâm phạm nghiêm trọng nhất chính là ly hôn, phân chia tài sản. Nếu vĩnh ly tà hạnh, thì không phát sanh sự việc này. Nghe nói tỷ lệ ly hôn của Trung Quốc hiện nay khá cao, tỷ lệ ly hôn của người Tây Phương càng cao. Nhưng đại chúng xã hội cho rằng đây là hiện tượng tốt, là cởi mở, là tự do dân chủ. Tư tưởng này là của người Phương Tây. Xã hội như vậy sao có thể không loạn động được? Ba mẹ ly hôn thì con cái họ là người trực tiếp chịu tổn thương. Những đứa trẻ này từ nhỏ đã có tư tưởng và tâm trạng khác thường, thiếu tình thương, tràn đầy sân hận, việc cứ như vậy mà phát triển thì hậu quả thật khó tưởng tượng. Cho nên, có thể dùng một chữ để đúc kết giáo dục của Thánh Hiền chính là “*giáo dục tình thương yêu*”, dạy cho chúng ta hiểu giữa người và người phải tương kính, tương thân và tôn trọng lẫn nhau.

Trong bộ Kinh này Đức Phật có nói “*Bồ Tát có một pháp có thể đoạn tất cả các khổ trong ác đạo*”, vậy pháp đó là pháp gì? Chính là thập thiện nghiệp đạo! Chúng ta phải “*Ngày đêm thường niệm, tư duy, quán sát thiện pháp, khiến cho chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, không may mắn bất thiện xen tạp, đó chính là có thể làm cho vĩnh đoạn ác nghiệp*”. Nếu được như lời dạy mà tu hành thì có thể vĩnh đoạn ác nghiệp, ác đạo sẽ không còn nữa.

Đoạn khai thị này quan trọng không gì so sánh được. Chúng ta nhất định phải áp dụng vào đời sống vợ chồng, áp dụng vào trong công việc, giữa những người đồng nghiệp, xử sự đối nhân tiếp vật, chỉ ghi nhớ điểm tốt của người khác, chớ thiện của họ, không nghĩ đến ác niệm, ác hạnh của người khác. Dù người khác có ác niệm hay ác hạnh chúng ta cũng không giữ

trong lòng, chỉ nghĩ cái thiện của họ; lâu dần, người ác sẽ được chúng ta cảm hóa thành người thiện. Vậy là chúng ta đã làm một việc tốt. Chúng ta cảm hóa được một người, giúp họ quay đầu sẽ ảnh hưởng rất lớn, từ đó có thể giúp vô số người quay đầu và tỉnh ngộ.

Như vậy, chúng ta nhất định phải nỗ lực chăm chỉ học tập “Thập thiện”, nó chắc chắn có lợi cho bản thân. Không chỉ giúp bản thân không phạm tà hạnh mà còn có thể khuyến bảo, khuyến khích bạn bè thân thích nhận thức. Ngoài ra, chúng ta cũng nên nói cho họ hiểu về lợi ích, công đức của việc này. Cứu chính mình, cứu xã hội, cứu tất cả chúng sanh chỉ ở trong nhất niệm. Nhất niệm mà thực hành theo giáo huấn của Phật Đà thì chính là Phật đạo, Bồ Tát đạo. Nếu đi ngược lại lời dạy của Phật Đà thì đường đi chắc chắn sẽ là tam ác đạo.

Trên đây là bốn loại trí huệ mà người người ca ngợi vì họ biết sự lợi, hại, được mất, của nó.

“*Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu- tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tướng phu, ẩn mật tàng tướng*”(Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, thì được tướng tợ phu ẩn mật tàng tướng) “Ẩn mật tàng tướng” là một trong ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật. “Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp” là quả báo thiện lành. Có quả ắt có nhân, nhân duyên tuy vô lượng vô biên, nhưng quy nạp lại không ngoài mười loại này, cho nên vô lượng vô biên thiện hành thiện pháp chính là điều mà mười thiện triển khai. Thân làm đệ tử Phật phải làm đầu, làm gương cho mọi người, họ thấy rồi sẽ tin tưởng và bắt chước theo. Như vậy là đã thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Ly vọng ngữ đắc bát chủng thiên sở tán pháp(xa lìa vọng ngữ sẽ được tám pháp trời khen ngợi).

Kinh văn: *“Phục thứ Long Vương, nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát? Nhất, khẩu thường thanh tịnh, ưu tất hoa hương. Nhị, vi chư thế gian chi sở tín phục. Tam, phát ngôn thành chứng nhân thiên kính ái. Tứ, thường dĩ ái ngữ an úy chúng sanh. Ngũ, đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh. Lục, ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ. Thất, phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành. Bát, trí huệ thù thắng, vô năng chế phục. Thị vi bát, nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề giả. Hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chân thật ngữ”*.

Tất cả chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh ở thế giới ta bà, trong ba nghiệp “thân”, “khẩu”, “ý” thì “khẩu nghiệp” dễ phạm nhất, vô lượng công đức cứ theo khẩu nghiệp mà tiêu mất. Cho nên Đức Phật dạy khẩu nghiệp có bốn điều tức là, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và ý ngữ.

Điều thứ nhất là vọng ngữ, vọng ngữ là giữ trong lòng cái tâm lường gạt người khác. Tội này rất nặng. Tiếp đến là truyền bá vọng ngữ tổn hại người khác dù vô tình hay cố ý. Những người bị tổn hại đó bao gồm cả gia đình, xã hội, quốc gia thậm chí là sự hòa bình an định của cả thế giới. Căn cứ để kết tội thì phải xem độ ảnh hưởng ít hay nhiều của vọng ngữ. Thời gian ảnh hưởng càng dài, người bị hại càng nhiều thì tội càng nặng; còn nếu ảnh hưởng nhỏ, người bị hại ít thì tội nhẹ. Vì thế lời nói không thể không cẩn thận, trước khi nói phải nghĩ đến sau này lời ấy sẽ gây hậu quả gì.

Trong Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, Đức Phật kể một câu chuyện. Xưa có hai vị Tỳ kheo giảng kinh

hoàng pháp lợi sanh, pháp duyên rất thù thắng, có người đổ ky dùng vọng ngữ lường thiệt để phá hoại đạo tràng hoàng pháp khiến cho thính chúng mất tín tâm với Pháp sư, quả báo của họ là mắc đọa ở địa ngục một ngàn tám trăm vạn năm. Số năm đó là nói theo cách tính của nhân gian nhưng cảm giác thực tế ở địa ngục là vô lượng kiếp, thật là một ngày như một năm! Cho nên tạo nghiệp rất dễ, chỉ mấy phút sanh sự dựng chuyện, đâu biết được quả báo thảm như vậy! Chúng ta nghe biết được quả báo thảm như vậy thì tự bản thân phải cẩn thận trong ngôn hành.

Công đức của không vọng ngữ không gì thể có thù thắng hơn, mà Đức Phật gọi là “*đắc bát chủng thiên sở tán pháp*”. Thiên là thiên nhân, ý là thiên nhân lẫn thiên thần đều tán thán công đức ấy của chúng ta.

Thứ nhất là “*Khẩu thường thanh tịnh, ưu bát hoa hương*”(miệng thường thanh tịnh, thơm mùi hoa ưu bát). “Ưu bát hoa” nghĩa là hoa sen xanh, ý là nói từ miệng sẽ tỏa ra mùi thơm. Đối với người tu hành mà nói, nếu miệng tỏa ra mùi khó ngửi thì cũng chưa phải là việc xấu, vì sao? Vì có thể nhờ đó mà cảnh tỉnh bản thân “*Khẩu nghiệp của tôi không thanh tịnh, nên nỗ lực tu thiện*”. Cho nên nếu chúng ta có thể thiện hộ khẩu nghiệp (khéo giữ gìn lời nói), nhất định đạt được “miệng thường thanh tịnh như có hương sen.”

Khi nói chuyện tỏa ra mùi khó ngửi, thông thường tự mình không cảm nhận được,. Lúc trước có một vị lão cư sĩ nói với tôi rằng “*Pháp sư, trước đây miệng Ngài có mùi khó ngửi nhưng giờ không còn nữa*”. Tự bản thân tôi trước giờ không hề biết, cũng chưa từng nghe ai nói qua chuyện này. Hẳn là vì đã thật sự y theo Phật pháp tu hành, thời gian dần qua nên chắc có biến chuyển. Dù vậy nhưng Kinh vẫn phải mỗi ngày đọc, mỗi

ngày mỗi giảng. Nếu xa rời Kinh giáo, thì suy nghĩ lung tung, xa rời lời dạy Phật Đà, thì chắc chắn không cưỡng lại nổi sự cám dỗ của danh tiếng lợi dưỡng, của cái, danh vọng, sắc đẹp, ăn ngon, ngủ nghỉ (nhà Phật gọi là “tài, sắc, danh, thực, thụ”), nhất định đọa lạc. Chúng ta như con thuyền rách giữa sóng to gió lớn, còn chưa bị chìm đắm là nhờ Phật pháp mỗi ngày nhắc nhở, khuyến khích. Khi cảnh giới hiện lập tức nghĩ đến lời giáo huấn của Phật Đà thì mới không đến nỗi phải chìm đắm.

Chúng ta đều nghe qua Lão Hòa thượng Hư Vân. Một năm Ngài mới cắt tóc một lần và tắm gội một lần; y phục cũng không thay, trên cổ áo cặn mồ hôi dầu bám đầy nhưng người lại thơm. Phạm phu như chúng ta, ba ngày không giặt quần áo đã đầy mùi hôi thối mà quần áo của Ngài lại tỏa hương thanh khiết. Hương thanh khiết ấy chính là hương hoa sen xanh. Đó là vì Lão Hòa thượng giữ được tam nghiệp thanh tịnh thì mới cảm được quả báo như vậy. Chúng ta không thể nào so sánh với Ngài. Chỗ này đáng để chúng ta cảnh tỉnh, học tập. Khi tu hành phải thường kiểm điểm công phu của mình, biết mình ở cảnh giới nào, tu học mới có tín tâm. Như vậy mới có thể cảnh tỉnh bản thân, mạnh dạn tinh tấn, thật sự được lợi lạc.

Vì vậy, tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh, thể chất cũng thanh tịnh. Có thể y theo lời dạy Đức Phật mà tu hành, Thập Thiện Nghiệp Đạo có thể thay đổi thể chất, dung mạo. Đây chính là “tướng tùy tâm chuyển”. Mùi khó ngửi từ miệng không còn nữa mà chuyển thành hương thanh khiết. Đây là lợi ích thứ nhất của “Không vọng ngữ”. Chúng ta thử từ việc này mà xét lại việc giữ gìn giới không vọng ngữ của bản thân.

Trong Kinh dạy “Tuồng lưỡi rộng dài” là quả báo của ba đời không vọng ngữ, đầu lưỡi có thể chạm đến mũi. Lưỡi của

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra có thể che hết cả mặt, đây là quả báo của đời đời kiếp kiếp không vọng ngữ_cũng là một trong ba mươi hai tướng tốt.

Cổ nhân có nói, thường thì trước 40 tuổi vẫn còn chịu ảnh hưởng của nghiệp báo quá khứ; nhưng sau 40 tuổi quả báo ở đời này tự mình gánh lấy_tức là nghiệp mà bản thân ở đời này đã tạo dần dần hiện ra. Trong quá khứ đã tạo ác nghiệp, chỉ cần hiện tại thật sự giác ngộ quay đầu, đoạn ác tu thiện thì có thể cải thiện được. Giống như trong Liễu Phàm Tứ Huấn có chuyện Viên Liễu Phàm tiên sinh có thể thay đổi vận mệnh của mình, nắm vận mệnh trong lòng bàn tay. Cũng như vậy, giáo dục của Phật Đà không gì khác ngoài dạy cho chúng ta cách cải tạo vận mệnh. Đoạn ác tu thiện chính là cải tạo vận mệnh, phá mê khai ngộ tức là chuyển phàm thành thánh. Chúng ta muốn cải tạo vận mệnh của mình thì phải cố gắng học tập theo Phật Đà. Đức Phật vô cùng từ bi với chúng ta, Ngài hết lòng hết mực giảng dạy, từng câu từng chữ đều chân thật.

Thứ hai “*Vi chư thế gian chi sở tín phục*”(được người đời tín phục).Cổ nhân thường nói “*Nhân vô tín tắc bất lập*” (tức không có chữ tín thì khó đứng vững ở đời). Trung Quốc cổ đại vô cùng xem trọng chữ “tín”. Chữ “tín” trong Phật giáo cũng được xem trọng như thế. Tam tư lương vãng sanh của Tịnh độ Tông là gồm “Tín, Nguyện, Hạnh”. Không chỉ Tịnh độ Tông, bất kể tu học theo pháp môn tông phái nào cũng không thể thiếu tam tư lương này. Đặc biệt “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu*”, nghĩa là tín là căn nguyên vào đạo và có thể sanh công đức, nên gọi là “mẹ của công đức ”. Từ đó có thể thấy được sự quan trọng của “tín”.

Lấy ví dụ như xã hội ngày nay thường sử dụng thẻ tín dụng, nếu không có tín dụng thì khó có thể sinh tồn trong xã hội đó, cho nên người nước ngoài rất coi trọng cách làm sao để bảo vệ tín dụng của mình. Họ coi trọng tín là vì lợi ích, còn nhà Phật nói chữ tín là vì đạo. Trong mỗi quan hệ giữa người với người, họ có dùng vọng ngữ với ta hay không, không quan trọng; quan trọng là chúng ta có vọng ngữ không, có lừa gạt người khác hay không? Nhưng xã hội ngày nay, vọng ngữ đã trở thành một thói quen, vì sao? Vì bảo vệ quyền lợi của chính mình mà không thể không nói vọng ngữ. Trên thực tế, quyền lợi của cá nhân là có hạn, dù vọng ngữ có thể có được cả thế gian, nhưng không tránh được sanh tử luân hồi. Vì vọng ngữ nên chắc chắn không vượt ra Tam giới, không thể vắng sanh Tịnh độ. Đây là tổn thất rất lớn. Chính vì không thấu hiểu chân tướng sự thật nên luôn thuận theo phiền não tập khí của mình tạo thành.

Người đời nay không biết ăn nói, cũng không thể trách họ, vì không có ai dạy cho họ biết. Một người hiểu biết thật sự thì phải cảm thông cho tất cả chúng sanh trong xã hội ngày nay. Trong Kinh gọi họ là “*người đáng thương hại*”. Người hiểu biết tuy không trách họ nhưng họ không thể không lãnh quả báo. Vì bản thân tạo nghiệp nhân thì nhất định phải nhận lãnh quả báo, nhân duyên quả báo ai có thể thay ta nhận lãnh được. Cho nên lời nói không thể không cẩn thận. Ngay cả khi chúng ta có thiện tâm thiện ý thì cũng phải để tâm đến người nghe, xem họ hiểu được thiện tâm thiện ý của chúng ta hay không, vì có thể khi họ nghe rồi sinh ra ngộ nhận, hiểu lầm, nói chúng ta là ác tâm ác ý. Cho nên bài kệ khai kinh có câu “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” nói thì dễ biết bao!

Thật sự mà nói, sở dĩ chúng ta tu học chưa thể thành tựu là do hiểu lầm, hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai. Chúng ta luôn hiểu sai ý, giải nhầm nghĩa lời Đức Phật. Cuộc sống hằng ngày hằng ngày, trong mối quan hệ giữa người với người, chúng ta còn có khi hiểu sai ý của người khác, đợi đến khi tự mình biết sai, thì không kịp rồi. Cho nên nói năng không thể không cẩn thận, không thể không học tập.

Đức Phật dạy chúng ta một nguyên tắc vô cùng quan trọng_ đó là “Thành thật”. Thành thật chính là không vọng ngữ, nói năng phải chừng mực, nhất định phải xem xét tình trạng thực tế xung quanh, không để người nghe sinh ra hiểu lầm. Cho nên, lời nói thành thật là việc người thế gian tin, là điều người thế gian tôn trọng.

Thứ ba “*Phát ngôn thành chứng, như thiên ái kính*”(mở lời thành chứng, người trời kính mến). Vì người khác tin tưởng chúng ta thành thật, không vọng ngữ, luôn trích lời nói, cách nói của chúng ta để làm chứng, cũng giống như chúng ta trích dẫn Kinh điển hay lời của đại đức xưa để làm chứng. Đây là điều mà Chư Thiên xưng tán.

Thứ tư, “*Thường dĩ ái ngữ, an úy chúng sanh*”(thường đem lời từ ái để an ủi chúng sanh). Chúng sanh vì mê hoặc nên cứ thuận theo phiền não tạp khí mà tạo tác các loại bất thiện, bởi thế nhận quả báo không thiện, thường thường sống trong cảnh khổ nạn. Khổ nạn không phân giàu nghèo, quý, tiện. Người giàu có khổ nạn của người giàu có; Người bần tiện có khổ nạn của người bần tiện. Chỉ có Bồ Tát có thể giúp đỡ họ qua khổ nạn, Bồ Tát ở thế gian không mong cầu gì cả, đúng như câu “*Không tranh với người, không cầu với đời*” nên Ngài dùng ái ngữ an ủi chúng sanh. Ái ngữ là lời nói thương yêu che chở có thể không

nhất định dễ nghe nhưng đối với chúng sanh thật sự có ích, dù đánh họ, mắng họ nhưng đều là thương yêu che chở họ. Đây chính là tâm yêu thương thật sự.

Ngày nay, có lẽ chỉ cha mẹ đối với con cái còn có tâm yêu thương, có ái ngữ. Thầy cô đối với học sinh cũng chưa chắc có, bạn bè với nhau thì càng khó. Ngày nay chúng ta sống trong thế giới bi thảm, luân lý đạo đức không còn, là thời đại đại loạn. Vậy nên, còn có thể nghe được Phật pháp, phát tâm tu hành thì chính là thiện căn, phước đức của chúng ta vô cùng hi hữu; Vì thế chúng ta nhất định phải giữ gìn niệm thiện tâm của mình.

Thế gian này rốt cuộc có tai họa hay không? Chúng ta cứ tự mình xem xét thử. Nếu chúng ta có thể thấu đạt hiện tượng xã hội thì chính là như cổ nhân gọi “*Thâm nhi minh chi*” (tức xem kỹ mà hiểu rõ), kiết hung họa phước rõ như lòng bàn tay. Nếu giữa người với người với thật sự có đủ “*Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*” thì xã hội này, thời đại này quả là có phước, nhà Phật gọi là phước địa, phước thành. Ngược lại thì xã hội tất có hung tai. Chúng ta thử quan sát các đời thành bại, suy vong trong lịch sử. Nó như một chiếc gương soi, lấy chiếc gương lịch sử chiếu vào xã hội ngày nay thì có thể rõ ràng thế gian này có tai nạn hay không.

Cái gốc của một xã hội loạn trị, kiết hung họa phước vốn đều do gia đình mà ra. Vợ chồng là hạt nhân của gia đình. Trước kia vợ chồng là sự kết hợp đạo nghĩa, có “ân”, có “nghĩa”, có “tình”, có “ái”; ngày nay đạo vợ chồng không còn “ân, nghĩa, tình, ái” mà chỉ kết hợp có lợi và dục. Hiện tượng này đáng sợ biết bao. Cho nên sự kết hợp của xã hội ngày nay, từ tổ chức cơ bản gia đình đến cả quốc gia thế giới đều là lợi và dục. Được mấy người thấy được nghiệp nhân quả báo trong đó? Được mấy

người có thể quay đầu? Nhà Phật thường nói “Quay đầu là bờ”, một người quay đầu một người được độ, hai người quay đầu hai người được độ. Ví như mọi người không biết quay đầu, chúng ta tự mình phải biết quay đầu mới không phụ giáo huấn của Phật, Bồ Tát.

Thứ năm “*Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh*”(được ý lạc thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh). “Thắng ý lạc” chính là pháp hỷ sung mãn. Nhà Nho gọi là “Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”. ‘thuyết’ là duyệt. “Duyệt” nghĩa là thắng ý lạc, là niềm vui từ trong mà nội tâm sanh ra, giống như nước suối, không phải từ bên ngoài đến. Đây là pháp hỷ, cho nên “Tam nghiệp thanh tịnh” là hỷ lạc rồi. Trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy “*Thiện hộ khẩu nghiệp bất kỳ tha quá; thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi; thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*”. Thập thiện nghiệp đạo chính là mở rộng của ba nghiệp này, tu được mười thiện nghiệp đạo chắc chắn sẽ được thắng ý lạc. Cái gọi là “*Thường sanh tâm hoan hỷ*” mà Kinh luận đã dạy chính là quả báo chúng ta thật sự đạt được, Chư Phật Bồ Tát đạt được, Tổ sư đại đức đạt được, những người thật sự thọ trì đọc tụng, vì mọi người mà giảng giải, y giáo phụng hành đều có thể đạt được. Chỉ cần chịu làm thì chúng ta nhất định đạt được. Loại hỷ lạc này là đức của tam nghiệp thanh tịnh, có thể tiêu trừ tất cả phiền não, tập nghiệp, thiên tai nhân họa. Có thể thấy được lời nói hết sức quan trọng.

Thứ sáu “*Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ*”(nói không sai lầm, tâm thường hoan hỷ). Vì đâu một người có thể không vọng ngữ, không nói lời lầm lỗi? Vì họ có trí huệ. Vọng ngữ thường là do phiền não, tập khí làm chủ cho nên không có cách nào tránh được sai lầm. Nếu người thành thật, không vọng

ngũ, tâm địa chân thành thanh tịnh không lừa gạt chúng sanh thì thường sanh trí huệ, lời nói đương nhiên không có sai lầm. “*Tâm thường hoan hỷ*” hay theo cách nói của nhà Phật là “*Thường sanh tâm hoan hỷ*”. Loại hỷ lạc này là nhân tố quan trọng nhất đối với sức khỏe thân tâm. Cổ nhân dạy “*người gặp chuyện vui tinh thần sáng khoái*”. Nếu như người gặp phải bi thương, đau khổ thì sức khỏe thân tâm sẽ chịu tổn thương rất lớn. Người đa sầu thì nhất định nhiều bệnh, người tạp niệm nhiều chắc chắn không khỏe mạnh, còn người khỏe mạnh thì chắc chắn thường sanh tâm hoan hỷ.

Thứ bảy “*Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành*”(nói lời tôn trọng, trời người phụng hành). Một người thành thật đáng tin thì lời nói của họ mọi, người đều tin tưởng mà không hoài nghi, không những người không hoài nghi mà Chư thiên nghe thấy cũng hoan hỷ, tôn kính, cũng sẽ phụng hành. Phật pháp dạy trời có 28 tầng trời, tầng Thiên nhân cấp cao năng lực rất mạnh. Trong lục thông họ có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông, chỉ là không có lậu tận thông. “Lậu” là phiền não, vì họ chưa đoạn tận phiền não, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa được đoạn sạch trừ. Chúng ta vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nặng cho nên căn bản là không thông.

Vọng ngữ là một loại phiền não nghiêm trọng. Vì vậy từ xưa đến nay Tổ sư đại đức khuyên người tu hành phải “*bắt đầu từ không vọng ngữ*”. Các loại phiền não khác thì dễ dàng đoạn trừ nhưng không đoạn trừ vọng ngữ thì vọng tưởng, tạp khí cũng không đoạn được chút nào. Không những không thể đoạn,

mà mỗi ngày còn tăng trưởng, thật sự không tiến thì lùi, tu hành như vậy thì làm sao có thành tựu?

Thứ tám “*Trí tuệ thù thắng, vô năng chế phục*”(trí huệ thù thắng, không ai có thể chế phục). Tức ý chỉ sự biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại không phải là do học mà có mà nó thuộc về quả báo. Quả báo này là từ trí huệ mà sinh ra, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phiền não ít thì trí huệ tăng trưởng, phiền não nặng thì trí huệ giảm sút. Cho nên nếu chúng ta muốn khai phát trí huệ thì không thể không đoạn phiền não. “Trí huệ thù thắng” thì biện tài vô ngại, đương nhiên là “vô năng chế phục”. Người “vô năng” là người nào? Là người chưa đoạn phiền não tạp khí nên họ không có năng lực biện luận với chúng ta.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, khi muốn độ người ngoại đạo Ngài đã dùng năng lực trí huệ và biện tài vô ngại để hàng phục họ. Xã hội lúc bấy giờ có 96 loại ngoại đạo. Dùng từ “ngoại đạo” không phải có ý phỉ báng hạ thấp người; “ngoại đạo” ở đây ý là “tâm ngoại cầu pháp”. Chúng ta phải kiểm điểm, phản tỉnh lại thật kỹ xem bản thân mình có phải bản thân là tâm ngoại cầu pháp hay không? Nếu như tâm ngoại cầu pháp thì cũng là ngoại đạo. Ngoại đạo này Phật giáo gọi là “Môn nội ngoại”. Tuy học Phật, quy y, thọ giới nhưng vẫn cứ cầu pháp ngoài tâm. Nói cách khác, không thâm nhập, thấu triệt nghĩa lý của Kinh ; niệm niệm còn bị ảnh hưởng bởi ngoại cảnh. Đây đều là ngoại đạo, cho nên ý nghĩa của ngoại đạo rất rộng.

Ngược lại với ngoại đạo là “nội học”. Phật pháp bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ bên trong tâm. “Nội” tức là tâm tánh. Nói cách khác, “bên trong” là năng hiện năng biến, còn “bên

ngoài” là sở hiện sở biến; năng hiện năng biến là thật, sở hiện sở biến là giả. Chúng ta cứ ở trong cái giả mà cầu pháp thì đến bao giờ mới có thể thấy đạo? Thấy đạo tức là thấy được tâm tánh. Tông môn thường gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, kiến tánh mới có thể vào cửa đại thừa nhưng khoảng cách đường nhập thất còn rất xa vời .

Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là “nhập môn” tức là sơ trụ Bồ Tát viên giáo, nói cách khác, Bồ Tát quả vị thập tín của viên giáo vẫn chưa nhập môn nhưng cũng đến gần rồi. Nhà Phật nói là thứ bậc, vào cửa mới coi là cảm được học vị, cho nên Bồ Tát sơ trụ trở lên mới có thứ bậc. Do đó mà biết được Phật pháp là phải cầu từ bên trong, cầu ngay nơi bản thân mình chứ không phải cầu ở người. Thật lòng mà nói phương pháp nội chứng rất hay, trực tiếp, bền vững lại không vòng vo. Đây là sự thù thắng của Phật pháp, thế nhưng chúng ta vẫn không hiểu được ý của Đức Phật, không hiểu được vì sao Đức Phật lại dạy phương pháp như vậy. Thế là trong vô tình hoặc hữu ý, tư tưởng, ngôn hạnh của chúng ta trái ngược lại với lời Đức Phật dạy . Đây chính là nguyên nhân thật sự khiến chúng ta không chứng quả, không thể vào cửa. Nếu chúng ta hiểu được ý của Đức Phật, hiểu được phương tiện thiện xảo của Đức Phật, như lý như pháp mà tu học thì đời này khế nhập cảnh giới không phải là việc khó.

Đức Phật dạy chúng ta không vọng ngữ, chúng ta làm được không? Nếu không làm được thì nguyên nhân do đâu? Do không quên được “Ngã”, chỉ mỗi cái “ngã” thì đã làm chúng ta không thể đột phá qua cửa này. Kinh Bát Nhã có câu “*vô ngã*

tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, vậy thì tại sao chúng ta vẫn cứ cố chấp, chấp trước “ngã” vậy? Chư Phật Bồ Tát dám nói lời chân thật vì các Ngài “vô ngã”, còn phàm phu khởi tâm động niệm không rời ngã chấp, suy tính hơn thiệt, nên biết rõ mà vẫn cố phạm. Biết rõ còn cố phạm là ngu si, vô minh. Việc này tổn thất quá lớn, làm mất cơ duyên minh tâm kiến tánh. Cho nên, thật sự hiểu được lợi hại được mất thì chắc chắn sẽ tùy thuận theo lời giáo huấn của Phật Đà.

“Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chân thật ngữ”(Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được lời nói chân thật của Như Lai). Câu này ý nói những tướng tốt sẽ đạt được ở quả địa Như Lai, chân thật ngữ của Như Lai là từ nghiệp nhân không vọng ngữ mà được. Nếu từ trên tướng mà nói tức là được tướng tướng lười rộng dày của Như Lai.

Đức Phật dạy chúng ta là chân thật thiện pháp mà quả báo của thiện pháp này vô cùng thù thắng. Nếu làm trái ngược thiện pháp thì nhất định chiêu cảm là nạn tai. Chúng ta chịu khó quan sát kỹ xã hội ngày nay thử xem, mọi người đều đang tạo mười nghiệp ác, thậm chí là ganh đua, tranh giành. Nên suy cho cùng, việc làm của chúng ta ngày nay là tương ứng với mười thiện hay mười ác thì tự mình phải suy nghĩ cẩn thận.

Cuộc đời ngắn ngủi khổ đau, sau khi chết sẽ chuyển đời đến một không gian không cùng tần số với đời này, đó là kiếp lai sanh. Thế nhưng khi nói đến lai sanh thì người đời khó lòng tin tưởng. Nếu họ tin tưởng có kiếp lai sanh thì mỗi lần khởi tâm

động niệm sẽ cần thận. Kiếp lai sanh là có thật, dầu chúng ta tin hay không tin nó vẫn tồn tại. Ở Mỹ có vài tờ báo hoặc tạp chí thường đăng tin về phương diện này, hiện nay những ví dụ về việc luân hồi rất nhiều. Chúng ta nên thu thập nhiều, phát biểu nhiều và phổ biến nó, làm cho mọi người hiểu rằng chắc chắn lai sanh là có thật.

Nếu chịu khó quán sát kỹ, cũng không khó để chúng ta ngộ ra điều này. Nó giống như việc buổi tối nằm mơ thì tần số không gian trong giấc mơ là khác với tần số đời sống thực tại. Vì sao mạng sống của chúng ta mất đi rồi nhưng mộng cảnh đó vẫn không mất đi? Vì mộng cảnh đó với thân thể chúng ta không dính chấp gì với nhau thể nên nó vẫn tồn tại. Nhà Phật gọi mộng cảnh đó chúng tử khởi hiện hành của A Lại Da Thức. Chúng ta chỉ cần quán sát kỹ sẽ không quá khó để thể hội được mười pháp giới mà Đức Phật đã giảng.

Ly lưỡng thiệt đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp(xa lia lưỡng thiệt sẽ được năm pháp không thể xâm hại).

Kinh văn: *“Phục thứ Long Vương, nhược ly lưỡng thiệt tức đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngũ ? Nhất, đắc bất hoại thân, vô năng hại cố. Nhị, đắc bất hoại quyền thuộc , vô năng phá cố. Tam, đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố. Tứ, đắc bất hoại pháp hành, sở tu kiên cố cố. Ngũ, đắc bất hoại thiện tri thức, bất cuống hoặc cố. Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo bất năng trở hoại”*.

Đoạn kinh văn này là lời khai thị quan trọng để chúng ta tu học, sơ pháp tâm cho đến quả vị Như Lai đều không thể tách rời. “Lưỡng thiệt” là khiêu khích nói lời thị phi, đặt điều sanh sự, tội nghiệp vô cùng nặng.

Chư Phật Bồ Tát, Tổ sư Đại đức dạy chúng ta, tất cả các pháp thế gian không có thiện ác, thị phi, chánh tà, chân vọng, lợi hại. Nếu như khế nhập vào cảnh giới này tức là nhập vào Bất nhị pháp môn thì thành Phật rồi. Lời mà đức Phật dạy chúng ta là chân tướng sự thật, là cảnh giới tự thân chứng của chư Phật Như Lai, là cái gọi là “Pháp nhĩ như thị”. “Pháp nhĩ” theo cách nói thông thường nghĩa là “tự nhiên như vậy”, “nó vốn là như vậy”. Tất cả thị phi, tà chánh, chân vọng, hại lợi đều là từ tâm con người sanh ra, từ tâm gì mà sanh ra? Từ trong tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì vậy chỉ có lìa xa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mới có thể nhìn thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh; không lìa khỏi phân biệt, chấp trước thì chính là tạo nghiệp.

Tạo nghiệp này, quả thật mà nói cũng là hư vọng, quả báo cũng là hư vọng. Thế nhưng những điều hư vọng này chúng ta hoàn toàn có thể cảm thụ được. Nó giống như việc chúng ta nằm mơ vậy, khi mơ thấy ác mộng thì thật sự là thọ khổ, sợ đồ mờ hôi. Tuy nhiên nếu biết đó chỉ là nằm mơ, là giả thì chúng ta sẽ không sợ hãi hay hoảng sợ. Từ đó có thể hiểu rằng, Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong thế gian, các Ngài biết mình đang nằm mộng trong Phật sự nên đến độ hóa người trong mộng. Các Ngài là người trong mộng đã tỉnh ngộ rồi, chúng ta là người trong mộng

còn mê hoặc. Bồ Tát còn gọi là “*Giác hữu tình*”, “hữu tình” thì còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tuy họ là hữu tình nhưng họ đã giác ngộ rồi, thấu hiểu chân tướng sự thật. Phàm phu chưa giác ngộ, không thấu hiểu chân tướng sự thật, thấy giả mà cho là thật, vì thế chịu vô lượng vô biên khổ nạn cũng do đó mà sanh ra.

Trong khẩu nghiệp, quan trọng nhất là lưỡng thiệt. Cái hại của lưỡng thiệt còn hơn cả vọng ngữ. Lưỡng thiệt nhỏ thì xúi giục chuyện thị phi, phá hoại hòa thuận gia đình, phá hoại tình cảm vợ chồng; lưỡng thiệt lớn thì kích động bất hòa của quốc gia, thậm chí gây chiến tranh, tổn hại không biết bao nhiêu người và tài sản. Đây là tội nặng. Lưỡng thiệt lớn hơn nữa là khiêu khích Phật pháp “*phá hòa hợp tăng*”. Tội này nặng hơn cả việc khiêu khích hai nước phát sanh chiến tranh. Đó là một trong năm tội ngũ nghịch, quả báo là đọa A Tỳ Địa ngục. Vì kích động hai nước chiến tranh thì thương vong là sanh mạng, còn phá hòa hợp tăng là đoạn pháp thân huệ mạng của tất cả chúng sanh. Cái đạo lý này và chân tướng sự thật nghiệp nhân quả báo không thể không biết vậy!

Lưỡng thiệt thuộc hành động, mà cội rễ của nó là tam độc phiền não (tức 3 loại độc phiền não). Nếu không có tam độc phiền não thì thân khẩu chắc chắn không tạo ác nghiệp. Từ đó có thể biết, tam độc là nhân nghiệp, thân khẩu thất chi (7 điều ác của thân và miệng) là duyên nghiệp. Cổ đức dạy chúng ta tu hành phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là chuyển tam độc thành giới- định- tuệ. Tam độc là gốc của phiền não; Giới - định - huệ là gốc của tất cả thiện pháp. Đây là hai cội rễ của tất cả thiện, ác.

Cội rễ của cội rễ chính là chấp ngã. “Ngã” không phá thì không thể vào cửa Phật giáo Đại thừa lẫn Phật giáo Tiểu thừa. Trong Tiểu thừa, phải đoạn tận 88 sở kiến hoặc trong Tam giới mới chứng quả Tu Đà Hoàn; còn trong 51 thứ bậc của Bồ Tát của Đại thừa thì ngay cả quả vị sơ tín cũng phải đoạn 88 sở kiến hoặc trong tam giới. Thân kiến là điều đầu tiên trong kiến hoặc, thân kiến chính là ngã chấp, phá được ngã chấp là đạt được trí huệ chân thật.

Chúng ta học Phật lâu rồi nhưng sao công phu không đắc lực? Là vì không thực hành! Tuy mỗi ngày đọc tụng, giảng giải, nghiên cứu thảo luận nhưng chỉ là loanh quanh trong việc giảng giải chứ chưa thật sự thực hành. Có hành mới có thể chứng, không hành thì sao có thể chứng được? Cho nên thật sự thực hành chính là trí huệ chân thật.

Trí huệ chân thật đem lại cho chúng ta hai loại lợi ích thù thắng. Thứ nhất là khai ngộ trí huệ hiện tiền. Trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là “*khai hóa hiển thị chân thực chi tế*” còn trong Thiên tông gọi là “*minh tâm kiến tánh*” và Giáo hạ gọi là “*Đại khai viên giải*”. Nhà Phật nói là phải “xả đắc”, tức là phải buông xả thân kiến. Buông xả kiến tư phiền não thì mới có thể đắc trí huệ chân thực, đắc minh tâm kiến tánh. Vậy là trí huệ thành tựu rồi. Thứ hai là đắc chân thực chi lợi, tức được viên mãn về phước đức. Được cả hai loại lợi ích này tức là phước huệ nhị túc tôn.

Nếu không đoạn tuyệt kiến tư phiền não thì còn là phàm phu, bất luận tu hành thế nào cũng không thoát khỏi lục đạo luân hồi; còn nếu có tốt cũng chẳng qua là phước báo hữu lậu ở

thế gian mà thôi. Phật pháp cũng dạy ngũ thừa Phật pháp, miễn cưỡng mà nói thì như thiên phước báo là tiểu quả nhân thiên, còn trên thực tế Phật pháp nói tiểu quả là A La Hán, Bích Chi Phật. Thoát khỏi lục đạo luân hồi mới thật sự xem là có kết quả; chưa thoát ra khỏi lục đạo luân hồi thì không tính. Cho nên chân thật Phật pháp là tam thừa, tiểu thừa là Thanh Văn, A La Hán; Trung thừa là Duyên Giác, Bích Chi Phật; thượng thừa là Bồ Tát, Phật. Đây là quả báo chân thật, đều do bắt đầu từ đoạn tuyệt kiến tư phiền não.

Cho nên, không xả bỏ tự tư tự lợi chính là chướng ngại của bản thân. Cửa ải đầu tiên này tuy khó phá nhưng sau khi phá được rồi thì về sau sẽ thuận lợi nhiều hơn. Chỉ cần chúng ta chứng đắc Tiểu thừa sơ quả Tu Đà Hoàn hoặc là Đại thừa Bồ Tát Sơ tín của Viên giáo, tức là học vị “Vị bất thoái”, chắc chắn không còn thoái chuyển làm phàm phu. Tuy Tu Đà Hoàn và Bồ Tát Sơ tín đều chưa thoát ly lục đạo nhưng dẫn trong lục đạo chắc chắn họ cũng không đọa ba đường ác. Vì sao? Vì họ không tạo nghiệp ba đường ác. Cho nên họ chỉ có thăng tiến lên hoặc chậm hoặc nhanh mà thôi. Người lợi căn thăng tiến nhanh, người căn tánh chậm thì tiến chậm nhưng chắc chắn sẽ không đọa lạc.

Vậy bây giờ chúng ta làm sao để chuyển hướng? Phật pháp dùng từ “chuyển nghiệp” chứ không phải “diệt nghiệp”. Tại sao vậy? Vì tánh nghiệp của ngũ nghịch thập ác là chân như bản tánh. Nếu như diệt tánh nghiệp rồi thì thiện cũng không còn nữa. Cho nên, Phật pháp dùng từ “đoạn”, “diệt” đều là từ hình

dung, không phải đoạn thật sự, cũng không phải diệt thật sự mà chuyển biến, chuyển ác thành thiện.

Tánh thiện và tánh ác là một tánh, không phải hai tánh. Vì sao chân như bản tánh có thiện lẫn ác? Là vì mê ngộ. Khi ngộ là thuần thiện, khi mê là thuần ác nhưng bản tánh không có mê ngộ hay thiện ác; thiện ác là dựa vào mê ngộ phân ra.

Phật pháp, bát luận là Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, Đại thừa hay Tiểu thừa thì đều là chỉ dạy làm thế nào “chuyển mê thành ngộ”. Chuyển mê thành ngộ rồi thì tự nhiên cũng chuyển ác thành thiện. Trong công phu chuyển biến, mê – ngộ là gốc rễ, thiện – ác là cành ngọn. Bắt đầu tu học từ căn bản thì chuyển mê thành ngộ. Chúng ta chấp trước thân căn của mình, cho là “ta” (là “ngã”) chấp trước tự tư tự lợi, đó là mê. Vì tự tư tự lợi, tham, sân, si mạn nên sinh ra mười nghiệp ác. Trong mười nghiệp ác, điều nghiêm trọng nhất, tổn hại tới chúng ta nhất là lưỡng thiệt, xúi giục thị phi, làm loạn hai bên. Quả báo của nó vô cùng đáng sợ. Ảnh hưởng của việc tạo ác nghiệp càng lớn thì tội nghiệp càng nặng, thời gian đọa địa ngục càng lâu, chịu khổ vô cùng. Chúng ta phải quan sát thật kỹ, phải luôn phản tỉnh, thường nhớ lời dạy của Thánh nhân “trở thành người thiện, không làm người tạo nghiệp ác”. Đức Thế Tôn dạy chúng ta rằng *“Nếu xa lìa lưỡng thiệt sẽ đắc năm loại bất khả hoại pháp, năm loại ấy là gì?”*

Thứ nhất là *“Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố”*(được thân bất hoại, không ai có thể hại được).Nghĩa của “Bất hoại thân” là không có ai có thể gây tổn hại cho chúng ta vì chúng ta là vô “ngã”; có “ngã” mới bị người làm tổn hại, “vô ngã” thì

không thể bị người tổn hại được. Trong Kinh Kim Cang có một đoạn nói về Nhẫn Nhục tiên nhân bị Ca Lợi Vương cắt xẻo thân thể. Đây là câu chuyện đáng cho chúng ta học hỏi. Chúng ta chịu một chút nhục mạ liền nổi giận, ôm hận trong lòng, niệm niệm không quên, rồi kết thành oán thù, oan oan tương báo không dứt, đau khổ biết chừng nào! Cái khổ này từ đâu mà có? Tự làm tự chịu, bản thân mình không có trí huệ, chấp trước cái thân này là ta. Vậy tại sao mà Nhẫn Nhục tiên nhân bị cắt thịt mà không đau khổ? Vì Ngài thấu hiểu vô ngã tướng. Thế nhưng chúng ta lại thấy đau khổ khi bị châm hoặc bị cắt vào thịt, đó là vì chúng ta có cái “ngã”, chấp trước thân này là “ta”; nếu không chấp trước thân này là “ta” thì cũng không có đau khổ.

Cho nên tất cả phiền não đều là từ chấp ngã mà có. Đức Phật cho rằng phàm phu có 5 loại thọ cảm gồm khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Tâm có ưu hỷ, thân có khổ lạc. Khi thân không có khổ lạc thì tâm cũng không có ưu hỷ thì gọi là “xả thọ”. Xả thọ là bình thường nhưng thời gian rất ngắn, không giữ lâu được, nếu giữ được xả thọ vĩnh viễn chính là thiên định, tam muội. Năm loại cảm thọ này đều là cảm thọ không bình thường, phàm phu có nhưng Thánh nhân không có, bậc Tu Đà Hoàn trở lên lại càng không có. Cõi trời sắc giới không có sân, kiêu mạn. Đối diện với nghịch cảnh, người ác, họ có thể tâm bình khí hòa, cho nên vượt qua được dục giới, sanh cõi trời sắc giới. Cảnh giới càng cao thì phiền não tạp khí càng ít, tuy nhiên cái gốc vẫn chưa đoạn tuyệt nên không thoát ra khỏi tam giới, không được như Tu Đà Hoàn vì Tu Đà Hoàn giác ngộ rồi. Biết là thân này không phải là “ngã” rồi nhưng “ngã” là gì? Pháp tánh là ngã, pháp thân là ngã, tất cả chúng sanh hư không pháp giới là ngã.

Thân căn hiện tiền chúng ta như một tế bào trên thân thể, còn thân thể lại giống như hư không pháp giới. Người giác ngộ thì biết được tất cả sát độ chúng sanh của hư không pháp giới là chính mình cho nên không chấp trước tế bào này là ngã, Họ hiểu toàn thể chính là ngã. Đức Phật dạy “*Thập phương tam thế Phật cùng đồng một pháp thân*”. Khi nào chúng ta chứng được Thập phương Tam thế y chánh trang nghiêm vốn là pháp thân của chính mình thì chúng ta đã thật thành Bồ Tát. Chúng được pháp thân chính là khẳng định tất cả chúng sanh hư không pháp giới là chính mình chứ không phải ai khác, nên cũng bỏ được suy nghĩ tự tư tự lợi. Đây mới là “*Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố*”! Kể cả bom nguyên tử cũng không thể phá hủy hư không pháp giới, đây mới thật sự là không thể làm hại. Thân pháp tánh chính là “*Kim Cang bất hoại thân*” mà Phật pháp đã nói. “Thân như hư không, dụng châu sa giới”, tác dụng lực căn thân thể là thấy, nghe, biết khắp tận pháp giới. Chúng ta học hiểu Phật pháp, nếu không thật lòng ở chỗ này công phu thì không thể đạt được lợi ích chân thật. Như vậy chẳng phải là uổng phí việc học sao! Cho nên buông bỏ thân xác này thì chúng ta đắc pháp thân, buông bỏ không được, thì vĩnh viễn không chứng được pháp thân. Có thể chứng pháp thân, chính là pháp thân Bồ Tát, còn không thể chứng pháp thân chính là lục đạo phàm phu.

Thứ hai “*Đắc bất hoại quyền thuộc ,vô năng phá cố*”(được gia quyền bất hoại, không ai phá được). Trong xã hội ngày nay, vợ chồng thường bất hòa mà nguyên nhân quan trọng là do có người thứ ba xúi giục. Ấy vậy mà những người trong cuộc lại tin vào lời xúi giục, không tìm hiểu căn kẽ rồi hoài nghi, không tin tưởng nhau mà phá hoại cả một gia đình. Người

khác ly gián, thúc giục chỉ là duyên, còn nhân là do tự mình từng tạo nghiệp bất thiện, thường đi phá hoại người khác nên tự nhận lãnh quả báo, vợ chồng gia đình là như vậy, xã hội quốc gia cũng như vậy. Nhân quả báo ứng là định luật chân lý của thế xuất thế gian. Bồ Tát tu hành thành Phật cũng không cách gì thay đổi nhân quả, mà thiện ác nhân quả không thể bù trừ, không thể nói tôi trong quá khứ tạo rất nhiều nghiệp ác, hiện nay tôi làm rất nhiều việc thiện thì có thể lấy công chuộc tội, bù trừ. Nghĩ vậy là không hợp lý.

Đức Phật dạy chúng ta, chúng sanh tạo nghiệp bất thiện là nhân, nhân muốn biến thành quả nhất định phải có duyên, cái nhân của nghiệp bất thiện gặp duyên bất thiện thì quả báo bất thiện mới hiện tiền. Nghiệp nhân thập pháp giới tất cả chúng sanh đều có, nghiệp nhân ngũ nghịch thập ác đều có, nhân thiện làm Phật, Bồ Tát cũng có. Vậy thì tương lai chúng ta thọ sanh ở một pháp giới nào? Đương nhiên ai cũng hi vọng được thọ sanh thành Phật, Bồ Tát, được đại tự tại, đại trí huệ. Tất cả nghiệp nhân này chúng ta đều có, nhưng mấu chốt nằm ở duyên, nói cách khác, cả đời khởi tâm động niệm, từ lời nói đến việc làm nếu thuận theo duyên Phật thì đời này chắc chắn thành Phật. Ngược lại, nếu cứ thuận theo duyên phiền não, đuổi theo tự tư tự lợi, xuôi theo tham sân si mạn, cuốn theo mười nghiệp ác thì quả báo tương lai chắc chắn đọa vào tam đồ.

Không có ai làm chủ tể mọi quả báo, Đức Phật Bồ Tát không thể làm chủ tể, vua Diêm La không có quyền và Thượng đế lẫn thiên thần cũng không có quyền làm chủ tể. Vậy ai làm chủ nó? Là tự mình! Cho nên chúng ta nhận quả báo bất thiện

thì quyết định không thể oán trời trách người. Dẫu người khác lừa gạt, phỉ báng chúng ta thì cũng không trách họ được. Vì sao? Vì họ chỉ là duyên. Còn việc xảy ra là nhân bất thiện mà ta đã tạo trong quá khứ nên mới gặp quả báo như vậy. Nếu đời đời kiếp kiếp ta đều hành thiện, ác duyên này thì sẽ không gặp phải. Chúng ta nghĩ xem, Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà là những vị chí thiện ở thế xuất thế gian, nhưng hiện nay lại có biết bao người phỉ báng Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, phỉ báng Kinh luận Tịnh tông. Nguyên nhân là do đâu? Là do trước khi thành Phật, các Ngài cũng là phàm phu như chúng ta, cũng tạo ác nghiệp nên đến khi thành Phật rồi thì phải thọ báo. Chúng ta phải hiểu rằng nhân duyên quả báo là “bất khả tư nghị”.

Mọi người đều biết câu chuyện Bách Trượng Thiên Sư độ chồn hoang là một câu chuyện xảy ra vào thời Đường, được lịch sử ghi chép lại, hoàn toàn không phải hư cấu. Đại sư Bách Trượng giảng kinh nói pháp, trong thính chúng có một cụ già. Một hôm cụ già này hỏi Đại sư Bách Trượng rằng “Người tu hành có rơi vào nhân quả hay không?” Đại sư Bách Trượng trả lời “Bất muội nhân quả” (nhân quả rất rõ ràng). Trong quá khứ, cụ già này từng là một vị pháp sư giảng Kinh thuyết pháp. Khi có người hỏi ông ta: “Người đại tu hành còn rơi vào nhân quả không?” Ông ta trả lời “Bất lạc nhân quả”. “Bất lạc nhân quả” (không rơi vào nhân quả) là không có nhân quả. Trả lời chỉ vì sai một chữ mà ông bị đọa lạc vào đường súc sanh làm chồn đến 500 kiếp. “Bất lạc nhân quả” là không có nhân quả, cho nên ông trả lời như vậy là sai lầm rồi

Người đại tu hành là chỉ Đức Phật, pháp thân Bồ Tát. Các Ngài còn nhân quả báo ứng hay không? Có! Đại sư Bách Trượng dạy “Bất muội nhân quả” chính là có nhân quả, các Ngài biết rõ điều đó không một chút mê hoặc. Tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy vô lượng vô biên chủng tử tạo nghiệp thiện ác nên dẫu thành Phật rồi, thì trong mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh cũng phải gặp nhiều chuyện trái nghịch. Đây là nghiệp nhân bất thiện trong đời quá khứ hiện hành. Tuy gặp phải cảnh ngại, các Ngài đối với nhân quả biết rõ ràng, biết minh bạch, cho nên gọi là “bất muội nhân quả”.

Hiểu được đạo lý này thì từ nay về sau chúng ta không tạo thêm ác nghiệp. Đây chính thực quay đầu. Chuyển ác tu thiện, thuận cảnh quyết không sanh tâm tham luyến, nghịch cảnh không có tâm sân hận. Bất luận là cảnh duyên thuận hay nghịch đều dùng tâm bình thường, tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để xử sự với người với vật.

Gặp trắc trở, oan ức chắc chắn là có, ngay cả Đức Phật Thích Ca Mâu Ni , Đức Phật A Di Đà cũng không thể tránh được, cho nên người thật sự giác ngộ đối với nhân quả vô cùng thận trọng. Nhờ đạo lý này mà chúng ta tỉnh ngộ, cách nhìn của chúng ta đối với nhân sanh vũ trụ sẽ chuyển đổi được, chính là cái mà trong Kinh Pháp Hoa dạy “nhập Phật tri kiến”.

Người với người phải đối đãi thuận hòa. Người với việc, với vật, hay nói rộng hơn là giữa nhà này với nhà khác, quốc gia này với quốc gia khác, chủng tộc này với chủng tộc khác, Phật giáo của chúng ta với những tôn giáo khác cũng phải hòa mục,

hợp tác, không nên tranh giành, tị hiềm. Chúng ta hợp tác với nhau thì người người đều được hưởng phước, còn tranh giành thì dễ dẫn đến chiến tranh. Chiến tranh vô cùng thâm hiểm, nên tội nghiệp gây ra chiến tranh cũng hết sức nặng nề. Vì vậy, người giác ngộ không những phải hóa giải oán hận của bản thân mà đối với người phải hòa thuận. Người ta có thể đối đãi không thuận hòa với ta, nhưng ta phải lấy tâm công bằng đối đãi họ, thời gian dài nhất định cảm hóa được.

Chúng ta phải sửa đổi ngay từ khi khởi tâm động niệm. Bất kể đối với người, với sự việc, với vật đều cần phải chung sống thuận hòa, hợp tác lẫn nhau. Chúng ta thấy một đóa hoa, một cây cỏ, bị những cành khác chắn ngang, đè ép thì phải gỡ nó ra, khiến cho cả hai đều sinh trưởng tốt tươi, đối với vật còn như vậy, huống chi đối với người. Thánh hiền thế xuất thế gian có dạy chúng ta “Oan gia nên giải không nên kết”, có oan kết phải hóa giải. Đây là trí huệ, là thiện tâm, là thiện hạnh. Học Phật chính là bắt đầu từ đây.

Vì vậy chúng ta tuyệt đối không làm việc lưỡng thiệt, xúi giục thị phi. Có hai loại người tạo việc lưỡng thiệt: một là vô tình và một là cố ý. Cố ý, đại khái là khi có xung đột lợi ích với mình thì mình liền nghĩ cách phá hoại người khác, sợ họ làm hại danh lợi của mình. Vô ý, đại loại là thích nghe lời đồn đại mà tin theo, ưa loan tin bậy bạ, thì ta nói gì thì bắt chước y chang mà tự mình không cân nhắc lợi hại gì. Rất nhiều người đều có tập khí như vậy. Tuy là vô ý nhưng tạo nghiệp thì phải nhận báo. Nói cách khác, ta đối đãi người khác như thế nào thì người đó nhất định đối đãi ta như thế ấy. Thánh nhân có nói “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (tức là “điều mình không muốn thì đừng làm cho

người khác”). Câu này, hiểu theo kiểu nhân quả là tự bản thân mình không muốn nhận, thì nhất định không gán cho người khác. Ta không muốn người khác thúc giục người thân của ta, phá hoại gia đình của ta, phá hoại sự nghiệp của ta, thì nhất định ta cũng không được phá hoại người.

Quả báo của lương thiện là tùy vào ảnh hưởng của nó. Mức độ ảnh hưởng càng sâu xa thì tội báo càng nghiêm trọng. Đặc biệt là Phật pháp, Phật pháp là con mắt của trời người, hướng dẫn cho người đoạn ác tu thiện, giúp đỡ mọi người, siêu phàm nhập thánh. Đây là thiện hành hàng đầu của thế xuất thế gian. Nếu như chúng ta tùy tiện phá hoại, ngăn cản, phỉ báng, hãm hại chắc chắn quả báo ở A Tỳ địa ngục. Trong Kinh luận thường dạy, giết người tội rất nặng vì đó là tội đoạn mạng sống của người; nhưng đoạn huệ mạng của người thì càng nặng. Đoạn huệ mạng của người là đoạn cơ duyên học Phật của người khác, phá hoại tín tâm của người khác đối với Phật pháp. Đây là tội nặng hàng đầu của thế xuất thế gian. Tội ngũ nghịch đều đọa địa ngục A Tỳ. Nhưng giết cha, sát mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu thì đọa địa ngục A Tỳ thời gian ngắn, còn phá hòa hợp tăng đọa địa ngục thời gian dài. Đối với nghiệp nhân quả báo, chúng ta cần phải thấu hiểu.

Thứ ba “*Đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố*”(được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp).

“Bốn nghiệp” tức chỉ nghề nghiệp hiện tại của chúng ta. Nghĩa là bất luận chúng ta làm ngành nghề gì cũng đều được đại chúng, được xã hội tín nhiệm và hợp tác, công việc cũng thuận buồm xuôi gió. Người đời nay hay gọi đó là cơ duyên tốt nên

mới được sự hiệp trợ của nhiều người, thành tựu sự nghiệp. Được nhiều thiện hữu giúp đỡ. Đây là duyên mà nhân thật sự chính là xa lìa lương thiện, đoạn tuyệt vọng ngữ. Từ đó chúng ta thấy được sự thù thắng công đức của lìa lương thiện, quả thật bất khả tư nghị. Từ nhân quả đạo lý mà nói, chúng ta không phá hoại người khác, bản thân mình bất luận là kinh doanh sự nghiệp gì cũng không bị người khác phá hoại. Quả báo này là tất nhiên rồi.

Còn nếu dù cả đời mình không vọng ngữ, không lương thiện, không ác khẩu nhưng vẫn bị người khác đố kỵ, nói lời thô ác và phá hoại công việc thì nguyên nhân do đâu? Đức Phật cho rằng nguyên nhân không phải vì công sức tu hành hiện tiền không được cảm ứng mà là vì tất cả nghiệp nhân quả báo bất thiện đã tạo ở đời trước. Như Phật pháp giảng “nhân quả thông ba đời”, tất cả nghiệp báo mà đời này chúng ta nhận lãnh đều là nghiệp nhân đã gieo ở kiếp trước. Kiếp trước gieo nhân bất thiện thì dù đời này tu thiện mấy cũng không tránh được ác báo. Nhưng nếu trong tâm chúng ta hiểu rõ điều này, không oán trời, không trách người, nghịch duyên đến thì đón nhận để tiêu trừ tức nghiệp, thì kiếp sau ác duyên ác báo này sẽ không xuất hiện .

Cho nên bây giờ chúng ta phải nghe theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, nhất định phải tùy thuận lời dạy của Phật Đà, hoàn toàn tín tâm, không chút hoài nghi. Trước kia chúng ta chưa biết đến Phật pháp, nhất định có làm việc sai lầm sai trái; nhưng nếu ngày nay chúng ta tích cực đoạn ác tu thiện, học theo Viên Liễu Phàm tiên sinh nỗ lực tu học thì quả báo bất thiện của đời trước thế nào cũng có thể cải thiện. Điều này trong nhà Phật gọi là dũng mãnh tinh tấn. Những việc ta tu tích lũy trong đời này thì

được đời sau hưởng quả báo. Nếu dũng mãnh tinh tấn thì đời này cũng có thể được hoa báo, như vậy quả báo đời sau so với quả báo trong đời này càng thù thắng. Nếu không dũng mãnh tinh tấn thì tức mạng khó mà chuyển đổi.

Thứ tư “*Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố cố*”(pháp hạnh bất hoại, tu hành kiên cố). “Pháp hạnh” tức là tu hành. Nghĩa của toàn câu là nói chúng ta tu học Phật pháp không bị người phá hoại. Có một số người học Phật nhiều năm, tu tập rất tốt nhưng nghe người khác nói rằng “*còn có pháp môn thù thắng hơn pháp môn họ đang tu*”. Thế là họ dao động rồi nghe theo, chuyển qua tu pháp môn khác, kết quả chẳng tu pháp môn nào được. Việc làm ấy chính là phá hoại pháp hành của người khác. Bạn này là bạn xấu. Xã hội ngày nay có nhiều tình huống cũng y như vậy, đúng như trong Kinh Lăng Nghiêm từng nói: “*Thời kỳ mạt pháp, thì tà sư giảng pháp nhiều như cát sông Hằng*”.

Đoạn trước nói về việc có hai kiểu người xúi giục, một là vô tình, một là cố ý. Vô tình tức là tự bản thân không nhận thức rõ ràng nên coi tà pháp là chánh pháp, coi chánh pháp là tà pháp; rồi tự bản thân tu tà pháp còn khuyên bảo bạn bè tin tà pháp. Như chuyện ngày nay chúng ta đề xướng bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ vậy, đến tận thời điểm này thì lời phản đối vẫn rất nhiều. Là bởi vì tự thân những người phản đối ấy nhận thức không rõ ràng, đạo tâm không kiên cố mới bị lưỡng thiệt ly gián, làm dao động pháp hạnh.

Đức Phật thường dạy, chúng ta phải hiểu cho tường tận. Đối với nghĩa lý Kinh điển lại càng học hiểu uyên thâm thì tín

tâm, nguyện tâm càng kiên cố, tuyệt không dao động. Ví như những điều mà lão cư sĩ họ Hạ trước khi vãng sanh đã nói: Bản hội tập này nên được truyền khắp thế giới. Thế giới này, người sáng mắt có nhiều, người có trí tuệ cũng không ít, chín loại sách bày ra trước mắt, bản thân có thể lựa chọn. Chín loại sách này đều hay, bất kể là dùng loại sách nào, chỉ cần thật tâm tu hành đều có thể vãng sanh Tịnh độ, tận mắt thấy Đức A Di Đà Phật. Vậy nhưng trong chín bản hội tập ấy, bản nào tốt, bản nào không? Không có tiêu chuẩn chung! Tiêu chuẩn ở tại lòng mình, bản nào mà chúng ta xem thấy dễ hiểu, ý nghĩa rõ ràng thì bản sách đó là khế cơ đối với chúng ta, mà là khế cơ thì hẳn là có lợi.

Đức Phật giảng kinh thuyết pháp là duyên, có thể thành tựu hay không là do công phu của bản thân. Công phu là gì? Là “Tín, Nguyện, Hạnh”. “Tín” không phải là tin bản Kinh này mà là tin ở Đức Phật A Di Đà. Nên bất luận là bản Kinh nào, nội dung cũng đều là dạy chúng ta tin Đức Phật A Di Đà, tin thế giới Cực lạc Tây phương. Điều này không sai, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện “Tín, Nguyện, Hạnh” thì đều có thể vãng sanh. “Hạnh” nhất định phải y theo cương lĩnh mà Đức Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ dạy “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục*” . Điều thu nhiếp lục căn chắc chắn đã gồm thập thiện nghiệp đạo viên mãn. Vì sao lại nói như vậy? Vì nếu chúng ta tạo mười nghiệp ác thì chắc chắn không cách gì để thu nhiếp lục căn. Quả thật nếu thu nhiếp lục căn thì người này chắc chắn là người thuần thiện. Dùng tâm thiện, hạnh thiện niệm Phật thì mới được vãng sanh tịnh độ.

Chúng ta thường nói phát tâm bồ đề. Đây chẳng qua là nói qua loa. Thế nào phát tâm bồ đề? Cần những điều kiện nào? Trong Kinh Hoa Nghiêm, “Thiên Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn”, ba vị thiện tri thức phía trước chính là đại biểu cho Tam bảo gồm Phật, Pháp và Tăng. Tỳ kheo Kiết Tường Vân đại diện cho Phật bảo dạy pháp môn niệm Phật. Tỳ kheo Hải Vân đại diện cho Nhị trụ (Trị địa trụ) Bồ Tát đại diện cho Pháp bảo dạy phát bồ đề tâm. Tỳ kheo Diệu Trụ đại diện Tam trụ (Tu hành trụ) Bồ Tát đại diện cho Tăng bảo, dạy cách thức tu lục độ vạn hạnh. Kinh Hoa Nghiêm tuy giảng rất nhiều pháp môn nhưng sau rốt cũng là quy về tịnh độ, tức là, sau cùng Bồ Tát Phổ Hiền dùng “Thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”.

Vì vậy, bản thân chúng ta muốn được “bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố” thì nhất định không được vọng ngữ, lường thiệt. Tật xấu không sửa thì đường bồ đề không thể thuận buồm xuôi gió, nghịch cảnh ác duyên sẽ không dễ thoát được. Chướng ngại này do đâu mà đến? Do trong đời quá khứ hoặc đời này chúng ta đã tạo ra. Người không hiểu Phật pháp khi gặp trở ngại, cảnh ngang trái hay nạn tai thì tâm bất bình, luôn cảm thấy người khác hãm hại mình, người khác có lỗi với mình, xã hội có lỗi với mình, thậm chí đến cả ông trời lẫn Phật, Bồ Tát cũng có lỗi với mình. Cứ nghĩ như vậy thì càng thêm nghiệp rồi. Họ nghĩ như vậy là do không thông hiểu lời dạy của Như Lai, chứ nếu thật sự thông đạt nghĩa lý lời dạy thì đã giác ngộ rồi. Pháp thế xuất thế không lìa xa nhân quả.

Cái nhân quyết định là do bản thân tạo, Đức Phật không cách nào cho chúng ta được, nếu Đức Phật có thể cho được thì chúng ta không cần tu hành rồi. Đức Phật đâu có đại từ đại bi

muốn giúp chúng ta thành Phật thì cũng không giúp được, là bởi nhất định phải “Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc”. Lòng từ bi của Đức Phật ở chỗ giảng giải rõ ràng đạo lý và phương pháp tu học cho chúng ta biết. Ngài đem kinh nghiệm tu học của Ngài cung cấp cho chúng ta tham khảo. Chúng ta có thể tin, thuận theo con đường của Ngài mà đi thì chắc chắn thành tựu. Sự gia trì của Đức Phật đối với chúng ta chỉ như vậy mà thôi. Cho nên chúng ta nhất định phải chăm chỉ tu hành, đem những hành vi sai lầm sửa đổi lại, vĩnh viễn không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt. Đây mới thật là tu hành chân chính.

Phải nhận thức rõ ràng về định nghĩa tu hành. Nếu chỉ đọc kinh, tụng Phật thì chưa xem là đủ, quan trọng là trong cuộc sống thường ngày nên sửa đổi những hành vi sai lầm của mình. Trong tiểu thuyết bút ký của người xưa ghi chép lại, có một số người mê muội lương tâm, lừa gạt người khác để trở nên giàu có, đến già mới biết mình sai trái, hối hận thì mỗi ngày tụng Phật, sửa cầu đáp đường, tận lực làm việc tốt nhưng sau cùng cũng chịu ác báo. Vậy nguyên nhân do đâu? Do cái nghiệp này không chuyển được. Nói là “không chuyển được” nhưng thật ra là làm “không đắc lực”. Ví dụ như chúng ta lừa gạt người khác kiếm được 100 ngàn mà chỉ đem 20 ngàn để làm việc tốt thì đến tụng Bồ Tát thì có lợi ích gì?

Chúng ta thử suy ngẫm kỹ càng sẽ thấy rằng, những nguyên nhân quả báo trên đều là do người đời chưa thông đạt giáo lý Phật Đà, nên dẫn đến thực hành thì bất lực. Nếu thật sự thông đạt thì sẽ thật sự dũng mãnh tinh tấn, nghiệp báo chắc chắn có thể chuyển, như chuyện Vua A Xà Thế tạo ngũ nghịch

mười ác khi lâm chung sám hối còn có thể chuyển nghiệp báo vậy. Chúng ta nên hiểu rằng, tu học dũng mãnh tinh tấn thì có thể chuyển nghiệp, còn chuyển không được là không đủ dũng mãnh tinh tấn, không hoàn toàn buông bỏ tham, sân, si. Đầu thế nào chỉ làm một chút việc tốt thì mong bù đắp lại hoàn toàn, như thế chúng ta làm mười việc ác nhưng chỉ làm hai việc thiện thì sao có thể chuyển? Làm mười việc ác thì phải làm mười hai việc thiện thì mới có thể chuyển lại được. Cho nên Đức Thế Tôn giáo huấn với tất cả chúng sanh bài đầu tiên là Thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta bắt đầu học từ bộ Kinh này và cũng đạt được viên mãn trong chính bộ Kinh này. Thực hành mười thiện cho viên mãn, cho toàn vẹn thì coi như thành Phật rồi.

Thứ năm “*Đắc bất hoại thiện tri thức, bất cuồng hoặc cố*”(được thiện tri thức bất hoại, tránh nạn lòng gạt).“Thiện tri thức” là thầy của chúng ta, là bạn đồng tu của chúng ta, có quan hệ mật thiết với thành tựu đạo nghiệp tu học của chúng ta. Có thể nói đây là tăng thượng duyên hàng đầu. Trong Kinh A Nan Vấn Phật Kiết Hung, Phật đã dạy rằng là phải “gần gũi minh sư”, tức nói đến thiện tri thức. Đức Phật dạy “Minh” nghĩa là minh tâm kiến tánh. Thật sự trong tu học, họ có tu, có học, có chứng, mặc dù chưa chứng quả nhưng cũng là chân tu thực học. Chúng ta gần gũi thân cận thầy như vậy thì chắc chắn sẽ có ích.

Từ xưa đến nay, thiện tri thức chỉ có thể gặp không thể cầu. Càng là bậc chân thiện tri thức thì càng khiêm tốn, tuyệt đối không thể khen mình chê người. Vì vậy, phàm là tự khen mình chê người chắc chắn không phải bậc thiện tri thức. Bậc thiện tri thức vô cùng khiêm tốn, đến đâu cũng nhường nhịn, dầu ở bất kỳ đâu cũng không đứng trước người khác tranh giành, khoe

khoang. Thái độ của bậc chân tu là “nhiều việc không bằng ít việc, ít việc không bằng không việc gì”. Môi trường sinh hoạt của họ cực kỳ thanh tịnh. Cho nên, chỉ có chúng ta đi tìm họ, họ không tìm chúng ta.

“Cầu học”, tức là muốn “học” thì chúng ta phải “cầu”, phải dốc lòng tìm tòi. Thầy sẽ không chủ động đến dạy chúng ta. Phật pháp là sư đạo, đối với sư đạo nhất định phải tôn sư trọng đạo mới có thể cầu được. Thái độ cầu phải “chân thành, cung kính, khiêm tốn”. Sáu chữ này phải hội tụ đầy đủ, nếu thiếu những điều này dẫu chư Phật, Bồ Tát đến dạy thì chúng ta cũng không đạt được lợi ích. Đây là đạo lý nhất định, bậc chân thiện tri thức dù ở thế pháp hay Phật pháp chắc chắn phải là người nhân từ, chỉ cần chúng ta hội đủ điều kiện chân thành, cung kính, khiêm tốn thì tuyệt đối họ sẽ không từ chối. Họ sẽ hết sức nghiêm túc giúp đỡ chúng ta, thành tựu cho chúng ta. Như khi còn trẻ, tôi từng gàn gỏi rất nhiều bậc thiện tri thức, không người nào từ chối vì tôi giữ được thái độ nên có của một học sinh, tôi thật có lòng cầu học nên được các bậc thiện tri thức chỉ dạy đặc biệt.

Bản thân chúng ta có thành tựu hay không, có gặp được bậc thiện tri thức hay không, có được bạn tốt dốc lòng giúp đỡ hay không là do hoàn toàn ở chúng ta. Bản thân phải có nhân thật thì bên ngoài mới gặp được trợ duyên lành. Nhân - duyên đầy đủ, quả báo mới có thể hiện tiền. Phàm gặp việc gì cũng oán trời trách người thì chắc chắn không có thành tựu. Bản thân luôn thấy mình đúng, thấy người khác không đúng, luôn cảm thấy người khác có lỗi với mình, ông trời cũng có lỗi với mình thì xem như người này hết cứu rồi. Vì sao vậy? Vì nếu có ý nghĩ

như vậy thì tất cả thiện tri thức, thiện duyên thấy chúng ta cũng sợ hãi mà tránh xa; cho nên, chúng ta làm học trò nhất định phải chân thành, cung kính, khiêm tốn, đi đâu cũng nhường nhịn.

Người trí huệ thì không ham muốn lãnh đạo, không ham muốn chiếm hữu lại vô cùng nhiệt tâm ở bên mà giúp đỡ người khác nên họ hoàn toàn có thể chung sống hòa thuận với mọi người. Tôi nguyện dành cả đời để giúp đỡ người khác chỉ cần ngoài kia còn có người chịu nhận sự giúp đỡ này. Làm những việc chánh pháp, những việc lợi ích cho xã hội đại chúng sẽ giúp chúng ta chung sống thật tốt với nhau. Các bậc đại thánh đại hiền trong thế xuất thế gian luôn luôn có tính khiêm cung. Trong Luận Ngữ, học trò ca ngợi Khổng Tử là người đức hạnh với 5 chữ “Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng” (tức ôn hòa, hiền lương, cung kính, cần kiệm và khiêm nhượng), trong đó “nhượng” là khiêm nhượng, mọi lúc mọi nơi đều “nhượng”, “nhượng” là mỹ đức!

“*Bất hoại thiện tri thức*” câu này ý chỉ cái duyên giúp chúng ta gần gũi được bậc thiện tri thức sẽ tuyệt đối không bị ai phá hoại, nhất là trong xã hội đầy rẫy sự phỉ báng, đố kỵ như ngày nay. Còn nếu nghe người nói lời lưỡng thiệt, xúi giục mà để tâm liền dao động, mất lòng tin thì là do bản thân không có phước đức, thiện căn. Chưa tìm hiểu rõ xem lời phỉ báng là thật hay không mà đã vội tin thì rõ là ngu si vô cùng. Mà thực ra, chúng ta có nhất thiết tìm hiểu về những lời ấy không? Vì khi tìm hiểu về nó tức là tâm đã không đủ thành tín, đã bất kính rồi. Vì sao lại nói vậy? Vì khi tìm hiểu về nó tức là ta đã sanh lòng hoài nghi. Nếu thật sự có đủ tín tâm với người thầy, thì những lời ấy chúng ta có nghe mà như không nghe. Phải dùng thái độ

này mới có thể giữ vững đạo học của bản thân, không bị người khác gây trở ngại.

“*Bất cuồng hoặc cố*”. “Cuồng” trong câu này nghĩa là dối gạt. Người thầy chân chính không dối gạt chúng ta, chúng ta làm người học trò chắc chắn cũng không được dối gạt thầy mình. Phải dùng tâm chân thành đối xử với nhau. Sống ở đời có thể gặp được người tri kỷ chia sẻ mọi điều riêng tư, không nói lời giấu giếm thì cũng đáng rồi, nhưng quan trọng nhất vẫn là bản thân không dối gạt người khác. Đối với thầy cô, cha mẹ, tôn trưởng, bạn bè và tất cả chúng sanh chúng ta đều không dối gạt. Ta không dối gạt người khác nhưng người khác dối gạt ta thì ta cũng hoan hỷ tiếp nhận. Tại sao ta có quả báo bị người khác dối gạt? Biết đâu được trong quá khứ khi chưa biết đến Phật pháp ta cũng đã dối gạt không ít chúng sanh. Hôm nay người khác đến dối gạt ta âu cũng là oan oan tương báo. Họ dối ta nhưng ta không gạt họ. Họ phỉ báng ta, ta lại khen ngợi họ thì nợ xem như đã trả xong rồi. Cho nên người tu đạo chân chánh, người trí huệ chân chánh nhất định thấu đáo đạo lý, sẽ chuyển thù thành bạn, sẽ hóa oán thành thân, không được đối chọi với người.

Người học Phật hiểu được nhân quả rằng “Giọt nước, hạt cơm kiếp này đều do tiền định”. Tôi từng khuyên giải một nhà khoa học, ông ấy là người Trung Quốc nhưng sinh sống ở Mỹ. Ông phát minh ra hơn một trăm sản phẩm mà loại nào ông cũng đều xin cấp bằng sáng chế. Tôi nói với ông ấy rằng “từ bỏ bằng sáng chế, ông sẽ được lợi lớn hơn. Ông vì xã hội chúng sanh tạo phước, ông cần bằng sáng chế để làm gì?” (Việc này phải có trí tuệ, phải thật sự nghĩ thông suốt mới được). Sản phẩm của ông rất tốt, là lợi ích cho xã hội hà tất phải có quyền tác giả? Thiện

hạnh của ông vốn dĩ có thể tỏa khắp hư không pháp giới, nhưng vì có “sở hữu bản quyền, sao chép sẽ bị kiện” thì bằng sáng chế ấy khác nào là vòng kim cô giới hạn sự lan tỏa. Đây là sai lầm hết sức lớn, là do chính hành động tự tư tự lợi đã hại mình. Các bậc Thánh hiền là người thông đạt hiểu rõ chân tướng vũ trụ mà Phật giáo gọi là Phật, Bồ Tát. Các Ngài đâu có bằng sáng chế, quyền sở hữu gì?

Thiện tri thức không dối gạt chúng ta, chúng ta cũng không dối gạt tất cả chúng sanh thì chúng ta mới có thể được thiện tri thức chỉ dạy, mới có thể gần gũi chư Phật, Bồ Tát. Đây là 5 loại pháp bất khả hoại, có thể thành tựu tất cả các thiện nghiệp trong thế xuất thế gian, của tất cả công đức chân thật mà nhân của nó chính là không lưỡng thiệt.

“*Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo, bất năng trở hoại.*” (Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được quyền thuộc chân chánh, các ma, ngoại đạo không thể phá hoại). “Quyền thuộc” là quyền thuộc pháp. “*Chư ma ngoại đạo bất năng trở hoại*” (tức là chư ma ngoại đạo không thể phá hoại). Tuy chư ma ngoại đạo là ác duyên nhưng chúng ta không có nhân ác, ác duyên đâu nhiều cũng không khởi tác dụng. Người học Phật chí tại vô thượng bồ đề thì lấy công đức không vọng ngữ, không lưỡng thiệt làm nhân mà thành Phật, tương lai sau khi thành Phật, quyền thuộc đều tu tập chánh pháp, thanh tịnh tăng đoàn đạo tâm kiên cố, tất cả chư ma ngoại đạo đến làm phiền còn không thể hướng hồ phá hoại? Cho nên nhân phải chánh thì mười thiện nghiệp chính là chánh nhân .

Ly ác khẩu đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp(Xa lìa lời nói thô ác, thì được thành tựu tám loại tịnh nghiệp)

Kinh văn: *“Phục thứ Long Vương, nhược ly ác khẩu tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát ? Nhất, ngôn bất quai độ. Nhị, ngôn giai lợi ích. Tam, ngôn tất khế lý. Tứ, ngôn từ mỹ diệu. Ngũ, ngôn khả thừa lãnh. Lục, ngôn tắc tín dụng. Thất, ngôn vô khả cơ. Bát, ngôn tận ái lạc. Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề giả. Hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng”*.

Kinh văn đoạn này rất rõ ràng, nghĩa lý lại sâu xa vô tận, để dạy cho chúng ta biết làm thế nào thành tựu tịnh nghiệp. Đặc biệt đối với pháp môn niệm Phật mà nói, thì nên tu tịnh nghiệp từ đâu? Muốn tịnh tâm thì trước tiên tịnh từ khẩu. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta phải khéo giữ tam nghiệp. Trong tam nghiệp đó, điều đầu tiên là “khéo giữ khẩu nghiệp, không bàn lỗi lầm của người”. Từ đó có thể thấy tính quan trọng của lời giáo huấn trong đoạn này.

“Ác khẩu” là nói lời thô ác, âm thanh, thái độ, ngôn từ chối tai. Chúng ta dùng ngữ khí mệnh lệnh, cho dù là cấp dưới của mình thì họ bất đắc dĩ bề ngoài phục tùng chứ tâm không phục. Vậy là thất bại. Trường hợp này, thường khi có cơ hội thì cấp dưới sẽ phản bội chúng ta. Tại sao lại phản bội? Hẳn nhiên là có nguyên do, mà nhân tố quyết định thì không thể thiếu những lời khinh xuất thường ngày của chúng ta. Đây là mấu chốt của sự thành bại trong tất cả công việc ở thế xuất thế gian. Trong quan hệ giữa người với người thì lời nói chiếm phần

lượng thật lớn. Lời nói là biểu hiện của đức hạnh. Muốn biết một người có đức hạnh như thế nào thì cứ xem lời nói, thái độ, động tác là biết được ngay.

Chúng ta phải làm sao mới tích lũy được công đức? Đức Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải nhu hòa, ái ngữ. Đây là phương pháp cần phải có để cứu giúp mọi người. Trước kia, khi còn thân cận với Đại sư Chương Gia và lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi thường quan sát các Ngài tiếp đãi khách hoặc là người đến học. Quan sát rồi thì cảm động rất sâu. Hai vị này đối với học trò thì dạy dỗ nghiêm khắc nhưng đối với đại chúng thì không như vậy. Điều này cho thấy thái độ có trách nhiệm của người thầy đối với học trò. Người thầy có nghĩa vụ giúp đỡ và thành tựu học trò, cho nên học trò có lỗi nhất định phải quở trách. Có 2 đối tượng chịu chỉ ra lỗi lầm của chúng ta, đó là một là cha mẹ và hai là người thầy. Bạn bè đồng học cùng lắm chỉ nói cho chúng ta nghe 2 lần và nếu chúng ta không sửa đổi thì họ không bao giờ nhắc lại nữa. Vì họ hiểu nói nhiều sẽ thành oan gia, rồi từ đó về sau họ sẽ “kính nhi viễn chi” với chúng ta (tức là vẫn kính nhưng không đến gần). Không đến gần tức là không cộng sự với chúng ta nữa, thành ra chúng ta làm bất cứ việc gì cũng không được sự giúp đỡ của người khác. Những người mà chúng ta gặp gỡ đều có ảnh hưởng nhất định đến chúng ta. Không có được một người bạn đạo, cho nên đức hạnh, ngôn ngữ không thể không học. Thực tiễn của đức hạnh chính là Thập thiện nghiệp đạo.

Nếu xa lìa ác khẩu sẽ được tám loại tịnh nghiệp

Thứ nhất, “*Ngôn bất quai độ*”(lời nói luôn chừng mực). Chữ “độ” trong câu này nghĩa là chừng mực. Ngôn từ như lý như pháp, hợp tình hợp lý, ngôn ngữ vừa đủ thì hay. Ngôn từ thái quá thì thành ra nịnh hót, thích lấy lòng. Ngôn từ bất cập thì thành ra kiêu ngạo, xem thường người khác. Đây đều không tốt. Cho nên, khi nói phải lựa chọn ngôn từ vừa đủ, vừa hay. Điều này phải học tập trong đời sống thường ngày, rèn luyện thường xuyên sẽ thành thói quen.

Thứ hai, “*Ngôn giai lợi ích*”(nói ra đều lợi ích). Lời nói vô ích, Phật pháp gọi là “hý luận”, còn người đời gọi là lời giễu cợt. Chư Phật Bồ Tát, người tu đạo thì không hý luận. Hý luận và dí dỏm không giống nhau. Cái gọi là “lời nói dí dỏm” của người đời chưa chắc có lợi cho người nghe, cho đại chúng xã hội; thế nhưng lời nói của Thánh hiền quân tử thì lại là “xuất ngôn thành tắc”. Câu này nghĩa là lời mà họ nói ra có thể làm tiêu chuẩn cho xã hội. Đây chính là lợi ích. Từ đó mà biết được tịnh nghiệp là có lợi ích. Nếu như đối với xã hội đại chúng không có lợi ích đây không phải tịnh nghiệp. Lợi ích quan trọng nhất là khiến chúng ta được tâm thanh tịnh, giúp chúng ta đoạn phiền não, tăng trí huệ. Đây là lợi ích chân thực.

Thứ ba, “*Ngôn tất khế lý*”(lời nói hợp lý) . “Lý” là chân lý, lời nói của Thánh hiền. Quân tử nhất định là không làm điều trái đạo lý, không đi ngược chân lý. Vì sao? Vì họ thấu ngộ chân lý rồi, tức Phật giáo gọi là “Minh tâm kiến tánh”. Cho nên hành vi ngôn ngữ của họ chắc chắn là tánh đức tự nhiên biểu lộ và tương ứng tánh đức. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong 49 năm đã giảng tất cả Kinh đều là từ trong tánh đức lưu xuất ra cho nên khế lý.

Thứ tư, “*Ngôn từ mỹ diệu*” (lời nói hay). Câu này không chỉ nói đến thanh âm nghe hay được phát ra. Thanh âm nghe hay đương nhiên phải có rồi nhưng “mỹ diệu” còn có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là lời nói khiến người nghe hoan hỷ tiếp nhận, nói như rót vàng rót ngọc vậy! Thời nay người ta gọi là hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Đây là khế cơ. Lời nói khế lý, khế cơ thì mới có thể quảng độ chúng sanh. Cái gọi là “mỹ diệu” này thực sự phải từ sự nhân từ bác ái, từ tâm thanh tịnh mà bộc lộ ra. Nó thuộc về tịnh nghiệp cũng có thể tịnh hóa nhân tâm, tịnh hóa tam nghiệp. Đạt được như vậy mới thực là mỹ diệu chân chính.

Trong Lục Tổ Đàn Kinh có dạy “Nếu người chân tu đạo thì không thấy lỗi thế gian”. Tại sao không thấy lỗi của thế gian? Họ đã chuyển thức thành trí. Đó là theo cách nói của Pháp tướng tông. Cương lĩnh tu hành của Pháp tướng tông là chuyển ý thức thứ sáu thành “diệu quan sát trí”. Ý thức thứ sáu này vẫn còn có sự phân biệt. Đối với tất cả pháp của thế xuất thế gian đều không phân biệt mới thực là diệu quan, trí huệ ắt hiện tiền. Chuyển thức mạng na thành bình đẳng tánh trí. Mạng na thức là chấp trước. Còn nếu không chấp trước gì cả; xa lìa phân biệt, chấp trước, thì pháp xuất thế xuất thế gian làm gì còn có sai lầm.

Trong các Kinh như Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm đều có nói: Đức Phật dạy rằng “*Tham sân si tức là Giới - Định - Huệ, Giới - Định - Huệ tức là tham sân si*”. Ý nghĩa lời dạy này là sao? Chính là bình đẳng quán. Chúng ta vốn quan niệm rằng tham sân si và giới - định - huệ là có sự khác biệt xấu tốt với nhau (không bình đẳng); thế nhưng dưới con mắt của các vị Thánh thì nó lại là bình đẳng, vì tham sân si và giới - định - huệ cùng đồng một pháp tánh.

Giác ngộ rồi thì là giới - định - huệ, u mê rồi chính là tham sân si. Mê là pháp tánh, ngộ cũng là pháp tánh, mê ngộ không phải hai. Kỳ thật pháp tánh vốn không phân mê ngộ, tướng khi mê biến là tướng của tham sân si, tướng khi giác ngộ biến là tướng của giới - định - huệ.

Như câu “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” vậy, tướng không phải là thật, chỉ là vọng tướng mà thôi. Thấu hiểu chân tướng của sự thật thì có thể tâm bình, tâm bình rồi thì tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh thì tham sân si và giới - định - huệ đều thanh tịnh. Đây là cảnh giới của pháp thân đại sĩ. Pháp thân đại sĩ ứng hóa tới lục đạo nhưng vẫn phải nghiêm trì giới luật, vì sao vậy? Vì chúng sinh nơi lục đạo vẫn còn nhiều u mê, các Ngài làm tấm gương tốt để người người noi theo. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong thế gian cũng giống như lên sân khấu biểu diễn, biểu diễn nhất định phải chú ý đến xã hội đương thời, phải mang lại lợi ích cho đại chúng. Ví như ngày nay đại chúng không màn đến hiếu thuận cha mẹ, không tôn trọng đạo, vong ân bội nghĩa, phản thầy bội đạo thì khi Đức Phật Bồ Tát đến những nơi này nhất định thị hiện hiếu thuận, tôn sư. Sao lại phải làm thế? Là để cứu vãn nhân tâm thế đạo. Chư Phật Bồ Tát thị hiện ở nơi nào, vào lúc nào thì chúng ta nhất định phải quán sát thời cơ nhân duyên, chính là để hiểu xem chúng sanh nơi đó đã phạm phải thói xấu nào.

Đại chúng ngày nay đã không hiểu thế nào là tôn trọng đạo. Nếu chúng ta còn muốn phỉ báng người thầy, phê phán người thầy thì khác nào dạy cho đại chúng xã hội bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng sư trưởng? Làm như vậy là dẫn chúng

sanh đi vào tam ác đạo mà quả báo của nó là đọa vào tam đồ. Người nào lại làm việc tệ hại như vậy? Là ác ma chứ không thể nào là Bồ Tát. Việc làm của Bồ Tát hoàn toàn ngược lại. Bồ Tát chắc chắn tùy thuận tánh đức, không nhớ ác xưa, không ghét người xấu, không gièm pha lỗi người, nhờ vậy mới tạo nên một xã hội an định, thế giới hòa bình. Cho nên, muốn giáo hóa chúng sanh thì phải hiểu được lợi ích của toàn thể, có thể hy sinh cá nhân để thành tựu đại chúng. Đối với người phỉ báng, làm nhục, hãm hại ta, ta phải đặc biệt kính trọng; sự kính trọng này không phải là giả tạo mà là xuất phát từ tâm chân thành, cảm hóa ác nhân, khuyến đạo xã hội.

Thứ năm, “*ngôn khả thừa lãn*h”(lời nói có thể tiếp nhận được). Chữ “thừa” và “lãn” trong câu này đều có nghĩa là tiếp nhận. Không chỉ tiếp nhận, mà còn hoan hỷ tiếp nhận. Lời nói ôn hòa thì tự nhiên sẽ làm đối phương cảm động sâu sắc, mãi không quên thì xem như thành công rồi.

Chúng ta muốn trợ giúp tất cả chúng sanh đoạn ác tu thiện, nhưng tập khí ác, những sai lầm của bản thân còn chưa sửa được thì làm sao dạy người khác? Chúng ta nói một đường làm một nẻo thì không thể khiến mọi người khởi tín tâm. Khi vừa gặp, người ta đã có thể cảm nhận được sắc mặt, thanh âm giọng nói của chúng ta, nhìn thấu chúng ta như câu “*nhân yên sư tai*”(người làm sao mà giấu được) mà Luận ngữ đã nói. Vì vậy, trong nhà Phật, Ngài Di Lặc Bồ Tát được phụng cúng ở ngay cửa lớn, chính là dạy chúng ta phải học Bồ Tát Di Lặc mỉm cười đón người, nói lời ôn hòa. Cho dù là dùng lời nói khó nghe để trách người cũng phải lựa lời mà nói, chọn thái độ ôn hòa để biểu đạt, đương nhiên mỗi người nghe sẽ có mỗi cảm

nhận khác nhau nhưng thế nào họ cũng cảm ơn chúng ta. Đây chính là ái ngữ.

Thánh Hiền giáo huấn chúng sanh, trợ giúp chúng sanh sửa đổi tập khí, sai lầm, tuy là “lời thật khó nghe” nhưng đây chính là ái ngữ. Ái ngữ là lời nói chân thật thương mến người, không nhất định khiến người nghe thấy vui lòng nhưng chắc chắn sẽ có ích. Chúng ta thương mến người bằng thái độ khiêm tốn, hòa kính, có thể khiến người vĩnh viễn sửa đổi sai lầm thì lời giáo huấn xem như thành công rồi.

Thứ sáu, “*Ngôn tắc tín dụng*”(lời nói được tin dùng). Giữ được tâm thành thật thì lời chúng ta nói ra có thể khiến người tin tưởng. Cái tâm thành thật ấy không chỉ biểu hiện trên lời nói mà nó còn phải được thể hiện trong hành động thực tế. Cho nên, lời nói ra phải giữ sự thành tín. Lời Phật pháp là trí huệ, lời Phật Bồ Tát dạy là đạo nghĩa; trong một số trường hợp đặc biệt, lời nói ra có thể không giữ được thành tín, sự việc có thể không đạt được kết quả nhưng nhất định phải giữ được đạo nghĩa, không làm điều trái với đạo nghĩa.

Có một năm, đạo tràng ở Đài Trung - Đài Loan mời tôi giảng “Phật học thường thức”, khi giảng đến bài thứ mười một thì trong đạo tràng xảy ra mâu thuẫn. Chúng ta biết rằng, trong Phật giáo, tăng đoàn được xem là “hòa hợp tăng đoàn”; nếu tăng đoàn không hòa ái thì giảng Kinh mỗi ngày cũng chẳng ích gì. Trong tình huống đặc biệt như thế này, việc giảng Kinh bị gián đoạn sẽ không bị xem là trái đạo. Đến cổ Thánh tiên hiền còn có lúc bội tín, nhưng không phải là lỗi lầm. Cho nên, mọi việc phải

lấy đạo nghĩa làm tiêu chuẩn, phù hợp đạo nghĩa chắc chắn phải thủ tín, nhất định làm đến viên mãn.

Thứ bảy, “*Ngôn vô khả cơ*”(lời nói không ai chê trách). “Cơ” là nghị luận, phê bình. Lời nói của chúng ta chính xác, không bị người phê bình. Người xưa coi trọng lời nói nên mới có câu “bệnh từ miệng mà vào, họa từ miệng mà ra”. Lời nói không thể không cẩn trọng, nói nhiều chắc chắn không phải chuyện tốt. Người nói nhiều chẳng những dễ làm hỏng việc mà còn không được cấp trên trọng dụng. Ngược lại, người ý tứ trong lời nói, thận trọng trong hành động mới thực là người có tài, cấp trên vui vẻ bồi dưỡng, tín nhiệm.

Thứ tám, “*Ngôn tận ái lạc*”(lời nói được ưa thích). Chữ “lạc” trong câu này có nghĩa là “vui thích”. Lời chúng ta nói ra có thể khiến người hoan hỷ tiếp nhận. Tất các nghề nghiệp trên đời bất luận lớn nhỏ, quyết không phải một người tạo thành. Ví như Cư sĩ Lâm Phật giáo ở Singapore có đến hai ba vạn người nên có thể thành tựu sự nghiệp giáo hóa một phương. Hoặc ví dụ một đoàn thể lớn có rất nhiều người lãnh đạo, trong hội đồng sự có mấy mươi thành viên. Khi mọi người họp hội lấy ý kiến hoặc khi cùng nhau bàn kế hoạch thì không thể không dùng ngôn ngữ. Nếu vị lãnh đạo trình bày ý tưởng, quan điểm hay phương pháp hoạt động mà người nghe không hoan hỷ tiếp nhận thì công việc không thể thành tựu. Từ đó ta mới thấy được sự quan trọng của ngôn ngữ.

Phải bồi dưỡng, trau dồi ngôn ngữ từ đâu? Chính từ ngay cuộc sống hằng ngày. Quan sát cách người nói chuyện chính là cách để chúng ta tự học tập, rèn luyện. Lỗi của bản thân thì khó

tự mình nhận ra nên phải quan sát và học hỏi từ người khác. Thấy người mắc lỗi mà không bao dung, buông lời phê phán, phỉ báng thì chính là tạo nghiệp. Có khi người khác chưa mắc phải lỗi thì chính mình đã tạo ra lỗi nghiêm trọng. Đây là điều mọi người thường phạm phải mà bản thân không tự nhận ra cũng không có ai nhắc nhở. Họ không nhắc nhở ta vì họ không muốn kết thù với ta. Chỉ có hai người chịu chỉ ra lỗi lầm của chúng ta. Một là cha mẹ, hai là thầy, những người còn lại đối với điều sai quấy của chúng ta thì chỉ kính trọng mà không dám gân, chứ không nhắc nhở chúng ta về cái sai quấy ấy. Việc làm ấy là để tránh kết oán với người khác. Đây là lễ nghĩa thời xưa. Thấy người mắc phải lỗi lầm, chúng ta không chê bai trước mặt, không nói xấu sau lưng. Đây chính là thành tựu đức hạnh của mình.

Đây là nói tám điều lợi ích của việc lìa xa ác khẩu. Tám điều này đều thuộc về tịnh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với tịnh độ của chúng ta. Chúng ta thường niệm A Di Đà Phật nhưng nếu vẫn phạm ác khẩu thì không được vãng sanh. Nhất định phải tu tịnh nghiệp, tam nghiệp thanh tịnh thì niệm Phật mới có thể vãng sanh.

“*Nhược năng hồi hướng A- nậu- đả- la- tam- miêu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai, Phạm âm thanh tướng*”(Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được đầy đủ tướng phạm âm của Như Lai). Âm thanh từ nơi Đức Phật phát ra gọi là viên âm, viên mãn âm. “Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu được”. Phạm âm thù thắng của Đức Phật từ đâu mà có? Từ chỗ không ác khẩu. Cho nên, chúng

ta muốn đắc phạm âm này trên quả vị Như Lai thì nhất định phải viên ly ác khẩu.

Ly ý ngữ đắc thành tựu tam chủng quyết định(xa lìa lời nói thiêu dệt thì thành tựu ba điều quyết định)

Chánh văn: “ *Phục thứ Long Vương, nhược ly ý ngữ. Tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam? Nhất, định vi trí nhân sở ái. Nhị, định năng dĩ trí như thật vấn đáp. Tam, định u nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng. Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề giả. Hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chư sở thọ ký giai bất đường quyên.*”

Theo thứ tự liệt kê trong thập thiên nghiệp đạo thì thân nghiệp có 3 rồi đến khẩu nghiệp có 4 và ý nghiệp có 3 nhưng trong Kinh Vô Lượng Thọ thì khẩu nghiệp được đưa lên đầu tiên, tức là “Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người”. Khéo giữ khẩu nghiệp là nói chung chung, mà quả đức của giữ khẩu nghiệp là không nói lỗi người. “Người” ở đây là chỉ tất cả con người, sự vật, phạm vi bao hàm của nó hết sức rộng lớn, ý nghĩa thâm sâu nên chúng ta cần phải tỉ mỉ tham cứu.

Người học Phật pháp nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chỗ “Khéo giữ khẩu nghiệp, kế đến là khéo giữ thân nghiệp và ý nghiệp”. Đây là phương pháp mà người có căn tánh trung hạ cũng có thể theo học để tiến bộ dần, gọi là tiệm giáo . Còn đốn giáo thì trước tiên phải khéo giữ ý nghiệp. Ý thanh tịnh thì thân khẩu sao không thanh tịnh cho được? Đốn giáo bắt đầu từ ý nghiệp, tiệm giáo bắt đầu từ khẩu nghiệp. Đây chính là phương pháp Phật giáo giáo hóa chúng sanh. Phật pháp còn như vậy, thế

pháp lại chẳng như vậy hay sao? Có người hỏi Tu Mã Quang rằng “Học vấn đức hạnh nên bắt đầu từ chỗ nào?” Ông trả lời: “Bắt đầu từ không vọng ngữ”. Thành tựu của đức hạnh không gì khác hơn là chân thật, nội tâm chân thật thì đã như là ở cùng Đức Phật rồi. Còn tâm không chân thật thì dầu mỗi ngày ở bên cạnh Đức Phật cũng không tính là thân cận Phật. Đạo lý này chúng ta phải thấu suốt.

“Ý ngữ”. Chữ “Ý” vốn có nghĩa là một loại lựa là, găm vóc, là một thứ hoa lệ, người nhìn thấy đều yêu thích. Cho nên “ý ngữ” có thể được hiểu là lời nói đường mật ai ai cũng thích nghe nhưng nội dung của nó lại bất thiện. Ví dụ như những chương trình ca kịch, điện ảnh, âm nhạc, hội họa trong xã hội ngày nay; nội dung của những chương trình đó là bất thiện, dạy người ta tham, sân, si, mạn, sát, đạo, dâm, vọng, hoàn toàn trái ngược với mười thiện.

Cả thế giới ngày nay là một xã hội ý ngữ mà quy mô và tầm ảnh hưởng của nó vô cùng sâu rộng. Từ xưa đến nay, khởi nguyên của văn hóa là ca dao. Phải nói rằng cổ Thánh tiên Vương thật vô cùng trí huệ, đối với ca vũ, không luận hình thức hay nội dung đều mô phỏng theo và dùng nó để đề xướng giáo học chánh diện. Công đức này thật to lớn thay. Đức Phật cũng dùng phương pháp này để giáo hóa chúng sanh nên Phật giáo xem trọng nghi thức âm nhạc. Âm nhạc được gọi là “phạm âm” hoặc “phạm bá”. Tuy nhiên, những năm gần đây thiếu vắng nhân tài âm nhạc nghệ thuật nên không có người đề xướng. Đây cũng là nguyên nhân lý giải vì sao người học Phật không thể thâm hiểu nghĩa lý Kinh luận Phật giáo hoặc có hiểu cũng không thấu đáo, cho nên không biết được phải làm thế nào ; từ

đó tạo thành chướng ngại hoằng truyền Phật pháp trong thời kỳ mạt pháp.

Trong Đại tạng Kinh có quyển Quy Nguyên Cảnh, là kịch bản vở tuồng thời xưa. Vở này dùng Côn Khúc, Bình Kịch để biểu diễn. Cách này cho chúng ta một sự khái thị rất lớn, về phương diện tuyên dương Phật pháp phải nên đi theo hướng vũ đài. Tiếc là người đời nay dẫu xem cũng không hiểu Côn Khúc, Bình Kịch. Cho nên chúng ta phải đem Kinh điển, sự tích của lịch đại cao tăng đại đức viết thành phim truyền hình nhằm phổ biến Phật pháp đến tất cả người trong nhà. Thực tế mà nói, nội dung Phật pháp vô cùng phong phú, như trong Kinh Hoa Nghiêm kể về “Thiện tài đồng tử với 53 lần tham bái” với nội dung hết sức thú vị. Hi vọng có thể tìm được người đủ năng lực đem bộ Kinh này viết thành vở kịch nhiều tập, so với giảng kinh, nhờ vào phương thức này để hoằng pháp thì hiệu quả sẽ nhiều hơn.

“Thi tam bách” là thi ca, ca dao của thời xưa mà Không Tử đã thu thập, san định và chỉnh đốn lại, nguyên tắc của Thi tam bách là “Nhất ngôn dĩ tế chi, viết tư vô tà”(một lời đủ bao quát tất cả, là tư tưởng thuần chính)cũng giống lời dạy bộ Kinh Phật này đó là “bất dung hào phân bất thiện gián tạp” vì Không tử đã lược bỏ những nội dung bất thiện, những thứ gây hiểu lầm trong bộ Thi tam bách. Nếu ngày nay các bộ phim, các vở kịch trên truyền hình được biên tác theo nguyên tắc chỉ dẫn “tư vô tà” của Không Tử thì hẳn đã có thể giáo hóa chúng sanh, thúc đẩy sự an định xã hội, tịnh hóa nhân tâm và hòa bình thế giới. Tiếc là nội dung của chương trình điện ảnh, truyền hình, ca múa kịch hiện nay chỉ nhiều điều phóng túng, dạy người tranh lợi mà

ít nói điều nhân nghĩa đạo đức. Nếu mỗi người đều tranh lợi thì chắc chắn dẫn đến kết cục chiến tranh đổ máu. Mạnh Tử có nói: “Thượng hạ giao chinh lợi, nhi quốc nguy hĩ” tức kẻ trên người dưới trong cùng một nước đều tranh nhau cái lợi thì thể nào xã hội cũng hỗn loạn, quốc gia nguy vong. Thế giới ngày nay ai ai cũng muốn tranh lợi, tránh sao khỏi nguy nan.

Thánh nhân dạy người đời sống ít ham muốn, tiết kiệm, nhân nhĩn, bố thí, cúng dường còn người đời nay thì lại dạy nhau những điều trái với những điều thiện lành trên, đề xướng đua tranh. Tranh giành đoạt lợi thì tránh sao được kết cục nạn tai? Trong điển tích Thánh hiền thế xuất thế gian dạy người ta biết nhường nhĩn, phụng hiến, không tranh hơn thua; nếu số phận đã có thì dầu muốn bỏ cũng không mất, nếu số phận không có dầu mong cầu cũng không được. Trong “Liễu Phàm Tứ Huấn” giảng giải rất cặn kẽ đạo lý, chân tướng sự thật này. Đức Phật dạy chúng ta về đạo lý và sự thật của nhân quả báo ứng, tự đầu chí cuối vẫn là tự cầu đa phước, vì có muốn tranh cũng tranh không được. Có trồng nhân mới được quả như vậy, nhân không trồng thì làm sao có quả.

Sống ở đời không chỉ vì bản thân, quan trọng hơn là vì xã hội, vì chúng sanh khổ nạn. Tuyệt đối không chỉ biết có riêng mình, phải biết “tri túc thường lạc” (biết đủ thì thường an lạc). Mỗi ngày ba bữa, quần áo đủ ấm là đủ rồi, dư ra nữa thì bố thí cho người cần thiết. Thánh hiền thế xuất thế có dạy rằng “chẳng cầu với đời, chẳng tranh với người”. Chẳng cầu với đời là ít ham muốn, biết đủ thường vui; chẳng tranh với người là không tranh danh lợi, thanh tịnh đạm bạc, sống đời tự tại, tiến đức tu nghiệp.

Cạnh tranh là tự tìm khổ vào thân, cuộc sống càng cạnh tranh càng đau khổ, tinh thần càng trống rỗng.

Cho nên, hiểu rõ bản chất của “ý ngữ” rồi thì chúng ta chỉ cần điều chỉnh để nội dung chuẩn xác và có thể dùng biện pháp này mà hoằng pháp lợi sanh. Ví như với căn bệnh bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa của chúng sanh ngày nay thì chúng ta đề xướng trung hiếu nhân nghĩa, hiếu thân tôn sư làm tấm gương tốt cho xã hội.

Có một vị đồng tu hỏi tôi: *“Trong việc nuôi dạy con cái, có thể đánh mắng được không?”* vì thời nay đánh mắng trẻ con được xem như ngược đãi. Từ đó có thể thấy, ngày nay xã hội lẫn lộn thị phi. Cứ như thế hệ tôi, từ nhỏ đều từng bị cha mẹ đánh mắng, cũng từng bị thầy cô xử phạt nghiêm khắc như khế tay, phạt quỳ nhưng chúng tôi không oán giận cha mẹ, thầy cô mà còn càng yêu thương cha mẹ, kính mến thầy cô vì hiểu đó là lòng yêu thương chân thật.

Đặc biệt là với lỗi thuộc về lời nói, cha mẹ, thầy cô càng phải dạy bảo nghiêm khắc con trẻ, đó gọi là “thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên” (dạy dỗ từ nhỏ thì thành ra tính bẩm sinh, rèn quen thì thành tự nhiên). Cổ nhân nói “dạy con từ thuở còn thơ”, nếu còn nhỏ không dạy dỗ tử tế đến lúc lớn có hành động ngỗ nghịch thì khó lòng dạy được. Chúng ta thường đọc trên báo chí con cái giết cha mẹ, anh em hay học sinh giết thầy cô, bạn học. Việc này đều do khi còn nhỏ không được dạy dỗ nghiêm khắc, lớn lên rồi không dạy được nữa mà làm ra việc trái đạo lý. Nền tảng giáo dục được xây dựng trên cơ sở giáo dục gia đình. Cha mẹ không nghiêm khắc nuôi dạy con

cái thì thầy cô cũng đành bất lực. Người lớn phải làm gương tốt cho con trẻ, làm người nói chuyện phải thành thật, bản thân còn sai lầm không sửa thì không cách nào dạy dỗ con trẻ.

Trước kia khi tôi ở Đài Loan, có một vị giáo viên trung học kể với tôi về con gái của anh ta. Năm cô bé học tiểu học lớp 5, cô bé mua được một quyển sách. Sau đó, cô bé về nhà, chỉ vào sách và nói với ba mẹ của mình rằng “*Ba xem điều này ba đã phạm rồi, điều kia cũng phạm rồi*” khiến họ vô cùng khó xử. Tôi nói với anh ta “Anh là giáo viên, phải giữ mình không phạm lỗi trước thì học sinh mới không chỉ trích, bản thân anh ôn hành không thận trọng, không những để học sinh chỉ trích mà ngay cả con gái cũng chỉ trích, anh sẽ ứng phó ra sao?” Nghe xong, ông ta vô cùng cảm khái.

Thế nhưng hiện nay tình trạng này vô cùng phổ biến, nhiều bậc phụ huynh đã vô phương dạy dỗ con cái. Đây là điều nguy hiểm của xã hội, là mầm mống của tai nạn. Cho nên giáo dục trẻ nhỏ chính là nền tảng cho một thế giới hòa bình, an định và hạnh phúc. Chúng ta phải xem trọng. Vì vậy chư vị đồng tu học Phật phải lấy thân mình làm gương, bắt đầu từ việc khéo giữ khẩu nghiệp, quyết không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, dù ở nơi nào chúng ta đều nhận phần thiệt thòi cũng không sao, vì “thiệt thòi là phúc”. Chúng ta đón nhận phần thiệt thòi, nhường nhịn chúng ta kham nhẫn ba la mật, tu thiên ba la mật, tu học bát nhã ba la mật mới có thể tu thành công. Chỉ có thể “nhẫn”, thuận theo giáo huấn của Phật Bồ tát, đoạn ác tu thiện thì dẫu con cái, học trò chúng ta đương hiện không nghe lời nhưng dần về sau chúng cũng sẽ tỉnh ngộ,

nghe về lời dạy trước kia của cha mẹ, thầy cô. Như vậy đối với chúng ta quả thật là lợi ích vô cùng.

Dưới đây là 3 thứ lợi ích đạt được khi vĩnh viễn xa lìa ý nghĩ.

Đầu tiên là “*Định vi trí nhân sở ái*” (chắc chắn được người trí huệ yêu mến). “Trí nhân” là chỉ đức Phật Bồ Tát_ bậc chân thiện tri thức. Ngày nay, bậc trí tuệ trong thế gian này đã không nhiều nhưng ở một thế giới khác thì rất nhiều. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng, nơi thế giới Tây phương cực lạc, người người đều là bậc chân trí huệ, nhiều không đếm xuể; hay nơi thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm thì người người đều là pháp thân đại sĩ, đều là trí nhân. Cho nên vĩnh viễn ly ý nghĩ thì chắc chắn nhận được sự hoan hỉ của pháp thân đại sĩ và chư Phật Bồ Tát, hay nói cách khác là chắc chắn được chư Phật hộ niệm, Thiên long thiện thần bảo hộ.

Thứ hai là “*Định năng dĩ trí, như thật đáp vấn*”(chắc chắn dùng chân trí đáp lại thắc mắc của người hỏi), nghĩa là khi chúng ta đàm luận cùng người khác, lời chúng ta thốt ra nhất định là lời của trí tuệ chân thật. Lời nói trí huệ không phải học mà có, mà từ trong tự tánh hiển lộ. Phật dạy mọi người phải minh tâm kiến tánh, người tu tịnh độ cũng không ngoại lệ. Tâm tánh là cái vốn có của tất cả chúng sanh, tự tánh vốn dĩ đầy đủ, nhưng hiện nay chúng ta tại sao tâm không sáng, tánh thì không tỏ vậy? Phật giải thích đó là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chướng ngại. Thế nhưng, thông qua nghe kinh, nghe pháp chúng ta sẽ dần tỉnh ngộ, thấu hiểu chân tướng sự thật, không chấp trước pháp thế xuất thế nữa thì sẽ chứng quả A La Hán.

Thêm một bước nữa là không phân biệt tất cả pháp thế xuất thế gian thì tự thành Bồ Tát trong thập pháp giới. Nếu tu tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh, tâm lục độ thì thành Phật trong thập pháp giới; còn nếu loại trừ hẳn chướng ngại một phẩm vô minh thì vượt khỏi thập pháp giới, nhập thế giới Hoa Tạng mà Thiên Thai tông giáo gọi là “Phần chứng Phật”, nghĩa là tuy chưa viên mãn chứng đắc Phật quả nhưng đã chứng được một phần. Trong Kinh điển thường dùng mặt trăng để minh họa, ví như ngày rằm thì trăng tròn đầy tượng trưng Phật quả viên mãn, ngày mùng 3, mùng 4 thì tuy là trăng non nhưng vẫn là trăng thật chứ không phải bóng trăng trong nước. Thí dụ cho “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” là Phần chứng Phật..

Như trong Kinh Hoa Nghiêm có Thiên Tài đồng tử một đời chứng Phật quả; hay trong Kinh Pháp Hoa có Long Nữ một đời chứng Phật quả chính là minh chứng thuyết phục chúng ta. Cho nên, cốt yếu của một đời chứng đắc là ở chỗ tự thân có buông bỏ phiền não hay không, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thành tựu rồi. Trí huệ của chúng ta là từ tự tánh hiển lộ ra, cho nên khi đối mặt với tất cả chúng sanh khác thì có thể “như thật đáp vấn”. Chúng ta không phải đọc tụng kinh, nghiên cứu sách giáo lý nhưng khi người khác hỏi thì câu trả lời của chúng ta cũng giống như lời Phật ghi chép trong kinh sách vậy.

Cho nên tác dụng của kinh điển là để đối chiếu xem trí huệ của chúng ta đã thực sự khai thông chưa. Nếu trí huệ thật khai thông rồi thì tất cả ngôn hạnh của chúng ta chắc chắn giống với những lời được dạy trong Kinh sách; ngược lại nếu có còn

chỗ khác biệt với lời dạy trong Kinh sách thì bản thân phải tự phản tỉnh. Chúng ta phải hiểu rằng đó là vì chúng ta chưa đoạn tuyệt phiền não, trí huệ chưa khai thông nên khi đối đáp cùng người thì phần nhiều là dùng thành kiến của bản thân mà trả lời. Đó chính là biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Những thứ này chẳng những không giải quyết được vấn đề mà càng làm cho vấn đề càng thêm lộn xộn, rối rắm. Có vậy mới biết, lời nói quan trọng biết bao.

Thứ ba là “*Định u nhân thiên, oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng*” (nhất định có oai đức tối thắng, không có hư vọng đối với trời người). “Oai” và “Đức” đều là chỉ trí huệ ngôn hạnh. Ngôn hạnh trí huệ mà dựa vào đạo đức thì chính là oai đức, oai đức này được nhân thiên kính ngưỡng, chư Phật hộ niệm. Đó là oai đức tối thắng! oai đức tối thắng thì không có nghĩa là phải có địa vị có của cải trên xã hội mà còn hơn cả vậy nữa. Ví như Khổng Tử lúc sanh tiền tuy nghèo khó, không địa vị xã hội nhưng cả đời ông khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều dựa vào đạo đức, không làm việc thất đức trái đạo. Bởi thế ngày nay nhắc đến Khổng Tử, không ai không kính trọng.

Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuy địa vị cao quý, của cải đủ đầy nhưng rồi Ngài cũng từ bỏ mà sống vui đời nghèo khó, khát thực để duy trì mạng sống. Ngài khởi tâm động niệm, ngôn hạnh việc làm cũng là dựa vào đạo đức, giữ mình không thất đức trái đạo cho nên giáo hóa khắp bốn phương. Đến tận ba ngàn năm sau, người kính ngưỡng Đức Phật Thích Ca xiết kể bao nhiêu! Hai bậc Thánh nhân này tại thế cũng chỉ 70, 80 năm, nhưng để lại thành tựu được như vậy, là dựa vào đâu? Chúng ta

phải ngẫm kỹ điều này. Nếu phải lựa chọn cho bản thân một con đường đúng đắn thì chúng ta sẽ nguyện được như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Khổng Tử hay là muốn có quyền cao chức trọng nơi thế gian? Con đường thuần chánh được chư Phật hộ niệm, Long thiên ủng hộ, được “oai đức tối thắng, không có hư vọng” mới chính là điều chúng ta cần học tập.

“Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chư sở thọ ký, giai bất đường quyên ,”(Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được đầy đủ thọ ký của Như Lai). “Hồi hướng” ở đây là tự mình không hưởng dụng lợi ích, công đức tu học của bản thân mà hồi hướng hết thảy cho chúng sanh. Làm được như vậy thì về sau sẽ chúng được Phật quả viên mãn, tức được Như Lai thọ ký mà không bị “đường quyên”, “đường quyên” là nghĩa mất đi, tức là chúng ta đều đạt được đầy đủ thọ ký của Chư Phật trong kinh giáo Đại thừa mà không bị mất mát, hao hụt. Đạt được niềm vui như thế ấy sao ta lại không làm (hồi hướng) cho được!

Ly tham dục đắc thành tựu ngũ chủng tự tại (xa lìa tham dục thì được thành tựu năm thứ tự tại) .

Kinh văn: *“Phục thứ Long Vương, nhược ly tham dục, tức đắc thành tựu, ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ ? Nhất, tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố. Nhị, tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất năng đoạt cố. Tam, phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố. Tứ, vương vị tự tại, trân kỳ diệu vật giai phụng hiến cố. Ngũ, sở hoạch chi vật, quá bản sở cầu, bách bội thù thắng, do u tích thời, bất san tật cố. Thị vi ngũ. Nhược*

năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.”

Ý đoạn kinh văn này sâu rộng vô cùng. Sự tu hành Chư Phật Bồ Tát tu hành hay đọa lạc lục đạo (6 cõi) của chúng sanh cũng từ chỗ này mà ra. Ba thứ thuốc độc tham, sân, si là gốc rễ của phiền não, mà suy cho cùng, tham, sân, suy quy lại cũng chính từ “tham” mà thành. Trong sáu nguyên tắc tu học của Bồ Tát, điều đầu tiên chính là bố thí. Bố thí là “thuốc” trị tham dục. Cho nên, nếu quy nạp cả 6 điều ba la mật lại thì cốt yếu chính là bố thí ba la mật.

Thế xuất thế gian đại thánh đại hiền có thể trở thành Thánh Hiền chính là vì có thể xa lìa tham dục. Nếu chưa đoạn tận tham dục thì đó là Bồ Tát, nếu có thể đoạn tuyệt gốc rễ của tham dục thì đó là Phật rồi. Riêng kẻ phàm phu không những không lìa tham dục mà mỗi ngày một nhiều hơn. Tham dục càng nhiều thì lối vào tam ác đồ càng rộng, xa lìa tham dục chính là xa lìa tam ác đồ. Phải biết nhân sinh khổ đoản, phước báo trước mắt chúng ta mong cầu vốn không phải từ tham sân si mà đến. Tham sân si chỉ làm hao tổn chứ không gia tăng được phước báo. Đời này cầu được phước báo là do đã tu nhân thiện trong quá khứ; đời này tạo ác nghiệp thì đời sau nhận quả báo. Nhân quả ba đời hẳn không sai lệch.

Chuyện kể ở Trung Quốc có một vị bác sỹ y thuật cao minh. Mỗi khi xem bệnh, ông đều hỏi ngày tháng năm sanh và nơi sanh của bệnh nhân. Việc này là sao? Là vì ông sẽ quan sát đặc tính bên trong từ cơ thể bệnh nhân mà biết được bệnh của

họ. Cách trị bệnh bắt đầu từ căn nguyên (phát ra bệnh) này mới thực là cao minh. Thế nhưng, căn nguyên mà Phật pháp dạy chúng ta thì càng uyên thâm hơn. Căn nguyên đó chính là thiện ác đã tạo trong quá khứ. Người Trung Quốc học đạo dưỡng sanh, có rất nhiều lý luận và phương pháp về dưỡng sanh. Tuy nhiên, nếu chỉ hiểu về dưỡng sanh mà không hiểu về dưỡng tâm thì không thể loại sạch nguồn gốc bệnh tật, thể chất không thay đổi căn nguyên bệnh tật. Vì vậy, tâm thanh tịnh, cân bằng, từ bi thì thân tâm tự nhiên khỏe mạnh, các bệnh không thể sanh. Ngược lại, tâm còn tham sân si, tức là căn nguyên của các loại bệnh thì bất luận làm thế nào thân tâm cũng không khỏe mạnh được.

Phạm vi của tham dục vô cùng sâu rộng, đặc biệt là danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không những làm cho đức hạnh bị phá hủy mà còn là yếu tố đầu tiên khiến người ta đọa lạc vào tam ác đồ. Đoạn tham là phải đoạn ý nghĩ của tham dục, không phải chỉ thay đổi đối tượng tham dục. Cho nên thế pháp không những không thể tham, Phật pháp cũng không thể tham; tham đồ danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thì đọa lạc tam đồ, tham Phật pháp cũng không ngoại lệ. Cuối cùng không thể thoát ly lục đạo luân hồi.

Kinh Kim Cang dạy rằng “Pháp còn xả huống hồ phi pháp”. “Xả” trong câu này là buông bỏ, là không tham, chứ không phải là không cần. Chúng ta cần Phật pháp để giúp chúng ta thoát ly sanh tử luân hồi, nhưng không tham vì khi có ý nghĩ tham lam thì mục đích học tập Phật pháp sẽ không đạt được. Tâm tham không thể không buông nhưng vì từ vô lượng kiếp

đến nay chúng ta đã tích tụ quá nhiều tạp khí phiền não như danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần nên giờ đây đâu dễ gì đoạn trừ trong tức khắc.

Kỳ thật, lìa xa sanh tử, xuất ly tam giới, thoát khỏi luân hồi là chính nhờ vào nhận thức. Sao người khác có thể thành Thánh, thành Hiền, thành Phật Bồ Tát? Chính là vì họ nhận thức rõ ràng, hiểu được tham sân si mạn là nhân của luân hồi còn lục đạo luân hồi là quả báo của tham sân si mạn. Nhân mà đoạn rồi thì quả sẽ không hiện tiền. Vì vậy, chỉ cần chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, có lòng lòng tin, vững ý chí, hạ quyết tâm nương theo lời Phật Bồ Tát giáo huấn mà thực lòng hành trì thì nhất định có thể xa lìa tham sân si, xa lìa mười ác nghiệp.

“Thân người khó có được, Phật pháp khó được nghe” như trong bài kệ khai kinh cũng có nói “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”. Vì vậy, kiếp này được làm người, được nghe Phật pháp nhất định phải nắm bắt, trong mấy mươi năm ngắn ngủi của kiếp người phải hạ quyết tâm, xả bỏ tham sân si mạn, xả bỏ hưởng thụ danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thì sẽ được vĩnh viễn thoát ly luân hồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là tấm gương mẫu mực nhất, sâu sắc nhất, hoàn bị nhất và viên mãn nhất để chúng ta noi theo. Ngài từ bỏ vương vị, từ bỏ phú quý, sống đời khát thực, ngày ăn một bữa, tối ngủ gốc cây. Người làm vậy là để dạy chúng ta hiểu rằng phải biết từ bỏ tham sân si mạn, có vậy mới vĩnh viễn thoát ly luân hồi.

“*Nhược ly tham dục, tức đắc thành tựu ngũ chủng tụ tại*” (nghĩa là nếu từ bỏ tham dục thì sẽ đạt được 5 loại thành tựu tụ tại”. Đây là quả báo mà tất cả chúng sanh đều hướng đến. Năm

loại tự tại là “quả”, vĩnh ly tham dục là “nhân”, tu nhân nhất định chứng quả.

Thứ nhất là “*Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố*”(ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ). Tam nghiệp là thân, ngữ, ý nghiệp. “Tự tại” không phiền não, ưu tư, lo lắng; thân tâm thanh tịnh, thân không bệnh, không phiền não thì thân tự tại. Khẩu nghiệp thanh tịnh thì khẩu tự tại. Ý nghiệp đầy đủ trí huệ không sanh phiền não, tâm địa thanh tịnh thì ý tự tại. “Chư căn cụ túc ” nghĩa là được đầy đủ các căn mà theo cách nói này nay là thân tâm khỏe mạnh, không khiếm khuyết, chính là phước báo đầu tiên, trong Phật giáo gọi là “thanh phước”. Chính là tám chữ “Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc ”, chư căn cụ túc là quả báo, tam nghiệp tự tại là nhân duyên.

Tam nghiệp tự tại thì thân tâm thanh tịnh. Tự tại chính trong cuộc sống hằng ngày tức là ngày ngày không sanh vọng niệm, không sanh vọng niệm chính là chính là duy trì chánh niệm. Chánh niệm là niệm vì tất cả chúng sanh. Tôi nguyện vì tất cả chúng sanh mà tu hành; tôi nguyện vì tất cả chúng sanh mà gắng tu thành Phật, thành Bồ tát. Phàm là tự tư tự lợi đều là vọng niệm, tà niệm; cho nên, vô niệm mới là ý nghĩ không tự tư tự lợi. Chánh niệm là vì Phật pháp thường trụ thế gian, là vì lợi ích tất cả chúng sanh, mà việc làm lợi nhất cho chúng sanh không gì khác hơn là giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Ấy mới thực là lợi ích chân thật, mới có thể đắc tam nghiệp tự tại, các căn đầy đủ. So với cái lợi này thì những lợi ích khác điều là lợi ích nhỏ nhoi .

Nghĩa lý, cảnh giới của lời dạy này thật sâu rộng dường nào! Bộ kinh này là lời giáo huấn căn bản của Đức Thế Tôn cho tất cả chúng sanh, là đạo lý nhân quả chân thật. Xa lìa giáo huấn căn bản thì tu học pháp môn nào cũng không thể thành tựu. Trên đời có hai loại người: loại thứ nhất là phạm phu nơi lục đạo, trong quá khứ đã tạo nghiệp nên kiếp này thọ báo, gọi là “nhân sinh trả nghiệp”. Nếu quá khứ tu phước thì đời này hưởng phước; nếu quá khứ gieo ác nghiệp thì đời này hứng chịu khổ nạn. Loại người thứ hai là chư Phật, Bồ Tát đến để cứu khổ cứu nạn. Người cứu khổ cứu nạn còn chịu khổ nạn nhiều hơn người thường chúng ta vì Người phải dốc lòng vì chúng sanh, nhân đó mà làm gương cho chúng ta.

Người phạm chúng ta thuộc thân nghiệp báo, đến thế gian là để trả nghiệp. Nay chúng ta học hiểu Phật pháp, học hiểu nghiệp báo rồi thì về lý có thể chuyển biến nghiệp quả nhưng phải nỗ lực chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, tức chuyển phạm thành thánh, như vậy thì chúng ta và chư Phật Bồ Tát thừa nguyện tái lai không hai không khác. Đây là con đường tu học Bồ Tát, tu học Phật chân thật. Đức Phật đến thế gian là để giúp đỡ chúng ta chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, chỉ cần chúng ta thật lòng y giáo phụng hành, nỗ lực sửa đổi tập khí, đoạn tuyệt phiền não thì chắc chắn có thể chuyển được.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam từng nói “Công đức giảng Kinh là lớn nhất, chuyển nghiệp lực nhanh nhất”. Cho nên, khuyên đồng học nào có tướng diện kém nên thường học giảng Kinh sách. Giảng Kinh là thay Đức Phật thuyết pháp, vì Phật không còn tại thế, người phát tâm thay Phật giảng pháp có thể được trí huệ thọ

mạng của Phật. Làm việc này cũng là làm chuyển đổi hoàn toàn nghiệp lực của bản thân.

Chúng ta không mong cầu sinh mạng trường thọ vì vốn sinh mạng ngắn dài không quan trọng, quan trọng là đời này được thành tựu. Thành tựu điều gì? Là dứt lìa sanh tử, xuất ly tam giới, vắng sanh tịnh độ, gần gũi Đức Phật A Di Đà. Ấy mới thực là thành tựu lớn nhất, hết thầy chư Phật đều tán thán. Vậy làm sao mới đạt được thành tựu ấy? Phải xả thân vì người, vì Phật pháp, vì chúng sanh. Như lời dạy rằng “Nguyện lấy thân tâm này phụng sự khắp tất cả, đó mới gọi là báo ơn Phật”, thân này ta phụng dâng chư Phật Bồ Tát, cũng cho chúng sanh mượn dùng. Chúng ta phát tâm nguyện này. Mà bản thân xả cho thật sạch sẽ, tìm lại tâm thanh tịnh cho đến khi thanh tịnh tịch diệt, càng thanh tịnh thì càng tịch diệt thì lực gia trì của chư Phật Bồ Tát càng rõ ràng, càng thù thắng. Nếu trong tâm còn có nghi hoặc, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chư Phật Bồ Tát dù muốn cũng không có cách nào gia trì, phù trợ.

Tâm nguyện của chư Phật Bồ Tát là quảng độ chúng sanh, hy vọng tất cả chúng sanh đời này đắc thành Phật. Liệu rằng chúng ta có thể lập tức thành Phật được không? Chắc chắn là được. Còn nếu không được là vì sao? Là vì tự chúng ta không tin năng lực đức Phật, không tự tin mình có thể thành Phật, thế nên bị cảnh giới trần tục cám dỗ, lập tức đọa lạc, thay đổi chân tâm rồi dẫn đến luân hồi không dứt.

Người thế gian tại sao dễ dàng đọa lạc, tâm dễ lung lay đến vậy? Vì họ đã làm mất lời dạy của Thánh Hiền. Người xưa thì có thể giữ gìn được lời dạy Thánh Hiền vì vốn ngay từ khi

còn nhỏ họ đã tiếp nhận giáo dục luân lý đạo đức. Tác dụng của giáo dục luân lý đạo đức là ngăn chặn sự đọa lạc, giúp con người hoàn thiện hơn. Gần một trăm năm nay, đại chúng xã hội lơ là giáo dục luân lý đạo đức, coi trọng tranh danh đoạt lợi. Người ta cứ nghĩ đạo nghĩa là những thứ của xã hội cũ, còn xã hội mới thì không cần ngũ luân, bát đức, trung hiếu, nhân ái, mà chỉ cần danh, cần lợi. Vì vậy khắp nơi người người đều buông thả dục vọng, tranh lợi.

Người xưa nói “Nguy bang bất cư, loạn bang bất nhập” (tức là không ở chỗ nguy, không vào chỗ loạn). Hiện nay, cả thế giới chỗ nào không nguy loạn? Người hiểu biết phải tìm đến nơi khác mà dung thân. Vậy phải đến nơi nào? Đến thế giới cực lạc! Cho nên chúng ta cũng không nên quá lưu luyến thế gian này, nên rời nó đi và lúc nào cũng có thể rời đi được. Thân này còn tại thế là vì còn vài người có duyên đối với Phật pháp có thể tin, có thể hiểu, có thể hành. Chúng ta có thể giúp đỡ những người có duyên này cùng nhau đến thế giới cực lạc.

Kinh luận dạy “Phật không độ người không có duyên”. Người hiểu học là có duyên; người “thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói” là có duyên. Nếu chỉ thọ trì đọc tụng Kinh Phật nhưng không diễn giảng cho người khác thì không thể vãng sanh thế giới cực lạc. Tuy nhiên vẫn có các vị cao niên niệm Phật vãng sanh thì đó là điềm lành hiếm thấy. Vì sao họ chưa diễn giảng Kinh Phật cho người nhưng lại được vãng sanh? Là vì vốn họ không có “duyên” để diễn giảng cho người khác, tức là không đủ điều kiện chứ không phải vì họ không có tâm nguyện. Như vậy chẳng phải là tướng tốt lành vãng sanh của họ chính là vì

chúng sanh mà thị hiện hay sao? Nó giúp mọi người phát tâm tín nguyện tu hành. Còn ví như có điều kiện mà không phát tâm diễn giảng Kinh Phật thì không thể vãng sanh, những người vãng sanh đều phát tâm đại Bồ đề. Tâm đại Bồ đề là tâm niệm giúp đỡ tất cả chúng sanh, tuy không thể giảng Kinh nói pháp cho người thấu suốt nhưng biết khuyên người niệm A Di Đà Phật, vậy là được rồi. Nếu có thể đem đạo lý, phương pháp niệm Phật diễn giảng rõ ràng cho người hiểu thì càng thù thắng.

Giúp đỡ người đời, người khác không làm thì ta làm, quyết không thể chỉ sống vì bản thân. Trong Lễ Ký - Khúc Lễ dạy chúng ta “an an nhi năng thiên” (nghĩa là an trụ trong yên ổn nhưng lúc cần thì vẫn có thể biến đổi), chúng ta có được phước báo, thân mình được an, tâm mình cũng an, thì hẳn có thể sống những ngày thoải mái tự tại. Nhưng khi thấy người khác rơi vào cảnh đau khổ, chúng ta cũng cũng phải từ bỏ chốn an cư của mình, nguyện vì người khổ nạn mà bôn ba. Còn nếu nghĩ “thân tôi đã sống đời an nhàn, sao phải từ bỏ, nếu người ta nghe mình khuyên giải thì tốt, nếu họ không nghe chẳng phải uổng phí sao” thì đó là suy nghĩ sai lầm. Người ta nghe hay không nghe thì mình cũng phải khuyên giải, bất kể gặp phải khổ não thế nào, dày vò làm sao cũng phải chịu. Đây là xả thân vì người, có thể xả thân vì người chính là xả bỏ an lạc của bản thân, quả báo là được tam nghiệp tự tại.

Thứ hai là “*Tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất đoạt cố*” (của cải tự tại, tất cả oán tặc đều không thể cưỡng đoạt được). Chúng sanh một đời theo đuổi không gì ngoài của cải, thông minh trí tuệ, khỏe mạnh sống lâu. Vậy có thể cầu được không?

Nếu như có thể cầu được thì chúng ta có thể toàn tâm toàn lực liều mình theo đuổi. Nếu cầu không được thì sự truy cầu của chúng ta sai lầm rồi. Số ít người đời dẫu biết đó là sai nhưng vẫn cứ truy cầu, hy vọng may mắn có được. Tuy nhiên, Đức Phật dạy rằng, thế gian này không có gì là do may mắn mà được. Ba thứ: của cải, trí huệ, trường thọ đều do quả báo mà ra, có quả ắt có nhân.

Chúng tôi nghe Thiên chúa giáo giảng đạo, không thấy trong giáo lý của họ nhắc đến nhân quả, chỉ dạy rằng mọi thứ có được là do Chúa ban cho. Nói cách khác, Chúa yêu thương chúng ta thì Người sẽ ban tặng nhiều hơn, nếu Người không yêu thương chúng ta thì Người sẽ ban tặng ít hơn; nếu chúng ta kính ái với Người thì Người sẽ ban tặng nhiều một chút, nếu chúng ta phẫn hận với Người thì Người sẽ ban tặng ít một chút. Cách giảng dạy này e là không thể giải quyết vấn đề, muốn giải quyết vấn đề thật sự phải dựa vào Phật pháp. Phật pháp giảng rằng có quả ắt có nhân. Chúng ta không tu nhân thì lấy đâu ra quả báo? Cái “nhân” được gieo chính là thực hành bố thí: bố thí tài vật thì được tài vật, bố thí pháp thì được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy thì được khỏe mạnh trường thọ.

Tuy nhiên, tu nhân mà không xa lìa tham dục thì vẫn không được tự tại. Như chúng ta thấy, xã hội biết bao người phát tài nhưng vẫn không được tự tại. Sao họ vẫn không được tự tại vậy? Vì họ không thể xa lìa tham dục, trong tâm chỉ có danh lợi. Tham dục càng nhiều thì quả báo nhận được chỉ có đọa vào ngạ quỷ, hiện tại cũng không được tự tại. Nói vậy là vì khi người ta có nhiều tiền thì thế nào cũng có kẻ muốn lấy trộm,

chia chác; người lăm tiền của trở thành mục tiêu của oan gia trái chủ, của bọn trộm cướp nên khi ra ngoài họ cần có vệ sĩ, đề phòng từng giây từng phút. Thế nhưng sự thất thoát bên ngoài thì đề phòng được chứ tổn hại bên trong thì khó mà phòng bị. Ví dụ như oan gia trái chủ đầu thai vào nhà chúng ta, làm con cháu chúng ta, mà nhà Phật gọi là phá gia chi tử (những đứa con hư đốn làm tiêu tán gia sản của gia đình) thì không sao phòng bị được. Hiện tại tuy đầy đủ tiền của, vì đó là phước đức, là nhân lành, duyên lành của chúng ta mà thế gian hay gọi đó là lúc may mắn, thịnh vượng. Lúc này, oan gia trái chủ có ở bên cạnh cũng không dám làm gì, nhưng khi vận mệnh chúng ta suy dần, không thể giữ vững sự hưng vượng thì họ sẽ trở dậy báo thù.

Không chỉ người trần mới có oan gia trái chủ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có oan gia, đầu tiên là Ma Vương Ba Tuần. Ma Vương Ba Tuần nói “Thời kỳ chánh pháp, Tượng pháp không thể phá hoại Phật pháp, nhưng đến thời mạt pháp ta sẽ cho đời đời con cháu ma vương xuất gia, mặc lên mình áo cà sa để phá hoại Phật pháp”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghe câu này mà rơi nước mắt. Đây là chuyện có trong Kinh điển: “Vị như trùng sư tử mới ăn được thịt sư tử”.

Phật pháp như vậy, thế pháp cũng như vậy. Làm sao mới có thể trọn vẹn? Phải đời đời kiếp kiếp tích lũy công đức, xả bỏ danh lợi “không tranh gì với người, không cầu gì với đời” mới mong trọn vẹn. Giống như Đức Thế Tôn cả đời thị hiện, ba y một bát, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, sống đời tự tại cứu cánh viên mãn, toàn tâm toàn lực phụng sự việc giáo hóa, giúp người thoát mê khai ngộ, lìa đau khổ được an vui. Người thế

gian vì vậy mà tôn kính Người. Đây là thành tựu của Đức Phật, là quả báo thù thắng không gì sánh được, không có oán địch.

Các thế lực phá hoại Phật pháp như Ma Vương Ba Tuần, Đề Bà Đạt Đa hay lục quần tỳ kheo vốn không phải thật mà đều là dùng quyền phép hiện ra. Trong Kinh Đề Bà Đạt Đa có nói, khi Đề Bà Đạt Đa đọa vào địa ngục còn sống vui sướng, khoái lạc hơn chốn thiên cung. Nhưng thực ra đó chỉ là Đề Bà Đạt Đa đang diễn kịch cho chúng ta xem. Ý nghĩa của việc này là muốn nói cho người phàm hiểu rằng nếu nghiệp chướng không tiêu hết thì thế nào cũng có nghịch duyên. Phật thị hiện nghịch duyên này, dạy cho chúng ta làm thế nào để thành tựu nghiệp đạo ngay cả khi đang trong cảnh nghịch duyên, ác duyên. Ví như khi chúng ta gặp phải oan gia đối nghịch; họ phỉ báng, họ sỉ nhục, họ hãm hại chúng ta, thì chúng ta cứ hãy nghĩ rằng đó là quyền phép thị hiện, là Phật, Bồ Tát đến thử thách lòng trí huệ và nhẫn nại của chúng ta. Chỉ cần chuyển biến ý nghĩ được như vậy thì ắt sẽ khởi được tâm cung kính, biết ơn thì nợ nào của oan gia đối nghịch cũng sẽ được tiêu trừ, lần sau nếu gặp lại sẽ thành thiện tri thức, thành bạn hiền. Biết rằng “oan gia nên giải không nên kết” nhưng làm sao để tất cả người thù địch đều trở thành bạn hiền? Chúng ta phải thực lòng nghiêm học Phật pháp, thật dụng công, có đủ công phu rồi ắt sẽ làm được.

“Chúng sanh vô biên thế nguyện độ” . Oán tặc cũng là chúng sanh, chỉ vì đắm chìm trong u mê mà tạo ra nghiệp ác. Chúng ta cũng phải phát từ bi tâm, giúp họ phá mê khai ngộ, chuyển ác làm thiện; với họ, chúng ta phải vừa là thầy vừa là bạn để giúp đỡ nhau cùng thành tựu. Thấy họ tạo ác nghiệp, tức

thời chúng ta phải soi xét lại bản thân có vấp phải những suy nghĩ, hành vi như vậy không. Nếu có thì nhanh chóng sửa đổi làm mới, vì họ cũng như thầy ta, bởi nếu họ không có những việc làm như vậy thì chúng ta sẽ không nhận ra được lỗi của chính mình. Thiện hạnh của họ mình phải noi theo, học tập, tán thán; ác hạnh của họ là tấm gương phản chiếu để kiểm điểm ngôn hành của bản thân. Cho nên, thuận cảnh, nghịch cảnh, người thiện, người ác đều là đạo tràng tu học của Bồ Tát, đều là thiện tri thức để thành tựu thiện nghiệp.

Kinh này dạy chúng ta thường niệm thiện pháp, tâm thiện, tư duy về thiện pháp, tư tưởng thiện pháp, quán sát thiện pháp, hành vi thiện; quyết không để may mắn bất thiện xen tạp thì đó chính là chí thiện, thiện nghiệp mới viên mãn. Nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, chư thượng thiện cùng nhau tụ hội thì “thượng thiện” đó chính là chí thiện. Vậy chúng ta phải học điều đó từ đâu? Từ thuận cảnh, nghịch cảnh, từ người thiện, người ác, từ mọi mặt này mà học tập để thành tựu. Cho nên nói thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là điều tốt, người thiện hay người ác đều là thiện tri thức, đều có thể giúp thành tựu chí thiện của bản thân. Bằng ngược lại, đối với người thiện khởi lên tham ái, đối với người ác khởi lên sân hận chính là không khéo học vậy. Nên nói người không biết học thì ngay cả trong cảnh duyên vẫn khởi tham sân si mạn, mừng vui đau buồn; tuy học Phật mà vẫn không lìa phiền não. Còn người biết học thì trong cảnh thuận không khởi tham dục, trong nghịch cảnh không khởi sân hận, đối với người thiện kẻ ác đều cung kính như nhau, giống như Đại sư Lục Tổ thường sanh trí huệ.

Nếu chúng ta có thể xa lìa tham sân si, đương nhiên được của cải tự tại, oán tặc hóa bạn hiền. Đây chính là thiện báo.

Thứ ba là “*Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị có* (phước đức tự tại, tùy tâm mong muốn, vật dụng đầy đủ)”. Chữ “phước đức” ở đây nên được hiểu là phước là quả báo, đức là nhân của phước. Nếu không tích đức thì làm sao có phước báo? Cho nên hai chữ phước đức này phải có nhân có quả, ấy mới gọi là viên mãn. Nếu có phước mà không có đức thì hưởng phước chắc chắn tạo nghiệp. Người không có phước báo thì không dễ tạo tội nghiệp nặng; người có phước báo lại dễ tạo tội nghiệp, cũng vì xã hội đại chúng mà dễ dàng tạo phước.

Như trong quyển Liễu Phàm Tứ Huán có kể: ông Liễu Phàm là tri huyện ở huyện Bảo Đễ. Việc này thật quý biết bao vì ở địa vị này ông muốn tạo tội nghiệp, tu phước đều rất dễ dàng. Chính phủ thu thuế nhà nông quá nặng thì ông giảm nhẹ thuế ruộng. Đây là tạo phước cho nhân dân, nông dân toàn huyện đều được lợi ích. Lúc bấy giờ ông phát tâm làm một vạn việc tốt, nhờ việc làm này mà một vạn việc tốt của ông được viên mãn. Ví như ông không ở địa vị này thì một vạn việc tốt này không thể dễ viên mãn. Việc làm này chỉ là tu phước. Ngược lại nếu quốc gia đã thu thuế nhiều mà chúng ta còn gom góp thêm chút ít để vào túi riêng thì chính là hành động tạo ra muôn vàn tội nghiệp. Nên mới nói trong tay có địa vị quyền thế thì tạo phước, tạo nghiệp ác vô cùng dễ. Thế nhưng bá tánh thường dân không quyền, không thế thì ai cũng có thể tích được đại thiện nhưng không thể tạo đại ác.

Trong Cảm Ứng Thiên nói rất nhiều về những đạo lý này. Cảm Ứng Thiên Hội Biên là do người xưa tập hợp những câu chuyện về nhân quả báo ứng, những chuyện này hoàn toàn có thật chứ không phải bịa đặt ra. Chúng ta cứ bình tâm quán sát những chuyện này với chuyện xảy ra mỗi ngày trong xã hội hiện nay, tự khắc sẽ tin nhân quả là thật, trồng nhân thiện ắt được quả thiện. Tu thiện là việc đức hạnh, nhất định phải chăm chỉ nỗ lực mà làm.

Người thế gian hiện tại chỉ cầu phước báo mà buông bỏ đạo đức, tuy nhiên có gì mà phước báo của họ thì hiện tiền đó nhưng dường như việc nhân quả báo ứng lại không linh? Kỳ thật là do cái nhìn của người thế gian nông cạn, không thấu hiểu chân tướng sự thật. Đức Phật dạy “nhân quả thông ba đời”. Đời này của họ được đại phước báo là do đời trước tu được; nếu đời này vẫn còn tu nhân nghĩa đạo đức thì phước báo của họ không cần phải nói đến rồi. Còn như phước báo đã hiện tiền trong đời này mà họ không biết tu nhân nghĩa đạo đức lại thêm tạo tất cả tội nghiệp thì phước báo thể nào cũng bị tiêu giảm, đến lúc phước báo hết rồi, thì tội báo liền hiện tiền, tiền đồ tối tăm, hướng thẳng ba đường ác mà vào, ngay cả phước báo nhân thiên (trời người) đời sau cũng không có phần.

Cho nên chúng ta muốn thành tựu đạo nghiệp, việc đầu tiên phải tạo dựng lòng tin. Tạo dựng niềm tin vào Phật, Bồ Tát, vào lời giáo huấn của Thánh hiền, tuyệt không hoài nghi. Nếu như thấy những hiện tượng xã hội ngày nay trái ngược với lời dạy của Thánh Hiền thì phải tỉ mỉ tư duy, quán sát để biết được nguyên nhân của nó là do đâu, thì tín tâm sẽ không dao động.

Kinh Đại thừa thường nói “Nghĩ” là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Với Bồ Tát mà “nghĩ” còn tạo chướng ngại lớn vậy, huống là đối với phàm phu chúng ta. Chúng ta đối với người, với vật, với việc chỉ cần có lòng nghĩ thì mọi thiện duyên đều bị phá hoại, thiện hạnh công đức chắc chắn không thể thành tựu mà trái lại còn tạo ác hạnh, cho nên thế pháp, Phật pháp đều đặt chữ “Tín” lên hàng đầu.

Tín tâm là nền tảng, là căn nguyên của phước đức. Vì thế phú quý cầu được, trường thọ ước thấy, hiếu tử hiện tôn nguyện thành. Trong An Sĩ Toàn Thư, ông Chu An Sĩ tích lũy công đức, cầu hiếu tử hiện tôn, cho nên điều ông mong cầu đều được “có nguyện ắt thành”. Con cháu bất hiếu đều là oan gia trái chủ của kiếp trước, không phải báo oán thì là đòi nợ. Nếu bản thân tu dưỡng đạo đức, cả nhà phụng hành nhân nghĩa, tự nhiên oan gia trái chủ thấy gia đình hành thiện tích đức sẽ không đến, chỉ có người báo ân, tận hiếu mới đầu thai đến. Nên mới có câu “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng” , cầu được ước thấy.

Đến câu “Tùy tâm sở dục vật giai bị cố”. Chữ “vật” nghĩa là những thọ dụng thuộc về vật chất sẽ không thiếu. Phàm là người như vậy sẽ không tích tài vật; có vật chất, tiền của họ nhất định mang bố thí đại chúng để tất cả người nghèo khổ cùng hưởng. Đây mới thực là tích đức, mà vì thế nên phước báo của họ cũng vô cùng tận. Nếu của cải chỉ giữ riêng cho bản thân và người nhà thọ dụng, không cùng với xã hội đại chúng chung hưởng thì tài phú chẳng thể giữ được lâu, sau khi thân này mất đi, thế nhà liền bại.

Bố thí là đức, là đạo. Chúng ta được giàu có là do trong quá khứ đã tu tài bố thí nên đời nay của cải hiện tiền. Nếu chúng ta lại tiếp tục bố thí thì của cải thực chất là vô cùng vô tận! Thông minh trí huệ của chúng ta là do tu pháp bố thí của đời quá khứ, nếu đời này vẫn tiếp tục tu pháp bố thí thì sự thông minh trí huệ của chúng ta không ngừng thêm lên. Còn bố thí vô úy được thì được an khang trường thọ. Bố thí vô úy viên mãn nhất chính là ăn chay, ăn chay là không sát sanh, không ăn thịt tất cả chúng sanh.

Cư sĩ Hứa Triết ở Singapore từ lúc sanh ra thì đã ăn chay, hiện nay đã 101 tuổi mà sức khỏe của bà giống như người 30, 40 tuổi. Mỗi ngày bà đều ra ngoài giúp đỡ người nghèo khó, người già cả, người bệnh tật. Cả đời bà tu đủ ba loại bố thí. Thật là cả đời này bà không có thứ gì nhưng cũng không thiếu thứ gì. Thời gian của bà nếu không để đi giúp đỡ người khác thì cũng là để đọc sách Thánh hiền, ngày ngày “sống cùng” Thánh Hiền. Còn giờ đây Bà đọc Kinh Phật thì chính là “sống cùng” Phật, Bồ Tát. Đây là một tấm gương điển hình cho câu “Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục, vật giai bị cố”. Vậy nên có thể xa lìa tham dục, phước đức tự tại, thì tùy tâm như ý.

Thứ tư là “*Vương vị tự tại, trân kỳ diệu vật, giai phụng hiến cố*”(vương vị tự tại, những vật quý lạ đều được phụng hiến.)

“Vương” là đại biểu cho người ở địa vị lãnh đạo trong xã hội. “Vương vị tự tại” chính là địa vị xã hội của chúng ta luôn được đại chúng ủng hộ. Chúng ta không có tham dục, phước đức của chúng ta nhất định thấm nhuần hết cả chúng sanh,

chúng sanh không có lý gì không ủng hộ, không kính mến. Bất luận chúng ta có thân phận, địa vị nào trong xã hội, sống đời sống như thế nào, nhất định phải đoạn tham sân si, thì mới có thể được đại tự tại.

“Trần kỳ diệu vật, giai phụng hiến cố”. Tức là khi chúng ta được đại chúng kính mến, đại chúng ắt sẽ dâng tặng vật phẩm; thế nhưng chúng ta vốn không có lòng tham dục nên khi nhận được vật phẩm của đại chúng, chúng ta lại dâng tặng xã hội, bố thí cúng dường tất cả chúng sanh, như thế là nhân quả tuần hoàn. Chúng ta có thể cúng dường cho tất cả chúng sanh thì tất cả chúng sanh nhất định cúng dường cho chúng ta, quả báo này thù thắng không gì bằng.

Nếu là người lãnh đạo chỉ biết tự mình hưởng vật phẩm quý báu, không muốn cúng dường cho ai, còn tất cả vật báu có được từ đại chúng cũng cất giấu cho riêng mình, không hiến tặng ra ngoài thì khác gì vật báu của thế gian đều bị chôn giấu, không thể phát huy tác dụng của chúng, đây là tội nghiệp. Tội nghiệp đó là gì? Là không tận dụng hết công năng của chúng. Xã hội muốn thật sự đạt đến phồn vinh, thịnh vượng, an hòa lợi lạc nhất định phải “coi trọng nhân tài, tận dụng tài vật”. Hai câu này là chân lý không thể thay đổi.

Tự bản thân chúng ta có năng lực, có trí huệ mà không muốn dạy người khác, đây là bòn xén pháp. Ngăn cản tài hoa và trí tuệ của người khác, khiến họ không thể phát huy viên mãn, tội lỗi này còn nghiêm trọng hơn tự thân mình bòn xén pháp. Đức Phật dạy rằng bố thí pháp sẽ được thông minh trí huệ. Nói cách khác, chướng ngại pháp thí sẽ bị quả báo ngu si. Phật pháp

thường dạy: “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không” (vạn pháp đều là không nhưng nhân quả thì không phải là không), vì sao nhân quả không phải là không? Nhân sẽ biến thành quả, quả lại sẽ biến thành nhân, nhân quả vĩnh viễn chuyển biến tuần hoàn, tương tục, cho nên “bất không”. Đây là định luật nhân quả, là chân tướng sự thật.

Chúng ta phải làm sao để bản thân mình càng chuyển biến càng thù thắng, chứ không phải chỉ để mắt vào quả báo thù thắng của bản thân. Nên có cái tâm rộng lượng, thay đổi ý nghĩ, học như Phật, như Bồ Tát vậy, niệm niệm đều vì chúng sanh, được thế thì càng chuyển càng thù thắng. Quên đi thân này, chỉ có chúng sanh, đây mới là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Nhìn theo nhân quả tuần hoàn thì thấy được quả đức này thù thắng không gì sánh bằng.

Thứ năm là “*Sở hoạch chi vật, quá bốn sở cầu, bách bội thù thắng, do ư tích thời, bất san tạt cố*” Những thứ mà chúng ta có được còn nhiều hơn cái mình mong cầu, thù thắng gấp trăm ngàn lần. Có được vậy là do thời xưa không keo kiệt, tị hiềm với người). Chữ “Hoạch” ý chỉ những thứ có không phải là do cầu mà được, mà là tự nhiên có được. Những vật có được hơn hẳn mong cầu của mình. “Bách” (nghĩa là một trăm) là từ mang tính ước lượng, không phải là con số cụ thể, thực ra là chúng ta sẽ được phước báo tương ứng với công đức mà chúng ta đã tu học. Công đức của Đức Phật rất lớn. Ngài đã diệt độ hơn ba ngàn năm nay, người thế gian vẫn phụng hiến đối với Phật, Bồ Tát như xưa không giảm. Nguyên nhân đó do đâu? Là “Do ư tích thời bất san tạt cố”. “san” nghĩa là keo kiệt. Bồ Tát niệm niệm

đều mong thành tựu việc tốt cho người, quyết không có tham tâm, đồ kỵ hay có ý cản ngăn. Lại nói đến lòng người đời nay, phần nhiều chất chứa chấp trước, tham dục. Nên hiểu rằng người được đại phú là do quá khứ tu tập quá dày, nếu họ có thể từ bỏ tham dục, keo kiệt thì ít nhất có thể truyền được mười đời, hai mươi đời. Còn như tu phước trong quá khứ nhưng trót vì tham sân si làm mê mất tự tánh thì đời này coi như hưởng thụ là hết rồi.

Sử xưa có truyện rằng, trước kia bậc Đế Vương Trung Quốc đều có thể truyền mười mấy đời là vì đương thời họ tích đức tu thiện, tiếp nhận giáo huấn Thánh hiền, mà kẻ tội thân cũng hiểu đạo lý này. Ví dụ như Phạm Trọng Yêm ở đời Tống, ông biết lìa tam độc (tham, sân, si), phiền não, keo kiệt, đồ kỵ, cả đời vì nước vì dân; con cháu đời đời tuân theo giáo huấn tổ tông. Thế nên gia đạo đến nay cũng không suy, đời đời có hiền nhân kế thừa. Bởi vậy Ấn Quang đại sư hết lời ca ngợi nhà họ Phạm là vậy.

Hay thử nói đến những người nghề công thương nghiệp, dù là cửa hiệu xưa cũng có thể truyền được mấy trăm năm, buôn bán thành công mà không thất bại, nguyên nhân là gì? Vì lòng họ không có tam độc, không có phiền não, không vì tham lợi tham tài, chỉ vì phục vụ xã hội, phục vụ đại chúng; miễn mình có thể sống được là hài lòng rồi, dư nhiều thì trả lại xã hội. Vì thế mà việc làm ăn buôn bán của họ có thể kéo dài nhiều đời. Phàm là làm ác, làm việc trái lời giáo huấn của Thánh hiền, không biết tu thiện thì dầu kiếp trước phước báo có lớn đời này cũng sẽ hết ngay, thậm chí đời này không còn giữ nổi, khi tuổi

đời về chiều thì coi như bại rồi. Vậy thì mới biết mọi pháp thế xuất thế đều không rời nhân quả.

“Thị vi ngũ” nghĩa là 5 loại tự tại đã kể trên. Là tham dục sẽ đạt nhiều lợi ích như vậy.

“*Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.* (Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được đặc biệt tôn quý trong ba cõi, hết thảy đều tôn kính cúng dường). “Tam giới” bao gồm dục giới, sắc giới và vô sắc giới; còn “đặc tôn” nghĩa là đặc biệt tôn kính. Tâm người học Phật luôn quảng đại, hồi hướng pháp giới, loại thiện tánh này sẽ biến thành đức tánh. Đức tánh là vô hạn, vô cùng vô tận, nên nếu bản thân thành Phật thì sẽ như chư Phật Như Lai nơi Tam giới giáo hóa chúng sanh, được hết thảy đại chúng tôn kính cúng dường. Đây là đại phước viên mãn tột cùng.

“Hồi hướng bồ đề” là nhân, “tam giới đặc tôn giai cộng cúng dường” là quả báo. “Hồi” nghĩa là xoay chuyển. Vốn là công đức tu học của bản thân thì tự mình được nhận quả lành nhưng giờ ta chuyển hết thiện hạnh tu tập cho chúng sanh, không mong cầu quả lành cho riêng mình, chỉ hy vọng đem hết cho chúng sanh, đó gọi là “hồi hướng”. Ví dụ như người nông phu làm vườn làm ruộng, mỗi ngày đều chịu khó chịu cực siêng năng cày cấy gieo trồng nhưng đến lúc thu hoạch thì không cần giữ gì lại, toàn bộ mang cúng dường cho người nghèo khổ, người không có lương thực. Như vậy gọi là hồi hướng. Người bình thường luôn giữ lại cho mình một chút, có dư nhiều mới

đem bỏ thí. Như vậy thì không phải hồi hướng mà gọi là bỏ thí cúng dường. Hồi hướng nghĩa là bản thân hoàn toàn không cần, toàn bộ đem cúng dường đại chúng, phụng hiến 100%. Làm được vậy thì đúng thật như là chư Phật, Bồ tát, nên mới được “Tam giới đặc tôn”, không ai mà không tôn kính, không ai không cúng dường. Đức Phật dạy rằng “bất dung hào phân, bất thiện gián tạp”, thế nhưng chúng ta mang cúng dường 99% còn 1% thì giữ lại thọ dụng. Như thế đã là xen tạp một ít bất thiện. Đạo lý này quả thật sâu xa, người thế gian nghĩ không thông, tham không thấu và cũng không làm được vậy nên mới tu thiện không thuần, thiện ác lẫn lộn. Chư Phật, Bồ Tát, đại đức Tổ sư đều tu thuần thiện nên quả báo thù thắng không gì sánh được. Vì vậy chúng ta phải giác ngộ, phải tu tập.

Ly sân nhuế đặc bất chủng hỷ duyệt tâm pháp (xa lìa sân hận, thì được tám thứ tâm pháp hỷ duyệt).

Chánh văn: *“Phục thứ Long Vương, nhược ly sân nhuế, tức đắc bất chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát? Nhất, vô tổn não tâm. Nhị, vô sân nhuế tâm. Tam, vô tranh tụng tâm. Tứ, nhu hòa chất trực tâm. Ngũ, đắc thánh giả từ tâm. Lục, thường tác lợi ích an chúng sanh tâm. Thất, thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính. Bát, dĩ hòa nhẫn cố, tốc sanh phạm thế. Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm”*.

Tham, sân, si là ba loại độc phiền não, cũng chính là ba loại độc căn bản. Thân thể chúng ta không khỏe mạnh, mang nhiều bệnh tật là chính từ đây mà ra. Con người trong lục đạo

sanh tử luân hồi cũng từ trong đây mà ra. Nếu trừ bỏ được tam độc phiền não, thân thể không chỉ khỏe mạnh trường thọ vô tận mà còn thoát được lục đạo luân hồi. Cho nên trong tất cả Kinh luận Đức Phật chú trọng nhấn mạnh thập thiện nghiệp đạo, đặc biệt là trong bộ Kinh này. Dù với Đại thừa, Tiểu thừa hay các tông phái, pháp môn khác thì đây đều là môn học chung cho tất cả, xa rời mười thiện thì không còn là Phật pháp nữa. Đức Phật đặc biệt dặn dò chúng ta “ngày đêm thường niệm mười thiện, tu duy mười thiện, quán sát mười thiện; không mảy may xen tạp bất thiện”. Có như vậy mới đắc thành Bồ Tát, thoát khỏi lục đạo, chuyên phàm thành thánh.

Thế tại sao phàm phu tu hành lại gặp nhiều gian nan đến vậy? Chính là vì chưa hoàn toàn làm được mười thiện, mà dẫu được vài phần chẳng nữa thì cũng xen lẫn chút ít bất thiện trong đó. Nếu mười ác nhiều hơn mười thiện, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là nơi “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ” (nơi câu hội của người thượng thiện). Tâm chúng ta còn điều bất thiện đương nhiên không đến được đó. Vì vậy, không những có nhà Phật xem trọng mười thiện mà tất cả các tôn giáo khác đều nói đến mười thiện. Nếu mười thiện đã là pháp môn mà tất cả các tôn giáo thế gian đều cùng tu học thì chúng ta sao có thể bỏ qua được?

Chúng ta phải có cái nhìn sâu xa, không lo sợ cái chết, vì đó chỉ là việc sớm muộn, vấn đề là sau khi chết thì sẽ về đâu? Đây mới là vấn đề quan trọng! Nhà Phật thường dạy “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”, nhân quả tại sao bất không vậy? Nhân quả chuyển biến là bất không. Nhân sẽ biến thành

quả, quả lại biến thành nhân, nhân quả tuần hoàn miên viễn nên nó là chuyển biến bất không, tuần hoàn bất không, tương tục bất không. Đây là chân lý, là định luật của pháp thế xuất thế gian. Thế nên chúng ta tuyệt đối không tham lam hưởng thụ trước mắt mà tạo nên nguồn gốc đau khổ trong tương lai. Chúng ta có thể buông bỏ được sự hưởng thụ trước mắt ắt sẽ được an lạc muôn đời.

Bàn về tiêu chuẩn của thiện hạnh, “thiện” chính là làm điều lợi xã hội, làm điều lợi cho chúng sanh. Phải làm điều lợi thế nào? Phải tự mình phải làm tấm gương cho người đời thấy. Như cách mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện để chúng ta noi theo. Tuy xuất thân từ Vương tử, có địa vị cao quý nhưng Ngài từ bỏ tiền tài địa vị, từ bỏ hưởng thụ ngũ dục lục trần, sống đời nghèo khổ nhất thế gian. Việc này là để dạy chúng ta phải triệt để buông bỏ. Nên nói Đức Thế Tôn là tấm gương cho chúng ta. Đức Thế Tôn đã như vậy, chư đại Bồ Tát, Tổ Sư đại đức cũng như vậy. Chúng ta phải giác ngộ từ điểm này.

Làm thế nào cứu bản thân, cứu thế nhân, cứu vãn kiếp nạn? Phải lấy thân mình làm gương, nếu ngôn hành không giống nhau thì không cứu được, không thể chuyển biến nghiệp báo. Không những không thể chuyển nghiệp báo mà còn vướng tội nghiệp nặng. Đó là tội nghiệp gì? Tội phá hoại hình tướng Phật giáo cũng xem như phá hoại hòa hợp Tăng. Đại pháp thù thắng như vậy mà cứ sao ngày nay lại suy vong? Vì không có người y giáo phụng hành, diễn thuyết vì chúng sanh. Vì chúng sanh mà diễn thuyết chính là hoằng pháp lợi sanh, y giáo phụng hành là

tự độ. Dựa theo giáo pháp nào để phụng hành? Dựa theo Thập thiện nghiệp đạo mà phụng hành vậy.

Vì sao chúng ta tu Tịnh độ mà vẫn phải xem trọng mười thiện nghiệp ? Vì trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy nền tảng của tu học là “tịnh nghiệp tam phước”. Đầu tiên trong tịnh nghiệp tam phước là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, “thập thiện nghiệp” chính là ý chỉ bộ Kinh này. Ba việc hiếu thân, tôn sư, từ tâm (tức là đối với tất cả chúng sanh có lòng yêu mến vô tư vô ngã) nhất định phải gắn liền với mười thiện nghiệp, nếu không gắn liền với mười thiện nghiệp thì ba điều này không cách nào thực hành được ba việc ấy. Thực hành mười thiện nghiệp cho đại chúng thấy, để đại chúng trong thấy, nghe, tri giác mà đạt được thể ngộ. Đại chúng giác ngộ rồi thì đại chúng sẽ hồi đầu. Đạt được nền tảng này mới có thể tu được Tịnh độ, có được đầy đủ điều đầu tiên trong tịnh nghiệp tam phước, thì niệm Phật có thể vãng sanh Phạm thánh cư độ, còn có đủ “thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm uy nghi” thì vãng sanh về cõi Phương tiện hữu dư độ. Nếu có thể “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả” thì vãng sanh về cõi Thật báo trang nghiêm độ. Nền tảng tu hành chính là chỗ này.

Kinh Vô Lượng Thọ có dạy “Tam bối vãng sanh”, trong “Tam bối vãng sanh” này có đầy đủ mười thiện pháp. Theo thời khóa tụng niệm hằng ngày (chia thành 2 buổi sáng, tối) của hội đồng tu Tịnh tông, thời khóa sáng là 48 nguyện, thời khóa tối là từ phẩm 32 đến phẩm 37, nội dung chính là “ngũ giới thập thiện”. Dụng ý của thời khóa sáng là dạy chúng ta phát tâm,

phát nguyện giống như Phật A Di Đà; còn thời khóa tối là tự kiểm điểm xem xét khởi tâm động niệm của chính mình, lời nói việc làm, có tương ứng với lời giáo huấn của Phật hay không?

Trong các loại phiền não, điều nghiêm trọng nhất là tham dục, mà sân hận là vì tham không được mới sân hận, tham sân si là vọng niệm, là vọng tâm, là tà tri tà kiến. Những điều này vốn dĩ tự tánh không có. Nhưng chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê lạc, đánh mất tự tánh, luân hồi trường kiếp, lay nhiễm tất xấu. Việc này hết như hút thuốc phiện, hút nhiều rồi sẽ nghiện. Bản thân ta phải giác ngộ, phải hạ quyết tâm cai nghiện. Người hút thuốc phiện muốn cai nghiện đều không dễ dàng, vì vốn việc hút thuốc đã được sinh ra từ trong vô thủy kiếp, muốn cai bỏ đương nhiên khó khăn.

Vậy làm sao để cai trừ? Chỉ “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” (tức chuyên tâm vào một pháp môn mà huân tu trường kỳ) mới có thể quay đầu là bờ. Ngày ngày chỉ đọc Kinh còn không đủ, phải nghiên cứu thảo luận, giảng giải rõ ràng, y giáo phụng hành, một ngày cũng không được bỏ qua. Thời xưa, tự viện từng lâm mỗi ngày có 8 giờ giảng kinh, 8 giờ tu hành. Tu hành là phản tỉnh, là suy ngẫm sửa đổi lỗi lầm. Tự viện ngày nay đã không giữ được thời khóa như vậy, đều là hình thức. Phật pháp vốn là dạy tu học, bây giờ mọi thứ chỉ là hình thức, nội dung trống rỗng, giáo dục Phật pháp bỗng biến thành tôn giáo, biến thành mê tín. Chúng ta không có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác, đương nhiên càng không có năng lực năng lực phân biệt chân vọng, lợi hại, được mất. Sự mê muội thật là càng lún càng sâu! Tự mình còn mê muội chính là đã đem đau khổ

cho đại chúng xã hội, cho nên người học Phật nhất định phải giác ngộ, bản thân giác ngộ, bản thân giải thoát, khi đó giúp người giác ngộ ,thì người cũng có thể được giải thoát.

Trước đây, Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói: “*một vạn người niệm Phật nhưng thật sự vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi*” nguyên nhân do đâu? Do hai, ba người đó thực hành nghiêm túc. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, suốt 49 năm Người chỉ tự mình giảng Kinh thuyết pháp mà thôi. Tu hành là ở tự mỗi người, tự mình nghe kinh, thông suốt đạo lý, hiểu rồi sẽ tự tu, cho nên mới có câu là “*Thầy dẫn dắt vào cửa, còn tu hành phải do tự mỗi người*”. Còn thời kỳ mạt pháp, căn tánh chúng sanh trì độn, phiền não nghiệp chướng nặng, không biết tu hành, giải đãi lười biếng nên Hòa Thượng Mã Tổ Đạo Nhất và Thiền Sư Bá Trượng đã đề xướng cộng tu. Cộng tu chính là nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng. Phương pháp này sẽ giúp nhiều người được thành tựu. Tự mình tu hành mà đạt thành tựu thì là người thượng thượng căn; còn người trung hạ căn cá nhân tu hành muốn thành tựu lại rất khó, ắt phải theo đại chúng dựa vào đại chúng, mỗi ngày cùng nhau nghiên cứu thảo luận. Càng hiểu rõ đạo lý thì càng sáng suốt, càng có năng lực ứng phó với bao điều phức tạp chốn hồng trần nhiễu loạn mà giữ tâm thanh tịnh.

Tịnh tông là Đại thừa, là Đại thừa trong Đại thừa, là Nhất thừa trong Nhất thừa, là giáo pháp thù thắng không gì sánh được. Hiểu được điều này thì ý nghĩ, ngôn hành của chúng ta chắc chắn sẽ khác kẻ phàm phu, là bởi chúng ta vì đại chúng mà làm tấm gương tốt, như lời cổ nhân dạy “*học vi nhân sư, hành vi*

thế phạm” (nghĩa là cái học xứng đáng làm thầy của người, việc làm xứng đáng gương mẫu cho đời). Còn bằng một thân một mình ở nhà tu tập thì không thể làm gương tốt cho đời, cho người được. Cho nên ta thấy Bồ tát quên thân vì người, niệm niệm suy nghĩ cho đời, vì hạnh phúc của chúng sanh, vì hòa bình ổn định của thế giới là vậy . Đó như là sự cống hiến, mới thực là Bồ tát Đại thừa.

Tổn hại của tham dục thì chậm rãi, ảnh hưởng thời gian dài; còn cái hại của sân hận là tức thời nhưng mãnh liệt. Như trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao kể, một số người phụ nữ vì vô tri mà ngay sau khi tức giận thì cho trẻ nhỏ bú sữa, kết quả đứa trẻ trúng độc mà tử vong. Từ ví dụ đó ta thấy rằng, sân hận có thể biến sữa, máu huyết thành độc tố, bởi thế người Hồi giáo khi ăn thịt bò, thịt dê nhất định phải rửa sạch phần máu bị dính vào thịt cũng là vì lí do này. Cho nên, sân hận thật đáng sợ, tổn hại nghiêm trọng thân tâm chúng ta.

Trong Phật pháp có câu rằng “nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai” (nghĩa là chỉ cần một niệm sân hận khởi dậy thì trăm vạn cửa chướng ngại đều mở) hoặc là “hỏa thiêu công đức lâm” (tức là chỉ cần một niệm sân hận khởi dậy thì cũng đủ thiêu trụi cả rừng công đức). Chữ hỏa này nghĩa là lửa, ý chỉ sự sân hận, giận dữ. Công đức tu hành tích lũy bao nhiêu năm, chỉ một cơn giận nổi lên thì mọi thứ tan thành mây khói, dễ gì mà tu công tích đức lại được! Công đức là gì? Là tâm thanh tịnh, là giới - định - huệ. Muốn biết được bản thân tích lũy bao nhiêu công đức, thì phải tính từ sau khi cơn giận nổi lên.

Đoạn kinh văn tiếp sau đó là “Phục thứ Long Vương, nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp”(Này Long vương , nếu xia lìa sân nhuế thì tâm liền được 8 pháp an vui).Nói cơn giận dữ, khởi dậy sân hận chắc chắn là nghiệp nhân của địa ngục. Chúng ta là người tu hành mà không vượt qua được chính mình, sân hận người khác thì những người đó có bị tổn hại không? Nếu đối phương có tu dưỡng thì một chút tổn hại cũng không có, người bị tổn hại là chính mình. Chúng ta phải suy ngẫm kỹ lời giáo huấn của Phật, bình tâm lại quan sát hành vi của bản thân và người khác. Đa số con người không thể thấy được lỗi của mình nhưng dễ thấy lỗi của người khác, như thế từ hành vi của người khác có thể tham khảo, phản tỉnh cho chính mình, lấy người khác làm tấm gương sửa ác hướng thiện.

Nếu thường khởi tức giận, có tâm sân hận thì “Bát chủng hỷ duyệt tâm pháp” hoàn toàn không có được. Tám loại hỷ duyệt tâm pháp này chính là mở rộng của “thường sanh hoan hỷ tâm” mà nhà Phật thường nói. Tám loại tâm pháp hỷ duyệt này cũng là cách thức để kiểm tra xem bản thân mình có ý niệm sân hận hay không. Nếu có đầy đủ tám điều này chứng tỏ chúng ta đã lìa được tâm sân hận, bằng như chưa đạt đầy đủ, thì thật vẫn còn tâm sân hận nhưng tạm thời không khởi hiện mà thôi, gặp phải ác duyên tức thời sẽ khởi dụng ra ngay.

Điều đáng sợ nhất vào giây phút lâm chung của đời người là khởi lên sân hận, vì đời sau đầu thai ở cõi nào thì phải xem nhất niệm của con người vào giờ phút then chốt ấy. Nếu nhất niệm sau cùng là tâm sân hận thì phần nhiều đọa vào địa ngục. Trong quyển Sứ Chung Tân Lương có nói, không nên xúc

chạm vào người đương lúc lâm chung, vì khi đó họ đang trong tình trạng thần thức lìa thân thể, nhà Phật ví việc này đau đớn thống khổ như thể “kéo cái mai lìa khỏi thân còn rùa lúc đang sống” nên khi chúng ta xúc chạm thì họ rất dễ khởi tâm sân hận. Điều này hết sức bất lợi với người chết. Thông thường, khi thần thức lìa thân thể thì cần từ 8 đến 12 giờ đồng hồ; cho nên trong khoảng thời gian này nhất định không được chạm vào thân xác họ, ngay cả giường họ nằm cũng không được chạm. Đây mới thật là biết thương họ. Sau 8 giờ đầu thì có thể thăm dò thử nhưng an toàn nhất vẫn là sau 12 giờ kể từ lúc họ trút hơi thở cuối cùng. Vậy mới biết, người ta khi còn sống dù công phu niệm Phật không tệ nhưng khi vãng sanh nếu thân quyến không hiểu rõ việc này, cứ ở bên cạnh vừa khóc vừa kêu thì rất dễ khơi dẫn tình cảm của họ, lại thêm đụng chạm vào họ thì càng không hay.

Đời có được mấy người lúc lâm chung may mắn gặp được bậc thiện tri thức thực lòng giúp đỡ, để họ được vãng sanh? Thông thường, gia quyến sẽ đau khổ, khư khư níu kéo người mất, nhưng nếu thực sự hiểu được đạo lý này thì sẽ đặt thân thể người mất riêng một nơi, không để họ nghe tiếng khóc của thân bằng quyến thuộc. Nên nhớ thời điểm then chốt này quan trọng hơn bất kỳ điều gì, chúng ta phải chu đáo gìn giữ, như lý như pháp mà trợ niệm thì sẽ có lợi cho người mất. Con người vào lúc lâm chung thì chánh niệm phân minh, dù thập niệm hay nhất niệm đều có thể được vãng sanh, vì vậy mà việc trợ niệm vô cùng quan trọng và cũng là công đức chân thật.

Đại Từ Bồ Tát dạy rằng: “Nếu chúng ta giúp hai người vãng sanh thì cũng bằng bản thân tinh tấn. Chúng ta có thể giúp đỡ mười người vãng sanh thì phước báo vô lượng, tương lai chắc chắn được vãng sanh. Còn như chúng ta có thể giúp đỡ một trăm người vãng sanh thì chúng ta thực thành Bồ Tát”. Cho nên có rất nhiều đoàn thể niệm Phật đều có đoàn trợ niệm, đây là việc tốt đáng được đề xướng. Hơn nữa việc này cũng có lợi ích rất lớn đối với những người có công phu niệm Phật chưa được thuần thục.

Xã hội ngày nay chướng duyên rất nhiều, bên trong thì chất chứa phiền não, tập khí nặng nề, bên ngoài lại quá nhiều thứ mê hoặc, làm sao mà không đọa lạc! Chúng ta có được chút thành tựu là do việc đọc kinh, nghe pháp được huân tập hàng ngày. Dầu sức do huân tập mà tích lũy được ngang bằng với phiền não tập khí thì vẫn chưa chắc được vãng sanh, muốn vãng sanh, sức tu huân tập phải vượt qua phiền não tập khí. Điều này có nghĩa là chúng ta phải có khả năng áp chế phiền não tập khí, bất kỳ ở đâu khi nào cũng không để phiền não tập khí khởi hiện, dù trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên. Đến khi căn đối với trần không còn chịu ảnh hưởng thì được vãng sanh là điều chắc chắn. Công phu này phải được duy trì thường xuyên. Có thể phớt lờ, nhìn thấu và buông bỏ trần duyên thế tục thì một đời tu học cầu vãng sanh tịnh độ mới mang gặt hái thành tựu. Còn như vẫn chịu sự tác động từ bên ngoài, nội tâm phiền não thường khởi hiện, thì chắc chắn không thể cầu vãng sanh tịnh độ, phần nhiều đọa vào tam ác đạo.

Nếu nghe những lời này mà có thể tự cảnh tỉnh thì chúng ta cũng xem như đã giác ngộ rồi, còn nếu đối với cảnh giới hiện tiền này vẫn mãi mê đắm mịt mù thì vẫn mãi luân hồi lục đạo, mà kiếp sau còn khổ hơn kiếp này. Thực hành được 80% lời dạy trong mười thiện nghiệp thì xem như miễn cưỡng giữ được thân người, thực hành được 60% thì cũng không chắc được điều gì. Cho nên chúng ta phải luôn chăm chỉ nỗ lực, kiểm điểm bản thân và ra sức học tập.

Thứ nhất là “*Vô tổn não tâm*”(tâm không bị phiền não tổn hại).Chữ “tổn” trong câu này nghĩa là làm tổn người lợi mình, “não” nghĩa là khiến người phiền não. Như vậy, “tổn não tâm” nghĩa là mọi việc mình làm đều khiến người thấy chán ghét. Thế thì làm thế nào mới thật sự không “tổn não tâm”? Chúng ta phải trì giới, giữ pháp. Làm người đâu thể nào đến thập toàn thập mỹ nhưng chỉ cần nỗ lực hết sức đi làm, đường đường chính chính không thẹn với lòng, được vậy thì tâm chắc chắn an ổn.

Thứ hai là “*Vô sân nhuế tâm*”(tâm không giận dữ). Tâm tổn não, tâm sân nhuế, tâm tranh tụng hay đấu chỉ là không hòa thuận nhẫn nhịn thì đều là sân nhuế hiện hành. Trong cuộc sống thường ngày, mỗi lúc khởi tâm động niệm miễn là đoạn được sân nhuế thì những thứ khác tự nhiên cũng không khởi sinh. Người đời hễ gặp chuyện không như ý liền khởi sân nhuế mà không biết rằng “nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chướng môn khai” (tức một niệm tâm sân khởi ắt mở ra trăm vạn cửa chướng ngại). Vậy là một niệm tâm sân khởi, trí huệ liền không còn, lí trí cũng bị che mờ. Thế là hoàn toàn dựa vào cảm tình để xử sự, không những tổn hại bản thân, mà thế nào cũng hữu ý hoặc vô

tình gây thù kết oán với hết thảy chúng sanh. Oán thù này nếu không thể hóa giải, đến lúc nhân duyên chín muồi, báo ứng thì hiện tiền, cứ thế oan oan tương báo, mà chắc chắn quả báo mỗi lần mỗi tàn khốc hơn.

Trong sách Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn có nhắc đến 17 đời của Đế Quân đều là bậc sĩ đại phu, mà những nhân quả nghiệp báo đương thời của ông đáng để chúng ta xem như tấm gương cảnh tỉnh. Cho nên nói “Oan gia nên giải, không nên kết” là vậy. Người học Phật phải tin “nhân quả thông ba đời”, nhân sinh đâu chỉ mỗi kiếp này, nếu chỉ một đời 1 kiếp thì việc gì phải tu hành? Phải hiểu rằng nhân sinh vốn đầy đủ quá khứ, hiện tại và vị lai mà quá khứ, vị lai thì “vô thủy vô chung” (nghĩa là không đầu không cuối). Tội nghiệp tích tụ trong quá khứ không ít dưỡng thành phiền não, tập khí sâu nặng; kiếp này may gặp Phật pháp thì phải giác ngộ, sửa chữa lỗi lầm. Đời người ngắn ngủi, dẫu sống đến trăm năm chẳng qua cũng như cái khảy móng tay, chớp mắt đã qua. Người thông minh sống trong cảnh tạm bợ nhất thời thì cầu thoát khỏi lục đạo luân hồi, mong được thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là mục tiêu của chúng ta mong cầu, đây mới thực sự là biết dừng lại, nhất định phải vạn duyên buông xả, nhất tâm hướng vô thượng bồ đề.

Tu học Phật pháp muốn thành tựu không thể không buông xả pháp thế gian. Phật pháp là chánh giác, thế pháp là mê tình. Việc chón Phật môn nếu không giác ngộ cũng là thế pháp, ở trong thế pháp nếu có thể giác ngộ cũng chính là Phật pháp. Như vậy, Phật pháp và thế pháp khác nhau ở chỗ giác ngộ hay

mê lầm. Phật dạy rằng, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian chúng ta nên giữ thái độ tự tại tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Phan duyên là thế pháp, tùy duyên là Phật pháp. Hay nói cách khác, thế pháp khiến chúng ta không tự tại; Phật pháp thì giúp chúng ta tự tại, mà muốn được tự tại phải biết tùy duyên. Xa rời mười ác, dứt lìa tham sân si mạn chính là tự tại, nội tâm không phiền não thì ngoại cảnh sao có thể cảm dỗ được. Ngoại cảnh có thể cảm dỗ chúng ta chẳng qua là làm chúng ta phiền não, làm cho phiền não khởi hiện. Nên khi đoạn được phiền não rồi thì “vô tư vô ngã”, không tham sân si mạn, thì dầu sự cảm dỗ bên ngoài có nhiều có tinh vi hơn cũng không làm chúng ta động tâm. Có vậy mới có thể tự tại. Tùy duyên chắc chắn là tự tại, đã tùy duyên thì chắc chắn không có phiền não.

Phiền não khởi sanh phần nhiều là do được mất mà ra, ví như giữ được tâm “vô tư vô ngã”, không có tham sân si mạn thì sự được mất cũng chẳng còn, lúc này đây chính là “tùy duyên” vậy. Hữu duyên thì quảng lợi chúng sanh, còn không hữu duyên thì cũng giữ cho tâm luôn nghĩ về việc lợi ích cho chúng sanh. Chẳng qua là cách làm không giống nhau, nhưng thực thì vẫn như lời dạy của cổ nhân “hữu duyên thì làm lợi cho khắp cả chúng sanh, vô duyên thì tự hoàn thiện bản thân”. Tự hoàn thiện bản thân chính là chuẩn bị cho tương lai, gặp đúng cơ duyên sẽ vì đại chúng phụng sự, niệm niệm không quên tâm này. Tâm này chính là tâm đại bồ đề, chính là tâm độ chúng sanh.

Vậy nên khi nhân duyên chưa chín muồi, thì không cần phải tự mình nghĩ cách để tìm cơ hội, chỉ cần bản thân thật sự

phát tâm vì Phật pháp, vì chúng sanh, thì Phật Bồ tát sẽ gia trì chúng ta. Cầu Phật lực gia trì, không phải mỗi ngày ở trước hình tượng Phật Bồ tát cầu xin, đó là phan duyên. Chỉ cần nỗ lực hoàn thiện bản thân, niệm niệm không rời tâm nguyện phụng sự chúng sanh, ấy mới chính thật là cầu Phật Bồ tát gia trì. Từ đó cho thấy, Phật Bồ tát gia trì chắc chắn không rời “thời tiết nhân duyên”, “thời tiết nhân duyên” chưa chín muồi thì không gặp được cơ hội.

Nhân duyên chưa chín muồi không ngoài hai yếu tố, một là do đức hạnh học vấn bản thân chưa đủ để truyền pháp lợi sanh, Phật Bồ tát không cảm ứng; hai là tại nơi đó, thời điểm đó không có người thực sự phát tâm học Phật pháp. Thiếu một trong hai yếu tố này thì nhân duyên không thể chín muồi, nếu nhân duyên chưa chín muồi thì bản thân càng phải nỗ lực dụng công.

Phương pháp dụng công rất nhiều, trong nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong đó điều kiện quan trọng nhất là kiên định giữ gìn bản thân không đọa lạc. Mỗi phút mỗi giây đều phải gìn giữ điều này. Mà phương pháp hiệu quả nhất là gần gũi thiện tri thức, thiện tri thức ở đâu? Ở trong Kinh điển, mỗi ngày đọc Kinh chính là gần gũi Phật Đà, mỗi ngày nghiên cứu chú giải chính là thân cận thiện hữu cố kim. Chúng ta xem nhiều, nghe nhiều thì sẽ mở trí huệ của mình, ngày ngày tăng trưởng trí huệ thì không dễ đọa lạc. Cổ nhân thường nói “*Ba ngày không đọc sách thánh hiền, mặt mũi rất khó coi*”. Nếu như chúng ta ba ngày không đọc Kinh, phiền não tập khí đều khởi

hiện, không còn khả năng chống cự biết bao cám dỗ ở trong xã hội, vậy thì đọa lạc rồi.

Mỗi ngày có biết bao nhiêu người đọa lạc mà bản thân họ nào biết, người khác nhìn thấu dấu muốn giúp đỡ thì cũng phải dựa vào thời tiết nhân duyên, đây chính là “ Phật không độ người vô duyên”. Thế nào gọi là hữu duyên? Thật sự tin tưởng, hiểu được và có thể thực hành được, thật sự có năng lực phân biệt tốt xấu, thị phi, tà chánh chính là cơ duyên chín muồi; khi ấy Phật, Bồ tát tự ắt đặc biệt quan tâm họ. Còn duyên chưa chín muồi thì họ không thể tiếp nhận. Mọi thứ đều là uổng phí.

Thứ ba “Vô tranh tụng tâm” (không có tâm tranh chấp). “Tranh” là tranh tụng, phạm có tranh tụng thì tâm sẽ sinh bất bình, dễ nghĩ đến oán hận. Thế nhưng chư Phật, Bồ tát thì lại không có tâm tranh tụng vì chư Phật, Bồ tát biết tất cả chúng sanh của hư không pháp giới đều là một thể, đều là “mười phương ba đời chư Phật cùng chung một pháp thân”. Nếu nhận biết được tất cả đại chúng đều là cùng một pháp thân thì tự sẽ lan tỏa được tâm từ bi đến muôn nơi. Tâm từ bi chính là tâm thương người, yêu mến người như chính bản thân ta. Người được điều tốt lành cũng như ta có được, người gặp chuyện nạn tai cũng như chính ta gặp. Người không khác ta, chúng sanh và Phật cùng chung một thể thì sao có thể tranh tụng được.

Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta rằng người với người phải nhường nhịn lẫn nhau. Vậy thì tại sao khi chư Phật, Bồ tát cùng chung sống với tất cả chúng sanh thì ý nghĩ nhường nhịn lại không thể khởi sinh? Là vì sự nhường nhịn này đã cách qua một lớp rồi chứ không phải cùng một thể mới nhường nhịn, nếu

là một thể thì không thể nói là nhường nhịn được. Vì vậy, bài học càng rõ ràng, càng thấu triệt việc làm mới đạt đến viên mãn, đại tự tại. Người thế gian tranh danh, tranh tài, tranh lợi. Chư Phật, Bồ tát cho chúng ta hết thấy những thứ ấy vì người người thọ dụng thì cũng như mình được thọ dụng. Phật, Bồ tát chấp nhận đời sống vật chất ở mức thấp nhất là để dạy chúng ta sống không nên tranh giành, ngày ngày vì xã hội, vì chúng sanh tu phước, bồi phước, tạo phước. Phước báo nhận được cho mọi người cùng hưởng. Xã hội ổn định hài hòa, phồn vinh hưng thịnh mới thực là sự hưởng thụ của chư Phật, Bồ tát.

Xã hội hỗn loạn bất an, chúng sanh không hòa ái, chư Phật, Bồ tát nhìn thấy sẽ buồn phiền, lo lắng. Việc ấy giống như người lớn thấy cả nhà hòa thuận, tương thân tương ái, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau thì trong lòng hoan hỉ, tuyệt không mong cầu sự cúng dường vật chất để thọ dụng riêng mình. Chư Phật Bồ tát hay người thật sự giác ngộ đều sẽ có tâm thái như vậy.

Lời dạy của Thánh hiền nhất định là vô tư, vô ngã cũng là thanh tịnh vô vi. Lời giáo huấn này chắc chắn có lợi lớn cho chúng ta. Đạo Gia dạy “vô vi”, nhà Phật dạy “Tam luân thể không” cũng chính là vô vi. Vô vi là không vì bản thân, vô vi nhưng không có gì không làm, không có gì không làm là lợi ích cả đại xã hội, quần chúng, cho nên không phải tiêu cực. Có người nói Phật giáo chỉ toàn tiêu cực, biết bản thân mà không lo xã hội. Đây là một nhận định không đúng. Nếu chỉ biết bản thân chẳng đoái hoài xã hội thì việc gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải giảng kinh thuyết pháp 49 năm! Ngành nghề xã hội rất nhiều nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chọn làm nghề dạy

học. Người cần mẫn, chăm chỉ trong chính công việc của mình, chẳng chút biếng nhác. Như vậy có thể nói tiêu cực sao?

Lời dạy của Đức Phật là chân lý, là chân tướng của nhân sanh vũ trụ, nhưng người đời lại còn lắm mê muội điên đảo, không hiểu gì về chân tướng vũ trụ. Cũng như ngày nay các nhà khoa học nói với chúng ta rằng có vô số tần số tồn tại trong không gian, nhưng chúng ta vẫn không thực sự hiểu về chúng. Phật dạy rằng đời người tồn tại có quá khứ, có vị lai, có Lục đạo, có thập pháp giới. Lục đạo chính là sáu không gian tần số không giống nhau. Thập pháp giới tức mười không gian tần số khác nhau. Đó chỉ mới là sự phân chia khái quát, còn nếu phân chia chi tiết thì sẽ còn phức tạp hơn. Hiểu được toàn bộ điều này tự ắt chúng ta sẽ hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Lấy thập pháp giới làm thí dụ, chúng ta chỉ biết một pháp giới, chín pháp giới còn lại thì không biết là, vì tư tưởng, cách kiến giải của chúng ta bị sai lệch. Chúng ta phải thông hiểu thấu suốt thì tư tưởng, kiến giải và hành vi mới chính xác được.

Tâm hành đúng đắn thì tương ứng với lời giáo huấn của thánh nhân, lời giáo huấn của thánh nhân tương ứng với chân tướng sự thật. Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta phải hằng thuận, tùy hỷ mà hằng thuận tùy hỷ đều phải lấy pháp tánh làm chuẩn. Đạt được hằng thuận pháp tánh, tùy hỷ pháp tánh thì mới thực là người có tư tưởng, kiến giải của Bồ tát, đời sống tự tại mỹ mãn. Đó cũng chính là “thường sanh trí huệ, không sanh phiền não” mà Phật pháp thường dạy. Còn ngược với tánh đức thì là mê hoặc, thường sanh phiền não. Vậy tương lai sẽ đi về đâu? Đương nhiên là về tam ác đạo. Đạo lý này là tất nhiên rồi.

Người phương Tây cho rằng “tham muốn là nguồn động lực của tiến bộ xã hội” mà lời giáo huấn của thánh hiền, nội dung Kinh điển của các tôn giáo đều dạy chúng ta xa lìa tham, sân, si. Cổ vũ người “tham không biết chán” thì đó là xã hội gì? Là xã hội của tam ác đạo. Tuyệt đối không phải là xã hội của loài người hay của cõi trời. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói “Tà sư thuyết pháp như Hằng hà sa” (tà sư giảng pháp nhiều như cát sông Hằng). Vậy ai là tà sư? Ngược với tự tánh chính là tà sư. Ba loại độc: tham, sân, si tăng trưởng thì không thể nào được vào cõi người, cõi trời; chỉ có tam ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ và cõi súc sanh hiện tiền. Những điều này chúng ta luôn phải tự nhắc nhở bản thân. Người ta tranh, chúng ta nhường. Phải làm được lời dạy “không tranh gì với người, không cầu gì với đời” thì dầu chết đi rồi cũng dứt khoát không đọa tam ác đạo. Cho nên chúng ta phải có khả năng phân biệt tà chánh, thị phi, lợi hại.

Thứ tư, “Nhu hòa chất trực tâm”(tâm nhu hòa, ngay thẳng). Trong Luận Đại Thừa Khởi Tín nói, thể của tâm Bồ đề là trực tâm. Tác dụng của nó là thâm tâm và đại bi tâm. Thể, dụng là một không phải hai. Trực tâm đối với bản thân mình là thâm tâm hiếu thiện, hiếu đức (gồm tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác), còn đối với tất cả chúng sanh thì đó là đại từ đại bi tâm. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy rằng thể Bồ đề tâm là tâm chí thành. Chúng ta đem Luận Đại thừa Khởi Tín và Kinh Quán Vô Lượng Thọ hợp lại xem sẽ thấy một ý nghĩa rõ ràng đặc biệt. Trong Luận Khởi Tín nói trực tâm chính là “chí thành tâm”, chân thành đến tột cùng.

Ba loại độc phiền não chỉ là hư vọng, không chân thực. Không thể lìa xa tam độc thì chắc chắn không có được tâm Bồ đề. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nên mới nói tâm Bồ đề không dễ gì mà nảy nở, tâm Bồ đề vừa nảy nở chính là đặc sơ trụ Bồ tát Viên giáo (Phát tâm trụ). Từ đó có thể thấy, tâm Bồ đề khi chưa có thì thôi, nhưng một khi đã nảy nở thì liền vượt hẳn thập pháp giới. Tiêu thừa A La Hán, Bích Chi Phật đều chưa phát tâm Bồ đề bởi vì tiêu chuẩn của tâm Bồ đề là đoạn trừ kiến tư phiền não và trần sa phiền não, phá một phẩm vô minh. Đó chính là công đức và tác dụng của tâm Bồ đề. Như vậy, chúng ta phải hiểu rằng nhất định lìa bỏ sân hận mới mong đạt được “nhu hòa chất trực tâm” và “chất trực tâm” tuy vẫn chưa là trực tâm viên mãn nhưng cũng rất gần với trực tâm rồi. Điều này chúng ta phải hiểu thật thấu đáo.

Thứ năm, “Đặc thánh giả từ tâm” (được tâm từ của bậc thánh)

“Từ tâm” không phải chỉ là tâm từ trong Lục đạo hay Thiên đạo. Như chúng ta biết sắc giới có 18 tầng trời, ngoài việc tu thượng phẩm mười thiện và bốn loại thiền định thì còn phải có đầy đủ tứ vô lượng tâm (vô lượng từ, vô lượng bi, vô lượng hỷ và vô lượng xả) mới có thể sanh đến cõi trời Sắc giới. “Thánh giả” siêu việt phàm phu nhân thiên Sắc giới và Vô sắc giới. Cho nên mức độ thấp nhất của Thánh giả từ tâm cũng là Pháp giới Tứ Thánh gồm tâm từ bi của Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền giáo Bồ tát, ứng với tâm đại từ bi của Pháp thân Đại sĩ.

Từ lời Kinh văn dạy, chúng ta thể hội được rằng tam độc phiền não là chướng ngại nghiêm trọng nhất để đạt được thành

tự trong tu hành. Quả báo của sân nhuế là địa ngục, quả báo của tham dục là ngã quỷ, quả báo của tà kiến là súc sanh. Đây là nghiệp nhân chủ yếu của ba đường ác. Mười thiện không thể không tu, thập ác không thể không rời; có vậy mới mong đời này kiếp này viễn ly tam ác đạo, thành tựu Thánh đạo.

Người tu hành hiện chưa cách nào đoạn được mười ác, tu được mười thiện; nguyên nhân dẫu nhiều nhưng cũng không ngoài ngũ dục lục trần nơi thế gian mê hoặc, chấp trước sâu nặng không thể buông xả. Bất kể làm việc gì, dẫu chỉ chút ít điều tốt thì cũng kể công. Làm vậy không chỉ phát sinh đố kỵ mà còn kết oán, kết thù với người, lại tổn tánh đức của bản thân. Tổn tánh đức chính là chướng ngại trí tuệ đức năng của tự tánh. Đạo lý này chúng ta nếu không thấu triệt, không những công đức không thể thành tựu mà còn tạo thành chướng ngại trên đạo Bồ đề.

Hiện tại chúng ta cứ ngỡ bản thân hiểu biết rồi nhưng đó lại chưa phải là hiểu biết thực sự. Đó chỉ có thể coi như chúng ta đã từng nghe qua rồi nhưng chưa thật tin, chứ nếu tin rồi thì đã sớm hồi đầu lại. Nói cách khác, người thật tin thì nhất định sẽ rời xa lìa tham sân si. Giờ chúng ta đọc được đến đoạn này rồi thì nên tự quay đầu xét xem bản thân mình đã thật tin chưa? Nếu đã thật tin thì dẫu không ai khuyên bảo cũng tự khắc y giáo phụng hành. Đó chính là “tự nhiên như vậy” như lời dạy trong kinh Đại thừa “pháp nhĩ như thị”.

Pháp Đại thừa và Pháp Tiểu thừa vốn dĩ không giống nhau. Pháp Đại thừa lấy trí huệ làm chỉ đạo nên từ sơ phát tâm thì đã không giống với thánh giả Tiểu thừa. Về mặt quả vị, Sơ

phát tâm Bồ tát sơ tín của Viên giáo không bì được với A La Hán trong Tiểu thừa; ở đoạn hoặc bằng Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa thì chỉ phá được tám mươi tám sử kiến hoặc của tam giới, còn một phẩm tư hoặc thì vẫn chưa thể phá, nhưng trí huệ và khả năng lĩnh ngộ của họ thì vượt hơn A La Hán. Những giáo thuyết uyên thâm mà Đức Phật giảng trong Đại thừa thì Bồ tát Sơ tín vị có thể nghe hiểu nhưng A La Hán nghe không hiểu. Ấy là do “sở tri chướng” của họ nhẹ nhưng “phiền não chướng” thì nặng, mà xét về đoạn tuyệt phiền não thì Bồ tát Sơ tín không thể so được A La Hán, nhưng nếu nói về trí huệ thì Bồ tát Sơ tín là siêu vượt hơn A La Hán. Bồ tát Thập tín vị của Viên giáo phát ra tương tợ tâm Bồ đề, dù không phải chân thật nhưng rất đáng trân quý, vì họ đang không ngừng tinh tấn. Đến Sơ trụ vị thì tâm Bồ đề này mới thật hiện tiền, còn gọi là “Tam tâm viên phát”. “Tam tâm” này gồm trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm. Khi tam tâm phát ra viên mãn thì sẽ đạt được tự lợi, lợi tha và thẳng đến Vô thượng đạo thể nên họ được đại từ đại bi của Thánh giả.

Thứ sáu, “Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm” (tâm thường đem lợi ích an vui cho chúng sanh). Điều thứ tư, thứ năm và thứ sáu thực chất đều nói đến tâm Bồ đề. Câu thứ tư nói đến trực tâm, câu thứ năm nói đến thâm tâm, câu sáu nói đến đại bi tâm. Thâm tâm tự thọ dụng, hiểu thiện hiểu đức. “Thường tác” tức là mọi lúc, mọi nơi, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh thì trước giờ vẫn chưa gián đoạn. “Lợi ích an chúng sanh” chính là làm việc lợi ích chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh được bình an. Đây là chắc chắn tâm đại từ bi.

Những người giác ngộ trong đời này đã chuyển nghiệp lực thành nguyện lực tức theo cách nói của nhà Phật là “thừa nguyện tái lai”. Nếu ý niệm không thể chuyển đổi thì chắc chắn đời này bị nghiệp lực chi phối_ là cái mà người đời gọi là vận mạng và con người không thể thoát khỏi vận mạng là vậy. Cả đời tạo tác hành vi, quả báo của chúng ta đều trong vận mạng định sẵn. Nếu đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn thì có thể hiểu rõ rằng “một bữa ăn, một ngụm nước đều do tiền định”. Con người, gia đình, quốc gia cho đến thế giới đều do vận mạng định sẵn. Ai định sẵn? Nghiệp lực định. Mỗi người cũng là một biệt nghiệp do chính mình định sẵn. Vận mạng gia đình là cộng nghiệp của cả nhà định sẵn, vận mạng quốc gia là cộng nghiệp của người cùng một nước định sẵn, vận mệnh thế giới là cộng nghiệp của những người trên thế giới định sẵn. Đức Phật dạy “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, tâm tưởng chính là tạo nghiệp, nghiệp nhân gặp phải duyên thì quả báo hiện tiền.

Nghiệp mà tất cả chúng ta đã tạo, ác nghiệp thì nhiều mà thiện nghiệp thì ít. Lại thêm những năm gần đây thiện niệm của con người cũng giảm đi ít nhiều huống hồ là hành thiện. Người giác ngộ nhất định phải phát tâm Bồ đề, mức thấp nhất phải đầy đủ tương tự Bồ đề tâm, Ít nhất là có những điều được nhắc sau đây gồm: “nhu hòa chất trực tâm”, “đắc thánh giả từ tâm” và “thường tác lợi ích an lạc chúng sanh tâm”. Mỗi giờ mỗi phút phải ghi nhớ việc này, đặc biệt là “thường tác lợi ích an chúng sanh tâm”. Đó cũng chính là làm tấm gương tốt cho xã hội đại chúng, khai thị cho đại chúng, giúp đại chúng giác ngộ hồi đầu. Cho nên nói đoạn ác là tích cực chứ không phải tiêu cực.

Thứ bảy, “Thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính”(thân tướng đoan chánh, trang nghiêm, mọi người tôn kính). Đoan nghiêm trong “Thân tướng đoan nghiêm” nghĩa là đoan chánh, trang nghiêm. Trang nghiêm mà nhà Phật nói đến chính là đoan nghiêm tốt đẹp. Đại Kinh dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Như Lai trí tuệ đức tướng”. “Tướng” ở đây là thân tướng đoan nghiêm, đoan chánh tốt đẹp, không phải chúng ta có thể tưởng tượng được. Đó là tự tánh tự nhiên hiển lộ ra, trên quả vị Như Lai là hiển lộ cứu cánh. Hôm nay chúng ta có thân tướng như vậy nguyên nhân chính là do tham, sân, si, kiến tư trần sa phiền não đã làm cho tướng hảo trang nghiêm viên mãn vốn có chuyển thành thô xấu thế này, đúng như Đức Phật dạy “tất cả pháp đều từ tâm tướng sanh”.

Chân tâm vốn là thứ thuần thiện chí thiện. Nếu tâm không thành, tâm không thật thì khác nào đem chí thiện biến thành bất thiện. Nói vậy chúng ta mới hiểu được tính quan trọng của việc tìm lại chân tâm. Khác biệt của Chư Phật Như Lai và chín pháp giới của chúng sanh ở chỗ, không ngoài hồi phục lại chân tâm tự tánh, cứu cánh viên mãn. Hồi phục được chân tâm mọi thứ khác tự ắt phục hồi “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất” (nghĩa là “một chính là tất cả, tất cả chính là một”). Toàn bộ trí huệ, năng lực, đức tướng đều hoàn toàn hồi phục rồi. Cảnh giới này chính là chân pháp giới. Có vậy mới cảm được “chúng cộng tôn kính”. “Chúng” ở đây là đại chúng, nhưng là đại chúng nào? Là chư Phật Như Lai, chư Phật Như Lai tôn kính lẫn nhau. Chư Phật Như Lai còn tôn kính thì chúng sanh chín pháp giới lý nào không tôn kính được! Chư Phật Như Lai tôn kính là chân thành, là cứu cánh, là viên mãn.

Chúng sanh giác ngộ trong chín pháp giới đều biết tôn kính, chỉ chúng sanh còn mê hoặc, không hiểu rõ chân tướng sự thật, bị phiền não phủ lấp nên tâm tôn kính không khởi sanh được. Thế nhưng người cứu cánh giác ngộ và Chư Phật Như Lai đều giống nhau, đó là đều tôn kính chúng sanh lục đạo. Chúng ta hạ tiêu chuẩn của cứu cánh giác ngộ xuống một chút chính là Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo “phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân”. Vậy đã là chân thật giác ngộ rồi. Giác ngộ nhất định biết tôn kính, quan tâm và giúp đỡ không điều kiện. Đó chính là hình dáng giác ngộ. Nếu còn phân biệt, chấp trước, chắc chắn chưa giác ngộ, cũng không có cái mà trong Phật pháp gọi là “chánh giác”. Vậy nên trong con đường tu học Phật pháp, tiếp nhận lời Thánh hiền, làm sao mới có thể khế nhập? Chắc chắn không phải là “ký vấn chi học” (tức là “học bằng cách ghi nhớ”) mà phải “thật làm”. “Thật làm” chính là đoạn mười ác, tu mười thiện, xả tận tâm sân si.

Chúng ta chẳng may bị nhuốm sự ô nhiễm của xã hội nhưng bị nhuốm rồi thì phải tự mình hiểu rõ rằng cái ô nhiễm này nếu không đoạn trừ thì sẽ mãi mắc vào sanh tử luân hồi, không thể thoát ra rồi được. Cách duy nhất có thể giúp chúng ta đoạn trừ ô nhiễm chính là “Đọc tụng Đại thừa, vì người dẫn thuyết”. Đọc tụng là sau khi nghe lời giáo huấn của Phật Bồ tát, chăm chỉ nỗ lực thực hành, làm mới lại cái tâm yêu mến chân thật viên mãn trong tự tánh đã bị khuất lấp. Vốn dĩ trong tự tánh đã có đầy đủ lòng đại từ đại bi, không cần phải học từ bên ngoài. Thế nhưng lòng đại từ đại bi ấy lại bị phiền não tạp khí ô nhiễm làm cho khuất lấp nên tánh đức không hiển lộ ra được, chỉ có tự tư tự lợi là hiện ra: lợi mình và tổn hại người. Mà tổn

hại người thì chắc chắn không có lợi cho mình, chỉ có lợi người mới là lợi mình. Còn tổn mình lợi người thì mới là lợi mình thật sự.

Trong Kinh luận của cả Đại thừa và Tiểu thừa, Đức Phật nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút phải đoạn tham sân si, mà thực tại thì chúng ta trầm mê quá sâu nặng không cách nào giác ngộ, hồi đầu. Đó gọi là “nghiệp chướng sâu nặng”. Sâu nặng đến mức biến thành “nhất xiển đề”. “Nhất xiển đề” là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa là thiện căn đều đoạn rồi. Chữ “đoạn” này là thí dụ, nghĩa là Phật có dạy thế nào, nhắc nhở ra sao thì thiện niệm của chúng ta cũng không khởi được. Thiện căn đâu chưa thực “đoạn” nhưng cũng như đã “đoạn” rồi. Như vậy chúng ta hiểu rằng, tham sân si giảm được một phần thì thiện căn tăng một phần, giảm hai phần thì thiện căn tăng trưởng hai phần. Thiện căn chắc chắn là lợi cho người, còn tham sân si chắc chắn là tự lợi. Tự lợi thì rơi vào đọa lạc, đọa lạc đến tận cùng là A Tỳ địa ngục; làm lợi cho người thì được hưởng lên, hưởng đến đỉnh cao nhất là cứu cánh viên mãn Phật.

Chúng ta muốn cầu Phật đạo, phải thật sự hiểu được việc xả mình vì người. Còn nếu đã vì người mà ngay trong đó vẫn không thể xả mình thì chính là trong thiện nghiệp xen tạp bất thiện. Phần trên của đoạn Kinh này, Đức Phật dạy chúng ta rằng con đường thành Phật là thường niệm thiện pháp tức tâm thiện, tư duy thiện pháp tức là ý niệm thiện, quan sát thiện pháp tức hành thiện. Rồi bỏ tham sân si là thiện pháp. tâm thiện, ý niệm thiện, hành vi thiện thì người này chính là Phật Bồ tát. Như lời dạy “Bất dung hào phân, bất thiện xen tạp” (tức là “không mảy

may bất thiện xen tạp”) nên nếu vẫn còn xen tạp bất thiện thì chính là chúng sanh của chín pháp giới. Chúng ta thường nói đến mười pháp giới, trong mười pháp giới ấy là tu thiện xen tạp bất thiện. Nếu không may may bất thiện xen tạp, thì tự nhiên đã đến được Nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là quả báo chân thật còn Tứ thánh của mười pháp giới chỉ là tương tợ quả báo chân thật chứ không phải là chân thật.

Đại Sư Thiên Thai nói “Lục tức Phật”. Phạm phu trong lục đạo chỉ có “lý tức Phật”, “danh tự tức Phật”, “quán hạnh tức Phật”. Tứ thánh pháp giới thì có “tương tợ tức Phật”. Nhất chân pháp giới mới gọi là “phần chứng tức Phật”, đó là thật. Chúng ta muốn vào cõi Tứ thánh của mười pháp giới không? Không muốn. Trên thực tế chúng ta có thể làm được không? Khó lắm! Phải đoạn tận kiến tư phiền não mới có thể sanh pháp giới Tứ thánh, tiếp đến là đoạn tận cả trần sa phiền não, sau rốt còn phải phá một phẩm vô minh mới có thể vượt khỏi Tứ thánh pháp giới. Thực tế là không dễ dàng gì. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là con đường tắt này, gọi là “Thông đồ đại đạo”. Vậy mà ở thời mạt pháp ấy, dẫu có tu theo đường ấy thì vẫn không có được một người trong chúng sinh thành tựu. Điều này khẳng định rằng chúng ta không có năng lực đoạn phiền não. Vì thế, trong thời mạt pháp, chỉ có một pháp môn có thể giúp chúng ta vượt khỏi mười pháp giới, chính là niệm Phật “đối nghiệp vãng sanh”.

Tuy tu Thiền là đường tắt, là pháp môn tốt nhưng lúc trước Pháp Sư Đàm Hư cũng có nói ở thời đại này tu thiền mà thành tựu, mà siêu việt mười pháp giới thì cả đời Ngài cũng

chưa thấy được một ai, không những không thấy mà đến nghe cũng chưa từng nghe qua. Mà người đắc thiên định thì tương lai cũng chỉ sanh ở cõi trời Tứ thiên chứ vẫn chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Vậy người như thế nào mới thoát được luân hồi lục đạo? Phải là người triệt để đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nói vậy chúng ta đủ hiểu việc này khó đến mức nào!

Tu học pháp môn Tịnh độ, công phu niệm Phật chỉ có thể khắc phục được phiền não chứ thực chất phiền não, tập khí vẫn còn nhưng chỉ cần lúc lâm chung không khởi dụng thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Bằng như không cách nào khắc phục được phiền não thì cả đời không thể thành tựu được. Vãng sanh cực lạc Tây Phương thì được “chúng cộng tôn kính”, Chư Phật Như Lai đều tôn kính chúng ta, chư Bồ tát, chư đại A La Hán đều tán thán. Cho nên, các vị đồng tu muốn một đời được thành tựu nhưng lại không thể chuyển mười ác thành mười thiện thì ngay đời này chỉ mới có thể kết duyên với với thế giới Tây Phương Cực Lạc chứ không thể đến được cõi ấy.

Tôi nhắc lại lần nữa, muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cõi Phạm Thánh đồng cư thì phải thực hành được điều thứ nhất của “Tịnh nghiệp tam phước”. Điều thứ nhất đó là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp”. Làm được vậy chắc chắn vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Còn nếu có thể làm được điều thứ hai thì chắc chắn sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cả ba điều đều làm được thì chắc chắn sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cho nên mức độ thấp nhất là chúng ta phải nỗ lực làm được điều thứ nhất, làm không được thì không thể thoát khỏi luân hồi.

Thứ tám, “Dĩ hòa nhĩ cố, tốc sanh phạm thế. Thị vi bát”(do hòa nhĩ sớm được sanh cõi trời phạm thiên. Đây là tám điều).“Hòa” và “Nhĩ” đều là đức tánh, là tự tánh vốn có đầy đủ của tất cả chúng sanh. Vậy mà ngày nay đức tánh ấy bị tập khí, phiền não làm chướng ngại nên không thể hiện tiền. “Hòa” nghĩa là cùng chung sống hòa thuận với tất cả chúng sanh, còn “Nhĩ” là có thể tiếp nhận tất cả cảnh giới thiện ác, thuận nghịch.

Xã hội ngày nay giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, trái đất “thu nhỏ” như một ngôi làng mà trái đất lại có nhiều người, nhiều sinh vật đều cùng sống chung vậy, thì rõ ràng điều quan trọng nhất là phải cùng sống “hòa”, sống “nhĩ”. Nếu hai bên không thể hòa thuận, nhĩ nhường lẫn nhau chắc chắn sẽ phát sinh xung đột, chiến tranh, tiếp đó là đủ điều bất hạnh theo sau. Ý niệm, tâm của chư Phật, Bồ tát, đại Thánh đại Hiền đều vì cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, mà cách cứu độ bằng cách nhất định là ở “hòa” và “nhĩ”. Nhưng sao vẫn không thực hiện được? Vì người đời tạo nhiều mụ ác, bất thiện nghiệp khiến hòa và nhĩ không được thực hành. Đây chính là nguyên nhân lý giải việc không tránh khỏi thiên tai nhân họa.

Cho nên Đức Thế Tôn từ bi vì chúng ta mà giảng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hơn thế người còn dạy cho chúng ta hiểu rằng Báo Độ (tức cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ) của 10 phương chư Phật là bình đẳng nhưng Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ không như nhau. Nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, Đồng Cư Độ, Phương Tiện Độ ngang

bằng với Tịch Quang Độ, Thật Báo Độ. Đây là bất khả tư nghị, là sự tán thán của chư Phật. Cho nên, không vị Phật nào không khuyên bảo chúng ta cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sự thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là vậy.

Đối với những pháp môn khác, ví dụ tu đắc Sơ thiên thì tương lai chẳng qua là được sanh trời Sơ thiên mà thôi. Thế nhưng Sơ thiên cũng không dễ thành tựu. Thiên định của sơ thiên phải khắc phục được ngũ dục lục trần thì mới có thể sanh Sắc giới thiên. Còn ngày nay, chỉ cần còn tiếp xúc với sáu trần thì sáu căn của chúng ta vẫn còn động tâm với ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù tức chúng ta vẫn còn ở Dục giới, chưa có phần nào đạt đến Sắc giới. Cho nên nói muốn thành tựu công phu thiên định là không hề dễ dàng. Người ở cõi Trời Sắc giới không động tâm với mừng, giận, buồn, vui mà nhà Phật gọi là “tám ngọn gió thổi không lay động”. Đây là cảnh giới của Sơ thiên. Nếu định công phu chưa đạt Sơ thiên thì Phật pháp gọi là “vị đáo định” (nghĩa là chưa đạt được thiên định), còn công phu của Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên thì càng sâu hơn nhưng vẫn chưa ra khỏi Tam giới.

Người niệm Phật nếu đạt công phu Sơ thiên thì có thể niệm Phật Tam muội. Niệm Phật Tam muội thì công phu chưa sâu lắm, tức là công phu thành mảng, như thế cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng chắc chắn được vãng sanh. Chúng ta dầu chưa đạt đến công phu Sơ thiên nhưng cũng có chút gì gọi là “vị đáo định”. Lúc lâm chung thì phải xem duyên phận của chúng ta, nếu duyên thù thắng thì có thể vãng sanh, duyên

không thù thắng thì khi ấy có oan gia trái chủ đến quấy rối, chướng ngại cản trở đến liền không thể vãng sanh.

Cho nên “ngoài không vương tướng, trong không động tâm” rất quan trọng, đó thật sự là buông xả hết duyên thế gian. Việc đời chẳng còn tương quan đến ta nữa; người tốt cũng được, người xấu cũng được, việc tốt cũng được, việc xấu cũng được. Chúng ta dùng tâm bình đẳng để xử sự, đối nhân và tiếp vật mà không phân biệt, chấp trước. Chúng ta ngày ngày niệm Phật cầu sanh Tịnh độ mới mong ước muốn thành thật. Trong đời sống thường ngày, tùy duyên không phan duyên. Lòng không gì ngoài câu niệm “A Di Đà Phật” thì chắc chắn vãng sanh nơi tịnh độ. Cho nên pháp môn niệm Phật dễ thành tựu là vậy.

Trong những điều kiện để vãng sanh tịnh độ, “hòa” và “nhẫn” rất quan trọng. Phải hòa thuận với tất cả chúng sanh. Người hòa thuận với mình, mình hòa thuận với người. Người bất hòa với mình, mình vẫn cứ hòa thuận với người. Dù trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, dù với người thiện hay người ác, hết thấy đều phải “nhẫn”, chuyện đã qua không giữ trong lòng. Đây mới thực sự là nhẫn. Còn như cứ khư khư mọi việc để trong lòng thì “nhẫn” khổ lụy xiết bao, không để trong lòng thì “nhẫn” rất tự tại, mọi việc tùy duyên không phan duyên. Làm điều lợi cho chúng sanh là việc tốt, nhưng việc tốt cũng phải hữu duyên, vô duyên rồi dầu muốn cũng không làm được, lại còn sanh phiền não, sanh chuyện khổ đau! Cho nên Đức Phật trụ ở thế gian để dạy chúng ta rằng vạn sự tùy duyên không phan duyên. Phan duyên là muốn làm điều theo ý bản thân còn tùy

duyên là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Hiểu rõ được “hòa” và “nhẫn” tự nhiên sẽ đoạn ác tu thiện.

Chúng ta tỉ mỉ quan sát người, lấy người làm gương soi mình. Thấy người có lỗi thì ngoảnh đầu nghĩ lại tự phản tỉnh chính mình. Chúng ta thấy người bất hòa, thấy đoàn thể bất hòa, thấy quốc gia bất hòa, thấy tôn giáo bất hòa, thường đối nghịch, chiến tranh; vậy có khi nào chúng ta tự hỏi bản thân đã sống hòa thuận với mọi người chưa? Nếu không thì tại sao? Có phải chính vì ác nghiệp tập khí quá nặng. Nếu không có ác nghiệp, tâm ta là thuần thiện thì khi khởi tâm động niệm, lời nói việc làm nhất định tương ứng với mười thiện nghiệp, “hòa”, “nhẫn” tự nhiên được thực hành.

Mặc dù không gặp được pháp môn Tịnh độ, không biết cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, thì quả báo đời sau là sanh Phạm Thiên. Phạm Thiên là Sắc giới Thiên không phải là Dục giới Thiên, cho nên người không học Phật, quả báo của họ cũng thù thắng. Còn “Trời” (tức “Thiên”) mà các tôn giáo khác thường nhắc đến chính là Dục giới Thiên. Làm sao biết được chúng ta ở Dục giới Thiên? Đó là khi chúng ta vẫn chưa đoạn ham muốn, chưa lìa phiền não tập khí. Còn những tôn giáo bậc cao thì hiểu rõ đoạn ly ham muốn mới có thể sanh ở Phạm Thiên. Lìa sân hận có 8 loại công đức thù thắng, loại này là thù thắng nhất.

Ngày nay chúng ta thường đề xướng hòa bình. Hai chữ “hòa bình” nên giải thích thế nào đây? Chúng sanh trên toàn thế giới không phân biệt quốc gia, chủng tộc, tôn giáo cùng “chung sống hòa mục, đối đãi bình đẳng” thì hòa bình mới được thực

hiện. Cho nên chúng ta phải thực hành những lời dạy của Phật Đà trong chính đời sống hằng ngày. Từ xử sự, đối nhân đến tiếp vật đều phải “tự lợi lợi tha”. Lấy nền tảng tu hành này phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, chắc chắn có thể mãn nguyện vọng trong đời này, thành tựu công đức thù thắng vãng sanh mà đời đời kiếp kiếp trước kia chúng ta không có được. Đây mới thực là người chân thật có trí huệ.

“Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc vô ngại tâm, quán giả vô yểm”(Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, sẽ được tâm vô ngại, người nhìn thấy không nhầm chán). Nghĩa là đem công đức của việc đoạn sân hận hồi hướng vô thượng Bồ đề, không cầu phước báo thế gian. Không cầu phước báo thế gian không phải không có phước báo mà phước báo sẽ càng thù thắng hơn. Phước báo hiện tiền không được để trong tâm, dứt khoát không sanh tâm hoan hỷ. Vậy khác nào không nhận phước báo! Đem công đức hồi hướng vô thượng Bồ đề, đến sau khi thành Phật thì quả báo thù thắng đúng là không thể nghĩ bàn.

Chữ “vô ngại” trong “đắc vô ngại tâm” nghĩa là không có chướng ngại, tức là “tùy tâm sở dục nhi bất du củ” (tức là có thể làm theo ý mình mà không lo vượt quá khuôn phép, quy củ) theo cách nói của Khổng Tử. Ở trong đại tự tại, lại có thể cùng tất cả chúng sanh tương ứng, không trái ngược thế gian pháp. Đây chính là “Phật pháp ở thế gian, không phá hoại pháp thế gian”. Đối với thế xuất thế pháp đều không chướng ngại mới gọi

là “pháp vô chướng ngại”. Đây thật sự là giải thoát, tức là trong Kinh Hoa Nghiêm thường nói. “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”

“Quán giả vô yểm” là quả báo thù thắng. Câu này ý nói phàm người nào tiếp xúc chúng ta, dù nghe tên hay gặp mặt thì đều có thể sinh tâm hoan hỷ. Quả báo này là quả báo của tu mười thiện nghiệp đời đời kiếp kiếp trong đời quá khứ.

Ly tà kiến đắc thành tựu thập công đức pháp(xa lìa tà kiến thì thành tựu được mười pháp công đức).

Kinh văn: “Phục thứ Long Vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập? Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ. Nhị, thâm tín nhân quả, ninh vẫn thân mạng, chung bất tác ác. Tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng. Tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết, kiết hung nghi võng. Ngũ, thường sanh nhân thiên, bất canh ác đạo. Lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng. Thất, vĩnh ly tà đạo, hành u thánh đạo. Bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp. Cửu, trụ vô ngại kiến. Thập, bất đọa chư nạn. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông”.

“Tà kiến” là sự ngu si. Cách nghĩ, quan niệm ngược lại hoàn toàn với tự tánh thì gọi là si. Ngu si mà biểu hiện ra bên ngoài thì gọi là tà tri tà kiến. Xa lìa ngu si còn khó hơn cả việc xa lìa tham dục và sân hận. Đức Phật ví việc đoạn si hoặc này giống như ngắt sen, đứt lìa rồi đây vẫn còn vương tơ, không gì dễ đoạn tuyệt.

Trong mười điều ác thì chín điều trước, chúng ta chỉ cần trì giới, thì thân, khẩu sẽ không phạm giới; còn tu định thì có thể đoạn tham, sân. Chỉ có si, nhất định phải mở trí huệ thì mới có thể đoạn trừ. Sở dĩ chúng sanh khởi tham sân tạo sát, đạo, dâm, vọng, v.v.. đều do ngu si mà ra. Từ đó mà biết được, khai sáng trí huệ rất quan trọng, và đó cũng là mục tiêu cuối cùng của việc tu học Phật pháp.

Muốn khai trí huệ nhất định phải dựa vào giới được định, vì “định” sẽ khai huệ. Đây là quá trình mà tất cả chư Phật mười phương ba đời tu học, chúng ta cũng không ngoại lệ. Còn nếu tu học vẫn không thể khai trí huệ thì nguyên nhân do đâu? Là do giới không thanh tịnh, không được “định”, đương nhiên không có huệ. Trí huệ mà không có giới định, Phật pháp gọi là “Thế trí biện thông” trong nhà Nho gọi là “ký vấn chi học” (nghĩa là học bằng cách ghi nhớ, tìm hiểu, hỏi han), tức là học biết do nghe nhiều, thấy nhiều, nhớ nhiều, ghi chép nhiều chứ không phải do tự tánh hiển lộ, nên không tính là trí huệ. Mà nhà Nho cũng cho rằng “ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã” (tức cách học bằng ghi nhớ, tìm hiểu, hỏi han này thì không đủ để trở thành thầy người khác). Từ đó có thể thấy, có tu, có chứng mới có thể làm thầy người. Cái gọi là “có tu” đó chính là lấy sở học của bản thân mà thực hành. Lấy Phật pháp mà nói thì thực hành chính là trì giới. Trì giới mới có thể được định, thiền định sâu mới có thể khai trí huệ, định cạn thì không có trí huệ. Phật pháp nói là “Tứ thiên bát định” cũng chưa có trí huệ nên cũng không ra khỏi Tam giới, còn A La Hán tu là định thứ chín thì có thể thoát Tam giới.

Muốn khai trí huệ không thể không buông xả. Không buông xả là chướng ngại lớn nhất của khai trí huệ. Không buông xả được không phải vì chúng ta không thể mà vì chúng ta không chịu buông xả. Điều này phải tự mình làm chứ không thể cầu người giúp. tự mình chịu buông. Việc này thật khó chứ chẳng dễ dàng gì, vậy nên mới nói người tu hành từ xưa đến giờ có thể thành tựu, có thể khai ngộ chứng quả đều là người biết buông xả.

“Hà đẳng vi thập?” ý nói về mười loại pháp công đức, mười loại lợi ích.

Thứ nhất: “Đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ”(được ý vui chân thật ,bạn bè cũng chân thật). “Chân thiện ý lạc” tức là chân lạc, không phải lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc không phải chân lạc, Phật giáo gọi đó là “hoại khổ”. Thế nên nó không được xem là chân lạc. Chân thiện ý lạc chính là thường sanh tâm hoan hỷ, bởi vì thường sanh trí huệ, mới được chân pháp hỷ, chân thật pháp lạc. “Chân thiện đẳng lữ” chính là thường được gần gũi chân thiện tri thức, làm bạn lữ với chân thiện tri thức, bạn lữ chính là đạo hữu cùng tu. Nên nếu chúng ta vẫn còn tà kiến thì sẽ không có được thọ dụng thù thắng này. Người có tà kiến khởi tâm động niệm đều phụ thuộc phiền não, thường sanh phiền não, sầu lo, nghi hoặc; bất luận làm việc gì đều không dám quyết định. Đây là do ngu si mà thành. Đoạn ngu si tuy khó, chúng ta cũng phải cố gắng, đoạn một phần ngu si thì được một phần thọ dụng, đoạn hai phần ngu si thì được hai phần thọ dụng vậy.

Cái gốc của tà kiến chính là “ngã kiến”, “thân kiến”. Người tu hành không lìa khỏi phiền não, không thoát khỏi tập khí, nguyên nhân chính là chấp trước cái thân này là “ngã” (là ta), khởi tâm động niệm tự tư tự lợi. Mà chỉ cần có ý niệm ấy khởi sinh thì tham, sân nhất định theo đó khởi lên. Mà hề không khắc phục được tham, sân, phiền não thì quả báo chắc chắn vào ba đường ác. Cái gọi là “phục” tức là có công phu làm cho mười nghiệp ác không khởi hiện hành, nếu như không “phục” được những phiền não này, thì niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Điều kiện của vãng sanh là “một lòng chuyên niệm”. Chưa đoạn phiền não chính là xen tạp. Công phu xen tạp, không thuần thì không thể vãng sanh. Đức Phật dạy cái thân này là do “Tứ đại, ngũ uẩn giả hợp mà sanh ra” chứ nào phải thật, “duyên sanh chi pháp, đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Chúng ta tự cho rằng thân này là của mình, thuộc về mình nên xem trọng nó, giữ lòng chấp trước kiến cố, nguyên nhân này chính là nghiệp nhân đọa lạc cõi ngạ quỷ.

Bản thân không phải là người chân thiện ắt không gặp được chân thiện tri thức. Dầu Đức Phật và Bồ tát ở ngay cạnh thì ta cũng chẳng thấy được vì phiền não hiện hành làm khuất lấp. Còn như giữ được tâm địa thuần thiện thì người, vật chung quanh mình cũng tự thành thiện tri thức, Phật, Bồ tát. Nó cũng giống như lời dạy của Đại sư Ngẫu Ích “cảnh duyên không phân tốt xấu, tốt xấu đều do tâm khởi”. Chúng ta có trí huệ thật thì chư Phật, Bồ tát đều ở trước mặt; còn ta đã không có trí huệ thật thì dầu chư Phật, Bồ tát ở trước mặt cũng thấy chướng mắt. Vậy làm sao mới được pháp hỷ? Phải có được “chân thiện ý lạc” thì mới lãnh hội được lời dạy Phật Đà, quả thật là giúp chúng ta phá

mê khai ngộ, lìa khổ được vui thế nào. Lìa khổ chính là “phục” phiền não, đoạn phiền não, được chân thiện ý lạc.

Thứ hai, “thâm tín nhân quả, ninh vẫn thân mạng, chung bất tác ác”(tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng chứ không làm ác). Chỉ người đủ trí huệ chân thật, người thấu suốt chân tướng mới có thể làm được những điều này. “Thâm tín nhân quả” tức tin sâu vào nhân quả. Chúng ta quá quen với câu “trồng nhân thiện được quả thiện, tạo nhân ác gặp ác báo” nhưng lại không chịu tu thiện. Như vậy chính là không “thâm tín nhân quả”. “Thâm tín” nghĩa là tin và thông suốt đạo lý nhân quả, thấu hiểu chân tướng sự thật. Chẳng hạn như đối với người học Phật thông thường thì với muỗi, kiến họ vẫn còn ý muốn giết_ đó chính là tập khí. Tuy biết nhân quả nhưng không đủ sâu, hữu tình hay vô ý tạo nghiệp giết chóc, quả báo tương lai là không tránh được.

Có câu chuyện về Pháp sư An Thế Cao. Ngài từng hai lần đến Trung Quốc chỉ để trả nợ mạng sống của mình. Vì Ngài là người tu hành chứng quả nên Ngài biết rõ kiếp trước đã gây tội ngộ sát người khác thì đời này sẽ bị người khác ngộ sát. Cũng như câu nói “Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định” (nghĩa là “Một miếng ăn, một hớp nước đều được định sẵn”) thì quả báo nhất định có nhân, có duyên vậy. Bồ tát lấy đó làm gương để dạy cho chúng ta hiểu rằng “nhân do chúng ta tạo tác, nhất định có quả báo, quả báo nhất định phải tự ta gánh chịu”. Còn Nho có câu rằng “Ái nhân giả, nhân hàng ái chi” (tức là thương yêu người thì người cũng thương yêu mình). Chúng ta thương yêu người chính là tu nhân; xã hội đại chúng tôn kính, thương mến

chúng ta chính là quả. Ngược lại, chúng ta hận người, chán ghét người thì xã hội đại chúng cũng sẽ hận chúng ta, chán ghét chúng ta y vậy. Thấu hiểu đạo lý này rồi, chúng ta thà bỏ thân mình cũng không chịu tạo ác.

Cổ đức ví dụ rất hay. Giả sử có một người có địa vị cao thuê chúng ta làm việc, điều kiện là phải giết một người vô tội. Giết được rồi thì ngôi vua của người đó sẽ thuộc về chúng ta. Đối với người thâm tín nhân quả giết một chúng sanh vô tội dẫu lợi ích như thế nào thì cũng sẽ không làm. Muốn vậy thì tâm ta phải thực xa lìa tà kiến mới có thể làm được. Tà kiến chính là ngu si, người hồ đồ không tin nhân quả, nói cách khác là tin nhân quả nhưng không tin sâu thì không thể xem là người thấu suốt được.

Quả thật, từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã từng mang đủ các hình dạng thân tướng trải qua lục đạo, đời này được làm người mà “cách âm chi mê” quên mất những mọi việc trước đó. Tuy hiện tại quên hết, nhưng chủng tử nghiệp nhân trong A Lại Da Thức vĩnh viễn không mất đi. Vậy nên mới biết, ngôn ngữ hành vi, khởi thân động niệm của bản thân thì tự thân phải chịu trách nhiệm. Nhân quả rất đáng sợ, chỉ có Chư Phật Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Trong Kinh ghi chép lại chuyện các vị A La Hán nghe Đức Phật giảng Kinh, khi nghe đến việc ở địa ngục, nghĩ đến bản thân đã từng trải qua, nỗi sợ hãi như vẫn còn trong tâm, cả người toát mồ hôi máu. Hiện tại chúng ta tuy không biết gì nhưng chỉ cần đoạn tham, sân, si thì có thể chứng được quả A La Hán. Lúc đó ắt có thể nhớ được những việc đời đời kiếp kiếp

đã qua. Nhớ đến những việc đã qua trong lục đạo. từng làm thiên vương, súc sanh, ngạ quỷ, cũng từng đọa địa ngục. Đường nào cũng đều trải qua rồi. Cho nên chúng ta và tất cả chúng sanh và Chư Phật Như Lai trải qua trong vô lượng kiếp đều có quan hệ quyến thuộc với nhau. Nếu chúng ta sát hại, ngược đãi, khinh thường chúng sanh thì khác nào đối đãi như vậy với chư Phật, cha mẹ của mình. Lời này hoàn toàn là sự thật. Cho nên chúng được A La Hán mới có thể thật sự không làm ác, niệm ác cũng không sanh. Chúng ta phải cố gắng nỗ lực học tập là vậy.

Thứ ba: “Duy quy y Phật, phi dư thiên đấng”(chỉ quy y Phật, không theo các thiên thần khác).“Quy y” là chọn Đức Phật làm thầy, thuận theo giáo giới của Phật Đà mà tu học. Trí huệ của chư Thiên thiện Thần cao hơn chúng ta, có thể dạy chúng ta nên chúng ta cũng phải kính trọng họ. Phần lớn chư Thiên thiện Thần cũng quy y Phật. Chúng ta thường thấy Kinh Phật có nhắc đến Vua trời Đại Phạm, Vua trời Đạo Lợi thường thỉnh chư Phật Bồ tát đến Thiên cung để giảng Kinh thuyết pháp, cho nên chư Thiên thiện Thần cũng là học trò của Đức Phật. Cõi trời tuy tốt nhưng kiến tư phiền não của họ chưa đoạn hết, nên trí tuệ của họ cao hơn chúng ta, phiền não của họ cũng nhẹ hơn chúng ta, phước báo của họ lớn hơn chúng ta, nhưng quả vị chúng đắc của họ chưa cứu cánh viên mãn. Vì vậy, chúng ta cần có một vị thầy thực sự có công đức viên mãn, trí huệ viên mãn để dạy chúng ta tu học.

Chúng ta chọn Đức Phật làm thầy, liệu chư Thiên Thiện thần này có trách chúng ta không? Chắc chắn là không. Trước kia chúng ta thờ Thần, bây giờ quy y Phật thì Thần cũng sẽ hoan

hỷ tán thán, sẽ phò trợ chúng ta. Nếu có vị thần nào đó thấy chúng ta quy y Phật mà không vui mừng thì chắc chắn đây không phải chánh thần. Đó nhất định là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái hại người còn chánh thần thì phò trợ người. Nhưng phải nhớ rằng, dầu chúng ta chọn Đức Phật làm thầy là quyết định chính xác, thì vẫn luôn nên giữ lòng tôn trọng, tán thán đối với các vị thần khác.

Ngài Phổ Hiền Bồ tát dạy chúng ta “lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường”. Chúng ta đối với tất cả Thiên thần, Quỷ thần phải lễ kính, tán thán, cúng dường. Đối với quỷ thần có thái độ như vậy, thì đối với những chủng tộc khác và tôn giáo khác cũng phải lễ kính, tán thán, cúng dường. Đây là hạnh Phổ Hiền. “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”, “tất cả chúng sanh vốn dĩ đều sẽ thành Phật” thật đúng là tâm lượng này bao la, là chánh tri chánh kiến. Nó hiển hiện ra lòng yêu thương tự nhiên với tất cả chúng sanh, còn quan trọng hơn so với yêu thương mạng sống của chính mình. Vì yêu thương chúng sanh, cứu độ chúng sanh dầu xả bỏ mệnh mình cũng không tiếc nuối. Sanh mệnh còn xả bỏ được huống chi là những vật ngoài thân? Lý nào không thể bỏ được, không thể cúng dường!

Nếu “Quy y Phật” thì thực hiện “quy y” thế nào? Chính là “thọ, trì, đọc, tụng, vì người diễn thuyết Phật pháp”. Làm được vậy mới thực sự là quy y. Tiếp nhận toàn bộ giáo pháp mà Đức Phật giảng dạy. “Trì” tức nghĩa là vĩnh viễn gìn giữ không bị mất đi, y giáo phụng hành, nếu biết mà cố phạm thì xem như không “trì” được. Còn “đọc tụng” là việc lợi mình lợi người.

Ngày ngày đọc tụng, ôn xưa biết nay chính là mỗi ngày tiếp nhận lời dạy của Đức Phật. Mở quyển Kinh đọc cũng giống như nghe Đức Phật thuyết pháp. Chữ “diễn” trong câu “Vì người diễn thuyết Phật pháp” nghĩa là phải làm cho được. Đức Phật dạy chúng ta Kinh Thập Thiên Nghiệp Đạo, chúng ta thực hành được mười thiện nghiệp chính là “thân giáo, biểu diễn”. “Thuyết” là vì người mà giảng giải. Ấy chính là ngôn giáo, đây là quy y Phật chân chánh. Ngược lại, chỉ học Kinh Phật mà không áp dụng vào đời sống thường ngày thì chỉ xem như cái vỏ hình thức có quy y chứ chưa thực là quy y.

Thứ tư, “Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vọng” (tâm chánh kiến ngay thẳng, xa lìa tất cả nghi hoặc kiết hung). Kinh Lăng Nghiêm có dạy: “Nếu chuyển được cảnh duyên thì đồng Như Lai”. Mục tiêu cuối cùng của người tu học Phật pháp là ở chỗ này. Xa lìa tà kiến thì là trí huệ. Sau khi trí huệ mở ra thì chúng ta sẽ thấy rõ tất cả kiết hung họa phúc ở thế gian, chẳng cần phải tránh hung tìm kiết vì chúng ta có thể chuyển cảnh duyên, có thể chuyển hung thành kiết, chuyển họa thành phúc. Người thế gian không có năng lực chuyển họa cảnh duyên là vì chưa đoạn tham sân si nên họ bị cảnh giới trôi buộc. Đoạn được tham, sân, si định huệ tự nhiên hiện tiền, tất cả vận mệnh gặp phải đều chuyển đổi trở lại, thật sự chuyển Thập pháp giới thành Nhất chân pháp giới. Ở chỗ này Đức Phật đã nói điều kiện rất rõ chính là “trực tâm, chánh kiến”. Bốn chữ này chính là tâm đại Bồ đề, mà tâm Bồ đề chính là chân tâm.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nhắc đến “tâm chí thành”. Tâm chí thành chính là trực tâm. Trong Luận Khởi Tín

nói trực tâm là thể của tâm Bồ đề. Như vậy trực tâm chính là chân thành đến cực điểm. Trong Độc Thư Bút Ký của ông Tăng Quốc Phiên, ông định nghĩa “nhất niệm không sanh tức là thành”. Như vậy có niệm thì không gọi là thành. Vậy còn “vô niệm” có là “thành” hay không? Vô niệm cũng không phải thành. Nếu “vô niệm” là “thành” thì khi đắc vô tướng định thì tâm Bồ đề hiện tiền rồi. Đức Phật dạy rằng sau khi tu thành vô tướng định cũng là nhất niệm không sanh nhưng quả báo sẽ ở trời Vô tướng Tứ thiên. Đây là trời ngoại đạo, là rơi vào trong vô minh. Cho nên chúng ta phải có khả năng minh định rõ ràng. Chữ “nhất niệm” trong “nhất niệm không sanh” có nghĩa không có niệm thứ hai. Có niệm thứ hai thì không còn là “nhất niệm”, “không sanh” nghĩa là không sanh ra niệm thứ hai chứ không phải rơi vào vô niệm. Trong Kinh Đại Thừa giải nghĩa “nhất niệm” là “tịch tịch tinh tinh, tinh tinh tịch tịch”(lặng lẽ soi chiếu, soi chiếu lặng lẽ), là trạng thái sống không phải chết. Còn Vô tướng định là chết, nên Vô tướng định là vô minh, không phải Bồ đề.

Còn “cứu cánh Bồ đề” là gì? Thật chất “cứu cánh Bồ đề” ở ngay trước mắt chúng ta. Trong hội Lăng Nghiêm Phật dạy “Lục căn môn đầu, phóng quang động địa” (nghĩa là “từ nơi lục căn, phóng ánh sáng lay động mặt đất”), chính là nhất niệm không sanh. Trong đó “lục căn môn đầu” là mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể chạm, ý có thể biết. Chúng ta mở mắt ra thấy rõ cảnh giới bên ngoài; tai nghe âm thanh bên ngoài rõ ràng, minh bạch. Đây là “nhất niệm”. “Không sanh” là không sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, gọi chí thành. Vô tướng định, Tuy nhiên, tương tự trạng

thái không có vọng tưởng, phân biệt, nhưng cái gì cũng không biết, cái gì cũng không minh định rõ ràng nên gọi là vô minh. Chúng ta nhất định không được nhầm lẫn giữa vô minh, vô tưởng định cho là tâm chí thành. Sự nhầm lẫn đó là một sai lầm.

Phật, Bồ tát luôn luôn giữ được nhất niệm, không khởi sanh niệm thứ hai. Đó là điểm khác biệt giữa các Ngài ấy với chúng ta. Chúng ta có nhất niệm, nhưng thời gian nhất niệm quá ngắn, trong sát na liền khởi phân biệt, chấp trước, đem trí chuyển thành thức. Nhất niệm là trí, chân trí huệ. Niệm thứ hai khởi đến thì đem trí chuyển thành thức. Thức chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cho nên tu học Phật pháp chính là tu “chuyển thức thành trí”. Sự khác biệt giữa thức và trí chính là trong thức có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; còn trong trí không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là tâm chí thành, trực tâm, rõ ràng sáng suốt đến cực cùng. Khi nó không khởi tác dụng giống như trong Kinh Bát Nhã nói “Bát Nhã vô tri”, vô tri chính là tâm chí thành, trực tâm, khi khởi tác dụng thì “vô sở bất tri” (tức là “không gì không biết”). Vô tưởng định cũng là vô tri, nhưng cái vô tri ấy khi khởi tác dụng thì cái gì cũng không biết.

“Chánh kiến” chính là trực tâm khởi dụng, mà theo cách nói của Nho giáo là, “trực tâm chính là thành ý, chánh kiến chính là chánh tâm”. Còn Phật giáo gọi “trực tâm” là “tâm chân thành”, “chánh kiến” là “thâm tâm, đại bi tâm”, cũng chính là tâm hồi hướng phát nguyện trong Quán Kinh thường nhắc tới. Đó là chánh tri chánh kiến. Chúng ta phải thấu suốt việc kết hung họa phúc thế gian. Nhưng như thế nào là thấu suốt?

Nguyên nhân của kiết hung họa phước đều từ quả báo mà ra. Nó rành rành như thế, không chút gì huyền hoặc, cho nên mới gọi là “vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi võng”

Người đời thích xem phong thủy, xem tướng, xem tử vi là minh chứng cho việc còn nghi hoặc rất nặng nề vào kiết hung họa phúc. Họ luôn giữ cái tâm cầu may cho việc tìm cách tránh hung tìm kiết. Thế nhưng trên thực tế, chúng ta có tránh khỏi nạn tai không? Sao mà tránh được! Vì đó là quả báo, chắc chắn ta phải nhận lãnh; bằng ngược lại, chúng ta có phước thì phước muốn bỏ cũng chẳng bỏ được.

Trong quyển Kinh A Nan Hỏi Phật Việc Kiết – Hung, Đức Phật đối với việc gieo quẻ, xem tướng, coi tử vi, phong thủy thì Đức Phật không cho phép chúng ta hỏi, vì đó là “ý thế gian”. Đệ tử Phật chỉ “có thể làm việc của thế gian, nhưng không được làm ý thế gian”. Nhưng mà Đức Phật từ bi vô tận, chúng sanh có mê hoặc muốn gieo quẻ tìm cầu câu trả lời, Đức Phật cũng thuận theo tập khí của chúng sanh nên giảng một bộ Kinh là Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Qua bộ Kinh này, Đức Phật muốn dạy đệ tử Phật về cách gieo quẻ khi có điều cần hỏi về việc kiết hung. Đó xem như Đức Phật đã vì chúng sanh mà mở cửa phương tiện. Trước khi gieo quẻ, trước hết Đức Phật dạy chúng ta tu như thế nào mới có thể đạt được sự cảm ứng. Nếu công phu tu học không có thì không cảm ứng được. Ngoài ra quyển Quán Thế Âm Bồ Tát Cảm Ứng Linh Khóa cũng là sách gieo quẻ. Ở phần lời tựa, Đại Sư Ấn Quang viết rất rõ ràng, trước khi gieo quẻ phải thật cung kính khấn niệm Quán

Thế Âm Bồ tát, sau đó là cầu cảm ứng, niệm danh hiệu Phật Bồ tát, tâm định rồi, tâm thành rồi ắt sẽ linh ứng.

Nếu chúng ta nếu có thể vĩnh đoạn tham sân si thì tâm này sẽ là chân tâm, là trực tâm chánh kiến, tâm Bồ đề ắt hiện tiền. Cho nên tất cả việc kiết hung họa phước không cần hỏi. Ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt, chỗ nào cũng là chỗ tốt, không có gì là không kiết tường. Tâm thuần thiện không ác thì cảnh duyên đều chuyển hết chính là đạo lý của “cảnh tùy tâm chuyển”.

Thứ năm “Thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo”(thường được sanh cõi trời ,cõi người, không đọa cõi ác).Ác đạo thật đáng sợ, địa ngục là chốn khổ, dứt khoát không được vào. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có nói cảnh khổ sở nơi địa ngục là vô lượng vô biên, bất kỳ địa ngục nào chúng ta cũng không chịu nổi .Nhưng sa vào đây thì dễ, thoát ra lại rất khó. Người nào sẽ sa vào địa ngục? Những người tạo tội ngũ nghịch, mười ác. Tội ngũ nghịch gồm gì? Một là tội giết cha. Hai là tội giết mẹ. Ba là tội giết A La Hán (A La Hán là xưa, còn ngày nay là ý nói đến những người thầy có tâm tốt. “A La Hán”, “Bồ tát” ở thế trần tục này quên mình vì người, giáo hóa chúng sanh, là “Nhân Thiên nhân mục”, người như vậy mà chúng ta ác tâm cưỡng hại đồng tội giết A La Hán thời trước).

Bốn là làm thân Phật chảy máu, phước báo Đức Phật rất lớn, thân hộ pháp lại rất nhiều nên tất cả hữu hình dấu không giết hại được nhưng vẫn có thể gây tổn hại đôi chút cho Phật, chảy một chút máu thì có thể. Ví dụ như câu chuyện của Đề Bà Đạt Đa làm hại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì thuộc về tội làm

thân Phật chảy máu. Còn ngày nay, nếu có tâm sân hận, chán ghét, phá hoại tượng Phật thì cũng đồng tội với việc làm thân Phật chảy máu, mà ý nghĩa sâu xa là phá hoại hình tượng Phật pháp thì cũng quy về tội làm thân Phật chảy máu. Người học Phật đã thọ tam quy ngũ giới nếu không thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng, lại còn khiến đại chúng mất đi tín tâm với Phật pháp thì cũng đồng tội với việc làm thân Phật chảy máu. Những tội ấy sẽ sa vào địa ngục.

Thế nào là “hình tượng Phật pháp”? Lời giải thích đơn giản nhất, rõ ràng nhất là “Chớ làm việc ác, nên làm việc lành, tự thanh tịnh mình, đó là lời Phật dạy”. Chúng ta không tu thiện, đại chúng ngoài xã hội nhìn thấy tín đồ Phật giáo chúng ta liền mắng Thích Ca Mâu Ni, hạ thấp Phật giáo. Thì như vậy cũng đã xem là chúng ta phá hoại hình tượng Phật giáo. Vậy nên, làm đệ tử Phật, dấu nơi nào cũng phải thận trọng, giữ mình làm gương, để xứng với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, làm sao xứng đáng với Đức Phật A Di Đà. Làm đệ tử Đức Phật, niệm niệm tương ưng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; mỗi hạnh phải tương ưng với nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên. Đây mới thực là ủng hộ Phật pháp, biểu hiện tốt của kính lễ chư Phật.

Tội thứ năm là “phá hòa hợp tăng”. Ý chỉ sự phá hoại tăng đoàn, đặc biệt là phá hoại cơ duyên hoằng pháp, nghe giảng thuyết pháp. Ví dụ như khi pháp sư thuyết pháp giảng Kinh, chúng ta phá hoại đạo tràng, cản trở cơ duyên của đại chúng nghe giảng Phật pháp, thì đều là tội phá hòa hợp tăng.

Quả báo tạo ngũ nghịch ở A Tỳ Địa ngục vô cùng sâu nặng. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện giảng rất kỹ về nghiệp nhân quả báo này. Chúng ta phải thường đọc tụng và thực hành đoạn ác tu thiện. Trong câu “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng” thì Phật Bồ tát chính là sư trưởng của chúng ta. Mở Kinh ra đọc cũng như nghe lời giáo huấn của Phật Bồ tát, nhất định tuân theo giáo huấn Phật Đà, không để tùy ý bản thân. Chứ nếu thuận theo tham sân si mạn của bản thân chắc chắn đọa lạc. Đức Phật thường khuyên chúng ta khi chưa chứng được quả A La Hán, nhất định không được tùy thuận theo ý mình. Đến lúc chứng đắc quả A La Hán, cắt đứt kiến tư phiền não, việc mình làm đều là mười thiện thì khi ấy có thể tin vào ý của bản thân.

Người có thể đoạn ác tu thiện đến mức hoàn toàn thì tu hành nhất định viên mãn, dầu chưa gặp được Phật pháp, chưa biết đến Tây Phương Cực Lạc thì đời sau cũng “thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo” (tức là sanh ở cõi người, cõi Trời; không vào ác đạo). Tuy họ không thể thoát được luân hồi cũng sẽ được thọ sanh ba đường thiện, chắc chắn không đọa ba đường ác.

Thứ 6 “*Vô lượng phước huệ, chuyển chuyển tăng trưởng*”(vô lượng phước huệ xoay vần thêm nhiều). Phước đức trí huệ là từ thiện nghiệp mà sanh. Ngạn ngữ xưa có câu “phước chí tâm linh”. Khi phước báo hiện tiền, trí huệ cũng được hiện tiền thì tâm tư đặc biệt nhạy bén. Đây là mối quan hệ của phước và huệ. Gốc của phước huệ đều là thiện tâm, thiện niệm, thiện hành. Nếu tâm hạnh không thiện thì sao có phước báo? Người bất thiện tuy hưởng đại phú quý thì phước báo đó của họ là do

tu ở đời trước, còn đời này tu thì quả báo ở đời sau. Trong Kinh có dạy “Muốn biết nhân đời trước, thì xem thọ nhận đời này; muốn biết quả đời sau cứ xem tạo tác trong đời này”. Nên chúng ta hiểu không phải người làm đủ việc ác mà vẫn có phước báo là vậy.

Đời nay ta không có phước báo là do đời trước không tu, không thể trách người khác. Chúng ta thật sự hiểu đạo lý, hiểu chân tướng thì chắc chắn không oán trời trách người, tâm được an định. Đây gọi là “tâm an lý đắc”. Chúng ta muốn cầu phước báo, cầu trí huệ thì đời này phải tu nhân, đời sau phước huệ chắc chắn hiện tiền. Nhất định phải thấu hiểu đạo lý “nhân quả ba đời” này.

Hiểu thấy pháp thể xuất thế gian rồi thì tu phước tu huệ là lẽ đương nhiên. Vậy ta còn mong cầu thụ hưởng không? Chắc chắn không vì chỉ muốn mang quả báo tu hành của chúng ta hồi hướng, bố thí cúng dường tất cả chúng sanh để người người đều được thụ hưởng chung. Tại sao vậy? Tại vì phước báo này là phước báo hữu lậu. Nếu thọ hưởng phước báo này thì công phu đạo hạnh sẽ thoái chuyển; ngược lại nếu không thọ hưởng mà bố thí cúng dường cho tất cả chúng sanh, đạo nghiệp sẽ tăng trưởng. Còn quả báo mà chư Phật Bồ tát thọ hưởng là quả báo vô lậu. Đây là chúng ta nên học tập, nhất định không thọ hưởng phước báo hữu lậu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện giảng Kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh thì giảng Kinh thuyết pháp ấy là bố thí pháp; còn dùng thân thể, sức lao động là bố thí nội tài. Những nhu cầu cần thiết một đời của mình, ăn no, mặc ấm là đủ

rồi nên cái mà Phật, Bồ tát thọ hưởng là phước huệ vô lậu. Người đời sau dấu noi theo lời giáo huấn Phật Đà tu hành nhưng vẫn không thể thành tựu giống Phật được thì nguyên nhân ở chỗ nào? Do họ không thể buông xả phước báo hữu lậu, ngược lại còn cản trở quả đức vô lậu. Thực chất chỉ cần trừ bỏ sai lầm này, sự thọ dụng trên quả vị chư Phật Bồ Tát dấu chúng ta không đắc viên mãn nhưng cũng đạt ít phần

Mười thiện nghiệp là nền tảng tu hành của nhà Phật. Lục độ, tứ vô lượng tâm, tứ nhiếp pháp, 37 phẩm trợ đạo cũng đều lấy mười thiện nghiệp làm nền tảng. Nên nếu chuyên tu mười thiện nghiệp không nghiêm túc thì không tính là học Phật. Người thật sự niệm Phật vãng sanh, bất luận thân phận gì, làm ngành nghề nào cũng phải tu đủ mười thiện nghiệp, nếu không đủ quyết không thể vãng sanh. Vì đó mà chúng ta cần hiểu rằng muốn đời này vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì phải “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp”. Thực hành được bốn lời dạy này chắc chắn vãng sanh. Hiếu thân tôn sư, từ tâm không sát sanh chính là vận dụng thực hành tu mười thiện nghiệp. Nếu không tu mười thiện nghiệp, hiếu thân tôn sư đều là giả, không có tâm từ bi thật. Chúng ta phải chú ý điều này, tuyệt không xao nhãng vì đó là giới căn bản trong các giới căn bản tu học Phật pháp.

“Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới” được xây dựng trên nền tảng mười thiện nghiệp. Không có nền tảng này thì tam quy ngũ giới cũng không thể thực hiện được, tức là hữu danh vô thực. Có người hỏi Đại Sư Ấn Quang là “Làm sao mới khế nhập Phật pháp được?” Ngài dạy rằng “Một phần thành kính thì

được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Thành kính chính là đầy đủ mười thiện nghiệp, tâm không tương ứng mười thiện nghiệp thì chưa gọi là thành kính. Thành kính không phải là khái niệm trừu tượng mà cần phải được thực hành ngay trong đời sống thường ngày. Mà học hành trong đời sống thường ngày chính là mười thiện. Quả viên mãn của Thập thiện nghiệp chính là quả Phật Như Lai.

Mười thiện, năm giới là căn bản của pháp thực hành, từ Sơ phát tâm đến Như Lai vị đều không thể tách rời. Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều phải tương ứng với mười lời dạy này. Nếu không tương ứng tức là ác nghiệp. Thượng phẩm của mười thiện là nghiệp nhân sanh thiên, thượng phẩm của mười ác là nghiệp nhân địa ngục. Hiểu rõ đạo lý này thì bản thân tự rõ tương lai chúng ta đi về đâu. Cho nên muốn tu phước tu huệ thì nhất định không làm trái ngược lại mười thiện.

Thứ bảy “Vĩnh ly tà đạo, hành u thánh đạo”(xa lìa đường tà, theo con đường bậc thánh).Mười ác là tà đạo, ba đường ác. Chúng ta khởi tâm động niệm rơi vào mười ác, tức là hành tà đạo, quả báo ở ba đường ác. Còn như thực hành mười thiện nghiệp thì mười thiện nghiệp chính là Phật đạo, Bồ tát đạo, Thánh nhân đạo. Tu học theo đường này mới thật sự có trí huệ, thật sự giác ngộ. Vậy nên bắt đầu từ đâu? Nên bắt đầu từ khi khởi tâm động niệm.

Phàm phu khởi tâm động niệm đều là tự tư, tự lợi mà nguồn gốc của nó chính là 5 loại tư hoặc gồm: tham, sân, si, mạn và nghi. “tư hoặc” là suy nghĩ, tư tưởng mê muội. “Nghi” là lòng ngờ hoặc thánh nhân, ngờ hoặc thánh đạo; cứ theo sự

ngờ hoặc áy mà dấy lên lòng ngã mạn, khinh rẻ thánh hiền, thánh đạo. Mà mười thiện nghiệp chính là thánh đạo, chúng ta khinh rẻ mười thiện nghiệp quả báo chắc chắn rơi vào ba đường ác. Quả báo ba đường ác thì tự làm tự chịu, còn phước báo Nhân Thiên tam thừa thánh quả cũng là tự làm tự hưởng. Hư không pháp giới ai làm chủ? tự mình làm chủ, đến Phật, Bồ tát, đại thánh đại hiền cũng không làm chủ được. Vua Diêm vương và Đế Thích cũng không làm chủ. Cho nên nhất định phải “liạ tà đạo, hành chánh đạo” mới thực là đệ tử của Như Lai, được chư Phật tán thán, thiên thân kính ngưỡng.

Thứ tám, “Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp”(không khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp).Tà kiến là những kiến giải, những nhìn nhận sai lầm. Phạm phu chốn Lục đạo đều chấp trước thân này là chân thật, là của ta. Thế nhưng, Đức Phật dạy rằng, thân này không phải là “ta”, cũng không phải của ta. Nó giống như quần áo mặc trên người, quần áo không phải là ta, không phải của ta. “Ta” hay thường gọi cái “ngã” đó thì vĩnh viễn không sanh, không diệt. “Ngã sở” (tức cái của ta) thì có sanh có diệt, như quần áo mặc lâu bị bẩn, bị rách rồi thì không cần nữa, đổi cái khác.

“Ngã” có “thân” hay không? Phật pháp thường nói “pháp thân” thì pháp thân chính là cái “ngã” chân thật. Đức Phật dạy rằng “pháp thân thị bất sanh bất diệt, vô thủy vô chung” (nghĩa là “pháp thân là không sanh, không diệt, không chỗ bắt đầu cũng không nơi kết thúc”). Phật giáo giới đệ tử mục tiêu cuối cùng chính là chứng đắc pháp thân, mà chứng đắc pháp thân tức là thành Phật. Vậy người nào sẽ được chứng đắc pháp thân?

Những người minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Cái mà họ ngộ ra được là “chân ngã” thì bất sanh bất diệt, vô thủy vô chung; còn thân xác chỉ là “giả ngã”. Ngộ ra rồi họ liền thọ dụng, cái thọ dụng này chính là y chánh trang nghiêm trên quả vị Như Lai. “Báo thân” là hữu thủy vô chung (tức có khởi đầu nhưng không có kết thúc), báo thân là trí huệ, tức là có thể chứng đắc trí huệ pháp thân. Chứng đắc trí huệ pháp thân rồi vĩnh viễn sẽ không rơi vào mê lạc. Còn “ứng hóa thân” là thân tướng ứng hóa để cảm hóa chúng sanh, mà Phật ứng hóa vì đó vốn là bản nguyện của chư Phật Như Lai.

Tất cả chư Phật Như Lai trên nhân địa đều từng phát nguyện độ hết thủy chúng sanh. Đó là nhân, còn chúng sanh có cảm là duyên, Phật liền ứng. Pháp thân không đâu không có, không lúc nào không có, nhưng không hình tướng. Tuy không hình tướng nhưng lại có thể hiện tất cả các tướng. Tất cả động vật, thực vật và khoáng vật đều hình tướng của pháp thân biến hiện. Tất cả hiện tượng tự nhiên trong hư không cũng là hình tướng của pháp thân biến hiện. Pháp thân năng hiện tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Tất cả chúng sanh ở đây bao gồm hiện tượng tự nhiên. Đó là sở hiện . Năng hiện và sở hiện là một không phải hai. Nếu phân năng hiện, sở hiện thành hai loại thì đó là cái mà người đời nay gọi là “triết học” chứ không phải lời Đức Phật.

Ông Âu Dương Cảnh Vô có nói “Phật giáo không phải triết học”. Vì sao không phải triết học? Vì Phật pháp là một không phải hai, hư không pháp giới tất cả chúng sanh là một pháp thân, năng hiện và sở hiện cũng là một không phải hai.

Triết học thì không phải vậy. Cho nên Phật giáo không phải triết học cũng không phải tôn giáo. Tôn giáo là sùng bái một vị thần, chủ nhân sáng tạo vạn vật, Phật pháp không có chủ nhân sáng tạo vạn vật, nhưng Phật pháp thì chỉ thừa nhận sự tồn tại của thần. Thần là gì? Thần vẫn là cái biến hiện của pháp thân. Nó hiện ra với vô lượng vô biên tướng khác nhau cũng tức là “thập pháp giới y chánh trang nghiêm” mà Kinh luận thường giảng. Đó là “duy thức sở biến” bởi vì tất cả chúng sanh đã u mê mà đánh mất tự tánh.

Thế nào gọi là “mê mất tự tánh”? Không biết chân tướng sự thật, không thấu hiểu rằng tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới với bản thân mình là một thể thì gọi là “mê mất tự tánh”. U mê đánh mất tự tánh rồi liền sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, gọi chung là “thức”. Cho nên mười pháp giới vô lượng vô biên pháp giới cứ vậy mà biến hiện ra, thế là tự tánh tánh đức không thể làm chủ. Vậy cái gì làm chủ? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm chủ. Đây chính là “8 thức 51 tâm sở” làm chủ trong Pháp tướng tông thường gọi, thế là liền tạo nghiệp ác. Dẫu có làm bao việc thiện thì trong Phật giáo Đại thừa vẫn xem đó như là đã tạo nghiệp ác vì nó do 8 thức 51 tâm sở tạo nên, mà 8 thức 51 tâm sở là vọng tâm, không phải chân tâm, không phải chân tâm tạo nên vẫn tính là tạo ác. Chỉ có những thứ do chân tâm tạo ra thì mới là thiện.

Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật (gồm Phật Tạng giáo, Phật Thông giáo). Những điều họ tạo ra đều là ác chứ không phải thiện. Vì sao vậy? Vì họ chưa có được minh tâm kiến tánh. Họ không

dùng chân tâm, chứ nếu dùng chân tâm thì mọi thứ tạo ra đã là thiện cả rồi. Cho nên nói một khi đã xuất phát từ vọng tâm thì dù điều tạo ra là thiện cũng xem như ác. Vì chúng ta chưa kiến tánh nên mọi nghiệp thiện tạo ra đều không thoát khỏi mười pháp giới.

Cái tâm mà pháp thân Bồ tát(tức phân chứng vị Phật) trong Nhất chân pháp giới dùng là chân tâm nên mọi thứ do họ tạo tác đều là thiện. Chúng ta xem Kinh Hoa Nghiêm thấy được “Thiện tài đồng tử tham vấn 53 vị thiện tri thức” có đoạn nói về việc mà Bà La Môn Thắng Nhiệt, Cam Lộ Hỏa Vương, Phạt Tô Mật Đa Nữ làm là sát, đạo, dâm nhưng họ được xem là thiện. Tại sao vậy? Vì họ dùng phương tiện này để giúp chúng sanh minh tâm kiến tánh, thoát khỏi Lục đạo thập pháp giới nên đây là việc thiện. Đây là mật nghĩa của chư Phật Như Lai, chúng ta không thể thấu ngộ được mà chỉ thấy có cảm giác lạ kỳ, vì chúng ta chưa đạt đến cảnh giới đó. Đức Phật giảng những điều này vì muốn độ chúng sanh thế giới ta bà, độ chúng sanh mười pháp giới. Người có thể dùng phương tiện quyền xảo. Ví như lúc Thiện Tài Đồng Tử đến tham vấn tuy có lễ kính nhưng không tán thán, vì cách họ dùng là thủ đoạn bất thiện. Cách thức hay còn gọi là phương tiện bất thiện cũng có thể độ chúng sanh đó gọi chung là ác độ. Nhưng cần phải xem xét căn tính của chúng sanh ấy thích hợp dùng phương tiện nào thì ta sẽ dùng phương tiện ấy trợ giúp. Nên Đức Phật không dùng phương pháp cố định nào vì Người có năng lực quán cơ mà phàm phu không không cách nào học theo. Vì sao không học được? Vì phàm phu thì chưa xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nếu cứ cố học theo sẽ khó tránh đọa lạc địa ngục.

Đức Phật giáo hóa chúng sinh cũng phân ra nhiều cấp bậc. Giống như trường học vậy, có cấp tiểu học, cấp trung học, cấp đại học rồi viện nghiên cứu. Mỗi một giai đoạn nhấn mạnh một phương pháp của chính giai đoạn đó. Chúng ta nên nhận thức rõ ràng, chúng ta hiện nay chỉ có thể là tiểu học. Vì sao chúng ta tu học nhiều năm vậy nhưng công phu vẫn không đắc lực? Chúng ta không tu học từ căn bản. Căn bản chính là mười thiện nghiệp, cũng là chương trình học Phật pháp của lớp một bậc tiểu học. Bất kể Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo hay Mật giáo đều lấy mười thiện làm nền tảng.

Điều căn bản nhất của pháp môn Tịnh độ là “Tịnh nghiệp tam phước”, mà trong Tịnh nghiệp tam phước thì điều đầu tiên là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp.” Chỉ có thật sự tu mười thiện nghiệp thì mới có thể thực hiện “hiếu thân, tôn sư, từ tâm”. Nếu không có mười thiện nghiệp, hiếu thân, tôn sư, từ tâm chỉ toàn là giả. (Thành Hoàng huyện Lư Giang từng nói tội ác lớn nhất đời người là bất hiếu với cha mẹ, bất kính với tổ tiên). Có đầy đủ điều kiện đầu tiên của Tam phước thì niệm Phật mới có thể sanh Phạm Thánh Đồng Cư độ; đầy đủ hai điều kiện thì được sanh Phương tiện Hữu Dư độ; ba điều đầy đủ cả viên mãn sanh Thật Báo Trang Nghiêm độ. Cho nên mức độ thấp nhất là phải làm được điều thứ nhất và đem điều thứ nhất áp dụng thực tiễn ở mười thiện nghiệp.

Người xưa đi con đường này chỉ trong thời gian mấy năm ngắn ngủi là họ đạt thành tựu. Còn ngày nay chúng ta lơ là, trong sự tu học không cảm thấy, khởi tâm động niệm đều tự tự

lợi, được người khen ngợi thì lòng đầy hoan hỉ, bị người mắng mỏ, lăng mạ thì lòng nổi oán hận. Cứ vậy mà niệm Phật thì công phu làm sao đắc lực? Vậy người xưa dùng tâm thái gì để đối mặt với cảnh duyên thuận nghịch? Nghe người khen ngợi, họ e ngại tự hỏi “việc mình làm có xứng với lời khen không?”; gặp người phỉ báng, bức hại, lăng mạ, họ nghĩ “tự mình chưa tốt nên chưa làm người vừa ý”. Do đó mà tự mình phản tỉnh, sửa chữa, làm mới bản thân, tuyệt không oán hận người khác. Làm được vậy, tâm mới vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, từ bi không một ý niệm ác, không một hành vi bất thiện. Chung sống với đại chúng chỉ nhớ điều tốt, điều ân đức của người, dứt khoát không có ý niệm báo oán bất thiện. Có vậy mới có thể tu học đến mức thuần thiện. Tây phương Cực lạc là cõi “các bậc thượng thiện câu hội”, nếu tâm địa không đạt đến thượng thiện thì dầu đủ tín nguyện hạnh cũng không thể vãng sanh.

Vì sao nói “pháp thân Đại Sĩ không có lầm lỗi”? Vì khi đối mặt tất cả chúng sanh, tất cả vạn vật, Pháp thân Đại sĩ chỉ nhìn vào tánh, không chấp trước vào tướng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nên Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác đều dạy rằng “tất cả chúng sanh vốn sẽ thành Phật”. Vậy hiện tại chúng sanh có phải là Phật không? Đương nhiên phải! Vì Đức Phật thấy tất cả chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, Đức Phật từ “Phật tánh” mà nhìn. Còn phàm phu chỉ nhìn vào tướng nên chấp cái tướng này. Phật không như vậy. Đại sư Hiền Thủ có một ví dụ thế này: “dùng vàng làm dụng cụ, mọi dụng cụ đều là vàng”, nghĩa là lấy vàng làm khí cụ đựng đồ vật, cùng một thành phần, cùng một trọng lượng làm thành tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng Thanh Văn, tượng Duyên Giác, tượng Thiên

Nhân, tượng A Tu La, tượng súc sanh, tượng Nga quý, tượng Địa ngục. Bày tất cả tượng này ra trước mắt, Đức Phật chỉ nhìn tánh không nhìn tướng, thấy hết thấy đều là vàng với giá trị như nhau, chẳng gì khác biệt. Ngược lại, phàm phu chấp tướng không thấy tánh: này là Phật, này là Bồ tát, còn kia là Nga quý. Cứ xem hình tượng khác nhau rồi khởi sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên cũng sinh tâm phân biệt tốt xấu. Sai lầm là đây.

Chư Phật Bồ tát giúp đỡ chúng ta, mục đích cuối cùng là dạy chúng ta nhìn vào tánh không chấp vào tướng, cứ thế tâm tự thanh tịnh, bình đẳng, không sanh một ý niệm khác biệt nào. Chúng ta hiểu được rằng tượng Phật, tượng Nga quý, tượng Địa ngục đều bình đẳng, không chút gì khác biệt. Vàng là thật, tượng là giả. Chúng ta không thích tượng này, thì có thể đem tượng này nấu lại làm tượng khác. Điều này có nghĩa là tánh vĩnh viễn không đổi, nhưng tướng sẽ đổi thay, tánh không không sanh không diệt, tướng có sanh có diệt.

Chúng sanh hữu tình gọi là “Phật tánh”, chúng sanh vô tình (tức tất cả chúng sanh không có tình thức) gọi là “Pháp tánh”. Phật tánh và Pháp tánh cũng chỉ là một tánh. Nên từ tánh mà thấy thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều vốn tự có. Đó gọi là tánh đức. Nếu chúng ta sa vào phân biệt, chấp trước tức là tự mình đánh mất tự tánh. Tánh đức không hiển hiện thì sanh khởi thị phi, tà chánh, thiện ác. Những thứ đó đều là vọng tưởng phân biệt, chấp trước.

Có thể “không khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp” thì quả vị thấp nhất tu đắc là Bồ tát Sơ tín của viên giáo Đại thừa và quả Tu Đà Hoàn Tiểu thừa. Muốn vậy phải thật nỗ lực dụng công tu

học mới được. Đạt được vậy rồi mới thể hội mười thiện nghiệp quan trọng biết chừng nào! Nỗ lực tu mười thiện nghiệp thì niệm Phật mới được vãng sanh. Rồi bỏ mười thiện nghiệp rồi, bất luận tu tập pháp môn nào công phu đều không đắc lực. Như kiểu xây nhà không có nền móng vậy mà. Tu mười thiện nghiệp thì mới có thể bỏ đi các ác nghiệp, ác nghiệp không bỏ được thì đời đời kiếp kiếp theo nghiệp thọ báo mà luân hồi trong lục đạo. Tu thiện nghiệp sẽ được sanh vào ba đường thiện; tạo ác nghiệp sẽ rơi vào ba đường ác, tùy nghiệp luân chuyển, khổ sở đủ đường. Đây chính là chân tướng của chúng sanh nơi lục đạo.

Thứ chín: “Trụ vô ngại kiến” (an trụ trong sự hiểu biết không có chướng ngại). “Kiến” là kiến giải. Câu này nghĩa là những kiến giải đối với pháp thể xuất thế gian đều thông đạt vô ngại. Đại sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Sớ Sao có nói 4 loại vô ngại, bao gồm “lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Bốn loại vô ngại này vốn có sẵn trong tự tánh chúng ta. Thế nhưng ngày nay, kiến giải tư tưởng của chúng ta lại vướng đầy chướng ngại. Vậy chướng ngại từ đâu ra? Từ mười ác nghiệp mà ra, rồi từ đó sanh đủ thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên làm tánh đức không thể hiện tiền. Trùng trùng quả báo “bất tư nghị” mà Kinh văn thuyết giảng ở trên đều thuộc về đức năng vốn có trong tự tánh của chúng ta. Chỉ cần xa lìa mười ác, tánh đức tự ắt phục hồi, còn phục hồi đến mức độ là tùy thuộc vào công phu mỗi người.

Người có trí huệ phước đức, thì nhất định hiểu được “xa lìa tất cả ác, tu tất cả thiện”. “Tất cả” chính là cương lĩnh mười điều ở Kinh này. Triển khai mười ác thì vô lượng vô biên tội nghiệp, triển khai mười thiện thì được vô lượng vô biên thiện

phước. Học Phật bắt đầu chính là bắt đầu từ đây. Hy vọng ngay từ đời này chúng ta sẽ tu học đến độ thuần thiện.

Nho giáo có câu “Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia”. Phật giáo lại có dạy “Hiếu thân, tôn sư, tu thập thiện nghiệp đạo”. So sánh lời dạy này của bậc đại Thánh đại Hiền thế xuất thế gian, rõ ràng là “sự hiểu biết của anh hùng, đại thế đều giống nhau” đáng để chúng ta tin tưởng sâu. Đã thực tin tưởng thì phải nỗ lực học tập, triệt để sửa đổi những hành vi tập khí bất thiện đã phạm phải trước kia. Phàm phu không dễ thấy được cái sai của mình, mà ngược lại toàn thấy cái lỗi ở người. Cho nên cổ đức dạy ta rằng, thấy người sai phạm thì tự khắc hồi đầu kiểm điểm xem bản thân có lầm lạc giống vậy không? Mà phàm phu thì đâu thấy lỗi của mình để sửa đổi. Đó cũng là nguyên nhân chung của đa số người tu hành công phu không đắc lực. Quan sát người rồi liền tự mình kiểm điểm, ấy mới là trí huệ; lách lỗi người ngấm ngấm giữ trong lòng thì tội chồng thêm tội, ấy chính là sai lầm.

Thêm nữa, đọc sách Thánh Hiền cũng giúp mình dễ thấy sự lầm lạc của bản thân. Đại sư Ấn Quang khuyên chúng ta đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư. Đọc những Kinh văn này và đối chiếu tâm hạnh của mình thật kỹ, ý niệm nào là thiện, hành vi nào là ác, rồi thiện tâm thiện hạnh thì gìn giữ, ác niệm ác hạnh phải sửa đổi. Lại phải đọc Kinh giáo Đại thừa nhiều rồi thì kiến giải tư tưởng của ta dần sẽ gần với Đức Phật.

Tư tưởng, kiến giải của Phật, của Bồ tát là chánh tri, chánh kiến; mà cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta chắc là chưa đúng rồi. Tâm của các vị ấy thì thanh tịnh, có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai mà tâm tư chúng ta chắc chắn còn nhiều mê muội,

quên hết chuyện đời trước, tỉnh thoảng hiện hành trong giấc mơ là cùng. Cảnh giới trong mộng phần nhiều là chủng tử của A Lại Da Thức hiện hành. Những chủng tử này vốn đã có ở kiếp trước, nên cứ quan sát kỹ giấc mơ thể nào cũng ngầm được chút ít cái nghiệp đã tạo. Đến khi tâm tu được thanh tịnh sẽ có thể nhớ được chuyện đời đời kiếp kiếp đã qua. Người bình thường trên thế gian tâm tương đối thanh tịnh, có thể nhớ lại tuổi thơ, còn nếu thanh tịnh hơn nữa sẽ nhớ được quá khứ một đời, hai đời. Ngày nay chúng ta gọi hiện tượng này là “năng lực đặc biệt” hay theo cách nói thông thường là “thần thông”.

Thần thông có được là nhờ thiên định. Định công của đức Phật thâm sâu, thiên định viên mãn nên Người biết hết việc trong vô lượng kiếp trước; mà theo cách nói ngày nay là Người có kinh nghiệm phong phú hơn chúng ta. Mà thật! Vài mươi năm học tập ngắn ngủi của chúng ta thì không thể tin được. Đó là sự thật! Đặc biệt là xã hội ngày nay mà theo Kinh Lăng Nghiêm là “tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Những điều chúng ta tiếp xúc đều là tà tri tà kiến, người người sai lầm, chúng ta cũng sai theo, mà đều tự cho là đúng. Đó gọi là “sai lâu thành đúng”.

Vậy đâu là chuẩn mực của thị phi thiện ác? Với tâm hạnh của các bậc thánh hiền, người thực sự giác ngộ thì tư tưởng, lời nói, hành vi của họ đều là chuẩn mực cả. Cho nên người học Phật cứ lấy tâm hạnh của Đức Phật Thích Ca làm tiêu chuẩn tuyệt đối. Trong pháp thế gian, người Trung Quốc tôn sùng tâm hạnh Đức Khổng Tử, lấy đó làm tiêu chuẩn, mà tâm hạnh của Khổng Tử chính là những điều được ghi chép trong Luận ngữ. Chu Hy đời Tống đã biên tập lại thành bộ Tứ Thư. Người Trung Quốc xem Tứ Thư là tiêu chuẩn của thị phi thiện ác, của giá trị

quan, nhân sinh quan. Đó là tinh thần của dân tộc Trung Hoa. Tiếc là người đời nay lại vứt bỏ giá trị quan mấy nghìn năm của dân tộc, chạy theo tà tri tà kiến trước mắt, nên thế gian mới động loạn, gặp thiên tai nhân họa. Vậy làm sao mới có thể tiêu trừ tai nạn? Phải bắt đầu từ tâm. Tâm mình phải thay đổi, phải giác ngộ, phải chuyển tà thành chánh; không thuận theo tập khí phiền não bản thân, không chạy theo giá trị quan đời sống trần tục, quay đầu quy thuận giáo huấn thánh hiền. Khi ấy nạn tai tự ắt hóa giải, chúng ta liền được chánh tri, chánh kiến, vạn điều vạn sự đều thông đạt vô ngại.

Thứ mười: “Bất đọa chư nạn. Thị vi thập”.(không rơi vào các hoạn nạn. đó là mười). Trong câu này có hai trường hợp. Thứ nhất là, khi chúng sanh tạo ác nghiệp tự chiêu cảm thiên tai nhân họa thì những người giác ngộ có phải cùng chịu nạn tai không? Đã là cộng nghiệp chiêu cảm thì nhất định phải cùng nhau nhận lãnh nhưng chắc chắn người giác ngộ sẽ không bị đọa lạc. Vì sao vậy? Vì tâm họ thanh tịnh, lương thiện nên trong cuộc đại nạn tự ắt được thăng Thiên mà không rơi vào đọa lạc. Người học Phật mà được như Kinh A Di Đà có nói “đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên” gặp được pháp môn Tịnh độ thì chắc chắn được vãng sanh thế giới Cực lạc thành Phật, cho nên nói “bất đọa chư nạn” là vậy. Trường hợp thứ hai là trong cuộc đại nạn, người giác ngộ có thể không bị ảnh hưởng. May mắn thoát được đại nạn, không có nguyên nhân nào khác ngoài hai thứ đó: một là thiện căn phước đức sâu dày kiếp trước để lại, đời này tuy tạo một vài việc ác, nhưng do phước đức sâu dày nên có thể tránh được. Hai là trong đời này gặp thiện tri thức, thụ đắc giáo huấn của thiện tri thức, đoạn ác tu thiện, nên cũng có thể tránh được. Những đạo lý và chân tướng sự thật này được

ghi lại rất nhiều, rất tỉ mỉ trong sách Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Liễu Phàm Tứ Huán.

Quả thiện chắc chắn phải từ nhân thiện mà có, tạo tác ác nghiệp mà mong cầu quả thiện thì đúng là “vô hữu thị xứ” (nghĩa là “làm gì mà có đạo lý này”). Tương tự vậy, tạo nhân thiện nhưng nhận ác quả thì cũng là “vô hữu thị xứ”. Tiếc rằng thế gian lại thường thấy có những người cả đời hành thiện, cuối cùng cái có được lại là ác báo, còn kẻ tạo ác lại hưởng thụ đủ điều; hình như nhân quả báo ứng không đúng? Vậy là người ta hoài nghi, người ta không chấp nhận. Nếu vậy thì cái nhìn đó thật quá nông cạn. Nên nhớ, Phật dạy “nhân quả thông ba đời”. Hiện tại kẻ làm ác vẫn có thể được phước báo là do trong đời quá khứ dày công tu nhân tích đức. Đời này tuy làm ác, phước báo đầu đã hao tổn ít nhiều nhưng vẫn còn, chưa hao hết nên mới có thể hưởng phước. Cả đời tích thiện còn nhận quả khổ thì tức là ác nghiệp tiền kiếp đã tạo quá nhiều, vẫn chưa đoạn tuyệt nên phải thọ lãnh ác báo. Hiểu được điều này rồi cứ không ngừng hành thiện thế nào đời sau cũng có phước báo lớn.

Kinh Phật dạy: “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”. Nhân quả chuyển biến bất không, tương tục bất không, tuần hoàn bất không. Hiểu được “thiện ác nhất định có quả báo” chắc chắn chúng ta sẽ không tạo ác. Bất kể gặp gian nan, khốn khổ cũng không khởi ác niệm, đời sau có phước báo lớn. Chúng ta nên hiểu rằng kiếp này ngắn ngủi, lai sinh dài lâu, người hiểu biết thì phải biết nhìn xa trông rộng. Đây không phải là cách nghĩ tiêu cực. Chẳng những đời sau có thể trở thành người được nhiều phước báo mà ngay đời này khi tuổi về già cũng có thiện phước hiện tiền. Đấy chính là “hoa báo” mà nhà Phật thường nói, nghĩa là chúng ta đã dày công tu nhân tích đức nên không

cần đợi đến kiếp sau, ngay trong đời này phước báo đã hiện tiền. Có được “hoa báo” thù thắng chính là cái quả mà chúng ta ngầm nghĩ sẽ hiểu ra được. Cho nên, “phước” chắc chắn là nhờ tu tập tích lũy thiện tâm, thiện hạnh mà có. Phải tin! Không có gì nghi ngờ cả!

“Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, túc chúng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông” (Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, thì sớm đạt được pháp của tất cả Đức Phật, thành tựu thần thông tự tại). Đây là lời tổng kết. Trong đó, “A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề” là tiếng phạn. Vì tôn trọng bản gốc nên chỉ dịch âm, còn toàn câu này nghĩa là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, “A” là vô, “Nậu Đa La” là thượng, “Tam” là chánh, “Miệu” là đẳng, “Bồ Đề” là giác. Chúng ta là học Phật, mục tiêu cuối cùng chính là câu “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Trong câu này có ba thứ bậc là “Chánh giác, Chánh đẳng Chánh giác và vô thượng chánh đẳng, chánh giác.” Chánh giác chính là tiểu thừa A La Hán, Bích Chi Phật. Đức Phật nói rằng, khắp chôn thế gian này có rất nhiều người người thông minh. Họ tương đối giác ngộ đạo lý nhân sinh vũ trụ nhưng vẫn chưa thể gọi là “chánh”. Trong Phật pháp, tiêu chuẩn của “chánh” là phá được chấp ngã mà theo cách nói của Kinh Kim Cang là phải đạt đến mức “vô ngã tướng” thì mới có thể được xem là “chánh giác”. Ngày nay, có khá nhiều nhà khoa học, nhà triết học, nhà tôn giáo đều có thể xem là “giác” nhưng chưa thể gọi là “chánh giác” vì họ ngã tướng.

Ngã tướng cũng thuộc về chấp ngã, đó chính là chấp trước. Chấp trước nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng

tức là đã phân biệt, vọng tưởng. Cho nên phá bốn tướng này phân thành ba giai đoạn. Đoạn được chấp trước gọi là “chánh giác”; đoạn được phân biệt nhưng vọng tưởng vẫn còn thì giai đoạn này gọi là “Chánh đẳng Chánh giác”. “Đẳng” là ngang bằng với Phật nhưng không phải Phật. Phải đoạn tận phân biệt, vọng tưởng mới gọi là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Cho nên Vô thượng chánh đẳng, chánh giác chỉ có Phật quả viên giáo. Bồ Tát đẳng giác trở xuống đều thuộc về Chánh đẳng Chánh giác.

Ngôi vị thấp nhất của Chánh đẳng Chánh giác là Bồ Tát sơ trụ của Viên giáo. Vì vậy Tứ Thánh pháp giới đều thuộc chánh giác, nhưng thứ bậc của họ cũng có sự khác biệt cao thấp. Tứ Thánh pháp giới là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật (Phật này trong Tông Thiên Thai gọi là Phật Tạng giáo và Phật Thông giáo). Tứ Thánh này đều thuộc về chánh giác. Nếu theo Phán giáo của Đại sư Thiên Thai trong “Lục tức Phật” , thì Tứ Thánh pháp giới trong Tạng giáo, Thông giáo là “Tương tự tức Phật” . Phá một phẩm vô minh thì chứng nhất phần pháp thân, sẽ thoát khỏi mười pháp giới mà vào Nhất chân pháp giới, lúc này mới là “Phần chứng tức Phật” và được gọi là “Chánh đẳng Chánh giác” chính là pháp thân Bồ Tát.

Mục tiêu của chúng ta học Phật là cầu được giác ngộ, cứu cánh triệt để viên mãn đối với vũ trụ nhân sanh, là đắc “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Làm sao mới được như vậy? Phải đoạn tuyệt việc ác, tu hành điều thiện. Tất cả việc thiện, ác trên đời được Đức Phật tổng hợp lại thành 20 điều: mười thiện và trái với mười thiện là mười ác; lìa mười ác chính là mười thiện. Vì thế nên biết, thực chất thiện – ác chỉ là một, chỉ là sự khác biệt giữa mê – ngộ mà thôi.

“Hồi hướng” là đem công đức tu học của mình chia sẻ với tất cả chúng sanh, bản thân không tham luyến gìn giữ. Nhưng giả sử đã hồi hướng cho tất cả chúng sanh chung hưởng nhưng vẫn còn đôi chút ý niệm “ta và tất cả chúng sanh chung hưởng” thì thực chất vẫn chưa hoàn toàn buông bỏ được cái “ngã”, vẫn còn chấp “ngã”. Công đức chúng ta chia sẻ với chúng sanh chung hưởng nhưng trong đó không có “ngã” thì mới có thể đi trên đường Bồ đề.

“Hậu thành Phật thời, tốc chúng nhất thiết Phật pháp”. “Phật” nghĩa là giác ngộ, đối với tất cả pháp, “giác” mà không mê, không gì mà không biết, không gì mà không thể”. Còn “Pháp” là tất cả pháp.

“Thành tựu tự tại thần thông” ở đây là đức dụng. Đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, đều có thể giác mà không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, đạt được đại tự tại. Đây là tự thọ dụng, mà tự thọ dụng là tự tại; còn tha thọ dụng là thần thông, tức là có năng lực giáo hóa tất cả chúng sanh.

Vì thế, xa lìa tà kiến không những được thành tựu mười pháp công đức thù thắng, nếu có thể đem công đức hồi hướng vô thượng Bồ đề, thì có thể sớm chứng được pháp của tất cả Đức Phật, được đại tự tại, giáo hóa tất cả chúng sanh.

“Ly sát hại nhi hành thí cố”(xa lìa giết hại mà thực hành hạnh bố thí)

Kinh văn: *“Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Long Vương ngôn : Nhược hữu Bồ Tát, y thử thiện nghiệp. Ư tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, Trường thọ vô yếu, bất vi nhất thiết oán tặc tổn hại”*.

Đoạn Kinh dưới đây sẽ nói về việc áp dụng thực tiễn mười thiện nghiệp trong pháp hành của Bồ Tát. Nhờ đó mà chúng ta hiểu rằng Lục độ, Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp pháp và 37 phẩm trợ đạo, v.v.. cùng tất cả pháp môn đều lấy mười thiện làm nền tảng. Không có mười thiện thì không có Phật pháp.

“Nhược hữu Bồ Tát, y thử thiện nghiệp, u tu đạo thời”(nếu Bồ Tát y theo thiện nghiệp này thì trong khi tu đạo).“Thiện nghiệp” nghĩa là thiện nghiệp của cõi Thiên Nhân. Có đủ mười thiện rồi thì dầu không tu hành y theo Phật pháp Tiểu thừa, Đại thừa cũng tuyệt đối không đọa tam ác đạo. Tham, sân, si là nghiệp nhân của tam ác đạo; tâm tham đọa ngạ quỷ, sân hận đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Rời xa được tham, sân, si thì chắc chắn không đọa tam ác đạo. Đây là căn bản của cõi Thiên Nhân. Trong Lục đạo phải đạt được điều thiện căn bản này, mà nếu không tu hành nghiêm cẩn thì làm sao được?

Câu “Năng ly sát hại nhi hành thí cố”(có thể xa lìa giết hại mà thực hành bố thí), tức là từ bỏ việc sát sanh mà làm việc bố thí sẽ được quả báo “thường phú tài bảo”(thường được của báu sang giàu). Vậy phú quý từ đâu mà có? Chắc chắn không phải nhờ sát sanh mà có, đó là do đời trước tu tích thiện nhân nên cả đời này được thiện báo. Đức Phật dạy “Muốn biết nhân đời trước, xem thọ nhận đời này; muốn biết quả đời sau, xem nhân đã gieo đời này”. Đời này được phú quý là nhân thiện đã gieo trong quá khứ, tức là ngay cả khi kiếp này chúng ta dùng thủ đoạn phi pháp để được phú quý thì cái được ấy cũng là do kiếp trước tu thiện nhân mà được, nhưng còn nghiệp của kiếp này (tức dùng thủ đoạn phi pháp) thì kiếp sau sẽ thọ báo. Đây là chân tướng sự thật.

Vì sao Phật pháp được xem là “Bảo” (nghĩa là quý giá, trân quý)? Vì Phật pháp thấu hiểu triệt để chân tướng sự thật nhân quả ba đời. Nhân quả ba đời giúp ta hiểu được của cải từ đâu mà có? Từ tu bố thí mà có! Bố thí tài thì đạt được của cải “vô năng xâm đoạt”(không ai có thể chiếm đoạt được), tức là không ai có thể xâm phạm, chiếm đoạt của cải ấy của ta. Còn ngày nay, người giàu có lại lo lắng ngày đêm, lo được lo mất, không những không thể hưởng thụ mà trái lại thân tâm lo âu. Nếu họ có thể học theo pháp mười thiện thực hành bố thí thì của cải chắc chắn không bị tiêu tan.

“Trường thọ vô yểu”(Trường thọ không chết yểu). Chữ “yểu” nghĩa là chết yểu, đoản mạng. Chúng ta phải hiểu rằng không sát sanh chính là bố thí vô úy và quả báo của bố thí vô úy là khỏe mạnh, trường thọ.

“Bất vi nhất thiết oán tặc tổn hại”(chẳng bị tất cả oán tặc làm tổn hại. “Oán” tức oan gia, còn “tặc” là trộm cướp. Từ trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã kết oán thù với biết bao chúng sanh, đã trồng biết bao nhân ác; nhưng Đức Phật từng nói rằng nhân mà muốn thành quả thì phải có “duyên”, vô duyên thì quả ác sẽ không hiện tiền, dù đã gieo nhân ác. Đời này chúng ta gặp được Phật pháp thì phải tín thọ phụng hành, phải biến tâm hạnh của bản thân thành thuần thiện, đoạn tuyệt ác duyên. Đoạn được ác duyên rồi thì dù gặp oan gia trái chủ nhưng không có ác duyên, ác quả cũng sẽ không khởi hiện. Cho nên cốt lõi của quả báo là ở duyên, vì vốn tội nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ thì không thể biến chuyển được nữa, nhưng duyên thì có thể. Chúng ta tu tất cả thiện duyên, đoạn hết thảy ác duyên, oán tặc tổn hại tự nhiên cũng xa lìa, nếu có gặp đôi chút tổn hại nho nhỏ cũng không đến nỗi trở ngại việc lớn. Cho nên kiết hung họa

phước đều là tự tâm mà chuyển. Biết vậy nên nhất định không được sát sanh, không những không sát sanh mà cũng không được có hành vi và ý niệm tổn hại người, nếu tất cả chúng sanh vì ta mà khởi phiền não là chúng ta sai rồi.

Tu hành mười thiện đến tầng thứ tương đối, tức là đạt “không mảy may bất thiện xen tạp”, đến tầng thứ này thì trực tiếp tu pháp Bồ tát, cho nên, ở đoạn này Đức Phật mới đặt pháp Bồ tát để ở đoạn văn thứ nhất. Còn như còn chút gì bất thiện xen tạp thì là không thuần thiện. Nho giáo câu “Minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện, tri chí nhi hậu hữu định” . “Tri chí” , “Tri ” là biết chí thiện, “chỉ” là ở chí thiện. Như vậy chúng ta thể hội được Nho giáo khuyên người ta “lập chí”, còn Phật giáo khuyên người “phát tâm”, chính là phát tâm chí thiện. Tâm chí thiện đối với mình chính là tâm tâm ở trong tâm Bồ đề; tâm chí thiện đối nhân tiếp vật là tâm đại bi ở trong tâm Bồ đề. Từ chí thiện có thể kiến tánh, tánh là tâm chân thành, Quán Kinh gọi là tâm chí thành. Nho giáo khuyên người lập chí làm Thánh nhân, Phật giáo dạy chúng ta phát tâm thành Phật, đây mới là đích thực “chỉ ư chí thiện”.

Cho nên tâm nhất định không có chút ý gì tổn hại người, không chút ý niệm tổn hại chúng sanh. Đức Phật, Bồ tát độ hóa chúng sanh không gấp gấp cũng không chỉ nhất thời; vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp các vị ấy luôn gieo thiện căn cho tất cả chúng sanh. Trong Kinh có dạy danh hiệu của chư Phật, Bồ tát “nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng” (nghĩa là “một lần nghe qua tai rồi thì mãi trở thành hạt giống đạo”). Tất cả chúng sanh kiếp này có cơ hội nhìn thấy tượng Phật, nghe được danh hiệu Phật thì xem như hạt giống thiện căn đã được gieo, nếu đời này không thể thành tựu thì đời sau hoặc nhiều đời về sau nữa gặp

lúc duyên chín muồi nhất định được độ hóa . Cho nên chúng ta phải nhận thức rõ ràng, phải hiểu được tầm quan trọng của mười thiện nghiệp , thì mới nỗ lực tu học, tự lợi, lợi tha.

Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố.(Xa lìa không cho mà lấy, thực hành bố thí)

Kinh văn: ***“Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối thắng vô tử, tất năng bị tập, chư Phật pháp tạng”***.

“*Bất dữ thủ*” là giới trộm cắp, có thể lìa không cho mà lấy, cũng chính là trì giới bố thí. “Tài bảo” là quả báo thông ba đời, bố thí tài thì được giàu có, tài cũng xem như là bảo; bố thí pháp được thông minh trí huệ, thông minh trí huệ là pháp bảo; bố thí vô úy được khỏe mạnh, trường thọ. Người người đều xem đây là quả báo quý báu nhất.

Với những người thường xuyên bố thí, nếu họ không lìa ác nghiệp mà vẫn bố thí thì phước báo thọ nhận ở tam ác đạo. Ngày nay, chúng ta thấy rất nhiều người thú cưng mà những con thú cưng ấy được phước báo biết bao! Thực chất, phước báo của chúng là do đời trước tu pháp bố thí. Nếu những con vật này rất thông minh tức kiếp trước chúng còn có bố thí pháp. Nếu chúng khỏe mạnh trường thọ tức kiếp trước chúng có bố thí vô úy. Cho nên, quan sát kỹ, chúng ra sẽ biết thú cưng ấy đã tu pháp bố thí nào trong đời trước, có điều là chúng chưa lìa tham sân si nên mới nhận lãnh quả báo như vậy. Còn nếu phước báo lớn hơn thì họ sẽ thành La Sát, A Tu La .A Tu La là thủ lĩnh trong loài súc sanh, là quỷ vương trong cõi ngạ quỷ. Tuy nhiên sau khi hưởng hết phước báo này thì ác nghiệp hiện tiền, lúc đó mới thật sự là khổ báo. Từ đó cho thấy, nếu không tu mười thiện nghiệp, thì tất

cả phước tu được đều không chân thật; chỉ có tu mười thiện, y theo mười thiện tu bố thí, trì giới... Lục độ vạn hạnh thì phước báo này mới thật sự chân thật, mức thấp nhất cũng được hưởng phước báo cõi Thiên Nhân.

Phước báo cõi Thiên Nhân(trời, người) vẫn chưa phải cứu cánh.Ví như chúng ta thấy triều đại nhà Thanh với các đời Khang Hy, Càn Long thì phước báo của họ đã phải tu tích từ biết bao đời bao kiếp mới có thể trở thành đế vương của nhân gian. Huống hồ họ tu tích cả 3 loại pháp bố thí cho nên phước báo tài phú, thông minh trí huệ, khỏe mạnh trường thọ đều có đủ. Hiển nhiên cả hai đều là minh quân, làm không ít việc tốt cho quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, vì những vấn tự phạm điều cấm chế không đáng mà họ giam oan phần tử trí thức, tổn hại không ít người có học. Tạo nghiệp chính là đây. Phước báo hiện thời hưởng hết, phước báo tích dư cũng hết thì tội báo tự nhiên hiện tiền thôi.

Quả báo trong Lục đạo không phải là cứu cánh. Người trí tuệ sẽ một lòng thoát khỏi Lục đạo. Ngay cả khi chúng ta phát nguyện đến Lục đạo cứu độ chúng sanh thì nhất định cũng phải thừa nguyện tái lai. Thừa nguyện tái lai là thân nguyện lực, không phải thân nghiệp báo, người thừa nguyện tái lai chắc chắn không tạo nghiệp. Nếu vẫn còn ác niệm, còn yêu ghét, thì đó không phải là thừa nguyện tái lai. Với người thừa nguyện tái lai, tình thức sẽ chuyển thành trí huệ, tình cảm chắc chắn không khởi dụng. Nếu còn có tình cảm thì là thân nghiệp báo, sẽ tùy nghiệp mà lưu chuyển. Pháp Tướng Tông nói “chuyển thức thành trí” thì thức này chính là tình thức. Chuyển 8 thức thành 4 trí Bồ đề thì ấy chính là người thừa nguyện tái lai, còn chưa chuyển được tâm, tâm sở thành 4 trí Bồ đề thì chỉ là phàm phu

chỗ Lục đạo. Phàm phu chốn Lục đạo đều được phước báo lớn cũng chỉ làm đến Ma Hê Thủ La Thiên Vương, hưởng hết phước báo rồi lại rơi vào đọa lạc; hay nói cách khác là không thoát khỏi luân hồi. Đại phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương không bằng Tu Đà Hoàn, vì Tu Đà Hoàn còn trở lại nhân gian và cõi trời được bảy lần và chắc chắn thoát khỏi Lục đạo luân hồi còn Chư Thiên và Thiên Vương thì không cách nào thoát được luân hồi.

Chúng ta đang tu hành ở đâu? Là đang ở cảnh giới lục căn tiếp xúc lục trần. Vậy làm sao để chuyển đổi tình thức thành bốn trí Bồ đề? Chuyển đổi A lại da thức thành Đại viên cảnh. “Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh đẳng, từ bi; nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”. “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới” (nghĩa là tâm rộng mở ôm trọn hư không, phủ đầy pháp giới) chính là Đại viên cảnh. Còn tâm chân thành ôm trọn hư không, phủ khắp pháp giới; tâm thanh tịnh ôm trọn hư không, phủ khắp pháp giới, thậm chí là tâm tự tại phủ hư không, trùm pháp giới và tâm tùy duyên cũng phủ hư không, trùm pháp giới chính là Đại viên cảnh trí. Chuyển Mạt na thành “Bình đẳng tánh trí”, chuyển ý thức thứ sáu thành “Diệu quan sát trí”, chuyển ngũ thức thành “Thành sở tác trí”, “Trí” này ôm trọn cả hư không, phủ khắp pháp giới.

Vậy chúng ta phải chuyển từ đâu? Phải chuyển biến chính ngay từ đời sống hằng ngày, trong cách đối nhân xử sự tiếp vật, làm một bước chuyển đổi lớn, nhất định không tự tư tự lợi; thuận cảnh không khởi tham ái, nghịch cảnh không khởi sân hận ắt đạt ngay “chỉ u chí thiện”. Tiếp xúc với tất cả chúng sanh, khởi tâm động niệm không chút gì bất thiện, tương ứng với mười thiện, quả báo nhận được chính là xứng tánh. Nhờ đó mà

được “thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt”, tài bảo xứng tánh rồi thì không ai có thể xâm phạm hay cướp đoạt, huống hồ chúng ta càng bố thí tài bảo thì lại càng được nhiều hơn, mãi không mất đi

Chúng sanh thế gian khổ ải nhiều vì không biết bố thí tài, trình độ văn hóa ngày một thấp chính vì không biết tu bố thí pháp. Ngay cả phía sau những quyển sách ngày nay đều ghi câu “bản quyền đã sở hữu, mọi sao chép đều bị truy tố” thì cũng xem như không chịu bố thí pháp. Vậy thì sao được thông minh trí tuệ đây? Niệm niệm chỉ biết toan tính với người, tham luyến lợi nhỏ thì sẽ không được khoe mạnh trường thọ. Xã hội ngày nay, người người đều đang tạo nghiệp, không biết tu phước; cứ nghĩ tạo nghiệp mới là mình thông minh, không hề biết những phước báo có được từ việc tạo tác ác nghiệp đó vốn là phước đã sẵn có trong mạng bản thân, nếu không gây ác nghiệp thì phước báo ấy sẽ còn lớn hơn so với hiện nay nhưng vì tạo ác nghiệp rồi nên phước báo cũng theo đó mà suy giảm.

“Tôi thắng vô tỉ, tất năng bị tập, chư Phật pháp tàng”(không ai sánh bằng, có thể chứa nhóm hợp tạng pháp chư Phật). Xa lìa trộm cắp thì được hai loại phước báo thù thắng không gì sánh được là phước và huệ. Có được trí huệ là nhờ bố thí pháp, nếu thật có lòng bố thí thì những trước tác của mình sẽ không dễ dòng chữ “bản quyền đã sở hữu, mọi sao chép đều bị truy tố”. Ngay nơi cửa Phật cũng có vài vị Đại đức in dòng chữ “bản quyền đã sở hữu, mọi sao chép đều bị truy tố” trong trước tác của mình. Việc ấy khác nào làm đoạn mất pháp duyên của mình, đi ngược lại thế nguyện “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”. Ngày trước, Đại sư Diễn Bồi có hỏi tôi là: “Làm sao mới

có được pháp duyên thù thắng?”. Tôi mới đáp là: “Bồ thí vô tư, vô điều kiện thì pháp duyên tự nhiên thù thắng”.

Chỉ cần bản thân nghiêm cẩn thực hành lời dạy Phật Đà, y giáo phụng hành, thì pháp duyên tự nhiên thù thắng. Tôi giảng hoằng thuyết pháp 41 năm, trước giờ chưa từng quảng bá hay lôi kéo Phật tử. Phật giáo không giống các tôn giáo khác. Phật giáo là “sư đạo”, “sư đạo” là “chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo”, thính chúng tự ngưỡng bái mà tìm đến. Họ có tâm chân thành như lời Ấn Tổ nói “một phần cung kính thì một phần ích lợi”, đúng là họ được lợi thật. Còn những người vì lôi kéo mà đến thì không có tâm cung kính, cũng không ích lợi gì. Đi khắp kêu gọi tín đồ là tư tưởng của nước ngoài, không phải lời giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền Trung Quốc.

Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố (Xa lìa tà hạnh mà hành bồ thí)

Kinh văn: ***“Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trực thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ, dục tâm thị giả”***.

“Ly phi phạm hạnh” chính là không phạm tà dâm. Thực hành “không tà dâm” vào thực tiễn bồ thí nhất định được “thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt”. Điều này là sự thật, là cái mà người đời gọi là chân lý, là tu nhân ắt có quả báo, mà quả báo chắc chắn sẽ theo chúng ta. Phải hiểu được đạo lý này và biết rõ chân tướng sự thật này, “nơi cửa Phật hữu cầu tất ứng”. Nhưng “cầu” của “hữu cầu” cũng cần đạo lý của nó, đạo lý đó chính là dùng mười thiện nghiệp để tu bồ thí Ba la mật.

“Kỳ gia trực thuận”(trong nhà hòa thuận). Chữ “thuận” nghĩa là hòa thuận, tức gia đình mỹ mãn, người người hòa

thuận. Gia hòa vạn sự hưng, gia đình được mỹ mãn là nhờ tu thiện mà được, nếu hành vi không thiện thì dầu nhiều tiền của thì gia đình cũng không mỹ mãn được.

“*Mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ, dục tâm thị giả*”(mẹ và vợ con không ai có thể mang lòng dục mà nhìn ngắm họ). Khi người bên ngoài tiếp xúc với họ, đều dùng tâm tôn kính, tâm kính mến, tuyệt đối không có ý niệm dâm dục. Nhờ vậy mà ta hiểu rằng gieo nhân nào thì hưởng quả ấy. Nghiệp nhân quả báo chẳng khi nào sai lệch. Cho nên, muốn gia đình hòa thuận nhất định phải đoạn ác tu thiện.

Xã hội ngày nay xuất hiện nhiều vấn đề nghiêm trọng về gia đình hoặc thanh thiếu niên, chính vì đạo đức luân lý gia đình bị hủy hoại. Ai hủy hoại? Tự chúng ta tạo tác ác hạnh hủy hoại. Chúng ta có tâm tham luyến, keo kiệt nên mới có người đi giành giật, cướp đoạt tiền của. Cái tâm chiếm phần lợi của người chính là tâm trộm, nên những thứ của mình cũng sẽ bị người khác tìm cách chiếm đoạt thôi. Còn với nữ giới có tâm dâm dục thì đối lại những người nữ thân quyến trong nhà cũng gặp nhiều điều thị phi. Cứ vậy gia đình sao có thể bình an, hòa thuận?

Nếu trước đó chúng ta đã có tư tưởng, hành vi bất chánh thì nên sám hối. Đại Sư Chương Gia có dạy, thực lòng sám hối nghĩa là “hậu bất tái tạo, cải vãng tu lai” (sau này không phạm lại nữa). Chân thiện tri thức xem trọng sự chân thành chứ không trọng hình thức. Hình thức thì có tác dụng thế nào? Hình thức giống như diễn kịch vậy, diễn để người khác xem. Hy vọng đại chúng, xã hội xem hình thức này rồi có thể sanh tâm sám hối. Cho nên những quy tắc và nghi thức Phật giáo đều thuộc Tứ nhiếp pháp, đều muốn tiếp dẫn chúng sanh.

Bản thân chúng ta tu hành phải giác ngộ từ trong tâm. Nếu tâm không giác ngộ, không quay đầu thì dầu hình thức hoàn hảo thế nào cũng chẳng lợi ích gì, chẳng thể nào chuyển được nghiệp báo. Cho nên, chúng ta phát nguyện thì phải từ trong tâm; tự tâm phát nguyện làm người tốt, người tử tế với đầy đủ mười thiện nghiệp. Đoạn Kinh văn trước có dạy đến quả báo thù thắng, chúng ta có lòng nhất định sẽ đạt được. Bằng ngược lại, nếu tâm còn vướng mười ác, còn oán hận, còn tham chiếm phần lợi của người, còn dâm dục và còn tạo ác nghiệp thì chắc chắn bản thân tự nhận quả báo.

Ly hư cưỡng ngữ nhi hành thí cố (Xa lìa lời nói dối mà hành bố thí.).

Kinh văn: “Ly hư cưỡng ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo vô năng xâm đoạt. Ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh pháp như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả”.

“Ly hư cưỡng ngữ” chính là không vọng ngữ, dùng tâm chân thành đối nhân xử thế, tiếp vật. “Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt” là phước báo theo cách nói chung chung. “Ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh pháp, như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả” đây là biệt báo.

Vọng ngữ lưỡng thiệt là đại giới của Phật pháp. Thầy giáo Lý Bình Nam thường nhắc nhở chúng ta rằng, xưa nay tu học, tu công tích đức nhưng vẫn không thành tựu được cũng chính vì phạm phải giới vọng ngữ lưỡng thiệt. Kinh Phật gọi phiền não là “hữu lậu”. Chữ “lậu” này ý là rò rỉ, “hữu lậu” tức là pháp tài công đức bị tiêu tán hết; sự rò rỉ, tiêu tán này nhiều lắm, mà nhiều nhất là vọng ngữ, lưỡng thiệt. Lưỡng thiệt là gây chuyện thị phi, không dùng tâm chân thành đối đãi người. Quả báo của

lượng thiệt là nói gì cũng không ai tin, bị người người bàn luận, phỉ báng. Gìn giữ được tâm chân thành, không vọng ngữ, thực hành bố thí thì được quả báo “ly chúng hủy báng”(xa rời các sự phỉ báng,), tức thể nhân không phỉ báng mà còn tán thán chúng ta. Khoảng 100 năm trở lại đây, người được phước báo thù thắng ấy chỉ có Đại sư Ấn Quang, mà chúng ta cũng chưa từng nghe ai phỉ báng Ngài. Còn các vị đại đức khác thì vẫn ít nhiều mắc phải.

Dẫu đời này chúng ta tu học được tốt nhưng đời quá khứ thể nào cũng từng tạo nghiệp; cho nên khi thấu đáo đạo lý này rồi thì dù bị người phỉ báng, làm nhục, bức hại cũng tuyệt đối không nên có ý niệm báo thù. Chúng ta đón nhận nghịch cảnh chính là cách tốt nhất để tiêu nghiệp. Tuyệt đối không vọng ngữ, chân thành tu thiện, tu bố thí ắt được “ly chúng hủy báng”.

“Nhiếp trì chánh pháp”(giữ gìn chánh pháp), lời nói có chữ tín, thì có thể nhiếp thọ. “Trì” là gìn giữ; có thể tin, hiểu và thực hành lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền chính là nhiếp trì. “Chánh pháp” theo nghĩa hẹp là lời giáo huấn của Phật Bồ tát, nghĩa rộng là chỉ lời giáo huấn của tất cả Thánh Hiền thể xuất thế gian, cũng tương ứng với pháp ấn của Đức Phật. Pháp ấn của Đức Phật chính là “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý” (tức là đoạn tuyệt việc ác, phụng hành điều thiện, giữ thân tâm thanh tịnh). Cho nên chúng ta phải có cái tâm quảng đại để bao dung tất cả, vì cái tâm hẹp hòi thường đối lập, đối địch người khác, như vậy khác nào tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp.

Ngày nay thế giới hỗn loạn, lòng người bất an, nguyên nhân chính là vì đối lập lẫn nhau, không thể bao dung. Mọi người đều hô hào “hòa bình” nhưng không ai thực sự hiểu ý

nghĩa của nó. Theo tôi, ý nghĩa của “hòa bình” chính là tám chữ “chung sống hòa thuận, đối xử bình đẳng”. Nếu tâm không bình đẳng thì không có hòa thuận. Kinh Phật có nói: “tâm Phật chính là tâm bình đẳng” cho nên tâm bình đẳng rất quan trọng. Tâm ta bình đẳng rồi thì đối đãi người hay vật cũng dùng tâm bình đẳng. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là bình đẳng. Còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không thể có bình đẳng. Có bình đẳng mới có thể chung sống hòa thuận với tất cả chúng sanh.

“Nhu kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả” (nghĩa là được như ý nguyện, mọi việc làm đều được có kết quả). Mỗi người có một mong cầu không giống nhau. Có người cầu được thành Phật, có người cầu được phước báo cõi trời, cõi người. Chỉ cần dùng tâm chân thành tu mười thiện nghiệp thì có nguyện tất có quả, có cầu tất có ứng, không có chuyện cầu không được.

Ly ly gián ngữ nhi hành bố thí cố (Xa lìa lời nói ly gián mà hành bố thí).

Kinh văn: “Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyền thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc, hằng vô quai tránh”.

Đây là phước báo thù thắng của việc xa rời lưỡng thiệt. Điều này rất quan trọng. Gia đình là đơn vị nền tảng, gia đình không hòa, không những đạo nghiệp xuất thế gian không thể thành tựu, mà sự nghiệp thế gian cũng không thể thành tựu, mà dù có thành tựu cũng không lâu. Sự huy hoàng nhất thời này chẳng qua là do thiện nghiệp kiếp trước tu tích được, nếu gia đình bất hòa thì phước báo ấy sẽ nhanh chóng tiêu tán. Do đâu gia đình bất hòa? Do lưỡng thiệt mà ra! Cho nên chúng ta không

thể không lưu tâm việc này, trong 4 loại lỗi của miệng thì lưỡng thiệt là nặng.

Trong pháp xuất thế gian, khiêu khích xúi giục, ly gián, phá hoại đạo tràng, phá hòa hợp tăng, đây là tội nghiệp vô cùng nặng, chắc chắn đọa A Tỳ Địa Ngục. Trong Giới Kinh có dạy, tạo tội ngũ nghịch mười ác, thập phương chư Phật có thể cứu, trộm cắp tài vật của tăng già (tức trộm cắp tài vật của thường trụ) thì Đức Phật cũng vô phương cứu độ. Tội phá hòa hợp tăng còn nặng hơn cả tội trộm cắp tài vật tăng già. Lời dạy này của Phật hoàn toàn chân thật, không giả dối cũng không phải để dọa hay lừa gạt chúng ta. Cũng lời dạy trong Kinh Kim Cang: “Lời của Phật là chân ngữ, là sự thật, không khoa trương cũng chẳng sai lời” chắc chắn đáng tin. Không hiểu sao chúng sanh mê muội không biết, không tin lời Phật dạy, tạo tác tội nghiệp mà không biết sám hối.

Còn nếu đã gây tội nghiệp thì tự thân phải phát chân tâm sám hối, từ bỏ điều lỗi, sửa lại thân mình. Ví như Bồ Tát Thiên Thân lúc trẻ học Phật pháp Tiểu thừa, Người đã viết 500 bộ luận; tuy nhiên vì chưa hiểu biết về Đại thừa mà Ngài đã có vài lời phỉ báng Đại thừa. Về sau, nhờ nghe anh mình là Bồ tát Vô Trước giảng giải, thấu hiểu Đại thừa nên tự Ngài hối lỗi về những lời phỉ báng trước kia. Thế là Ngài muốn tự cắt lưỡi để thể hiện sự chân thành sám hối. Bồ Tát Vô Trước nói: “Việc gì phải cắt lưỡi, trước đó em dùng lưỡi phỉ báng Đại thừa, thì giờ em sám hối rồi, sao không dùng lưỡi của mình để tán thán Đại thừa”. Cho nên, nếu đã từng làm những việc phá hoại đạo tràng, phá hoại tăng đoàn, thì giờ đây thật tâm hồi đầu, thật tâm sám hối bằng cách ủng hộ tăng đoàn, giúp đỡ tăng đoàn đoàn kết, hoằng dương Phật pháp. Ấy mới chính là chân thật sám hối.

Sám hối tuyệt nhiên không phải là quỳ lạy cầu xin trước Phật, Bồ tát mà phải có hành động thực tế, phải thật lòng cải tà quy chánh, phải tuân theo lời giáo huấn của Đức Phật, phải sửa đổi từ cách nghĩ, cách nhìn đến cả cách làm. Không chịu quay đầu, không thực sự nỗ lực mà chỉ dùng cách tiêu cực để sám hối chẳng thể nào hối cải tội nghiệp được. Phật dạy: “phát lộ sám hối” nghĩa là chúng ta chủ động trần tình với đại chúng về tất cả ngôn hạnh sai lầm làm cho anh em, thân quyến, bạn bè, đồng nghiệp bất hòa, đây là lưỡng thiệt, xúi giục. Nay chúng ta biết lỗi, chúng ta sám hối và nói rõ với mọi người; mong mọi người sẽ lại hòa thuận như trước và xin tha thứ cho những hành động trước đó của mình . Có vậy tội lưỡng thiệt mới được sám trừ

“*Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt*” là phước báo theo cách nói chung chung. Phước báo cụ thể là “quyến thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc” đây chính là gia hòa vạn sự hưng, người trong một nhà đồng tâm, đồng đức.

“*Hằng vô quai tránh*”(thường không tranh chấp) .“Quai tránh”nghĩa là là trở mặt, tranh chấp. Người một nhà thật sự đoàn kết với nhau thì có lý nào lại không hưng vượng. Cũng như chung một đạo tràng thì dù đại chúng tu tại gia hay đã xuất gia miễn trên dưới hòa thuận, đạo tràng ắt sẽ hưng vượng. Còn như đạo tràng bất hòa, trên dưới lục đục tranh cãi thì chắc chắn bị suy kém.

Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố (Xa lìa lời nói thô ác mà hành bố thí)

Kinh văn: *Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giá.*

Câu này nghĩa là không phạm ác khẩu mà thực hành bố thí chắc chắn được phước báo thù thắng. Đó là phước báo “nhất thiết chúng hội, hoan hỷ quy y”(tất cả chúng hội, đều vui vẻ quy về). Từ “chúng hội” là chỉ rất nhiều người cùng ở chung với nhau; khi chúng ta cùng đại chúng hội tụ, gặp gỡ, sẽ nhận được sự hoan nghênh, ủng hộ từ đại chúng.

“Ngôn giai tín thọ vô vi cự giả”(lời nói được người tin nhận, không ai phản đối). Khi chúng ta phát biểu hay trò chuyện cùng đại chúng, mọi người đều tin tưởng, tiếp nhận mà không khước từ hay phá quấy. Cho nên mới nói, người làm lãnh đạo phải nghĩ đến sự ủng hộ của đại chúng, phải là người được đại chúng mong đợi, muốn vậy thì phải học tập điều này.

Bất luận thế pháp hay Phật pháp phải đầy đủ mười thiện nghiệp thì sự tu học mới thật sự thuận buồm xuôi gió. Đặc biệt là trong Phật pháp, Đức Phật dạy chúng ta phải học theo tất cả chư Phật Như Lai “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. “Khổ nạn” theo nghĩa rộng thì tất cả chúng sanh chưa minh tâm kiến tánh trong mười pháp giới đều có khổ nạn. Chỉ có đến được Nhất chân pháp giới mới xem là thật sự đến cõi an ổn mà nhà Phật gọi là “cứu cánh Niết bàn”.

Cứu cánh Niết bàn chính là Nhất chân pháp giới. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo chứng được cứu cánh Niết bàn. Cứu cánh trong cứu cánh Viên mãn đó là Phật quả của Viên giáo; còn Sơ trụ, Nhị trụ là phần chứng cứu cánh. Trong mười pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác chứng đắc Thiên chân Niết bàn, còn Phật ở mười pháp giới thì vẫn chưa phải là phần chứng Niết bàn. Lý và sự này chúng ta phải thấu hiểu rõ

ràng. Vì sao các vị Thanh Văn, Bồ Tát phải tu hành chứng quả? Mục đích vì đâu? Mục đích chỉ có một, vì muốn phổ độ tất cả chúng sanh mà tu hành, mà cầu chứng quả, quyết không phải vì bản thân mình.

Mười thiện nghiệp là nền tảng tu hành, là đại căn đại bản; nó thông đạt cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa Phật pháp. Bản Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dạy chúng ta học tu và thực hành mười điều thiện ngay trong Lục Ba la mật của Bồ Tát. Hành bố thí thì được tài bảo, tài là phước, bảo là huệ, được phước báo, được trí huệ. Còn phước báo và trí huệ viên mãn hay không thì phải xem tế hạnh, tế hạnh chính là mười thiện. Tế hạnh nào thì được quả báo ấy. Chúng ta không thể không tu học tế hạnh, vì ngay đến việc nói năng thô lỗ một chút thì quả báo của nó cũng là “bất khả tư nghị”. Chúng ta luôn giữ lòng hòa nhã ái ngữ với đại chúng thì phước báo có được là đại chúng hoan hỷ quy về, ủng hộ. Nên mới nói quả báo đến từ những giới nhỏ nhất nhất.

Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố(Xa lìa lời nói vô nghĩa mà hành bố thí).

Kinh văn: ***“Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc”***.

“Ly vô nghĩa ngữ” tức là không ỷ ngữ . “Ỗ ngữ” chính là mau mồm dẻo miệng, giao đãi lấy lòng, lời ngon tiếng ngọt nhưng lòng không thiện, lừa gạt người khác, đưa người vào đường bất thiện. Tội nghiệp này thật to lớn. Ỗ ngữ chia thành vô ý và hữu ý, hữu ý mới thật là nặng tội. Ngoài ra, tội nặng nhẹ thế nào còn tùy thuộc mức độ tổn hại xã hội và thời gian ảnh

hưởng ngắn dài mà kết tội. Nếu ảnh hưởng lớn, thời gian dài, thì tội nặng, thời gian ngắn thì tội nhẹ hơn.

Ví dụ chúng ta thường nghe ca dao, ca dao vào thời xưa là văn hóa nguyên thủy dân tộc. Sách cổ có nói, từ nội dung lời ca điệu múa của một dân tộc quốc gia mà ta có thể biết sự thịnh suy của quốc gia dân tộc ấy. Điều này cũng có nghĩa là nội dung của lời ca điệu múa không tương ứng với mười điều thiện thì quốc gia, lãnh thổ vùng ấy chắc chắn động loạn, bất an. Bằng ngược lại, nội dung ấy tương ứng với mười điều thiện thì xã hội nhất định an định, phồn vinh, thịnh vượng. Lớn như một quốc gia, nhỏ như một gia đình, chân lý cũng tương tự vậy. Từ sở thích, nói năng đến ngôn từ của các thành viên trong gia đình ta có thể biết được gia đình này thịnh hay suy.

Dựa theo chuẩn mực của Phật pháp, phạm là thuận theo tánh đức, chắc chắn là thiện, là tốt, nhân tốt quả báo nhất định tốt, nhân viên quả mãn; nhân không tốt, đương nhiên quả báo cũng không tốt. Ngày nay, Nước Mỹ là cường quốc trên thế giới. Nguyên nhân của sự cường thịnh ấy vốn là vì thế hệ trước đã tu nhân tích đức, còn tương lai quốc gia ấy có thể đứng đầu thế giới hay không là tùy thuộc vào tạo tác đương thời. Cho nên nói, lớn như một quốc gia, nhỏ như một gia đình, nhân quả nghiệp báo hết sức rõ ràng.

Ý ngữ nghiêm trọng nhất trong thời đại ngày nay chính là hí kịch (nghệ thuật kịch). Trung Quốc từ xưa đến nay tiếp nhận giáo dục Nho giáo nên phương diện văn nghệ đều tuân theo nguyên tắc “Tu vô tà” (không nghĩ xằng bậy) của Khổng tử. Mười điều ác chính là tà. Trước đây giáo dục trường học chưa phát triển, người ta chỉ dựa vào lời ca điệu múa nhạc kịch để giáo hóa dân chúng. Vì vậy mà hí kịch xưa của Trung Quốc là

để giáo dục xã hội, giáo dục bá tánh biết “trung, hiếu, tiết, nghĩa”, “thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo”. Như vậy, ta thấy rõ mục đích của hoạt động nghệ thuật này ở Trung Quốc không giống với các nước khác trên thế giới.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, phim truyền hình nhiều tập đã thay thế hí kịch, mà người viết kịch bản của phim truyền hình lại không tuân thủ nguyên tắc trên của Khổng Tử. Một viên chức Bộ Giáo dục Đài Loan từng hỏi chuyện thầy Phương Đông Mỹ rằng: “Ngày xưa, La Mã là nước mạnh nhất thế giới, mà giờ La Mã đã mất nước rồi. Giờ đây, nước Mỹ là quốc gia lớn mạnh nhất thế giới. Vậy xin hỏi thầy Phương, nếu nước Mỹ cũng mất đi vị thế ấy thì nguyên nhân đầu tiên là do đâu?”. Thầy Phương không chút do dự liền đáp: “do truyền hình”. Toàn bộ nội dung của truyền hình ngày nay đều là mười ác nghiệp, nó còn được phát sóng hai mươi bốn giờ liên tục. Những đứa trẻ, người trẻ tuổi mỗi ngày đều xem truyền hình, vậy có nguy không? Cho nên vấn đề nghiêm trọng nhất của thanh thiếu niên ngày nay là con cái làm sát hại cha mẹ, học trò làm sát hại giáo viên, bạn bè sát hại lẫn nhau. Nguyên nhân chính là do truyền hình mà ra. Cho nên, chúng ta không thể không lưu ý.

Quả báo của “không ý ngữ” là “ngôn bất hư thiết”(lời nói không lừa dối.), quyết không nói hư vọng. “Nhân giai kính thọ” nghĩa là người người đều cung kính, đón nhận chúng ta. “*Năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc*” tức nghĩa chúng ta có thể dùng các phương tiện thiện xảo giúp tất cả chúng sanh đoạn trừ mọi nghi hoặc. Trên đây đã trình bày về bốn loại thiện nghiệp của miệng.

Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố (Xa lìa tâm tham cầu mà hành bố thí,)

Kinh văn: *“Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết sở hữu, tất dĩ tuệ xả. Tín giải kiên cố, cụ đại oai lực”*.

Đoạn này nói về 3 ý thiện trong mười điều thiện không tham lam. “Ly tham cầu tâm” (Xa lìa tâm tham cầu) “tham cầu” là cái gốc của phiền não, trong ba loại độc phiền não thì “tham cầu” là nghiêm trọng nhất. Điều đầu tiên mà Phật dạy Bồ tát là bố thí vì bố thí sẽ độ hóa được tâm tham, bố thí có thể đoạn trừ cái gốc của phiền não. Không đoạn tuyệt được cái gốc của tâm tham thì mãi mãi không thể vào cửa Phật, không thể khế nhập vào cảnh giới Phật Đà. Phạm vi của tâm tham rất rộng, không những là không tham pháp thế gian mà kể cả Phật pháp cũng không được tham lam. Đức Phật dạy chúng ta đoạn trừ tâm tham chứ không phải hoán đổi đối tượng của tâm tham. Nếu có tâm tham Phật pháp thì quả báo là chỉ được hưởng phước báo hữu lậu trong tam giới. “Lậu” chính là phiền não, phiền não không đoạn thì là hữu lậu. Phật pháp là thiện pháp có thể giúp thành tựu cái phước đức nhưng lại không liên quan chút gì đến công đức của chúng ta. Chỉ có buông bỏ mọi tham sân si, tu tất cả các thiện pháp thì mới được công đức chân thật.

Chúng ta khởi tâm động niệm liền đặt lợi ích bản thân lên hàng đầu, còn lợi ích của người thì đặt thứ hai hoặc thứ ba. Phàm phu chính là vậy. Người giác ngộ thì đặt cái lợi của người lên hàng đầu, tuyệt đối không nghĩ đến cái lợi của bản thân. Đây mới thật là Bồ tát, mới thật được vào cửa Phật. Cho nên nói phạm vi của tâm tham rộng lớn là vì vậy, nói tóm lại, miễn khởi

tâm động niệm vì bản thân thì đã xem như có tham cầu. Tham cầu bao hàm tất cả ác nghiệp, là cái gốc rễ của tất cả ác nghiệp.

Đức Phật dạy chúng ta phải lìa cái tâm tham cầu mà thực hành Bồ thí, tuyệt không chút tâm tham cầu, niệm niệm chỉ vì chúng sanh, nhất định không chỉ biết có bản thân. Đây mới thực là Phật, là Bồ tát. Nếu có lòng mảy may tham cầu thì dẫu chút ta học biết nhiều đến đâu cũng chỉ là “thế trí biện thông” (tức “cái thông minh sắc sảo ở thế tục”) mà thôi, chưa phải là trí huệ. Trí huệ phải từ tâm thanh tịnh mà sanh. Tâm thanh tịnh chắc chắn không có tham sân si mạn. Vậy nên quan trọng là đoạn trừ phiền não. Nếu không có tâm thanh tịnh thì cũng chẳng có tâm bình đẳng, chẳng có tâm từ bi, càng không thể khế nhập vào cảnh giới Phật Đà. Hay nói một cách khác là dù niệm Phật cũng không thể vãng sanh.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Phẩm Tam Bối Vãng Sanh có dạy “Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Trong tâm Bồ đề không có tham sân si, không mảy may thâm sân si. Còn có chút gì tham sân si thì không phải tâm Bồ đề, mà là tâm luân hồi, tâm phàm phu. Tâm luân hồi thì tạo nghiệp luân hồi, lấy tâm luân hồi tu tập tất cả thiện pháp chỉ có thể hưởng thụ phước trong Tam giới Lục đạo, trên trời có thể làm Thiên vương, dưới trần thế có thể làm người quyền quý, nhưng chỉ được chừng thế thôi. Còn nếu có thể được làm tới Ma Hê Thủ La Thiên Vương thì cũng không thoát khỏi luân hồi. Cho nên, đó chưa phải là biện pháp cứu cánh. Cái thù thắng của Phật pháp chính là giúp chúng ta được giải thoát cứu cánh viên mãn. Phật Đà chỉ có thể dạy chúng ta, không thể nào tu học thay chúng ta; Phật Đà gia bị, hộ độ chúng sanh cũng chính là ở việc giảng dạy cho chúng sanh.

Vì thế, tu hành vẫn phải dựa vào chính mình. Tu hành chính là sửa đổi. Phải sửa đổi từ gốc rễ, ấy chính là sửa tâm tham cầu. Giữ được tâm không tham cầu tất cả pháp thế xuất thế gian thì tự ắt được viên mãn tất cả pháp thế xuất thế gian. Vì đoạn được vọng tâm thì chân tâm viên mãn tự khắc hiện tiền, tất cả pháp thế xuất thế gian đều là do chân tâm sở hiện. Nên nếu còn lòng tham cầu không dứt thì dù có được đạt gì cũng rất giới hạn; buông được lòng tham thì tự nhiên có được mọi thứ. “Xả - đắc” tức buông xả liền được ngay, xả bao nhiêu lại được bấy nhiêu, không xả thì không được gì. Nếu chúng ta buông bỏ được hết thấy hư không pháp giới thì liền được hư không pháp giới viên mãn. Vì đâu mà chúng được Pháp thân Đại sĩ, vì đâu mà chúng quả Phật viên mãn? Không gì khác hơn ngoài biết buông bỏ.

“*Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt*” (thường của cải giàu có, không ai xâm đoạt) là phước báo theo cách nói chung chung. “Nhất thiết sở hữu tất dĩ tuệ xả” (có tất cả vật đều đem ban phát, Từ “xả” nghĩa là buông xả. Đây mới là trí huệ chân thật. Vì đâu người thế gian không chịu buông xả? Vì không có trí huệ. Trí huệ chân thật là từ có được tâm thanh tịnh, nên khai trí huệ rồi, thì tất cả các pháp thế xuất thế gian đều viên mãn thông đạt. Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục, Pháp sư Đàm Hư kể một công án về một vị pháp sư phơi nệm (đèn cày). Vị này tuy không biết chữ nhưng lại rất thật thà, làm hương đăng trong tự viện. Có lần bạn đồng tu trêu chọc ông rằng: “Thầy Hương Đăng à, khoảng tháng sáu, khi thấy mọi người mang quần áo ra phơi thì thầy cũng mang nệm ra phơi đi, nếu không nệm sẽ bị mốc đấy”. Kết quả là nệm bị phơi đều chảy thành dầu hết. Thầy Duy – na biết chuyện, bèn muốn đuổi thầy ấy đi nên nói với thầy ấy rằng: “Thông minh trí huệ như thầy thì nên đi học pháp,

trương lai sẽ là một đại pháp sư. Tôi sẽ vì thầy làm Duy – na, đánh khánh”. Thầy ấy cho rằng là thật bèn đến chỗ Pháp sư Đế Nhân học pháp. Vì học mà không hiểu nên pháp sư Đế Nhân bèn kêu thầy ấy hành đường, học thuộc Kinh điển. Trải qua mười mấy năm công phu, quả nhiên thầy ấy khai ngộ.

Vậy thì, tại sao thầy ấy chưa học qua nhưng lại có thể làm được? Là vì trí huệ khai ngộ rồi. Thầy ấy là người thành thật, tâm thanh tịnh, không phiền não như người khác. Chẳng qua thầy ấy bị sự vô minh khuất lấp, nên một khi đã khai ngộ thì tất cả pháp thế xuất thế gian đều thông đạt. Thầy ấy cũng giống Đại sư Huệ Năng, những thứ khai ngộ được không phải vì học thuộc lòng, cũng không vì người khác dạy cho biết nên không hề có chướng ngại, học tập rất nhanh. Ngày nay, do tâm chúng ta không tịnh, trí huệ không khai ngộ nên chướng ngại trùng trùng, học tập vô cùng khó khăn. Vì có huệ mới có thể buông xả, nếu không có huệ thì không buông xả được. Huệ chúng ta càng lớn thì buông xả được càng nhiều, không chịu buông xả chắc chắn là không có trí huệ.

“*Tín giải kiên cố, cụ đại oai lực*” (hiểu biết kiến cố, đủ oai lực lớn), người có trí huệ thì có thể lý giải và có niềm tin kiên định về tất cả các đạo lý mà chư Phật, Bồ tát giảng dạy. “Đại oai lực” chính là ở quả vị Như Lai thập lực, mười tám pháp bất cộng và tứ vô sở quý. Tuy là không phải ở cảnh giới của quả vị Phật nhưng đó là Bồ Tát, Bồ Tát thì cũng có thập lực mười tám pháp bất cộng và tứ vô sở quý, chỉ là không được như quả vị Như Lai viên mãn thôi. Giống như ánh trăng vậy, ánh sáng của Như Lai là ngày trăng tròn, ánh sáng của Bồ Tát là từ mùng hai, mùng ba đến mười bốn nhưng đó vẫn là ánh sáng chân thật, là trí huệ tự tánh Bát nhã hiện tiền, là đại oai lực chân thật, có

thể tự độ, độ tha, tự mình có thể vượt qua Lục đạo, mười pháp giới và cũng có năng lực giáo hóa tất cả chúng sanh.

Cuối cùng thì quan trọng nhất là phải xả bỏ, xả mười điều ác thì được mười điều thiện. Dụng mười thiện trong Bồ Tát đạo chính là Bồ Tát chân thật. Cho nên những gì mà chúng ta tu học đều là đức hạnh viên mãn vững chắc. Chúng ta phải nỗ lực học tập nghiêm túc.

(Xa lìa tâm giận dữ mà hành bố thí)

Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố

Kinh văn: *“Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí. Chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái.”*

Đây là lời dạy về tâm không sân hận vì sân hận là khó đoạn nhất. Người bình thường khi gặp việc không như ý muốn thì ý niệm sân hận tự nhiên sẽ khởi lên, hơn nữa còn khởi sanh rất nhanh. Điều này chứng tỏ từ vô thủy kiếp đến nay, tập khí ác của chúng ta rất nặng. Trong các loại phiền não sân hận là nghiêm trọng nhất, quả báo là đọa vào địa ngục. Tam độc là nguyên nhân chủ yếu của tam ác đạo: tham dục đọa vào ngã quý đạo, sân hận đọa vào địa ngục đạo, ngu si đọa vào súc sanh đạo. Trong tất cả Kinh luận của Đại thừa lẫn Tiểu thừa mà Đức Phật dạy, chúng ta từng giờ từng phút nhắc nhở bản thân không được tạo nghiệp nhân tam ác đạo. Thế nhưng chúng ta u mê không tiếp nhận lời giáo huấn của Đức Phật nên tuy học Phật rồi nhưng vẫn mắc đọa tam đồ.

Làm sao để điều phục được tâm phần nộ? Đây là cả một bài học lớn, phải thật tâm dụng công học tập! Với người biết

dụng công học tập, người có lòng cảnh tỉnh cao thì khi ý niệm sân hận khởi lên liền niệm một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, dùng câu Phật hiệu này để dẫn lại ý niệm sân hận. Ấy mới gọi là người biết niệm Phật. Niệm thứ nhất là tâm phần nộ, niệm thứ hai là niệm A Di Đà Phật. Từng giây từng phút phải dụng công như vậy mới thấy được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật. Trong tám mươi bốn ngàn pháp môn thì chỉ có pháp môn này là thông dụng nhất lại vô cùng hiệu nghiệm.

Cổ Đức dạy: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm ở đây chính là ý niệm tham sân si, tự tư tự lợi. Niệm thứ nhất khởi lên thì niệm thứ hai thì phải dùng câu danh hiệu Phật để dẫn xuống. Cứ thế mà luyện tập, lâu dần nhất định sẽ thành công. Phải rèn thuần thực pháp môn niệm Phật này để mọi lúc mọi nơi đều có thể chế ngự được phiền não, cảnh giới phiền não liền có thay đổi, phiền não giảm, trí huệ tăng. Lúc ấy mới thực thấy công phu hiệu quả. Tuy nhiên, ngay cả hoằng pháp lợi sanh cũng phải xem duyên phận. Chưa gặp duyên thì tự độ, đủ duyên thì giúp đỡ chúng sanh. Duyên tuyệt đối không cưỡng cầu. “Tùy duyên không phan duyên”. Tùy duyên là tâm thanh tịnh bình đẳng, phan duyên là tâm không thanh tịnh, không bình đẳng. Nói cách khác phan duyên là sanh phiền não không sanh trí huệ, tùy duyên là sanh trí huệ không sanh phiền não.

“*Tốc tự thành tựu, vô ngại tâm trí*” (sớm được thành tựu tâm trí vô ngại) , nghĩa là chúng ta không sân hận ắt thành tựu rất nhanh. “Vô ngại” tức là không có chướng ngại, trí huệ của chúng ta không có chướng ngại. “Chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái” nghĩa là căn tướng tốt lành trang nghiêm, người người nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỉ. Người ta khi khởi sân si, tướng mạo xấu xí, người thấy chẳng hoan hỉ. Nên nói, xa lìa sân hận

thì tướng mạo, thân thể tự nhiên tốt lành, mọi người thấy đều sanh tâm hoan hỉ. Đó là vì chúng ta lấy tâm hoan hỉ mà đối xử với người, thì người cũng dùng tâm hoan hỉ mà đối lại với chúng ta. Bởi vậy, trong cuộc sống xã hội ngày nay, hữu duyên hay vô duyên với đại chúng cũng là một yếu tố hết sức quan trọng là vậy.

Ly tà đảo tâm nhi hành thí (Xa lìa tâm tà kiến điên đảo mà hành bố thí)

Kinh văn: **“Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi gia, kiến Phật, văn pháp, cúng dường chúng Tăng, thường bất vong thất đại Bồ đề tâm”**.

Từ “tà đảo” thì “tà” là tà kiến, còn “đảo” là điên đảo. Tà kiến điên đảo, tà kiến chính là ngu si. “Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố” tức là nói lìa ngu si, thực hành bố thí. “Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt” là phước báo theo cách nói chung chung.

“*Hằng sanh chánh kiến kính tín chi gia*”(thường sanh vào nhà chánh kiến, chánh tín). Chữ “hằng” là vĩnh hằng, “chánh” là chánh tri, chánh kiến, mà theo cách nói của Đại sư Lục Tổ Huệ Năng hay nói là thường sanh trí huệ. Lục Tổ khi gặp Ngũ tổ đã nói: “Trong tâm của đệ tử thường sanh trí huệ”. Vì sao Ngài có thể thường sanh trí huệ? Vì đó là phước báo của việc lìa ngu si, hành bố thí. “Kính tín chi gia” nghĩa là sẽ được sanh vào gia đình chánh tín Phật giáo vì lìa ngu si thì đầy đủ chánh tri kiến ắt được sanh vào nhà chánh tri kiến. Đây là cảm ứng như câu “vật dĩ loại tự, nhân dĩ quần phân” (tức là “vật họp theo loài, người chia theo nhóm). Chánh kiến thì thích chánh kiến, tà kiến thì

thích tà kiến. Bởi vậy, quan sát một người chánh kiến hay tà kiến thì xem bạn bè của họ là biết được, nên mới có câu “xem bạn mà biết người” là vậy.

Đã chánh tri chánh kiến thì nhất định “Kiến Phật, nghe pháp, cúng dường chúng tăng”. Ấy là thân cận Tam bảo. Trong thế xuất thế pháp, người thân cận Tam bảo là người đại phước đức đại trí huệ. Trong Đàn Kinh giải thích “Tam bảo” là “Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh” nên đại sư Lục Tổ dạy chúng ta “Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, Giác, Chánh, Tịnh thực chất là Tam bảo. Phật, Pháp, Tăng chính là Giác, Chánh, Tịnh vì vậy mà khi tu học chúng ta có thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

Trụ trì Tam bảo đối với sự hoằng truyền, tu học Phật pháp cũng vô cùng quan trọng, không thể thiếu bởi vì nếu đã có thực chất mà không có hình tướng thì sự thực chất ấy cũng bằng không. Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta ba điều. Một là, thấy tượng Phật liền nghĩ đến giác không mê. Đây mới là ý nghĩa thực sự của cúng dường tượng Phật. Hai là, thấy kinh điển liền nghĩ đến chánh không tà, như vậy mới là chân thật quy y Pháp. Ba là, thấy người xuất gia liền nghĩ đến lục căn thanh tịnh, không nhiễm mây may ô tạp. Ấy là chân thật kính Tăng. Như vậy, thấy hình tượng Tam bảo sẽ giúp nhắc nhở chúng ta mỗi giờ mỗi phút, còn như không có hình tượng này chúng ta sẽ tùy thuận phiền não. Cho nên mục đích của cúng dường Tam bảo là từng giờ từng phút nhắc nhở bản thân. Đó chính là ân huệ lớn mà Tam bảo cho chúng ta.

“Kiến Phật” là kiến tánh. “Nghe pháp” là rõ lý thấu hiểu chân tướng vũ trụ nhân sanh. Cúng tăng là cùng sống hòa thuận, cử xử bình đẳng, không phân quốc gia, chủng tộc, tôn giáo, đối

đãi công bằng, chung sống hòa thuận. Thế mới là cúng dường. Cứ theo cách “cúng dường” ấy mà tu học thì lục căn thanh tịnh, chẳng nhuốm bụi trần; cúng dường là phước, thanh tịnh vô nhiễm là huệ, phước huệ song tu.

“*Thường bất vong thất đại Bồ đề tâm*” (thường không quên tâm đại bồ đề) tâm bồ đề vô thượng thường tại tâm, tâm bồ đề phải áp dụng thực tiễn trong đời sống.

Thí trang nghiêm

Kinh văn: “**Thị vi đại sĩ tu Bồ tát đạo thời, hành thập thiện nghiệp. Dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi như thị**”.

“Nhu thị” tức là như phần đã giảng giải trên đây. Thực hành mười thiện nghiệp bằng việc bố thí sẽ được lợi ích lớn như đã nói ở trên.

Trong pháp tu Lục độ Ba la mật giảng giải rất kỹ về bố thí, còn từ phần trì giới về sau thì chỉ trình bày sơ lược. Tuy nhiên, phần lớn thứ nhất sẽ xuyên suốt với cả năm phần sau. nói về trì giới. Ví như khi nói về trì giới, không sát sanh mà trì giới được lợi ích gì, không trộm cắp mà trì giới được lợi ích gì, không tà dâm mà trì giới được lợi ích gì? Cho đến không ngu si, đến cả phần Kinh phía sau như: tứ vô lượng tâm, tứ nhiếp, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chỉ quán, phương tiện, cũng đều như vậy. Ví dụ như bàn về tu chỉ quán, “bát sát sanh chỉ trang nghiêm cố”, “bát thân đạo chỉ trang nghiêm cố”, “bát tà dâm chỉ trang nghiêm cố” thì trong mỗi câu ấy đều có mười điều. Tuy Đức Phật không giảng từng li từng tí nhưng bản thân người học phải hiểu cặn kẽ, rồi áp dụng vào thực tế cuộc sống, không pháp nào không đủ mười điều thiện. Đây mới thật là chỉ u chí thiện.

Ngay từ đầu quyển Kinh, Đức Phật đã dạy chúng ta “ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp”; vô lượng pháp môn đều đầy đủ mười thiện thì mới thật sự là thực hành thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp, không mảy may xen tạp bất thiện. Chúng ta là người niệm Phật, lìa sát sanh mà chấp trì danh hiệu Phật, lìa trộm cắp mà chấp trì danh hiệu Phật, lìa tà dâm mà chấp trì danh hiệu Phật, cho đến cả lìa tham, sân, si mà chấp trì danh hiệu Phật. Trong từng tiếng Phật hiệu đã là đầy đủ mười thiện nghiệp, được vãng sanh thế giới Tây phương cực lạc thì đương nhiên là người thượng thiện.

Giới trang nghiêm

Kinh văn: *“Long vương, cử yếu ngôn chi hành Thập thiện đạo. Dĩ giới trang nghiêm cố, năng sanh nhất thiết Phật pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện”*.

Như phần trước có nói, vì trang nghiêm bằng bố thí sẽ được phước báo chung là “thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt” (được giàu có, của cải không bị cướp đoạt). Cho nên từ đoạn kinh này trở xuống sẽ trình bày phần cốt lõi, không như các đoạn kinh trước giảng chi tiết. Mà phần trước đã hiểu thì phần phần sau này chắc chắn cũng lãnh hội được. Câu “hành Thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm cố” lấy việc thực hành mười điều thiện mà trì giới trang nghiêm thì sẽ được phước báo chung là “năng sanh nhất thiết Phật pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện (có thể sanh tất cả lợi ích trong Phật pháp, đầy đủ nguyện lớn)”. Riêng phần còn lại sẽ nói về việc lìa sát sanh, lìa trộm cắp, v.v.. mà trì giới thì phước báo chung cũng tương tự vậy, còn biệt báo có thể ngãm ra được, nên sẽ lược bớt phần biệt báo. Như vậy là, chúng ta hiểu được rằng, mười thiện nghiệp là cội rễ của tu

hành, nếu xa rời mười thiện nghiệp thì không những không sanh tất cả Phật pháp mà ngay cả tất cả thiện pháp thế gian cũng không thể sanh.

“Hành Thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm cố”(thực hành mười điều thiện mà dùng giới để trang nghiêm), câu này nhấn mạnh chữ “hành”. Hành nghĩa là thực hành, vận dụng vào thực tiễn. Còn từ “trang nghiêm”, theo cách nói ngày nay nghĩa là tốt lành, viên mãn không khiếm khuyết. Thực hành, vận dụng mười thiện nghiệp vào thực tiễn thì trì giới mới được viên mãn.

“Năng sanh nhất thiết Phật pháp nghĩa lợi”(có thể sanh tất cả lợi ích trong Phật pháp), Từ “nghĩa” tức là đạo lý, thông hiểu tất cả đạo lý của Phật pháp, còn “lợi” là lợi ích thọ dụng. Còn “trì giới” ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng chứ không chỉ hiểu trong phạm vi hạn hẹp, vì Lục độ là tiêu chuẩn của hạnh Bồ tát. Theo cách hiểu hiện nay, trì giới giống như tuân thủ các quy định, bất luận sống một mình hay sống cùng đại chúng thì đều có quy định và nhất định phải tuân thủ. Phạm là lời giáo huấn của Đức Phật đều là giới pháp, tự lòng phải hiểu rõ điều này, hành vi nhất định phải tuân thủ. Ngoài ra, còn phải tuân thủ hiến pháp, luật định của nhà nước, như câu nói “nước có phép nước, gia có gia quy”. Tương tự, trong đạo tràng phải tuân thủ quy tắc của thường trụ; đến nơi khác biệt chủng tộc, khác biệt tôn giáo thì tuân thủ quy tắc nơi ấy. Trì giới giữ luật như vậy sẽ được “mãn túc đại nguyện”, tức là có cầu tất có ứng, chúng ta cầu gì được ấy.

Vì sao “tuân thủ giới luật” thì mọi mong ước đều được toại nguyện? Chúng ta phải biết rằng người tuân thủ giới luật thì được mọi người tôn kính, hoan nghênh, được nhiều người giúp đỡ; người không tuân thủ luật lệ thì đại chúng không tin tưởng họ, khi họ cần sự giúp đỡ thì không được người giúp đỡ, làm việc gì cũng gặp

chương ngại lớn. Như ta thấy, đầu tiên Đức Phật giảng về bố thí, tiếp đó mới nói về tuân thủ giới luật vì bố thí mới thật sự là buông xả, chỉ có thật sự buông xả thì mới buông bỏ được phân biệt, chấp trước của bản thân, mới có thể tuân thủ giới luật. Không buông bỏ thành kiến, chấp trước của mình thì không thể tuân thủ giới luật.

Nhẫn nhục trang nghiêm

Kinh văn: “*Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo*”(Dùng nhẫn nhục trang nghiêm, được âm thanh viên của Phật, đầy đủ các tướng tốt)

Câu này nói về thực hành mười thiện nghiệp thực tiễn trong nhẫn nhục Ba la mật. Hai câu “cử yếu ngôn chi hành Thập thiện đạo” (phần cốt lõi mà nói thực hành mười thiện nghiệp) ở trên sẽ xuyên suốt cả đoạn kinh văn này. Đây là lúc kết tập Kinh Tạng vì muốn mỹ hóa văn chương mà giản lược phần chữ.

Vốn trong nguyên điển Phật pháp chỉ có chữ “nhẫn”, không có chữ “nhục”, chữ nhục là do người phiên dịch Kinh thêm vào. Thời Trung Quốc cổ đại, người có học được gọi là “giai cấp sĩ đại phu”. Cũng như câu “*sĩ khả sát, bất khả nhục*” (kẻ sĩ thà chết chứ không chịu nhục), bậc sĩ đại phu xem việc lăng nhục là vô cùng nghiêm trọng, chặt đầu có thể nhẫn nhưng lăng nhục thì không thể được. Vị đại sư dịch kinh thấy sự chấp trước nặng nề ấy nên thêm chữ “nhục” theo sau chữ “nhẫn” với ý nghĩa “nếu nhục có thể nhẫn được thì còn điều gì lại không nhẫn được”. Cho nên đặt biệt phiên dịch thành chữ nhẫn nhục là vì vậy.

Không nhẫn được, bất luận là thế pháp hay Phật pháp thì đều không thể thành tựu. Chúng ta muốn thành tựu viên mãn

trong thế xuất thế gian pháp, then chốt là nhân như cái gọi là “việc nhỏ không nhân được, việc lớn ắt sẽ hồng”. Kinh Kim Cang có dạy “tất cả pháp mà thành tựu được đều là nhờ nhân”. Bất luận việc lớn, việc nhỏ của thế xuất thế gian, muốn thành tựu thì phải nhân. Ý nghĩa của sự nhân thật là sâu rộng vô biên.

Phàm là người, ai cũng phải nương tựa đại chúng xã hội mà tồn tại, chắc chắn không thể thoát ly xã hội mà tồn tại biệt lập được. Mà chung sống với đại chúng, sao có thể không nhân được? Đặc biệt là xã hội ngày nay, mà theo Kinh Vô Lượng Thọ là: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả” (tức là “Người đời trước sống không biết hành thiện, chẳng màn đạo đức nên chẳng có ai truyền dạy đời sau”). Từ nhỏ không được tiếp nhận nền giáo dục tốt, nên bồi tụ thành nhiều tập khí bất thiện thì chung sống với đại chúng sẽ khó vô cùng.

Trong thế xuất thế gian pháp, phàm là người có thành tựu, sự nghiệp càng lớn, địa vị càng cao, thì càng khiêm nhường hòa kính, được mọi người tôn kính ngưỡng mộ, làm một việc nhỏ cũng khiến người cả đời ghi nhớ chẳng quên. Thí dụ như hồi trẻ tôi làm nhân viên công sở, ở văn phòng đọc báo, xem sách, lưng tựa thành ghế, chân ghế cũng bị nhắc hồng lên cả lên. Quản lý thấy vậy liền vỗ khế vai tôi, không phải trách mà chỉ nhắc nhẹ “ngồi vậy dễ ngã rồi bị thương lắm”. Cả đời tôi cũng không quên lời nhắc đó, từ việc sai nhỏ mà có thể sửa mình. Còn như ngày ấy quản lý quát tháo ầm lên thì thế nào khi ông ấy không có ở đó tôi cũng sẽ tiếp tục ngồi vậy, vì tâm tôi không phục ông. Cho nên, thân là lãnh đạo, làm thế nào để đối đãi cấp dưới, để cấp dưới ủng hộ, để cấp dưới một lòng chăm chỉ làm việc giúp mình thì đều nhờ vào hai chữ “khiêm kính”. Chỉ cần

chúng ta chịu khó lưu ý, thì mọi lúc mọi nơi đều là chỗ chúng ta có thể học tập.

Trước kia Đại sư Thái Hư có đề xướng “Bồ tát học xứ”. Trước hết phải học sống chung với đại chúng, mà điều quan trọng nhất khi chung sống cùng đại chúng là thành một khối. Ngày nay Phật giáo sánh không kịp Ki tô giáo và Thiên Chúa giáo, nguyên do là vì chúng ta không thể cùng những người nghèo khổ kết thành một khối, không thể sống đời sống nghèo khổ. Đây là điều cần thiết mà chúng ta phải học hỏi họ và tự cảnh tỉnh mình.

Bát luận thế pháp, Phật pháp hay cổ Thánh tiên Hiền đều dạy rằng, trong công việc, chúng ta phải làm đúng cương vị, làm tốt bổn phận của mình; chỉ cần mỗi người làm tốt bổn phận của bản thân, thế giới chắc chắn được kết tường hòa thuận. Mọi người phải tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, nhưng nếu không có công phu nhẫn nhục thì không thể thành tựu. Nhẫn nhục là ngay trong đời sống hằng ngày, mọi việc đều phải nhẫn, không nhẫn được thì không thể tùy duyên, chứ muốn mọi việc nhất nhất theo ý mình, thuận theo yêu ghét của bản thân thì quả là khó vô cùng. Chúng ta đâu biết rằng sự yêu ghét của bản thân chính là phiền não, khiến tâm không thanh tịnh. Có thể buông xả yêu ghét của bản thân, tùy thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, thì công đức đó chính là nhẫn nhục Ba la mật.

“Trang nghiêm” chính là làm được đến tận thiện tận mỹ, chúng ta tu nhẫn nhục đến mức tận thiện tận mỹ thì quả báo đạt được chắc chắn là “đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo”(được viên âm của Phật, đầy đủ các tướng tốt.). “Đức Phật dùng nhất âm thuyết pháp, chúng sanh tùy loài mà hiểu được” thì “âm” này mới thực là “viên âm”. Còn nguyên nhân có được

tướng tốt đương nhiên rất nhiều, mà trước hết là nhân nhục. Bồ Tát thành Phật còn phải đặc biệt dành thời gian một trăm kiếp mới tu 32 được tướng tốt 80 vẻ đẹp. Vì chúng sanh ưa thích cái đẹp, Đức Phật mới dùng tướng tốt, tướng đẹp để nhiếp thọ chúng sanh. Vậy một trăm kiếp ấy tu pháp môn gì? Vẫn là Lục độ Ba la mật, mà đứng đầu là nhân nhục Ba la mật.

Quả thật, tướng tốt của Đức Phật độ được rất nhiều chúng sanh. Tôn giả A Nan là ví dụ rõ nhất. Vì sao Ngài A Nan xuất gia? Cũng chính vì ngưỡng mộ tướng tốt của Đức Phật. Thế nên Ngài A Nan phát tâm học Phật, không học điều gì khác mà muốn học tướng tốt. Giờ thì chúng ta đã hiểu thế nào là tướng hảo nhiếp thọ chúng sanh. Sức mạnh này lớn dường bao! Thành thật mà nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn dĩ đã chứng quả vị cứu cánh viên mãn rất sớm thì Người có nhất thiết phải tu tướng tốt không? Người tu là để phạm phu Lục đạo noi theo. Phạm phu chốn Lục đạo có ai không muốn tướng tốt? Bất luận chúng ta thuộc chủng tộc nào, tin tôn giáo nào, có ai lại không muốn bản thân sức khỏe dồi dào, dung mạo đẹp đẽ? Đức Phật thị hiện chính là để chúng ta hiểu rằng nguyện vọng này có thể thực hiện được, chỉ cần tu nhân nhục Ba la mật là đạt được.

Mọi việc đều nhân được, nhân mọi lúc và nhân mọi nơi. Viên mãn nhân nhục Ba la mật chính là tướng tốt quang minh viên mãn. Nhân nhục là phương tiện trước thiên định, một người không thể nhân thì không cách nào tu định. Không kể Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn hay Giáo hạ đều phải tu thiên định; định là mấu chốt của tất cả pháp môn. Cho nên sáu nguyên tắc tu hành của Bồ Tát (tức Lục Ba la mật) là có thứ tự nhất định, không được đảo lộn được. Một là bố thí, dạy chúng ta buông xả, không thể buông xả tức là không tuân thủ quy luật,

tuân thủ quy luật là trì giới. Không tuân thủ giới luật thì chắc chắn không thể nhẫn nhục, không thể nhẫn nhục, chắc chắn không tiến bộ, mà tiến bộ là tinh tấn; không tiến bộ thì làm sao có thể thiền định? Sáu điều này cũng giống như đi lên 6 tầng lầu vậy, không có tầng dưới, thì chắc chắn không có tầng trên. Vậy chúng ta phải tu phương pháp nào? Là từ bố thí mà tu. Thật sự buông xả, thật sự tuân thủ quy củ, tuân thủ pháp luật, tuyệt đối không nhồi nặn bản thân thành một nhân vật đặc biệt. Vì sao? Vì như vậy tức là xa rời quần chúng, không nhận được sự giúp đỡ của quần chúng, hay nói cách khác là chúng ta bị cô lập, bất kể thế xuất thế pháp nào cũng đều không thành cả.

Xưa nay, trong và ngoài nước, người thành công chắc chắn là được đại chúng ủng hộ, yêu mến. Đặt biệt trong xã hội dân chủ tự do, khai phóng, ứng cử, tranh cử bầu phiếu như ngày nay thì lại càng nhờ vào sự ủng hộ và yêu mến của quần chúng. Bình thường chúng ta không quan tâm giúp đỡ người khác, đến lúc cần lấy ai giúp đỡ mình? Cho nên, chung sống với đại chúng thì phải biết bố thí, trì giới và nhẫn nhục. Ba điều này phải làm được thì pháp duyên của chúng ta mới thù thắng, có vô lượng công đức.

Tinh tấn trang nghiêm

Kinh văn: ***“Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng”***(Do tinh tấn trang nghiêm, có thể phá ma oán, nhập vào pháp tạng của Phật)..

Câu này nghĩa là đem mười thiện thực tiễn vào tinh tấn của hạnh Bồ tát mà được công đức thù thắng. Phần trước đã nói câu “Long vương, cử yếu ngôn chi, hành thập thiện đạo” là xuyên suốt những đoạn phía sau; giờ chúng ta ghép câu này vào câu

phía trước thì thành “Long vương, cử yếu ngôn chi, hành thập thiện đạo, tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng” thì sẽ được ý nghĩa hoàn chỉnh rồi

“Tấn” là cầu tiến bộ, tiến bộ thì phải “Tinh”. Người đời đều biết cầu tiến bộ, nhưng bỏ qua “tinh”, cho nên tạp tiến, nói một cách khó nghe là loạn tiến. Pháp của Phật là pháp của chân thật trí huệ, chân thật giác ngộ nên tâm tạp loạn thì tâm thanh tịnh không hiện tiền, tâm chân thành tất nhiên bị phá; mà tâm không chân thành, tâm không thanh tịnh thì ma oán thừa cơ hội nhập vào.

“Ma oán” là chỉ phiền não, “ma” tức là sự dày vò, tự mình dày vò chính mình. “Oán” là oán hận. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác có dạy 4 loại ma, tức là ngũ ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma. Ở đây nói ma oán là bao gồm cả bốn loại ấy.

Chúng sanh trong Lục đạo từ vô lượng kiếp đến nay đã kết oán với nhau vô lượng vô biên, nên trên con đường Bồ đề gặp rất nhiều chướng ngại. Nguyên nhân của chướng ngại vô cùng nhiều, quan trọng nhất cũng vẫn là tâm hạnh không thiện mà “mười thiện là bạn tốt, mười ác là oan gia”. Chúng ta khởi tâm động niệm đều rơi vào mười ác nghiệp, chính là tự mình gây chướng ngại cho bản thân. Nên mới nói ma oán không phải từ ngoài vào là vậy. Chúng ta nhận thức rõ ràng rồi, đem tinh thần và thời gian tập trung vào đạo nghiệp, ma oán tuy nhiều nhưng không có kẽ hở thì cũng không vào được.

Trong bốn Kinh này đức Phật dạy “*Bồ tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo (thế gian) khổ*” (nghĩa là “Bồ tát có một pháp hay có thể đoạn dứt mọi khổ ải trong đường ác (thế gian)”). Cái khổ của tất cả thế gian cũng vì ma oán mà ra.

Pháp có thể đoạn khổ chính là “ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ, quán sát thiện pháp”. “Thường” tức là ngày đêm không gián đoạn. Dụng tâm trên niệm thiện thì ác niệm không thể vào được. Ấy chính là chân tinh tấn.

Trong pháp môn niệm Phật, chấp trì Phật hiệu là đại thiện, 6 chữ hồng danh là thiện trong thiện, cho nên phải niệm 24 giờ liên tục không gián đoạn. Lão pháp sư Đệ Nhàn có dạy: “niệm mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi lại niệm tiếp”, như vậy cũng xem là không gián đoạn. Mỗi giờ mỗi khắc đều dấy khởi tâm niệm Phật. Đây là tinh tấn.

Chúng ta mỗi ngày đều tụng kệ hồi hương: “*Nguyện đem công đức này, Trang nghiêm Phật Tịnh độ*”. Đem công đức gì để trang nghiêm? Đem công đức của bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn để trang nghiêm cõi Phật. Phật tịnh độ ở đâu? Trong hư không pháp giới không nơi nào không có Phật tịnh độ, “Tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Chúng ta không thấy Phật tịnh độ là vì tâm chúng ta không thanh tịnh, có tự tư tự lợi. Kinh Kim Cang dạy rằng: “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”. Trong đó, tự tư tự lợi là ngã tướng, cũng là cửa ải đầu tiên. Không phá được cửa này thì dầu tu hành thế nào cũng không thể vào cửa Phật. Phá (được) ngã chấp thì đạt được vô ngã_ là quả vị Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, còn quả vị Bồ tát Sơ tín vị của Viên giáo của Đại thừa thì đã xem như vào cửa Phật rồi. Nói vậy thì nghe có vẻ rất khó nhưng cốt lõi vẫn ở chỗ có thể buông xả được hay không. Nếu buông bỏ được thì không khó, không buông xả được thì chắc chắn khó rồi.

Vãng sanh tịnh độ mới thực là khế nhập, là “nhập Phật pháp tạng”. Và đó chính là mục tiêu duy nhất của cuộc đời chúng ta: cầu vãng sanh thế giới Tây phương cực lạc. Cho nên,

khi chúng ta khởi tâm động niệm dù lời nói hành động thì nhất nhất phải tương ứng với lời Phật dạy, có vậy đời này mới mong được thành tựu. Còn như ngược lại, khẩu tâm thị phi, thì đời này vẫn mãi luân hồi trong Lục đạo thọ khổ trong Tam đồ.

Định trang nghiêm

Kinh văn: “**Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm tuệ, tâm quý, khinh an**”(Do thiên định trang nghiêm, có thể sanh niệm, huệ, hổ thẹn và khinh an).

Câu này nghĩa là đem mười thiện nghiệp thực tiễn trong thiên định Ba la mật sẽ đắc công đức thù thắng. Mười thiện gồm không sát sanh, không trộm cắp, cho đến không tham, không sân, không si, mỗi một điều thiện phải tương ứng thiên định. Từ những đoạn kinh văn phía trước có thể giúp chúng ta hiểu được điều này. Kinh Hoa Nghiêm có dạy “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất” (một là tất cả, tất cả là một). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi một pháp đều viên mãn đầu đủ tất cả. Bất cứ một pháp nào cũng dung hợp và có mối liên hệ mật thiết với tất cả pháp còn lại. Đây là Bồ Tát hạnh, là tánh đức, cũng là tự tánh vốn có, vốn dĩ trước giờ là như vậy, nhưng phàm phu chúng ta lại cứ tách rời các pháp ra.

Thiên định chính là trong lòng có chủ tể, không vì ngoại cảnh mà lay động. Công phu tu hành thế ấy mới xem là đắc lực. Cuộc sống xã hội xưa vốn chất phác, lòng người lương thiện, khả năng bị ngoại cảnh tác động hay mê hoặc là tương đối ít. Còn thời kỳ mạt pháp ngày nay, lòng người không thiện, dẫu vô tình hay hữu ý cũng ảnh hưởng ít nhiều đến người khác, mà bản thân có khi không thận trọng nên tâm tín liền lung lay, nỗ lực tu hành cũng không thể thành tựu.

Tu hành thế nào mới dễ sớm có thành tựu là điều người học Phật nào cũng mong cầu, hy vọng; mà “Phật tại môn trung, hữu cầu tắc ứng”. Chư Phật Như lai đại từ đại bi ban cho chúng ta pháp môn Tịnh độ chính vì mong chúng ta đời này sớm viên mãn Vô thượng Bồ đề. Liệu điều này có thành hiện thực không? Đó là tùy thuộc vào nhân tố then chốt, gồm ba tư lương: tín, nguyện, hạnh, mà trong đó tín tâm là quan trọng nhất. Nhưng nếu chỉ tin Đức Phật A Di Đà, tin tưởng kinh luận Tịnh tông thì có thể thành tựu không? Chưa chắc, vì tâm chưa định, còn bị người, vật ảnh hưởng; đó chính là những ma chướng trên đường Bồ đề. Khi chúng ta mất đi tín tâm, nguyện lực yếu đi, thường thay đổi pháp môn và tìm đến đạo tràng khác. Như vậy là loạn tu tạp tấn thì sao có thành tựu được!

Ở thế xuất thế gian, người có thành tựu đều là người có tín tâm kiên định. Cho nên tín tâm càng kiên định thì càng không bị ngoại cảnh ảnh hưởng, thành tựu cũng càng lớn. Thành tựu và tín tâm phải tương đương nhau. Đức Phật là bậc thầy vĩ đại của thế xuất thế gian, nếu chúng ta học Phật mà tín tâm không vượt hơn mọi người thì sao thanh tựu được! Vì vậy nếu không xây dựng được tín tâm thì sẽ gặp trở ngại trong niệm Phật vãng sanh, ngay cả phước báo nhỏ nhoi ở thế gian cũng bị trở ngại.

Lấy ví dụ như chúng ta hiến tài vật để cứu tế chúng sanh khổ nạn. Đây là phước báo, là việc làm tốt nhưng chúng ta cứ lo lắng “liệu tài vật có bị người trung gian bớt xén không?”, rồi thì “chúng ta làm vậy thì có phải gây nghiệp vì tạo cơ hội cho họ bớt xén không?”. Càng nghĩ lại càng không dám phát tâm, ngay cả cơ hội tu phước cũng bị đoạn rồi. Đây là kiểu người này tự cho mình thông minh. Kinh Lăng Nghiêm có lời dạy rằng “phát ý viên thành, viên mãn công đức”, chỉ cần tâm chân thật, có

thành ý thì đầu chỉ khởi một ý niệm, công đức cũng viên mãn rồi. Phải hiểu là mỗi người có nhân quả riêng nên mỗi người cũng có nhân duyên phước báo riêng quyết không vì chuyện nhỏ mà chúng ta không làm việc tốt. Thời đại ngày nay, giáo huấn của Thánh Hiền không còn, chúng sanh làm điều ác cũng nhiều hơn nhưng không vì chúng sanh làm ác mà chúng ta không hành thiện. Vì nếu vậy thì tương lai phía trước đáng sợ biết dường nào, chẳng được hưởng lên trên mà là đọa lạc. Cho nên, tôi tu tôi được phước, người tạo thì người thọ nghiệp, ai cũng sẽ có quả báo riêng riêng biệt vậy.

Như chuyện năm xưa chúng tôi phóng sanh ở Đài Bắc, và có lần còn mời cả Đại sư Đạo An. Đầu nguồn chúng tôi phóng sanh thì dưới dòng lại có người bắt cá. Có người thấy vậy liền thưa lại với lão Hòa Thượng, lão Hòa thượng vẫn bảo cứ phóng sanh vì chúng ta phóng sanh thì tu phước của chúng ta, họ bắt cá là nghiệp của họ tạo, chúng ta không phải cố ý phóng sanh để họ bắt. Cho nên, mỗi người tạo nghiệp của mỗi người, mỗi người thọ quả báo của mỗi người, không thể thấy người bắt cá mà ta không phóng sanh. Vì làm vậy thì khác nào tự đánh mất thiện niệm, thiện hành của chính mình? Cho nên, làm bất cứ việc gì, không có định lực ắt bị môi trường bên ngoài ảnh hưởng.

Bộ Kinh này dạy: “Bồ Tát ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp” chính là tổng cương lĩnh của quyển Kinh này. Nắm rõ tổng cương lĩnh này rồi, thế gian còn cái ác không? Không. Vì chư Phật Bồ Tát chỉ thấy được điều thiện, không giữ trong lòng cái ác của chúng sanh nên mới thuần thiện không ác. Còn chúng ta, cứ mỗi niệm lại thấy có người này tạo ác, người kia không như pháp, rồi gom hết những bất thiện ấy để trong lòng, nên thành ra thiện niệm thì

ít mà bất thiện thì nhiều. Đức Phật dạy “không để mảy may bất thiện xen tạp” mà chúng ta lại chắt chứa bất thiện niệm quá nhiều thì sao thành tựu được? Vậy làm thế nào để sanh “niệm huệ”? “Niệm huệ” chính là ngũ căn ngũ lực, tức là tín, tiền, niệm, định, huệ.

“Tâm”, “quý” (2 chữ này vốn nghĩa gốc là sự hổ thẹn) là hai thiện tâm sở. “Tâm” chính là lương tâm mà nhà tư tưởng Vương Dương Minh gọi là lương tri. Tâm tức phải xứng đáng lương tâm chính mình, “quý” tức xứng đáng xã hội đại chúng.

“Khinh an” là tự tại, thân tâm buông xả gánh nặng phiền não, bất kể là với người, với việc hay với vật thì đều tự tại an lạc, sung mãn trí huệ. Được vậy tức đã trải qua cuộc sống của Phật, Bồ Tát, quyết không bị ngoại cảnh bên ngoài làm lay động.

Muốn thành tựu Phật pháp phải có tín tâm kiên định, chẳng chút dao động, với mọi người phải có lòng tin, cả khi người tạo nghiệp ác nhưng ta vẫn giữ lòng tin với người. Ví như ta phó thác tài vật để người đi cứu trợ người nghèo khổ, nhưng nếu người lấy hết toàn bộ tài vật nhưng ta vẫn tin người thì điều này phải giải thích thế nào đây? Vì nhân quả chắc chắn không lầm, ngày nay người lấy đi tài của thì tương lai người cũng phải trả lại chúng sanh, cả một miếng ăn, một ngụm nước cũng không lọt mất. Nợ tiền trả tiền, nợ mạng người trả mạng người, cứ vậy nhân quả thông suốt ba đời, hiểu rõ đạo lý nhân quả thì lòng tin được viên mãn tràn đầy. Lòng tin được đầy đủ, không mảy may nghi ngờ, dốc lòng dốc sức tu thiện, hành thiện thì tự bản thân thành tựu thiện tâm, thiện hành viên mãn. “Linh thủ thiện pháp, niệm niệm viên mãn”, thiện pháp không thể thành tựu được là

do không có định lực, cho nên, “ nghi” là chướng ngại lớn của Bồ tát.

“Nghi” tức hoài nghi, nhất là khi có tâm hoài nghi đối với thiện tri thức, vì như thế khác nào tự hủy hết toàn bộ đạo nghiệp. Vậy nên bất luận có ai phê bình thầy, ta lập tức rời đi không nghe cũng không phản bác họ, quyết giữ tín tâm đối với thầy, tuân thủ những giáo pháp của thầy dạy. Như thế mới thành tựu được. Đâu có gì chắc rằng người phê bình nào cũng có tâm công bằng; có rất nhiều tạo tin đồn sanh sự, lời bịa đặt không căn cứ mà nếu không có trí huệ thì chúng ta không thể phân biệt được. Cho nên, tránh đi thì tốt, quyết không tranh luận với họ. Nghĩ đến những lời nói, lời dạy của thầy là xác tín, chắc chắn không phải tà đạo, cứ y giáo phụng hành, nhất định sẽ có lợi ích.

Kinh văn: **“Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhất thiết phân biệt vọng kiến”**(Do trí huệ trang nghiêm, có thể đoạn hết tất cả vọng kiến phân biệt)..

Kinh văn phần trên là nói đem mười thiện nghiệp thực hành trong Lục Ba La Mật của Bồ tát, còn đoạn cuối này là dạy chúng ta thực hành trong “Bát Nhã Ba La Mật”.

Tam học Giới – Định – Tuệ, là ba nguyên tắc phải tuân thủ của mười phương ba đời tất cả chư Phật từ sơ phát tâm mãi đến viên mãn bồ đề. Định là thể của tâm, Giới là hành vi của tâm, Tuệ là quán chiếu của tâm nên gọi là “Tam học”, cũng gọi là “tam bảo”. Huệ là Phật bảo, Định là Pháp bảo, Giới là Tăng bảo, đây là Phật Pháp Tăng tam bảo. Tam bảo đầy đủ thì liền hành Bồ Tát đạo, chính là học Phật. Ba điều thiếu một cũng không thể thành tựu, cổ nhân so sánh “như cái đỉnh ba chân” vậy , thiếu

một chân cũng không được. Vô lượng vô biên pháp môn, tam học được xem là tổng cương lĩnh hành Bồ tát.

Kinh Thập Thiên Nghiệp Đạo là Giới học, là đại căn đại bản của Giới học. Từ đời sống hằng ngày chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác đều tương ứng với mười thiện thì ấy chính là học Phật; còn như tương ứng với mười ác, trái ngược với Phật pháp thì càng xa Phật pháp. Dứt khoát không nên có ý nghĩ rằng đó chỉ là những giới nhỏ nên có thể bỏ. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến Phật giáo ngày nay suy vi, vì không biết tích ác nhỏ thì thành ác lớn, cho nên cả đời học Phật cũng không tránh khỏi đọa ác đạo.

Người tu hành thật, việc thiện cực nhỏ cũng làm, việc ác cực nhỏ cũng không phạm, thì có thể thành tựu, ấy là trí huệ chân thật. Trong sáu đại cương lĩnh hành Bồ Tát thì năm điều đầu chú trọng về sự, điều cuối này thì chú trọng về lý. Làm sao thực hành điều này? Phải ly vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì được huệ. Kinh Bát Nhã dạy: “Tam luân thể không”. Chúng ta tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, ly tất cả tướng, tu tất cả pháp thì gọi là “Bát Nhã Ba La Mật”. Cho nên Bát Nhã không thể tách rời Ngũ độ, tách rời Ngũ độ đã nói ở trên thì Bát Nhã thành ra có lý mà không có sự, sẽ rơi vào rỗng không. Bát Nhã phải có lý có sự mới viên mãn, không thiên lệch một phía.

Phật giáo hóa chúng sanh lấy Bát Nhã làm trung tâm, nếu không có Bát Nhã, tu Ngũ độ trước đều là thiện phước. Tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn sẽ được quả báo ở Trời Dục Giới. Tu thiền định sẽ được quả báo ở Trời Sắc Giới và Vô Sắc giới, hưởng phước báo cõi Trời nhưng không ra khỏi Tam giới. Nếu có Bát Nhã Ba La Mật thì thoát khỏi Tam giới, không

những thoát khỏi Tam giới mà còn thoát ly mười pháp giới, như vậy mới được xem là đắc thành tựu cứu cánh viên mãn.

Pháp Đại thừa lấy lợi ích chúng sanh làm hàng đầu nên đặt từ bi đầu tiên, pháp Tiểu thừa lấy tự lợi làm hàng đầu nên đặt tịch tịnh đầu tiên. Trung Quốc tiếp nhận giáo pháp Đại thừa, trong từ bi tu tịch tịnh, đây là lợi mình và lợi người, cả hai đều lợi. Tịch tịnh là thiên định, còn từ bi thì thực hành trong bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nếu từ bi tách rời bốn điều này thì từ bi chỉ là lời nói suông. Cho nên, từ bi nhất định phải được thực hành trong đời sống thường ngày. Tâm bố thí quyết không thể đoạn, bố thí là lợi ích chúng sanh, lợi ích chúng sanh khổ nạn.

Chúng sanh nào khổ nạn? Trong Tam giới Lục đạo, mỗi chúng sanh đều có khổ, đều có nạn, chỉ là nhận khổ nạn khác nhau mà thôi. Một số người thân – tâm, vật chất – tinh thần đều nhận khổ nạn; một số người vật chất hưởng thọ rất phóng phú, nhưng trên tinh thần thì khổ nạn; lại có một số người khác đầy đủ về tinh thần nhưng đời sống vật chất khổ nạn. Phước báo lớn nhất trong Tam giới là Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương nhưng vẫn còn khổ nạn. Họ có khổ nạn gì? Không ra khỏi luân hồi hay nói cách khác là nhất định phải nhận luân hồi, sau khi hưởng phước cõi Trời hết thì khó tránh khỏi đọa lạc.

Vô lượng kiếp đến nay khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác của chúng ta đều là thiện ác xen tạp, không thuần thiện cũng không thuần ác, chỉ là thiện hay ác chiếm phần nhiều mà thôi. Vậy nên tất cả chúng sanh thọ quả báo không giống nhau, mỗi người đều là tự tạo thì tự nhận lấy. Nếu chúng ta hiểu rõ rồi thì trí huệ chúng ta mở ngay vậy, tuyệt đối không thể oán Trời trách người. Người khác cảm dỗ nhưng chúng ta tạo tội. Tại sao

chúng ta là người tiếp nhận? Vẫn là nên tự trách mình trước, không thể trách người khác, việc gì cũng có nguyên nhân, nhân duyên quả báo không mảy may sai lệch. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta phải có định, có huệ và hành vi tương ứng với giới.

Giới học là nói nghĩa rộng, không nhất thiết là chỉ 5 giới. Giới Tỳ Kheo, Giới Tỳ Kheo Ni, Giới Bồ Tát của nghĩa hẹp. Ý của “Giới” ở đây là Phật muốn dạy cho người mới bắt đầu học Phật. Đức Phật dạy Bồ tát không phải là cách dạy này. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Tỳ kheo Kiết Tường Vân đại diện cho Phật bảo, Tỳ kheo Hải Vân đại biểu cho Pháp bảo, Tỳ kheo Diệu Trụ đại biểu cho Tăng bảo. Cái mà trong Kinh nói so với cái mà Đại thừa nói có có chút khác nhau. Tỳ Kheo Kiết Tường Vân dạy chúng ta pháp môn niệm Phật, pháp môn niệm Phật chú trọng niệm Phật Tam muôi, chú trọng ở định học, Tỳ kheo Hải Vân chú trọng trí huệ, Tỳ kheo Diệu Trụ chú trọng giới hạnh. Vì vậy, ba vị đó đại diện cho tam học giới – định – huệ, tức Phật – Pháp – Tăng.

Định và Huệ có thể làm “thể” và “dụng” lẫn nhau. Nếu định là thể, định khởi tác dụng là huệ; nếu huệ là thể, huệ khởi tác dụng chính là định, định – huệ là một chứ không phải hai. Giới học mà Tỳ kheo Diệu Trụ nói có nghĩa rất rộng, Ngài là đại diện của Đại thừa, giảng 18 loại Giới, chính là 18 loại lớn của Giới học. Điều đầu tiên là tâm đại bi, nên có giới không bỏ tâm đại bi. Cho nên Bồ tát phải thường niệm niệm có lòng thương mến tất cả chúng sanh, trợ giúp chúng sanh xa lìa khổ đau, hưởng điều an lạc. Khổ là gì? Lục đạo, Thập pháp giới là khổ, nên Bồ tát muốn giúp đỡ họ thoát ly Lục đạo, Thập pháp giới. An lạc là gì? Là chứng đắc Nhất chân pháp giới. Tiêu chuẩn của lìa khổ được vui là định lại ở nơi này, chứ không phải là ở việc

hôm nay chúng ta không có thức ăn, chúng ta được tặng một ít đồ cứu tế thì chúng ta lìa khổ được vui, đây chỉ là việc nhỏ.

Mục tiêu cuối cùng của Tiểu thừa là thoát ly Lục đạo luân hồi, lìa khổ được vui. Mục tiêu cuối cùng của Đại thừa là thoát ly Thập pháp giới. Tiểu thừa chứng đắc quả vị A La Hán thì cũng cho là viên mãn rồi. Như vậy quả A La Hán là có thể đạt đến định thứ chín, thoát ly Lục đạo luân hồi. Qua Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy được đạt đến định thứ chín thì thoát khỏi Lục đạo, còn bậc cao nhất trong Lục đạo là định thứ tám. Còn “Tứ thiên bát định” thường giảng thì chưa ra khỏi Tam giới, phải đạt đến định thứ chín thì mới thoát khỏi được.

Định thôi thì chưa đủ để thoát ly mười pháp giới, nhất định phải khai huệ mới được. Sau khi khai trí huệ mới thoát khỏi mười pháp giới. trí huệ mở rồi quả báo chính là “có thể đoạn tất cả phân biệt vọng kiến”. “Vọng kiến” là vọng tưởng, “phân biệt” cũng gọi là phân biệt, chấp trước. Sau khi trí huệ khai rồi thì có thể lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Làm sao để khai trí huệ? Ngay trong cuộc sống hàng ngày, đối với tất cả người, sự vật phải dùng hết khả năng để không phân biệt, chấp trước; không đặt những điều này trong lòng thì vọng tưởng tự ất ít đi. Tâm không phân biệt, chấp trước thì dễ khai ngộ vậy.

Phật giáo có nói đến căn tánh lợi và căn tánh độn. Căn tánh lợi chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hết sức nhạt nhòa, không đem những việc này để trong lòng. Phân biệt chấp trước nặng thì căn tánh là độn, không dễ khai ngộ. Thế nên Tổ sư Đại đức dạy chúng ta “Nhìn thấu buông xả” là vì vậy. Chúng ta từ chỗ “Nhìn thấu buông xả” mà bồi dưỡng căn tánh Đại thừa viên đốn. Đức Phật dạy chúng ta mười thiện là căn bản của pháp hành, cũng là căn bản của giới hạnh, áp dụng vào thực tiễn vào

bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và bát nhã. Quan trọng là thực tiễn áp dụng thế nào thì đắc lợi ích thế ấy. Về bồ thí thì đã nói rất tỉ mỉ, phần sau này chỉ trình bày những điều cốt lõi, từ đó chúng ta có thể từ một suy ra ba, nghe một biết mười.

Phần dưới đây là nói tứ vô lượng tâm Từ – Bi – Hỷ – Xả. Từ đó có thể thấy, Đức thế tôn dạy cho Bồ tát đầu tiên, tiếp đến là dạy cho chúng sanh cõi Trời – Người, và sau mới dạy Tiểu thừa. Chúng ta thấy được phương thức sắp xếp thì biết được đây là Đại thừa không phải Tiểu thừa. Cho nên, chúng ta phải thể hội sâu sắc về việc Đức Phật trợ giúp chúng sanh như thế nào nhanh chóng viên mãn thành Phật đạo ngay đời này.

Từ trang nghiêm

Kinh văn: ***“Từ trang nghiêm cố, u chur chúng sanh bất khởi não hại”***(Dùng lòng từ trang nghiêm, với tất cả chúng sanh, không khởi phiền não làm hại).

Đây là dạy chúng ta thực hành mười thiện vào trong Tứ vô lượng tâm Từ – Bi – Hỷ – Xả. ***“U chur chúng sanh bất khởi não hại”***(đối với tất cả chúng sanh, không khởi phiền não làm hại).Điều này đối với xã hội ngày nay vô cùng quan trọng. Thời cận đại mỗi một quốc gia, mỗi một khu vực trên thế giới chỉ đều dồn tận sức lực vào truy cầu của cải giàu có mà lơ là giáo dục Thánh Hiền, đặc biệt là trong vòng nửa thế kỷ gần đây. Có thể nói đem ý nguyện tiếp thu giáo huấn Thánh Hiền làm mất đi, nên dẫn đến xã hội động loạn, lòng người không có chỗ quay về và hậu quả nghiêm trọng thế giới không thái bình.

Chúng ta muốn cứu vãn bản thân, muốn cứu vãn vận nhà và cứu vãn vận mệnh mà không quay về với giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền thì không thể được. Ngày nay tuy chỉ có một số

người giác ngộ, quay đầu. Số người tỉnh giác rất ít so với cộng nghiệp của chúng sanh nhưng vẫn là có hiệu quả. Như chúng ta biết, ngày nay phương Tây có không ít tạp chí, thư tịch đang thảo luận nghiên cứu về những thông tin của tâm linh, nghiên cứu những tồn tại của siêu khoa học, hy vọng phá vỡ những hạn chế của Khoa học. Đó là một tin vui. Nếu con người hiểu rõ có kiếp sau, thì kiếp này sẽ tu thiện, dẫu cộng nghiệp bất hạnh nhưng kiếp sau có thể có môi trường cuộc sống sẽ đẹp hơn và thiện hơn kiếp này. Nên nói hành thiện chắc chắn có giá trị.

Hành thiện trước tiên phải có tâm thiện. Bốn kinh này dạy: “Ngày đêm thường niệm thiện pháp”. Đây là tâm thiện. Từ – Bi – Hỷ – Xả là tâm thiện, người có thể lấy mười thiện tu từ bi hỷ xả, nhất định được sanh cõi Trời hưởng phước Trời. Tuy nhiên cõi Trời cũng không thể làm cho người hài lòng vì phước báo cõi Trời tuy tốt nhưng không tận thiện, tận mỹ. Lấy ví dụ như trái đất chúng ta hiện nay, mọi thứ cứ liên tục phát triển thì không còn cư trú nên có rất nhiều người muốn tìm nơi an toàn để tránh tai nạn. Nói một cách thành thật, ở thế giới này không có nơi nào an toàn, nơi thật sự an toàn hạnh phúc mỹ mãn không thiếu sót chính là thế giới Cực lạc Phật A Di Đà.

Chúng ta nghe không ít người nói, ngày nay ngay cả quý thần cũng hướng về thế giới Cực lạc, quý thần nhập vào người phàm để được nghe Kinh niệm Phật cầu thọ quy y. Việc này tin được không? Tin được! Tôi lấy ví dụ này là việc chúng tôi tận mắt chứng kiến, là chuyện lão Lâm Trưởng ông Trần Quang Biệt của “Lâm cư sĩ Phật giáo ở Singapore”. Oan thân trái chủ của ông nhập vào thân của một người đồng tu tên là Đỗ Mỹ Tuyên với mong muốn quy y và nghe kinh. Quý thần xuất ra khỏi thân rồi, hỏi cô ta có cảm giác gì không, cô trả lời là hoàn

toàn không biết gì, chỉ cảm thấy rất mệt, đầu rất mơ hồ. Điều này trong Tam chuyển pháp luân Phật pháp gọi là “Tác chứng chuyển”. Họ đến là để chứng minh cho chúng ta rằng đây không phải là việc giả dối, chúng sanh chắc chắn có kiếp sau.

Cho nên, gieo nhân thiện thì được quả thiện, thể xác sống chết không có gì, không đáng để trong lòng. Người có trí huệ phải biết mở rộng tâm lượng, bao dung tất cả. Trên thực tế, mỗi chúng sanh cũng có tâm lượng bao trùm cả Hư không pháp giới, hệt như chư Phật Như Lai không gì khác biệt. Nhưng vì chúng sanh vô thủy kiếp đến nay mê mất chính mình, mê mất tự tánh, sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Mà chấp trước càng ngày càng nghiêm trọng dẫn đến tâm lượng biến thành nhỏ như thế, chung sống với người khác có sự ngăn cách, mới tạo thành Lục đạo luân hồi. Đây là nguyên nhân hình thành Lục đạo luân hồi. Thật là tự làm tự chịu! Phật Bồ Tát từ bi nhìn thấy chúng ta điên đảo mê hoặc, tạo ác nghiệp, thọ nhận vô lượng khổ, cho nên dùng tâm vô lượng xót thương vô tận giảng kinh thuyết pháp đánh thức chúng ta. Sau khi chúng ta nghe rồi phải giác ngộ phải quay đầu là bờ.

Chúng ta từ vô thủy đến nay, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã rất nặng, nên dù nay mỗi ngày đang tu học, nhưng vẫn không giác ngộ, không thể quay đầu. Cái gì là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vậy? Là tự tư, tự lợi. Nếu không hóa giải tự tư, tự lợi, Phật Bồ Tát đâu có lòng từ bi cũng không thể nào đánh thức được. Nhưng Đức Phật từng dạy tất cả chúng sanh nhất định có một ngày nào đó quay đầu giác ngộ, có lẽ ở vô lượng kiếp lại thêm vô lượng kiếp sau này nữa. Phật, Bồ Tát, Tổ sư Đại đức đã vì chúng ta thị hiện “tướng” của giác ngộ, đó chính là thể giới thân tâm vạn duyên buông xả. Đây là giác ngộ chân

chánh; nếu còn có chút mảy may chưa buông bỏ thì chưa giác ngộ. Triệt để buông bỏ rồi thì chắc chắn giống như chư Phật, Bồ Tát dùng tâm đại từ đại bi giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, giáo hóa chúng sanh mãi không ngừng nghỉ.

Nhà Phật thường dạy: “Cửa Phật không bỏ rơi ai”. Có người hỏi rằng: “Cửa Phật không bỏ rơi ai vậy sao Phật, Bồ Tát bỏ tôi? Sao không độ tôi? Địa ngục không trống thê không thành Phật nhưng giờ tôi còn chưa được độ, sao Ngài thành Phật?” Nói vậy là hiểu sai rồi. Vì khi chúng ta có thể nghe được danh hiệu Phật, thấy được hình tượng Phật thì chính là Đức Phật không bỏ chúng ta. Nguyên nhân mà chúng ta không được độ là vì chúng ta không nghe lời và không y theo lời dạy hành trì vậy.

Bất kể là Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn hay Giáo hạ, Phật đều dạy chúng ta tu mười thiện. Bài học này là bài học cơ bản, chúng ta đã làm được chưa? Sát sanh, trộm cắp, tà dâm là gốc của sanh tử luân hồi, chúng ta không chịu buông xuống thì còn làm thế nào được? Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ là nguyên do của sự bất hòa và xung đột giữa người và người; mọi tai hại cũng từ đây mà ra. Chúng ta buông bỏ những thứ ấy, thiên tai nhân họa cũng không có. Phiền não vô lượng vô biên đều từ phiền não Tam độc tham – sân – si mà ra, vì nó là gốc của phiền não. Nên nói, vốn dĩ Đức Phật đã dạy chúng ta rồi tiếc là chúng ta tự mình từ bỏ mình.

Buông bỏ mười ác là tu mười thiện chính là tâm thiện. Mang tâm thiện này áp dụng vào thực tế đời sống, công việc, đối nhân xử sự tiếp vật đều là Phật pháp. Phật pháp không xa rời cuộc sống. Lời giáo huấn của Phật Đà nhất định chúng ta phải phải ghi nhớ, y giáo phụng hành, lấy tâm từ bi để đối đãi tất cả chúng sanh. Tâm từ bi chính là tâm yêu thương không điều kiện.

Chúng ta thương yêu bản thân, dùng tâm thương yêu bản thân mà yêu mến tất cả chúng sanh. Nho giáo có lời dạy “Điều mình không muốn thì không làm cho người khác”, ấy là tâm từ.

Mang mười thiện thực hành vào tâm từ tức là “Đối với chúng sanh không khởi ý niệm tổn hại”. Không nên có ý niệm tổn hại chúng sanh, không những không tổn hại mà còn phải không để chúng sanh vì ta mà khởi tâm phiền não. Phải làm cho được như lời dạy “Nơi Bồ Tát ở đều khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”. Sự biểu hiện của Bồ Tát Di Lạc chính là khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Đó chính là “Từ” vì vốn nội dung thật chất của “Từ” là mười thiện nghiệp. Vì vậy mà rất nhiều cương mục Phật pháp, nội dung mỗi cương mục đều là mười thiện nghiệp, xa lìa mười thiện nghiệp thì còn bàn gì đến Phật Pháp. Chúng ta thấu hiểu chân tướng sự thật, cố gắng nỗ lực đoạn mười ác, tu mười thiện.

Bi trang nghiêm.

Kinh văn: “*Bi trang nghiêm cố, mãn chư chúng sanh thường bất yếm xả*”(Dùng lòng bi trang nghiêm, thương các chúng sanh, thường không chán bỏ).

Đây là hạnh Bồ Tát, thực hành mười thiện vào tâm bi. “Bi” là xót thương, lo lắng cho tất cả chúng sanh. Chúng sanh mê muội không hiểu biết, không chỉ ở nhân gian chúng ta, ngay cả cõi Trời cũng không tránh khỏi. Vì sao nói cõi Thiên – Nhân không cứu cánh? Trong Phật pháp, nói đến cứu cánh là có hai tầng ý nghĩa. Tầng nghĩa thứ nhất, ít nhất cũng phải giải thoát qua Lục đạo luân hồi mới gọi là cứu cánh, nếu không thì sanh đến Trời Tứ Thiên; ở cõi Tứ Không Thiên, khi thọ mạng hết thì cũng phải chịu đọa lạc, không thoát khỏi luân hồi nên không

được xem là cứu cánh. Tầng nghĩa thứ hai, ở bậc cao hơn, cứu cánh là phải giải thoát khỏi Thập pháp giới thì mới thật sự là cứu cánh. Nếu không thoát ra khỏi Thập pháp giới thì chỉ là Tứ thánh Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong Thập pháp giới cũng chưa phải là cứu cánh.

Đức Phật dạy rằng: Phạm phu trong Lục đạo phải nhận hai loại khổ sanh – tử. Một loại là “Phân đoạn sanh tử” và một loại là “Biến dịch sanh tử”. Chúng ta thường nói “đời đời kiếp kiếp” chính là hiện tượng phân đoạn sanh tử. Còn “biến dịch” trong cụm “biến dịch sanh tử” nghĩa là biến hóa. Ví dụ như việc đi học trong trường, năm nay chúng ta hết sức cố gắng, chăm chỉ học tập thì sang năm sau từ lớp 1 sẽ được lên lớp 2, ví như năm lớp 1 chết rồi, năm lớp 2 sanh, đó là biến dịch. Mỗi giai đoạn chúng ta đều phải dụng công khổ cực thì mới nâng cảnh giới bản thân lên một bậc, đây chính là biến dịch. Tuy trong Lục đạo có hai loại sanh tử là phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử thế nhưng trong Pháp giới Tứ thánh không có phân đoạn sanh tử chỉ có biến dịch sanh tử, biến dịch cũng rất khổ nên quá trình tu hành cũng không mấy dễ dàng. Thoát khỏi hai loại sanh tử này mới xem là cứu cánh nên nói chân thật cứu cánh là ở Nhất chân pháp giới.

Về sự khổ trong Lục đạo, Đức Phật đã giảng rất nhiều rồi. Dục giới khổ có Tam khổ và Bát khổ (tức ba loại khổ và tám loại khổ) thấy đều phải chịu. Người ở cõi Trời sắc giới thì “Khổ khổ” và Bát khổ cũng không có, nhưng vẫn còn “Hoại khổ” và “Hành khổ”. “Hoại” nghĩa là tất cả không thể thường còn, không thường còn mãi ở cõi đời, nó sẽ biến hư hoại. Như ta xây một ngôi nhà, ngôi nhà hai ba trăm năm cũng có thể hư hoại đổ sập, lúc hư hoại thì khổ hiện tiền, loại này thuộc là hoại khổ.

Thân người mỗi năm đi qua là già yếu, già yếu cũng là hoại khổ. Cho nên, tất cả hiện tượng vật chất gồm cả thân thể của bản thân mình đều không thể bảo tồn lâu dài.

“Hành khổ” là từng sát na thay đổi không ngừng. Như thân thể con người vậy, không cách nào giữa được thanh xuân. Con người không phải mười năm hai mươi năm mới già, cũng không phải mỗi năm trôi qua mỗi già, mà là già đi theo từng, sát na biến hóa tức là hành khổ. Người ở Trời sắc giới tuy không có Khổ khổ (gồm sanh, lão, bệnh tử, cầu bất đắc, ái biệt ly) nhưng có Hoại khổ và Hành khổ. Còn người ở cõi Trời vô sắc thì ngay cả thân cũng không cần, ấy là phàm phu cấp cao trong Tam giới hay thường gọi là “Linh giới”, cho nên, Vô sắc giới mới thật sự là linh giới. Họ không có thân thể thì không có hoại khổ, cho nên họ không cần cung điện, nhưng họ có Hành khổ, chính là cảnh giới này không thể giữ được vĩnh viễn, thời gian dài nhất là 80 ngàn đại kiếp, khi đến thời hạn thì cũng phải đọa lạc sanh tử luân hồi.

Trong Kinh Pháp Hoa ví sự thống khổ trong Tam giới như “Tam giới hỏa trạch”, “Tam giới vô an” như một cách cảnh tỉnh, giúp chúng ta giác ngộ. Người phải nhất định lập chí thoát ra khỏi Tam giới, thoát được Tam giới mới thật sự lìa khổ được an lạc. Cái vui vượt qua Tam giới chỉ là cái vui nhỏ, Phật pháp gọi là Tiểu quả nhị thừa, tức niềm vui nhỏ. Pháp thân đại sĩ mới thực thật là vui, là niềm vui lớn.

Từ – bi – hỷ – xả là bốn pháp mà cõi Trời người đều tu, nếu thực hành mười thiện vào đủ từ – bi – hỷ – xả thì dầu không học Phật, không biết gì về thế giới Tây phương Cực lạc vẫn được quả báo tương lai ở cõi Trời, thấp nhất cũng là cõi Trời Dục Giới. Dục giới có sáu tầng Trời, tầng trên thù thắng hơn

tầng dưới, tầng trên phước báo lớn hơn tầng dưới. Nếu có thể lia tương, tu phước thì tâm ắt được thanh tịnh, thường gọi là Định. Tùy theo mức độ Định lực sâu cạn mà có thể lên được cõi Trời Sắc giới hoặc Vô sắc giới. Đức Phật giáo hóa chúng sanh không phải dạy chúng sanh về cõi Trời, Đức Phật tùy căn cơ mà giảng dạy, theo căn cơ chúng sanh mà đưa ra phương pháp tu. Căn cơ lợi thì ngay đời này có thể thành tựu vô thượng đạo. Căn cơ chậm là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng thì từ từ giúp đỡ hướng họ nâng cao lên, nhất định phòng ngừa họ đọa lạc.

Thực hành mười thiện nghiệp vào tâm bi, công đức lợi ích thù thắng chính là “Thương xót chúng sanh thường không chán bỏ”. Thương xót hết thấy chúng sanh không chút phiền não, không chút chán bỏ. Trong nhà Phật thường nói “Cửa Phật không bỏ người nào”, lại nói “Phật không độ người không có duyên”. Đức Phật không bỏ một ai nhưng tại sao nói không độ người không duyên”? “Không có duyên” ý là chúng sanh không chịu nhận lời giáo huấn, Phật không còn cách nào đối với người này. “Không độ” là tạm thời không độ, đến khi chúng ta nguyện ý tiếp nhận thì Phật sẽ đến ngay, cảm ứng đạo giao liền hiện tiền, tuyệt không bỏ lỡ. Phật đến là từ bi, Phật không đến cũng là từ bi; vì khi duyên chưa chín muồi dầu Phật có đến chúng ta không những không tiếp nhận mà còn phỉ báng, lăng mạ. Tội phỉ báng Thánh Hiền rất nặng nên Đức Phật không đến là vì tránh phỉ báng lăng mạ, giúp ta không tạo tội nghiệp, đây là từ bi.

Mỗi ngày chúng ta đều hy vọng Đức Phật đến giúp đỡ mình nhưng sao Phật vẫn không đến? Vì tâm trông mong của chúng ta không chân thành. Tuy không đến nhưng Đức Phật hiểu rõ tâm chúng ta như trong bàn tay. Nhưng nếu đã vậy, vì

sao khi chúng ta chịu khổ báo trong tam ác đồ, Phật cũng không đến cứu độ? Không phải không cứu mà là không cách nào để cứu nên phải đợi đến lúc nhận quả báo Tam ác đồ hết, nghiệp chướng cũng dứt, tâm hướng thiện rồi, Phật mới hiện tiền. Vì vậy, chư Phật Như Lai Pháp Thân Đại Sĩ không hề xa rời chúng ta, mọi lúc mọi nơi không đâu không có, chỉ là ẩn không hiện ra.

Ở điểm này Thế Tôn dạy chúng ta phải học Bồ Tát, học Bồ Tát chính là chăm chỉ nỗ lực tu mười thiện. Đem mười thiện thực hành vào đời sống nghiêm, đời sống nghiêm. Trong đời sống trần thế, chúng ta có nghĩa vụ và trách nhiệm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, nhưng bản thân phải có năng lực phân biệt thiện ác, phải tin tưởng “gieo nhân thiện được quả báo thiện, tạo ác nghiệp nhận ác báo”. Cứ như vậy tự nhiên có thể đoạn ác tu thiện. Do đâu chúng sanh tạo ác? Do mê hoặc. Bởi vậy giáo dục là phương pháp quan trọng nhất giúp chúng sanh tiêu tai trừ nạn, lìa khổ được an vui.

Hỷ trang nghiêm

Kinh Văn: “*Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tật*”(Dùng tâm hỷ trang nghiêm, thấy người tu thiện, tâm không ganh ghét).

Thực hành mười thiện nghiệp vào tâm hỷ, được lợi ích thù thắng là thấy người tu thiện lòng không ganh tỵ, còn có thể sanh tâm tùy hỷ, đây là “tùy hỷ công đức”, là điều vô cùng quan trọng trong Thập nguyện của Phổ Hiền Bồ tát. Kiêu mạn, ganh tỵ là phiền não nghiêm trọng, không những cản trở tu hành mà còn gây trở thành tự pháp thế gian.

Cùng nhau chung sống thuận hòa, đối đãi bình đẳng giữa người với người là đạo lý, là chân lý; vốn dĩ chúng ta nên làm

thể và nếu không làm được thì chính là tội nghiệp. Vì sao chúng ta nhất định phải chung sống hòa thuận, đối đãi bình đẳng với nhau? Trong Kinh Đại thừa dạy, tất cả chúng sanh ở Hư không pháp giới đều là “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Chúng ta ví nó như một thể cộng đồng những đã cách một lớp rồi. Nói như vậy để dễ hình dung, người mới học cũng có thể thể hội, còn nói theo lời nghiêm túc thì khó thể hội. Lời nghiêm túc là gì? là tất cả chúng sanh ở Hư không pháp giới là nhất thể, chúng ta mê lầm đánh mất tự tánh, mê mất nhất thể. Mê – ngộ là chính ở chỗ này, giống như Kinh văn thường nói là “Điên đảo mê loạn”. Chúng ta thấy được chân tướng sự thật thì gọi là “Kiến đạo vị”. Kiến đạo là Bồ Tát sơ trụ của Viên giáo sẽ thấy được chân tướng sự thật. Tiếp theo sau là “Tu đạo vị”, mà chúng ta ngày nay tu thể nào cũng không giống là do chưa thấy đạo, đương nhiên là do tu mù luyện mò.

Phật dạy con người nên thường sanh tâm hoan hỷ vì “hoan hỷ” là tánh đức. Luận ngữ có câu “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ” (nghĩa là “Học mà thực hành điều mình học, há chẳng phải là vui sao”). Chữ “duyet” đây là hỷ. Hỷ không phải hoan hỷ do những thú vui bên ngoài tác động mà là từ nội tâm phát ra; “duyet” là từ nội tâm sanh; còn “lạc” là sự tác động từ môi trường bên ngoài. Hỷ ở chỗ này là hỷ duyệt, không phải hỷ lạc. Hỷ duyệt từ đâu mà có? Do học có thực hành. Tam Tự Kinh nói: “Nhân bất học bất tri nghĩa” (tức là “Người không học thì không biết đạo nghĩa”). Chữ “nghĩa” ý là đạo lý làm người, đạo lý sống và đối nhân xử thế tiếp vật. Nên nói, việc học vô cùng quan trọng!

Vậy chúng ta phải học với ai, ở đâu? Nhất định phải tiếp nhận giáo huấn của Thánh Hiền vì Thánh Hiền là người đã học

và đã thành tựu viên mãn. Tiêu chuẩn của Phật Pháp là minh tâm kiến tánh. Đó được xem là đại Thánh đại Hiền. Chúng ta là phàm phu nên tư tưởng, kiến giải, hành vi đều ít nhiều mắc sai lầm. Người có thiện căn sâu dày mà thông thường mình gọi là người thông minh trí huệ, họ có thể nhận ra sai lầm của bản thân, có vậy mới chịu học. Tiếp một bước của “chịu học” là “hiếu học”, mong muốn hướng noi theo các bậc Thánh Hiền. Muốn noi theo bậc Thánh Hiền, không xa rời giáo huấn Thánh Hiền chính là thiện căn sâu dày. Còn nghe lời giáo huấn của Thánh Hiền thì rời xa, sợ hãi, mệt mỏi, đây là hiện tượng nghiệp chướng sâu nặng. Phàm là người hiếu học, dù tư chất có chút chậm lụt thì cũng đều sẽ có thành tựu. Phàm là người nghiệp chướng nặng không thích học, cả đời đọa lạc, trong pháp thế xuất thế đều không thành tựu.

Thấy chỗ hay của người khác liền sanh tâm ganh tỵ là một loại phiền não từ lúc sanh đã có. Ta thử quán sát kỹ đứa trẻ sơ sanh, từ sáu tháng đến một tuổi, khi chúng ở cùng nhau, một đứa trẻ cầm kẹo, đứa kia không có liền sanh tâm ganh tỵ, tức giận, cho nên nói đây là phiền não có từ lúc sanh ra. Nếu không học, cứ thuận theo tập khí, thì cũng như lời dạy người xưa “Tập từ nhỏ giống như bầm tánh, do thói quen thành tự nhiên”, khi dưỡng thành tập khí thì rất khó sửa. Loại tập khí này sẽ đi theo phước báo chúng ta, không có phước báo thì tạo nghiệp ít, có phước báo nhiều sẽ làm tổn hại xã hội, thậm chí làm hại quốc gia dân tộc, tạo tội nghiệp, tất phải đọa Tam đồ Địa ngục.

Vì thế nên con người sao lại không nhận giáo dục cho được! Giáo dục của Thánh Hiền là quan trọng hơn hết. Dứt khoát không được lơ là. Người Trung Quốc xưa xem đây là việc quan trọng hàng đầu của đời người. Hiện nay chúng ta tuy xem

trọng giáo dục nhưng chỉ xem trọng khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế công thương nghiệp, lơ là giáo dục nhân văn, giáo dục luân lý đạo đức nên ngày nay dù khoa học kỹ thuật, công thương nghiệp phát triển nhưng kết quả tạo ra là toàn thế giới lòng người lo sợ không an.

Tôi đọc trong một tờ báo nói rằng Châu Phi bùng phát dịch bệnh Ebolavirus, hiện tại khoa học đã bó tay với loại virus này, không biết từ đâu ra và khi nó biến mất cũng không biết nó đi đâu, thật sự đến không dấu vết, mất không tăm tích. Thấy những hiện tượng này càng khiến cho chúng ta thấy tầm quan trọng của giáo dục. Ngày nay muốn cứu vãn kiếp nạn của thế gian, ngoài giáo dục không có biện pháp thứ hai. Trong giáo dục, quan trọng nhất là giáo dục nhân quả, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức mà luân lý, đạo đức đều được kiến lập trên nền tảng “nhân quả”.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dạy chúng ta “Ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không để mảy may không thiện xen tạp”. Lời dạy này cũng chính là lý tưởng của nhà Nho “chỉ ư chí thiện”. Quả thực tâm thiện hành thiện, nạn tai liền tiêu biến. Đây mới là cách giải quyết vấn đề từ gốc rễ. Chữa trị là từ trên cành lá, còn giải quyết từ gốc rễ là phải từ tâm địa, chuyển ác hành thiện, chuyển mê thành ngộ, đoạn trừ ý niệm tự tư tự lợi, ý niệm tham cầu danh tiếng lợi dưỡng, tham muốn Lục trần Ngũ dục đoạn trừ. Mọi dịch bệnh đều là từ tham – sân – si mà sanh, có thể nhỏ sạch tam độc tham – sân – si nội tâm, dịch bệnh bên ngoài tự nhiên không có. Cần phải xả bỏ cội rễ phiền não thì tâm hoan hỷ mới có thể thường sanh khởi.

Về câu “Học nhi thời tập chi”. Chúng ta ngày nay học mười thiện nghiệp , từng giây từng phút đem mười thiện áp dụng thực tiễn vào đời sống thì liền sanh khởi tâm hoan hỷ liền, tâm lượng rộng lớn, từ bi hỷ xả đối với tất cả chúng sanh, không những là chúng sanh hữu tình mà gồm cả vô tình chúng sanh.

Xả trang nghiêm

Kinh văn: “*Xả trang nghiêm cố, ư thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm*” (Dùng tâm xả trang nghiêm, đối với cảnh thuận và nghịch, lòng không yêu thích hay tức giận).

Đây là đoạn cuối của Tứ vô lượng tâm. Bồ Tát tu hành mười thiện nghiệp rồi thực hành trên tâm xả được lợi ích công đức thù thắng là “đối với cảnh thuận nghịch tâm không thương giận”. Chúng ta đọc đến câu này nên nghĩ đến sự thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Cương lĩnh này nói thì dễ nhưng chúng ta vẫn không làm được là vì đâu? Là do không có tu tâm xả. Nếu thật sự có thể tu từ - bi hỷ - xả, chân tâm tánh đức tự nhiên liền hiện tiền. Từ - bi - hỷ - xả là tánh đức mà tất cả tự tánh chúng sanh vốn đầy đủ, không phải từ bên ngoài đến. Thế nhưng từ muôn kiếp trước phàm phu cõi lục đạo đã bị mê mất; tuy bị mê mất nhưng không thật mất đi. Nếu chúng ta giác ngộ rồi, tánh đức lập tức hồi phục lại.

Xả là buông xả xuống, vì sao chúng ta không buông xả? Vì không nhìn thấu. Bước đầu khi tôi học Phật, Đại sư Chương Gia dạy tôi nhìn thấu, buông xả. Nên bắt đầu hai điều này từ đâu? Bắt đầu từ “xả”. Ngài dạy chúng ta bắt đầu từ bố thí, bố thí chính là “xả”. Hơn vậy, “xả” còn một ý nghĩa sâu xa nữa là trong nghịch cảnh, thuận cảnh vẫn giữ tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh.

“Vi” là nghịch cảnh. Thuận cảnh không tham ái, nghịch cảnh không sân hận. Thực tâm dụng công điều này, tâm địa bình đẳng thanh tịnh chân tâm ắt hiện tiền. Tuy chúng ta biết phải làm như thế, nhưng vẫn không buông bỏ được tập khí phiền não, nói cách khác, là không thể xả. Không thể xả thì công phu không cách nào tiến bộ, công phu này là công phu nhập môn Phật pháp. Nhìn thấu là trí huệ, buông xả là công phu, không thể buông xả thì không cách nào thấy đạo, chứ đừng nói là tu đạo. Đạo ở đâu? Chúng ta căn bản là nhìn không thấy thì còn tu cái gì? Cho nên, cảnh giới này thật sự thành tựu chính là “kiến đạo vị”.

Tứ vô lượng tâm là khóa trình mà cả cõi Thiên – Nhân đều phải tu. Hai cõi ấy tu mười thiện nghiệp, tu Tứ vô lượng tâm nên cảm được phước báo trên Trời, vậy người cõi ấy kiến đạo chưa? Vẫn chưa! Tại sao? Vì ngã chấp chưa phá, tuy gặp nghịch cảnh, thuận cảnh không động tâm nhưng đây chỉ là tiền phương tiện của kiến đạo, công phu dự bị. Công phu phải lên một bậc nữa. Xả đi hưởng thụ của tự tư tự lợi, danh tiếng lợi dưỡng, Ngũ dục Lục trần nhưng ý niệm về “ngã” vẫn còn nên không thể kiến đạo.

Điều đầu tiên trong kiến tư phiền não là “Thân kiến”. Thân kiến là căn bản, phá được Thân kiến thì bốn loại kiến khác cũng đồng thời bị phá. Trong kinh thường nói Tam giới 88 phẩm kiến hoặc, then chốt vẫn là ở Thân kiến, không chấp trước thân là ta thì đắc quả Tu Đà Hoàn – Sơ quả vị của Tiểu thừa, là Sơ tín vị của Bồ Tát viên giáo Đại thừa. Như vậy tức là thấy đạo rồi. Không hạ công phu tu tập thân kiến thì sẽ vĩnh viễn lòng vòng bên ngoài cửa Phật, muốn thành tựu thật khó. Mà tám vạn bốn

ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào tu hành đều không dễ dàng.

Cho nên, Thế Tôn mới dạy rằng chúng sanh thời mạt pháp, ngoài tu Tịnh độ, nương theo oai lực gia trì theo bốn nguyện tiếp dẫn vãng sanh của Phật A đi Đà ra, thật sự không có con đường thứ hai. Phương tiện của pháp môn Tịnh độ chính là không nhất thiết phải đoạn phiền não. Ví dụ như chúng ta chưa đoạn thân kiến, nhưng chúng ta có công phu niệm Phật đem thân kiến đè nén xuống, đè nén xuống tức không cho khởi lên hiện hành, cũng chính là không cho khởi tác dụng, có công phu như vậy thì có thể vãng sanh, cũng tức là “ngã” thật sự chưa đoạn, nhưng thỉnh thoảng có thể thực hành để tạm thời quên ngã. Đây gọi là “phục”, chúng ta nỗ lực chuyên cần một chút là làm được. Khi Phật Thích Ca còn tại thế, cả đời đều làm để cho chúng ta thấy: thế giới thân tâm, tất cả vạn duyên đều buông xuống, sống đời sống đơn giản thì dễ dàng điều phục ngã chấp. Dụng phương pháp tu học này sẽ rất dễ được vãng sanh Tây phương Tịnh độ. Đức Phật là làm gương cho chúng ta noi theo cũng chính là dạy chúng ta xả xuống và buông bỏ.

Chúng ta sống ở thế gian này, nhất định phải giác ngộ. Mạng sống vô cùng mong manh, không thể trụ lâu dài chón trần thế. Tất cả cảnh giới đều là mây khói lướt qua, không gì nắm bắt được, ngay cả thân thể cũng không thể nắm được hưởng hồ những vật ngoài thân. Vì thế “xả” là quyết định chính xác. Nhà Phật có câu “Pháp vốn như thế”, như tất cả chư Phật Bồ Tát, Thỉnh Văn, Duyên Giác, có vị nào không xả đâu!

Tại sao Trời có 28 tầng? Xả ít thì đắc cấp bậc thấp, xả nhiều thì đắc cấp bậc cao. Buông xả được việc của ngũ dục lục trần rồi nhưng ý niệm vẫn chưa xả được thì sanh cõi Trời dục

giới. Ý niệm hưởng thụ đối với ngũ dục lục trần, danh tiếng lợi dưỡng đều không còn thì sanh cõi Trời sắc giới. Ở Trời Sắc giới vẫn còn sắc thân, nếu như sắc thân cũng xả thì sanh cõi Trời Vô Sắc giới. Đạt đến Bồ tát Đẳng giác, đem một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng xả luôn thì chúng được quả vị cứu cánh viên mãn. Do đó mà biết được pháp thế xuất thế gian chính là xả ít nhiều mà thôi.

Thuận cảnh là mọi việc như ý. Người thiện là người, vật mà chúng ta đều ưa thích. Đối mặt cảnh giới này rất dễ sanh tâm tham, lòng luyến ái; “Ái biệt ly” (tức Yêu thương nhau mà phải chia lìa) là để nói về tình cảnh này. Nghịch cảnh là đời sống khó khăn khốn khổ, người ác thì đối đầu với oan gia, đối mặt cảnh giới này thì tâm không tự tại, tâm sân hận dễ sanh hiện tiền, oán Trời trách người. Cảnh giới của phàm phu lục đạo cũng không khác gì. Chúng ta không hiểu chân tướng nhân quả nên gặp thuận cảnh liền khởi tâm tham, gặp nghịch cảnh liền khởi tâm sân hận, đặc biệt là nghiệp càng tạo càng nặng, quả báo ngày càng đọa lạc xuống, muốn nâng lên thật là quá khó!

Trong lục đạo, lên cao khó, đọa xuống thì dễ. Chúng sanh trong lục đạo luân hồi thường là đời này không giống đời sau, khi gặp giáo huấn của Thánh Hiền thì mới có cơ duyên được nâng lên cao mà cơ duyên lại không nhiều. Hiện tại thế giới gần 7 tỉ người, có được mấy phần trong số ấy đời này gặp được giáo huấn Thánh Hiền. Mà đâu gặp được giáo huấn Thánh Hiền rồi nhưng vẫn bị đọa lạc. Nguyên nhân vì đâu? Bởi vì không thẳng được phiền não, không ngăn được cám dỗ. Súc cám dỗ trong xã hội ngày nay lại rất nhiều, như câu ngạn ngữ “Thấy biết rõ ràng nhưng nhẫn không được” vậy. Đạo lý của Thánh nhân rất hay, nhưng sự thật là nhẫn không được, nên không thể tùy thuận theo

giáo huấn của Thánh Hiền, mà vẫn tùy thuận tham, sân, si, mạn, tự tư, tự lợi của mình, biết rõ nhưng cố phạm cho nên đọa lạc như cũ là vì vậy.

Vì thế, chúng ta phải thấu hiểu rõ ràng đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật. Trước mắt chúng ta cố gắng nhẫn nại thì tương lai phía trước sẽ xán lạn, từ đó có thể thoát ly lục đạo, cũng có thể giữ được thân người, và còn có thể từ thân người nâng lên, sống ngày tháng hạnh phúc mỹ mãn. Nếu như nhẫn không được, cứ thế thuận theo tập khí phiền não bản thân, chắc chắn là đọa lạc. Có một số người nói: “Chuyện của tôn giáo quý thần, tin họ thì có, không tin thì không có”. Sự thật là chúng ta tin thì có, không tin thì vẫn có, bất luận chúng ta tin hay không, sự thật ấy vẫn tồn tại.

“Xả” vô cùng quan trọng, mỗi giây mỗi phút phải ghi nhớ trong lòng để nhắc nhở chúng ta: hoan hỷ xả, tận lực xả. Có thể xả đến mức giống như Phật Thích Ca là tốt nhất. Xả đến mức chỉ còn lại những gì cần thiết cho đời sống của mình, giống như “y đơn” mà nhà Phật thường dùng vậy, có hai bộ đồ để thay đổi giặt giũ, tối ngủ có chăn đắp là đủ rồi, những thứ khác đều không cần.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tổ sư Đại đức nhiều đời thị hiện đều như vậy, vạn duyên đều buông xuống, sống đời đơn giản nhất, làm những việc tích cực nhất, ấy chính là giáo hóa chúng sanh (giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa) làm tấm gương tốt nhất cho chúng sanh. Tứ vô lượng tâm từ – bi – hỷ – xả, đối với chúng ta tu học bốn chữ này vô cùng quan trọng nên Đức Phật đem bốn vô lượng tâm xếp vào Lục Ba La Mật Bồ Tát. Từ đó có thể thấy dụng ý Thế Tôn trong việc giáo dục, vô cùng xem trọng môn học này.

Tứ nhiếp trang nghiêm.

Kinh văn: **“Tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần nhiếp hóa nhất thiết chúng sanh”** (Dùng Tứ nhiếp pháp trang nghiêm, thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh).

Trong Lục đạo gồm cả người lẫn việc, khó khăn nhất chính là người và người chung sống với nhau. Xử lý tốt mối quan hệ giữa người với người thì sẽ không có gì khác biệt giữa cảnh giới lục đạo và nhất chân pháp giới của chư Phật Như Lai. Do đó mà biết được chung sống giữa người với người là một việc lớn trong lục đạo. Phương pháp dạy học của cổ Thánh tiên Hiền, chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian với muôn dạng giáo hóa cũng đều lấy việc đó làm hàng đầu. Đây cũng là tông chỉ hàng đầu của dạy học. Pháp giới Tứ thánh trở lên như A La Hán, Bích Chi Phật, quả vị chứng đắc là Chánh giác. Họ thật sự giác ngộ rồi nên những vấn đề này đều giải quyết rồi. Chúng ta tiếp nhận giáo dục Thánh Hiền để làm việc gì? Là để học cách chung sống với chúng sanh. Thế gian gọi đây là đại học vấn (trí thức). Chỉ cần giải quyết được vấn đề này thì những việc khác không thành vấn đề. Có thể đem mười thiện thực hành trong Tứ nhiếp pháp thì có thể tiêu trừ rất nhiều thiên tai nhân họa ở thế gian, có thể cứu vãn kiếp mạng ở thế kỷ 21. Lý luận và phương pháp đều ở tại chỗ này cả thầy.

Tổng cương lĩnh mà Đức Phật dạy chúng ta, nguyên tắc chung chính là Tứ nhiếp pháp. “Nhiếp” có nghĩa là nhiếp thọ, nghĩa là tiếp cận, thân cận. Tứ nhiếp là gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Đây là bốn phương pháp nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Nhiếp thọ quan trọng nhất là giáo hóa tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh hoan hỷ tuân thuận theo giáo hóa thì gọi là “nhiếp thọ”.

Thế gian, phạm vi nhỏ nhất là vợ chồng, vợ chồng hiểu được mà tu hành Tứ nhiếp thì được trăm năm hòa hợp, được người đời ca tụng vợ chồng đầm ấm, hòa thuận. Thực hành Tứ nhiếp trong gia đình thì người thân hòa thuận như câu “Gia hòa vạn sự hưng” vậy. Thực hành Tứ nhiếp trong đạo tràng thì người người đạo nghiệp thành tựu. Vì thế, bất kể thực hành Tứ nhiếp trong đoàn thể nào thì đoàn thể đó nhất định thịnh vượng. Ngược lại, không có Tứ nhiếp pháp thì vợ chồng bất hòa, gia đình rạn nứt.

Chúng ta thử để ý, ở thế gian có không ít doanh nghiệp, công ty ngày nay phạm được thành công đều là do đã tiếp cận Tứ nhiếp pháp. Nếu hoàn toàn dùng được Tứ nhiếp pháp thì người làm chủ không lo lắng, người làm công nhất định đoàn kết giống như người một nhà, tương thân tương ái, hỗ trợ hợp tác lẫn nhau. Như thế thì lý nào lại không thịnh vượng. Vậy làm sao để thực hành Tứ nhiếp viên mãn? Đây là vấn đề giáo dục, giáo dục là dạy người giác ngộ.

Tứ nhiếp.

Đầu tiên là “bố thí”. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, toàn bộ tài sản của Ngài chỉ có ba cái y, một cái bát và Người đã sống một đời sống vật chất vô cùng đơn giản, không mấy may dư thừa. Vậy nên Đức Phật dùng bố thí pháp giáo hóa tất cả chúng sanh. Thật sự mà nói, bố thí pháp cũng không rời bố thí tài vì thể lực, tinh thần, trí huệ đều thuộc về nội tài. Đức Phật dùng 49 năm dạy học với vô vàn vất vả thì ai là người được lợi? Người hiếu học được lợi ích! Cho nên “hiếu học” là then chốt thành bại của đời người. Được lợi ích nhiều hay ít đều do hiếu học nhiều hay ít, mười phần hiếu học thì được mười phần lợi ích. Ba phần hiếu học, thì được ba phần lợi ích.

Hiếu học quan trọng nhất là “Thọ trì đọc tụng, vì người mà diễn thuyết”. Khi giảng kinh, Đức Phật đã không ngần ngại mà nhắc nhở nhiều lần lời dạy này, có thành tựu hay không là ở chỗ này. Diễn là biểu diễn, đem hành vi sinh hoạt của Phật Bồ Tát làm cho người thấy. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian là “Du hý thần thông”, diễn kịch, biểu diễn cho người thế gian thấy, người thế gian sau khi thấy sẽ giác ngộ. Chúng ta là đệ tử Phật, mỗi người một thân phận khác nhau, công việc cũng khác nên từ trong công việc hiện tại, thân phận hiện tại mà làm gương. Đây chính là “Vì người diễn”. Chúng ta làm tấm gương tốt, có người thọ giáo học tập thì chúng ta hướng dẫn họ, đây là “thuyết”. Nói cách khác nếu như học rồi mà không thể làm được, cũng giống như chưa học, chúng ta dạy người khác, người khác cũng không tin nên nhất định là phải làm cho được. Phần cuối mỗi bộ Kinh, Đức Phật đều dạy mọi người “tín thọ phụng hành”. Đây cũng là cách chư Phật Bồ tát thị hiện ở nhân gian, dạy mọi người “Bồ thí nhiếp thọ” trong Tứ nhiếp.

Chúng ta nên biết, người ngoài thế tục không giống với người học Phật. Nhiều năm gần đây có rất nhiều người đề xướng giáo dục nền tảng nhi đồng, đề xướng đọc sách Thánh Hiền. Họ thực là những người thiện lành, người tuyệt vời lànhung họ không phải là Phật, Bồ Tát. Sao lại biết họ không phải Phật Bồ Tát? Những giáo trình tốt như thế, tiếc là mở đến trang cuối thì lại có câu “Sách có bản quyền, in sao sẽ truy tố”. Điều này không thể lợi ích khắp chúng sanh nên những người khởi xướng như thế chỉ tính là phạm phu, không phải Phật Bồ Tát. Tâm lượng họ thì nhỏ, tâm lượng Phật Bồ Tát lại rất lớn, yêu xã hội, yêu chúng sanh và hy vọng tất cả mọi người được lợi ích, cho nên chắc chắn không đòi hỏi bản quyền.

Không buông xả được tự tư, tự lợi thì dẫu làm việc tốt chẳng qua phước báo hữu lậu thế gian mà thôi, còn hưởng phước báo hữu lậu ở đâu thì rất khó nói. Ví như tu tốt Ngũ giới thập thiện thì đời sau được làm người. Vậy không tu tốt Ngũ giới thập thiện sẽ hưởng phước thế nào? Tương lai, tiền đồ sẽ thành thú cưng được nuôi dưỡng trong nhà giàu có, hoặc làm nغا quý. Trong hành pháp bố thí, tài bố thí, nhưng không buông xả được tự tư, tự lợi nên phần nhiều là đều đến hai cõi này.

Chương ngại lớn nhất của người học Phật chính là làm sao đột phá tự tư, tự lợi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam nhiều lần nhắc nhở học trò, học Phật phải “sửa tâm”. “Sửa tâm” là sửa đổi với quan niệm trong tâm mình. Lúc chưa học Phật, khởi tâm động niệm là vì bản thân, vì gia đình thì ấy là phạm phu Lục đạo, vẫn chưa thoát khỏi luân hồi Lục đạo. Sau khi học Phật, sửa đổi ý niệm ấy, khởi tâm động niệm liền nghĩ đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh, lời nói việc làm gì cũng vì chúng sanh mà tu phước. Tu phước không phải là hưởng phước bản thân mà là khiến tất cả chúng sanh hưởng phước, không phân quốc gia, không phân văn hóa, không phân chủng tộc, không phân tôn giáo; tất cả đều đối đãi bình đẳng, lợi ích rộng khắp. Ấy mới thật là đệ tử Phật. Nếu đệ tử Phật khởi tâm động niệm còn tự tư, tự lợi, thì không là đệ tử Phật thật. Vì thế, ghi vào sách câu “hoan nghênh in sao, công đức vô lượng” mới là tạo phước cho chúng sanh trong xã hội, cứ thế mở rộng những trí huệ, phước đức này ra hư không pháp giới như lời. Đức Phật thường dạy chúng ta “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Đạo lý này nhất định phải hiểu.

Chúng ta nhất định dùng tâm hoan hỷ bố thí như vậy, tận tâm tận lực bố thí, không kể là bố thí tài, bố thí pháp hay bố thí

vô úy vì ấy là tâm Phật. Lời xưa thường dạy ta tu tập từ căn bản; căn bản là có tâm ý, khởi tâm động niệm giống chư Phật, Bồ Tát. Được vậy thì đường Bồ đề của ta ở đời này nhất định thành tựu. Ngược lại, khởi tâm động niệm không giống như Phật, Bồ Tát thì thử nghĩ xem đường Bồ đề này sẽ đi về đâu? Nếu thân này hành thiện mà vẫn nghĩ đến “sở hữu bản quyền, in sao sẽ truy cứu” cũng sẽ đọa lạc vì hành thiện nhưng tâm vẫn vậy, không lìa tự tư, tự lợi. Nói cách khác, chúng ta hành thiện, cành lá hoa quả rất tốt, nhưng cái gốc không thiện, cái thiện đó không phải là cái thiện thật mà là giả, là nhất thời, không phải trường cửu.

Bồ thí có bốn loại biến thí gọi là “Tứ tất đàn”. “Tứ” là chữ số, “Tất” là phổ biến, “Đàn” là âm đọc của chữ “đàn na” trong tiếng Phạn, dịch là bố thí, nguyên cùm từ này nghĩa là bốn loại phổ biến bố thí. Nói cách khác, là dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để tu bốn loại bố thí này. Phần này sẽ giảng vào sâu và thấu triệt.

Một là *Thế giới tất đàn*. “Thế” ý chỉ thời gian, “Giới” ý chỉ không gian, tức vũ trụ, tức cái gọi là Tận hư không biến pháp giới mà Phật pháp thường nhắc đến. Cho nên tâm lượng của Phật, Bồ tát bao lớn! Chúng ta có thể mở ra tâm lượng viên mãn thì ấy chính là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Lợi ích của tu loại bố thí này là đạt được lòng hoan hỷ. Chữ “sung mãn” trong câu “Thường sanh tâm hoan hỷ”, “Pháp hỷ sung mãn” nghĩa là sự sung mãn của vũ trụ, của hư không pháp giới; tận hư không khắp pháp giới thành một khối an lành là hiệu quả thành tựu của việc bố thí mà chúng ta phải học tập. Hiệu quả này thể hiện trong việc giáo hóa chúng sanh của Phật giáo chính là Phật pháp rộng khắp, tiếp dẫn chúng sanh, phổ độ chúng

sanh. Không có tâm lượng này thì sao có thể giúp đỡ chúng sanh? Không những không độ được chúng sanh mà đến cả bản thân cũng không tự độ được; lại thêm không có tâm lượng này mỗi giây mỗi phút thường sanh phiền não, sao thường sanh hoan hỷ tâm được?

Hai là *Vị nhân tất đàn*. Bồ thí có một đối tượng nhất định, ấy không phải vì bản thân mình là vì người khác. “Nhân” trong “vị nhân tất đàn” là chỉ chúng sanh, không chỉ giới hạn trong pháp giới cõi người, mà niệm niệm vì tất cả chúng sanh hữu tình trong mười pháp giới. Tuy nói hữu tình chúng sanh nhưng chắc chắn cũng gồm vô tình chúng sanh, có vậy thì tâm và hành vi bồ thí mới đạt đến cứu cánh viên mãn. Niệm niệm vì người, không vì bản thân là ấy là sanh thiện, thuần thiện. Tức là vì bản thân chính thì sanh ác, còn vì chúng sanh chính thì sanh thiện; cũng như quyển Kinh này dạy chúng ta ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp thì xem như thành tựu Tứ nhiếp pháp rồi.

Ba là *Đối trị tất đàn*. Bốn điều của Tứ tất đàn này càng lúc càng tinh tế. Điều thứ nhất chỉ là mở tâm lượng niệm niệm vì tất cả chúng sanh hư không pháp giới; điều thứ hai là niệm niệm vì tất cả chúng sanh, không vì bản thân. Điều thứ ba là dạy chúng ta toàn tâm toàn lực hỗ trợ, giúp đỡ chúng sanh chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành Thánh. Giúp đỡ thế nào? Phải lấy mình gương trước tiên. Phương pháp của cổ Thánh tiên Hiền là đều dạy chúng ta nên làm gương trước cho người. Ở thời đại trước, trước mặt con cái thì cha mẹ luôn giữ cho lời nói, cử chỉ không đi ngược với lễ nghĩa, như thế mới là người cha mẹ có trách nhiệm. Làm cha mẹ phải thực sự yêu thương, bảo vệ con cái, tuyệt đối không để lại ấn tượng xấu cho

con. Còn giờ thì con người đã không hiểu những điều này, con cái không nghe lời cha mẹ, học trò không nghe lời thầy cô. Trách nhiệm là do đâu ? Do tự thân cha mẹ, thầy cô đã không làm tốt mà theo cách nói của Nho giáo là “phụ bất phụ tặc tử bất tử” tức làm cha mẹ không ra vẻ cha mẹ, thì con cái đương nhiên sẽ không giống dáng con cái .

Tam Tụng Kinh có câu: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh tương cận, tập tương viễn”. Câu này cũng là tổng cương lĩnh giáo dục của cổ Thánh tiên Hiền Trung Quốc xưa. Mọi đứa trẻ mới sanh ra đều lương thiện nhưng vì đâu chúng thay đổi vậy? Vì “tánh tương cận, tập tương viễn” (tức môi trường và sự tiếp cận học hỏi khác nhau dẫn đến tính tình khác nhau). Thành tựu của một người tùy thuộc vào nền tảng giáo dục gia đình, còn giáo dục của người thầy sẽ góp phần giúp họ hoàn thiện. Vậy nên, cha mẹ phải tôn kính sư trưởng làm gương cho con cái noi theo. Con cái thấy cha mẹ tôn trọng thầy cô tự ất sẽ có lòng tin ở thầy cô và tiếp nhận lời dạy của thầy cô. Nên nói, Vị nhân tất đàn và Đối trị tất đàn là hai điều cốt lõi của bố thí pháp, bố thí đoạn ác tu thiện, bố thí phá mê khai ngộ. Trên thực tế, lợi ích của Đối trị tất đàn là phá ác, Vị nhân tất đàn là sanh thiện. “Phá ác” chính là không chút xen tạp bất thiện, làm cho cái thiện của chúng ta đạt đến chân thuần.

Bôn là *Đệ nhất nghĩa tất đàn*, cũng là mục tiêu cuối cùng của bố thí. Thế nào gọi là “đệ nhất nghĩa”? Nhập lý là “đệ nhất nghĩa”, ngày nay gọi là chân lý. Nói cách khác, thông đạt thấu hiểu chân tướng của nhân sinh vũ trụ, bố thí như vậy thì mới đạt đến viên mãn. Đức Phật đã dạy đạo lý này trong Kinh, chúng ta không thể không nỗ lực chuyên cần học tập. Bố thí và Tứ tất đàn tương ứng thì bố thí Ba La Mật mới viên mãn.

Thứ hai “Ái ngữ”. Ái ngữ không nhất thiết là lời đẹp đẽ, ngon ngọt; đó có thể là lời nói trách móc, trách mắng để dạy dỗ. Đây mới thật sự yêu thương và bảo bọc vì nếu không yêu thương đã không bàn nói đến.

Nhiếp thọ ái ngữ phải lấy trí huệ làm nền tảng, tuyệt đối không vì tình cảm. Có nền tảng trí huệ mới có thể quán sát căn cơ rồi từ đó trợ giúp, khuyên bảo người khác. Dùng phương pháp gì, lúc nào mới khuyên bảo? Khuyên bảo đến mức độ nào chúng sanh mới có thể tiếp nhận? Chúng ta hiểu rõ rồi mới thật sự có thể giúp đỡ chúng sanh được. Nếu chúng sanh không tiếp nhận mà nói lời phản kháng thì ấy là do cách thức của chúng ta sai lầm. Phật, Bồ Tát độ chúng sanh không phải là gấp gáp nhất thời mà là hết lòng nhẫn nại. Đời này chúng sanh không quay đầu thì đời sau, đời sau không thể quay đầu thì đời đời sau nữa. Điều này chúng ta phải học Phật, Bồ tát. Còn như cơ duyên đã chín muồi thì tuyệt đối không bỏ lỡ. Cho nên, tán thán Phật Bồ Tát thuyết pháp “Như hải triều âm”. “Hải triều”, chúng ta hiểu là đến thời điểm nhất định thì nước mới dâng lên, thời điểm nhất định thì nước lại rút xuống. Thời tiết nhân duyên nắm bắt rất chuẩn chính là ý nghĩa này. Đến lúc cần nói mà không nói chính là bỏ lỡ thời cơ, đến lúc không cần nói mà lại nói thì phản tác dụng. Bởi thế phải dùng trí huệ quán sát căn cơ là vậy.

Từ đó cho thấy, trong giao tiếp với chúng sanh phải nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Đại căn bản của nhiếp thọ chính là từ bi chân thành, không mảy may xen tạp ác ý, lấy tâm yêu thương thuần thiện chân thành để ái hộ hết thảy chúng sanh. Tâm này chính là tâm Phật, là chân tâm, là bản tâm của bản thân và cũng là đức tánh. Chúng ta mê mất tự tánh nên không có tâm thương yêu này. Nếu có thể khế nhập cảnh giới này mà không chút

miễn cưỡng thì tánh đức tự nhiên hiển lộ. Kinh Phật thường dạy “Pháp nhĩ như thị” (tức “Pháp vốn như thế”). Khi ta dùng tâm thái, hành vi này để đối nhân xử thế tiếp vật thì lý nào không khen ngợi cho được! Giúp đỡ người chân thành viên mãn thì người há không tiếp nhận sao! Họ không hoan nghênh, không tiếp nhận mà còn bài xích ấy là do mê mất tự tánh. Mê mất quá sâu quá lâu, Phật pháp gọi là nghiệp chướng quá nặng. Nghiệp chướng, mê hoặc có thể hóa giải. Phương pháp hóa giải chính là dạy học. Như cách Chư Phật, Bồ Tát, cổ Thánh tiên Hiền hành nghi cả đời, hiện thị lên từ bi vô tận, ý yêu thương vĩnh hằng, ái hộ tất cả chúng sanh từng điều nhỏ nhặt vậy. Chúng ta nên thể hội học tập điều này.

Thứ ba “Lợi hành”. “Hành” là hành vi trong cuộc sống, “lợi” là lợi ích. Có nghĩa là khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều phải có ích cho xã hội, có ích cho tất cả chúng sanh. Nói cách khác, phạm hành vi không có lợi ích, Phật Bồ tát nhất định không làm. Chúng ta phải hiểu rõ, Tự lợi – Lợi tha là một không phải hai. Chúng sanh trong Lục đạo mê mất tự tánh, nên Tự – Tha là hai không phải một. Pháp giới Tứ thánh tuy hiểu chân tướng sự thật nhưng không có thân chứng; nói cách khác, về lý thì không có vấn đề, về sự thì chưa chứng đắc, phải đến Nhất chân pháp giới mới có thể thật chứng. Do đó mà biết phạm phu Lục đạo mê muội quá sâu.

Chúng ta không thể thân chứng cảnh giới này nên nhất định phải tin tưởng lời dạy của Đức Phật. Trong học Phật, điều đầu tiên là tín tâm kiên định quyết không hoài nghi người Thầy (Phật Đà là Thầy của chúng ta), có vậy mới nhận được lợi ích từ giáo huấn của Phật. Nếu với Thầy vẫn giữ lòng nghi ngờ sâu đậm thì hoàn toàn không thể được lợi ích. Nếu lòng nghi ngờ ấy

không quá sâu đậm thì có thể được lợi ích nhỏ. Không chút hoài nghi, tận lòng y giáo phụng hành lợi dạy Đức Phật ắt được lợi ích Phật pháp viên mãn.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp luân căn bản, là nền tảng phương pháp dạy học của Phật Pháp. Bất kể tu học tông phái nào cũng nắm rễ từ bộ Kinh này. Nửa phần đầu của bộ Kinh Thế Tôn đã giảng giải tỉ mỉ về lợi ích công đức thù thắng của tu mười điều thiện cho chúng ta hiểu. Nửa phần sau thì khai thị làm sao để thực hành mười thiện vào đời sống, công việc, đối người tiếp vật và tu hành. Từ đó có thể thấy, không thể không đọc thuộc quyển kinh này, không những đọc thuộc mà còn phải thuộc nằm lòng để khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, khởi tâm động niệm đều sẽ nghĩ đến lời giáo huấn của đức Phật rồi y giáo phụng hành. Như thế mới là tu hành.

Những lời dạy Kinh này chính là điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước của Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Cũng phải thực hành những “hiếu thân, kính tổ, tôn sư, bồi dưỡng tâm từ” trong mười thiện vì nếu không có mười thiện thì những lời ấy đều là rỗng không. Đầy đủ mười thiện rồi thì tự ắt hiếu thân, kính tổ, tôn sư, từ tâm, bất sát sẽ thành hiện thực. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là Kinh tất cả mười phương ba đời chư Phật từ sơ phát tâm đến tu hành chứng quả, không xao nhãng dù từng sát na đều không thể rời xa, rời xa bản Kinh này chính là rời xa Phật pháp. Từ đó ta thấy được tầm quan trọng của Kinh này.

Thực hành mười thiện nghiệp vào lợi hành của Tứ nhiếp pháp, ví dụ không sát sanh. Không sát sanh tức là không tổn hại bất kỳ chúng sanh nào, kể cả muỗi kiến cũng không được tổn

hại. Chúng ra ngoài vì muốn kiếm ăn, chúng không tội tình gì nên ta không thể vì ghét bỏ mà tùy tiện giết hại. Đến muỗi kiến còn không nhẫn tâm tổn hại thì sao có thể khởi tâm động niệm hại người được. Trong Kinh văn, Đức Phật có lời dạy rằng “Nơi Bồ Tát cư trú khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”. Đây chính là lợi hành. Cho nên, việc chúng sanh không hoan hỷ thì chúng ta không làm, làm rồi mà khiến chúng sanh sanh phiền não thì không phải hành Bồ Tát, không phải người học Phật, trái ngược với học Phật. Vì vậy khởi tâm động niệm nhất định phải nghĩ đến lợi ích cho chúng sanh, không chỉ biết bản thân mình. Phàm phu và thánh nhân chỉ khác nhau trong niệm này.

Chư Phật, Bồ Tát khởi tâm động niệm đều vì lợi ích tất cả chúng sanh. Quả thật sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng chính là lợi ích cho bản thân. Nếu sự việc chỉ lợi bản thân, không lợi chúng sanh, chắc chắn sẽ tổn hại bản thân. Điều này chúng ta phải quán sát kỹ, lơ là, sơ ý sẽ không thấy được.

Mười thiện nghiệp thực hành thực tiễn trong Lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã; thực hành trong Tứ vô lượng tâm là tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả; thực hành trong Tứ nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Cho nên trong cuộc sống thường ngày, bất kể một pháp nào cũng nên thực hành đầy đủ viên mãn mười điều thiện này. Còn như trong đời sống thường ngày không thực hành những điều này chính là lơ là, sơ ý. Ngay trong đời sống Bồ Tát từng điều, từng điều nhỏ nhặt nhất không pháp nào là không đầy đủ mười điều thiện này, mỗi pháp đầy đủ, mỗi niệm đầy đủ, từng li từng tí đầy đủ. Chúng ta có thể hiểu rõ những việc này thì đối với Phật Bồ Tát tự nhiên khởi tâm cung kính, vì chúng ta không thể sánh bằng.

Không sát sanh, chính là lợi ích chúng sanh. Không trộm cắp chính là không một chút ý niệm trục lợi của chúng sanh, có tâm tư chiếm phần lợi người chính là tâm trộm, là trộm cắp. Khởi lên ý niệm đã là sai hướng hồ có hành vi. Không tà dâm, tâm địa tuyệt đối thanh tịnh, không mây may vướng nhiễm. Không vọng ngữ, không lường thiệt. Có đủ các điều này mới thực là thực hành đầy Tứ nhiếp pháp. Không đủ mười thiện nghiệp trong từng điều của Tứ nhiếp pháp thì sao có thể nhiếp thọ chúng sanh?

Ý nghĩa thuần chất của bồ thí chính là Tứ tất đàn. Liệu chúng ta có thể dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng bồ thí tất cả chúng sanh trong Hư không pháp giới? Nghĩ được ắt có thể làm được, vì “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, tâm đến rồi thì hành tự nhiên cũng đến, cho nên trước mắt sáu căn tiếp xúc sáu trần thì Tứ nhiếp pháp viên mãn rồi.

“Lợi hành”, nói đơn giản chính là niệm niệm lợi ích chúng sanh, mà lợi ích chúng sanh thù thắng nhất là chánh pháp trụ lâu dài. Chánh pháp ở đâu? Ở ngay lúc khởi tâm động niệm, trong lời nói, việc làm của ta. Chúng ta phải thực hành được lời dạy của Phật Đà thì ấy chính là chánh pháp trụ lâu dài. Đó mới là lợi ích chân thật vĩnh viễn không gì sánh được. Khi chư Phật Như Lai thị hiện tu hành chúng quả ở cõi trần, Người không làm việc khác mà thị hiện thành Phật, dụng ý là gì? Thị hiện thành Phật chính là thị hiện chánh pháp trụ lâu dài, lợi ích vô lượng vô biên. Ấy là căn bản lợi ích vậy.

Trong “Thiên Tài Đồng Tử ngũ thập tam tham” của Kinh Hoa Nghiêm có lấy ví dụ là hình ảnh cây cỏ thụ. Đức Phật là gốc rễ của cây, năm mươi ba tham bái (ngũ thập tam tham) là cành lá hoa quả nên cây này xanh tốt sum xê như vậy. Vì sao

Phật Thích Ca Mâu Ni không thị hiện những thân phận khác nhau để hành Bồ Tát đạo? Hoặc kế tục ngôi vua lấy thân phận quốc vương hành Bồ Tát đạo, hoặc dùng thân phận đại thần hành Bồ tát đạo, hoặc lấy thân phận công thương hành Bồ Tát đạo nhưng Ngài lại thị hiện thành người xuất gia dạy học? Vì ấy là việc giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, là gốc của vô lượng vô biên tất cả lợi ích chân thật. Ấy mới chính là chánh pháp trụ lâu dài.

Học Ký trong Lễ Ký là quan điểm triết học về giáo dục thời xưa của Trung Quốc. Nó là chánh sách giáo dục quốc gia được lập từ Hán Vũ Đế đến mãi cuối đời Triều Thanh, hơn hai ngàn năm đều không thay đổi, đều y giáo phụng hành. Nhờ đó quốc gia mới ổn định lâu dài. Người không phân giàu nghèo, quý tiện, già trẻ, nghề nghiệp, hết thảy đều tiếp nhận nền giáo dục này. Trong Phật pháp nói đều là Bồ tát, nên ta học là học làm Bồ Tát, học làm quân tử, học làm Thánh Hiền, vậy nên nói giáo dục là đại căn bản, là cái gốc của lợi hành. Gốc rễ như vậy thì cành lá cũng không ngoại lệ. Vì thế, bất kể chúng ta trải qua cuộc sống thế nào, thân phận ra sao, làm nghề gì cũng nhất định phải dùng tâm từ ái, chân thành mà yêu thương, chỉ dẫn thế hệ sau, giúp thế hệ sau khai mở trí huệ. Làm như thế chính là chúng ta đang dựa vào nền tảng kinh nghiệm, thành tựu đời này rồi cứ vậy tiến thêm một bậc nữa. Lợi hành chính là ở chỗ này .

Chúng ta từ chỗ này mà ngẫm nghĩ, thể hội kỹ, tự ắt biết cách thực hành mười thiện, vì trang nghiêm Tứ nhiếp pháp nên lợi hành có thể khiến cho tất cả chúng sanh được lợi ích chân thật, được lợi ích rộng lớn. Nói đơn giản, lợi ích này chính là an định xã hội, làm thế giới hòa bình, thịnh vượng, phồn vinh, mỗi người đều có cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

Thứ tư “Đồng sự”. Lời xưa có dạy: “Hòa quang đồng sự thì khiến mọi người nương nhờ”. Câu nói tuy rất đơn giản nhưng bao hàm nhiều điều. “Hòa quang đồng sự” được hiểu như câu “cái dụng của lễ là ở chỗ lấy hòa làm quý” của Nho giáo, còn Phật giáo gọi là “Lục hòa kính” (tức “Sáu phép hòa kính”). Có thể chung sống hòa thuận với chúng sanh là trí tuệ cao tốt cứu cánh viên mãn. Người thế nào mới sống hòa thuận cùng chúng sanh chín pháp giới? Chỉ có chư Phật Như Lai! Pháp Thân Đại Sĩ cũng có thể làm được nhưng không thuận chánh tự nhiên giống như Phật vì Phật là khởi dụng tánh đức viên mãn.

Tập khí phiền não của phàm phu quá nặng nên không thể chung sống hòa thuận với người khác. Phiền não không gì ngoài vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà Pháp Thân Đại Sĩ đã đoạn chấp trước, phân biệt rồi, còn vọng tưởng (vô minh) thì đang phá từng phần nên các Ngài ấy có thể làm được. Riêng phàm phu chúng ta làm chưa được thì vẫn phải rơi vào luân hồi, mà đã không tránh khỏi luân hồi thì nhất định thường đọa lạc Tam ác đồ.

“Người quý ở tự giác”. Giáo dục Phật pháp cũng không gì khác ngoài là giúp chúng ta giác ngộ. Phật dạy chúng ta học là “Tăng thượng duyên”, bản thân chúng ta phải có sở “Sở duyên duyên”, “Vô gián duyên” thì mới có thành tựu. Sở duyên duyên là duyên được Phật, Bồ tát giáo huấn; nghĩa là nhất định tiếp nhận lời dạy của Phật Bồ tát, lại phải tiếp nhận liên tục, không gián đoạn. Giống như câu “Ba ngày không đọc sách Thánh Hiền thì đã thay đổi dung mạo” vậy; người xưa nghe lời giáo huấn của Thánh Hiền giữ được ba ngày, còn chúng ta một ngày cũng không giữ được. Từ đó cũng đủ hiểu ngày nay thiện căn của

chúng ta quả thật không bằng người xưa. Mỗi ngày huân tập nhưng vẫn không hồi đầu, trong Kinh Phật gọi ấy là “Nhất xiển đề”. “Xiển đề” nghĩa là không có thiện căn, thiện căn bị đoạn ròi, nói vậy để dễ hình dung. Trên thực tế thiện căn sao có thể đoạn được. Nghiệp chướng quá nặng thì thiện căn không khởi tác dụng, cũng giống như đoạn ròi. Vì thế bây giờ chúng ta phải nỗ lực khắc phục bản thân, công phu “khắc kỷ” chính là mấu chốt của sự thành bại đời này của chúng ta.

Đồng sự nhiếp, còn gọi là “Lục hòa kính”. Lục hòa kính là sáu pháp “đồng”. Đầu tiên là “Kiến hòa đồng giải” nghĩa là mọi kiến giải của chúng ta đều y theo lời dạy của Phật, Bồ tát rồi từ đó kiến lập “đồng giải”. Khi khế nhập vào cảnh giới Phật, đoạn Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não rồi cũng phá được vài phẩm vô minh. Lúc này kiến giải tự nhiên tương đồng. Ngày nay kiến giải của chúng ta bất đồng là vì có phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước mỗi người mỗi khác nên nếu buông được phân biệt, chấp trước thì lý nào kiến giải lại bất đồng! Cái gọi là “Phật Phật đạo đồng” nghĩa là kiến giải của pháp thân Bồ Tát gần như là tương đồng, còn như kiến giải, cách nghĩ, cách thấy bất đồng đều là do chấp trước, phân biệt mà sinh ra sự bất đồng ấy.

Phân biệt, chấp trước chắc chắn là hư vọng, là sai lầm, nên Phật thường dạy là chúng ta không nên cố chấp tin vào ý nghĩ của mình vì chắc chắn đó là sai lầm. Khi nào mới có thể tin vào ý nghĩ của mình? Sau khi chúng quả A La Hán. Đây là phương tiện mà Phật nói, không phải cứu cánh. Còn cứu cánh là sau khi phá vô minh thì có thể hoàn toàn tin tưởng bản thân mình. Phá chấp trước mới xa lìa luân hồi Lục đạo; hay nói cách khác là tri kiến luân hồi không còn nữa. Tri kiến luân hồi là tri kiến sai

lâm, chưa ra khỏi mười pháp giới. Tư tưởng của kiến giải lúc này gọi là “Chánh giác”, có thể nhập vào pháp giới Tứ thánh. Tri kiến của pháp giới Tứ thánh cũng chưa phải thuần chân cứu cánh mà thuộc về “Tương tợ tức Phật” trong “Lục tức Phật của Đại Sư Thiên Thai”. Tương tợ tức Phật là chánh giác. Từ tương tợ tức Phật lại đoạn dứt phân biệt, tất cả các pháp xuất thế xuất thế gian không phân biệt. Lúc này tâm thanh tịnh, tâm nhập vào Tam Ma Địa, lại phá thêm một phẩm vô minh thì gọi là Chánh đẳng Chánh giác.

Chánh đẳng chánh giác là bốn mươi một vị pháp thân Đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, còn Bồ tát, Phật trong mười pháp giới đều là chánh giác, nhưng không phải là Chánh đẳng Chánh giác. Giác cứu cánh chỉ có một vị, chánh đẳng chánh giác có 41 thứ bậc. Họ có thể hòa quang đồng trần với tất cả chúng sanh, chắc chắn không chấp trước. Riêng Bồ Tát của Quyền giáo là bậc thánh trong pháp giới Tứ thánh thì tâm phân biệt của họ càng lúc càng phai nhạt, khi đạt đến quả vị sơ trụ, hoàn toàn không còn phân biệt nữa mới có thể hòa quang đồng sự với hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới.

Ý nghĩa của hòa quang đồng sự là gì? Hình thức ra làm sao? Hình thức của hòa quang đồng sự là tùy loại hóa sanh, ý nghĩa là tùy cơ thuyết pháp. Từ đó biết được hòa quang đồng sự vốn là vì chúng sanh, không phải vì mình. A La Hán phá được ngã chấp; pháp thân Bồ Tát sơ trụ của viên giáo trở lên phá được ngã chấp, pháp chấp và tương ứng hoàn toàn với lìa tứ tướng, lìa tứ kiến mà kinh Kim Cang nhắc đến “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Không những tứ tướng không còn, ý niệm tứ kiến cũng không còn, như

vậy mới có thể đồng sự viên mãn. Còn như không thể đồng sự với chúng sanh thì làm sao giúp đỡ chúng sanh hồi đầu?

Tứ nhiếp lấy ý nghĩa đồng sự làm chính, mà theo cách nói ngày nay là muốn giúp đỡ chúng sanh, giáo hóa chúng sanh thì nhất định không thể xa rời chúng sanh. Phật pháp thường dạy: “Rộng kết pháp duyên”, đồng sự là kết pháp duyên. Kết pháp duyên ở chỗ nào? Mọi lúc mọi nơi! Tuyệt không được nói đợi đến khi học thành rồi mới kết duyên với chúng sanh, vậy thì không kịp rồi. Kết duyên không cần phẩm vật, tiền bạc, tài vật mà chính là cũng sống hòa thuận, thân thiết với chúng sanh, không xa lìa chúng sanh là đủ rồi.

Phát tâm giảng kinh hoằng pháp nhất định phải có thính chúng (tức người nghe). Thính chúng nhiều ít là do pháp duyên của chúng ta. Bình thường chúng ta không thân cận đại chúng, thì tương lai học Kinh giáo hiểu rồi. Giảng Kinh giảng như hoa Trời rơi rụng nhưng không người nghe, ấy là vì không có pháp duyên. Vậy mới thấy kết pháp duyên quan trọng thế nào! Ngày nay chúng ta muốn quảng độ chúng sanh, muốn đoàn kết tôn giáo và dân tộc trên thế giới thì phải kết duyên với tất cả dân tộc, tôn giáo trên thế giới có vậy lúc hoằng pháp thì đại chúng mới hoan hỷ đến nghe.

Tại sao trong chư Phật Phật A Di Đà được gọi là “sáng nhất trong ánh sáng, vua của các Phật”? Vì Pháp duyên của Phật A Di Đà thù thắng nhất. Khi còn ở chốn Nhân địa, Ngài tuyệt không từ bỏ cơ duyên đồng sự cùng chúng sanh dù chỉ một lần nên duyên của Ngài mới thù thắng như vậy. Đây là gieo nhân thiện ắt tương lai nhận quả thiện vậy!

Con người chắc chắn không thể xa rời đoàn thể, phải chung sống đời hòa thuận với đoàn thể, với đại chúng mới có thể nhận được tâm hoan hỷ của đại chúng. Không xa rời Tứ chúng đồng học thì ắt được duyên thù thắng. Còn như tự cho mình thuộc một giai tầng đặc biệt, tách rời đại chúng thì tư lai dẫu có thành Phật cũng chỉ là một vị Phật đơn độc. Đạo lý này nhất định phải thấu hiểu.

Học Kỳ trong Lễ Kỳ có câu: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên” (Xây dựng đất nước, lãnh đạo nhân dân thì điều quan trọng đầu tiên là giáo dục). Vậy trong giáo dục ưu tiên điều gì nhất? Ưu tiên Tứ nhiếp pháp nhất. Đặc biệt, trong thời đại này việc giáo dục càng quan trọng hơn. Người thầy phải làm sao để nhiếp thọ học sinh, làm người học tâm phục khẩu phục người thầy. Người lãnh đạo quốc gia phải làm sao để nhiếp thọ nhân dân cả nước, làm nhân dân cả nước tâm phục khẩu phục người lãnh đạo. Đức Phật dạy chúng ta dùng Tứ nhiếp pháp còn chúng ta là người học Phật. Thân là đệ tử Phật bất kể đã xuất gia hay tại gia đều có sứ mạng hoằng pháp lợi sanh, phải làm sao để giúp đỡ người khác đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Là nhờ vào bài học Tứ nhiếp pháp trước hết. Không hiểu Tứ nhiếp pháp thì không thể dạy người và cũng không thể cùng sống hòa mục với người. Nên nói đây là môn học hết sức quan trọng.

Niệm xứ trang nghiêm.

Kinh văn: “*Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ niệm xứ quán*” (Dùng niệm xứ trang nghiêm, nên có thể khéo tu tập quán bốn niệm xứ).

Đây là Phần thứ nhất của 37 phẩm trợ đạo. Phẩm trợ đạo tổng cộng có bảy khoa, khoa ở đây là khoa mục, tức 7 nhóm gồm: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Bảy nhóm này được xem là Phật pháp hoàn chỉnh. Bất kể Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo hay Mật giáo cũng không ngoài bảy nhóm này. Mỗi nhóm là một nội dung thâm sâu vô hạn nên chúng ta không thể xem đó chỉ là Tiểu thừa. Đại sư Thiên Thai đã dùng Tứ giáo Tạng – Thông – Biệt – Viên giáo để giải giải, nói rõ trong mỗi nhóm kể trên đều có đủ Tạng – Thông – Biệt – Viên giáo. Tức là bảy nhóm kể trên bao hàm hết cả Phật pháp.

Nhóm đầu tiên là Tứ niệm xứ. Nhóm đầu tiên đương nhiên là nhóm quan trọng nhất. Đây là phương tiện cơ bản nhất để chúng ta nhập môn. Tứ niệm xứ là nhìn thấu, Tứ thần túc là buông xuống được, Tứ chánh cần là đoạn ác tu thiện. Trong đó nhìn thấu, buông bỏ là xuyên suốt toàn bộ Phật pháp. Vì đâu phàm phu vẫn còn tập khí phiền não sâu nặng? Căn bản là vì không biết chân tướng của nhân sanh vũ trụ, nên niệm xứ là giúp chúng ta thấu hiểu nhân sanh vũ trụ.

Tứ niệm xứ quán gồm: một là “Quán thân bất tịnh”, hai là “Quán thọ thị khổ”, ba là “Quán tâm vô thường”, bốn là “Quán pháp vô ngã”. Chữ “quán” nghĩa là cách nhìn, cách nghĩ trí huệ chân thật. Quán thân bất tịnh chính là cách nhìn của chúng ta đối với thân này. Quán thọ thị khổ là cách nhìn của chúng ta đối với sự hưởng thụ trong một đời. Quán tâm vô thường là cách nhìn của chúng ta đối với việc khởi tâm động niệm. Quán pháp vô ngã là cách nhìn chúng ta với vạn sự vạn vật ngoài tâm. Cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta chính xác thì mới có thể tu học; còn như cách nhìn, cách nghĩ sai lầm thì dầu tinh cần nỗ lực tu

hành cũng chỉ là tà pháp. Đức Phật luôn nhắc chúng ta rằng, tâm chánh tất cả pháp đều chánh, tâm tà tất cả pháp đều tà. Cho nên Tứ niệm xứ là kiến lập chính xác nhân sinh quan và vũ trụ quan. Trong đó tam quán đầu tiên thuộc về nhân sinh quan, còn quán cuối cùng_ “Quán pháp vô ngã” là thuộc vũ trụ quan, nhất định không được lơ là.

Thứ nhất là “Quán thân bất tịnh”. Thân là gì? Theo nghĩa hẹp, thân là thân thể bản thân chúng ta; theo nghĩa rộng, thân là tất cả vật thể, chỉ cần có “thể” thì gọi đó là “thân”. Bất kể xác thân của ta hay mọi vật thể khác đều là không thanh tịnh.

Trong Kinh văn, Đức Phật phân tích cấu tạo vật chất của thân thể là không thanh tịnh. Quán sát rõ ràng nhất, đơn giản nhất chính là chúng ta thấy thất khiêu bài tiết những gì? Ngoài thất khiêu, vi tế hơn nữa là lỗ chân lông, lỗ chân lông bài tiết ra một thứ mà ngày nay người ta gọi là urê. Điều này cho thấy trong thân thể chúng ta có cái gì là thanh tịnh. Nên người xưa dùng từ “bị thối”, “túi da” để chỉ thể xác này là vì vậy. Túi da chứa những gì? Chứa máu, chứa mủ, chứa phân. Chúng ta quá tham ái, chấp trước với những thứ này thì quả thật quá sai lầm. Người xưa hình dung thân thể như một “đầy da thối”, mùi từ thân thể tỏa ra thật khó ngửi, phiền não càng nhiều mùi càng khó ngửi, nhưng với người có tâm thanh tịnh thì hoàn toàn trái lại.

Có rất nhiều người đều biết chuyện Lão Hòa thượng Hư Vân một năm chỉ tắm và cắt tóc một lần, cổ áo dày lớp cặn dầu, y phục trên mình rách nát nhưng người lại có mùi thơm nhẹ. Còn chúng ta ba ngày không tắm thì có mùi khó chịu ngay. Ấy là bởi tâm thanh tịnh thân liền thanh tịnh. Từ đó có thể thấy, công hạnh nông sâu quả thật có thể thay đổi kết cấu tổ chức của

thân tâm, đúng như lời dạy của Đức Phật đã nói ở đoạn trước: “Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh”. Vì vậy, chúng ta có thể hội được vì sao đức Phật lại dạy Bồ Tát đạo lý rằng “Ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp không mảy may bất thiện xen tạp”.

Chúng ta phải cố gắng tu thành thân kim cang bất hoại. Tu thân kim cang bất hoại ở cõi thế tục này thì khó nhưng vãng sanh về thế giới Cực lạc thì dễ hơn. Khi sanh về thế giới Cực lạc, mỗi người đều là “sắc thân vàng tía”_ đây chính là sự đại từ, đại bi, đại ân đức Đức Phật dành cho chúng ta, nhưng đời này có thể vãng sanh hay không là do chúng ta có nhìn thấu, buông bỏ hay không! Không thể nhìn thấu, không thể buông bỏ thì đời này chỉ có thể nói kết thiện duyên với Đức Phật A Di Đà và thế giới Tây phương cực lạc, không thể vãng sanh. Muốn đời này chắc chắn vãng sanh thì phải nhìn thấu, phải buông xả. Vì đâu không buông xả được? Vì nhìn không rõ, nếu đã nhìn thấu rồi thì không gì là không buông được. Buông xả chính là tự tại, buông xả rồi thật sự an vui liền nhập cảnh giới Phật. Chúng ta vẫn cứ chấp trước kiên cố thì đó chỉ là cảnh giới phàm phu. Buông xả ngã chấp chính là buông xả luân hồi Lục đạo.

Vì thân này không phải là thứ thanh tịnh nên không cần ái hộ chấp trước quá mức với nó, nhưng cũng không được tùy ý tổn hại, bởi tổn hại cũng là lỗi lầm. Cứ tùy duyên, tùy duyên là đúng! Cần phải mượn giả để tu thật. Thân thể này là giả tướng, chúng ta mượn cái giả tướng để tu chân thật. Muốn vãng sanh Tịnh độ thì phải mượn thân giả này nỗ lực chăm chỉ niệm Phật, ngoài niệm Phật ra, tất cả thân tâm thế giới buông xả. Pháp thế xuất thế gian đều không để trong tâm vì pháp của thế xuất thế gian cũng không phải thật. Trong Kinh Đức Phật dạy rất rõ ràng

“Phật pháp nhân duyên sanh” tức phàm là nhân duyên do sanh pháp đều là hư vọng, không chân thật, nên trong Kinh Kim Cang có câu: “Pháp còn phải xả hướng hồ phi pháp”, ngay cả pháp Phật đều không để trong tâm hướng là những thứ khác.

Ngày nay nếu chúng ta chưa nhập được pháp giới Phật thì cũng nên buông xả mọi điều chỉ chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật. “Chấp trì danh hiệu”, chấp là chấp trước, trì là gìn giữ, tuyệt không để mất. Chúng ta nương theo câu Phật hiệu này mà vắng sanh Tịnh độ. Đến được thế giới Tây phương Cực lạc thì buông xả chấp trì danh hiệu, còn khi chưa đạt đến thì không thể buông xả. Giống như đi xe phải mua vé xe vậy, chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà chính là tấm vé, đến nơi rồi thì trả vé cho phòng thu vé. Ngoài việc đó ra thì cái gì cũng đều buông xả. Ấy là việc nên làm rồi!

Chư Phật Bồ tát biết nhờ thân thể để “mượn giả tu thật” thì tướng chính là giả. Phàm tất cả tướng đều hư vọng, thân tướng cũng hư vọng nên mượn hư vọng tướng này để tu chân thật. Cái gì là thật? Trí huệ là chân thật. Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói ba thứ chân thật. Một là, “Khai hóa hiển thị chân thật chi tế”, “chân thật chi tế” là cách Thiền tông nói về tâm tánh, còn “khai hóa hiển thị” là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là thật. Hai là, “Trụ chân thật huệ”. “Trụ chân thật tuệ” là điều thứ hai trong Tứ niệm xứ quán, tức Thọ thị khổ. Sự hưởng thụ Trụ chân thật huệ là điều mà Đại Sư Lục Tổ có dạy trong Đàn Kinh: “Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ”. Đây là Trụ chân thật, Trụ chân thật huệ thì không sanh phiền não. Ba là, “Huệ dĩ chân thật chi lợi”. Đây là tha thọ dụng. Chúng ta thân tại thế gian nên bố thí cúng dường, làm ích lợi chân thật cho hết thảy chúng sanh. Phật Bồ Tát trụ thế chỉ có chân thật không có hư vọng. Sự

hưởng thụ của các Ngài thật sự là tối cao, là trí huệ, tuyệt không phải phiền não. Chúng ta nên phải hiểu rõ, nên phải học theo.

Phàm phu chấp trước thân này, yêu mến thân này; khởi tham ái, chấp trước với thân này quá nặng, mà chấp trước này là gốc của luân hồi Lục đạo. Chúng ta hiểu rõ điều này rồi thì nên buông xả thân kiến, thoát khỏi luân hồi Lục đạo. Luân hồi Lục đạo tuyệt không phải thật, nó chẳng qua là ảo tướng như lời dạy trong Kinh Kim Cang vậy: “mộng ảo, bọt bóng”. Ai chấp trước thì tướng này hiện ra, nên buông bỏ chấp trước thì tướng giả cũng không còn.

Do đó có thể thấy cảnh giới này là hư huyền, không chân thật. Trong Hội Lăng Nghiêm, Thế Tôn gọi cảnh giới này là “Đồng phân vọng kiến”. Vọng là hư vọng, kiến là kiến giải. “Đồng phân” là chúng ta đều có điểm giống nhau, tuy là giống nhau nhưng vẫn là mỗi người mỗi khác. Ví dụ giảng đường này rất sáng, có mấy chục đèn chiếu sáng, đây là “đồng phân cộng kiến”. Nhưng kỳ thật ánh sáng mỗi ngọn đèn không liên quan nhau, giống như là có sự giao hòa ánh sáng với nhau. Thật tế mỗi ngọn đèn mỗi khác, chúng ta giảm bớt một ngọn đèn thì đương nhiên ánh sáng ngọn đèn ấy không còn nữa nhưng đâu ảnh hưởng gì đến ánh sáng mỗi ngọn đèn còn lại. Cho nên mỗi người mỗi cảnh giới, mỗi người mỗi vùng trời đất riêng, mỗi người mỗi vũ trụ riêng, có thể nói mỗi người người là một khác biệt, nhưng mỗi người cũng có quan hệ mật thiết là vậy. Chân tướng sự thật này phải thể hội tỉ mỉ.

Cho nên không thể nói giống, cũng không thể nói không giống. Như ánh sáng đèn vậy, chúng ta không thể nói chúng không giao hòa vì rõ ràng ánh sáng mấy chục ngọn đèn hòa với nhau, cũng không thể nói nó thật sự hòa vào nhau vì tất một

ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng ngọn đèn ấy không còn nữa. Phật pháp nói rõ chân tướng sự thật bằng câu “Phi nhất phi dị” để diễn đạt điều này, nghĩa là không thể nói một cũng không thể nói không phải là một. Đây không phải lời mơ hồ mà thực là bản chất chân tướng sự thật.

Ngày nay chúng ta đọa lạc luân hồi Lục đạo vốn không liên can tới ai, là hoàn toàn tự mình vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà ra. Chân tướng sự thật này ta phải thấu hiểu, không thấu hiểu được rất khó thoát khỏi luân hồi. Đức Phật tận tâm khuyên dạy chúng ta, chúng ta còn nghi ngờ, không tin tưởng, còn quyết chấp trước thành kiến bản thân (mà thành kiến chính là ngã kiến). Vì thế chỗ này Đức Phật phải dùng phương tiện trí huệ viên mãn cao độ để dạy chúng ta “Quán thân bất tịnh”.

Khi chúng ta thật sự hiểu rõ thân tướng này vốn không thanh tịnh thì sẽ không tham luyến nó, càng không vì nó mà tạo tội nghiệp. Đa phần chúng sanh vì thân này mà tạo nghiệp, chính là vì để thân được hưởng thụ, mê lạc vào ngôi nhà thân xác mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, chiêu cảm việc bất như ý cho đời sau. Chư Phật Bồ Tát nhìn thấu, thứ nhất nhìn thấu ngôi nhà thân xác, chân tướng ngôi nhà thân xác triệt để thấu hiểu rõ ràng. Hiểu rõ rồi có phải không cần thân thể nữa không? Không! Mà phải dùng thân này để thay ta tu tích công đức. Người thế gian mê ngôi nhà xác thân, dùng thân tạo tác tội nghiệp còn Phật, Bồ Tát dùng thân này tích lũy công đức. Do đó nên hiểu rằng ngôi nhà thân xác chỉ là công cụ không phải mục đích, điều này phải nhận thức rõ ràng .

Kinh văn có dạy là tự tha thân, tất cả sắc pháp đều không tịnh, tức thân của chúng ta, thân và sắc thân của tất cả chúng sanh hữu tình đều là vật không tịnh. Vì sao thân không tịnh? Vì

tâm không thanh tịnh, tâm ô nhiễm nên thân cũng ô nhiễm. Nếu tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh, ấy gọi là “Cảnh tùy tâm chuyển”. Thân với tâm về mặt tương đối mà nói, thì thân chỉ là cảnh giới của tâm, thân chính do tâm biến hiện ra. Phần mở đầu bản Kinh này có câu dạy rằng: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh” thì thân cũng là từ tâm tướng sanh. Khi chúng ta đầu thai, chúng ta có “tướng”, “tướng” mới biến thành thân. Vì đâu tướng mạo của chúng ta thành như vậy? Vì tướng mạo này là thứ chúng ta đã “tướng” trước lúc đầu thai, chúng ta thích tướng mạo này thì biến thành tướng mạo này. Người thế gian cho rằng tướng mạo là do di truyền, con cái giống ba hoặc giống mẹ, nhưng với Phật pháp thì ấy là do chúng ta tướng, thích tướng mạo ba, mẹ nên biến thành tướng mạo như vậy. Ấy không phải là di truyền mà là do “tướng” sinh ra, như câu “tất cả pháp từ tâm tướng sanh” vậy.

Người xưa có nói trước 40 tuổi thì những gì chúng ta nhận được hôm nay đều là do ảnh hưởng của kiếp trước. Sau 40 tuổi, dung mạo sức khỏe thân thể mình sẽ do mình chịu trách nhiệm. Tại sao vậy? Vì những vọng tưởng, tư tưởng trong đời mình sẽ biến đổi dung mạo của chính chúng ta. Nếu chúng ta có ý niệm ác, hành vi ác thì tướng mạo tự nhiên ngày càng hung ác; ngược lại, tâm địa lương thiện, từ bi thì tướng mạo ngày càng đẹp. Nhìn dung mạo, thể chất sẽ biết được chúng ta “tướng” gì, “tu” gì và “niệm” gì.

Nếu như chúng ta có thể y theo Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo tu hành, “ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không mảy may xen tạp bất thiện” thì dung mạo nhất định được giống Bồ Tát. Ngày nay thể chất và dung mạo chúng ta không đạt đến được trình độ của Bồ Tát

là do chúng ta tuy tu thiện nhưng như còn xen tạp bất thiện, nên chúng ta không thể đạt đến quả báo thù thắng như vậy. Vì vậy, một người tu hành có công phu hay không thì không cần phải nói, chỉ nhìn qua thể chất, tướng mạo, hành vi là biết, đâu thể che giấu được! Nếu che giấu được thì chỉ là che giấu với người ngu, với người có trí huệ thì sao có thể che giấu.

Thứ hai “Quán thọ thị khổ”. Thọ nghĩa là hưởng thụ, nói chính xác hơn ấy là sự cảm thụ của chúng ta. Khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thì phải hết thảy những thứ tiếp nhận được đều là khổ, chẳng chút gì an vui. Kinh văn dùng “Tam khổ”, “Bát khổ” để giảng rõ cho chúng ta hiểu chân tướng sự thật. Tam khổ là gồm Khổ khổ, Hoại khổ và Hành khổ. Còn Bát khổ thực tế chính là Khổ khổ trong Tam khổ. Khổ khổ chữ “khổ” phía sau là danh từ, chữ “khổ” phía trước vừa là động từ vừa là tính từ. Bốn loại khổ: sanh, lão, bệnh, tử mọi chúng sanh đều không thể tránh được. Thế gian này, trên là hoàng đế dưới đến người ăn mày đều không cách nào tránh khỏi. Khổ của sự sanh chúng ta đã quên rồi, nhưng trong Kinh Phật giảng rất rõ ràng, chúng sanh không thoát ra khỏi luân hồi Lục đạo chính là phải tiếp nhận sự xuất hiện sanh mạng lần sau, vì vậy lại có sanh, có sanh thì sẽ có cái khổ của sự già nua, bệnh tật và chết chóc. Những cái khổ này chính bản thân chúng ta hoàn toàn có thể trải nghiệm được, nhất là trong xã hội ngày nay, con cháu hiếu thuận ngày càng ít nên những người già tội nghiệp biết bao. Lại thêm thế hệ sau không hiếu thuận, chăm sóc thế hệ trước, khác nào chúng ta đang gieo nhân bất thiện thì thế hệ sau sao có thể chăm sóc lại chúng ta được? Đây là nhân duyên quả báo, ngày nay tạo nhân bất thiện, quả báo chắc chắn bất thiện.

Trong Bát khổ thì sanh, lão, bệnh, tử là sự khổ bên trong thân thể. Khổ ngoài thân cũng quy nạp ba loại gồm: Oán tắng hội khổ, Ái biệt ly khổ và Cầu bất đắc khổ. Một là “Oán tắng hội” tức người, việc, môi trường sống chúng ta không thích nhưng lại cứ gặp, không cách nào tránh khỏi. Khổ này hầu như mỗi người trong đời đều gặp phải. Thứ hai là Ái biệt ly khổ tức là người, sự việc, hoàn cảnh sống chúng ta ưa thích không thể duy trì dài lâu. Đây là sự thật tồn tại phổ biến trong xã hội ngày nay. Thứ ba là Cầu bất đắc khổ. Chúng ta hy vọng, nguyện cầu nhưng không thực hiện được. Ba loại khổ này bao quát hết sự khổ ngoài thân chúng ta rồi. Một điều cuối cùng là “Ngũ ấm xí thanh khổ”.

Phân tích tám loại khổ ấy thì bảy loại đầu thuộc về quả báo, loại sau cùng thuộc về nhân khổ. Nói cách khác, nguyên nhân dẫn đến sanh, lão, bệnh, tử, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc là do ngũ ấm xí thanh. Theo cách nói ngày nay “Ngũ ấm” chính là thân tâm chúng ta không khỏe mạnh, thân tâm đều đang tạo nghiệp bất thiện nên mới nhận quả báo bất thiện. Nếu thân tâm khỏe mạnh, tạo thiện nghiệp như lời Kinh Phật dạy: “ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp” thì tám loại khổ liền không còn nữa.

Thứ ba “Quán tâm vô thường”. Đây là điều quan trọng nhất. “Tâm” là vọng tâm, cũng chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tâm là cái vô thường, mỗi sát na đều bất trụ; ý niệm sanh – diệt giống như thác lũ, ta phải biết làm thế nào để phòng bị, khai thông. Chỉ có Phật pháp cao cấp mới là phương pháp giải quyết triệt để giúp chúng ta buông xả vọng tưởng, thường trụ chân tâm. Đây mới thực là phương pháp chinh đốn tận gốc cứu cánh triệt để.

Tâm là chỉ ý niệm, ý niệm là hư vọng, không phải chân thật. Trong Kinh Lăng Nghiêm gọi là “Thường trụ chân tâm”. Thường trụ là vĩnh viễn không biến đổi, chân tâm thì vĩnh viễn không biến đổi, thanh tịnh tịch diệt mới là chân tâm. Ngày nay chân tâm của chúng ta khởi lên ý niệm thì ý niệm ấy là vô minh. Vô minh là tướng động, chân tâm là tịch tĩnh bất động. Nhà Phật giảng về tu hành, trong tu hành quan trọng nhất là thiền định.

Vì sao Phật giáo xem trọng thiền định như vậy? Vì khi nói thiền định thì không phải chỉ Thiền tông tu thiền định mà thực chất trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều là tu thiền định. Niệm Phật cũng là tu thiền định. Tam học Giới – Định – Huệ mà xa rời Định thì sao có trí huệ? Thiền định sanh trí huệ, loạn tâm sanh phiền não, loạn tâm chính là tạp niệm, niệm trước diệt rồi niệm sau sanh; mỗi phàm phu trong Lục đạo đều như thế, cả ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Chúng ta đem ý nghĩ ngừng lại chính là Định (chỉ quán). Công phu chân thật chính là làm thế nào dừng lại được vọng tâm. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau nhưng pháp môn miệm Phật là pháp môn tiện lợi nhất trong tất cả pháp môn, nghĩa là dùng cách niệm Phật để dừng mọi vọng tâm lại.

Căn nguyên luân hồi Lục đạo là gì? Chính là vọng tưởng. Thế nên, Phật dạy chúng ta dùng một câu “A Di Đà Phật” để dừng ý niệm, một ý niệm dừng nghỉ thì tất cả ý niệm cũng dừng. Làm thế nào để công phu niệm Phật được đắc lực? Khi vọng niệm mới khởi liền niệm “A Di Đà Phật”. Khi nào ở đâu cũng phải cảnh giác cao độ, bất kể ý niệm là thiện hay ác đều nên dẹp sạch. Vì sao vậy? Vì thiện niệm thì sanh vào Tam thiện đạo, ác

niệm thì đọa lạc Tam ác đạo đều là không vượt ra lục đạo luân hồi. Chỉ có tịnh niệm mới thoát khỏi lục đạo luân hồi mà thôi.

Người thế tục biết rằng thiện niệm thì tốt, ác niệm thì không tốt nhưng đó chỉ là biết một mà không biết hai. Thiện niệm sẽ hưởng phước trong Tam thiện đạo, sau khi hưởng hết phước ác nghiệp lại hiện tiền nên phương pháp này không phải cứu cánh. Pháp cứu cánh là “Lưỡng biên bất lập, trung đạo bất tồn”. Thiện ác là hai bên, buông bỏ hai bên rồi thì ý niệm về trung đạo cũng không còn, lúc này thường trụ chân tâm hiện tiền. Thường trụ chân tâm hiện tiền mới là chân thật huệ, mới thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Chân tướng chính là tâm tánh, là cái mà Kinh Vô Lượng Thọ dạy “Chân thật chi tể”, được vậy ta mới có thể thấy được, mới có thể chứng thực; rồi sau đại từ đại bi vốn sẵn trong tự tánh mới có thể hiện tiền.

Vậy nên vọng tưởng hắc không phải là điều tốt đẹp. Ví như chúng ta có tư tưởng thì tư tưởng cũng chắc gì là tốt đẹp? Ta thấy cách tạo chữ của người Trung Quốc xưa mới thực sáng suốt làm sao, trên chữ “tâm” là có một ô vuông phân nhỏ (tức chữ “điền”) thì gọi là “tư”, trong “tâm” có tước ượng thì gọi là “tướng”. Tức là trong tâm khởi phân biệt gọi là “tư”, vương vào tướng gọi là “tướng” nên mới nói tư và tướng đều không phải thứ tốt đẹp. Chúng ta bỏ đi những “ô vuông” đi, bỏ “tướng” đi, chơn tâm lập tức hiện tiền. Còn tư còn tướng là phạm phu lục đạo, lìa tư lìa tướng liền thoát khỏi lục đạo. Vì vậy, còn dụng tư tướng thì còn chướng ngại trí huệ chân thật, không dụng tư tướng thì ấy là trí huệ chân thật.

Trong xã hội hiện đại này nhân tâm cực kỳ vô thường. Chúng ta phải hiểu tâm vô thường không phải chân tâm. Phật dạy rằng, sanh phải thời động loạn thì chúng ta phải tự độ, nói

cách khác là chúng ta không cứu nổi người khác ít nhất phải tự cứu mình. Cứu mình không phải là tìm một nơi lánh nạn vì ngày nay có nơi nào trên thế giới là an toàn đâu. Vậy nên bỏ ý nghĩ lánh nạn đi. Thế thì làm sao bảo toàn bản thân? Không sợ hãi cái chết, hiểu biết rằng sau cái chết thì đến đâu, về đâu. Thân ta tuy chết rồi nhưng tinh thần không chết, tinh thần chính là cái mà người nước ngoài hay gọi là “ý thức”, tức là thân xác này dầu hủy ý thức vẫn còn.

Người Trung Quốc gọi ấy là “linh hồn”, Phật giáo gọi là “thần thức”, Ấn Độ giáo gọi là “thần ngã”. Trong lục đạo đi đầu thai là thần thức đi, còn thân thể giống như quần áo, mục nát rồi thì cởi bỏ đổi bộ khác. Phật giáo cho rằng thần ngã cũng là giả ngã, không phải chân ngã, chân ngã là tự tánh, tự tánh chính là linh tánh, giác tánh. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói “Lục căn môn đầu, phóng quang động địa”, đây là chân ngã. Mắt có thể thấy, kiến tánh của cái thấy là chân ngã, văn tánh của cái nghe là chân ngã. Lục căn tuy tùy theo căn mà gọi tánh, tánh thực ra là một, không phải sáu riêng biệt.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu công cụ của chúng ta. Nói vậy có thể chưa rõ, chúng ta lấy thiết bị điện làm ví dụ: điện cho qua máy nhiếp ảnh có thể ghi hình, cho qua máy thu âm thì có thể nghe âm thanh, qua bếp điện thì có thể nấu cơm chín, nhưng điện chỉ là một. Chúng ta dùng thiết bị điện làm ví dụ chân tánh. Sáu “công cụ” này còn trên thân thể thì người ấy là người sống, lìa khỏi thì biến thành thi thể; cũng giống như thiết bị điện, có nguồn điện thì hoạt động, cắt nguồn điện thì thiết bị thành phế vật, tuy ngừng hoạt động như nguồn điện vẫn tồn tại.

Phật dạy “Tánh” mới là chân ngã, cũng là cái mà Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Câu này ý

chỉ mười pháp giới y chánh trang nghiêm là đồng một tánh, cùng một A Lại Da Thức. Khi chúng ta biết chỉ cùng là một, thì tâm từ bi tự nhiên sinh ra. Nhà Phật có câu: “Lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”, niệm niệm đều nghĩ cho người khác chính là từ bi, chính là tình thương.

Người thật sự có trí huệ, biết thương người mới là thật sự thương bản thân mình, kính người mới là thật sự kính mình, giúp đỡ người mới thật là giúp mình, vì hư không pháp giới là một thể. Phương pháp dạy học của Phật giáo Đại thừa là giảng về đạo lý và chân tướng sự thật, cho nên chúng ta nhất định phải dụng từ bi chân thành, từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng, từ bi chánh giác; từ bi chính là tình thương (trong tình thương có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng chánh giác thì gọi là “từ bi”). Dùng tâm này đối nhân xử sự tiếp vật, dùng tâm này để sống, dùng tâm này để làm việc tức là hướng tâm này đến một điều đúng đắn nhất là bách lợi mà chẳng chút họa hại, nhà Phật gọi đó là “Tâm đại Bồ đề”. Người có được tâm này tự nhiên có thể buông xả, tự nhiên có thể nhìn thấu. Nhìn thấu là thấu suốt chân tướng vũ trụ nhân sanh, triệt để rõ ràng thông đạt; còn buông bỏ là tuyệt đối không tự tư tự lợi, toàn tâm toàn lực vì xã hội, vì tất cả chúng sanh mà phục vụ không điều kiện.

Thứ tư là “Quán pháp vô ngã”. Quán pháp vô ngã dạy chúng ta cách quán chính xác thân mình, sau mới nhìn ra thế giới; Toàn bộ người, sự và vật là thế giới. Phật dùng một chữ “pháp” làm đại danh chung cho hết thấy thứ ấy. “Vạn pháp giai không, vạn pháp duyên sanh”, phàm là pháp do duyên sanh đều không có tự tánh, cũng chính là không có tự thể “Đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Trong “Vô ngã” thì ngã chính là một tự thể, vạn pháp không có tự thể, cho nên Kinh Kim Cang dạy:

“Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như ảnh, như sương, như sấm, nên quán sát như thế”. “Quán” chính là Tứ niệm xứ quán.

Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như bóng, vậy quán pháp thế nào? Đức Phật dạy chúng ta cụ thể là: Quán thân, Quán thọ, Quán tâm, Quán pháp. Quán sát tỉ mỉ bốn phương diện này, đều là như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, đều “không thể được”. Kinh Kim Cang dạy chúng ta rất rõ ràng “Tam tâm bất khả đắc”(Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc) “bất khả đắc” (không thể được), ấy cũng chính là vô thường nên nhập môn học Phật trước tiên phải nhìn thấu; biết pháp vô ngã, biết tâm vô thường chính là nhìn thấu. Không có công phu này thì làm sao vào cửa được!

Ngày mới bắt đầu học Phật, tôi được gặp Đại sư Chương Gia. Ngài dạy tôi “nhìn thấu, buông xả”. Phương pháp cụ thể nhìn thấu là quán Tứ niệm xứ; phương pháp cụ thể buông xả là Tứ như ý túc, Tứ thần túc. Tứ chánh cần chính là mười thiện nghiệp, đoạn ác tu thiện, tu công tích đức. Những điều là đều là pháp căn bản của Phật Pháp. Lìa xa pháp căn bản thì dẫu tu tập chuyên cần vô lượng vô biên pháp môn thế nào cuối cùng cũng như rỗng không. Vậy nên điều căn bản là quan trọng hơn mọi thứ.

Về chữ “Ngã”, Phật pháp giảng rất nhiều nhưng có hai ý nghĩa quan trọng nhất. Ý nghĩa thứ nhất là “chủ tử”, tức là tất cả các pháp không có chủ tử, tự mình không làm chủ được, gồm cả thân thể chúng ta ; vì nếu có thể tự mình làm chủ thì sẽ không có lão, không bệnh. Ý nghĩa thứ hai là “tự tại”. tất cả pháp, bản thân không có được tự tại (tự tại được hiểu như là tự do). Bất kỳ

pháp nào cũng không thoát khỏi cách giải nghĩa này nên chúng ta phải quán sát tỉ mỉ.

Trong Luận Trung Quán dạy: “Các pháp không tự sanh” không những tự mình không thể sanh cũng không thể cộng sanh. Ngày nay chúng ta thường nói “Các pháp đều do nhân duyên mà sanh” nên hiểu đây chỉ là một cách nói cho dễ hiểu, sự thật không phải vậy. Trong Trung Quán Luận lại nói “Bất cộng bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh” _ đây mới là sự thật. Chư Phật, Bồ Tát hiểu rõ điều này nên thật sự được đại tự tại, chứng được Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát mà ba đức này đều đủ “Thường – Lạc – Ngã – Tịnh”. Ta thấy, Quán thân bất tịnh thì các vị ấy được tịnh rồi; Quán thọ thị khổ, các vị ấy được thọ lạc. Tâm của các vị ấy cái tâm chân tâm thường trụ; các pháp thật sự có ngã, thật sự có chủ thể, thật sự tự tại.

Phàm phu thì không có Thường – Lạc – Ngã – Tịnh. Không những phàm phu lục đạo không có, cả trong mười pháp giới cũng không có, đến Nhất chân pháp giới mới có. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian, khai thị cho chúng ta, hướng dẫn chúng ta buông bỏ lục đạo mười pháp giới khế nhập Nhất chân pháp giới. Vậy “chân” ấy ở đâu? Pháp thân là chân, Bát nhã là chân, Giải thoát là chân. Pháp thân là Thể, Bát nhã là Trí huệ có thể chứng tánh Thể, Giải thoát là thọ dụng. Có thể nói đây là tâm giáo huấn từ bi vô tận của Đức Phật dành cho hết thảy chúng sanh.

“Quán tâm vô thường” chính là “Tam tâm bất khả đắc” trong Kinh Kim Cang dạy. “Quán pháp vô ngã” chính là vạn pháp đều không, tức là “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như bóng” trong Kinh Kim Cang dạy, cũng như câu “Phàm hệ có tướng đều là hư vọng” vậy. Chư pháp do

duyên sanh, duyên sanh là vô tánh, không có tự tánh. Chân tướng của hiện tượng của tất cả pháp chính là duyên tụ duyên tán. Duyên tụ thì hiện tượng này hiện ra, duyên tán thì hiện tượng này tiêu mất. Sự thật rõ ràng, duyên tụ các pháp không sanh, duyên tán các pháp không diệt, đã không sanh thì làm sao có diệt? Nếu chúng ta thông đạt đạo lý này thì tâm chúng ta liền thanh tịnh, thân tâm thế giới đều buông xả.

Buông bỏ được tất cả thì được đại tự tại, tức nhập cảnh giới được đại tự tại là tự thọ dụng, tâm địa thanh tịnh, chẳng chút nhiễm bụi trần. Ngày nay chúng ta không làm được vậy, nguyên nhân vì đâu? Đại Sư Thanh Lương trong Kinh Hoa Nghiêm chia làm bốn khoa là Tín, Giải, Hành, Chứng. Hiện giờ chúng ta mới dừng lại ở Tín, Giải chưa có Hành, Chứng nên không đạt được thọ dụng chân thật. Nhất định phải có Hành chân chánh. Hành cái gì? sửa đổi quan niệm của chúng ta, quan niệm sửa đổi rồi thì lời nói và hành vi liền đổi theo. Sửa đổi được rồi chính là “Lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”. Sau khi được đại triệt đại ngộ thì nhập cảnh giới Phật mà Kinh Pháp Hoa gọi là “Nhập Phật tri kiến”. Sau khi nhập Phật tri kiến, bất kể các vị ấy hiện thân phận gì thì hình ảnh mà các vị hiện ra trong mười pháp giới chẵn chẵn đều là đại từ đại bi. Các vị thị hiện ở thế gian nhất định sẽ mở rộng cửa phương tiện giúp đỡ tất cả chúng sanh chưa giác ngộ thành giác ngộ. Ngày nay chúng ta không cách gì khắc nhập cảnh giới, chính vì không biết “Tam tâm bất khả đắc”, không biết “Vạn pháp giai không”, mà “Vô ngã” chính là không.

Thật sự đạt đến Quán pháp vô ngã thì tâm mới thật sự được thanh tịnh, giống như chư Phật, Bồ tát, vô lượng kiếp tích lũy công đức, độ hóa vô lượng vô biên chúng sanh, chẳng nhiễm bụi

trần. Kinh Kim Cang có câu: “Độ vô lượng vô biên chúng sanh mà thực không có chúng sanh nào được độ”. Thực không có chúng sanh” tức là trong tâm không vướng tướng, sao không vướng tướng? Vì Quán pháp vô ngã. Nếu còn ý niệm có công thì còn vướng tướng, khác nào phàm phu, không những không thoát khỏi mười pháp giới mà cả lục đạo cũng không thoát được. Phàm phu muốn thoát khỏi lục đạo rất khó vì họ còn “tôi đã làm biết bao việc tốt, tôi đã tích biết bao công đức”, vậy nên họ chỉ có thể hưởng thụ phước báo hữu lậu trong lục đạo mà thôi.

Muốn biến phước báo hữu lậu thành công đức vô lậu thì nói thật đến cái có công đức vô lậu cũng không được (bất khả đắc), mới thật sự được công đức vô lậu. Trong Luận Đại Thừa Khởi Tín Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta phải “Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên”. Ấy mới là công đức chân thật, còn như tâm ta còn mảy may phân biệt, chấp trước thì tất cả đều biến thành phước báo hữu lậu, làm được việc tốt nhiều, lớn cỡ nào cũng chỉ là phước báo hữu lậu.

Tôi tổng kết Tứ niệm xứ đức kết thành “nhìn thấu”, Tứ như ý túc thành “buông xả”. Nếu chúng ta không hiểu thế nào là nhìn thấu, buông xả thì phải tìm hiểu, học hỏi hai nhóm này thật kỹ càng. Thường có thể xem được bài giảng về hai nhóm này của Đức Thế Tôn trong các kinh luận Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Cho nên cổ Đại đức mới nói chư Phật, Bồ Tát thị hiện giảng kinh thuyết pháp ở thế gian hết thảy đều không ngoài 37 phẩm trợ đạo. Chúng ta không nên xem 37 phẩm trợ đạo là Tiểu thừa. Tông Thiên Thai, Đại Sư Trí Giả giảng Tạng, Thông, Biệt, Viên, 37 phẩm trợ đạo của Tạng giáo là Tiểu Thừa, 37 phẩm trợ đạo của Viên giáo là Đại thừa trong Đại thừa. Cho nên nói,

“Người thuyết pháp viên mãn thì không pháp nào là không viên mãn”.

Tóm lại, Tứ niệm xứ là sự quán sát của trí huệ. Sự quán sát này thật sự đúng đắn, giúp thấy được chân tướng nhân sinh, vũ trụ đúng, như ý nghĩa của lời dạy trong Tâm kinh “Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Nếu chúng ta giống như Bồ Tát thấy Ngũ uẩn đều không thì Tứ niệm xứ chính là phương tiện tốt nhất.

Ba điều Quán đầu thuộc về nhân sinh quan, dạy chúng ta quán biến hóa của tự thân, hiểu rõ ràng sáng tỏ bản thân; Quán sau cùng dạy chúng ta quán vạn sự vạn pháp của vũ trụ để từ đó hiểu rõ sự biến hóa vạn pháp. Tư tưởng kiến giải được như chư Phật Bồ Tát rồi sau mới có thể hội được; chư Phật Bồ Tát du hý thần thông trong mười pháp giới, còn chúng ta thọ nghiệp báo trong trong lục đạo, tạo thiện nghiệp thọ phước báo thiện, tạo ác nghiệp thọ báo khổ.

Trên thực tế, ý nghĩa Tứ niệm xứ không có tận cùng, chúng ta phải tỉ mỉ thể hội, chăm chỉ nỗ lực tu học. Mục tiêu của Tâm Kinh chính là quán Tứ niệm xứ. Chúng ta dùng trí huệ quán sát thế gian mới có thể biết được chân tướng pháp thế gian, mới có thể tu tâm thanh tịnh, mới có thể buông bỏ, không nhiễm tất cả pháp thế xuất thế gian. Không những không vướng nhiễm pháp thế gian mà cả pháp xuất thế gian cũng không vướng nhiễm. Kinh Kim Cang dạy rằng: “Pháp còn phải xả huông hồ phi pháp”, được vậy mới có thể từ từ khế nhập cảnh giới Phật, Bồ Tát. Như thế chính là cái gọi là “chuyển thân nghiệp báo thành thân nguyện lực”

Sống trong đời toàn tâm toàn lực giúp đỡ mọi chúng sanh đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyên phàm thành Thánh; tự mình hành thiện mà vẫn không để khởi lên ý niệm về sự hành thiện ấy thì đó chính là thanh tịnh thật, hoàn toàn không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta phải hướng về mục tiêu này tiến bước vì đây chính là “con đường thành Phật”.

Chánh cần trang nghiêm

Kinh văn: ***“Chánh cần trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp, thành nhất thiết thiện pháp.”***(Dùng chánh cần trang nghiêm, có thể đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện).

Đoạn này nói về “Tứ chánh cần” trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Chữ “cần” này là nỗ lực, bốn điều này là chánh pháp, chúng ta phải cố gắng, nỗ lực làm cho được.

“Chánh cần” có bốn pháp, bốn pháp này là hai cặp thiện – ác . Hai điều đầu tiên của tứ chánh cần là “Dứt trừ những điều ác đã sinh” và “ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh.” Đây là hai pháp đoạn lìa điều ác. Đầu tiên là pháp “đoạn diệt những điều ác đã sanh”, thứ hai là pháp “đoạn diệt cả điều ác chưa sanh”. Ác pháp đã sanh rồi thì phải phản tỉnh, còn ác pháp đã đang tạo tác thì phải lập tức đoạn trừ; còn đối với những ác pháp chưa sanh, chúng ta thấy người khác tạo ác, tự mình nhất quyết không được tạo. Hai điều này chính là hai điều chánh cần ác pháp. Ngược lại, đối với những thiện pháp đã được sanh ta phải tiếp tục, không ngừng nỗ lực giúp nó ngày một tăng trưởng; còn những thiện pháp chưa được sanh thì phải làm cho nó được sanh khởi. Hai điều này chính là hai điều chánh cần thiện pháp. “Tất năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp” ý nói hai điều ác pháp

đoạn lia đạt được hiệu quả thì tất cả ác pháp, bất thiện pháp đều được đoạn trừ cả. “Thành nhất thiết thiện pháp” hai điều thiện pháp cũng có thể thành sự thực hiện được.

Thế nhưng tiêu chuẩn thiện – ác là gì? Chính là bộ Kinh này đây. Mười thiện chính là phương tiện cơ bản nhất để bắt đầu, tức là gồm thân có ba, khẩu có bốn và ý có ba (nói gọn là “thân tam, khẩu tứ, ý tam”), mười điều thiện này tương ứng với thiện pháp, không tương ứng với mười thiện là ác pháp. Thân tạo sát, đạo, dâm; khẩu tạo vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ; ý có tham, sân, si. Đây chính là ác pháp. Phương tiện sơ cơ nhất của Tứ chánh cần chính là ở việc sử dụng công phu này; thực sự biết dụng công tức là khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta đều phải dựa vào tiêu chuẩn của mười điều thiện sửa mình, tuyệt đối đoạn trừ điều ác, về sau không tạo nữa, niệm niệm tăng trưởng, nỗ lực duy trì điều thiện.

Vậy đến khi nào mới có thể thành tựu tất cả thiện pháp? Chính là phần mở đầu của bộ kinh này dạy chúng ta “ngày đêm niệm thiện pháp”, ngày đêm nghĩa là không ngừng, “Tư duy thiện pháp” tức là ngày đêm không ngừng tư duy về thiện pháp, nghĩ về thiện pháp nghĩa là từ sáng đến tối trong đời nhân, xử sự, tiếp vật đều dùng mười điều thiện mà đối đãi. “Ngày đêm quan sát tất cả thiện pháp”, quan sát ở đây nghĩa là phụng hành, phải đặt cả tâm tư, suy nghĩ của mình thực tiễn trong mọi hành vi của cuộc sống, vậy mới được coi là thành tựu tất cả thiện pháp. Thiện pháp được thuần chân viên mãn rồi thì có thể chứng Vô thượng Bồ đề, đây chính là quả Phật cứu cánh viên mãn. Cho nên, bộ Kinh này, tuy không dài nhưng vô cùng quan trọng.

Chúng ta thử quan sát tượng Phật ở nhiều nơi, đặc biệt là những bức họa màu sắc, sẽ thấy phần đầu tượng luôn có một

vòng ánh sáng, đó là vòng tròn của sự viên mãn, còn ánh sáng tượng trưng cho trí huệ mà trí huệ này bao gồm cả phước đức. Chúng ta ca ngợi Đức Phật là “Nhị túc tôn”, “nhị” ý nói đến cứu cánh viên mãn của phước đức và trí huệ, ánh sáng tượng trưng cho ý nghĩa này. Trên vòng sáng có ba chữ, có khi viết bằng tiếng Phạn, cũng có khi viết bằng tiếng Trung, có khi viết bằng tiếng Tạng đọc là “Án – A – Hồng”. Ba chữ này chính là mười thiện nghiệp; trong đó “Án” là thân ba thiện, “A” là khẩu bốn thiện, “hồng” là ý ba thiện”. Từ đó có thể thấy, Thập thiện nghiệp từ sơ phát tâm cho đến quả vị Như Lai cứu cánh viên mãn. Phật dạy chúng ta điều gì? Phật dạy mười thiện nghiệp. Còn chúng ta học Phật thì học pháp nào? Cũng chính là học mười thiện nghiệp. Bởi vậy, trong nhà Phật, quả vị Đại thừa và Tiểu thừa có nhiều khác biệt mà khác biệt ấy chính là do trình độ tu học đạt được trong mười thiện không giống nhau mà ra.

Thế nào được gọi là “nhất thiết thiện pháp” (tất cả thiện pháp)? “Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả” chính là tương ứng với mười thiện. Mười điều thiện là sự, sự đối với lý, “lý sự không hai”. Trên lý mà quan sát, giống Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta “*Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch*”. “Quán pháp như hóa” là trí huệ Bát nhã, phải đoạn mười ác, tu mười thiện; đoạn ác tu thiện rồi thì mọi thứ đều là “như ảo như hóa”. Đoạn ác mà không chấp trước đoạn ác, tu thiện mà không chấp trước tu thiện chính là đã đạt đến thập trụ, thập hạnh của quả vị Bồ tát. “Tam muội thường tịch” chính là vĩnh viễn gìn giữ “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác” mà Kinh Lăng Nghiêm thường gọi là “*thường trụ chân tâm*”, thường trụ chân tâm thì sẽ hiện tiền. Mỗi người chúng ta đều có thường trụ chân tâm nhưng tiếc là bị nghiệp chướng che lấp nên không hiện ra được, còn cái hiện ra chỉ là vọng tâm.

Vì vậy, muốn đoạn hết thủy điều ác, tu tất cả điều thiện cần phải có Tứ chánh cần. Trong đời sống thường ngày, mọi lúc mọi nơi, niệm niệm đều phải sanh khởi điều này. Ý niệm vừa khởi, lập tức quán sát xem ấy là thiện niệm hay ác niệm; nếu là ác niệm phải tiêu trừ tức thì, nếu là thiện niệm thì sanh khởi. Tuy nhiên, chỗ này phải đặc biệt chú ý, dù đoạn ác hay tu thiện cũng không được chấp trước vì vốn con đường tu hành là con đường thuần chánh mà Pháp Đại thừa gọi đó là “trung đạo”. Trung đạo chính là Bồ tát đạo. Đoạn ác tu thiện mà còn phân biệt, chấp trước thì tuy chưa phải là Bồ tát đạo nhưng cũng là Thiên – Nhân thiện đạo vậy. Không còn phân biệt, không còn chấp trước chính là Bồ tát đạo, còn phân biệt nhưng không chấp trước là Nhị thừa đạo, so với Thiên – Nhân đạo thì cao hơn một bậc khác biệt chính là ở điểm này đây! Vì vậy, tôn chỉ duy nhất của quyển Kinh chính là dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức.

Sở dĩ phàm phu phải luân hồi vô lượng kiếp vì đây là kết quả của những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện đã tạo tác. Đoạn ác tu thiện là bước đầu của việc tu hành nên chúng ta phải phân biệt rõ ràng giữa thiện và ác. Hay nói một cách sâu sắc hơn phàm là bất kỳ việc gì chỉ vì bản thân ta thì đó là ác, việc làm vì chúng sanh thì đây là thiện. Cái gọi là “người không vì mình, trời chu đất diệt” người đời hay nói, nghĩa của nó có vẻ như nói con người khởi tâm động niệm thì phải vì bản thân, ấy là điều bình thường, có ai không vì bản thân mình đâu? Kỳ thực câu này đã làm tất cả chúng sanh ngộ nhận, vì Phật nói rằng người mà chỉ vì bản thân thì đây là ác. Câu nói ấy cũng cho thấy sự khác biệt giữa Đức Phật với người thế gian, và cũng là sự khác biệt giữa người giác ngộ và người chưa giác ngộ.

Vì sao Đức Phật lại dạy chúng ta những điều ấy? Trước hết, chúng ta phải biết mười pháp giới và lục đạo luân hồi được hình thành thế nào. Chúng ta nghe trong Kinh có câu “*Tất cả các pháp đều do tâm tưởng sanh ra*” nghĩa là tất cả đều do vọng tâm, phân biệt và chấp trước của chúng sanh biến hiện ra; còn Đức Phật Như Lai, Pháp thân Đại sĩ không có tâm vọng tưởng nên các vị ấy đều trụ tại Nhất chân pháp giới. Phật chia “tâm tưởng” thành ba loại gồm: Kiến tư, Trần sa và Vô minh gọi chung là “phiền não”. Trong Kinh Hoa Nghiêm thì Phật không dùng những từ đó mà gọi là vọng tưởng, phân biệt và chấp trước (vọng tưởng là Vô minh phiền não, phân biệt là Trần sa phiền não, chấp trước là Kiến tư phiền não). Khi chúng ta khởi sanh ba loại phiền não này tức là đang biến Nhất chân pháp giới thành mười pháp giới. Mười pháp giới có Tứ thánh Lục phàm, tên thường gọi của Lục phàm là Lục đạo luân hồi. Mà Lục đạo luân hồi được tạo thành là bởi sự chấp trước quá lớn của chúng sanh.

Nửa phần đầu bộ Kinh Kim Cang dạy chúng ta “ly tướng” tức là chấp trước, nửa phần sau dạy chúng ta “ly kiến” tức rời xa là “phân biệt”. Có thể hoàn toàn “ly tướng” tức là đạt đến “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng” sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi; nhưng nếu còn phân biệt thì cũng xem như vẫn còn “kiến”. Nếu có thể một bước nữa mà từ bỏ được Tứ kiến gồm “vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến” thì sẽ vượt khỏi mười pháp giới, chúng đắc Nhất chân pháp giới.

Thế nên Đức Phật mới dạy rằng khi khởi tâm động niệm mà chỉ biết bản thân mình thì chính là ác, vì khởi tâm động niệm mà chỉ vì bản thân thì chính là chấp tướng, là chấp trước kiên cố

vào ngã tướng. Nói cách khác, khởi tâm động niệm chỉ vì mình thì cái tâm ấy chính là tâm luân hồi, không thoát khỏi luân hồi lục đạo nên đó là ác. Vì vậy Phật khuyên chúng ta đem ý nghĩ này chuyển trở lại, khởi tâm động niệm là phải vì chúng sanh, vì Phật pháp. Thay đổi được ý nghĩ này thì đâu còn phân biệt vẫn có khả năng thoát khỏi lục đạo luân hồi, thậm chí có thể lên đến cảnh giới Tứ Thánh pháp giới. Còn phá được cả “Tứ kiến” thì đây là Pháp thân Đại sĩ, thoát khỏi hẳn mười pháp giới.

Cho nên, chúng ta phải thay đổi, phải sửa chữa những quan niệm, ý nghĩ sai lầm trước đó, giúp bản thân đến được Nhất chân pháp giới thì đời này mới không uổng phí, cuộc sống mới có ý nghĩa, có giá trị. Còn như không tiến bộ thì không thoát được luân hồi, càng không thể khế nhập Nhất chân pháp giới, đời người cứ mãi luân quần khác nào đắm chìm trong mộng ảo, vụn kiếp hồ đồ, sau khi chết luân hồi đầu thai, mà đầu thai thì đa số rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Muốn kiếp sau tiếp tục làm người, giữ được thân người đúng là chuyện chẳng dễ dàng nên nhất định phải hiểu được đạo lý này mà đoạn ác tu thiện.

Mà nói về đoạn ác tu thiện, Đức Thế Tôn là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Hành nghi của Phật Thích Ca Mâu Ni chính là hành nghi của Phật, Bồ Tát. So với tất cả pháp thế gian, đời sống của chư Phật Như Lai là đời sống chẳng nhiễm ô tạp và trải qua đời sống đơn giản nhất. Trước kia Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là hoàng tử, là người kế thừa vương vị đúng như câu “Thiên tử ca quý, giàu khắp bốn bề” nhưng Người từ bỏ mọi thứ hưởng thụ. Điều đó cũng như bài học cho chúng ta, phải biết buông bỏ tự tư tự lợi, danh tiếng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn.

Như Phật Thích Ca Mâu Ni mới thực là buông bỏ, thực là tu thiện. Cả đời Người tu những thiện gì? Vẫn không ngoài ba loại bố thí. Thế Tôn không có tiền tài, người chỉ dụng thân chịu mọi lao nhọc đi khắp nơi giảng dạy, giáo hóa chúng sanh, vì thế nhân mà phụng sự. Thân thể là “nội tài”, ấy chính là bố thí tài. Nội dung bài dạy là để giúp thế nhân khai ngộ, dạy người đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ. Ấy chính là bố thí pháp. An ủi chúng sanh khổ nạn, hòa mình vào họ, giúp họ sanh tâm hoan hỉ. Ấy chính là bố thí vô úy. Sự nghiệp cả đời Đức Thích Ca Mâu Ni theo đuổi cả đời là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa; Người dạy Bồ tát về Lục độ, Tứ nhiếp mà Người vốn đã tự viên mãn làm được rồi. Cả đời Người cho chúng ta thấy một tinh thần kính nghiệp viên mãn, từ khi thị hiện thành Phật đến lúc lìa khỏi thế gian tổng cộng có 49 năm, mỗi ngày Người mỗi giảng Kinh thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Đây chính là “Chánh cần” mà chúng ta nên học theo. Nên nói Đức Thích Ca Mâu Ni chính là tấm gương cho chúng ta noi theo. Mỗi ngày chúng ta cúng dường cho tượng Phật Mâu Ni Thích Ca, ý nghĩa chân thật của việc ấy chính là nhìn Người mà học tập, học không được thì phải biết xấu hổ. Nhất định phải chăm chỉ, nỗ lực học tập, không ngừng nâng cao thành tựu bản thân.

Kinh văn: **“Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc”** (Dùng thần túc trang nghiêm, thường khiến thân tâm nhẹ nhàng an lạc.)

Câu này ý nói đem mười thiện nghiệp thực hành vào “Tứ như ý túc”, “Tứ như ý túc” còn được gọi là “Tứ thần túc”. Chữ “túc” nghĩa là đầy đủ, thực sự đạt được cứu cánh viên mãn. “Thần túc” cũng tức là “tư duy”; còn chữ “như ý” thì tương đối dễ giải thích hơn, tức “Xứng tâm như ý” chúng ta quán sát tỉ mỉ

hai tên gọi “thần”, “như ý”, hai đầu của ngọc như ý quay lại với nhau, nên tên gọi “hồi đầu như ý” là vậy. Còn Phật dạy “quay đầu là bờ”, vậy nên hồi đầu chính là như ý. Bất kể chúng ta có địa vị xã hội cao thế nào, quyền lực, giàu có ra sao nếu biết hồi đầu thì chính là như ý. Phật pháp dạy là “nhìn thấu, buông xả”, Tứ Niệm xứ là nhìn thấu, Tứ thần túc là buông xả. Tứ thần túc gồm Dục, Niệm, Tấn, Huệ. phần nghĩa của bốn chữ này trong Kinh văn rất khái quát, trong từng trường hợp sẽ dùng theo cách khác nhau nên ý nghĩa cũng khác nhau.

Thứ nhất, “Dục”. Dục nghĩa là dục vọng. Tất cả chúng sanh đều có lớp lớp những mong cầu, lớp lớp những điều ngưỡng mộ, nếu không buông xả được những thứ ấy thì không cách nào ra khỏi lục đạo luân hồi; còn như có thể buông xả tất cả dục vọng sẽ đạt được đại tự tại. Thông thường, người ta đều nghĩ rằng nhờ sự thúc đẩy nào mà thế giới không ngừng tiến bộ? Chẳng phải là nhờ vào dục vọng sao? Vậy khoa học, kỹ thuật, công thương nghiệp phát triển đến tột cùng rồi sao nữa? Thì thế giới tận diệt, cùng đến chỗ tận (chết). Cho nên Phật dạy chúng ta buông bỏ, quay đầu thật chí lý vô cùng!

Con người cả đời quên mình theo đuổi dục vọng không chút nghỉ ngơi, áp lực lên thể xác lẫn tinh thần đều lớn mà những thứ hưởng thụ có được lại chẳng thấm vào đâu so với điều đã đánh mất! Con người tham cầu dục vọng cũng làm cho tham, sân, si ngày một nhiều hơn, cái giá phải trả đắt biết dường nào. Thử hỏi “chúng ta hưởng được cái gì?” Cho nên, nhìn không thấu, buông bỏ không được cũng không biết cuộc sống này từ đâu mà có, không biết ngày tháng trôi qua thế nào trong cuộc sống, thì thật tội nghiệp, thật đáng thương biết bao!

Phật Thích Ca Mâu Ni vốn xuất thân là hoàng tử, được kế thừa vương vị, sống cuộc đời giàu sang, hà tất phải xuất gia sống đời ngày ăn một bữa, ba y một bát, trú dưới cội cây? Là vì để dạy cho chúng ta tâm phải thanh tịnh, thân phải buông xả, không gánh nặng nào vướng bận thân, tâm. Cuộc sống đó mới thực là cuộc sống vui sướng nhất, mỹ mãn nhất và vui vẻ nhất. Đây chính thực là “thần túc”, “như ý”. Như ý có thể sanh thần thông, nên được gọi là “Như ý thông”.

Thế nào gọi là “thần thông”? Thần thông vốn là khả năng tự nhiên của chúng ta, thế nhưng vì đâu khả năng ấy không thể hiện tiền? Là vì thân tâm này quá căng thẳng khiến cho trí huệ, đức năng vốn có không thể hiện ra được. Nếu tâm không vướng việc, thân tâm nhẹ nhàng thì trí huệ, đức năng tự ắt hiện tiền. Cho nên, thần thông không phải là cái từ bên ngoài đến mà là tự tánh vốn có đủ của mỗi người. Trong Đại thừa thường nói rằng tâm tánh của chúng ta và của Đức Như Lai là một, không gì khác biệt, đều là tâm tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng.

Phật dạy chúng ta phải giác ngộ. Như trong mỗi niệm, chư Phật, Bồ tát đều cầu giác ngộ, cầu thông hiểu chân tướng nhân sanh, vũ trụ chứ không cầu hưởng thụ danh tiếng, lợi dưỡng của ngũ dục lục trần. Sống cuộc sống giản đơn nhất mới là phương thức cứu cánh nhất, hạnh phúc nhất và mỹ mãn nhất của đời người. Vậy mà không ai chịu hiểu đạo lý này! Ngày nay mà nói những điều này thì sẽ chẳng mấy người tin, chúng ta nhất định phải suy ngẫm sâu sắc, bình tâm quán sát chắc chắn có thể hiểu được. Kỳ thực, hết thảy những gì của thế gian này đều là phiền lụy, đến cả thân này cũng phiền lụy. Những vật ngoài thân càng nhiều thì càng thêm gánh nặng, mỗi ngày một thêm khổ não.

Cho nên chỉ cần chịu suy ngẫm về những điều Phật, Bồ tát thị hiện thì chúng ta xem như đã giác ngộ rồi.

Buông xả hết thầy, một lòng cầu giác ngộ, một đời vì tha nhân, không ích kỷ cho mình. Đó mới là niềm vui lớn nhất đời người. Cái gọi là “giúp người là gốc của niềm vui” nghĩa là giúp đỡ người khác chính là niềm vui thật sự. Còn như tham luyến hưởng thụ mọi danh lợi, ngũ trần lục dục mới thực là phiền khổ. Giữ tâm thanh tịnh, không có thứ gì (nhất vô sở hữu), thâm tâm thế giới tất cả đều buông bỏ, ấy mới là như ý, ấy mới là “thần túc” .

Phải làm sao mới có thể thật sự như ý? Buông xả được tức là như ý rồi. Buông xả ở đây không phải là buông xả hình tướng sự việc vì vốn hình tướng sự việc không có chướng ngại. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy “*Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”_ đây mới thực là chân tướng sự thật. Chướng ngại từ đâu mà có? Chẳng phải là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó sao? Cho nên, chỉ cần buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tự nhiên sẽ được tự tại.

Ngày nay, chúng ta ai cũng mong cầu thế giới được hòa bình, xã hội được an định, nếu thế giới không hòa bình, xã hội không an định thì không cần bàn cãi rồi, nhưng mấy ai có lòng mong cầu học đạo? Muốn đạt được mục tiêu thế giới hòa bình, xã hội an định nhất định phải thông qua việc dạy học là giáo dục của Thánh hiền. Tiếc là ngày nay chúng ta đã quên sạch lời dạy Thánh hiền, không những quên mà còn khuyến khích việc phản đối, vì cho rằng đó là những điều cổ hủ. Quan niệm sai lầm này cứ bám rễ sâu trong tâm của đại chúng nên thay đổi chúng khó khăn dường nào! Cho nên, giờ chúng ta muốn trợ giúp đại chúng, trước hết phải bắt đầu từ chính mình. Học một điều thì

phải thực hành một điều, phải làm cho được; làm được rồi mới khuyên giải người khác, có vậy họ mới tin. Sức ta nhỏ nhoi, nghiệp lực chúng sanh thì nhiều vô kể, vậy sao chúng ta chuyển lại được? Chuyển không được cũng phải chuyển! Chuyển mấy phần thì tính mấy phần, quyết không được nản lòng, không được bỏ cuộc.

Chúng ta không thể ảnh hưởng đến người là vì tâm ta chưa đủ thành, hành vi chưa đủ tốt. Còn như lòng thành ý thật, tu học như lý như pháp, tất cả đều vì chúng sanh, không lợi riêng mình thì đó chính là tiền phương tiện để tiếp dẫn chúng sanh. Cho nên, nhất định phải xa lìa dục sau đó mới có thể thành tựu đức năng của tánh đức. Vậy nên xếp “Tứ thần túc” sau “đoạn ác tu thiện” thì chúng ta mới thực sự hiểu ra giá trị quan của phàm phu hoàn toàn khác với Thánh nhân. Giá trị quan của Thánh nhân là giá trị quan chân thật, giá trị quan của phàm phu chỉ là hư vọng. Nếu chúng ta không cách nào đoạn ác tu thiện được thì cũng không thể nào thông hiểu đạo lý này; nhất định phải thông qua đoạn ác tu thiện mới có thể hiểu thế nào là sự tự tại của Phật, Bồ tát.

Thứ hai là “Niệm”. Chữ “niệm” này trong phần chú giải của Kinh luận được gọi là “Nhất tâm chánh trụ”, tức cũng là “Niệm như ý túc”. Theo cách nói này, người niệm Phật như chúng ta có thể hiểu được ngay cái gọi là “Nhất tâm bất loạn” mà Kinh Di Đà dạy. Khi Nhất tâm bất loạn thì Niệm đã như ý, đã tự tại rồi. Chữ “nhất tâm” tức là chân tâm, có vậy mới xứng là “chánh trụ” được. Trong Kinh Kim Cang, Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi Đức Thế Tôn rằng tâm phải an trụ chỗ nào? Nếu tâm không an trụ đúng chỗ sẽ không như ý, không tự tại, ấy gọi là tà trụ,

không phải chánh trụ. Chánh trụ là nhất tâm, tức “Nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo” mà Kinh Di Đà đã dạy.

Làm sao chúng ta mới khế nhập vào cảnh giới đó được? Pháp môn Tịnh độ tông thật vi diệu, chỉ nhờ một câu niệm chân thật “A Di Đà Phật” là có thể khế nhập rồi, mà mấu chốt của chân thật niệm chính là lòng thành. Chúng ta niệm Phật rất lâu nhưng không được nhất tâm chánh trụ. Nguyên nhân là không có lòng thành là còn nghi ngờ, còn xen tạp và còn gián đoạn nên công phu không đắc lực. Cương lĩnh của Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là tám chữ “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Trong đó, “Đô nhiếp lục căn” là nhất tâm, “tịnh niệm tương tục” là chánh trụ; trụ này là “Phật trụ”, Bồ tát cũng trụ ở Phật trụ. Thông thường, chúng ta nói Bồ tát trụ Lục độ, Thanh Văn trụ Tứ đế, Duyên Giác trụ Thập nhị nhân duyên; “trụ” này là ý nói giữ tâm. Thiên Nhân trụ Thập thiện, Tứ vô lượng tâm, từ- bi -hi- xả. Chỉ có tâm của chúng sanh trong Tam đồ là trụ ở tham, sân, si vì cứ khởi tâm động niệm là có tham, sân, si.

Cho nên, nếu tự tâm chúng ta cứ khởi tâm động niệm liền nghĩ đến tự tư tự lợi, tham, sân, si, mạn, gây thị phi nhân ngã, thì tương lai chắn chắc rơi vào tam ác đạo, đường phải đi sẽ là địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo và súc sanh đạo. Phải biết đời người ngắn ngủi, một trăm năm vừa khảy móng tay là đã qua, rồi sau này sẽ đi đâu về đâu? Đến ác đạo! Chúng ta chọn ác đạo thì đó là tự làm tự chịu, không can dự tới ai mà cũng không ai giúp được chúng ta. Chúng ta thành Phật hay xuống Địa ngục hoàn toàn đều là việc tự mình ra cả, không ai có thể làm giúp cũng không ai có thể cản trở; kể cả Phật, Bồ tát cũng không cách nào giúp được. Đạo lý này nhất định phải hiểu cho thấu đáo.

Phật, Bồ tát từ bi, gia trì cho chúng sanh vì muốn khuyến dạy chúng sanh. Chúng ta có thể tiếp nhận sự khuyến dạy ấy, có thể lãnh ngộ, chừa bỏ điều lỗi, tu sửa bản thân thì chính là “hồi đầu thị ngạn” (quay đầu là bờ). Phải quay đầu từ đâu? Từ trong lục đạo luân hồi, mười pháp giới quay đầu hướng về Nhất chân pháp giới. “Bờ” là đây chứ còn đâu! Còn trong lục đạo, mười pháp giới là vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; quay đầu chính là từ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, từ bỏ lục đạo! Nghiệp nhân quan trọng nhất của lục đạo luân hồi là kiến tư phiền não, từ kiến tư phiền não mới tạo nên lục đạo luân hồi. Kiến hoặc quy nạp thành năm loại lớn gồm: Thân kiến, Biên kiến, Kiến Thủ kiến, Giới Thủ kiến và Tà kiến. Còn Tư hoặc o cũng gồm năm loại: tham, sân, si, mạn và nghi. Chúng ta buông xả được hoàn toàn Kiến tư phiền não, từ đây quay đầu chính là mười thiện nghiệp.

Nếu không thể hiểu được Kiến tư phiền não thì chúng ta chỉ cần nhớ theo cách đơn giản nhất rằng đó chính là mười thiện nghiệp. Trái ngược với mười thiện nghiệp là mười ác nghiệp. Từ sát, đạo, dâm quay đầu lại là không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục. Từ vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu quay đầu lại là cả đời không vọng ngữ, không lừa mình dối người, không ác khẩu, không lưỡng thiệt và không ỷ ngữ. Như thế mới chính thật là quay đầu. Quay đầu thành Phật, thành Bồ tát tức là không làm phàm phu nữa. Ý có ba điều là: tham, sân, si. Từ tham, sân, si quay đầu lại là không tham, không sân, không si. Không những không tham tất cả pháp thế gian mà cả pháp xuất thế gian cũng không tham thì niệm xem như đã thanh tịnh rồi. Lúc này mới thực là “nhất tâm chánh trụ”, đối xử với tất cả chúng sanh giống như với chư Phật, Bồ tát.

Khi giáo hóa chúng sanh, nếu họ là chủng tánh Bồ tát thì chúng ta dùng Lục độ để giáo hóa; nếu họ là chủng tánh Thanh Văn thì dùng Tứ đế dạy họ; họ là chủng tánh Thiên Nhân thì dùng mười điều thiện, Tứ vô lượng tâm dạy họ. Đó chính là những phương tiện giáo hóa chúng sanh. Vậy nhất tâm chánh trụ của bản thân thì có chướng ngại hay không? Chắc chắn không, vậy nên mới có thành tựu vô lượng vô biên công đức chân thực được.

Vậy cuối cùng thì tâm của chúng ta an trụ ở đâu? Trong Kinh Kim Cang có dạy: “Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”(đừng trụ vào đâu cả mà sanh cái tâm). “Vô sở trụ ”mới thực là chánh trụ, khi ấy mới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt và cũng không chấp trước. Đây không phải việc phàm phu làm được nên Phật mới vì chúng ta mà thuyết giảng tám mươi bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Đó là phương tiện. Nên hiểu rằng pháp chân thật thì không thể nói thành lời, Phật có thể giảng những điều ấy, có thể biểu hiện ra thì ấy toàn là pháp phương tiện.

Cho nên, trong Kinh Phật mới dạy chúng ta là “Pháp còn phải xả, huống hồ những thứ không phải pháp?” Người thông minh thì có thể từ phương tiện mà ngộ nhập chân thật. Đây chính là chân đế dạy học của Phật. Không có phương tiện, chúng ta không biết bắt đầu từ đâu, nên pháp phương tiện là phải dùng, không được chấp trước. Trong Kinh có dẫn một ví dụ rất hay, như lúc qua sông chúng ta phải có thuyền thì thuyền chính là pháp phương tiện; qua sông rồi thì không cần thuyền nữa. Phật pháp cũng như thuyền, chúng ta có thể dùng nó nhưng không chấp trước nó. Chấp trước là sai rồi nên mới có câu

“Pháp còn phải xả, huống hồ những thứ không phải pháp?” Tâm ta phải giữ thanh tịnh, chẳng nhiễm chút bụi trần.

Đại sư Lục Tổ Huệ Năng có câu rất hay “Bản lai vô nhất vật” (nghĩa là “trước giờ vốn không có vật nào”), “bản lai vô nhất vật” tức là “ung vô sở trụ” mà Kinh Kim Cang đã nói tới. “Nhi sanh kỳ tâm” là sanh tâm độ hóa chúng sanh, “vô trụ” với “sanh tâm” là một chứ không phải hai thứ khác biệt. Phàm phu chúng ta sanh tâm thường có trụ, còn nếu vô trụ thì không thể sanh tâm, cứ luôn ở hai bên không hợp lại được. Sanh tâm và vô trụ của Phật, Bồ tát thì là một không phải hai. Chúng ta cứ lãnh hội từ từ mới mong lãnh hội được chút ít tư tưởng và ý nghĩa của Viên giáo.

Có – không là hai trạng thái diễn ra cùng lúc, nó cũng là điều Đại thừa thường nói: “Bất nhị pháp môn”. Cho nên Ông Âu Dương Cảnh Vô có nói là “Phật pháp không phải tôn giáo, cũng không phải Triết học, Phật pháp chính là Phật pháp, không có bất kỳ pháp môn thế gian nào có thể sánh bằng”. Nguyên nhân vì đâu mà không thể sánh bằng? Thế pháp được sanh ra từ ý thức, còn Phật pháp là từ chân tánh mà hiển lộ ra. Vậy làm thế nào chúng ta mới khế nhập được cảnh giới ấy? Phải dụng “nhất tâm”, còn hễ khởi lên ý nghĩ thì là “hai tâm”. Chỗ này cần phải ghi nhớ, với người thông thường mà nói, khởi niệm là vọng tưởng, còn không khởi niệm là vô minh, cả hai thứ ấy đều không phải “nhất tâm”; phàm phu nếu không phải rơi vào vọng tưởng thì cũng là sa vào vô minh.

Vậy rốt cuộc chân tâm là gì? Là “Tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch, tịch chiếu đồng thời” (nghĩa là lặng nhưng thường soi chiếu, soi chiếu nhưng thường lặng, lặng và soi chiếu là cùng lúc). Trong đó, “tịch” là vô trụ, chiếu là sanh

tâm. “Tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch” chính là “Vô trụ sanh tâm, sanh tâm vô trụ”. Ví như khi chúng ta giúp đỡ cho tất cả chúng sanh khổ nạn thì phải tận tâm tận sức, cố gắng nỗ lực, lúc đương giúp hay khi đã giúp rồi thì vẫn giữ tâm thanh tịnh, không chút nhiễm trần thì đó chính là cảnh giới “tịch chiếu song dung”. Người phạm không đạt được cảnh giới này vì cứ khi làm được một vài việc tốt thì lại cảm thấy mình đã làm được rất nhiều việc tốt rồi, công đức lớn lắm rồi, niệm niệm không quên. Đây chính là chấp tướng, tâm không thanh tịnh. Làm với không làm là chỉ là một, không phải hai. Nhất định không được chấp tướng, không những không chấp trước mà ngay cả phân biệt, vọng tưởng cũng không được có. Vậy mới gọi là “nhất tâm chánh trụ”, tâm niệm của chúng ta được tự tại, như ý.

Hai điều phía trước là quan trọng nhất trong Tứ thần túc là Dục và Niệm, đặc biệt là Niệm. Thật sự mà nói, chúng ta vô cùng may mắn nên trong vô số pháp môn có thể gặp được phương tiện pháp môn Tịnh Độ dạy chúng ta đặt tâm hằng trụ vào một câu Phật hiệu. Vậy là có niệm hay không? Có niệm. Đó chính là dùng một niệm để dừng lại tất cả vọng niệm. Bất kể làm việc gì trong tâm chỉ luôn có “A Di Đà Phật”. Ví dụ, chúng ta tu Lục độ, Lục độ áp dụng thực tế đời sống, trong tâm ta niệm “A Di Đà Phật”; chúng ta đối người xử việc tiếp vật, học Tứ nhiếp pháp, trong tâm cũng là “A Di Đà Phật”; Đoạn mười ác, tu mười thiện trong tâm vẫn là “A Di Đà Phật”. Tất cả những thứ chúng ta tu học được đều quy về một câu “A Di Đà Phật”. Trong tâm chỉ có “A Di Đà Phật”, ngoài “A Di Đà Phật” không khởi lên niệm thứ hai nào khác, ấy chính là người biết niệm Phật, chắc chắn vãng sanh. Mỗi niệm nắm chắc “A Di Đà Phật” thì “A Di Đà Phật” chính là mệnh căn của chúng ta, chỉ có “A Di Đà Phật” là chân thật, tất cả những điều khác đều là hư vọng,

ấy gọi là “chân thật niệm Phật”. Điều này quan trọng hơn hết thảy mọi điều.

Chúng ta nhất tâm trụ tại “A Di Đà Phật”, không phân biệt, không chấp trước cũng không gián đoạn. Trong đời sống sinh hoạt thường ngày phải y theo lời dạy trong Kinh, quyết không làm trái. Chúng ta đề ra năm khoa mục: một là, “Tịnh nghiệp Tam phước”, hai là “Lục hòa kính”; chúng ta phải thật làm! Người bất hòa với ta, ta vẫn hòa kính với người. Mỗi người đều có con đường riêng của mình. Người bất hòa với ta thì người sẽ đi vào lục đạo, ta hòa kính với người nên chúng ta được vào thế giới Cực Lạc. Ta có thể giúp người thì tận lòng tận sức giúp nhưng thực tế nếu không giúp được cũng không bị người bị liên lụy, người bị đọa tam đồ ta đâu thể nào cứ theo cùng. Đó chính là điều Phật thường dạy, trước phải tự độ mình, mình còn không độ được mình mà muốn độ cho người là điều không thể.

Ba là “Tam học” tức là Giới – Định – Huệ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất cụ thể, “Khéo giữ tam nghiệp” là Giới học, “Tam muội thường tịch” là Định học, “Quán pháp như hóa” là Huệ học.

Bốn là “Lục ba la mật” và thứ năm là “Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện vương”. Chúng ta sống, làm việc, đối nhân, xử thế, tiếp vật đều phải tuân thủ năm khoa mục này. Đó là Bồ tát đạo. Người khác không đi, chúng ta đi! Chúng ta biết đây là Bồ tát đại đạo thì phải đặt tâm mình trụ vào đấy. Ấy là lợi tha; còn một câu “A Di Đà Phật” là tự lợi. Tự lợi và lợi tha đồng thời, tự lợi chính là lợi tha, lợi tha chính tự lợi, niệm niệm không quên “A Di Đà Phật”.

Thứ ba là “Tấn”. “Tấn” là tinh tấn, không ngừng tiến bộ, tiến bộ là tự tại, là niềm vui; thoái lui là ngã lòng nản chí, là khởi sanh phiền não. Chân tinh tấn là tâm phải thanh tịnh bình đẳng và từ bi. Chúng ta phải cầu tiến bộ ở những phương diện này còn những thọ dụng vật chất và tinh thần thì không cần phải cầu vì vốn nó đã ở ngay trong đấy rồi. Đây chính là điều nhà Phật thường nói: “trong công đức có phước đức nhưng trong phước đức không có công đức” nên Phật dạy chúng ta phải tu tích công đức là vì vậy. Công tức là thực hành công phu, nhưng công phu gì? Buông xả chính là công phu. Buông xả vọng tưởng, chấp trước, buông xả hết thấy điều ác. Ấy là “công”. Trí Huệ, đức năng và những thọ dụng chúng ta có được đó đều là đức. Chúng ta tu công tự nhiên sẽ có đức; không tu công mà vọng tưởng cầu đức thì chắc chắn cầu không được.

Cầu tinh tấn chú trọng ở “tinh”, tinh là thuần mà không tạp. Nếu không tinh tấn, chắc chắn không thể thành tựu. Chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm biết Thiện Tài Đồng Tử trong hội của Bồ tát Văn Thù được xem là chuyên tinh tấn, nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập đến khi nào mới được xem là quảng học đa văn? Đến khi hoàn thành tam học giới – định – huệ thì trí huệ mở rồi, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân. Đây là Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo. Vậy là Kinh luận chỉ dạy rất rõ ràng, ở trình độ chưa phá một phẩm vô minh thì chưa có tư cách tham học, chưa có tư cách quảng học đa văn.

Trong Tứ hoằng thệ nguyện trình bày rất rõ: một là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, hai là “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Phiền não là Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não và Vô minh phiền não. Vô minh phiền não cũng phải phá được mấy phần mới có thể bước vào giai đoạn ba của Tứ hoằng

thệ nguyện, đó là “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Chúng ta vừa mới học liền muốn được quảng học đa văn nên dốc hết tâm tư, tinh lực đến sau cùng lại chẳng thành việc gì cả. Đó là do không nghe Phật Đà dạy. Cuối cùng là “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Vậy làm sao để thành Phật đạo? Thiện Tài Đồng tử sau cùng là tham phỏng Bồ tát Phổ Hiền. Bồ tát Phổ Hiền “dùng Thập đại nguyện vương mà hồi quy Cực Lạc” thì thành tựu Phật đạo vô thượng. Vậy là, mọi thứ đã bày sẵn trước mắt cho ta, chúng ta không thể y giáo phụng hành thì thật đáng tiếc biết bao! Cho nên, phải biết tinh tấn không ngừng thì mới được tự tại.

Thứ tư là “Huệ”, tức là tự tánh trí huệ bất nhã khởi dụng. Tâm không tán loạn hay còn gọi là “nhất tâm bất loạn”, “tâm bất điên đảo” như trong Kinh Di Đà dạy. Trong Tứ thần túc, “Niệm” là “nhất tâm bất loạn” còn “Huệ” là “tâm bất điên đảo”; được vậy mới đạt được đại tự tại, được mọi việc như ý. Vì bốn điều này có thể phát thần thông nên gọi là “Thần túc”, “túc” là biểu hiện cho ý nghĩ viên mãn. Chúng ta sau khi thấu suốt đạo lý này thì cũng sẽ hiểu cách tu thế nào.

Chướng ngại lớn nhất của phàm phu khi tu hành chính là chấp ngã và chấp pháp. Chấp ngã tạo ra phiền não chướng, Chấp pháp tạo ra sở tri chướng. Cho nên Phật dạy chúng ta trước hết là phải xả bỏ chấp ngã, mới mong tìm được cái “ngã” chân thật. Cái “ngã” này là cái “ngã” của “thường lạc ngã tịnh” mà Kinh Phật hay nói đến, còn trong Thiên tông gọi cái “ngã” đó là “phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục” (mặt mũi như vốn có trước khi cha mẹ chưa sinh ra). Đó mới thực là chính mình. Còn như cứ chấp cái thân này là “ngã” thì vĩnh viễn sẽ không tìm được “chân ngã”. Thân này đều là giả, không có gì là thực,

sinh diệt theo từng sát na. Xả bỏ những cái giả, cái thật ắt hiện tiền. Vì vậy, có thể y theo Tứ thần túc tu học tức là có thể “hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc”(thường khiến thân tâm nhẹ nhàn an lạc). Đây đã là thọ dụng rồi đó.

“Khinh an” là cảnh giới đầu tiên chứng được của người tu học Phật pháp, được thân tâm an lạc, lìa xa phiền não. Thân thể phàm phu nặng nề là do phiền não tạp khí quá nặng, không được khinh an. Khi chúng ta tự mình tu học công phu đắc lực, cảnh giới khinh an tự ắt hiện tiền nhưng khoảng thời gian đó rất ngắn, không thể giữ lâu. Rất nhiều đồng tu sẽ có cái trải nghiệm tương tự vậy, đặc biệt là lúc tụng kinh niệm Phật, thỉnh thoảng trong khoảnh khắc nào đó sẽ thấy thân tâm trong lành tự tại. Có người đang niệm Phật, đột nhiên cảm giác thân thể không còn nữa rồi, vô cùng dễ chịu, đây đều là cảnh giới khinh an. Nhưng làm thế nào duy trì được vĩnh viễn_ đó mới là công phu!

Tại sao có hiện tượng này? Vì lúc đó trong ta không có vọng niệm, cũng như lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước; nhưng ngay sau sát na ấy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước lại khởi lên, cảnh giới này liền không còn. Tuy thời gian thị hiện ngắn ngủi song đã chứng minh những điều Phật giảng về cảnh giới này là có thật. Cảnh giới này mới chính là chân thật thọ dụng, người thường trụ trong cảnh giới này thì đầu óc sáng suốt, nhìn thấu rành mạch hết thấy những biến hóa của tất cả chúng sanh ở thế gian , nó giống như câu nói “người trong cuộc thì tối, người ngoài cuộc thì sáng”. Năng lực này được gọi là “thần thông”.

Vậy sao chúng ta không thấy rõ điều này mà người khác thì có thể? Vì họ đã giác ngộ còn ta vẫn mê lầm, nên những người giác ngộ ấy có thể giúp được cho những người còn mê

lâm, điên đảo như chúng ta bằng cách khuyên dạy để chúng ta cầu giác ngộ. Cầu giác ngộ mới thực là cách đúng đắn để giải quyết vấn đề. Không ỷ lại vào người, dựa vào chính mình; không cần người chỉ điểm, tự mình biết rõ hơn hết thì thật tốt biết bao nhiêu!

Vậy nên, nhất định phải tu “Tứ niệm xứ”, “Tứ Niệm xứ” là nhìn thấu, thuần túy là trí huệ; tu Tứ chánh cần là đoạn ác tu thiện; tu Tứ như ý túc là buông xả mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi sau mới thực sự đạt được dục tự tại, niệm tự tại, tinh tự tại, huệ tự tại. Những đại tự tại này thật sự có thể chúng được nhưng bao giờ mới chứng đắc? Nó hoàn toàn tùy thuộc vào cá nhân ta. Chúng ta thật tinh tấn thì chứng đắc sớm một ngày, chúng ta lười nhác thì chứng đắc trễ một ngày. Cái “trễ một ngày” này thật ra là rất lâu, có thể là kiếp sau, hoặc kiếp sau nữa, cũng có thể là vô lượng kiếp về sau. Vì vậy, không tinh tấn ắt đọa lạc, nhất định phải tinh tấn không biếng nhác mới được thành tựu.

Ngũ căn trang nghiêm

Kinh văn: “*Ngũ căn trang nghiêm cố, Thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chư phiền não*”(Dùng ngũ căn trang nghiêm, lòng tin sâu kiên cố, tinh cần không biếng nhác, thường không mê vọng, tĩnh lặng điều hòa, đoạn tất cả phiền não).

Đoạn này giảng giải về việc chúng ta về việc vận dụng mười thiện nghiệp vào thực hành trong Ngũ căn thì sẽ được những lợi ích công đức thù thắng, cũng tức là chữ “trang nghiêm” mà trong Kinh hay nói đến. “Thâm tín kiên cố” (lòng tin sâu kiên cố). Đây là nhu cầu cấp bách trong việc tu học của

chúng ta ngày nay. “Tinh cần phi giải” (tinh cần không biếng nhác” cũng là mong muốn của chúng ta. “Thường vô mê vọng” (thường không mê vọng) là trí Huệ hiện tiền. “Tịch nhiên điều thuận” (tĩnh lặng điều hòa) là công phu chân thật. “Đoạn chư phiền não” (đoạn hết phiền não) là quả đức.

“Ngũ căn”, thế nào là “căn”? Cái này Thế Tôn phải dùng một ví dụ để giảng; giống như cây cối có gốc rễ mới sinh trưởng, phát triển, ra hoa, kết quả. Ngũ căn của chúng ta là “Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ”, cũng là năm điều gốc rễ của Vô thượng Bồ đề; nếu không có những điều gốc rễ này thì tu hành không thể thành tựu. Sắp xếp theo thứ tự trước sau, một là “Tín”, hai là “Tinh tấn”, nếu không “Tín” thì không thể nào “Tấn” được; không có “Tấn” thì cũng không có “Niệm”. Do vậy Kinh Hoa Nghiêm có nói “Tín vốn là mẹ sanh ra công đức, nuôi dưỡng tất cả thiện căn”. Câu nói này ẩn chứa đạo lý lớn vô cùng.

Chúng ta muốn vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì điều kiện tất yếu là “Tam tư lương”. Không đủ ba điều kiện này thì dù mỗi ngày niệm mười vạn lần câu Phật hiệu thì cũng chỉ là kết được một thiện duyên với thế giới Tây Phương Tịnh Độ, đời này chắc chắn không thể vãng sanh. Tam tư lương chính là: “Tín”, “Nguyện”, “Hạnh” mà “Hạnh” tức chỉ lòng thành niệm Phật, đoạn hết tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện. Người xưa dạy “Thành tâm niệm Phật là chánh hạnh, đoạn ác tu thiện là trợ hạnh”; càng quan trọng hơn là lời dạy của Đại sư Liên Trì và Đại sư Ngẫu Ích “Chánh – Trợ không hai, Chánh – Trợ phải song tu”, quyết không thể xem nhẹ cái “Trợ” ấy, thế mới mong thành tựu.

Thứ nhất, “Tín căn”. “Tín” là gì? Giáo hạ thường nói “*U chur đế lý, tín nhĩn nhạo dục*”. Chữ “*đế lý*” nghĩa là chân lý theo cách nói đời nay; đã là chân lý, đạo lý chân thật, chúng ta phải tin tưởng. Chữ “*nhĩn*” trong “*Tín nhĩn*” có ý khẳng định; chúng ta tuy tin rồi nhưng chưa thể khẳng định thì cái “*tín*” ấy là chưa có căn. Không những phải khẳng định mà còn phải vui thích với niềm tin ấy, rồi sau mới vận dụng vào thực tế thì “*Tín*” ấy mới là có “*căn*”. Chữ “*Dục*” ở đây là mong muốn, biến niềm tin thành mong muốn của mình. Chúng ta tin vào Đức Phật A Di Đà, tin vào thế giới Cực Lạc; sau khi tin rồi thì lòng phải khẳng định, vui thích rồi biến nó thành mong muốn của mình: “*tôi một lòng muốn sanh ở thế giới Cực Lạc, một lòng hi vọng muốn được gần Phật A Di Đà*”. “*Tín*” có “*căn*” chính là như thế. Như vậy, ta đã hiểu tại sao người niệm Phật nhiều nhưng được vãng sanh thì ít, nguyên nhân vì những người tu theo pháp môn niệm Phật ấy có tin, nhưng không thể khẳng định.

Lấy ví dụ rõ rệt nhất, ngày nay chúng ta tu Tịnh Độ tông dựa theo bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ nhưng có một số người đặt nghi vấn về bản hội tập này, thế là rất nhiều người tín tâm niệm Phật bị dao động. Như vậy thì gọi là có “*tín*” nhưng không có “*nhĩn*”, tất nhiên càng không thật vui thích muốn làm. Nếu không ai đặt lời dị nghị, có lẽ cái “*tín*” của người niệm Phật cũng được vun đắp dần, rồi họ cũng có thể vãng sanh; thế nhưng người đặt lời dị nghị đã làm thiện căn của họ bị phá sạch. Phải hiểu là, những người đặt lời dị nghị vốn không thể phá nổi Phật pháp, cũng không thể phá nổi người tín tâm sâu dày, chỉ những ai tín tâm yếu kém mới bị phá hỏng vì những người tín tâm sâu dày thì cái “*tín*” của họ có “*căn*”, dù ai có lý lẽ cỡ nào họ cũng không bị dao động. Việc này là Đại sư Thiện Đạo đã nói trong

Chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ.

Kinh văn mà hội tập trích ra, từng câu từng chữ đều là lời Phật, không phải do người bản hội đặt thêm; mỗi câu mỗi chữ đều căn cứ y theo năm loại bản gốc trích dịch ra. Ví như có hoài nghi gì với bản hội tập này, có thể không dùng và chọn dùng bản dịch gốc. Căn tánh chúng sanh không giống nhau, nên Phật độ chúng sanh không chỉ dùng một pháp môn mà là vô lượng pháp môn. Phật giảng nhiều pháp môn vậy là để thích hợp với từng căn tánh của chúng sanh. Chúng ta tự xem pháp môn nào thích hợp với căn tánh của mình, nhìn thấy liền sanh tâm hoan hỉ và xem có thể hiểu thì tức là nó với ta có duyên nên có thể khế hợp với căn cơ của mình.

Hiện nay bên ngoài đang lưu hành bản dịch, hội tập, tiết lục hiệu chỉnh “Kinh Vô Lượng Thọ”, tổng cộng có chín bản và bản nào cũng tốt cả vì vốn “pháp môn bình đẳng, không phân cao thấp”. Hội tập là lời Phật giảng mà dù cho không phải lời Phật giảng đi nữa, chỉ cần phù hợp với pháp ấn của Phật thì Phật cũng sẽ thừa nhận đó là Kinh Phật. Tấm lòng của Phật rộng mở biết bao! Cái gì gọi là “Pháp ấn”? Tiểu thừa Tam pháp ấn gồm Vô thường, Vô ngã và Niết bàn; Đại thừa Nhất pháp ấn là thực tướng, thực tướng là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Điều mà thực tướng nói đến là chân tướng vũ trụ nhân sanh và Chư Phật Như Lai cũng dạy về chân tướng vũ trụ nhân sanh, cho nên đó đều là Kinh Phật.

Ngày nay tín đồ Phật giáo dù tại gia hay xuất gia cũng đều tin tưởng vào Đức Phật, nhưng cái “tín” ấy có căn không? Không hề có! Tuyệt đại đa số đều là “mê tín”. Vì sao lại nói là “Mê tín” là gì? Vì “Phật” là gì, “Giáo” là gì, rồi “Phật giáo” là

gì họ cũng đều không nắm rõ. Họ thấy tượng Phật, tượng Bồ tát thì bái lạy, lại còn rất thành khẩn nhưng cái gì họ cũng không hiểu, không biết. Họ bái lạy vì họ muốn cầu phước, mong quý thần giúp đỡ họ, xem quý thần như Phật, Bồ tát, chẳng khác biệt gì. Phật, Quý, Thần không phân biệt được. Như thế thì chính là mê tín rồi. Cho nên, trước đây một số vị Đại đức đề xuất “chánh tín” là vì vậy. “Chánh tín” là gì? Hiểu rõ ràng, căn kẽ đạo lý Phật pháp, dụng những đạo lý ấy làm cái cơ bản cho mình thì ấy là “chánh tín”. Chánh tín khác với mê tín. Phật tử có chánh tín thì cái “tín” ấy có căn không? Chưa biết được, vì nếu họ học nhiều, rất tạp thì không có căn; còn có căn thì chắc chắn là chỉ chuyên học một pháp môn, huân tu lâu dài.

Cho nên, “tín” phải có “căn”, có đủ bốn mức độ “Tín – Nhân – Nhạo – Dục”. “Nhân” là khẳng định, chẳng nghi hoặc, nếu có nghi hoặc thì “tín” bị gián đoạn, không thể đạt đến “nhân”, còn đạt đến “nhân” thì đã đoạn được nghi rồi. Không có nghi rồi, cũng khẳng định được rồi thì ta có vui thích không? Trong tất cả các pháp môn thế xuất thế gian, ta thích pháp môn nào? Có người thích danh tiếng, lợi dưỡng; có người thích ngũ trần lục dục, có người thích của cải giàu có. Còn nếu ta thích Phật pháp thì thích đến độ nào? Ví dụ hôm nay có một vị pháp sư đến đây thuyết pháp, nhưng lại có người nói với ta là nếu đến đằng kia thì sẽ kiếm được một triệu đô la Mỹ, ta liền lật đạt đến ngay đó, vậy là chúng ta thích tài phú hơn chứ không phải thích Phật pháp hơn. Nếu chúng ta không đi mà ở lại nghe thuyết pháp thì đó mới thực là “chân lạc”. Nên có thể thấy rằng để “tín” có “căn” là không phải dễ dàng; kiên quyết không để cảnh giới bên ngoài tác động, cảm dỗ thì “tín” mới có “căn” được. “Dục” nghĩa là có được niềm vui trong pháp, hay còn gọi là “pháp hỉ sung mãn”.

Tín tâm là tánh đức quan trọng nhất trong tự tánh, phàm phu làm mất tự tánh rồi thì tánh đức không thể hiện tiền. Phật, Bồ tát giúp đỡ, khai thị cho chúng ta là để dạy chúng ta thoát được tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để rồi tánh đức của chúng ta khôi phục, minh tâm kiến tánh, nhờ đó mà giác ngộ chân tướng nhân sanh, vũ trụ. Nên nói “Tín căn” từ chỗ này mà sanh ra.

Phật thường dạy, người thượng thượng căn thì phiền não nhẹ, trí huệ ngày thêm tăng, nghe Phật pháp liền thâm tín chẳng chút nghi ngờ; người hạ hạ căn tuy chưa được trí huệ nhưng do đời quá khứ có thiện căn phước đức, nhân duyên sâu dày, gặp được thiện tri thức tin càng sâu và cũng chẳng chút nghi ngờ. Người hạ hạ căn thường thuộc nhóm những người thành thật, họ tin tưởng Thầy giáo là người có đức hạnh, có trí huệ. Vì tin tưởng Thầy dạy quyết không lừa gạt chúng sanh nên họ hoàn toàn nghe theo lời khuyên dạy của Thầy, không chút nghi ngờ. Những người này sẽ rất dễ thành tựu. Các trường hợp thành tựu ấy được dẫn ví dụ rất nhiều trong sách, đặc biệt tu với pháp môn Tịnh Độ, ta thấy họ là những người được vãng sanh “tướng lành hy hữu”. Họ đều là những người thành thật, một lòng thâm tín chẳng ngờ Kinh điển Phật pháp, y theo giáo pháp tu hành nên mới có được thành tựu thù thắng ấy. Họ là những minh chứng cho cái gọi là “tác chứng chuyên”.

Lâm Trường Trần Quang Biệt của “Hội Phật giáo Cư sĩ Lâm ở Singapore” dự biết là ngày mùng 7 tháng 8 mình sẽ vãng sanh, nên trước đó ba tháng đã viết rất nhiều lần “mùng 7 tháng 8” ra giấy. Trường hợp này chính là “tướng lành” mà chúng ta tận mắt chứng kiến được. Một số oan gia trái chủ của Lâm Trường Trần mượn thân một vị cư sĩ họ Đỗ, khi thấy Lâm

Trưởng Trần niệm Phật lúc vãng sanh, họ không những không quấy phá mà còn hết lời tán thán, còn mong được đến Cư Sĩ Lâm để quy y nghe pháp. Cả lần một và lần hai của Cư Sĩ Lâm đều lấp ti vi, mở video giảng Kinh Địa Tạng và Thập Thiện Nghiệp Đạo liên tục 24 giờ trong ngày để họ có thể nghe Kinh. Đây là yêu cầu của oan gia trái chủ của Lão Lâm Trưởng. Bởi vậy nếu chúng ta không cố gắng tu học Tịnh Độ nghiêm túc thì khác nào thua cả ma quỷ! Chuyện này mới xảy ra đây và hoàn toàn là sự thật.

Cho nên, tu học Phật pháp có thành tựu hay không, thành tựu bao nhiêu, mấu chốt là ở tín tâm. Tín tâm càng kiên định thì thành tựu càng lớn; còn như nửa tin nửa ngờ, không những không thành tựu trong tu học pháp môn Tịnh Độ mà bất kể với tông phái nào, pháp môn nào cũng không thể thành tựu. Nên mới nói tín tâm là quan trọng hơn hết thảy. Nhưng kỳ thật tín tâm không phải là thứ dễ dàng kiến lập vì vốn nó quan hệ rất lớn với thiện căn, phước đức và nhân duyên đã tu tích được trong quá khứ. Bởi nên, thành tựu không phải là tự nhiên, cũng không phải chuyện một đời một kiếp mà có được; phải là kiếp trước có thiện căn, phước đức, kiếp này gặp được cơ duyên tốt thì mới chắc chắn thành tựu. Gặp được thiện tri thức chân chính rồi, một lòng tín tâm với thiện tri thức, chớ nên ngờ vực rồi y giáo phụng hành. Từ thật lòng tin tưởng đến khẳng định rồi hoan hỉ tiếp nhận, cuối cùng là hành trì những điều ấy vào thực tiễn đời sống thường ngày, ấy chính là “tín” có “căn”. Có căn có gốc rồi mới sinh trưởng, sinh trưởng ở đây là sinh trưởng tâm đạo, tâm đạo sinh trưởng rồi thì tâm Bồ đề theo đó cũng tăng trưởng theo.

Tịnh Độ tông có đủ là “tâm Đại Bồ đề Vô thượng”. Điều này Đại sư Ngẫu Ích có nói trong Yếu Giải: “Có tín nguyện kiên

định, có lòng cầu vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì chính là tâm Đại Bồ đề Vô thượng”. Chúng ta phải bèn rẽ từ chỗ này, rồi cũng từ chỗ này mà ra sức tu học. Vì sao người ta có thể tin, còn ta không thể? Vì sao người ta không hoài nghi, còn ta lại hoài nghi? Thử suy ngẫm xem! Các vị Đại đức Tổ sư từ trước tới nay, từ Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích cuối đời Minh đầu đời Thanh đến Đại sư Ấn Quang thời cận đại đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, đáng để chúng học tập, đáng để chúng ta học tập và noi theo.

Thứ hai “Tín căn”. Tín căn là tinh tấn. Như vậy, chúng ta thấy là “Tứ thần túc” có tinh tấn, thì “Ngũ căn”, “Ngũ lực”, “Thất giác chi” và “Bát chánh đạo” cũng có tinh tấn. Bất kỳ điều dạy nào của Đức Phật, khi đặt vào trường hợp khác nhau sẽ có cách giải thích khác nhau. Tinh tấn của “căn” và tinh tấn “lực” đương nhiên sẽ có cách giải thích khác nhau, chứ nếu giống nhau thì Phật cần gì phải phân thành nhiều nhóm vậy? Như trong ba mươi bảy đạo phẩm phân thành bảy nhóm vì chúng có cách nói khác nhau. Tương tự, Phật nói rất nhiều về bố thí, trì giới thì phải hiểu rõ là chúng ở nhóm nào thì sẽ có cách giải thích của nhóm đó. Chúng ta phải hiểu rõ nguyên tắc này để giảng giải được cho người khác và để tự mình tu học, mới có thể thực sự được thọ dụng .

Người xưa nói: “Tín chư pháp cố, bội sách tinh tấn”, nghĩa là khi chúng ta thật sự tin vào tất cả pháp của Đức Phật dạy, “tín căn” xác lập rồi, tin có căn , thì chúng ta đối với Phật pháp tự nhiên tinh tấn . Ngũ căn đầy đủ tức là tinh tấn trên đạo Bồ đề mà không thoái chuyển.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy, dù đến thế giới Tây phương Cực Lạc rồi thì chúng ta vẫn phải tu Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ

đề phân và Bát chánh đạo. Đầy đủ ba điều đầu: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc thì mới xem là đã có nền tảng, mới có “căn”. Đó đồng thời cũng là điều kiện cần thiết để chúng ta được vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc. Trong đó, Tứ Niệm xứ là nhìn thấu; Tứ Chánh cần là đoạn ác tu thiện, tu công tích đức; Tứ Như ý túc là buông xả. Có đủ những điều này thì niệm Phật mới có thể vãng sanh.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo không hoàn toàn giới hạn ở Tiểu thừa, nó là môn học chung của Phật giáo, bao hàm cả Tông môn, Giáo Hạ, Hiền giáo và Mật tông. Cho nên, khi Đại sư Thiên Thai giảng Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng là dựa vào Tứ giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo. Từ đó có thể thấy, cảnh giới của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là không có giới hạn. Chúng ta học Phật mà không cảm rỗi thì sao mà được! Nhưng rỗi phải cảm như thế nào? Nhất định không được quên mười thiện nghiệp. Trong mỗi phần của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều bao gồm đầy đủ mười thiện nghiệp, hơn nữa mỗi một phần cũng bao gồm đầy đủ ba mươi sáu phần khác, thiếu một phần thì sẽ thiếu sót, việc tu hành không thể viên mãn. Nó giống như lời dạy trong Đại Kinh “Một tức tất cả, tất cả tức một”. Hiểu rõ đạo lý này thì chúng ta mới biết bắt đầu sự học của mình ở đâu.

Chúng ta tin giải được vậy, nhận thức được vậy tự nhiên sẽ hăng hái nỗ lực tinh tấn. Vì sao? Vì những lợi ích lớn, thọ dụng lớn có được. Chúng ta phải tu học tinh tấn bội phần so với người thường vì trong từng tâm niệm đều mong cầu đại viên mãn, đại tự tại, đại giải thoát, như thế thì tự nhiên sẽ tinh tấn thôi. Rồi tự nhiên Ngũ dục, Lục trần, danh tiếng, lợi dưỡng của thế gian cũng xả bỏ sạch sẽ. Vì chúng ta đã thông đạt rõ ràng sâu sắc rằng những thứ này đều là chướng ngại cản trở đạo Bồ

đề, ngăn chúng ta minh tâm kiến tánh, ngăn cản sự đại khai viên giải mà chỉ cần có chút chấp trước nào sẽ vướng phiền não ngay.

Vậy “tinh tấn” là gì? Là nhìn thấu, buông bỏ, đoạn ác tu thiện. Chúng ta phải thực sự tập trung công phu ở những điều này. “Tứ Niệm xứ quán” là trí huệ, thật sự hiểu rõ vô thường, khổ, không, “quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”. Thế gian này là vô thường, khổ, không; không những lục đạo như vậy mà mười pháp giới cũng không ngoại lệ vậy nên không chút may mắn tham luyện lục đạo, mười pháp giới. Cứ như Phật, Bồ tát thị hiện vậy, tùy duyên qua ngày, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt. Thuận cảnh thì buông xả tham ái, nghịch cảnh thì buông xả sân hận. Đức Phật có thể buông xả được vì đã hiểu được chân tướng sự thật, nhìn thấu rồi nên có thể buông xả.

Ngay trong đời sống thường ngày phải đoạn ác tu thiện. Nên hiểu là phạm là việc lợi ích bản thân đều là ác. Vì sao vậy? Vì nó làm tăng chấp ngã, tăng thêm tham, sân, si, mạn. Vậy thì chắc chắn là ác rồi! Còn phạm là việc lợi cho chúng sanh đều là thiện. Đây chính là tiêu chuẩn của thiện – ác. Người tu đạo tuyệt đối không cầu tự lợi mà niệm niệm đều vì lợi ích chúng sanh. Chúng ta tu hành là vì chúng sanh, nguyện vì chúng sanh làm tấm gương tu hành; chúng ta thành Phật đạo là vì chúng sanh, sau khi thành Phật đạo thì có thể độ tất cả chúng sanh. Cho nên, chúng ta tu hành chứng quả không phải vì thân này. Tu hành chứng quả mà vì thân này thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi vì lục đạo luân hồi là do ý niệm “ngã” biến hiện ra. Kinh Kim Cang dạy đó là “Ngã kiến”, không phá được ngã kiến thì sao thoát khỏi luân hồi được?

Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta vô cùng chấp trước “ngã kiến”, “ngã tướng”, muốn buông cũng không buông được. Khởi tâm động niệm vẫn có “ngã” thì đúng thực là phiền phức rồi. “Chấp ngã” không phá thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, không thể chứng được Thánh quả (“Thánh quả” này là Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, quả vị Bồ tát sơ tín của Đại thừa). Chúng ta muốn thật sự thành tựu thì không thể không tập trung công phu vào việc này!

Tập trung công phu thế nào? Năm xưa, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi là phải “đổi tâm”, “đổi tâm” tức là “thay đổi ý nghĩ”. Nếu trước đây khởi tâm động niệm luôn là “ngã”, bây giờ, khi khởi tâm động niệm là vì “người”, tức là chuyển đổi cái ý nghĩ ban đầu đó. Như vậy gọi là “đổi tâm”, cứ từ chỗ này mà tập trung công phu. Khởi tâm động niệm không nghĩ vì bản thân, mà phải nghĩ vì tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta không chịu làm vậy, cả đời này muốn thoát khỏi luân hồi e là việc khó, muốn giáo hóa chúng sanh lại càng khó hơn.

May thay Phật A Di Đà đại từ đại bi lập ra Tây phương Tịnh Độ, chúng ta dẫu không xả được ý nghĩ tự tư tự lợi cũng có thể vãng sanh; chúng ta niệm Phật vì bản thân cũng có thể vãng sanh. Vậy nên tất cả mười phương ba đời chư Phật đều tán thán pháp môn niệm Phật. Cái “ngã” chưa quên được hết thì sẽ sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Sau khi đến thế giới Tây phương Cực Lạc, buông được cái “ngã”, ngã tướng, ngã kiến cũng không còn thì có thể nâng lên Phương Tiện Hữu Dư Độ. Đây là phương tiện đặc biệt của pháp môn Tịnh Độ nên được gọi là “pháp môn đặc biệt”. Nếu tu các pháp môn khác cũng không thể thành tựu được. Đạo lý này chúng ta phải hiểu cặn kẽ.

Trong Kinh điển, bậc Đại đức Tổ sư đều dạy chúng ta là đầu chưa đoạn tận ngã chấp, ngã kiến nhưng phải chế phục được chúng thì mới có thể vãng sanh. Nếu vào lúc lâm chung, lòng tự tư tự lợi, sự phân biệt chấp trước vẫn còn nhiều thì không thể vãng sanh; đến một niệm cuối cùng có thể chế phục được chúng mới có thể vãng sanh. Từ đó cho thấy, ngã kiến và ngã tướng cũng là chướng ngại lớn đối với ước mong về giới Tây phương Cực Lạc. Làm thế nào mới phục đoạn được? “Phục” tức trước mắt phải phục được phiền não, khiến nó không khởi hiện hành, toàn tâm toàn ý đều cầu vãng sanh Tịnh Độ, sau khi đến được Phật A Di Đà rồi sẽ đoạn. Sau khi thành tựu ở thế giới Tây phương Cực Lạc thì thừa nguyện tái lai quảng độ chúng sanh. Thông suốt đạo lý này rồi thì tự ắt sẽ hiểu được cách dụng công tinh tấn.

Kinh Kim Cang dạy “Làm thế nào mới chế phục được tâm ấy”? Tâm ấy là tâm gì? Là tâm tự tư tự lợi, tâm phân biệt chấp trước, phải chế phục được chúng. Phương pháp chế phục chính là ba nhóm đầu trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, gồm: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc. Sử dụng thành thực những phương pháp này rồi thì việc trì hành công phu trong đời sống thường ngày sẽ vô cùng thuận lợi, tự nhiên tiến bộ nhanh chóng, Kinh giáo mới mở ra xem liền thông đạt ý nghĩa. Chuyển được ý niệm tự tư tự lợi rồi mới có thể bàn đến “Tấn căn”. Tinh tấn có căn rồi tự nhiên sẽ đắc lực gấp đôi.

Thứ ba “Niệm căn”. Cổ đức có câu “Ư chánh trợ đạo, ức niệm bất vong”, niệm luôn ghi nhớ không quên thì niệm mới có căn. Hai câu này là nguyên tắc, ý nói bất kể tu học pháp môn nào cũng phải có chánh tu và trợ tu. Chánh tu trong pháp môn Tịnh tông chính là “Trì chấp danh hiệu”_theo cách gọi của Kinh

Di Đà, còn Đại Thế Chí Bồ tát gọi đó là “Tịnh niệm tương tục”, sáng tối không quên danh hiệu, công đức của danh hiệu là “bất khả tư nghị”. Còn trợ tu trong pháp môn Tịnh tông là đoạn ác tu thiện, tu công tích đức.

Tuy nhiên, bàn về “Chánh trợ song tu”, các vị Đại đức Tổ sư có một cách nói khác, các vị cho rằng chánh tu là chấp trì danh hiệu, trợ tu cũng là chấp trì danh hiệu. Quả thực là niệm một câu Phật hiệu đến cùng thì tâm chẳng còn sanh một tạp niệm nào, như thế xem như chánh – trợ đều viên mãn. Nếu chưa đạt đến công phu này, còn phân định ranh giới giữa chánh – trợ thì không cách nào dung hợp chúng thành một thể. Những người bước đầu học Phật như chúng ta rất dễ hiểu sai, khi nghe cách nói của các vị Đại đức Tổ sư về “chánh – trợ song tu” liền chỉ chú tâm niệm Phật mà quên mất phải đoạn ác tu thiện, vọng tưởng tạp khí vẫn cứ khởi hiện hành và không còn lòng muốn giúp đỡ người khác nữa. Như vậy là đã hiểu sai ý của Tổ sư.

Khi chánh – trợ thực sự hợp thành một thể, ác cũng liền đoạn tận; tuy ác niệm không hiện hành nhưng thiện vẫn phải tu. Nếu nói Phật Thích Ca Mâu Ni nếu không tu thiện thì hà tất phải thị hiện chốn thế gian, hà tất chịu lao nhọc 49 năm để giảng Kinh thuyết pháp cho chúng sanh? Giảng Kinh thuyết pháp độ chúng sanh chính là tu thiện rồi. Từ đó cho thấy, dù công đức viên mãn rồi vẫn không ngừng đoạn ác tu thiện. Quả vị Như Lai còn không bỏ, chúng ta ở cõi người này lại từ bỏ thì sao có thể thành tựu được?

Cho nên quyết phải đoạn ác từ trong tâm tưởng, không cho ác niệm khởi sanh thì hành vi ác tự nhiên cũng không còn. Thiện, càng nhất định phải tu, Phật dạy chúng ta tùy duyên tức là gặp cơ duyên thì phải làm, không gặp được thì không cần cố

tìm. Không gặp được lại cố tìm làm thì là phan duyên. Điều này chúng ta phải minh định rõ ràng. Vĩnh viễn không lìa ý niệm đoạn ác tu thiện, gặp được cơ duyên chúng ta mới nghiêm túc nỗ lực mà làm, làm mà chẳng chút nghi ngờ.

“Trợ đạo” trong Tịnh Độ Tông là tu công tích đức nhưng số mục quá nhiều, chúng ta phải hiểu rõ, nắm chắc cương lĩnh mới được. Lúc thành lập “Tịnh Tông Học hội”, ở phần “Duyên khởi” tôi đề ra năm bài học mà năm bài học này chính là những điều cần phải học trong trợ tu.

Bài đầu tiên trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy là “Tịnh nghiệp tam phước”, tổng cộng có ba điều mười một câu. Điều thứ nhất là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Điều thứ hai: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Điều thứ ba: “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”. Phải nhớ kỹ ba điều này, thực hành từng giờ.

Bài thứ hai là “Lục hòa kính”. “Kiến hòa đồng giải” trong Lục hòa kính chính là cách nhìn của chúng ta đối với tất cả sự việc và vũ trụ nhân sinh đều lấy Kinh luận làm tiêu chuẩn. Chúng ta tu Tịnh Độ thì áp dụng ba bộ Kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và Kinh A Di Đà. Chúng ta lấy những điều được giảng trong ba bộ Kinh này làm tiêu chuẩn cho cách nhìn, cách nghĩ của mình đối với tất cả mọi người, sự việc và nhân sinh vũ trụ. Nên nói Kinh không chỉ để niệm là đủ mà còn phải hiểu được ý nghĩa, sáng tỏ ý nghĩa rồi mới áp dụng vào đời sống thực tế. Có vậy niệm Kinh mới thực là lợi ích.

Hành vi, ngôn ngữ, tạo tác của ta cũng phải tuân thủ theo giáo huấn trong Kinh điển. Phật dạy chúng ta với việc nào nên làm thì phải nghiêm túc nỗ lực làm; với việc không nên làm thì nhất quyết không vi phạm. Đây chính là trì giới. Thế nên niệm Kinh phải niệm thuần thực, để khi lục căn của chúng ta tiếp xúc với lục trần ngoài kia, có ý niệm khởi sinh liền so với lời giáo huấn trong Kinh điển. Nếu ý niệm đó là bất thiện thì tuyệt không để chúng khởi sinh, một câu khởi niệm “A Di Đà Phật” liền dẹp tan ý niệm này. Ý niệm phải khởi thì phải để thiện niệm tăng trưởng. Công phu tu hành chính là dụng ở chỗ này này, ấy mới thực gọi là “ức niệm bất vong”.

Chung sống hòa thuận cùng đại chúng, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, cùng nhau góp sức, tận tâm tận lực đem Phật pháp phát dương rộng rãi, rộng độ chúng sanh. Sự nghiệp Phật pháp ấy không phải một người có thể làm nên, mà đó là sự nghiệp của xã hội, của toàn thể đại chúng. Trong Kinh có dạy: “Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ”. Việc này giống như hát kịch vậy, một người diễn vai chánh ắt phải có nhiều người phụ diễn, nếu không có phụ diễn vở kịch không thể nào hoàn thành. Người nào giữ vai chánh thì phải xem duyên phận; duyên phận của người chín muồi, chúng ta đề cử người giữ vai chánh, toàn tâm toàn lực hỗ trợ người. Người đóng vai chánh đang nói đến đây chính là Đức Phật, còn những người phối hợp hỗ trợ Phật thì cũng là Phật.

Khuyết điểm của phàm phu chúng ta là người nào cũng muốn tranh nhau làm anh lớn, muốn làm kẻ đứng đầu, thế là hòa hợp tăng đoàn bị phá vỡ. Chúng ta thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, Người là vai chánh, xuất gia thì có 1.255 người “phụ diễn”. 1.255 người này đều là cổ Phật tái lai, tuy trên sân khấu

mỗi người mỗi vẻ khác nhau nhưng thực tế họ đều bình đẳng. Họ diễn sống động biết bao và đều hướng về cùng mục tiêu là quảng độ lợi ích chúng sanh nên công đức đều lớn như nhau, không có bên này – bên kia, không kể nặng – nhẹ. Đạo lý này chúng ta phải ngẫm thật thông suốt.

Một vùng nào đó, có một ai đó đặc biệt hữu duyên với vùng đấy thì chúng ta cử họ đứng ra làm chủ. Phật giáo là dân chủ; dân chủ tự do khai phóng là chủ trương trước hết của Phật giáo. Tự trước đến nay, chấp sự trong Tùng Lâm tự viện Phật giáo đều mỗi năm tuyển một lần. Ngày 30 tháng chạp, toàn bộ từ chức, tuyển cử mới lại; mồng một tháng giêng, chấp sự mới lên nhậm chức. Cuộc tuyển chọn này dựa trên quy tắc: duyên phận! Chúng ta phải xem trọng đạo lý này. Cho nên, Phật pháp là pháp của sự không tranh cãi, đôi bên nhất định không xảy ra tranh cãi, phải hòa hợp. Vậy mới thấy “Lục hòa kính” quan trọng biết bao!

Hơn nữa, phương hướng, mục tiêu tu học của chúng ta là “Tam học, Lục độ, Phổ Hiền thập nguyện”. Năm bài này được đề xuất làm trợ tu. Trong đời sống hành trì, sinh hoạt thường nhật, chúng ta nhất định không làm trái lại năm bài này. Thành thật niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ thì niệm của chúng ta sẽ có căn. Có căn mới sanh ra lực. Có căn, có lực rồi đạo nghiệp mới có thể hoàn thành. Nếu không có căn thì bất luận chúng ta tu học siêng năng thế nào, cả đời cũng không thể thành tựu. Nếu ngay lúc này đây, Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ của chúng ta đều không có căn thì chúng ta phải làm cho giáo dục có căn. Không để mất bò mới lo làm chuồng, chỉ cần cố gắng nỗ lực thì hiện tại vẫn chưa muộn.

Thư tu “Định căn”. Định căn tức là “Nhiếp tâm chánh trợ, tương ưng bất tán”. Không chỉ pháp môn Tịnh Độ mà bất kỳ pháp môn nào cũng có chủ tu và trợ tu. Thế nào gọi là “Định”? Tâm của chúng ta định ở pháp môn tu học, nhất định không dễ dàng thay đổi. Có thể khế nhập khá sâu vào Phật pháp mới có thể lý giải được Phật dạy là “Pháp môn bình đẳng, không phân cao thấp”. Cho nên sau khi chúng ta chọn định một môn thật sự có thể làm đến “nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu” thì định này mới có gốc, có gốc rồi mới lớn lên, khai hoa kết quả. Từ xưa đến giờ, người tu học không có thành tựu, nguyên nhân nghiêm trọng nhất là không có định căn, tâm dễ lay động mà theo cách nói thời nay là thích quá nhiều thứ, cái này cũng thích, cái kia cũng thích thế nên tinh lực và thời gian sẽ bị phân tán, nên gọi là “môn môn thông, môn môn túng” nhưng không vững gốc.

Vì vậy, chúng ta nhất định hiểu được ở giai đoạn hiện tại, chúng ta không thể “quảng học đa văn” mà chỉ có thể “nhất môn thâm nhập”. Kinh văn dạy “quảng học đa văn” là đối với ai? Là đối với Pháp Thân Bồ Tát. Hôm nay chúng ta lựa chọn pháp môn “Trì danh niệm Phật” của Tịnh tông thì phải khởi định căn ngay trong pháp môn này; nhưng thực tế vốn không dễ gì! Vì sao vậy? Vì sự quá đơn giản nên người không dễ gì tin tưởng; vì lý quá thâm sâu, không dễ gì lý giải thấu triệt. Thế nhưng hiệu quả của việc niệm Phật hết sức rõ ràng, ngay đến người không biết chữ cũng có thể thành thật niệm Phật để rồi đều thành tựu cả.

Chúng ta thường nghe nhắc đến người thợ vá nồi_ học trò của lão Hòa Thượng Đệ Nhàn. Ông chỉ thành tâm niệm một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” nhưng Ngũ lực Tín – Tấn – Niệm –

Định – Huệ của ông đều đủ đầy cả. Ông tin vào lời dạy của lão Hòa Thượng mà chẳng chút hoài nghi. Lão Hòa Thượng dạy ông là “Niệm Phật đến khi nào mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì lại tiếp tục niệm” _ đây chính là tinh tấn. Thật sự xuyên suốt ngày đêm niệm niệm không quên Phật hiệu, ấy chính là thành tựu niệm lực. Một lòng chuyên chú, không xen tạp vọng tưởng nào, ấy chính là thành tựu định lực. Cho nên, niệm trong ba năm ông ấy có thể thành tựu, đang đứng mà vắng sanh.

Chúng ta sanh ra trong thời đại này là một thời đại bi thương! Chúng ta chúng ta thử bình tâm quan sát xã hội này, đại chúng xã hội đã nghĩ gì, nói gì và làm ra những gì? Toàn là tự tư tự lợi, danh tiếng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân, si, mạn. Thật tệ hại biết là bao! Những thứ này ngày càng nhiều, càng nhanh và càng lan rộng hơn, hậu quả là dẫn đến cái gọi là “ngày tận thế” mà các tôn giáo thường nhắc đến. Tuyệt không phải điều mê tín.

Thế nhưng chúng ta vô cùng may mắn, thực sự đã tu được thiện căn phước đức nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay nên ở thời đại này mới gặp được chánh pháp. Cho nên, chỉ cần chúng ta kiến lập Ngũ căn thì đời này chắc chắn thoát được ách nạn, mà dẫu đại kiếp đến thì cũng có thể tùy lúc vắng sanh Tịnh Độ và chắc chắn được vắng sanh. Ngay lúc này đây, thân ta lưu lại thế gian chỉ vì một việc, đó là trụ trì chánh pháp. Trụ trì chánh pháp chính là y theo chánh pháp tu hành, sống một ngày thì tu một ngày. Còn hoằng dương chánh pháp chính là giáo hóa chúng sanh và trụ trì cũng chính là hoằng dương. Trụ trì nghĩa là làm gương cho người khác noi theo, là trợ đạo tức “đoạn hết thầy ác, làm tất cả thiện”.

Tiêu chuẩn của thiện – ác chung quy chính là dựa theo “Thập thiện nghiệp đạo”. Chúng ta phải làm sao để mỗi câu, mỗi từ hoàn toàn trở thành ý nghĩ, lời nói, hành động của mình và thực hành nó trong đời sống thực tế. Giữ cho tâm mình không gì khác chính là niệm niệm không quên “A Di Đà Phật”, không ngừng nghĩ về thế giới Tây phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Đó chính là “chánh đạo”. Còn “trợ đạo” là sao? Là niệm niệm không quên chúng sanh khổ nạn, vì chúng sanh mà giữ mình làm gương giúp họ giác ngộ. Cách làm này là vô lượng công đức, đây chính là “trợ đạo”. Muốn vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì phải Phước – Huệ song tu, vì thế giới đó là nơi “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”. “Thượng thiện” thì chắc chắn phải phước huệ đầy đủ, viên mãn. Chúng ta làm tấm gương cho người khác, giáo hóa tất cả chúng sanh, ấy chính là “phước đức”; một lòng xưng niệm A Di Đà Phật chính là “Định – Huệ”. Có Phước, có Định, có Huệ chắc chắn sẽ thành tựu.

Thứ năm “Huệ căn”. mười thiện nghiệp thực hành vào Huệ căn sẽ có được năng lực phân biệt thiện – ác. Thiện – ác của thế xuất thế gian không dễ phân biệt, không có trí huệ chân thật thì dễ nhầm thiện pháp xem là ác pháp, ác pháp xem là thiện pháp. Những chuyện như vậy, trước giờ dù trong hay ngoài nước, chúng ta thấy quá nhiều rồi, kể sao cho xiết. Bất kể pháp nào của thế xuất thế gian, muốn thành tựu không thể không có trí huệ. Trước hết phải có trí huệ quan sát căn tánh của chính mình, thứ nữa là phải tùy vào căn tánh của mình mà lựa chọn pháp môn; chọn được pháp môn rồi mới chọn thầy theo học. Đây là trình tự, còn nếu làm loạn trình tự thì sao thành tựu được. Cho nên bất luận theo học theo pháp nào của thế xuất thế

gian đều phải dùng trí huệ mà lựa chọn. Cả đời ta lựa chọn đi đường nào thì nhất định phải đi thông con đường ấy.

Dù thế pháp hay Phật pháp cũng đề không thể bỏ qua nền tảng. Nền tảng của Phật pháp là tất cả Kinh giáo mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã dành cả đời giảng giải. Ngoài ra, kinh luận cổ Thánh tiên Hiền của Trung Quốc cũng không ít, đều là mấy ngàn năm trí huệ kết thành, kinh nghiệm của Tổ tông nhờ vào Kinh điển lưu truyền lại. Đó cũng chính là nền tảng của dân tộc Trung Hoa. Ngạn ngữ có câu “Không nghe lời người xưa, chịu thiệt ngay trước mắt”, cũng như người học Phật không tin vào lời Phật, người theo Nho giáo không tin lời Khổng Tử, người tu Đạo giáo không tin vào lời dạy Trang Tử, vậy nên chịu thiệt, thế gian liền có kiếp nạn đến. “Lời người xưa” chính là lời dạy của cổ Thánh tiên Hiền, là kiến thức chân thật, là trí huệ chân thật. Lời dạy ấy đã được truyền lại mấy ngàn năm, nếu không phải là chân thật thì đã sớm bị đào thải rồi, sao có thể lưu truyền đến tận ngày nay? Cho nên, lời dạy được truyền tụng lại mấy ngàn năm đều là trí huệ chân thật, là lời giáo huấn thiện nhất. Đó cũng là huệ căn của người Trung Quốc.

Khi Phật pháp Đại thừa lưu truyền vào Trung Quốc đã hoàn toàn được Trung Quốc hóa, trở thành Phật pháp Trung Quốc. Có thể nói, những chú sớ kinh luận của Đại Đức Tổ sư đã dung hội, quán thông học thuyết Nho gia, Đạo gia, Bách gia chur tử vào Phật pháp và trở thành chính thể trí huệ. Chúng ta không có trí huệ tức là không có năng lực lựa chọn con đường đạo phải đi này; không có trí huệ tức là không cách nào thân cận minh sư, lương hữu; chúng ta cũng không hiểu nên dùng thái độ gì để học tập, chứ nếu cứ tùy thuận tập khí của bản thân thì chắc chắn thất bại.

Nên tôi thường khuyến khích các đồng tu, chúng ta là phàm phu chưa minh tâm kiến tánh, chưa thoát khỏi mười pháp giới, chỉ có một con đường chánh là dựa vào Phật, Bồ tát, nghe theo giáo huấn của Phật, Bồ tát, giáo huấn của Thánh nhân; nhất định không được tùy thuận vọng tưởng, tập khí của bản thân. Giống như đi đường vậy, chúng ta không quen thuộc đường đi nhưng Phật, Bồ Tát lại biết rõ đường đi, các Ngài ấy đi trước chúng ta theo sau, chắc chắn không thể sai đường. Đến lúc quen thuộc đường đi rồi thì có thể không cần theo sau các vị ấy nữa. Còn lúc tự mình không biết đường đi nếu không theo người dẫn đường, cứ theo ý mình thì thật không biết sẽ tới nơi nào. Đạo lý này luôn phải hiểu.

Phải có thái độ học tập tốt, thành tựu chính mình vì thành tựu chính mình cũng là thành tựu chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát, Đại Đức Tổ sư hy vọng mỗi người chúng ta đều được thành tựu thù thắng ngay trong một đời nên các vị ấy cả đời tu trì, giảng Kinh, thuyết pháp, trước tác diễn thuật lưu truyền cho hậu thế mà mục đích không gì ngoài việc giúp người học sau thế giảng đại đạo, khế nhập cảnh giới của chư Phật chứ không hề có chút tư tâm. Ấy chính là chân thiện tri thức vậy.

“Huệ căn” là từ “Định căn” phát ra. Ngũ căn gồm: Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ cũng giống như năm tầng lầu vậy, không có tầng thứ tư thì sao có tầng thứ năm? Từ đó có thể thấy, tu được Huệ căn là điều không dễ dàng. Mà “Tín căn” được xây dựng từ đâu? Từ mười hai đạo phẩm của ba nhóm (Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc) đã giảng ở phần trước mà dựng thành. Nên nói Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ mà chúng ta hiện có đây đều không có căn vì chúng ta chưa thực sự tu Niệm xứ, Chánh cần và Thần túc. “Niệm xứ” là nhìn thấu,

“Thần túc” là buông xả; không thể nhìn thấu, không thể buông xả thì sao gọi là có căn đợc? Mà nhìn thấu, buông xả có thể sanh căn ,thì mấu chốt ở “Chánh căn”, cũng chính là đoạn ác tu thiện. Chỉ có thật lòng phát tâm đoạn ác tu thiện thì Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ của chúng ta mới thực sự có căn.

Chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này mà không dựa vào phương pháp cũ là không thể đợc. Đây là phương pháp cũ mà Đức Phật giáo hóa chúng sanh, mấy ngàn năm nay dù tu tại gia hay xuất gia đều phải dựa vào phương pháp cũ mà thành tựu; phạm là theo cái mới thì đều thất bại cả. Nên có câu “Phật Phật đạo đồng” tức Phật Phật đều đi trên một con đường. Hy vọng chúng ta suy nghĩ kỹ càng, phát tâm học Phật, theo Phật học tập, tuân theo giáo huấn Phật Đà, y giáo phụng hành. Vậy mới thực là chân thật học Phật.

“Thâm tín kiên cố”. Tôi học Phật bảy năm mới xuất gia, xuất gia thì liền dạy ở viện Phật học, dạy đợc hai năm mới thọ giới. Sau khi thọ giới thì đến Đài Trung thăm Thầy Lý Bình Nam, từ xa Thầy thấy tôi ,chỉ vào tôi rồi nói “Ông phải tin Phật!” Lúc đó tôi ngẩn người ra, sau đó thì Thầy mới giải thích cho tôi rằng “Tin Phật không dễ ”. Nên chúng ta thử tự nghĩ xem, chúng ta đã tin Phật hay chưa? Người nào mới đợc gọi là “tin Phật”? Người y giáo phụng hành thì đợc gọi là người thực sự tin Phật.

Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Đại sư Ngẫu Ích từng giảng về sáu loại tín . Cặp tín thứ nhất là “Tin mình – tin người”. “Tin mình” là tin chính mình có Phật tánh, Phật chủng. Tin chính mình như vậy thì chắc chắn có thể thành Phật. Đây là tâm Vô thượng Bồ Đề. Còn “tin tha”, tha ở đây là “Thầy” Phật. Tuy Phật không còn tại thế nhưng lời dạy của Người vẫn còn

lưu truyền. Chúng ta đọc tụng Kinh Phật cũng như nhìn thấy Phật, lật mở Kinh Phật cũng như đang nghe giáo huấn của Phật. Mỗi câu mỗi từ Phật dạy chúng ta đều là tánh đức tự tánh của chúng ta, vì đức năng trí huệ vốn có đủ trong chúng ta chứ không phải từ bên ngoài đến. Phật thì minh tâm kiến tánh, chúng ta thì mê hoặc điên đảo. Dứt bỏ mê ngộ thì không cần bàn nữa rồi, trí huệ đức năng vốn tự tánh có đủ, không có khác biệt.

Trong Kinh có dạy “Tự tánh vốn đủ đức năng, ở Thánh không tăng, ở phàm không giảm” tức đều là viên mãn đầy đủ vậy. Thánh nhân thì giác ngộ rồi nên khởi tâm động niệm, lời nói việc làm trong đời thường hay trong công việc, đối nhân, xử thế, tiếp vật đều vận dụng được lời Phật. Chúng ta mê mất tự tánh nên dù có cũng không dùng được. Cái chúng ta dùng chỉ có vọng tưởng, phân biệt và chấp trước. Sai là sai ngay chỗ này. Chư Phật, Bồ tát vốn không rời xa thế gian, vấn đề là trong mắt của phàm phu không nhận biết được. Ngày nào đó chúng ta giác ngộ rồi mà trong Tông môn gọi là “đại triệt đại ngộ” thì tự nhiên quán sát được chung quanh ta đều là chư Phật, Bồ tát; những lời dạy trong bộ Kinh Đại Tạng tự nhiên hiển hiện sống động trong phạm vi đời sống chúng ta; những điều mà lục căn tiếp xúc đều là lời dạy trong Đại kinh đại luận của chư Phật Như Lai. Như vậy chính là “tin tha”. “Tin mình” – “tin tha” là một chẳng phải hai khác biệt. Đây là cặp “Tín” thứ nhất.

Cặp “Tín” thứ hai dạy về “Tin sự – tin lý”. Vốn có câu “Sự hữu lý vô” nên “sự” này là cái huyền có hoặc, gọi là “Diệu hữu”; “lý vô” thì “lý” là không tịch còn gọi là “Chân không”. “Chân không bất không, Diệu hữu phi hữu” (tức là “Chân Không chẳng phải là không, Diệu Hữu chẳng phải là có), đây cũng chính là “chân tướng sự thật” mà chúng ta hay đề cập đến.

Cặp “Tín” thứ ba dạy về “Tin nhân – tin quả”. Nhân quả là chân lý vĩnh hằng bất biến của pháp thế xuất thế gian. Vì thế, khi chúng ta khởi tâm động niệm, tạo tác hành động thì không thể không chú ý. Trồng thiện nhân ắt sinh thiện quả. Tiếc thay, thật sự là ngày nay chúng ta mê hoặc điên đảo, không có năng lực phân biệt thiện – ác, thường cho thiện là ác rồi lại cho ác là thiện. Đây chính là “vọng tưởng, điên đảo” mà Đức Phật hay nói. Nếu lòng tin của chúng ta có căn thì trong lòng tin ấy có mười thiện nghiệp, biến mười thiện thành hành động thực tế trong đời sống thường ngày. Những giới điều Đức Phật giảng dạy vốn là đức năng có đủ trong tự tánh chúng ta, lẽ nào chúng ta lại không làm được điều dạy ấy! Không phải Phật, Bồ tát cố đặt ra những chế định này để ràng buộc chúng ta, chỉ là các vị ấy muốn giúp chúng ta tiêu trừ phiền não tập khí, khôi phục lại tánh đức, khôi phục trí huệ đức năng vốn có đủ của tự tánh mà thôi. Trước hết chúng ta phải tin rồi sau mới hoan hỷ tiếp nhận, thật tâm dụng công, loại trừ lỗi lầm bản thân, phục hồi đức năng chính mình. Cho nên, trong “Tín” có đầy đủ mười thiện, đem mười thiện nghiệp thực hành vào “Tín căn”. “Thâm tín kiên cố” chính là lòng tin không dao động.

Lời dạy là “Tinh cần phỉ giải” (tinh tấn chuyên cần, không biếng nhác trễ nải), thực hành mười thiện nghiệp vào Tấn căn, thế nhưng hiện nay chúng ta lại giải đãi, lười biếng. Đây chính là phiền não, tập khí làm tinh thần không thể đề khởi. Vậy nguyên nhân do đâu? Vì trong tinh tấn của chúng ta không có mười thiện hay nói cách khác là đó là sự tinh tấn trống rỗng, không có nội hàm nên dù muốn cũng không thể tinh tấn được. Còn như tinh tấn có đầy đủ mười thiện thì tự nhiên tinh tấn sẽ đầy đủ nội hàm, ấy mới thực là tinh tấn! Trong Đại kinh thường dạy “Tự – Tha bất nhị” (“tự” và “tha” là một chẳng phải hai

khác biệt”), độ cho người cũng chính là độ cho mình, độ cho mình cũng chính là độ cho chúng sanh; mức độ cao nhất của “Tự – Tha bất nhị” chính là “Sanh – Phật bất nhị” (“Chúng sanh” và “Phật” là một chẳng phải hai).

“Thường vô mê vọng” là thành tựu của niệm căn. Từ đó chúng ta hiểu rằng, ngày nay chúng ta còn mê lầm, thường xao lãng đó là vì “niệm” không có căn. Chữ “Niệm” (theo Hán tự) gồm trên là chữ “kim” (hiện tại, đương lúc này), dưới là chữ “tâm” tức là “đương hạ nhất niệm”_ đây mới là nghĩa gốc của “niệm”, niệm niệm không khi nào quên

Phật dạy trong lục đạo phàm phu có được một niệm chân thật “thường vô mê vọng” thì chính là “ngã” cho nên “Mạt – na Thức” (tức Thức thứ bảy) chính là “ngã chấp”, là sự chấp trước kiên cố mà bất kể khi nào, ở đâu cũng khởi sinh liên tục. Nếu như đoạn được ý niệm về cái “ngã” chắc chắn thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đức Phật dạy chúng ta phải chuyển đổi ý niệm này và trong số tất cả pháp môn thì pháp môn niệm Phật là thù thắng nhất. Có thể chuyển “ngã” thành “Phật” thì kiếp này nhất định được thành tựu. Vì không phải niệm “ngã” mà là niệm “Phật” nên được gọi là “pháp môn niệm Phật”, nói rộng ra thì trong vô lượng pháp môn Phật, Bồ tát giảng không có pháp môn nào không phải là pháp môn niệm Phật cả.

Niệm A Di Đà Phật cầu vãng sanh cõi Tây Phương Tịnh Độ là pháp môn niệm Phật đặc biệt trong tất cả pháp môn niệm Phật, vì nó đã được Thế Tôn lựa chọn để giúp chúng ta được thành tựu viên mãn ngay trong đời này. Phật thường dạy rằng “Nhất thiết pháp tông tâm tướng sanh” (tất cả các pháp đều do tâm tướng sanh ra) vậy tại sao chúng ta lại không “tướng” Phật? Sao không niệm Phật? Sao còn phân biệt, chấp trước, vọng

tưởng về những thứ khác? Chúng ta sai là sai ở chỗ này. Phật dạy chúng ta phải nhìn thấu. Cái gọi là “nhìn thấu” chính là nhìn thấu tường tận chân tướng nhân sanh, vũ trụ. Nhìn thấu rồi mới có thể buông xả. Buông xả cái gì? Buông xả tất cả vọng tưởng, phân biệt và chấp trước rồi thì tâm chúng ta lại khôi phục về chân tâm. Tông môn gọi đó là cảnh giới “minh tâm kiến tánh” hiện tiền vì kiến tánh chính là Phật. Từ đó có thể thấy, chướng ngại lớn nhất của chúng ta không phải là ngoại cảnh mà là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình. Chánh niệm chúng ta không thể hiện tiền đều là do những thứ này cản trở.

Người nào chắc chắn sẽ được thành tựu ngay trong đời này? Từ kinh nghiệm của tiền nhân ta có thể nghiệm ra được: những người ngày đêm sáu thời không quên câu niệm “A Di Đà Phật”, lòng không chút tạp niệm là người có thể thành công. Còn chúng ta ngày nay thì sao? Ngoài câu “A Di Đà Phật” còn lại toàn là vọng niệm. Vậy nên Niệm Phật đường của Tổ sư chỉ có một câu Phật hiệu, trong niệm đường không giảng kinh, đứng như câu “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Niệm Phật đường không phải là nơi mà người thường có thể vào vì họ vào là vì muốn kết duyên chứ không phải thực lòng dụng công. Còn người thật tâm dụng công đến đạo tràng của Tông môn là “tuyển Phật trường”, đến Niệm Phật đường của Tịnh Độ tông là “Thành Phật đường” tức đến đó là liền thành Phật. Từ những điều này chúng ta có thể hội được sự thù thắng, trang nghiêm và bản chất của đạo tràng này.

Nếu chúng ta không hội đủ những điều kiện này, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không thể không cầu giáo. Khi Thế Tôn còn tại thế, Người có 49 năm thuyết kinh giảng pháp mà không có Thiền đường, cũng không có Niệm Phật

đường mà chỉ có Giảng đường. Giảng đường chính là nơi giúp chúng ta nhìn thấu, sau khi nhìn thấu rồi tự nhiên có thể buông xả rồi thì tự mình dụng công. Điều này cho thấy sự chú trọng giáo dục. Những tập khí, phiền não của chúng ta vốn đã có từ trong vô lượng kiếp, dầu muốn cũng không đoạn được. Chúng ta đều rõ rằng đoạn được chúng đâu phải dễ dàng, vì chúng ta chỉ mới ở Giáo hạ hạ công phu, mà ngay cả giáo hạ hạ công phu cũng cần hiểu phương pháp, nếu không hiểu phương pháp thì cả đời nỗ lực cũng lãng phí, chẳng thể khế nhập.

Tu học nhất định không được tham nhiều, tối kỵ nhất là làm “thông gia”, thông hết mọi Kinh luận nhưng rốt cuộc chẳng thông được điều gì, rồi thành ra chẳng lợi ích chi. Sau khi chúng ta “nhất môn thâm nhập” thì phải “nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông” (tức “thông một Kinh thì tất cả Kinh đều thông”), ấy chính là cảnh giới khế nhập. Thông hết tất cả kinh rồi vẫn phải chuyên tâm tu học một pháp môn. Đây chính là phương pháp của Phật, Bồ tát và bậc cổ Đại đức. sau khi đã khế nhập thì vĩnh viễn không thể mê vọng, tức cái “niệm” này đã có căn”. Niệm có căn thì lý nào lại không thành tựu! Niệm có căn cũng chính là “tri chỉ nhi hậu hữu định” mà Nho giáo thường nhắc đến; trong đó dưới “niệm” là “định”, còn “tri chỉ là niệm”, tức “chỉ ư chí thiện”. giáo học của nhà Nho tổng cương lĩnh chính là “minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện” . Đây cũng là cái đạo Không Tử dạy!

“Tịch nhiên điều thuận” đây là thực hành mười thiện nghiệp vào định căn đã khởi tác dụng. Thế xuất thế gian pháp nếu không có định căn khác nào không có chí nguyện kiên định, vậy nên tâm cũng dễ lung lay, đứng núi này trông núi nọ, rất dễ bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc mà dao động tâm chí, cuối cùng

thì thể xuất thế gian pháp đều không thể thành tựu. “Định” _ nói một cách đơn giản nghĩa là trong lòng đã có sẵn dự tính , trong nội tâm của mình có chủ thể. Chủ thể này không phải thành kiến. Một vài người có thành kiến sâu đậm thì không dễ bị bên ngoài tác động nhưng “thành kiến” và Định hoàn toàn không giống nhau. Định là từ Tín, Tấn, Niệm mà thành; có Tín, Tấn, Niệm thì Định này mới là “Chánh Định”, không phải tà định; còn người có thành kiến sâu đậm giống như có định lực và cái định đó tà định. Chỉ có Chánh Định mới có thể dựng được thành công, lập được đại nghiệp và mang lợi ích cho tất cả chúng sanh. Điều này chúng ta phải tu học mới đạt được.

“Tịch nhiên” tức là tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì tự nhiên sẽ sinh ra tác dụng “điều thuận”. “Điều” là tự thọ dụng, “thuận” là tha thọ dụng. Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta là “Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức” nhưng vì sao chúng ta lại không thể hằng thuận chúng sanh? Vì chúng ta không có công phu “tịch nhiên điều”. “Điều” theo cách nói ngày nay là điều hòa, điều chỉnh. Chúng ta vốn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nếu có thể buông bỏ hết thảy những thứ này thì thân tâm tự nhiên được điều chỉnh, tức tương ứng với viên mãn tánh đức. Tánh đức cũng giống như nước vậy, không hề chấp trước, hình dáng đất cong thì nước chảy theo đường cong, dáng đất thẳng thì nước chảy theo đường thẳng chứ không hề chấp trước là “ta quyết phải chảy theo cách của mình”. Có thể điều chỉnh thân, tâm ta được như vậy thì là đạt được đại tự tại. Chung sống hòa thuận với hết thảy chúng sanh, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, thế nào cũng tốt. Được như vậy mới thực là hằng thuận chúng sanh; với chính mình chẳng còn chút vương bận, tâm của chính mình luôn phẳng lặng như tờ.

Khi chúng ta giao tiếp, gặp gỡ chúng sanh, thì tâm của mình dao động, đó chính là sai lầm. Vậy làm sao có thể làm được tâm tịch tịnh không động? Phải theo trong Đản Kinh dạy “Bổn lai vô nhất vật” (nghĩa là “xưa giờ vốn không có vật gì cả”) mà không có vật gì thì đương nhiên là không động. Hiện tại, tâm ta không chỉ là một vật mà là vô lượng vô biên, nên tâm là tâm động, không phải tâm phẳng lặng. Động là vọng tâm, tịch là chân tâm. Dầu các pháp môn Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ hay vô lượng pháp môn (pháp là phương pháp, môn là lối đi) có phương pháp, cách thức tu học khác nhau thì mục tiêu cũng đều là Thiền định. Tịnh Độ tông dùng phương pháp chấp trì danh hiệu (Phật) để tu thiền định, “nhất tâm bất loạn” chính là Thiền định. Pháp môn nào không tương ứng với giới – định – huệ thì chắc chắn đó không phải là Phật pháp. Vậy nên, để biết một pháp môn nào đó có phải là Phật pháp hay không thì phương pháp rất đơn giản, chỉ cần xem nó có tương ứng với đời – định – huệ hay không, nếu tương ứng thì là Phật pháp, là chánh pháp; ngược lại, không tương ứng thì là tà pháp. Bất kể tông phái nào, pháp môn nào cũng không ngoại lệ.

Đại đức xưa có nói “Vô vi nhi vô sở bất vi, vô sở bất vi nhi vô vi”. “Vô vi” là tịch nhiên, phẳng lặng; “vô sở bất vi” là điều thuận. Cho nên, “vô vi” là tự thọ dụng, “vô sở bất vi” là tha thọ dụng; “vô vi” là bất biến, “vô sở bất vi” là tùy duyên. Phật, Bồ tát ứng hóa khắp mười pháp giới như Kinh Hoa Nghiêm nói “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Đây chính là “vô sở bất vi”. Tuy “vô sở bất vi” nhưng tâm của Phật, Bồ tát vốn thường ở nơi “vô vi” hay nói cách khác chính là “thường trú chân tâm” và cái mà các Ngài dùng là chân tâm chứ không phải vọng tâm. Chúng ta học Phật là phải học ở điểm này.

Hiện tại, chúng ta vẫn chỉ là người sơ học phàm phu thì nên dùng phương pháp thông dụng này. Tâm này của ta phải định ngay trong pháp Chánh – trợ . Thế nào gọi là chánh pháp? Pháp môn Tịnh tông dựa vào Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà với chủ trương “Trì Danh Niệm Phật”. Trong Kinh Thập Lục Quán có phương pháp “Quán Tượng Niệm Phật” ; “ Quán Tượng niệm Phật”; “ Trì Danh Niệm Phật” v.v.. Đây là do chúng ta tự chọn. Do đó có thể biết, Trì Danh Niệm Phật là chánh pháp, tâm ta phải thường trụ ở chánh pháp này đây. Còn thế nào gọi là trợ pháp? Trợ pháp thì nhiều vô cùng nhưng cốt lõi chính là đoạn ác tu thiện. Đại sư Ấn Quang dùng Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên dạy chúng ta dùng để làm trợ tu, nhờ Liễu Phàm Tứ Huấn mà tỉnh ngộ, thật lòng tin nhân quả “một bữa ăn, một ngụm nước đều do tiền định”, thiện nhân chắc chắn có thiện quả, ác nhân chắc chắn có ác báo, không phải không báo chỉ là chưa đến lúc.

Thấu hiểu những đại đạo lý này tín tâm ắt kiên định. Trong thuận cảnh quyết không khởi một niệm tâm tham ái; tham ái là phiền não, mà phiền não là chướng ngại ngăn ta khai ngộ, ngăn ta vãng sanh. Trong nghịch cảnh quyết không sinh tâm sân hận, sinh sân hận là tạo nghiệp, là sai lầm nghiêm trọng. Gặp nghịch cảnh, phải học như chư Phật, Bồ tát tùy thuận tiếp nhận, nghiệp chướng sẽ tiêu hết. Thế nên dù nghịch cảnh hay thuận cảnh thì cũng đều giúp chính mình tăng duyên lành. Chúng ta có trí huệ thì phải biết phân biệt, phải biết cách vận dụng. Nhà Phật có câu “Nhật nhật thị hảo nhật, thời thời thị hảo thời” (ngày nào cũng là ngày tốt; giờ nào cũng là giờ lành) chúng ta phải mới thể hội được, nếu không biết cách vận dụng thì ngày nào cũng là ngày xấu, giờ nào cũng là giờ xấu. Mà xấu là tạo nghiệp, còn tốt là tu công tích đức.

Từ đó cho thấy, hoàn cảnh bên ngoài có thiện, có ác không? Không! Tốt hay xấu hoàn toàn do tâm ta. Ta dùng thiện tâm để nhìn mọi vật thì mọi vật đều là thiện, thế gian không ai là không phải người thiện. Ta dùng tâm ác để nhìn mọi vật thì kể cả Phật, Bồ tát cũng thành người xấu nên mới có câu “cảnh tùy tâm chuyển”. Vậy chúng ta phải dùng tâm thế nào? Phật khích lệ chúng ta dùng “chân tâm”, chân tâm tức là thuần thiện. Cũng như câu “Nhân chi sơ tánh bản thiện” (nghĩa là con người vốn tánh thiện) thì “thiện” trong câu này là thuần thiện chứ không phải thiện của ác thiện; ác thiện tức cái thiện tương đối, không phải chân thiện. Trong chân thiện không có ác thiện. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải tu học theo đạo lý này. Nó vốn thuộc về tánh đức mà mọi chúng sanh đều sẵn có, chỉ là Phật Bồ tát thì chúng được còn chúng ta vẫn đang mê lạc. Phật, Bồ tát thị hiện chốn thế gian này là để giúp chúng ta tìm lại được tánh đức từ trong mê lạc, như vậy mà thôi.

Cho nên, tâm nhất định phải an trụ trong hai pháp Chánh – Trợ, ngày đêm sáu thời phải niệm niệm không quên. Nguyên vọng duy nhất ở đời này của chúng ta là cầu vãng sanh Tịnh độ, thân cận đức Phật Di Đà. Có nguyện ắt thành! Thân thể này hiện vẫn ở thế tục, mỗi ngày gặp gỡ, tiếp xúc biết bao người và vật vậy nên phải hoàn toàn dựa vào lời dạy trong Kinh điển. Đại sư Thiện Đạo có lời dạy rất hay “Phật dạy chúng ta làm gì, chúng ta chăm chỉ nỗ lực mà làm; Phật răn chúng ta không được làm gì, chúng ta kiên quyết không phạm vào”.

Phải bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ mười thiện nghiệp. Khởi tâm động niệm hay lời nói, việc làm cũng luôn nghĩ đến, tương ứng với lời dạy Phật Đà, rời xa mười ác, nỗ lực tu mười thiện, niệm niệm đều trong mười thiện. Ấy chính là trợ đạo. Tây

phương Cực Lạc là “nơi hội tụ của các bậc thượng thiện”, nếu không tu mười thiện thì dầu niệm Phật giỏi đến đâu cũng không thể vãng sanh. Thật lòng mà nói, nếu không tu mười điều thiện thì đến cả niệm Phật cũng không thể niệm tốt được.

Từ đó có thể thấy, niệm Phật là phải tu thiện, không tu thiện không được. Ngày ngày chúng ta phải tự phản tỉnh, kiểm điểm bản thân, dùng nó làm tiêu chuẩn. Ví như cả ngày khởi tâm động niệm “không được sát sanh”, vậy yđiều này mình đã làm được hay chưa? Có làm tổn hại sinh vật dù nhỏ nào không? Có ý niệm tổn hại người khác không? Không chỉ là trên hành động mà ngay cả trong suy nghĩ cũng không được có. Niệm niệm luôn phải yêu thương chúng sanh.

Năm nay, chúng ta đặc biệt đề xuất “Giáo dục về lòng yêu thương” nên niệm niệm đều phải yêu thương chúng sanh, không được có suy nghĩ tổn hại chúng sanh dù chỉ trong một niệm. Người có thể tổn hại ta vì người không học Phật, người vẫn còn mê lạc; nhưng ta học Phật, ta giác ngộ rồi, ta không mê nữa thì dầu người có tổn hại ta thì ta vẫn chẳng mảy may sanh ý niệm báo thù. Còn nếu ta có ý niệm này thì vẫn cứ phải luân hồi vì chỉ trong luân hồi mới còn oan oan tương báo, không thể kết thúc.

Chúng ta muốn muốn thoát khỏi luân hồi ngay trong đời này thì không được có ý niệm tổn hại chúng sanh; chúng sanh không chỉ ở người mà ngay cả một con kiến, một con muỗi cũng không được tổn hại vì chúng cũng có sanh mạng, cũng là chúng sanh. Vì tạo nghiệp mà chúng mới chuyển sanh làm động vật nên giết một con kiến với giết một con người không có khác biệt! Đối mặt với sự quấy rầy của những côn trùng nhỏ, chúng ta không nên sinh tâm ghét bỏ, phải hiểu rằng ngày nay chúng

quấy nhiễu ta là vì trong kiếp trước ta đã từng quấy rầy chúng, thì oan oan tương báo là lẽ đương nhiên.

Vậy phải sửa đổi thế nào đây? Phải dùng tâm chân thành mà thấu cảm, tâm chân thành là tâm một chút vọng niệm cũng không có, có thành ắt có linh. Người thật tâm hành đạo, dù là động vật nhỏ cũng sẽ cảm động, sẽ hộ pháp cho chúng ta, ắt sẽ không quấy rầy. Ta và chúng mỗi bên một môi trường sống riêng nhưng nếu ta giúp đỡ chúng ắt chúng cũng sẽ giúp đỡ ta, mà không riêng gì những động vật nhỏ, đến cả cây cối hoa cỏ xung quanh ta cũng đều sẽ hộ pháp, hòa thuận chung sống, bình đẳng đối đãi, cùng tồn tại, cùng phát triển. Được vậy thì tự nhiên hoa cỏ cũng tự nhiên tươi tốt, khiến chúng ta khi tiếp xúc được thì tâm khai ý giải, xem thấy những hoa cỏ này giống như rất hân hoan, khiến tâm chúng ta thật thoải mái. Bằng như ta không tu thiện, ngày ngày làm ác thì động vật nhỏ quấy rầy mỗi lúc một nhiều, hoa cỏ cây cối không vui, dáng vẻ ủ rũ.

Cho nên, phải dùng thanh tịnh, bình đẳng, chân thành để điều tâm h, thì rất tự nhiên khi đối nhân xử thế tiếp vật với tất cả chúng sanh sanh điều hòa. Điều hòa đến đỉnh cao “Sanh – Phật bất nhị” (chúng sanh và Phật không hai), tất cả chúng sanh của hư không pháp giới vốn là nhất thể. “Nhất thể” chính là chân tánh, mà Phật giáo vốn nói “chân tánh”, “tự tánh” chỉ là một, mọi hư không pháp giới đều do tự tánh biến hiện mà ra. Sau khi kiến tánh rồi, hết thấy chương ngại cũng không còn, khởi tâm động niệm của tất cả chúng sanh ta đều rõ ràng tường tận. Vì sao vậy? Vì tự tánh của họ và tự tánh của ta chỉ là một tánh. Cũng như thân thể con người vậy, muỗi đốt một chút trên tay thì toàn thân đều biết.

Như Kinh Vô Lượng Thọ có dạy, người ở thế giới Cực Lạc mắt thấy nhìn thấu, tai nghe vô ngại, tâm biết rộng khắp thì chính là đạo lý này đây. Hiện tại chúng ta còn mê, mê ở đây ví như bị tê dại, vì tê dại nên muỗi đốt cũng không biết. Thế nhưng, chỗ này bị tê dại nhưng chỗ khác thì không, nên sự tê dại chỉ là nhất thời, rồi nó sẽ phục hồi, chúng ta giác ngộ tức chính là phục hồi vậy.

“Đoạn chư phiền não”, cuối cùng của Ngũ căn là huệ căn. Giáo Thừa Pháp Số dạy rằng “Dĩ quán tự chiếu, quyết trạch phân minh”. Câu nói này chú trọng ở “quán” nên trong cương lĩnh tu hành của Phật giáo gọi là “quán chiếu”, “tác quán”. Không chỉ dùng mắt nhìn mà cả tai nghe cũng là “quán”, mũi ngửi cũng là “quán”. Lục căn tiếp xúc lục trần đều gọi là quán, tức dùng chữ “quán” đại diện cho tất cả. Thế nào gọi là “quán”? “Lìa tâm – ý – thức” là quán. Cho nên, Phật giáo không dùng từ “nghiên cứu” vì “nghiên cứu” không lìa tâm – ý – thức; Phật giáo dùng “tham cứu”, tham cứu chính là không dùng tâm – ý – thức. Tâm – ý – thức là hư vọng, không phải chân thật. Dùng tâm – ý – thức hư vọng chắc chắn không thể thấu được chân tướng nhân sanh vũ trụ. Mà đã là “vọng” thì không thể nào chứng được “chân”, chỉ có “chân” mới có thể chứng “chân”. “Chân” ở đây tức là chân tánh, “quán” là tự tánh khởi dụng. Như vậy, nghiên cứu là ý – thức khởi dụng; xét về mặt hình thức có vẻ giống nhau nhưng trên thực tế lại khác biệt rất lớn.

Tại sao người học Phật tu hành được chứng quả còn người thế tục thì không? Tóm lại mà nói chỉ một câu chính là dụng tâm sai. Chúng ta không biết dụng chân tâm mà cứ dụng vọng tâm; chỉ chân tâm mới thấy được chân tướng, trong chân tâm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phải hiểu rằng,

tâm tập khởi lên chính là vọng tưởng, vọng tưởng biến thành chủng tử của A Lại Da Thức, ý – thức là phân biệt, Mạt na là chấp trước. Không dùng tâm – ý – thức, hay nói cách khác là trong đời sống hằng ngày không có vọng tưởng (tức không dùng A Lại Da thức), không có phân biệt (tức không dùng ý thức thứ sáu), không có chấp trước (tức không dùng thức thứ bảy). Trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, đại sư Giao Quang chủ trương “Xả thức dụng căn”, nghĩa là buông xả “Bát thức” và dùng “căn tánh” của lục căn. Căn tánh của lục căn chính là chân tâm, căn tánh không có phân biệt nên Ngài mới dạy chúng ta dùng kiến tánh để nhìn biết vạn pháp, dùng văn tánh để nghe tất cả âm thanh, có vậy ắt thấu được chân tướng. Chúng ta biết dùng căn tánh của lục căn, thì liền thành Phật rồi.

Chư Phật Như Lai (mức độ thấp nhất là Bồ tát sơ trụ của Viên giáo) phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân và không còn dùng tám thức, năm mươi một tâm sở nữa. Chúng sanh của mười pháp giới, bao gồm cả Phật của mười pháp giới đều dùng tâm – ý – thức chưa lìa khỏi tám thức; lìa khỏi tám thức là Nhất chân pháp giới_ mà Kinh Hoa Nghiêm gọi đó là “thế giới Hoa Tạng”. Thế giới Tây phương Cực Lạc cũng là thế giới Hoa Tạng, ở đó hoàn toàn không dùng tâm – ý – thức. Chúng ta có thể thông suốt được đạo lý này nhưng không thể chuyển được là vì từ trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã quen dùng tâm – ý – thức, lúc học Phật vẫn dùng tâm ý thức học, như thế nên dẫu học theo Phật cũng không khai ngộ được, học giáo không thể đại khai viên giải, tham thiền không thể đại triệt đại ngộ, niệm Phật không thể nhất tâm bất loạn. Tất cả đều là do thói quen dùng tâm – ý – thức, không hiểu được “tác quán”.

Tu hành trong Thiên tông có ba giai đoạn. Công phu đầu tiên là “quán chiếu” _ tương đương với “công phu thành mảng” của Tịnh Độ tông. Đạt đến trình độ này, ở Thiên Tông hay Hạ giáo đều chưa thể xem là thành tựu, chưa thể thoát khỏi sự sanh tử trong Tam giới. Thế nhưng, trong Tịnh Độ tông, với trình độ công phu này chắc chắn được vãng sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư Độ, nên nói Tịnh Độ tông “bất khả tư nghị” là vậy. Sự thù thắng chính là ở điểm này. Trình độ công phu ngày càng nâng cao gọi là “chiếu trụ”, đạt được “chiếu trụ” xem như được định rồi. Công phu cao nhất gọi là “chiếu kiến”, “chiếu kiến” tức là minh tâm kiến tánh. Trong Tâm Kinh dạy “Quán tự tại Bồ tát... chiếu kiến Ngũ uẩn giai không” thì đây chính là công phu bậc thượng thừa.

Cho nên, khi tu học các pháp môn khác, nhất định phải “chiếu kiến” mới có thể thoát khỏi Thập pháp giới, chứng đắc Nhất chân pháp giới cũng chính là chứng đắc Chư pháp thật tướng. Tuy nhiên, trong Tịnh Độ tông có công phu “quán chiếu” có thể vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư Độ, công phu “chiếu trụ” có thể vãng sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư Độ, công phu “chiếu kiến” có thể vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bốn độ của thế giới Tây phương Cực Lạc chính là thành tựu như vậy.

Thế nhưng có một điều đặc biệt là, đây cũng là điều mà mười phương cõi nước của chư Phật không có, tuy thế giới Tây phương có bốn độ nhưng bốn độ đều bình đẳng, sự lý bất khả tư nghị và được chư Phật tán thán! Trong thế gian mà chúng ta đang sống thì bốn độ không bình đẳng nên chúng ta không thấy được Pháp thân Đại sĩ, không thấy được A Lan Hán. Công phu

của A Lan Hán là tầng thứ hai_ “chiếu trụ”, còn công phu của Pháp thân Đại sĩ là tầng thứ ba_ “chiếu kiến”.

Trong pháp môn thông thường mà nói, “công phu thành mạng” là cảnh giới Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, có thể xem như đây là vừa mới vào cửa, chúng ta cũng không cách gì làm được. Tu Đà Hoàn Tiểu thừa buông bỏ mọi chấp trước, không chấp trước thân này là ta, không chấp trước tự tư tự lợi, ngay đến thân còn không chấp trước hướng hồ là vật ngoài thân! Đây chính là thường nói là “thân tâm thế giới buông bỏ tất cả”, buông bỏ tất cả thì công phu mới thành mạng được; nếu còn điều không thể buông bỏ, công phu không thể nào thành mạng, chắc hẳn không thể vắng sanh. Có trí huệ có thể đoạn hết phiền não: chấp trước là Kiến tư phiền não, phân biệt là Trần sa phiền não, vọng tưởng là Vô minh phiền não. Công phu thành mạng là phá được tầng thứ nhất, ấy gọi là “quán chiếu”; đến “chiếu trụ” tức đã phá được tầng thứ hai, đến “chiếu kiến” là phá được tầng thứ ba.

“Chỉ quán”. “Chỉ” là định, “quán” là huệ. Từ đó cho thấy, không đoạn được phiền não thì không phải là Thánh nhân. Chữ “Thánh” này nghĩa là tường tận, tường tận chánh xác, không chút nghi hoặc, trong Phật giáo gọi đó là người giác ngộ. Chánh giác, Chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác đều được gọi là Thánh nhân. Trong đó, Chánh giác là Tiểu Thánh, Chánh đẳng chánh giác là Đại Thánh. Nói như vậy thì mọi người dễ hiểu hơn.

Chúng sanh đang mê , mê mà không giác; chư Phật, Bồ tát thì không mê , giác mà không mê. Vì sao các Ngài ấy giác? Vì các Ngài ấy dùng “quán” không dùng “tưởng”. Những “tư, “tưởng”, “tư tưởng” mà chúng ta đang dùng đây đều là sai lầm, tư tưởng là hư vọng. Bậc Thánh nhân dùng chân tâm, không

dùng tư tưởng, còn phàm phu lại dùng tư tưởng. “Tu” tức là phân biệt, chấp trước ắt trong tâm có giới hạn. Chữ “điền” trong chữ “tu” ấy chính là giới hạn, tâm vốn rộng lượng vô biên thì giờ lại thành giới hạn từng ô (chữ “điền”) vậy là hỏng rồi, vì không phải là chân tâm. Trong chân tâm thì không có tướng, mà “tướng” thì liền hiện “tướng”, “tướng” này chẳng qua là huyền tướng.

Đại sư Vĩnh Gia có câu nói rất hay “Phân biệt diệc phi ý”. Vậy Ngài có phân biệt, chấp trước không? Có! Nhưng cái phân biệt, chấp trước của Ngài không phải “tu”, cũng không phải “tướng”. Sao chân tâm lại có tư, tướng? Vì người có tư, có tướng nếu mình không dùng tư của ta đối với tư của người, không dùng tướng của ta đối với tướng của người thì sao người có thể hiểu được tư tưởng của ta? Phàm phu dụng tâm cũng như cái máy ảnh, chụp một cái liền lưu được tấm ảnh; còn Thánh nhân dụng tâm như tấm gương, soi chiếu được rõ ràng tường tận nhưng vẫn không lưu lại vết tích nào. Không những sau khi soi chiếu không lưu lại dấu tích, mà ngay lúc soi chiếu cũng không lưu lại dấu tích. Như vậy gọi là “phân biệt diệc phi ý”. Cho nên, tuy các Ngài thị hiện trong đời này, hòa lẫn trong người đời nhưng trên thực tế vẫn không chút nhiễm ô. Bản lãnh của các vị ấy chính là ở chỗ này! Thuật ngữ Phật giáo gọi đó là “Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến”.

“Bất biến tùy duyên” là Phật. Chữ “Phật” này là hiểu theo nghĩa rộng, tức là “minh tâm kiến tánh” như trong Tông môn nói đến, cho nên Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo (Pháp thân Bồ tát) cũng được gọi là Phật. Trong Kinh Kim Cang Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông có nói “chư Phật” chính là từ Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo đến quả vị cứu cánh, bốn mươi hai vị thứ này

(gồm có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa; bốn mươi vị thứ này thêm vào Đẳng Giác, Diệu Giác_ Diệu Giác là Phật quả cứu cánh) đều được gọi chung là “chư Phật”. Chư vị này đều không dùng Tâm – Ý – Thức mà nếu có dùng Tâm – Ý – Thức thì lại dùng hết sức chánh, không hề dùng sai lầm, đây chính là “Tương tự vị”, cũng là Tứ Thánh pháp giới (gồm A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật) trong mười pháp giới; Phật trong mười pháp giới thì chưa kiến tánh.

Trong Tứ giáo(Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo) mà Thiên Thai tông nhắc đến thì Phật của Tạng giáo, Phật của Thông giáo chưa có kiến tánh, là Phật trong mười pháp giới; còn Phật của Biệt giáo là thuộc về Nhất chân pháp giới. Tứ giáo giảng Sơ địa của Biệt giáo thì tương đương với “Sơ trụ của Viên giáo”. Từ đó có thể biết, quả Phật của Biệt giáo là Bồ tát nhị hạnh vị của Viên giáo, ở đoạn chứng tương đương với Bồ tát nhị hạnh vị. Những lý sự này chúng ta phải rõ ràng, r sau đó mới tĩnh tâm suy xét xem đời này mình có thể làm được không? Chưa nói đến bậc phẩm vị cao, ngay cả quả Tu Đà Hoàn thì đời này mình muốn đắc được cũng không dễ.

Thế nhưng công phu thành mạng trong Tịnh Độ tông có thể giúp vãng sanh hạ hạ phẩm. Chính vì đạo lý này mà mười phương chư Phật không vị nào không tán thán Phật A Di Đà, vì Người đã thực sự độ tất cả chúng sanh. Với công phu thành mạng của Hạ hạ phẩm thì chưa thể đoạn được một phẩm phiền não, tuy chưa thể đoạn nhưng dùng câu Phật hiệu thì cũng có thể chế định được phiền não. Cho nên niệm Phật cũng phải niệm đúng cách, ý niệm vừa khởi lên trong tâm bất kể đó là thiện hay ác niệm, lập tức dùng câu “A Di Đà Phật” dẫn nó lại; ngày đêm sáu thời quyết không để ý niệm khởi lên_ đây chính là công phu

thành mắng của Hạ hạ phẩm. Như người học trò làm nghề vá nôi của lão Hòa thượng Đế Nhân, niệm Phật ba năm thì thành tựu, không có khác, chính là biết vận dụng công phu này. quyết không cho phép tâm mình có chút tạp niệm, mà chỉ có “A Di Đà Phật”, mỗi ngày từ sáng đến tối đều chuyên tưởng như thế, và Ông ta thành công thật. Rồi lúc vãng sanh cũng được tự tại như thế, biết trước giờ “ra đi”, đứng mà vãng sanh.

Ví như thân thể đang rất khỏe mạnh nhưng mỗi ngày đều nghi ngờ rằng “ta đau chỗ này, ta có bệnh chỗ kia”, nghĩ vậy nhiều ngày thì bỗng bệnh thật. Vì sao vậy? Vì do tâm tưởng mà ra. “Tất cả pháp đều do tâm tưởng sanh ra”, vậy sao ta không nghĩ về việc khỏe mạnh mà lại nghĩ việc bệnh tật? Không nghĩ về điều an lạc mà nghĩ chuyện phiền não? Mọi ý niệm trong thế xuất thế gian đều là chủ tử, còn xuất thế gian đến pháp thượng thừa thì không có ý niệm đó. Có ý niệm mới có thiện – ác, có thiện – ác; có ý niệm mới có chánh – tà, chân – vọng; còn không có ý niệm thì cũng không có chánh – tà, chân – vọng và mới thực đạt đến thuần chân không vọng, nhập vào cảnh giới Pháp thân Đại sĩ. Trong mười pháp giới vẫn còn chánh – tà, chân – vọng, thiện – ác còn Nhất chân pháp giới không có những điều này, nên mới thực gọi là chân thật đoạn phiền não. Vậy nên nói “Huệ” mà không có “căn” thì không đoạn được phiền não, “Huệ” phải có “căn”, lại phải hướng thêm lên cao, là phải có lực.

Lực trang nghiêm

Kinh văn: “**Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả**”(Dùng ngũ lực trang nghiêm, các oán dứt sạch, không ai có thể phá hoại được).

“Lực” là Ngũ lực. Ngũ căn tăng trưởng liền sản sanh sức mạnh thì gọi đó là “Ngũ lực”. Năm điều này, tên gọi cũng giống với Ngũ căn, gồm: Tín – Tấn- Niệm - Định- Huệ . Mỗi một điều chúng ta phải có trình độ nhận thức tương đối, phải chăm chỉ nỗ lực học tập, có vậy mới đạt được thọ dụng.

Thứ nhất “Tín lực”. “Tín căn càng thêm lớn thì phá được chướng ngại” vì tín căn thêm lớn thì sẽ thành lực, không nghi lời dạy thánh nhân. Ngày nay, tín của chúng ta có lực hay không? Chẳng những không có lực mà đến căn cũng không có. Với tất cả pháp thế xuất thế gian chúng ta đều có lòng ngờ vực thì sao đạt được thành tựu? Ngày nay thế gian hỗn loạn, lòng người băng hoại, trước đây không có, tương lai sắp tới trong lịch sử sẽ là một thời đại đại loạn. Căn nguyên của sự hỗn loạn là do đâu? Quyển Tam Tự Kinh mà trẻ nhỏ Trung Quốc thời cổ đại, đó là là tinh hoa, tiết lực giáo huấn tinh yếu của thánh hiền nhân; câu đầu tiên trong đó chính là căn bản của việc trị loạn thế gian “Nhân chi sơ tánh bản thiện. Tánh tương cận, tập tương viễn”. Chúng ta đã không những không tin lời dạy này, mỗi ngày có đọc câ này cũng chẳng nghĩ tới..

Chữ “thiện” trong “tánh bản thiện” không phải là thiện trong “thiện – ác” mà là “xa lìa hai bên, không ở nơi giữa” thì gọi là chí thiện, chân thiện, là viên mãn của tánh đức. “Tánh bản thiện” nghĩa là gì? Là tin tưởng bản thân có thể thành Phật. Phật chính là tánh bản thiện. Đầu tiên cho chúng ta tín tâm rằng chúng ta có thể làm Thánh nhân, có thể làm Thần nhân, có thể làm Phật, làm Bồ tát. Tín tâm chính là từ đó mà được tạo dựng vậy.

“Tánh tương cận” tức nói bản tánh của mọi chúng sanh vốn là như nhau: vốn dĩ đầy đủ đức năng trí huệ viên mãn, vậy

nên mới gọi là “sinh – Phật bất nhị” nghĩa là chúng sanh và Đức Phật không chút khác biệt. Vậy thì do đâu lại có sự khác biệt? Chính ở câu tiếp sau đó “tập tương viễn”, tập ở đây là tập quán, nên gọi là “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, vậy nên tập tánh mới khác biệt, không phải là bản tánh .

Bởi vậy con người không thể không tiếp nhận giáo dục vì mục đích của giáo dục là dạy cho chúng ta ngày thêm thân cận Thánh hiền. Cứ thân cận Thánh hiền, ngày dài đoạn thặng chính ta lại thành Thánh hiền không hay, đó chính nhờ do sự hun đúc của giáo dục. Ngày ngày chúng ta cùng ở chung với Đức Phật, bất tri bất giác liền thành Phật; ngày ngày chúng ta cùng ở chung với Bồ tát, bất tri bất giác liền thành Bồ tát. Ngược lại, ngày ngày chúng ta cùng ở chung với ác đạo, bất tri bất giác cũng biến thành ác đạo. Quỷ đạo (cõi quỷ) là tâm tham, Địa ngục là sân hận, Súc sanh là ngu si; ngày ngày ở chung với với họ thì nhiễm tham, sân, si rồi biến thành ác đạo.

Tìm được căn nguyên hỗn loạn thế gian rồi, đối trị phải bắt đầu từ cội rễ bắt tay vào. Đây chính là vấn đề của giáo dục. Cho nên từ xưa đến nay từ trong ra ngoài nước, các bậc hiền triết xuất hiện thế gian chỉ chọn giáo dục mà không chọn bất cứ hành nghiệp nào khác, chính là vì muốn cứu đời giúp người. Vậy còn ngày nay chúng ta trên thế gian chọn hành nghiệp xuất gia là dùng tâm gì, chí hướng gì để lựa chọn? Nếu như cũng chỉ vì danh tiếng, lợi dưỡng thì đường ta đi Tam ác đạo, thậm chí nghiêm trọng hơn. Vì sao vậy? Vì chúng ta đã uốn cong giáo dục thánh hiền, đã thực hành sai giáo huấn của Thánh hiền, rồi làm tất cả chúng sanh ngộ nhận. Đây chính là tội chồng thêm tội. Hành nghiệp này là hành nghiệp của thần thánh, là hành nghiệp của bậc đại thánh đại hiền nên nếu làm chưa tốt thì

chúng ta khác nào là kẻ có tội với Phật, Bồ tát, quả báo nhất định sa vào A tỳ Địa ngục.

Tam Tụ Kinh có lời dạy rằng “Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên” mà chúng ta lại chẳng chịu chuyên nhất, chuyên công, thấy người khác học rất nhiều thứ liền sợ không bằng người. Ý nghĩ này thật sai lầm! Nếu chúng ta chuyên công ắt có thể nổi bật hơn người. Người chuyên công chắc chắn đầy đủ tam học giới – định – huệ; người tạp học thì tam học giới – định – huệ hẳn là bị phá hỏng hết, sao có thể thành tựu? Việc dạy học của viện Phật học ngày nay chỉ mô phỏng phương pháp giáo học, làm theo giáo trình xếp sẵn của một số trường học, cho nên hoàn toàn không có tam học giới – định – huệ, chẳng những không có Tín lực mà cả Tín căn cũng không có.

Điều này hoàn toàn khác biệt với dạy học của cổ nhân, vì cổ nhân chắc chắn là “quý dĩ chuyên”, ví như ta học theo thầy giáo thì chỉ chuyên học một môn, không thể cùng lúc theo đuổi hai môn. Giống chuyện cư sĩ Lý Bình Nam đã dành cả đời giảng kinh, dạy học ở Đài Trung. Ông vô cùng nghiêm khắc hạn chế, học sinh chỉ được theo học một môn; chỉ người có khả năng thiên phú, có năng lực đích thực mới đồng ý cho cùng lúc học hai môn, mà cùng lúc học hai môn thì hai môn này nhất định phải bổ trợ với nhau, quyết không được trái nghịch nhau.

Lúc giảng Kinh, tôi vẫn thường khuyên mọi người là phải “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” (chuyên học một pháp môn, huân tu lâu dài). Không có nền tảng này, muốn tránh khỏi sự cám dỗ của tà tri, tà kiến, tà hạnh của xã hội, có thể làm không được; còn nếu làm được trừ phi ta là Phật, Bồ tát tái sanh, nếu không thì chắc chắn bị đọa vào ma đạo. Do đó, dạy học là phương tiện tốt nhất cứu độ tất cả chúng sanh. Tam Tụ

Kinh có dạy “câu bất giáo, tính nãi thiên” (nếu không dạy, thì tánh liền thay đổi”). Như chúng không nương theo đạo của Thánh nhân, đạo của Phật, Bồ tát giáo huấn thì chắc chắn sẽ thay đổi và chúng ta sẽ bị cuốn theo làn sóng của xã hội.

Ngày nay thiện căn của chúng ta không phải thiện căn sâu dày, vì nếu là thiện căn sâu dày thật thì ắt sẽ làm được “mắt không xem tà sắc,”. Điều này hiện tại ta chưa làm được, càng giáo ngôn tà ác thì càng thích nghe, không những thích nghe mà còn nghe ngóng. Từ đó mà xem thì biết ấy là người không có thiện căn, đường họ đi là tà đạo, cách với mức độ thấp nhất của Nho giáo là “quân tử” một khoảng rất xa.

Tiêu chuẩn dạy học của Nho giáo là “quân tử tuyệt giao, bất xuất ác ngôn”. Hai người bạn ý kiến không hợp, trở mặt, đoạn kết giao thì tuyệt đối không nói xấu đối phương dù chỉ một câu. Vì đâu Nho giáo lại dạy người ta như vậy? Mục đích là vì muốn giữ an định xã hội, hòa bình thế giới. có tâm như vậy thì ai chẳng tôn trọng mình!

Ác ngôn dễ dẫn đến dèm pha sanh sự, nhẹ thì phá hoại gia đình người làm gia đạo bất hòa; nặng thì phá hoại tập thể, gây bất hòa cho tập thể. Còn nếu là phá hoại đoàn thể Phật giáo thì lai sanh chắc chắn đọa vào A Tỳ Địa ngục vì đây là tội “phá hòa hợp tăng”, thuộc vào tội ngũ nghịch thập ác. Các cá thể trong đoàn thể có thể chưa tốt, nhưng đó là việc của họ, nhân quả ai người đó tự gánh, ta tuyệt đối không nói dù chỉ một câu, không tạo thêm nghiệp. Ta phải tin tưởng vào lời giáo huấn của Đức Phật, người khác tạo nghiệp bất thiện, có gì ta phải đem sự bất thiện ấy để vào tâm mình? Rồi biến tâm mình thành tâm bất thiện? Như vậy là tổn thất to lớn, là người ngu si nhất thế gian.

Ngay phần mở đầu của Kinh Thập Thiên Nghiệp Đạo, Phật đã dạy rằng “không may may xen tạp chút gì bất thiện”, câu này quan trọng biết là bao! Phải dưỡng cái tâm thuần thiện của chính mình, không nên phán xét lỗi lầm của người, càng không nên để điều đó trong lòng. Nói cách khác, không lưu làm lỗi của bất kỳ ai trong lòng mình.

Ít nhất mọi người cũng phải học theo được cư sĩ Hứa Triết. Bà năm nay đã 102 tuổi mà vẫn giữ được thân thể khỏe mạnh là vì đâu? Lý do rất đơn giản, tâm thanh tịnh! Bà giữ được tâm thanh tịnh, không có nguyên nhân nào khác ngoài việc tuyệt đối không để lỗi người vào tâm mình. Chỉ điểm này thôi đã thấy mình không bằng Bà rồi! Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hỏi bà “Vậy lúc bà thấy người ta sai lầm hay tạo tác việc ác thì bà làm sao? Bà trả lời là Bà chẳng thấy gì cả, giống như khi đi đường, tuy gặp rất nhiều người nhưng có nhìn thấy không? Thấy được. Có nghe được họ nói gì không? Nghe được, nhưng không ghi nhớ nó vào tâm, chẳng chút ấn tượng. Đây chính là không đem những thứ đó để vào lòng. Chúng ta phải cố học được công phu này.

Ngày nay chúng ta có thể tiếp nhận giáo dục Thánh hiền thì ấy chính là thiện căn, phước đức, nhân duyên kiếp trước. Nhưng điều này có hiệu quả không? Rất khó nói. Vì sao vậy? Vì sự tạp nhiễm của xã hội ngoài kia quá nghiêm trọng rồi, chúng ở thời đại này so với ngày trước nghiêm trọng hàng ngàn, hàng vạn lần cũng chưa vừa. Cho nên, trong xã hội này có thể giữ mình thì thật đúng là người có thiện căn vô cùng sâu dày, quyết chẳng phải người bình thường; còn nếu chưa có được năng lực này thì chúng ta phải huân tập. Bản thân tôi là một ví dụ. Tuy không phải là có thiện căn sâu dày nhưng tôi có thể bồi dưỡng thiện

căn, không để tập khí ác hại của xã hội tiêm nhiễm. Đó cũng chính là phát tâm của tôi khi tu học mười năm với Thầy Lý Bình Nam. Thầy ấy yêu cầu tôi tuân thủ giáo huấn của thầy ấy năm năm, tôi tự thêm năm năm nữa, vậy là tôi có mười năm học tập theo thầy ấy. Mười năm cảm rã tôi mới có được năng lực phân biệt chân – vọng, chánh – tà, thị – phi, mới có thể giữ mình khỏi sự tạp nhiễm, giữ cho tâm ngày một thanh tịnh hơn.

Tôi đã vì các đồng tu chọn ra bảy bài khóa. Chúng ta không phải một lúc học cả bảy bài khóa này mà phải học từng môn, từng môn; thứ tự thì tùy từng người chọn, không nhất thiết phải giống nhau. Học hiểu bộ Kinh này rồi thì học tiếp bộ thứ hai. Thế nào mới gọi là “hiểu”? Tiêu chuẩn của sự “hiểu” ngày nay cũng hạ thấp xuống rồi, theo tiêu chuẩn của cư sĩ Lý Bình Nam là chúng ta có thể đứng trên bục giảng lại thì mới tính là đã học hiểu; chưa lên bục giảng một lần thì không tính là học hiểu. Ngày xưa khi học với thầy ấy, từ kinh nghiệm cho thấy, tôi cảm nhận sâu sắc rằng một lần thì chưa đủ, phải giảng liên tục mười lần không gián đoạn mới được.

Mấu chốt ở sự thành bại của pháp thể xuất thế gian là tín tâm, cho nên nếu không kiến lập được tín tâm thì không thành được việc gì. Pháp môn chúng ta tu học là Tịnh Độ tông, tam tư lương của Tịnh Độ tông gồm Tín – Nguyện – Hạnh. Đầu tiên là “Tín”. Ngay cả khi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi vẫn phải khởi tu từ Ngũ Căn, Ngũ Lực thì chúng ta mới hiểu đề bài này quan trọng dường nào! Kinh A Di Đà mà Đại sư La Thập dịch giúp chúng ta hiểu rõ rằng đến với thế giới Tây phương cực lạc rồi vẫn phải tu Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát Thánh đạo phần. Từ đó có thể biết, chúng ta nhất định phải nỗ lực hoàn thành ba nhóm trước ngay trong đời này. Điều này nói

lên rất rõ ràng, không có nền tảng của ba nhóm trước ấy thì không thể vãng sanh.

Người chân thật niệm Phật vãng sanh quyết phải có đủ Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc. Tứ Niệm xứ là nhìn thấu, Tứ Như ý túc là buông xả, Tứ Chánh cần là đoạn ác tu thiện. Chúng ta không thật tâm tu tập những điều này thì dầu niệm Phật vẫn không thể vãng sanh. Chúng ta ngàn vạn lần cũng không nên nghĩ rằng “đời nghiệp vãng sanh” là điều dễ dàng. Đại Đức Tổ sư có nói là “dị hành đạo”. “Dị hành đạo” nghĩa là so với các pháp môn khác thì nó là dễ tu nhất. Chứ nếu chúng ta cho rằng nó quá dễ tu thì nghĩa là đời này ta đã lỡ dịp thành tựu, nên nhất định phải nghiêm túc học tập mới được.

“Chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả” chính là hiệu quả của Ngũ lực. Nghĩa của chữ “oán” này vô cùng sâu rộng, không chỉ là chướng ngại bên ngoài mới gọi là oán nghiệp, mà chướng ngại của bản thân cũng gọi là oán nghiệp, giải đãi lười biếng cũng là oán nghiệp. Ngũ căn là để đối trị, Giáo Thừa Pháp Số gọi là nghi chướng(hoài nghi, chướng ngại). Đó chính là oán nghiệp. Giải đãi, hôn trầm, thất niệm đều là oán nghiệp; tâm tán loạn, ngu mê cũng là oan gia phiền não. Nên biết những thứ này không phải từ bên ngoài mà đến; Kinh Bát Đại Nhân Giác dạy là trong bốn loại ma chướng thì hết ba loại là từ bên trong. Đó là: “Ngũ uẩn ma” (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) ; “Phiền não ma” và “Tử ma”. Còn tất cả nghiệp chướng bên ngoài thì gọi là “thiên ma”, không phải ma chướng tự thân. Cho nên nói phạm vi của oán nghiệp rất lớn là vậy.

Chúng ta muốn phá được oán nghiệp trước bên ngoài, trước hết phải đoạn oán nghiệp trong tâm. Đoạn được oán nghiệp bên trong thì oán nghiệp bên ngoài toàn bộ cũng hóa

giải. Oan gia bên ngoài là từ vô lượng kiếp kết lại, mãi không thể đoạn được nên Bồ tát muốn thành Phật nhất định phải làm đến “nghiệp tận tình không” mới có thể thành thành Phật. Làm sao để thực hành được ? Chắc chắn là phải bắt đầu từ bản thân mà làm. Chúng sanh muốn thành Phật phải tu hành gian nan, rốt cuộc gian nan chỗ nào? Gian nan ở chỗ quan niệm sai lầm. Chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chướng nhưng tầm mắt ta chỉ biết đến bên ngoài, không thấy rằng tiêu trừ nghiệp chướng bên trong mới quan trọng.

Trong Kinh Luận, Phật thường giảng “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Vậy còn mười pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà ra? Cũng là từ tâm tưởng mà ra. Lìa khỏi tâm tưởng, không pháp nào có thể có được. Nghịch cảnh, người ác là do ý niệm bất thiện của chính mình mà ra, sao có thể oán trách môi trường bên ngoài? Nếu niệm niệm nào của ta cũng là thiện niệm thì ta sẽ thấy cảnh giới bên ngoài không có gì bất thiện. Sao Phật lại thấy mọi chúng sanh đều là Phật? Vì trong tâm Người là Phật, tâm Phật thì đương nhiên thấy ngoại cảnh không gì là không phải Phật. Vậy đến khi nào chúng ta mới thực thành người thiện? Người thiện thì vừa mở mắt nhìn, thấy tất cả thế gian không pháp nào là bất thiện; Ngạ quỷ, Địa ngục, Súc sanh hết thấy đều thiện. Ấy mới thực là người thiện. Ví như vẫn còn bất thiện xen tạp bên trong thì không phải là người thiện, cái thiện ấy chỉ là cái thiện tương đối, không phải thuần thiện, thuần thiện nhất định phải lìa khỏi cái tương đối ấy.

Những phiền não mà Kinh văn nhắc đến thật nghiêm trọng, chung quy lại cũng là “hoài nghi”. Không chỉ là hoài nghi giáo huấn Thánh hiền mà còn hoài nghi với tất cả người, sự và vật. Đến khi nào mới có thể đoạn trừ sự hoài nghi ấy? Khi mà

người nghi ngờ ta, ta cũng không nghi ngờ người; người cự tuyệt ta, bài trừ ta, ta tạm nhượng bộ, tạm thời né tránh, tuyệt không hoài nghi người. Đến khi công phu mình thật đủ sâu rồi thì “tinh thần sở chí, kim thạch vi khai”, tự có thể hóa giải sự hoài nghi của người với mình. Người vẫn hoài nghi ta là do lời giải thích của ta chưa đủ chân thành, do ta chưa làm tốt; quyết không có chut tâm oán hận với người, niệm niệm đều phải hồi quang phản chiếu!

Chư Phật Bồ tát, Đại Thánh, Đại Hiền không ai là không phải bắt đầu tu tập từ tâm tánh của mình, ấy gọi là “nội học”. Nếu tất cả chỉ nhìn thấy bên ngoài thì ấy gọi là “ngoại đạo”, là “tâm ngoại cầu pháp”. Phật giáo sẽ chia thành “nội học”, “ngoại đạo” cũng từ chỗ này mà phân, chúng ta học Phật thì ngàn vạn lần không nên học thành ngoại đạo rồi. Chỗ nào cũng nhìn thấy người không đúng, ấy là ngoại đạo; niệm niệm phản tỉnh thân ta là không đúng, ấy mới là học Phật. Đúng thực là người không có lỗi, ngay cả khi họ đã tạo thập ác ngũ nghịch cũng không có lỗi, vì sao vậy? Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất rõ: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”. không ai dạy họ biết, ta muốn trách họ thì ta sai rồi, tâm ta quá khác khe rồi.

Tôi cũng không dễ gì mới hiểu được đạo lý này, mới từ xưa kia vô số tập khí ác hội đầu lại. Hội đầu đầu dễ dàng! Mỗi ngày đọc Kinh, cùng đồng tu, cùng đạo hữu nghiên cứu, thảo luận Kinh điển, ấy chính là thân cận Phật, Bồ tát. Phải năm mươi năm ròng rã không rời, ngày ngày vẫn làm, không ngày ngưng nghỉ mới mong chuyển đổi ý niệm này. Nếu không có nghị lực, quyết tâm thì sao có thể chuyển đổi được? Đến lúc chuyển được rồi thì chắc chắn không còn đọa lạc, lấy một câu

nói trong tôn giáo “bản thân được cứu rồi“ vậy, Phật giáo gọi là “bản thân được độ rồi”. Sau khi bản thân được độ rồi thì thân còn lưu lại thế gian này thì quyết vẫn không chỉ vì mình, không có chính mình. Thân lưu lại thế gian này là để giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh hiểu rõ đạo lý lớn này.

Vậy nên, “Tín” ngày nay của chúng ta không có căn, thì sao có Lực? Tín có Lực mới phá được nghi, phá được chướng. Trong quá trình tu học chúng ta nhất định không được có nghi hoặc. Chướng là chướng ngại từ bên ngoài, mà nói theo ngày nay là “chịu sự tác động của người, sự và vật”, vậy nên sanh ra chướng ngại. Nhất định không để ngoại lực ảnh hưởng thì đó chính là trừ chướng, được vậy đạo đức, trí huệ bản thân mỗi ngày thêm lớn. Làm sao mới phá trừ được chướng ngại? pháp tu này vô cùng quan trọng! Qua được ải này rồi thì những ải sau sẽ không quá khó khăn; tinh tấn, niệm căn, niệm lực, định căn, định lực, huệ căn, huệ lực tự nhiên lớn lên và cũng tự nhiên tinh tấn không giải đãi.

Với những điều Phật giảng dạy, nếu thực chúng ta đã hiểu rõ và thể hội, đã dung hợp, biến nó thành kiến giải, tư tưởng của chính mình và thực hành vào đời sống, thì có gì mà không an vui? Chúng ta không được an vui, việc này giống như ăn thức ăn nhưng lại ăn phải những thứ không bổ dưỡng, ăn rồi nhưng không tiêu hóa được. Đó không phải vì thức ăn không thể tiêu hóa mà là do hệ thống tiêu hóa của chúng ta có vấn đề, vấn đề này chính là tham, sân, si, mạn, nghi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cho nên, giảm một phần vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có thể tiếp thu thêm một phần Phật pháp; giảm được hai phần thì tiếp thu hai phần. Còn nếu vẫn quyết giữ những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cả đời này có dụng

công khổ học thế nào cũng không thể tiếp thu được chút gì. Vậy nên, muốn có được giáo huấn của Thánh hiền, thực tế mà nói thì tâm tánh vốn có đủ trí huệ, đức năng. Muốn vậy phải điều hòa thân – tâm, khôi phục khả năng “tiêu hóa” của chính mình, được vậy thì đạo Bồ Đề tự nhiên thuận buồm xuôi gió.

Tóm lại mà nói, trong Phật pháp, nguyên tắc cương lĩnh đầu tiên là Thiên định. Thiên định là then chốt tu học của Phật pháp. Kinh Kim Cang giải thích Thiên định là “bất thủ ư tướng, như như bất động”, thực sự làm được điều này thì ắt sẽ phục hồi khả năng “tiêu hóa” của bản thân. “Bất thủ ư tướng” tức là không chấp vào cái tướng bên ngoài, thế nào là không dính chấp tướng bên ngoài? Phải thường nghĩ đến “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (nghĩa là “phàm thứ gì có tướng thì đều là hư vọng”). Gặp tướng tốt, thuận cảnh, trong lòng hoan hỉ, ấy chính là phiền não, phải nghĩ đến “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” để dần tâm hoan hỉ ấy xuống. Gặp người ác, nghịch cảnh, cũng nghĩ đến “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” để dần tâm tham, sân, hận xuống. Mọi lúc, mọi nơi, luôn giữ tâm bình thường. Bình đây là bình đẳng, thường là hằng thường. Phải nĩnh viễn giữ được cái tâm bình thường ấy.

Chúng ta thường cúng một ly nước trước Phật. Nước đại diện cho sự thanh tịnh, bình đẳng. Luôn giữ được sự thanh tịnh, bình đẳng thì đó chính là Phật đạo, là đại đạo. Tâm bình thường chính là đạo! Lục căn vừa tiếp xúc bên ngoài mới gợn chút sóng gió, tâm ta liền không giữ được, ấy chính là không có đạo, là phạm tâm, không phải đạo tâm. Đạo tâm là tâm thanh tịnh bình đẳng, phạm tâm là tâm hỉ, nộ, ai, lạc. Chúng ta hiểu được rồi . thì ắt biết dụng công thế nào có thể siêu phàm nhập thánh .

Giác chi trang nghiêm

Kinh văn: **“Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp”**(Dùng giác chi trang nghiêm, thường khéo giác ngộ tất cả các pháp).

Đoạn này nói về Thất Bồ Đề Phần trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, còn gọi là “Thất giác chi”. “Chi” tức là chi phần, trọng tâm là “giác” tức bảy điều gồm Niệm, Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Định và Xả. Tác dụng và hiệu quả của Thất Giác Chi chính là “Thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp”. “Thường” nghĩa là vĩnh hằng, hằng thường. Trong “thiện giác” thì chữ “thiện” chính là mấu chốt, cái “thiện” thực tiễn chính là chỗ này nói Thất Giác Chi. Chúng ta dùng nguyên tắc này để giác ngộ tất cả các pháp. Sở dĩ phạm phu không thể thành Thánh then chốt là ở “không giác”. Pháp thể xuất thế gian không ngoài “giác” và “mê”; giác ngộ rồi thì là pháp xuất thế gian, vẫn còn mê thì là pháp thế gian. Cho nên, giác rồi thì gọi là Phật, Bồ tát; còn mê là phạm phu.

Thứ nhất “Niệm giác chi”. Trong chú giải có nói “Tâm trầm thời, niệm dụng trạch tấn hỷ dĩ khởi chi”. Chữ “tâm trầm” ý nói tâm hôn trầm, như đang lúc niệm Phật nghe kinh thường buồn ngủ, không đề khởi tinh thần. Đây chính là phiền não chướng ngại nghiêm trọng. “Trạch pháp” tức là lựa chọn kinh hành, bái (lạy) Phật, chỉ tịnh, chuyên chú Phật hiệu, v.v.. để đối trị lại tâm hôn trầm.

“Tâm phù thời, niệm dụng Khinh an – Định – Xả dĩ nhiếp chi”. Chữ “phù” là trạo cử, tâm bất an, vọng niệm quá nhiều; khi ấy dùng ba pháp Khinh an – Định – Xả để nhiếp tâm. “Giác linh định huệ quân đẳng”, ý là nhất định phải đạt được sự cân bằng giữa định, huệ thì đó mới là bình thường. Định nhiều huệ ít thì hôn trầm, huệ nhiều định ít thì trạo cử, hồ tư loạn tưởng. Ý

nghĩa chữ “Định, Huệ” chỗ này khá hẹp, phạm phu bình thường vẫn có được, khác hoàn toàn với Định – Huệ của “Giới – Định – Huệ”. Đây là một loại dụng công lúc bình thường, Còn nhiếp tâm là phương pháp hàng phục hôn trầm. Chỗ này chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Hôn trầm, trạo cử là những bệnh thường gặp của người tu hành; phương pháp đối trị với bệnh này chính là dùng Thất giác chi. Thông thường chúng ta không nói không nhắc đến Thất giác chi vì nó khá phức tạp, trừ phi đối với Phật pháp tương đương khế nhập, thì mới dùng đến những nguyên tắc, nguyên lý này của Kinh điển. Thông thường chúng ta dùng phương pháp, khi vọng niệm khởi phát; không quan tâm nó ý chí chuyên chú vào câu Phật hiệu, bất kể thiện niệm hay ác niệm đều chẳng để ý gì đến nó, lâu ngày dài tháng, vọng niệm tự nhiên giảm đi. Nếu chỉ là hôn trầm nhẹ thì dùng phương pháp kinh hành, nhiều Phật đối trị; hôn trầm tương đối nghiêm trọng hơn tối nhất là lay Phật. Nhất định phải đề khởi tinh thần và đương nhiên là có mối liên hệ rất lớn tinh thần và nguyện lực bản thân. Nhất định phải phát đại nguyện “nguyện độ chúng sanh, nguyện liễu sanh tử, nguyện thành Phật đạo”. Phạm là người có thành tựu thì không gì khác là nguyện lực đang thúc đẩy họ, cho nên mới có thể dũng mãnh tinh tấn.

Nếu không biết dùng phương pháp đối trị, thì công phu chúng ta không thể tiến bộ; mà phương pháp thì vô lượng vô biên, nhất định phải khế cơ, không phải khế cơ của đại chúng mà là khế cơ của mỗi chúng ta. Căn cơ và tập khí có liên hệ với nhau, ý cũng là nói nếu tất cả pháp môn mà chúng ta tu học hiện nay với những gì mà chúng ta đã học trước là như nhau, thì chúng ta tu học thuận lợi; ngược lại thì đương nhiên việc học

hành cũng trở nên hết sức gian nan. Vì vậy, cho nên căn cơ và việc tu hành trong quá khứ của mỗi người đều có mối quan hệ mật thiết với nhau. Phật, Bồ tát, A La Hán giáo hóa chúng sanh thì rất dễ dàng vì các vị ấy có thể quán cơ, biết được những gì chúng ta đã tu học trong quá khứ nên dẫn đạo thì rất khế cơ. Phàm phu thì không có năng lực này. Không có năng lực này thì phải cẩn thận quan sát, nhờ vào kinh nghiệm mà tìm ra, sau đó mới làm thực nghiệm.

Khi chúng ta mới bắt đầu học có thể lướt sơ qua một số pháp môn, nhưng sau khi hiểu rõ rồi, thì bản thân tỉ mỉ suy xét lựa. Lấy chính tôi làm ví dụ. Lúc đầu Ông Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi Kinh Hoa Nghiêm, tôi đọc Sớ Sao của Đại sư Thanh Lương thấy vô cùng hoan hỷ, nhưng lại không dám học vì bộ Kinh này quá lớn. Về sau tôi học tập với Thầy Lý Bình Nam, lúc ấy là trước lúc chưa xuất gia, ở Đài Trung khoảng một năm ba tháng thì học được mười ba bộ kinh, bộ đầu tiên là “A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung”. Tiến độ lúc đó khoảng một tháng học một bộ, tiêu chuẩn là lên bục giảng có thể giảng lại bộ kinh đã học nên tâm học hết sức hưng vượng.

Sau này xuất gia và giảng dạy ở viện Phật học, cứ mỗi học kỳ dạy một bộ, ba năm tốt nghiệp ở viện Phật học tôi mới dạy hết sáu bộ. Ở Đài Trung chỗ Thầy Lý phong khí học tập vô cùng hăng hái, hiệu quả vô cùng cao. Cho nên khi đã học và nắm vững bộ Kinh nhỏ, tôi liền muốn học bộ Kinh lớn. Tôi một lòng quyết ý muốn học Kinh Pháp Hoa nên sưu tập mười mấy bản chú giải Kinh Pháp Hoa; vừa đúng lúc Thầy Lý Bình Nam khai giảng Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Ngài nói phân lượng của Kinh Lăng Nghiêm gần bằng Kinh Pháp Hoa nên muốn tôi học Kinh Lăng Nghiêm. Tôi hiểu là thời gian của

Ngài ấy hết sức quý báu nên tôi nghe theo lời khuyên dạy, tạm gác Kinh Pháp Hoa lại và bắt đầu học kinh Lăng Nghiêm với Ngài ấy.

Quyển Kinh Lăng Nghiêm trên tay tôi đang có đây chỉ có một bản chú giải do Pháp sư Viên Anh giảng nghĩa, vậy nên tôi vội vàng liên hệ với nơi lưu hành Kinh Phật ở Hồng Kông, nhờ ông sưu tập giúp tôi bản chú giải Kinh Lăng Nghiêm. Chưa đến nửa năm, ông giúp tôi tìm được hơn hai mươi bản chú giải đều được đóng bìa rất quý hiếm. Vậy là tôi ở Đài Trung ba năm chăm chỉ dụng công, theo Thầy Lý Bình Nam học Kinh Lăng Nghiêm. Cứ mỗi tuần thứ tư thầy Lý giảng một lần, thứ năm, sau khi lớp học Kinh hai năm thì dừng rồi bồi dưỡng hơn 20 học sinh đều có thể giảng Kinh. Liên Xã Đài Trung có mười bảy giáo sở, các học sinh sẽ thay phiên nhau giảng kinh ở giáo sở, việc này có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Đài Loan.

Sau khi lớp học này ngưng rồi, tôi mời bảy người đồng học lại, mỗi tuần tụ họp bốn lần, mỗi lần khoảng ba giờ đồng hồ để cùng nhau nghiên cứu, thảo luận bài giảng do một bạn học giảng lại. Các bạn học đều rất từ bi, họ dành toàn bộ thời gian cho tôi, để tôi giảng lại Kinh Lăng Nghiêm; vậy nên thầy Lý giảng qua một lần thì tôi cũng giảng được một lần. Tôi giảng một lần cho sáu bạn học nghe, sáu vị này cũng đều là người giảng Kinh, đều là người trong nghề. Bài tôi giảng vẫn còn sai sót, còn có chỗ dùng từ không rõ ý, mọi người nêu ra rồi giúp tôi sửa lại cho đúng.

Vậy nên, bất luận pháp thế xuất thế gian, muốn học phải có thầy chỉ dạy, phải có bạn cùng học, chỉ có mỗi thầy mà không có bạn thì cũng khó thành tựu. Bảy người chúng tôi cùng nhau học mười năm, mười năm như một ngày. Trong ba năm thì

bộ kinh Lăng Nghiêm được giảng xong, nên tăng giảng Kinh tôi học cũng thật ổn định rồi, nên về sau học tiếp những bộ Kinh lớn khác thì dễ như trở bàn tay. Còn Kinh Pháp Hoa tôi chưa học qua, chưa nghe giảng qua nhưng thầy Lý đã giảng qua Kinh Pháp Hoa, trong Hoàng Hộ Tiểu Phẩm có bút ký. Tôi giữ lấy bút ký của thầy ấy, tôi cũng có thể giảng Kinh Pháp Hoa, tôi từng dùng 60 giờ giảng Đại Ý Kinh Pháp Hoa. Tôi đến Đài Trung đi nghe Kinh Hoa Nghiêm, Tôi nghe cách thầy Lý giảng pháp thế nào. Sau khi nghe giảng quyền thứ nhất thì phần sau tôi đều biết rồi, vậy là tôi đến Đài Bắc giảng Kinh Hoa Nghiêm.

Cho nên học Kinh giáo phải hiểu được bí quyết này. Người xưa có câu “thông một Kinh, ắt thông tất cả Kinh”, nếu chúng ta muốn thành tựu nhất định phải “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, rồi sau đó bất kể đọc Kinh điển gì cũng sẽ không gặp chướng ngại, nhiều nhất là mấy chỗ khó hiểu trong Kinh văn thì tham khảo chú giải của các vị cổ đức, bản chú giải này không hiểu lắm thì xem bản chú giải khác, đương nhiên là phải có chút ít khả năng đọc sách xưa; vậy nên tôi chọn một trăm thiên trong Cổ Văn Quán Chi. Tôi yêu cầu các đồng học ở Úc phải học thuộc hai thiên cổ văn mỗi tuần, trong một năm phải xong một trăm thiên cổ văn. Phải đọc thuộc, giảng được, viết được chính là chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, Đại Tạng Kinh. Vậy nên việc lựa chọn pháp môn liên hệ thành bại của đời này của chúng ta .

Thứ hai “Trạch pháp giác chi”. Chú giải nói: “*Quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy, bất mậu thủ u, hư ngụy pháp cố*”. Ý nghĩa hàm chứa trong câu này rất rộng, không chỉ đơn giản là phương pháp tu hành mà còn gồm cả cách đối nhân, xử thế, tiếp vật trong đời sống thường ngày;

phải biết đem những sai lầm của chúng ta sửa đổi lại, như thế mới thực là tu hành. Chữ “Thiện” trong “Thiện năng giác liễu” bao hàm cả trí huệ, không có trí huệ thì không có năng lực phân định, tức là không có phương tiện thì không biết làm sao để giải quyết; nên nhất định phải có trí huệ, có phương tiện kỹ xảo.

Chúng ta là phàm phu, trí huệ chưa khai mở, làm thế nào phân định chân – vọng, chánh – tà, thị – phi của mọi pháp thế xuất thế gian? Do đó cần phải học. Ý nghĩa của chữ “học” và chữ “giác” tương thông nhau, học chính là giác ngộ, hiểu học chính là sự mong muốn giác ngộ, hoan hỷ giác ngộ tường tận mới hiểu học. Ngày nay tiêu chuẩn mà chúng ta dùng chính là tiêu chuẩn của cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để so sánh, để chọn lựa. Phật dạy cho chúng ta tiêu chuẩn, chính là chúng ta vừa bước vào cửa Phật, việc thứ nhất là tiếp nhận nghi thức “Tam Quy”, tức là “Giác – Chánh – Tịnh”.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Đại sư Huệ Năng truyền thụ Tam quy không phải là “quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”, Ngài dạy chúng ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh” tức “Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh”. Vì khi nói Phật – Pháp – Tăng chúng ta thường hiểu lầm, dính chấp vào tướng. Giống như nói “quy y Phật” liền nghĩ đến tượng Phật, nói “quy y Pháp” liền nghĩ đến Kinh Phật, nói đến “quy y Tăng” liền nghĩ đến người xuất gia. Nghĩa thực sự của Phật – Pháp – Tăng là Giác – Chánh – Tịnh; giác mà không mê chính là Phật, chánh mà không tà chính là Pháp, tịnh mà không nhiễm chính là Tăng tức là đang dạy chúng ta Giác – Chánh – Tịnh. Đây là tự tánh của Tam Bảo chứ không phải chỉ là quy y tượng Phật bằng gỗ,

xi măng, cũng không phải quy y Kinh điển, càng không phải quy y người xuất gia. Chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Cho nên, tiêu chuẩn lựa chọn của chúng ta là tự tánh Giác – Chánh – Tịnh, còn những điều trái ngược với Giác – Chánh – Tịnh đều không phải Phật pháp. Thế nào gọi là “Giác – Chánh – Tịnh”? Kinh Đại thừa lẫn Tiểu thừa đã bàn rất nhiều rồi, chúng ta đọc Kinh, tìm hiểu Phật giáo cũng không ngoài mục đích hiểu, giảng giải tường tận nghĩa của ba chữ này. Thế nhưng từ thực tiễn đến phương tiện trước tiên nhất thì biết phải bắt đầu nhập môn từ đâu? Đương nhiên là từ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, như trong Kinh Vô Lượng Thọ vẫn dạy chúng ta rằng “Thiện hộ tam nghiệp” (khéo giữ ba nghiệp) chính là bắt đầu từ chỗ này đây. “Khéo giữ khẩu nghiệp, không bàn lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất oai nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm” ba câu này chính là Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta phải nhớ không được quên, nhất định phải thật lý giải được ý nghĩa của tinh thần của mười điều thiện. Thực hành viên mãn mười thiện nhất định sẽ đắc Phật quả cứu cánh.

Bộ Kinh này tuy nội dung không nhiều nhưng ý nghĩa thì vô cùng vô tận, sau này khế nhập rồi tự ắt chúng ta sẽ hiểu từng câu từng chữ tất cả Kinh luận đều viên dung tất cả Kinh luận, đúng thực là “một tức là tất cả, tất cả tức là một; một và tất cả chẳng gì khác biệt” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Không thể nói rằng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là nông cạn, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm thì thâm sâu; sự thật thì không phân chia lớn – nhỏ, nông – sâu, tất cả chỉ là bình đẳng và bình đẳng. Chúng ta có thể vào được cảnh giới như thế tức chúng ta đã thiện năng giác liễu. Cảnh giới này chính là cảnh giới vô

chương ngại, cảnh giới giải thoát không bàn nghĩ mà Hoa Nghiêm dạy.

Phạm vi bao quát của “trạch pháp” vô cùng rộng lớn, bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chúng ta ngay trong đời này, ví dụ như cầu học hay làm việc đều cần trí huệ thận trọng đi lựa chọn. Về tiêu chuẩn lựa chọn, Phật pháp sẽ cho chúng ta khái thị, đó là có thể phân biệt giả – chân, phải chọn “chân” không nên chọn “giả” cũng giống như chọn “thiện”, không chọn “ác”. Chúng ta nên chọn lấy điều lợi cho chúng sanh, cho xã hội; quyết không chọn điều tổn hại chúng sanh, tổn hại xã hội. Lựa chọn như vậy mới thực đạt đến mức đoạn ác tu thiện, tu công tích đức. Từ trong cuộc sống, công việc cho đến đối nhân, xử thế, tiếp vật chúng ta phải lựa chọn thiện lành mà theo cách nói của người đời nay là phải biết nắm bắt cơ hội, còn Phật pháp gọi là cơ duyên, nắm bắt cơ duyên. Cơ duyên thù thắng không dễ gì gặp được, nên khi cơ duyên hiện tiền nếu chúng ta không nắm bắt thì chỉ trong sát na sẽ vụt mất, về sau muốn có lại cơ duyên lại khó vô cùng. Tu học pháp môn cũng không ngoại lệ, phải nắm bắt cơ hội, hoàn cảnh học tập mới có thể thành tựu.

Đối với pháp môn tu học lại càng phải thận trọng. Trong một đời chuyên tâm khổ công vào một bộ Kinh, làm “chuyên gia” chứ không làm “thông gia”. Chuyên đến một trình độ nhất định thì tự ắt sẽ thành thông rồi. Người xưa có câu: “nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông”. Được “nhất thiết kinh thông” rồi thì vẫn chú tâm để làm “chuyên gia” không làm “thông gia”. Ấy thực là đại từ đại bi, là tấm gương cho việc tu học đời sau. Đừng khiến cho hậu học thấy “chúng ta mọi thứ đều thông, mỗi thứ đều giảng tại sao muốn tôi học một thứ”, họ sẽ sanh hoài nghi.

“Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham” trong Kinh Hoa Nghiêm chính là ví dụ. Thực tế mà nói, năm mươi ba vị thiện tri thức đều thông cả rồi, Thiện Tài Đồng Tử tham vấn một vị được rồi, hà tất phải tham vấn cả năm mươi ba vị? Mà mỗi vị thị hiện ấy đều là chuyên gia chứ không phải thông gia, dụng ý chính là ở chỗ này.

Các vị ấy luôn suy niệm vì lợi ích chúng sanh, lợi ích hậu học, tuyệt không có ý lợi dụng riêng mình. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, ngay cả các vị cùng tu học phát tâm nghĩ đến pháp môn khác, thật tìm không được người dạy, thì những trường hợp khác không cần nói đến. Ví như pháp môn này vẫn còn có người dạy và hiển nhiên là dạy tốt, nếu chúng ta không dạy được chúng ta sẽ giới thiệu bạn tu học của mình đến nơi khác để tham học. Chúng ta thấy trong “Cao Tăng Truyện” kể có người đến tham học, sau khi gặp vị lão hoà thượng, lão hoà thượng liền nói với người ấy rằng: “duyên học của anh không phải ở chỗ tôi, anh nên tìm đến nơi khác với một vị thầy khác”. Vậy là anh ta tìm đến một nơi khác và ở đó tu học ba năm, năm năm thì thực sự khai ngộ rồi chứng quả.

Vậy nên, “trạch pháp” vô cùng rộng lớn, học Phật càng phải lựa chọn thận trọng. Nhiều người học Phật nhưng lại không nhận thức rõ ràng, cứ xem việc bói toán, lên đồng là học Phật, thậm chí là xem Pháp Luân Công cũng cho rằng học Phật, thật là một sự sai lầm lớn! Không có trí huệ, không có năng lực trạch pháp, mà người người đều như vậy thì khác nào đi vào con đường sai lầm, rồi dần có biết hồi đầu thì cũng đã lãng phí rất nhiều thời gian và tinh lực của bản thân.

Thứ ba “Tán giác chi”. Chú giải viết “Tu đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, chánh bất chánh hạnh, bất mậu hạnh ư, vô

ích khổ hạnh cố”. Đây chính là “thiện năng giác liễu” cái nào là chánh hạnh, cái nào không phải là chánh hạnh; chánh hạnh là phải tinh tấn, không chánh hạnh thì phải xả bỏ. Không tu mà khổ hạnh thì cũng vô ích dù sự khổ hạnh là điều mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán, nó giúp giảm bớt dục vọng của một cá nhân, gìn giữ tâm đạo không thoái lui nhưng khổ hạnh lại không lợi ích gì cho sự tu học của chúng ta thì đó là không cần thiết. Điều này chúng ta phải hiểu cho thật rõ ràng.

Tuy nhiên vì mỗi người mỗi căn tánh khác nhau nên có khi phương pháp tu của họ không thích hợp với ta, phương pháp tu học của ta cũng không thích hợp với họ. Vậy nên mới nói quán cơ là điều không dễ dàng, không những quán cơ không dễ mà đến ngay cả tự hiểu mình cũng tương đối khó. Nhận thức được căn tánh bản thân rồi mới lựa chọn được pháp môn khế hợp với căn tánh của mình, cho nên khế cơ khế lý vô cùng quan trọng. Chúng ta mới bắt đầu vào cửa Phật, để hiểu biết sơ bộ về các tông phái nên xem qua một lượt rồi sau mới cẩn thận lựa chọn. Có khi cẩn thận lựa chọn cũng chưa chắc phù hợp, vì không rõ căn tánh bản thân, cứ thấy pháp môn của người khác tu học tốt liền vô cùng ngưỡng mộ rồi muốn học theo. Vấn đề là có thể học thành công không? Nếu học mà không thành công thì ấy không phải khế cơ. Đã không thích hợp căn tánh mà ta vẫn miễn cưỡng học thì chắc chắn lãng phí thời gian, tinh lực, đến cuối cùng chẳng việc gì thành.

Trước kia tôi chưa học Phật tôi rất thích đọc sách, nên sau khi tiếp xúc Phật giáo phần lớn nghiêng về Giáo Hạ. Ban đầu Ông Phương Đông Mỹ trong lúc dạy học đã giới thiệu với tôi rằng “Phật giáo có hai môn học mà thế gian vô cùng hy hữu, một môn là Tánh tông, một môn là Tướng tông. Tánh tông lấy

Thiên tông làm đại biểu, Tướng tông lấy Pháp tướng duy thức làm đại biểu. Vậy nên khi mới tiếp xúc Phật giáo, tôi đặc biệt để ý hai môn này.

Về sau khi đã từ bỏ công việc, tôi cũng có ý xuất gia chuyên tu theo điển tịch Giáo Hạ. Tôi ở cùng với Pháp sư Sám Vân trong am tranh được năm tháng rưỡi thì Pháp sư Sám Vân giới thiệu Pháp môn Tịnh độ cho tôi. Lúc đó tôi khó mà tiếp nhận vì sở thích của tôi không phải pháp môn này. Ngài mang ra ba quyển sách muốn tôi làm phán khoa. Ba quyển đó là: A Di Đà Kinh Sớ Sao, Di Đà Kinh Yếu Giải và Di Đà Kinh Viên Trung Sớ. Tôi phán khoa ba quyển Kinh dựa theo chú giải của Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích, Đại sư U Khê chỉnh sửa vẽ thành biểu giải. Sau khi làm phán khoa xong, thấy được kết cấu chương pháp, hệ tư tưởng của Kinh điển tôi sanh tâm vô cùng hoan hỷ, nhưng vẫn chưa có ý định đi học. Thời gian sống trên núi, Ngài hướng dẫn tôi đọc hai tập Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Việc này vô cùng thọ dụng. Quan niệm của tôi về Tịnh độ cũng thay đổi. Lúc trước xem thường Tịnh độ, sau khi đọc xong Văn Sao tôi không dám xem thường nữa, hiểu được nội dung bên trong là tri thức lớn, cũng có một chút tín tâm, nhưng vẫn chưa phát tâm theo học Tịnh độ. Sau khi rời khỏi Pháp sư Sám Vân, thân cận thầy Lý Bình Nam, thầy ấy giảng giải tường tận cho tôi hiểu lý luận của Tịnh độ thì sự nghi hoặc của tôi về pháp môn này đoạn trừ, lúc này mới nỗ lực học tập Tịnh độ. Chọn Pháp môn này việc tu học mới tinh tấn mà không giải đãi.

Thứ tư “Hỷ giác chi”. Chú giải viết: “Tâm đắc pháp hỷ thời, thiện năng giác liễu, bất tùy điên đảo chi pháp nhi sanh hỷ cố”. Phải thật sự có định, có giác mới có thể được hoan hỷ. “Hỷ

giác chi hiện tiền” chính là “pháp hỷ sung mãn”, “thường sanh tâm hoan hỷ”.

Khi tôi dạy Kinh Mân Côi ở giáo đường Thiên Chúa giáo, một vị nữ tu nói với tôi rằng ngày nay tín đồ không có lòng nhẫn nại nghe giảng Kinh, nếu có một bài học giảng quá dài, mọi người liền thấy mệt mỏi, không muốn đến nghe. Tôi đáp lời vị ấy rằng khi tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm (đại khái giảng được mười mấy năm), Phật tử đều muốn đến nghe mà không muốn bỏ đi. Nguyên nhân việc này là gì? Vì chúng ta thật lòng muốn giúp người giác ngộ, người mỗi ngày nghe giảng pháp, nghe xong liền “pháp hỷ sung mãn” còn nếu không thích nghe thì sao họ đến cho được?

Vậy làm thế nào để giảng Kinh được hay, khiến người sanh tâm hoan hỷ? Trước hết chính mình phải khế nhập cảnh giới, chúng ta không nhập cảnh giới thì không “pháp hỷ” được, sao có thể chia sẻ pháp hỷ với người khác? Hơn nữa, tầm nhìn phải rộng, tâm lượng phải lớn mới có thể pháp hỷ; tầm nhìn hẹp, tâm lượng nhỏ, mỗi ngày đều sanh phiền não làm sao mà được pháp hỷ! Chúng ta không nên giới hạn trong một đạo tràng, không hạn định chỉ trong Phật giáo; thế giới với nhiều tôn giáo khác nhau, văn hóa tộc người khác nhau, chúng ta đều nên học qua.

Như vậy sẽ có đồng học hỏi tôi: “Liệu vậy có phải là tạp tu không?” Không phải, vẫn phải nhất môn thâm nhập; vì nếu không nhất môn thâm nhập thì không thể có được định, huệ. Nên hiện nay tuy chúng ta cùng nhau tham gia nhiều hoạt động tôn giáo chủng tộc nhưng chúng ta là tùy hỷ, không lãng phí thời gian, tinh lực ở chỗ này, nếu không chúng ta sẽ biến nó thành tạp tu. Tùy hỷ là sao? Tùy hỷ là xem nhiều, hiểu nhiều có điểm tốt. Tốt ở điểm nào? Tâm lượng được lớn, tầm nhìn được

rộng. Vậy đến khi nào mới dụng tâm theo học? Khi định, huệ của bản thân khai mở rồi thì hiểu biết về Kinh điển của các tôn giáo khác hay của Phật giáo cũng đều không uổng phí; như chúng ta xem trong truyện ký có tích Bồ Tát Long Thọ chỉ mất ba tháng để học thông đạt tất cả Kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy trong 49 năm vậy.

Tôi chuẩn bị bài giảng Kinh Mân Côi, viết xong ba trang giảng nghĩa phải dùng sáu tiếng đồng hồ, nhưng nếu thời gian cho phép tôi có thể giảng trong ba mươi tiếng. Năng lực này từ đâu có? Là nhờ vào mười năm theo học thân cận với thầy Lý Bình Nam. Mười năm chuyên tâm thâm nhập một môn là Tam học giới – định – huệ một lần là hoàn thành. Do đó học là phải chuyên sâu nếu ở không từ chỗ này cảm rỗi thì đức hạnh học vấn của chúng ta khó mà thành tựu, chỉ toàn học được bề nổi thôi. Sự học chỉ có bề nổi thì chẳng ích gì, phải thực sự khai mở trí huệ thì khi mới vừa tiếp xúc liền thông đạt, mọi loại chướng ngại đều không có. Tức là tất cả các pháp xuất thế gian đâu chưa từng tiếp xúc qua, vừa mới tiếp xúc liền thông đạt, như vậy mới được pháp hỷ sung mãn, vĩnh viễn đoạn hết ưu bi khổ não.

Thế giới dù động loạn không an, nhưng tâm cảnh ta vĩnh viễn bình an. Đó là vì đâu? Vì chúng ta bình đẳng, giữ được tâm bình lặng mà đối diện bất kỳ cảnh giới nào tâm cũng không gợn sóng. Quả báo của “bình” là an, bất luận cảnh giới nào cũng vĩnh viễn bình an, vĩnh viễn hoan hỷ. Tất cả chúng sanh thế gian đều không được bình an, chúng ta có thể khế nhập cảnh giới Phật pháp rồi nên chúng ta được bình an, còn họ vẫn phiền não. Mỗi ngày chúng ta đều sanh tâm hoan hỷ nên có khả năng giúp họ, có khả năng thông hiểu Kinh giáo khác nhau. Điều này nghe có vẻ vô cùng mâu thuẫn nhưng trên thực tế không có vấn chút

đề trở ngại gì cả, Đây là “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại” mà Kinh Hoa Nghiêm dạy vậy.

Tóm lại, chúng ta phải “giác”, muốn giác thì phải phá sạch mê, vì mê là chướng ngại giác. Giác là điều vốn có, là đức hạnh của tự tánh vốn có, như Kinh điển dạy “Trí huệ bát nhã vốn có đầy đủ trong bản tánh”. Đây là cội nguồn của giác. Ngày nay chúng ta không giác là do tâm tánh bị ô nhiễm, lấy cảnh giới hiện tiền của chúng ta mà nói, cội nguồn của nhiễm ô là tự tư tự lợi, nên tôi thường khuyên mọi người phải xả bỏ tự tư tự lợi là vậy. Sao tôi lại khuyên như vậy? Vì tôi hy vọng các vị đồng tu đời này có thể Phật đạo viên thành, có vậy chúng sanh mới được cứu giúp; mọi người đều thành hóa thân chư Phật Như Lai, đến thế gian cứu khổ cứu nạn. Đặc biệt trong xã hội ngày nay, chúng sanh mê hoặc quá nghiêm trọng phải có người đến cứu họ, vậy ai đến cứu họ? Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa thân đến cứu. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa thân nơi nào? Chúng ta tự thân phải gánh vác. “Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”, đây là Kinh Đại thừa dạy lời chân thật; chỉ cần chúng ta buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chúng ta chính là Phật.

Cái khó hiện nay là chúng ta không chịu buông bỏ. Việc này người khác không giúp ta được, chư Phật Như Lai không giúp ta được, Thượng Đế Thần linh cũng không giúp ta được, việc này là của bản thân ta. Chúng ta phải thật sự giác ngộ mới buông bỏ được; chưa giác ngộ triệt để là vì trước mắt xem trọng lợi – hại, được – mất mà không biết rằng những thứ này đều là giả cả. Kinh Bát nhã dạy: “Phàm có tướng đều là hư vọng”, bao gồm cả thân thể này cũng không phải thật, cũng là hư vọng, chúng ta khởi tâm động niệm bảo dưỡng thân này là một quan niệm sai lầm. Những thứ hư vọng hà tất phải bảo dưỡng? Cứ để

mặc nó, thuận theo tự nhiên, nó là bình thường . Lời Kinh dạy rất hay: “Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh”, còn Kinh Hoa Nghiêm nói là “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. “Thức” ở đây chính là tâm tưởng. Những hiện tượng biến hóa này là từ tâm tưởng sanh, là do thức biết hiện. Cho nên chúng ta phải giữ tâm được “bình thường”, cái gọi là “bình thường” chính là không thêm mảy may ý nghĩ gì bên trong, thêm vào một chút ý tưởng tức là không bình thường.

Đạo lý này nghe rất nhiều nhưng với cảnh giới hiện tiền thì chúng ta không giữ được, vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn có vọng tưởng, chấp trước. Đây là nguyên nhân làm chúng ta không thể giải quyết được vấn đề. Hai chữ “Tùy duyên” đâu dễ làm được! Chư Phật Bồ Tát tùy duyên ứng hóa ở thế gian, chắc chắn không phan duyên. Phạm phu lục đạo chắc chắn là phan duyên, không hiểu được tùy duyên nên dù họ có tùy duyên cũng thành phan duyên. Chúng ta quán sát kỹ chư Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát phan duyên cũng là tùy duyên. Vi diệu không thể bàn! Điểm khác nhau là ở chỗ dụng tâm khác nhau: chư Phật Bồ Tát dụng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, chúng ta dụng tâm vọng, tâm ô nhiễm, tâm cao thấp , nên tùy duyên đều biến thành phan duyên.

Quan niệm, lý luận trung tâm tu học của Phật giáo Đại thừa, nguyên lý nguyên tắc a là lìa Tâm – Ý – Thức mà “tham”. “Tham” nghĩa là “tham cứu”. Tham cứu là lìa Tâm – Ý – Thức, lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Người hiểu cách tu chân thật này lại không nhiều, nguyên nhân là vì không buông xả được tự tư tự lợi. Nếu buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ được thị – phi, nhân – ngã, buông bỏ được ngũ dục lục trần, tham, sân, si, mạn liền biết dùng quán, biết dùng quán rồi thì có thể đạt được

định – huệ rất mau. Tuy nhiên trình độ định – huệ có nông sâu không đồng, có thể nói từ Tiểu thừa Tu Đà Hoàn đến Phật quả Viên giáo thì thứ bậc định – huệ cũng khác nhau, nông, sâu, rộng, hẹp đều khác biệt cho nên học không có điểm dừng, không thể đầy đủ là vì vậy.

Thứ năm “Khinh An Giác Chi”. Chú giải viết: “Đoạn trừ thân khẩu thô trọng cố, diệt vi diệt trừ chư kiến phiền não cố, diệt danh vi y nhu thuận nhi vô cường bạo cố”. Khinh an chính là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là biểu hiện của công phu đặc lực. Luận Ngữ có câu “Bất diệt duyệt hồ”, đây cũng là cảnh giới của khinh an. Cái vui này không phải từ bên ngoài mà có, cái vui bên ngoài gọi là “lạc”; còn niềm vui xuất phát từ công phu nội tâm hiển lộ ra gọi là “duyệt”. “Duyệt” và “lạc” mới nhìn có vẻ giống nhau nhưng thực tế cái gốc không hề giống.

Làm sao để được khinh an? Chú giải có nêu ra ba ví dụ:

Một là “Đoạn trừ thân khẩu thô trọng cố”. Trong tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp, v.v.. thì đã lìa được phiền não thô trọng rồi hay nói cách khác là đã lìa được ba loại lỗi lầm của thân và bốn lỗi lầm của miệng. Tuy cái gốc chưa đoạn nhưng ít nhất không khởi hiện hành, thì có thể được khinh an, được hỷ duyệt. Thật làm được không vọng ngữ, không lừa gạt người khác và đương nhiên cũng không tự gạt bản thân, người thế gian tạo nghiệp nặng nhất không ngoài lừa mình gạt người, xem như phạm vào điều đầu tiên của khẩu nghiệp. nhân sinh sự việc chân thật an vui như lời ông Tư Mã Quang nói: “Sự vô bất khả cáo nhân ngôn” (nghĩa là không gì không thể cho người biết). Ông ấy làm được vậy vì tâm địa ông quang minh chánh đại, việc làm một đời ông không việc nào mà không thể cho người khác

biết. Chúng ta thử nghĩ xem ông ta an vui biết dường nào! Nếu ta làm việc gì mà còn không thể để người khác thấy, không dám để người khác biết thì tâm tư khổ ải làm sao có thể hỷ duyệt được!

Cho nên tu hành điều đầu tiên phải “Không gạt mình, không lừa người”. Kinh Vô Lượng Thọ dạy rằng “Khéo giữ Tam nghiệp” thì điều đầu tiên là “Khéo giữ khẩu nghiệp”. Lời dạy này ý nghĩa vô cùng sâu vì thân – khẩu – ý tạo nghiệp thì khẩu nghiệp là điều dễ phạm nhất, dễ tạo nhất và nghiêm trọng nhất vậy nên Phật mới xếp nó đầu tiên rồi mới điều thứ hai là “không lưỡng thiệt (Không hai lời)”. Tuyệt đối không khiêu khích thị phi, trước mặt bên A thì nói B quấy, trước B thì nói A quấy. Việc thế ấy quyết không làm vì nó tổn hại tánh đức, biết bao tội nghiệp nặng là do việc nói hai lời mà ra. Cho nên, tâm tạp lời thừa nhất định phải phòng ngừa, chuyện riêng của người không được nghe ngóng tò mò, kể cả nghe cũng không được. Trường hợp ta không nghe nhưng người cứ nói với ta thì phải làm sao? Chúng ta cũng không thể bắt họ đừng nói, nếu vậy thì ta cứ “nghe mà không nghe vậy”. Họ nói chúng ta đều nghe, ta cũng gạt đầu nhưng một chữ cũng không cho vào tai_ đây mới là công phu thật sự. Thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, nên chư Phật, Bồ Tát mới có thể hòa quang đồng trần với tất cả chúng sanh. Đây chính là “đồng sự nhiếp” trong Tứ nhiếp pháp. Công phu ấy, bản lĩnh ấy mới thực là cao!

Đó là công phu gì? Là “Ái, Thủ, Hữu” trong thập thị nhân duyên. Cùng làm việc, chung sống với tất cả chúng sanh có “Ái”, có “Thủ” không có “Hữu” vì “Hữu” là chủng tử trong A Lại Da thức. Khi lục căn tiếp xúc lục trần mà trong tâm không lưu ấn tượng gì nên không lưu chủng tử. Đây là điều cao minh

nhất. Người đời thường nói “bất tâu tâm”, tâm thanh tịnh biết bao! Chúng ta thấy việc tốt, việc thiện thì chúng ta chăm chỉ noi theo; thấy người bất thiện thì hoàn toàn không lưu giữ chút gì vào A Lại Da Thức, như thế mới có thể được pháp hỷ, được khinh an.

Con người sống trong hỷ lạc không dễ sanh bệnh cũng không dễ già yếu. Vì già, bệnh đến từ đâu? Từ âu lo, phiền não mà có. Người nhiều sầu lo, vương bận, phiền não thì dễ già yếu và dễ sanh bệnh; sống trong cảnh giới khinh an, hỷ lạc thì không dễ sanh bệnh và không dễ bị già yếu. Đây là lợi ích đầu tiên mà người học Phật có được. Lợi ích này vô cùng thực tế, chỉ cần chăm chỉ tu học chắc chắn đạt được, hưởng hồ nó cũng không quá khó vì đây là công phu thấp nhất. Sau khi chúng ta đạt được rồi tự ắt sẽ “pháp hỷ sung mãn”, tự nhiên dũng mãnh tinh tấn vì tự mình nắm được vị ngọt của pháp hỷ sung mãn. Học Phật mà càng học càng khổ não thì đó là không được pháp hỷ, khinh an; Nói cách khác đó là tu học không như pháp, chắc chắn đi ngược với lý luận và phương pháp Phật giáo. Nếu tu học như pháp thì bất luận tu học pháp môn nào đều có thể đạt được khinh an. Chúng ta phải thường xuyên lấy việc này tự đánh giá công phu của mình.

Hai là “Diệt trừ chư kiến phiền não”. Câu này đặc biệt nói về “Kiến hoặc”. Kiến hoặc nghĩa là cách nhìn và kiến giải sai lầm. Chúng ta ở Singapore những năm gần đây cùng qua lại rất nhiều tôn giáo khác nhau. Những tôn giáo này đều rất nhiệt tâm làm nhiều việc từ thiện xã hội. Chúng ta thấy vậy cũng hoan hỷ và tôn trọng họ, chúng ta mang tài vật hiệp trợ cùng họ. Nhiều người thấy vậy thì cho rằng việc đó không nên làm. Đây là một kiến giải sai lầm. Còn có người đến hỏi tôi: “Sao phải làm như

vậy? Sao lại mang tiền tặng các tôn giáo khác?” Tôi đáp rằng: “Đức Phật dạy chúng ta là chúng sanh vô biên thế nguyện độ. Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo có phải là chúng sanh không? Vậy có nên độ họ không? nên bố thí hay không, nên cúng dường hay không?”

Muốn tiêu trừ kiếp nạn thế gian, con người nhất định phải chung sống hòa thuận với nhau. Mỗi ngày chúng ta nói hòa bình, hòa là chung sống hòa thuận mà nền tảng của việc chung sống hòa thuận là “hành xử bình đẳng”. Chúng ta không bình đẳng với người khác, cho rằng tôi cao, tôi to còn người thì nhỏ bé thấp kém thì thế giới này vĩnh viễn không có hòa bình. Tâm ta có cao thấp ấy là tâm không bình đẳng thì sao có thể chung sống hòa thuận cùng chúng sanh? Huống hồ Kinh Phật dạy “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, phàm có Phật tánh đều là Phật”. Vậy thử hỏi: “Tín đồ Cơ Đốc giáo có Phật tánh không? Tín đồ Thiên Chúa giáo có Phật Tánh không?” họ đều có! Hết thấy họ đều là Phật tương lai còn chúng ta hôm nay bố thí cúng dường là cúng dường Phật tương lai. Nên nếu chúng ta thật sự thấu suốt chân thật nghĩa Như Lai thì không thể nào không yêu mến tất cả chúng sanh, không thể nào không toàn tâm toàn lực giúp đỡ tất cả chúng sanh. Có gì lại tổn hại họ, chướng ngại họ! tu hành trước tiên là phải đem kiến giải sai lầm sửa đổi lại.

Ba là “Y nhu thuận nhi vô cường bạo”. Thân tâm nhu hòa tùy thuận, không nóng nảy chính là cảnh giới khinh an. Do đó có thể thấy chúng ta muốn đạt được cảnh giới này, hy vọng cuộc sống này được pháp hỷ sung mãn thì phải đoạn trừ phiền não thân, khẩu thô trọng. Chúng ta không tu “nhân” thì không được quả báo thù thắng như vậy. Nếu miệng thường tạo bốn loại khẩu nghiệp, thân tạo sát, đạo, dâm thì chắc chắn không được khinh

an; “ thường sanh tâm hoan hỷ , pháp hỷ sung mãn, cả bất diệc duyệt hồ” chúng ta cũng không có phần. Tuy chúng ta thường nghe giáo huấn Thánh nhân nhưng những cảnh giới ý nghĩa bên trong chúng ta không cách gì thể hội được. Việc này nhất định bản thân mình làm , khế nhập cảnh giới thì mới thâm thía được lời nói của người xưa là có vị đạo

Khinh an lại là tiền phương tiện của định. Không đạt được khinh an chắc chắn không cách nào thành tựu định, vì định là cảnh giới cao hơn một bậc. Chúng ta được khinh an, pháp hỷ sau đó thì cảnh giới định mới hiện tiền. Vì thế trong đời sống thường ngày phải học hạnh Bồ Tát, phải tu Bồ Tát đạo. “Đạo” là giữ tâm, “hạnh” là hành vi trong cuộc sống thường ngày. Bất luận trong cảnh giới nào, thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh, người thật biết tu thì không bị trở ngại. Bất kể cảnh giới nào đều không ngại sự “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Thực lòng thực hành thì không sợ đạo nghiệp không thành. Nếu như lấy một thời gian để quyết định thành tựu, thì người căn tánh lạnh lợi thì ba năm, năm năm được thành tựu; người căn tánh hơi chậm thì mười năm, hai mươi năm hoặc ba mươi năm chắc chắn sẽ thành tựu.

Thứ sáu “Định giác chi” chú giải viết: “Phát chư tam muội thời, thiện năng giác liễu chư thiên hư giả, bất sanh kiến ái cố”. “Định” là mấu chốt tu hành Phật pháp, vô lượng pháp môn đều là tu thiền định. Pháp môn không giống nhau chính là phương pháp thiền định, cách thực hiện tu thiền khác nhau nhưng mục đích thì hoàn toàn giống nhau. Hiện nay chúng ta dùng phương pháp “trì danh niệm Phật” mục đích cũng là tu thiền định, Tịnh tông gọi là “Nhất tâm bất loạn”.

Công phu của định có sâu cạn khác nhau, đối với Tịnh tông mà nói, thiền định thấp nhất “Công phu thành mảng”. Công phu thành mảng là gì? Là công phu không chịu sự tác động bên ngoài quấy rối. Cổ đức gọi là “làm chủ được chính mình”, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần không bị vì cảnh giới lục trần quấy rối. Nói cách khác, mắt thấy sắc, tay nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị nhưng vẫn không bị những thứ ấy xoay chuyển, ở trong cảnh giới này mà không khởi tham – sân – si – mạn, thất tình ngũ dục. Đây là cảnh giới thiền định bậc thấp nhất nhưng cũng là công phu đặc lực, có công phu này chắc chắn được vãng sanh. Nếu như căn và trần tiếp xúc nhau mà còn chịu ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài, ví dụ khi người tán thán chúng ta, ta lấy làm vui sướng, chửi mắng ta mấy câu ta liền tức giận thì đây chính là không làm chủ được mình. Cảnh giới như gió thoảng qua tâm liền dao động thì niệm Phật không thể vãng sanh; một ngày niệm một trăm ngàn lần, hai trăm ngàn lần Phật hiệu cũng không thể vãng sanh chính là vì công phu không đặc lực.

Thiền định sơ cấp, chúng ta cả đời ta cũng không dễ đạt được, sơ thiền chúng ta còn chưa đủ năng lực đạt được. Nên tu hành trong Tịnh độ tông tuy dễ hơn so với các tông phái khác, nhưng nếu ta niệm danh hiệu Phật mà vẫn không chế phục được phiền não thì cũng không được vãng sanh. Cách tu hành của Tịnh tông chính là khi căn và trần tiếp xúc nhau, tâm mới động, bất kể là thiện niệm hay ác niệm chúng ta lập tức khởi lên Phật hiệu làm tiêu biến ý nghĩ đó ngay. Người xưa nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác muộn” vậy thì không khởi niệm tức là thành công rồi, khi ấy chúng ta không còn là phàm phu nữa mà đã thành Phật, Bồ Tát rồi.

Còn là phàm phu chắc chắn còn khởi ý niệm. Ý niệm vừa khởi liền khởi một câu niệm Phật thì ấy chính là giác, đem vọng tưởng mà đổi đi. Trong thuận cảnh khởi tâm ưa thích thì đem ý nghĩ ưa thích đổi đi, trong nghịch cảnh khởi tâm sân hận thì cũng đem ý nghĩ sân hận đổi đi. Hết thấy đều đổi thành một câu Phật hiệu, thì đây chính là chân thật niệm Phật, biết niệm Phật! vì vậy ở chỗ khởi tâm động niệm mà dùng công phu, dụng đến lúc tất cả vọng niệm đều không khởi nữa, ấy chính là “phát chư tam muội thời”. “Tam muội” ý nghĩa tam muội là “chánh thọ”, tức là hưởng thụ bình thường, cũng dịch là “Thiền định”. Vậy thiền định là sự hưởng thụ bình thường

Đại sư Huệ Năng dựa vào Kinh Kim Cang giải thích từ “Thiền định”. “Thiền” là “bất thủ ư tướng” chính là không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu; “định” là “như như bất động” nghĩa là bên trong không khởi tâm động niệm, vĩnh viễn giữ được ngoài lia tướng, trong không động tâm. Cảnh giới hiện tiền này gọi là “phát chư tam muội thời” lúc này phải “thiền năng giác liễu chư thiên hư giả”.

Thiền định ở thế gian có 8 loại, tầng bậc sâu cạn của 8 loại này cũng khác nhau. Các bậc sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền hướng lên trên là Tứ không định, hợp chung lại gọi là “Tứ Thiền – Bát Định”. Tức là Bát định bao gồm Tứ thiền nhưng không phải ngoài Tứ thiền còn có Bát định, đây là phần lớn, còn phần nhỏ thì rất nhiều. Công phu sơ thiền, tầng thứ công phu mỗi loại đều không giống nhau. Với người thật tâm dụng công thì cảnh giới mỗi năm mỗi khác nhau, cảnh giới mỗi tháng mỗi khác và cảnh giới mỗi ngày cũng mỗi khác. Có vậy chúng ta mới thấy tầng bậc thiền định nhiều và phức tạp biết bao, phương pháp và phương thức vận dụng thì vô lượng vô biên.

Có nhiều người tu thiên định, đắc thiên định nhưng không thoát khỏi tam giới và không chứng quả là gì sao? Sai lầm là ở chỗ chúng ta khởi sanh “Kiến ái”. Cảnh giới của thiên định là tốt, trong nhà Phật thường nói là “thiên duyệt vi thực”, cảnh giới này vô cùng an vui, một khi vào được cảnh giới này thì tham thích hưởng thụ an vui này, tự nhiên trụ trong cảnh giới này mà không thể nâng lên cao thêm. Điều này hết sức sai lầm! Nếu tương lai chúng ta vào được cảnh giới này thì nên nhớ lời Kinh Kim Cang dạy “phàm có tướng đều là hư vọng”, vậy cảnh thiên này cũng hư vọng, cả mười pháp giới y chánh trang nghiêm cũng không chân thật nên phải quyết không tham ái, chứ cả đời ưa thích cảnh giới này thì đọa lạc, không thể tiến về phía trước được.

Cho nên vĩnh viễn phải ghi nhớ “bất thủ u tướng, như như bất động”, ngay cả đến quả vị Như Lai cũng phải “bất thủ u tướng, như như bất động”. Vĩnh viễn đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới mở được trí huệ. Trí huệ tùy thuộc vào năng lực định công mà từ từ khai mở, năng lực định đến mức nào trí huệ sẽ đạt tới cảnh giới như thế ấy. Thiên định và bát nhã tỷ lệ thuận với nhau, năng lực định càng sâu thì trí huệ càng lớn.

Trời người Tứ Thiên, trời người Tứ Không thấu hiểu tìn hình thế giới ta bà lục đạo như lòng bàn tay, nhưng tại sao không thể thoát luân hồi lục đạo? Vì họ có “Kiến ái”, “kiến” là sở tri chướng, “ái” là phiền não chướng. Hai chướng này của họ tuy nhẹ hơn so với chúng ta nhưng chưa đoạn nên không thoát khỏi tam giới được. Muốn thoát tam giới phải đoạn được “ái”, quyết không sanh tham đắm cảnh giới thiên định. Khi nào đoạn tuyệt được “Kiến ái” ắt sẽ thoát được mười pháp giới.

Trong Kinh Kim Cang có dạy về “Tứ tướng tứ kiến” nên nếu ta vẫn còn “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng” thì không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Không còn Tứ tướng nhưng vẫn còn “ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến” cũng không thoát khỏi mười pháp giới. Ý nghĩa nửa phần sau Kinh Kim Cang thâm sâu hơn so với nửa phần đầu, thực hành được lời dạy nửa phần đầu Kinh sẽ thoát được luân hồi lục đạo, có thể chứng quả A La Hán; còn thực hành được cả nửa phần sau của bộ Kinh thì thoát ly mười pháp giới, được sanh đến Nhất chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng.

Người thổ dân Úc châu cho rằng họ mới thực là người, lại cho rằng chúng ta bị văn minh vật chất ô nhiễm tâm tánh, ô nhiễm thể năng. Tâm họ thanh tịnh, cuộc sống tự tại biết bao! Họ mỗi ngày trải qua cuộc sông thế nào? Họ không có nhà cửa, đi lại khắp nơi. Chính phủ Úc châu xây dựng nhà cho họ, họ biến nhà thành kho chứa lương thực. Họ ngủ ngoài trời, gió thổi mưa rơi cũng không hề gì, không bị bệnh. Chúng ta tuy sống đời sống văn minh vật chất nhưng thể năng lại bị phá hỏng, nên không chống chịu được gió thổi mưa rơi. Họ hoàn toàn tùy thuận theo đại tự nhiên, họ đến thế gian này là để tiêu nghiệp, là để thọ báo nên linh tính họ rất cao, có thể biết trước được rất nhiều việc. Nguyên nhân do đâu? Do Thiên định. Tâm định, tâm thanh tịnh. Định có thể đột phá rất nhiều không gian tầng số, nên họ mới có thể biết trước được nhiều việc. Đây là bản năng. Nhưng tại sao chúng ta không thể dự biết được? Vì những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã cản trở bản năng của chúng ta.

Phải hiểu rằng cảnh giới thiên định không phải cứu cánh viên mãn vậy nên chúng ta mới phải không ngừng nỗ lực tiến lên trên. Giáo dục Phật Đà không gì khác ngoài giúp chúng ta

hồi phục linh tánh mà thông thường ta gọi là “hồi phục bản năng của chúng ta”, theo cách bây giờ là “thể năng”. Linh tánh chính là trí huệ bát nhã tự tánh vốn có, không gì không biết, không gì không thể. Điều Phật dạy là cái tất cả chúng sanh đều có nhưng vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc, một lời nói của Phật khai phá hết. Bàn về “Đức năng” thì “Đức” là năng lực. Phật giáo gọi là “đức tướng” thì “tướng” là tướng tốt, năng lực, tướng tốt đều viên mãn đầy đủ, không mảy may kém khuyết. Nên nói giáo dục Phật giáo là giáo dục giúp hồi phục bản năng trí huệ của chính ta mà thôi. Tất cả đều có phương pháp, lý luận, y theo phương pháp, lý luận này tu học, chúng ta ắt có thể dần dần phục hồi.

Đến khi chúng ta “phát chư tam muội”, đột phá mọi không gian tần số, thì có thể thấy được rất nhiều cảnh giới nhưng nhớ không được tham đắm.

Về định giác chi thì chữ “Định” trong định giác là gì? Cảnh giới trong định cũng là “tất cả pháp hữu vi, như mộng như huyễn, như bọt như bóng”, so với cảnh giới trước mắt chúng ta nó chẳng khác gì, đều là không chân thật. Có thể thọ dụng nhưng không thể chấp trước. Thọ dụng, chúng ta mới an vui chân thật, còn chấp trước thì còn sanh phiền não.

Thứ bảy “Xả giác chi”. Chú giải viết: “Xả sở duyên cảnh giới thời, thiện năng giác liễu thủ xả hư ngụy, bất sanh truy ức cố”. “Xả” nghĩa là buông bỏ, cũng chính là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian; không phải buông bỏ trên sự tướng mà là buông bỏ trong tâm. Thường với người mới học, Phật pháp hay dạy họ buông bỏ sự tướng, vì sao vậy? Vì Phàm phu tạp nhiễm quá nặng, tâm tùy cảnh chuyển, mà sự tướng là cảnh nên phải buông

bỏ là vậy. Ví dụ, Phật chế định giới cấm, cấm là không cho phép làm, như không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu ; thêm chữ “không” chính là buông bỏ trên mặt sự. Vì tâm ta không làm chủ được cảnh giới nên ta thường bị cảnh giới xoay chuyển, chúng ta phải buông bỏ. Nếu tự mình có công phu tương đối thường gọi là “Thiền định” thì sẽ không bị cảnh giới bên ngoài chuyển. Thực hành viên mãn những giới luật này. Cảnh giới viên mãn là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Không bị cảnh xoay chuyển thì cảnh không chướng ngại tâm, tâm cũng không chướng ngại cảnh, đây là cảnh giới Pháp thân Bồ Tát_cảnh giới không chướng ngại. Thông suốt đạo lý này rồi mới biết phải học Phật như thế nào, trì giới ra sao.

Nếu chúng ta thấy sắc, nghe tiếng còn khởi tâm động niệm, thì phải nghiêm trì giới luật , chắc chắn sẽ có chỗ tốt cho mình. Đạt đến cảnh giới Pháp thân đại sĩ cũng là thật sự đạt được cảnh giới không chướng ngại, tuyệt đối sẽ không khởi một ý niệm tổn hại chúng sanh, thì giới không sát sanh được viên mãn; tuyệt đối không khởi ý một niệm chiếm lợi phần thì giới không trộm cắp được viên mãn; tuyệt đối không có ý niệm xâm hại người thì giới không tà dâm viên mãn. Các vị trong cảnh giới này quả thực không khởi tâm, không động niệm mà hiển lộ ra đại từ đại bi, tâm đại từ đại bi này ngập tràn cả hư không pháp giới. Ngày nay chúng ta không đạt được cảnh giới này vì lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài còn khởi tâm động niệm. Như vậy thì biết công phu của mình không đủ, còn bị tập khí trói buộc, không tự tại thì nhất định phải nghiêm trì giới cấm, dần dần công phu của mình sẽ nên lên trên cao, đây là chính xác.

“Xả sở duyên cảnh giới thời”. Năng duyên là căn thân của chúng ta, sở duyên là cảnh giới lục trần, người mới học Phật

nhất định phải hạ công phu căn trần tiếp xúc. Xả tất cả cảnh giới chính là buông bỏ, buông bỏ từ đâu? Đầu tiên là buông bỏ tự tư tự lợi, là buông bỏ ngã tướng, vì trong ngã tướng nghiêm trọng nhất là tự tư tự lợi. “Tôi làm việc này có lợi cho tất cả chúng sanh” thì ý niệm “lợi ích tất cả chúng sanh” cũng phải buông bỏ. Hoằng pháp lợi sanh là việc lợi cho chúng sanh nhưng nếu không buông được thì là tâm luân hồi, làm ra là nghiệp luân hồi. Ví như nghiệp luân hồi này là nghiệp thiện thì quả báo vào Tam thiên đạo, không thoát được lục đạo. Chỉ buông xả mới ra khỏi luân hồi lục đạo, vì đây là phá ngã chấp. Tâm chúng ta rất từ bi, là tâm tốt, phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, phải đem Phật pháp phát dương rộng rãi, ấy là việc tốt nên làm; Nhưng nếu chấp tướng việc mình làm thì không tương ưng tâm tánh.

Nhất định phải hiểu rõ rằng nếu chúng ta buông bỏ hết thấy rồi, thì việc hoằng pháp lợi sanh có người làm không? Có! Chư Phật, Bồ tát không chấp tướng sẽ làm việc ấy. Ta phải nhanh chóng tu thành Phật, thành Bồ tát, điều ấy mới quan trọng, hà tất phải nói “việc này không có ta thì không được, tôi không làm thì không ai làm”. Đâu có đạo lý này! Ấy chẳng qua là mê quá sâu. Cho nên nhiều nguyên nhân không buông bỏ được cũng từ đây mà ra.

Xét theo góc độ thế gian, việc lớn quan trọng nhất là người tiếp nối, Phật pháp gọi là “truyền thừa”. Lịch đại Tổ sư đời đời truyền thừa, việc này ở pháp thế gian là đúng, ta không nhất thiết phải làm đến cùng, có người tiếp theo làm thì được rồi. Có thể người tiếp theo không làm được viên mãn như ta, đây là có khả năng xảy ra, nhưng không cần quá lo lắng. Chỉ cần người tiếp theo chịu làm, dần dần nhờ kinh nghiệm họ sẽ tiếp thu được

lời dạy và không ngừng tiến bộ. Sau mười năm, hai mươi năm có khi họ còn thành tựu hơn cả chúng ta. Nên, chỉ cần nỗ lực làm, chỉ cần không thoái tâm, “dững mãnh tinh tấn” nhất định có thành tựu.

“Xả giác chi” quan trọng nhất là “thiện năng giác liễu thủ xả hư ngụy”. Câu này chính là “phàm có tướng, đều là hư vọng” mà Kinh Kim Cang đã dạy. Chúng ta có thể nhận(thủ) và cũng có buông bỏ(xả). Thủ – xả là sự, sự sự vô ngại, quan trọng là không chấp trước, chấp trước là sai rồi. Phía sau Kinh Kim Cang có bốn câu kệ chúng ta ghi nhớ trong lòng “tất cả pháp hữu vi, như mộng như huyễn, như bọt như bóng”, đây chính là “thủ xả hư ngụy”; “như sương mai, như chớp lóe” là ý nói tất cả pháp không tồn tại, “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc” cũng chính là “phàm có tướng đều là hư vọng”.

Phàm phu nhìn những thứ này tưởng nó như thật, đó là tướng tương tục . “Như sương mai” là tướng tương tục; “như chớp lóe” là tướng chân thật, sanh diệt trong từng sát na. Trong Kinh Nhân Vương dạy “một khảy tay có 60 sát na, một sát na có 900 sanh diệt”, đây là chân tướng sự thật. Bởi vậy chúng ta không nên chấp trước, chấp trước là sai lầm. Chấp trước là không tương ưng với chân tướng, trái ngược với chân tướng. Cái sai này Nhà Phật gọi là mê, vô minh ,vì chúng ta không thật thấu hiểu chân tướng sự thật. Thật hiểu chân tướng sự thật tâm mới được đại tự tại, đại tự tại là chân tâm. Làm thế nào được đại tự tại? Đản Kinh dạy “Bản lai vô nhất vật” (trước giờ vốn không có vật nào) thì sao không tự tại? Bất kể chúng ta khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước gì thì là vốn dĩ không có vật nào. Chúng ta không nên cho rằng chấp trước là thật có vì vốn nó vẫn là giả thôi.

Duy thức giảng Tam tâm là “biến kế sở chấp tánh” không phải chân, chắc chắn không phải là sự thật. Cho nên, Pháp thân Bồ Tát xem rất rõ ràng “tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”, vậy giờ chúng sanh phải là Phật không?” Phải! Chỉ có điều là một vị Phật hồ đồ, hồ đồ chỗ nào? Chính là từ chỗ khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tuy là khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhưng trong bản tánh vốn dĩ chẳng có vật gì cả. Nên tất cả chúng sanh xác thực vốn dĩ thành Phật, đây là thật.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, dừng mãnh tinh tấn, tu Lục ba la mật. Tại sao phải dừng mãnh tinh tấn tu Lục ba la mật? Vì Lục ba la mật là tánh đức, là tự tánh vốn đầy đủ, không phải từ ngoài đến. Cho nên giúp đỡ tất cả chúng sanh chưa giác ngộ, “người giác trước dạy người sau giác, người biết trước dạy người biết sau” đây là thường quỹ đại đạo của chư Phật, Bồ Tát.

“Bất sanh truy ức cố” tức là sau khi buông bỏ sẽ không lưu luyến, cũng không còn nghĩ nhớ đến. Người đời không tránh khỏi nghĩ việc đã qua, nghĩ chuyện tương lai. Nhưng khi Bồ Tát động niệm thì vạn thiện đều theo, khi không động niệm thì trong tâm không có một tạp niệm nào, không sanh niệm nào. Các vị ấy động niệm là để phổ độ chúng sanh, lợi ích tất cả chúng sanh vậy nên vô lượng vô biên thiện nghiệp theo đó mà khởi, thuận thiện không ác. Kinh Thập Thiên Nghiệp Đạo có một câu rất quan trọng là “ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp”, không có thứ nào bất thiện, ở trong đây nếu còn chấp trước, còn nghĩ ngợi thì là bất thiện, là mê rồi. “Thiện năng giác liễu”. “Giác” tức là thiện, không giác tức là mê, không thể nào giác và mê tồn tại cùng lúc được, cho nên nhất định phải thiện giác, phải thấu hiểu “thủ xả hư ngộ”.

Từ đó mà biết, thủ – xả đều là lợi ích chúng sanh, đều làm tấm gương tốt cho chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. “Thủ” có thể giúp chúng sanh giác ngộ thì chúng ta dùng thủ; “xả” có thể giúp chúng sanh giác ngộ thì chúng ta dùng xả. Không vì chính mình mà vì chúng sanh ấy mới gọi là “thiện năng giác liễu”. Người thật sự giác ngộ mới thấu hiểu điều này và họ làm một cách vô cùng tự tại, không một pháp nào mà không lợi ích chúng sanh.

Chánh đạo trang nghiêm

Kinh văn: ***“Chánh đạo trang nghiêm cố. Đắc chánh trí huệ, thường hiện tại tiền”***(Dùng chánh đạo trang nghiêm, được trí huệ chân chánh luôn hiện ra phía trước).

“Chánh đạo” ý chỉ Bát chánh đạo, gồm có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh định, Chánh niệm và Chánh mạng”. Tổng cương của Bát Chánh đạo là ***“đắc chánh trí huệ”***. Trong Bát Chánh đạo, tiêu chuẩn của chánh là gì? Phật pháp có một tiêu chuẩn vĩnh viễn không đổi, là tự tánh. Người chánh trí huệ hiện tiền là người nào? Là pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh, hoàn toàn dùng chân tâm; chân tâm là chánh, vọng tâm là tà. Tuy pháp giới Tứ Thánh của Thập pháp giới không có kiến tánh, vẫn còn dùng vọng tâm nhưng vọng tâm của các vị ấy là lấy “Chánh” làm tiêu chuẩn nên gọi là “Chánh giác”. Các Ngài có thể đạt được “Chánh”, hiển lộ dễ thấy, khởi tâm vọng niệm, lời nói, tạo tác đều thuận theo thánh giáo, buông bỏ thành kiến chính mình vì thế nên nói tuy chưa có kiến tánh nhưng tri kiến ấy cũng là chánh.

Kinh luận của Phật Đà hoàn toàn xuất lưu từ tự tánh, tuyệt không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng sanh có

cảm, Phật liền ứng. Nếu chúng sanh không có cảm thì cảnh giới của Phật là thanh tịnh tịch diệt. Kinh Nhân Vương dạy: “Trụ tịch diệt nhĩ”, nhất niệm không sanh. “Nhất niệm không sanh” không phải nhất thời mà là vĩnh hằng, có cảm mới có ứng, với tất cả chúng sanh cảm ứng đạo giao, lúc ứng cũng là nhất niệm không sanh. Trên quả vị Như Lai là như thế, Pháp Thân Đại sĩ cũng như thế.

Chúng ta hoàn toàn có thể tu đạt tới Quán hạnh vị, chánh tri chánh kiến thì công phu đặc lực như cách nói Thiên Thai Tông. Tu học pháp môn thông thường thì có thể đạt được công phu như thế, nhưng vẫn chưa thoát khỏi tam giới, phải tu đến Tương tự vị mới có thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Quả báo của Quán hạnh là phước báo cõi Thiên – Nhân, chắc chắn không đọa tam ác đồ; tu đến Phần Chứng vị mới có thể vượt qua mười pháp giới, vô cùng không dễ! Còn như tu học Tịnh độ pháp môn cầu sanh Tây phương chỉ cần có công phu Quán hạnh thì có thể sanh Phàm Thánh Đồng Cư độ; Tương tự vị thì sanh Phương Tiện Hữu Dư độ; Phần chứng vị thì sanh Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thù thắng của Tịnh độ tông là chỗ này. Tu hành không thể bỏ thành kiến, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình thì công phu không đặc lực, dầu tinh tấn như thế nào đều không lợi ích chi.

Thứ nhất “Chánh Kiến”. “Kiến” ý chỉ kiến giải, cách nhìn của chúng ta đối với tất cả người, việc, vật của vũ trụ là đúng, chính xác. Giáo Thừa Pháp Số viết: “thấy rõ Tứ đế thì không có sai lầm”. Tứ đế thông cả Đại thừa, Tiểu thừa và pháp thế xuất thế gian. Thiên Thai Tông Đại sư Trí Giả dùng Tạng, Thông, Biệt, Viên giải thích Tứ đế, chính là bao gồm toàn bộ Phật pháp vậy. Nếu nói Tứ đế là pháp Tiểu thừa khác nào giới hạn Tứ đế

trong Tạng giáo, phạm vi rất nhỏ . Thực tế 37 phẩm trợ đạo thông tất cả pháp, đều có cách giảng của Tạng, Thông, Biệt, Viên. Bất kể giảng pháp thế nào, “Khổ” và “Tập” của Tứ đế đều là giảng về nhân quả thế gian, “Diệt” và “Đạo” của Tứ đế giảng về nhân quả xuất thế gian. Tóm lại, pháp thế xuất thế gian đều là định luật nhân quả, hiểu rõ đạo lý này thì kiến giải sẽ chính xác. Vì thế tổng kết của “chánh kiến” là “thâm tín nhân quả”

Thế gian ngày nay nhiều người dám làm xằng bậy là vị họ không tin nhân quả. Nhân quả không phải tin mới có, không tin không có; nhân quả là chân lý, bất luận chúng ta tin hay không nhân quả đều hiện hữu. Toàn bộ Phật pháp cũng không rời xa nhân quả, Kinh Hoa Nghiêm dạy “Ngũ chu nhân quả”, Kinh Pháp Hoa dạy “Nhất thừa nhân quả”. Tất cả pháp Đức Phật Thích Ca giảng trong 49 năm cũng chỉ là giảng về nhân quả thế xuất thế gian mà thôi.

Kinh Kim Cang dạy “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như bóng” vậy những thứ nào là pháp hữu vi? Trong Luận Bách Pháp Minh Môn đem tất cả pháp chia thành hai loại lớn là pháp hữu vi và pháp vô vi. Pháp hữu vi phân thành Tâm pháp, Tâm sở hữu pháp, Sắc pháp và Tâm bất tương ưng hành pháp. “Pháp hữu vi” là mộng, huyễn, bọt, bóng , không thật có, nhà Phật gọi là diệu hữu, huyễn hữu, giả hữu. Không thể nói pháp hữu vi không có thật, cũng không thể nói pháp hữu vi là có thật vì “Đương thể tức không, liễu bất khả đắc”, “tướng hữu tánh vô, sự hữu lý vô” (“tánh có tướng không, sự có lý không).Chân tướng sự thật này. Chúng ta thật sự thấu hiểu rồi tự ất không còn chấp trước với tất cả pháp hữu vi, không để nó trong tâm nữa, được giải thoát, tự tại. Chúng sanh lục đạo chấp trước pháp hữu vi là có thật nên có hiện tượng luân hồi. Pháp

giới Tứ Thánh không chấp trước nhưng có phân biệt; Bồ Tát của Nhất chân pháp giới thì xả hết phân biệt nên ra khỏi mười pháp giới.

Vì thế, bất kể tu học pháp môn nào cứ y theo Kinh Kim Cang dạy chắc chắn có thể giúp rất lớn trong tu học. Người niệm Phật nếu đạt được bát nhã của Kinh Kim Cang quán chiếu, thì niệm Phật là lý niệm, sẽ được “lý nhất tâm bất loạn”, được sanh về Tây phương Cực lạc Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thật thâu suốt chân tướng nhân sanh vũ trụ chắc hẳn có thể khế nhập thế giới Hoa Nghiêm. Thế giới Hoa Nghiêm là pháp giới không chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, cho nên những vị Bồ Tát này thật sự là đại tự tại đại giải thoát. Về sự tướng các vị ấy không khác gì phàm phu chúng ta, hòa quang đồng trần nhưng về tâm địa thì các vị ấy chẳng mấy may vương chút bụi trần. Từ đó có thể thấy sự phiền phức của phàm phu là ở chỗ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì được đại tự tại.

Tu học Phật pháp từ đầu đến cuối vẫn là phá phân biệt chấp trước, chỉ cần có phân biệt, chấp trước thì không có giác ngộ. Giác ngộ rồi ắt tự nhiên thấu hiểu chân tướng sự thật. Sự tướng có thể thọ dụng nhưng không được chiếm hữu. Chúng ta muốn có được nó thì đó là quan niệm vô cùng sai lầm. Chữ “đắc” trong Bách Pháp thuộc về “Bất tương ưng hành pháp” là thuần túy khái niệm trừu tượng, không có thật. Tất cả pháp đều “bất khả đắc”, “Phật” cũng “bất khả đắc” vì “Phật” là khi so với chúng sanh mà nói, còn khi thật sự khế nhập cảnh giới thì không có “Phật” cũng không có “chúng sanh”. Phật và chúng sanh đều là giả danh “danh khả danh, phi thường danh” không phải là

thật. Phật dùng giả danh chỉ vì mục đích giúp đỡ chúng ta giác ngộ.

Nhiều người học Phật nhưng không giác ngộ là do chấp trước giả danh này. Cho nên trong Luận Khởi Tín dạy rằng: “Ly ngôn thuyết tướng”(liã tướng ngôn thuyết) quyết không phân biệt, chấp trước ngôn từ của Phật; vì văn tự là ký hiệu của ngôn từ, nó là công cụ, không phải mục đích, nên không chấp trước tướng văn tự là vậy. “Ly danh tự tướng”(liã tướng danh tự), “danh tự tướng” nghĩa là tất cả danh từ học thuật, ý nghĩa của nó phải hiểu nhưng không phân biệt, chấp trước. “Ly tâm duyên tướng”(liã tướng tâm duyên) tức không được tướng những lời nói này của Phật là ý nghĩa gì vì vừa tướng thì rơi vào ý thức. Có thể vận dụng phương pháp viễn ly ba tướng này mà nghe kinh nghe pháp thì mới có thể nhập Phật tri kiến.

Người căn tánh thấp, không có loại năng lực và trí huệ này nên Phật dạy họ chấp trước thiện pháp, xả bỏ bất thiện mục đích muốn giúp họ không đọa ba đường ác, không thoát ra được luân hồi lục đạo. Đối với người căn tánh bậc trung thì Phật giúp họ ra khỏi luân hồi lục đạo, lên đến pháp giới Tứ Thánh. Với người thượng căn Phật giúp họ xả bỏ phân biệt, chấp trước, lên đến Nhất chân pháp giới. Tuy tiêu chuẩn chứng đắc khác nhau, phân thành ba loại thượng, trung, hạ căn tánh nhưng đều là chánh kiến. Chánh kiến của người thượng căn hoàn toàn tương ứng với tự tánh; căn tánh bậc trung và hạ tùy thuận thánh giáo, đây vẫn là chánh tri chỉ là chưa thể hội được tâm tánh, chỉ cần mở rộng tâm lượng ắt tiến bộ rất nhanh.

Chúng ta là người thiện căn bậc trung, hạ nên chánh tri chánh kiến chúng ta nhất định phải tùy thuận thánh giáo. Đại Tạng Kinh là thánh giáo, giống như nước biển vậy, chúng ta

uống lấy một ngụm uống là đủ rồi, cũng như là trong tất cả Kinh luận chọn lựa một loại, y theo đó mà tu hành thì có thể chứng quả. “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất” chắc chắn được bình đẳng, chắc chắn được viên mãn. Ví như chúng ta y theo Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh dạy chúng ta làm gì thì chúng ta chăm chỉ nỗ lực học tập; Kinh dạy chúng ta không nên làm gì thì quyết không vi phạm .

Thứ hai “Chánh Tư Duy” nghĩa là tư tưởng đúng đắn, chính xác. Bộ Kinh này dạy chúng ta “ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp” nên tư duy vô cùng quan trọng. Ý nghĩ của phàm phu luôn không đoạn cũng luôn không trụ, không trụ tức là sanh diệt theo từng sát na, niệm trước diệt niệm sau liền sanh. Vậy tư duy như thế nào mới gọi là “Chánh tư duy”? Phật pháp có một nguyên tắc là bản tánh chân tâm không có tư duy, không có ý nghĩ tức “chân tâm ly niệm” mà Đại thừa Kinh thường nói. Nói cách khác nếu có niệm thì ấy đều là vọng niệm, ly niệm mới là Chánh tư duy.

Chúng ta ngày nay mỗi ngày mỗi tưởng Phật A Di Đà, vậy có phải vọng niệm không? Thành thật trả lời thì đó là còn vọng niệm nhưng vọng niệm này rất gần với chân thật. Chúng ta dùng vọng niệm này đoạn tất cả vọng niệm tức chúng ta đã khéo léo tận dụng nó như một phương tiện, sau khi đến thế giới Cực lạc rồi thì cả câu “A Di Đà Phật” cũng phải xả bỏ. Cho nên, trong bốn loại niệm Phật thì trì danh hiệu Phật là tiện lợi nhất và cũng dễ xả niệm nhất.

Chúng ta không nên nâng mức độ của “chánh” lên quá cao, Kỳ thực Bát chánh đạo thực tiễn vào mười thiện nghiệp. Thường tư duy mười thiện chính là “Chánh tư duy”; thường tưởng giáo huấn của Phật tức là “ngày đêm thường niệm thiện

pháp”, “pháp” ở đây là mười thiện pháp. Tư duy mười thiện, quán sát mười thiện, mọi lúc mọi nơi niệm niệm không rời thiện pháp thì tự ắt chúng ta thành người thiện. Người thiện niệm A Di Đà Phật thì chắc chắn vãng sanh. Cõi Tây phương Cực lạc là nơi các bậc thượng thiện hội tụ; tâm thiện, tư tưởng thiện, lời nói hành động của chúng ta đều thiện thì lý nào không vãng sanh !

Từ “thiện” nâng thêm là “Tịnh”. Tịnh niệm tương tục thì phẩm vị liền cao. Tâm thiện vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Tịnh niệm vãng sanh Phương Tiện Độ Thật Báo Độ. Chúng ta nên hiểu rằng, thiện niệm là gốc của tịnh niệm, tâm không thiện thì sao thanh tịnh? Cho nên, nhất định phải đoạn ác tu thiện. Tu thế nào? Mỗi phút mỗi giây đều tự phản tỉnh, ít nhất mỗi tối phải tự phản tỉnh một lần, ví dụ trước khi ngủ ngẫm nghĩ một chút rằng “hôm nay đối người, với việc, với vật, khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác y theo tiêu chuẩn mười thiện không, có mắc lỗi gì không?”, nếu có thì phải sửa đổi.

Cuối đời Minh đầu đời Thanh, Đại đức ở Phật môn dù tại gia hay xuất gia đều dùng bảng công tội để phản tỉnh. Về người xuất gia dùng bảng công tội có thể lấy Đại sư Liên Trì làm đại biểu. Đại sư Liên Trì viết một quyển Tự Tri Lục, thực tế chính là bảng công tội. Mỗi ngày làm việc thiện gì đều ghi lại, làm điều ác gì cũng ghi lại; rồi xem việc thiện nhiều hay việc ác nhiều, công đức của thiện lớn hay là nghiệp lực của ác lớn, thì lập bảng so sánh. Phương pháp này vô cùng có hiệu quả đối với người tu hành có thiện căn bậc trung và bậc hạ.

Thời cận đại, Đại sư Ấn Quang đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn. Ông Liễu Phàm đã thay đổi vận mạng của mình nên mọi người đều ấn tượng rất sâu sắc về việc này. Vận mạng thuộc về

quả báo, vận mạng từ đâu mà ra? Từ thiện ác nghiệp mà ra. Vì thế thay đổi vận mệnh chính là đoạn ác tu thiện, làm nhiều việc thiện. Tiêu chuẩn của việc thiện là “phàm là có lợi cho người, có ích cho xã hội thì đấy là việc tốt; phàm là có lợi cho mình, vô ích với người, với xã hội thì đấy là việc ác”.

Người thường không hiểu đạo lý này, có quan niệm sai lầm “Người không vì mình thì trời tu đất diệt” mà Phật quyết không cho phép chỉ biết bản thân, vì nếu chỉ nghĩ cho mình thì sẽ tăng thêm ngã chấp, quả báo là luân hồi lục đạo. Nên nói luân hồi lục đạo là từ ngã chấp biến hiện. Mỗi niệm còn là vì ta (ngã) là mỗi niệm tăng thêm ngã chấp mạnh, vĩnh viễn không thoát được luân hồi lục đạo. Phật dạy chúng ta phá ngã chấp chính là thoát khỏi luân hồi lục đạo vượt ra tam giới; phá được pháp chấp thì thoát ly mười pháp giới. Vì thế, tuyệt đối không chấp trước, chấp trước là thiệt thòi bản thân, không liên quan đến người khác. Vấn đề này thuộc về phương diện tư tưởng.

Chữ tượng hình của người Trung Quốc là ký hiệu trí huệ, nhìn thấy ký hiệu này liền mở trí huệ. Chữ “Tu” gồm chữ phía trên “âm” là có nhiều ô vuông ghép lại(chữ điền). Đó là trong tâm có phân biệt. chữ “Tướng” trong tâm còn vương tướng. Phật pháp gọi hai chữ “Tu – Tướng” ấy là phân biệt, chấp trước. Nếu hai chữ “điền” và “tướng” không còn nữa thì cái còn lại chính là chân tâm. Vậy nên chúng ta bỏ phân biệt “điền” ra, bỏ chấp trước “tướng” ra thì trong mọi cảnh giới không còn phân biệt, chấp trước với tất cả người, sự, vật. Cảnh giới này tướng là cảnh giới bình đẳng, bình đẳng chân pháp giới được gọi là “Nhất chân pháp giới”. Chúng ta nói “cảnh giới này là thiện, cảnh giới kia là ác”, “cảnh giới này tốt, cảnh giới kia xấu” thì đó đều là phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Từ đó có thể biết mười

pháp giới từ đâu đến? Từ tư tưởng biến ra. Phật thường dạy “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh” cho nên tam đồ lục đạo đều từ tâm tưởng mà sanh ra, đây là tự làm tự chịu.

Phật pháp nói “giải thoát” thì “giải” là đối với phân biệt, chấp trước mà nói, đem phân biệt, chấp trước cởi mở ra rồi; “thoát” là từ quả báo nói, tức là thoát ly luân hồi lục đạo, mười pháp giới. Phật dạy chúng ta phải tùy thuận giáo huấn Phật Đà, tư duy mười thiện, tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện (gồm chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn đều là hành vi). Chúng ta phải duy trì cảnh giới này vì thời mạt pháp, niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ là con đường duy nhất được chân thật thành tựu.

Phật pháp dạy “chánh tri chánh kiến” thì chánh tư duy là chánh tri, cách nhìn đúng đắn là chánh kiến. Đây là điều căn bản của tu hành. Đại đức xưa thường nói “từ căn bản mà tu” ý nói là từ tâm địa tu. Thành thật mà nói tâm địa là nơi khởi tâm động niệm mà khởi tâm động niệm là tư duy. Khởi tâm động niệm tùy thuận giáo huấn trong Kinh điển chính là chúng ta đã có chánh tư duy hiện tiền.

Đọc Kinh là chính là phương pháp tốt nhất để chúng ta tu sửa tư duy, đặc biệt đối với người có thiện căn bậc trung và bậc hạ. Đọc Kinh rồi phải hiểu ý nghĩa của Kinh, không có người giảng cũng không sao, vì người xưa có câu: “Đọc sách ngàn lần sẽ tự thấy nghĩa”. Không có vọng tưởng, không có tạp niệm, chuyên tâm niệm Kinh, lâu ngày ắt được định, tâm thanh tịnh, trí huệ khai mở thì nghĩa lý trong Kinh dần dần sẽ rõ. Thấu hiểu Kinh văn rồi thì nhất định thực theo đó mà hành theo, phải kiên trì y giáo phụng hành. Như thế chính là “thọ trì”, thọ trì là tự lợi. Sau khi Bản thân được “tự lợi” rồi tiến đến phải chia sẻ lợi ích

này với người, “vì người diễn thuyết”. “Diễn thuyết” quan trọng nhất là “diễn” vì “diễn” là tự mình đã làm được rồi mới biểu diễn cho người xem, sau khi làm được rồi mới “thuyết” (giảng, nói). Vì người diễn thuyết là tự lợi lợi tha, có công đức vô lượng vô biên.

Học Phật mà kiến giải, tư duy không đúng chính là sự học không có căn, bất kể dụng công tinh tấn tu trì như thế nào thì cũng như lời Kinh Lăng Nghiêm đã nói “nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc” (Nhân chẳng chân, chiêu cảm quả cong queo), rơi vào ma đạo, không phải Phật đạo, tâm địa bất chánh. Hai điều này chính là “Kiến hòa đồng giải” trong Lục hòa kính, chúng ta nhất định phải nỗ lực tu học. Cái hay của bộ Kinh này là ở chỗ này, chỉ có mười điều thiện gồm “thân tam, khẩu tứ, ý tam” rất dễ nhớ; thường xuyên nghĩ, niệm, dùng tiêu chuẩn này mà quán sát khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác của chúng ta, ấy chính là chánh tư duy trong giai đoạn hiện nay của chúng ta. Trong Tịnh tông, ngoài phương pháp tu hành này ra cùng với nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ thì một đời này không thể luống qua.

Thứ ba “Chánh Ngữ”. “Ngữ” ý chỉ ngôn ngữ. Tiêu chuẩn của chánh ngữ là thực hành trong bốn loại thiện nghiệp tức không nói dối, không nói hai lời, không nói lời thù ghét, không nói lời thô ác. Nếu chúng ta có thể thọ trì và y giáo phụng hành thì lời của ta chính là chánh ngữ, thiện ngữ. Lời nói từ tâm sanh ra, thân ngữ phải thiện, tâm nhất định thiện. Trong bản tánh chân tâm tuyệt đối không mảy may lầm lỗi, lỗi lầm không có thì có đâu ác niệm! Bản tánh chân tâm là thuần thiện thuần tịnh.

Câu mở đầu Tam Tự Kinh là “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, “tánh” là bản tánh, là chân tâm. Bản tánh, chân tâm vốn dĩ thuần

thiện, không chút sai ác. Vì sao chư Phật Như Lai xem tất cả chúng sanh đều là Phật? Vì chư Phật Như Lai nhìn từ bản tánh. Bản tánh chúng sanh vốn dĩ thiện, tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật. Ngày nay phiền não chúng sanh hiện hành nên che mắt làm khuất lấp cả Phật Bồ tát mà không thấy. Như vậy gọi là mê mắt bản tánh cũng là mê mắt bản tánh thiện, biến thành không thiện, nói theo Tam Tự Kinh là “tánh tương cận, tập tương viễn”. Mọi chúng sanh và chư Phật là một không gì khác biệt, đều là bản tánh thiện mà giờ khác nhau là tập tương viễn. Chúng ta từ nhỏ đã tập thành thói quen không tốt, không những từ nhỏ mà còn là từ vô lượng kiếp trong đời quá khứ đến nay đã dưỡng thành thói quen không tốt, nên bản tánh thiện càng ngày càng xa, quả báo liền biến thành mười pháp giới, lục đạo và tam ác đồ.

Do đó có thể thấy mười pháp giới, lục đạo, tam ác đồ đều từ tập tánh biến hiện ra chứ nó xác thực không tồn tại. Giống chúng ta nằm mộng vậy, mê mắt chân tánh, mê mắt bản tánh như đắm chìm trong giấc mộng dài, tỉnh mộng thì liền thành Phật, hồi phục tánh thiện. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện thế gian vì để giúp chúng ta phá mê khai ngộ, đánh thức người còn ngủ mơ mà thôi. Lời nói hành động của các Ngài đều khai thị cho chúng ta giác ngộ, còn chúng ta lúc nào mới ngộ được là tùy thuộc vào căn tánh, duyên phận của mỗi người.

Căn tánh của chúng sanh phân thành ba bậc là thượng, trung và hạ. Ba loại này là phần lớn, còn phân chia nhỏ hơn thì tương đối phức tạp. Người thượng căn (tức căn tánh bậc thượng) tiếp xúc Phật pháp là có thể lĩnh ngộ, y giáo phụng hành, buông bỏ toàn bộ tập khí, thói quen của mình, tùy thuận Phật, Bồ Tát và sống đời sống như Phật, Bồ Tát, một đời thành tựu. Người căn

tánh bậc trung cũng có thể tiếp nhận Phật pháp, nhưng không hoàn toàn tiếp nhận vì họ chưa hoàn toàn buông bỏ tập khí, nhiễm tạp của bản thân. Họ không cách gì y giáo phụng hành 100% nên đời này không thành tựu. Phải hiểu rằng tu, tu học Phật pháp không thể thụ lùi, đây cũng là sự khác biệt giữa người bậc thượng căn và trung căn. Còn người thiện căn bậc hạ càng kém hơn, nửa tin nửa ngờ, vẫn chịu tu học theo nhưng chỉ làm mấy phần trăm thôi, vì vốn họ không cách gì buông bỏ tập khí. Chúng ta thấy rất nhiều người căn tánh thuộc bậc hạ, cả đời không thể tu sửa bản thân. Kiểu người này đời này chỉ có thể kết duyên với Phật. Trong A Lại Da thức của họ có gieo hạt giống Phật, đáng luân hồi thế nào thì luân hồi thế ấy, đáng đọa tam đồ thì đọa tam đồ.

Ngay đến Pháp sư học Kinh giảng Kinh, dù giảng được và giảng không sai nhưng chính mình không làm được, thì quả báo vẫn đọa tam đồ. Phải hiểu rằng giảng Kinh cũng không cứu được chính mình, giảng Kinh là phước đức, không phải công đức. Lục Tổ trong Đàn Kinh dạy “Sanh tử là việc lớn, phước không thể cứu”. Chúng ta nhất định phải hiểu làm thế nào để chuyển phước đức thành công đức thì khi ấy là mình được độ rồi. Chuyển phước đức chuyển thành công đức phải “tùy văn nhập quán”, tức tùy vào Kinh văn, tự mình khế nhập cảnh giới, cũng chính là y theo Kinh văn sửa đổi quan niệm bản thân, khi ấy phước đức sẽ thành công đức. “Thiện Tài Đồng tử ngũ thập tam tham” trong kinh Hoa Nghiêm là tấm gương tốt nhất. Thiện Tài Đồng tử tham vấn thiện tri thức, thiện tri thức khai thị cho Ngài, Ngài thật sự tùy văn nhập quán, tùy ngữ nhập quán, tùy hành nhập quán. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần hết thấy đều là trí huệ. Ngài tham vấn một vị thiện tri thức thì cảnh giới được

nâng lên một tầng, từ Sơ trụ, Nhị trụ một mạch thẳng đến Đẳng giác, một đời thành tựu.

Có người sẽ hỏi: “Thiện Tài may mắn gặp được nhiều thiện tri thức, chúng ta không may mắn như vậy”. Cách nghĩ này là tà kiến. Nếu Kinh Hoa Nghiêm để trước mặt chúng ta, chúng ta đọc một quyển thì cảnh giới nâng cao một bậc, chúng ta tuyệt đối không kém Thiện Tài Đồng Tử. Ta đọc chương Sơ trụ, ta chính là Bồ Tát Sơ trụ; đọc chương Nhị trụ, ta chính là Bồ Tát Nhị trụ; đọc tới cuối cùng thì thành Bồ Tát Đẳng Giác, là Phật rồi. Đây là tùy văn nhập quán, thuận theo Kinh văn mà sửa đổi quan niệm của mình, tu sửa những tập khí từ vô lượng kiếp đến nay của mình. Người như thế là người thượng thượng căn, Kinh này không có đọc suông mà mỗi biến đều kế nhập cảnh giới quả vị Như Lai.

Chúng ta phải học được phương pháp tu học này, bằng như không học được, thì phải hạ xuống đến mức thấp nhất cũng phải sao cho tương ứng với bốn loại thiện của khẩu nghiệp, phải khéo giữ khẩu nghiệp. Công phu này có chỗ tốt nhưng chưa thể đoạn hết phiền não tập khí của chúng ta. Với hết thấy chúng sanh quyết không sanh tâm lừa dối tức là không vọng ngữ, nhất định không sanh tâm tổn hại tức là không có lòng chiếm lợi. Trước tiên tu tâm rồi sau mới thật thực hành được không vọng ngữ, bất kể với ai thì mỗi câu mỗi lời đều là lời thật.

Chúng sanh nhất niệm đều bảo vệ bản thân, nếu nói lời không có lợi cho mình sẽ không dám nói thật. Chỗ này ta nhất định phải nghĩ rằng “nó không có lợi mà có hại cho ta nhưng hại đến độ nào?” Trong lời này có phương tiện khéo léo. Nếu như tổn hại không lớn thì phải nói lời chân thật, tổn hại lớn, từ bản thân dẫn đến xã hội và quần chúng thì có thể không nói lời thật.

Nên hiểu đây là “khai duyên” không phải phá giới, không những không có tội mà còn có công đức.

Đức Phật lấy một ví dụ, một người giữ năm giới mười thiện, người trì giới nọ gặp thợ săn ở ngã ba đường. Thợ săn đang đuổi bắt một con thỏ. Người trì giới thấy con thỏ chạy qua, sau đó thợ săn đến và hỏi: “Người có thấy con thỏ không?” Ông ta đáp: “Có thấy”. Thợ săn lại hỏi “Nó chạy hướng nào?” Ông ta lại đáp “Nó chạy qua phía bên kia”_ ông ta chỉ sai hướng, tuy là vọng ngữ nhưng vọng ngữ này cứu được mạng con thỏ thì ấy là tâm thiện; và cũng cứu được thợ săn, vì nếu thợ săn sát sanh tương lai phải thọ quả báo. Chỉ một câu vọng ngữ mà cứu được cả hai, ấy là từ bi, là trí huệ, là khai duyên. Tu học năm giới mười thiện nhất định phải hiểu “Khai, giá, trì, phạm”; xem tình huống thế nào thì dùng phương pháp thế ấy, phải linh hoạt vậy.

Giảng đến giới trộm cắp, Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, vị tổ thứ sáu của Tịnh độ tông. Lúc chưa xuất gia, Ngài là một viên quan phòng thuế vụ. Khi ấy Ông thường lấy công khoản quốc khố đi mua vật phóng sanh, sau có người phát hiện, Ngài liền nói thật tất cả không một lời vọng ngữ. Đây là tội phải chém đầu, Ngài cũng không trốn tránh, bằng lòng chịu hình phạt. Khi đến pháp trường chấp hành án tử, Hoàng đế dặn dò quan giám trảm: “Nếu thái độ của ông ta vẫn ung dung, không gì lo sợ thì dẫn ông ta về gặp ta, còn như ông ta hoảng sợ tội độ thì giết cho rồi”. Kết quả Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ đến pháp trường với thái độ rất ung dung, hoan hỷ. Quan giám trảm hỏi: “Tại sao người không sợ chết?” Ngài đáp: “Lấy một mạng tôi mà cứu được hàng ngàn hàng vạn sanh mệnh khác, thật đáng!” Quan giám trảm tâu lại với hoàng đế, Hoàng đế triệu kiến ngay. Sau đó Hoàng đế hỏi chí nguyện của Ngài là gì? Ngài nói chí

nguyện xuất gia, Hoàng đế cho Ngài xuất gia, và làm hộ pháp cho Ngài. Có thể thấy việc trộm cắp ấy không phải vì bản thân mà vì cứu độ chúng sanh, dùng sanh mệnh mình để đổi lại sanh mệnh chúng sanh, phát khởi tâm Bồ Tát, đây là khai duyên. Còn như trộm cắp vì lợi ích bản thân thì là tội lớn. Quán sát kỹ giới điều nhà Phật, quả thật là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, vô cùng hoàn thiện.

Khẩu nghiệp dễ tạo nhất. Người xưa nói “Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra”. Muốn thân tâm khỏe mạnh, khi ăn thức ăn phải chú ý cẩn thận; muốn cả đời bình an, lời nói ra phải thận trọng, phải giữ không vọng ngữ, không vọng ngữ thì có lợi cho mình. Không nói hai lời tức tuyệt đối không nói lời khích bác, thị phi; cả khi thấy sự tình không như pháp, chúng ta không hiểu chân tướng sự thật thì cũng đừng tùy tiện nói. Phật, Bồ Tát có rất nhiều hành trì, chúng ta là phàm phu mắt thịt nhìn thấy đó dường như không như pháp, kỳ thực không phải vậy, họ không sai lầm mà là tự mình có sai lầm.

Nói lời khích bác phải quấy tạo nghiệp nặng vô cùng. Khích bác khiến gia đình người bất hòa thì gánh trách nhiệm nhân quả; khích bác đoàn thể đặc biệt là đoàn thể Phật giáo sẽ tính như “phá hòa hợp tăng” thì chịu tội nghiệp đọa Địa ngục A Tỳ. Vậy nên dầu tăng đoàn không như pháp, chúng ta cũng không nên buông lời nặng nề sợ làm tăng đoàn chia rẽ; còn nếu nói thì chỉ nên khuyên nhủ riêng tư, tránh chỉ trích phê bình. Còn như có lời phê bình tăng đoàn ra bên ngoài, khiến tín chúng mất tín tâm với tăng đoàn, thì chính là phá hoại tăng đoàn. Tội này rất nặng.

Với bất kỳ đoàn thể nào, chúng ta đều hy vọng họ hòa thuận với nhau. Ở quy mô lớn hơn mà nói, thì đoàn thể có thể là một

dân tộc, một tôn giáo hay một quốc gia. Chúng ta quyết không phân hóa, phá hoại, không khiêu khích thị phi, ác ý gây rối sanh sự. Những lời thù dật chỉ là lời hoa mỹ ngon ngọt để lừa dối, mê hoặc chúng sanh. Ác ngôn là lời thô lỗ dễ tổn thương người mà chính ta không hề biết. Vì thế, Khổng Tử dạy, khi muốn nói thì phải “tái tư khả dĩ” tức là suy nghĩ kỹ nên nói lời này hay không. Chánh ngữ là tu chỗ này đây.

Thứ tư “Chánh Nghiệp”. Sự với nghiệp gộp lại gọi là “sự nghiệp”. khi đang tạo tác là “sự”, kết quả của tạo tác chính là “nghiệp”. Mọi quan hệ này là quan hệ nhân quả. Phạm vi của “nghiệp” rất lớn: khởi tâm động niệm là ý nghiệp, lời nói là khẩu nghiệp, hành động thân thể là thân nghiệp. “Chánh ngữ” thuộc về ngữ nghiệp, “chánh kiến, chánh tư duy” thuộc về ý nghiệp, đây là phân ra nói, chỗ này là tổng nói nghiêng nặng về phần tạo tác của thân.

Thân, khẩu, ý luôn có quan hệ liên đới với nhau chứ không đơn độc, dù là lời nói còn có thái độ, biểu thái, nên “Tam nghiệp”, tuy một là ba, tuy ba chính là một, không thể chia rời ra. Từ đó có thể biết, tất cả tạo tác đều lợi cho chúng sanh, ích cho xã hội đều là chánh nghiệp; còn như tạo tác chỉ lợi ích cho bản thân, gia đình, tập thể nhỏ của mình thì chính là tà nghiệp.

Đặc biệt trong xã hội hiện nay là xã hội mở rộng. Cùng với sự phát triển của khoa học, giao thông ngày một thuận lợi, tin tức ngày càng phát triển, một việc xảy ra ở bất kỳ nơi nào trên địa cầu chúng ta cũng có thể lập tức biết được, nên địa cầu ngày càng “thu nhỏ” thành “ngôi làng địa cầu”. Chúng ta ở cùng một “làng”, quan hệ mật thiết với “xóm giềng” xung quanh, chúng ta chăm sóc cho bản thân đồng thời cũng nghĩ đến chăm sóc môi trường xung quanh. Cho nên cách nghĩ, cách nói, cách

làm của chúng ta phải vì cả địa cầu này mà cân nhắc, có vậy thế giới mới được an định, hòa bình. Nếu chỉ biết nghĩ tốt cho đất nước mình, không nghĩ đến những đất nước khác thì đây là quan niệm sai lầm. Nước mình được lợi nhưng các quốc gia lân cận không có lợi ích gì sẽ phát sinh xung đột, dẫn đến tranh chấp xã hội mà không khéo sẽ đẩy đến chiến tranh thế giới. Chúng ta có thể nghĩ được như vậy là Chánh tư duy, chỉ nghĩ đến lợi ích bản thân, là tà kiến, tà tư duy. Vậy nên chúng ta làm việc gì cũng phải nghĩ đến có lợi ích với mọi chúng sanh trên cả thế giới hay không, việc không lợi thì không nên làm, việc gây hại càng không nên làm.

Chúng ta nhất định phải tu học tâm thuần thiện. Thuần thiện chính là tư tưởng thiện, tâm địa thiện, lời nói tạo tác không gì không thiện. Thế nào gọi là thiện? “Thiện” nghĩa là làm điều lợi cho tất cả chúng sanh trên toàn thế giới, không chỉ làm lợi cho con người mà còn phải nghĩ đến các loài động, thực vật thậm chí là các yếu tố tự nhiên như đất, nước cũng có lợi ích. Được vậy mới là chân thiện, thuần thiện. Việc lợi ích cho đất, cho nước tức là quyết không phá hoại môi trường tự nhiên. Con người ngày nay không có cái tâm thiện này, tùy ý phá hoại môi trường tự nhiên, gây mất cân bằng sinh thái từ, từ đó mới sanh ra nhiều tai hại thiên nhiên. tai hại thiên nhiên từ đâu mà ra? Là do con người tạo ra, nguyên nhân trực tiếp chính là thân nghiệp, chúng ta vừa động tay liền phá hoại môi trường tự nhiên.

Cho nên con người ở đời nhất định phải chọn nghề nghiệp cho đúng. Nghề này nhất định phải lợi cho xã hội, ích cho đại chúng, phục vụ tất cả chúng sanh. Chúng ta phục vụ chúng sanh thì phải lấy đối tượng được phục vụ làm chính, không thể xem bản thân mình làm chính được. Cho dù ngày nay chúng ta chọn

giáo học của Phật Giáo, chọn xuất gia(xuất gia cũng là một nghề), chúng ta tự mình tu học, giáo hóa chúng sanh, còn phải lấy chúng sanh làm đối tượng, lấy mong ước của họ làm tiêu chuẩn. Nhất định hiểu rõ đại chúng trong xã hội ngày nay cần gì, vì đại chúng mà suy nghĩ, khiến đại chúng ngay trước mắt có được lợi ích, đời sau được lợi ích, và đời sau nữa cũng được lợi ích, vĩnh viễn được lợi ích là chính xác, đây là thuần Chánh tư duy.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thời kỳ mạt pháp, tà sư giảng pháp nhiều như cát sông Hằng”. Tà sư giảng pháp nhưng sao có nhiều người tin tưởng như vậy? Vì tà sư giảng pháp khiến chúng ta được lợi ích trước mắt còn đời sau thì họ không quan tâm. Mà nếu đời sau ta vẫn còn trong lục đạo đọa tam đồ thì sai rồi. Phật pháp đặc biệt xem trọng lợi ích của kiếp sau, hiện tiền không được lợi thì kiếp sau được lợi thì ấy là đúng đắn; hiện tiền được lợi nhưng kiếp sau không được ích gì thì ấy là sai lầm.

Lợi ích đại chúng mà không chấp tương tức là “Tam luân thể không” mà Kinh Bát Nhã dạy. Tạo tác này cao hơn một cấp so với Chánh nghiệp, gọi là “Tịnh nghiệp”. Cho nên, Chánh nghiệp bao gồm mười thiện nghiệp và hoàn toàn vận dụng thực tiễn vào mười thiện nghiệp. Đây là chánh nghiệp thuần chánh. Nếu ngược với mười thiện nghiệp, tức là tạo mười ác thì là tà nghiệp, ác nghiệp.

Thị – phi, thiện – ác, chân – vọng phải có năng lực phân biệt, nhưng xã hội ngày nay thị – phi, thiện – ác lẫn lộn, luân lý đạo đức suy thoái. Có một số cá nhân lên tiếng về việc này, nhưng không có hiệu quả, đại chúng xã hội không quan tâm, thì sao tránh được nạn tai đây? Vậy ta phải tự cứu mình thế nào? Phải tu mười thiện nghiệp.

Niệm Phật nhưng vẫn tạo mười ác nghiệp, chắc chắn không thể vãng sanh; niệm Phật nhất định phải tu mười thiện nghiệp mới có thể độ chính mình, lại có thể giúp đỡ người. Vậy còn người đời phải làm thế nào? Thời đại tự do, dân chủ, khai phóng chúng ta không có quyền can thiệp, cũng không có quyền phê phán người, chỉ bằng tâm mình lại, cố gắng tu học, ấy mới là việc làm đúng đắn. Người có thể tiếp nhận thì ta khuyên giải người; người không thể tiếp nhận thì ta nỗ lực niệm Phật, tự thành tựu bản thân. Nếu thật lòng phát tâm đại bi sau khi vãng sanh ắt được thừa nguyện tái lai, khi ấy chúng sanh có ý quay đầu thì ta trở lại độ, không nhất thiết vội độ người ngay lúc này. Phải khẩn cấp độ mình trước! Mình còn chưa độ mà có thể độ người khác. Phật dạy “không có việc như thế” là không có đạo lý này.

Thứ năm “Chánh Tinh Tấn”. Chú giải viết “Cần tu chánh đê, thú niết bàn cố”. “Chánh đê” chính là chánh pháp cũng là “chân lý” người đời thường nói. Tư tưởng, kiến giải, lời nói của chúng ta phải tương ứng với chân lý cũng chính là “Chánh đê”. Tu nhân ắt có quả báo, quả là đại Niết Bàn. “Niết bàn” là tiếng Phạn, Trung văn gọi là “tịch diệt”. Người xưa nói “nhất niệm bất sanh”, đây là trạng thái tịch tịnh. Chúng ta không để gì hình dung được trạng thái “nhất niệm bất sanh” vì phạm phu ý nghĩ quá nhiều, ý niệm vi tế không thể phát giác.

Kinh Nhân Vương dạy một cái khủy móng tay có 60 sát na, một sát na có 900 lần sanh diệt, chúng ta không không cách nào thể hội được điều này. Ý niệm sanh diệt này là căn nguyên của sanh tử luân hồi lục đạo, ý nghĩ này đoạn rồi chính là cảnh giới tịch diệt, quả vị Như Lai mới chứng đắc được; Bồ Tát Đẳng Giác chứng đắc còn thuộc Phần Chứng vị, không phải quả vị

cứu cánh. Trong pháp thể xuất thế gian chỉ có đây là là chân thật, đức tướng trí huệ cảnh giới này đầy đủ viên mãn, là tự tánh vốn có đầy đủ.

Ngoài đầu nhìn lại chính chúng ta, quả là chúng sanh mê mất rồi. Chúng sanh không phải không có tự tánh, Phật dạy “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ Như Lai”, vô cùng bình đẳng. Tại sao Phật thấy tất cả chúng sanh bình đẳng? Vì Phật nhìn từ tự tánh thì tất cả chúng sanh đều bình đẳng, không chút khác biệt. Tướng khác biệt là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là “tập khí tập tánh” mà nhà Nho hay nói, tức thường gọi là “tập nhiễm”. Sự “nhiễm ô” mà Kinh văn hay nói đó là do tập khí ô nhiễm chân tánh nên mới biến hiện tướng sai lệch rất lớn. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian chỉ là giúp phàm phu hồi phục tự tánh, hồi phục giác ngộ mà thôi.

Tự tánh là cái vốn có, giác ngộ cũng là cái vốn có, mê hoặc không phải cái vốn có, phiền não tập khí cũng không phải vốn có, mà do sự nuôi dưỡng từ môi trường mà thành. Nó không phải cái vốn có, đương nhiên có thể đoạn trừ; còn những thứ vốn có đương nhiên có thể hồi phục. Vậy là rõ ràng: phiền não dẫu nặng, tập khí dẫu sâu nhất định vẫn có thể đoạn trừ; Trí huệ, đức tướng giống như chư Phật Như Lai chắc chắn có thể phục hồi. tu trì Phật pháp, trước tiên là tín tâm, chính là tin tưởng tập nhiễm của chúng ta có thể đoạn trừ, tin tưởng tự tánh đức năng có thể hồi phục. Đây là “tin mình”. Rồi từ đó kiến lập tâm tự tin, như vậy mới có thể nỗ lực, ấy là Chánh tinh tấn.

Chúng ta đoạn muốn tận phiền não tập khí, đức tướng trí huệ hồi phục tự tánh viên mãn, phương pháp nhanh nhất chính là pháp môn Tịnh độ. Trước mắt chúng ta phải học từ chính

trong đời sống, công việc; đối người, đối việc, đối vật, khởi tâm động niệm đều tương ứng với Tịnh độ. Làm thế nào để tương ứng với Tịnh độ? Tương ứng với tâm thanh tịnh chính là tương ứng Tịnh độ, “tâm tịnh tức là Phật độ tịnh”. Bất kể lúc nào, ở đâu, đối diện cảnh giới gì tuyệt đối không đánh mất tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tâm tuyệt không ô nhiễm. Khi lục căn đối diện lục trần sanh khởi thất tình ngũ dục, tham sân si mạn tức đã bị ô nhiễm rồi. Nói cách khác, chỉ cần không phân biệt, không chấp trước tức là đã tương ứng với tâm thanh tịnh; còn mảy may phân biệt, chấp trước thì vẫn còn chìm trong nhiễm tạp như xưa. Cho nên, trong đời sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đối nhân, tiếp vật phải luyện tập tâm không phân biệt, không chấp trước. Ấy chính là tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, Tịnh nghiệp của chúng ta được thành tựu. Một câu Phật hiệu nguyện sanh Tịnh độ, pháp môn này thật sự đâu khó khăn. Nếu trong cuộc sống hằng ngày ta không rèn luyện công phu này thì dù một ngày niệm mười vạn hay hai mươi vạn lần Phật hiệu cũng giống như người xưa nói “chỉ phí công đau họng khàn tiếng”.

Người thường thì nỗ lực tinh tấn hướng theo danh tiếng lợi dưỡng. Mục tiêu, phương hướng thế này là sai rồi, không phải chánh tinh tấn. Chánh – tà phân biệt chỗ nào? Có thể giúp chúng ta thoát ly sanh tử tam giới, thành tựu vô lượng công đức là chánh; ngược lại, tạo nên đời sau khổ nạn, như chấp trước, tham luyện, chiếm hữu đều là tà. Từ đó có thể thấy, định nghĩa của “chánh” là Chánh kiến Chánh tư duy, chỉ cần Chánh tri Chánh kiến đầy đủ, mọi việc làm đều là chánh; không đầy đủ Chánh tri Chánh kiến thì làm gì cũng đều không chánh.

Theo Phật pháp Đại thừa, chánh tinh tấn tuyệt đối chẳng qua là niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Bất kỳ chúng sanh nào y theo đạo lý và phương pháp trong Kinh điển tu học, chắc chắn đều có thể chứng đắc. Đây là cứu cánh chân thật đại viên mãn. Điều này không phải vô căn cứ mà đó là lời dạy trong Kinh điển của Chư Phật Thế tôn. Chúng ta thử quán sát kỹ những người chân thật niệm Phật: họ quyết buông bỏ vạn duyên, tâm địa thanh tịnh, hành trì hoàn toàn tương ứng với mười thiện, tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện. Họ giao thiệp với người đều là tâm chân thành, khẩn thiết, từ bi ; người khác lừa họ, gạt họ, họ cũng không để trong lòng và vẫn rất thích niệm Phật. Người như vậy ắt hẳn thành công, đây là người thượng thượng căn. Đây là chánh tinh tấn, chân thật tinh tấn. Chúng ta học Phật nếu không hạ công phu từ điểm này thì sai rồi.

Chúng ta học giáo, hoằng dương Tịnh độ, khuyến hóa thế nhân thì có đối lập, mâu thuẫn với chánh tinh tấn không? Không. Pháp môn niệm Phật cùng với bất kỳ hành nghiệp, công việc gì đều không đối lập, cho nên chư Phật, Bồ Tát đều tán thán. Công việc mỗi ngày của các vị lão niên là nội trợ, chăm sóc gia đình, chăm sóc con cháu, giao thiệp với bạn bè thân thiết. Những việc ấy hoàn toàn không trở ngại việc niệm Phật. Do đó mà biết, chúng ta hoằng pháp lợi sanh cũng không bị trở ngại, thứ trở ngại chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì một chút chướng ngại cũng không có, như trong Kinh Hoa Nghiêm dạy “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại” vậy.

Năm mươi ba vị thiện tri thức trong Kinh Hoa Nghiêm, trên mặt hình thức pháp môn tu học không giống nhau, thân phận, nghề nghiệp khác nhau, nhưng điểm chung giữa họ là

không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tuy pháp môn khác nhau nhưng đều cùng thuộc về pháp môn niệm Phật. Đây thật là điều kỳ diệu không thể nói thành lời!. Vậy nên các vị ấy ai ai cũng đều viên thành vô thượng đạo, người người đều là Pháp Thân Bồ Tát của thế giới cực lạc, là cảnh giới “bất khả tư nghị”. Chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm phải từ điểm này thể hội, mới hiểu được thế nào gọi là “Chánh tinh tấn” “chân thật tinh tấn”.

Thứ sáu “Chánh Định”. “Định” là ý nói tâm an trụ ở một chỗ, tuyệt không đổi, không dao động. Từ điểm này mà Phật dạy chúng ta phải đặt tâm an trú trong mười thiện nghiệp, an trú trong danh hiệu Di Đà. Tổ sư đại đức thường nói “Chánh – trợ song tu” thì nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật là chánh tu, nhất tâm an trú trong mười thiện nghiệp là trợ tu, như vậy mới có thể sanh Tịnh độ. Đại đức xưa thường nói “Ái bất trọng, bất sanh ta bà” (không xem trọng ái dục thì đâu bị sanh vào cõi Ta Bà). Yếu tố đầu tiên dẫn đến việc đọa lạc đạo là “Ái dục”, không đoạn ái quyết không thể lìa thế giới ta bà, “niệm bất nhất bất sanh Tịnh độ”. Vậy nên niệm Phật thì phải chuyên tâm.

Thế Tôn giảng giải rất rõ về sự thù thắng của thế giới Tây phương Cực lạc. Thập phương Tam thế chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, vậy sự thù thắng ấy ở chỗ nào? Sự thù thắng ở chỗ thế giới ấy không có nghịch cảnh, ác duyên dù A lại da thức của chúng ta vẫn còn chủng tử ác niệm tập khí chưa đoạn hết, vì không có ác duyên nên không khởi hiện hành, nên cũng không thoái chuyển. Chúng ta trong thế gian này có rất nhiều chướng duyên tai nạn, thế giới Tây phương Cực lạc thì không có, vì thế ở cõi đó chỉ có tiến bộ không có thụt lùi. Tuy sự tiến bộ nhanh chậm mỗi người mỗi khác, nhưng chắc chắn không thụt lùi.

Hướng hồ người ở thế giới Tây phương Cực lạc vô lượng thọ, thọ mạng lâu dài, nên tiến bộ chậm một chút cũng chẳng sao, vẫn là một đời thành tựu.

Thế giới Tây phương Cực lạc là “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”. Về “Thượng thiện” có nhiều cách giải nghĩa khác nhau. Thế giới Tây phương Cực lạc có Tứ độ Cửu phẩm. Trong đó mỗi độ lại có tiêu chuẩn khác nhau, thấp nhất là Thượng thiện Phạm Thánh Đồng Cư Độ chính là mười thiện nghiệp; Thượng thiện Thật Báo Trang Nghiêm Độ tức là Bồ Tát Đẳng Giác. Thế giới Tây phương Cực lạc rất đặc biệt, ở đó có Tứ độ nhưng đại chúng của Tứ độ này thường câu hội một nơi. Đây cũng là điều mười phương thế giới không có. Vậy nên tuy chúng ta vắng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ nhưng mỗi ngày đều có thể cùng Đại Bồ Tát của Tịch Quang Độ, Thật Báo Độ Và Bồ Tát Đẳng Giác chung sống, tiếp nhận huân tập của các Ngài, rồi tự nhiên cũng trở nên dũng mãnh tinh tấn. Nên dù tiến bộ chậm nhất thì so với người ở mười phương thế giới vẫn nhanh hơn nhiều. Mười phương thế giới có nơi nào duyên phận tốt như vậy!

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy, người hạ hạ phẩm vắng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ chỉ cần mười hai kiếp thì hoa khai kiến Phật. Đây là cảnh giới Thật Báo Độ. Phạm Thánh Đồng Cư Độ là nơi vắng sanh của phàm phu còn mang nghiệp, còn một phẩm phiền não chưa đoạn. Trong thời gian mười hai kiếp là có thể chứng quả vị Bồ Tát Sơ trụ của Viên Giác, tương đương trong Biệt giáo là Bồ Tát Đẳng Địa. Mới nghe mười hai kiếp chúng ta cảm thấy rất dài nhưng với người ở thế giới Tây phương Cực lạc lại rất ngắn, vì thọ mạng của họ là vô lượng kiếp thì mười hai kiếp có đáng gì! Nên nếu

tâm chúng ta có thể định tại Tây phương Cực lạc, định trong một câu Phật hiệu thì đó là Chánh định thuần chánh, sự Chánh định thù thắng không gì so sánh được. Lại thêm tâm định trong mười thiện nghiệp, một đời chúng ta sinh sống, làm việc, đối người, xử sự, tiếp vật từng tâm, từng niệm, từng lời nói, hành động đều không trái mười thiện nghiệp thì nhất định được sanh.

Thật sự không bị ngoại cảnh động mới là Định. Vậy nên cái khó của người chân tu là vì lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần thì tâm dao động, liền không còn “Định”. Phật pháp gọi đó là ma chướng, ma chướng chính là ngoại duyên không tốt, ngoại duyên phá hoại chánh định và chánh tinh tấn của chúng ta. Vậy, điểm then chốt quyết định thành tựu hay không là ở tâm ta “Định” hay không. Kinh văn tuyệt đối không phải chỉ niệm thì có thể thành tựu, “nói được nhưng không thực hành được ấy không phải là chân trí huệ”. Có thể nói nhưng không thể làm thì chẳng liên quan gì đến qua hết sanh tử, thoát ra Tam giới, chẳng qua là khẩu thiện mà thôi, không thể vãng sanh.

Thật sự vãng sanh là khi chúng ta hoàn toàn thực hành được lời dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Phật dạy điều gì chúng ta phải làm được điều ấy, làm không được cũng quyết không sai phạm thì có thể vãng sanh thượng thượng phẩm. Nếu chỉ làm được 90% còn 10% chưa làm được thì vãng sanh thượng trung phẩm; làm được 80% vãng sanh thượng hạ phẩm. Cứ vậy hạ dần xuống đến vãng sanh hạ hạ phẩm thì cũng làm được 20% ; 20% còn làm không được thì không thể vãng sanh.

Tu hành là phải “hành”. Không vận dụng lời dạy trong Kinh vào thực tiễn cuộc sống thì lời dạy đâu có tác dụng gì. Miệng thiện, tâm không thiện, thì “hành” cũng không thiện, chắc chắn không thể vãng sanh. Nên tâm phải “định” trong pháp

môn mình tu và phải “định” trong mười thiện nghiệp. Nếu tâm ta chỉ định trong mười thiện nghiệp, không cầu sanh Tịnh độ thì tương lai cũng chỉ có thể sanh cõi Trời hưởng phước Trời. Còn hành mười thiện thì sanh cõi trời Thượng phẩm. Điều này là chắc chắn.

Thứ bảy “Chánh niệm”. Chú giải viết “Niệm chánh trợ đạo, tâm bất động thất cố”. Về chánh – trợ song tu, chánh tu là theo Kinh A Di Đà dạy là “Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, cũng là nguyện thứ mười tám trong Kinh Vô Lượng Thọ. Chánh tu cần phải trợ hành, không có trợ tu, thì chánh tu chắc chắn không thể thành tựu. Nói cách khác, trợ là trợ chánh, không có trợ, chánh sẽ biến lệch thành tà.

Cổ đức xưa có đề xướng “Bỏn nguyện niệm Phật”, nhưng Nhật Bản ngày nay khi tuyên truyền bỏn nguyện niệm Phật có ngộ nhận. Họ cho rằng chỉ cần trì một câu Phật hiệu của nguyện thứ mười tám thì sẽ được vãng sanh. Đây là đã giải thích sai ý nghĩa Kinh văn, tức là chỉ thấy phần ý nghĩa cục bộ. Nên biết mỗi câu chữ trong Kinh Vô Lượng Thọ đều bao gồm toàn bộ Kinh điển, mà theo như Kinh Hoa Nghiêm nói là “một là tất cả, tất cả là một”. Bất kỳ nguyện nào trong 48 nguyện phải bao gồm 47 nguyện còn lại, thì nguyện ấy mới được xem là viên mãn. Lấy nguyện thứ 18 làm chủ, nếu nó không thể bao hàm viên mãn 47 nguyện khác thì nguyện thứ 18 nguyện liền có khiếm khuyết. Đạo lý này họ sơ suất rồi. Tổ sư đại đức thường dạy chúng ta phải thâm nhập Kinh tạng, thâm giải nghĩa thú; vì nếu không thâm giải, thường hiểu sai ý nghĩa. Hiểu sai nghĩa thì không lợi ích, cho nên về tình có thể tha thứ, nhưng nếu ảnh hưởng đến người khác, khiến họ cũng không lợi ích thì có tội.

Tôi vì những đồng tu Tịnh tông đề ra 5 bài học, đầu tiên là “Tịnh nghiệp Tam phước” trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Điều này là đại căn đại bản của việc tu hành, bất luận tu học pháp môn nào đều phải từ trên nền tảng này mà cắm rễ. Phước thứ nhất của Tam phước là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp”. Không làm được điều này thì bất kể tu pháp môn nào cũng không thể thành công, kể cả niệm Phật cũng không thể vãng sanh. “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ bi bất sát” thực tiễn trong mười thiện nghiệp, mười thiện nghiệp không thể làm được, thì ba câu trước ấy đều là lời suông. Phải dùng gì để hiếu dưỡng phụ mẫu? Phải tu mười thiện nghiệp; xa lìa mười thiện thì hiếu thân tôn sư chỉ là hữu danh vô thực. Cho nên làm được điều này rồi thì nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, chắc chắn được sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Phạm Thánh Đồng Cư Độ có ba bậc chín phẩm, thì phải xem công phu chúng ta nông sâu, công phu nông sâu, chánh trợ hai bên đều có.

Phước thứ hai là “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”. Phước thứ hai bao hàm cả phước thứ nhất, phước thứ hai được xây dựng trên nền tảng phước thứ nhất. Nói cách khác, phước thứ nhất và thứ hai mà làm được thì sẽ được vãng sanh Phương Tiện Hữu Dư Độ. Nếu làm được cả phước thứ ba “Phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả” thì chắc chắn được vãng sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Tịnh nghiệp Tam phước vừa là trợ tu vừa là chánh tu. Thật sự thâm nhập pháp giới rồi ắt hiếu chánh – trợ là một không phải hai. Thế nào là niệm Phật? “Hiếu dưỡng phụ mẫu” là niệm Phật, “phụng sự sư trưởng” là niệm Phật, “từ tâm bất sát” là

niệm Phật, “tu mười thiện nghiệp” là niệm Phật, mỗi chữ mỗi câu đều là niệm Phật ấy gọi là “Niệm chánh trợ đạo”, niệm niệm không quên, quyết không thất niệm vì thất niệm là quên ngay. Người sơ học thường không tránh khỏi nên thường thất niệm, nên mỗi ngày phải tu sám hối. “Tại sao ý niệm này mình lại quên rồi” mỗi giây mỗi phút đều phải tự nhắc mình như thế.

Người niệm Phật thường đeo chuỗi hạt dụng ý là nhắc nhở chúng ta chớ thất niệm. Thấy tràng chuỗi lập tức nhớ đến niệm Phật, nên tràng chuỗi không chỉ là tính số lượt, quan trọng nhất là nhắc nhở bản thân chánh niệm. Không những tràng chuỗi giúp nhắc nhở bản thân, thật lòng mà nói đó cũng là cách nhắc nhở những người xung quanh chúng ta niệm Phật. Họ biết niệm Phật không? Không nhất định, nhưng họ sẽ khởi ý niệm, và cả quý thần chúng ta không thấy được, khi họ thấy được tràng chuỗi cũng nhắc nhở họ niệm Phật, âm dương đều được lợi.

Chúng ta cúng dường tượng Phật, tuyệt đối không sùng bái tượng gỗ. Phật giáo tạo ra những tượng bằng kim loại, bằng đất nung, hay tượng vẽ màu sắc đều vì muốn nhắc nhở chúng ta chánh niệm, dùng phương pháp này là chánh tự tánh. Ví dụ chúng ta thấy tượng Phật Thích Ca Mâu Ni Phật, “Thích Ca” trong danh hiệu ấy nghĩa là nhân từ, “Mâu Ni” nghĩa là thanh tịnh, thanh tịnh tịch diệt. Cho nên chúng ta thấy tượng Phật Thích Ca Mâu Ni chính là phải nghĩ đến “Đối với người phải nhân từ bác ái, đối với chính mình phải thanh tịnh vô nhiễm”. Dụng ý của tượng Phật là nhắc nhở bản thân vậy.

Bồ tát Quán Âm nhắc nhở chúng ta “Từ bi”, Địa Tạng Bồ tát nhắc nhở chúng ta “Hiếu kính”. Nghe danh hiệu Người, thấy hình tượng Người liền nghĩ đến những lời giáo huấn trong Kinh điển. Dụng ý thâm sâu là chỗ này, hoàn toàn không hề mê tín.

Nó như một công cụ, thiết bị dạy học, mà giáo dục hiện đại gọi “giáo cụ”, giáo cụ dạy học của Phật giáo đã đạt đến cảnh giới nghệ thuật tối cao. Đây là văn minh nhân loại, thành tựu văn hóa nhân loại.

Thứ tám “Chánh mạng”. “Mạng” nghĩa là sanh mạng. Người sống ở thế gian nhất định phải biết được làm thế nào nuôi mạng sống mình. Chú giải viết “Thường tri chỉ túc, trụ u thanh tịnh Chánh mạng cố”. Con người nếu muốn thân thể khỏe mạnh sống lâu, xa rời bệnh tật thì phải hiểu được đạo dưỡng sanh.

Chân đế của sinh mạng hay còn gọi nguyên lý của sinh mạng là gì? Phật dạy: “Tất cả Pháp từ tâm tưởng sinh”. Tưởng cái gì thì biến thành cái đó. Phật pháp tu hành có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn nhưng cốt lõi là quán tưởng. Ngày ngày chúng ta tưởng Phật vô tình sẽ thành Phật, tưởng Bồ tát sẽ thành Bồ tát. Ngày ngày chúng ta đọc Kinh Phật, tưởng Kinh điển chính là tưởng Phật. “Nhớ Phật niệm Phật”, “nhớ” với “niệm” đều là tưởng, ngày ngày tưởng Phật vô tình tự mình thành Phật. Còn mỗi ngày tưởng hưởng thụ, thế gian ngũ dục lục trần, tham đắm những thứ này, con người liền biến thành Nga quý. Quý là do tư tưởng tham lam keo kiệt biến hiện, tham danh, tham tài, tham sắc liền biến thành Nga quý, sân hận đọa địa ngục, ngu si biến thành súc sanh, thường tưởng ngũ giới mười điều thiện thì sanh cõi người, Thập thiện nghiệp thượng phẩm thì sanh cõi trời.

Nếu như chúng ta muốn thân thể khỏe mạnh thì tưởng thiện không tưởng ác, hành thiện đừng tạo ác. Thân là một môi trường vật chất gòn gũi chúng ta nhất, nhất định phải hiểu rằng tâm làm chủ, không phải thân làm chủ. Thân này là vật chất, vật chất là phụ, vật chất là từ tâm tưởng mà sanh.

Pháp Tướng Duy Thức giảng giải thấu triệt nhất về câu hỏi “vật chất từ đâu mà có”? Là từ tướng phần A lại da. Tướng phần A lại da là từ kiến phần biến hiện ra, kiến phần là ý nghĩ (năng lượng). Trong ý nghĩ có một loại chấp trước kiến cố, chấp trước liền biến thành vật chất, cái thứ này vốn là không thật, chỉ là huyền hóa. Kiến phần là năng lượng, là tinh thần, tướng phần là vật chất. Kiến – Tướng cùng một nguồn, nguồn đó là Tự chứng phần. Nói cách khác, vật chất và tinh thần là cùng một nguồn, không thể phân ra. Điểm này khác với quan điểm học thuyết Triết học. Nên ông Âu Dương Cảnh Vô nói: “Phật giáo không phải tôn giáo, không phải triết học”, mà là giáo dục. Phật giáo là giảng giải rõ chân tướng vũ trụ nhân sinh.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm hiện tướng, nhưng tướng thì thiên biến vạn hóa. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là tướng của tâm biến. Năng lực gì khiến nó sản sanh sự biến hóa phức tạp như vậy? Là “Thức”_ chính là tâm tưởng. Chúng ta tưởng già liền biến già, tưởng bệnh dù vốn không có bệnh thì bệnh liền đến. Khi bệnh càng nặng, lại tưởng đến “không biết khi nào sẽ chết” thì cái chết đến rất nhanh. Hết thấy đều do tâm tưởng sanh. Nếu xả bỏ hết những vọng tưởng này thì chúng ta liền không già, không bệnh và thật lòng mà nói cũng không chết. Tất cả đều là vấn đề của ý nghĩ, cho nên cái niệm này là vọng niệm, là ý nghĩ sai lầm. Vì thế, đạo dưỡng sanh trước tiên phải có quan niệm đúng đắn trước.

Trong cuộc sống, quan trọng nhất là biết đủ, biết đủ thường vui. Con người sống ở đời thì nên sống một đời an lạc, hà tất từ sáng đến tối mặt mày ủ rũ! Sầu khổ là trạng thái của bệnh, dễ làm người già nua, như người đời thường nói “Lo lắng làm

người ta mau già”. Nói cách khác, thường sanh tâm hoan hỷ sẽ không già yếu. Tâm hoan hỷ từ đâu mà sanh? Biết đủ thường vui, cho nên người nhất định biết đủ ,cuộc sống càng đơn giản càng tốt, ăn uống càng ít càng khỏe mạnh, dinh dưỡng được hấp thu toàn bộ, các bộ phận cơ thể làm việc nhẹ nhàng. Người tu đạo nên hiểu được đạo dưỡng sanh này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, tăng đoàn “ngày ăn một bữa trưa”, thức ăn vô cùng đơn giản nên thân thể được khỏe mạnh.

Chánh mạng còn một ý nghĩa quan trọng nữa, chính là chúng ta chọn lựa nghề nghiệp mưu sinh, phải có lợi cho chúng sanh và xã hội. Đây cũng là Chánh mạng. Từ đó có thể thấy, nghề sát sanh không phải chánh mạng, đó là tà mạng, quả báo rất đáng sợ. Lúc chúng ta tạo tác thì không biết, nhưng lúc quả báo hiện tiền thì hối hận không kịp. Chúng ta thử bình tĩnh quán sát người làm nghề đồ tể, như giết heo (lợn) chẳng hạn. Hình thể họ lúc về già gần như giống heo vậy, khi họ chết, tình trạng rất giống con heo khi bị giết. Dù cả đời tâm họ tốt, làm người cũng tốt nhưng họ làm nghề này thì đến cõi súc sanh sẽ đọa vào thai heo để trả nợ. Hoặc chúng ta thử nhìn người hành nghề giết gà, con cái của họ cũng giống như những con gà vậy. Bình tâm mà quán sát, thì chúng ta liền thấy phát hiện quả báo vốn dĩ ở trước mắt. Đáng sợ biết bao!

Nghề sát sanh không được làm, nghề trộm cắp không được làm , nghề tà dâm không được làm, vì chúng đều thuộc về tà mạng. Tiêu chuẩn của chánh mạng là nhất định phải tuân thủ lời dạy Thánh hiền. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải theo giáo huấn của Phật, chọn “đúng” nghề nghiệp mưu sanh. Chánh mạng thù thắng nhất chính là những nghề nghiệp người đời gọi là “thanh cao”. Thanh là thanh bần, thanh bần biết đủ,mới có thể

thật sự đoạn tham – sân – si, nếu không thể cam tâm nhẫn nại chịu nghèo khổ thì tâm tham tăng trưởng, thì sân – si – mạn đều theo đó khởi lên. Tham là gốc của mọi phiền não, chỉ có biết đủ mới có thể chế ngự được tâm tham, Người chỉ cần không có tâm tham, thì phiền não sân – si – mạn liền dễ bị không chế và thật giữ được thân tâm của bản thân mạnh khỏe.

Cho nên yếu tố đầu tiên để cơ thể khỏe mạnh chính là tâm thanh tịnh. Tổng kết cương lĩnh tu học Phật giáo chính là: “Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”. Nếu chúng ta có thể dùng tâm này thì chắc chắn được khỏe mạnh, trường thọ. Không cần cầu bên ngoài, tất cả đều bắt đầu làm từ nội tâm, nên Phật pháp mới gọi là “Nội học”. Khi sống đời sống vật chất tối giản, tâm thanh tịnh rồi, sự nhiếp thọ chất dinh dưỡng của cơ thể cũng ít đi. Thời tôi theo học thầy Lý Bình Nam, thầy mỗi ngày chỉ ăn một bữa trưa, tôi cũng học theo y như vậy. Thực hành được khoảng tám tháng tôi mới kể việc này với Thầy. Thầy hỏi: “Bao lâu rồi”. Tôi trả lời: “Tám tháng rồi”. Thầy lại hỏi: “Con cảm thấy thế nào?” Tôi trả lời: “Tất cả rất bình thường”. Thầy vỗ tay xuống bàn và nói “Cứ giữ nguyên tình trạng này đi, sống đơn giản sẽ không yêu cầu ở người. Người đạt đến mức không mong cầu gì ắt tự thanh cao vậy”.

Tôi bèn trình bày một vấn đề lý luận với Thầy. Tôi nói: “Thành phần dinh dưỡng hấp thu của cơ thể người cũng giống như nhiên liệu. Cơ thể tiêu hao năng lượng nên cần ăn uống để bổ sung. Năng lượng tiêu hao của mỗi người mỗi khác; giống như xe hơi, có loại hao xăng; có loại ít hao xăng. Thân thể chúng ta cũng vậy, có trên 95% năng lượng tiêu hao vào vọng niệm, còn lao tâm, lao lực thì sự tiêu hao đó rất ít”. Thầy vô cùng đồng ý với cách nhìn này của tôi.

Vì thế người tu đạo tâm địa thanh tịnh, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì năng lượng tiêu hao rất ít, mỗi ngày ăn một bữa là đủ rồi. Tâm địa A La Hán càng thanh tịnh, thì 7 ngày ăn 1 bữa. Tâm Bích Chi Phật càng thanh tịnh hơn so với A La Hán thì nửa tháng ăn một lần. Chúng ta ngày nay ngày ăn ba bữa, còn phải ăn thêm điểm tâm, thì có thể thấy được vọng tưởng nhiều thế nào! Vọng niệm nhiều chỉ làm cơ thể bệnh tật đầy người. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Do đó, tu thân vẫn là bắt đầu từ tu tâm. Tâm tốt thì thân thể khỏe mạnh. Tâm không tốt, dùng thuốc men gì để điều chỉnh, dùng thức ăn gì để tẩm bổ cũng gây ra bệnh tật đầy mình. Nói đến “Chánh mạng”, chúng ta phải hiểu chọn lựa nghề nghiệp, phải biết dưỡng tâm dưỡng sanh làm sao để bản thân thật sự đạt được khỏe mạnh, sống lâu hạnh phúc vậy.

Chỉ trang nghiêm cố, quán trang nghiêm cố

Kinh văn: ***“Chỉ trang nghiêm cố, tất năng diệt trừ nhất thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật tri chư pháp tự tánh”***(Dùng chỉ trang nghiêm cố thể dứt trừ tất cả kiết sử. Dùng quán trang nghiêm, có thể biết được tự tánh của các pháp như thật.

“Chỉ Quán” tiếng Phạn đọc là “Xa- ma- tha”, “Tỳ- bà- xá-na”, “Thiền na”. “Xa- ma- tha” dịch là “chỉ”, “Tỳ- bà- xá -na” dịch là “quán”, “Thiền na” là “Chỉ quán viên dung”. Và hàm nghĩa của các danh từ này có thể dùng thay cho nhau, “Xa- ma- tha” có thể dịch là “Chỉ”, cũng có thể dịch là “Quán” nhưng thiên về “Chỉ” hơn, “Tỳ- bà- xá- na” tuy dịch là “Quán” cũng có ý nghĩa “Chỉ”. Trên thực tế, chỉ quán nhất định là viên dung, trong chỉ có quán, trong quán có chỉ. Giả dụ chỉ có chỉ không có quán, chính là “Vô tướng định”, tu vô tướng định thì không liên

quan gì với Phật pháp. Thiên định trong Phật pháp có “Quán” cũng chính là trong Định có cảnh giới.

“Chỉ Quán” là tổng cương lĩnh tu hành của nhà Phật, bất luận tu pháp môn nào, đều không rời chỉ quán. Pháp môn niệm Phật cũng là tu chỉ quán, “Buông bỏ vạn duyên” là chỉ, “Đề khởi Phật hiệu” là quán. Do có thể biết, chỉ quán chính là thiên định, niệm Phật cũng là tu thiên, nên Kinh Đại Tập nói pháp môn niệm Phật là “Vô thượng thâm diệu thiên”.

“Chỉ Quán” cũng gọi là “Định Huệ”, trong đó định là chỉ, huệ là quán; cũng có khi gọi là “Tịch Chiếu”, Tịch là chỉ, Chiếu là quán hoặc là “Minh Tĩnh”, Minh là quán, Tĩnh là chỉ, chỉ có nghĩa là “đình chỉ, chỉ tức”. Trong mười thiện nghiệp, Chỉ tức mười ác, đề khởi mười thiện, khởi tâm động niệm đều là mười thiện, cũng là cái gọi là “Động niệm thì vạn thiện cùng theo, chỉ tĩnh thì nhất niệm không sanh”. Được vậy tức là đạt được công phu chỉ quán rồi. Gốc của vạn thiện là mười thiện nghiệp, gốc của vạn ác là mười ác nghiệp. Vì thế, từ sơ học đến quả vị Như Lai có vô lượng vô biên pháp môn, có Lục độ, Tứ nhiếp, 37 phẩm trợ đạo thì làm sao thực hành được chỉ quán? Tất cả đều ở mười thiện nghiệp, xa lìa mười thiện nghiệp thì mọi Phật pháp đều rơi vào trống không vậy.

Từ cơ bản nhất mà nói là phước thứ nhất trong “Tịnh nghiệp tam phước”, nếu không có mười điều thiện không cách nào thực hành được “Hiếu thân tôn sư, từ tâm bất sát”. Chúng ta không biết gì về mười thiện lại còn mỗi ngày mỗi tạo mười ác nghiệp thì như trong Kinh Địa Tạng dạy “Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm hết thấy đều tạo tội lỗi”, đặc biệt là xã hội ngày nay không còn luân thường, con cái giết hại cha mẹ, cha mẹ sát hại con cái, anh em tàn sát lẫn nhau mỗi

ngày mỗi nhiều. Đó đâu phải xã hội con người vì con người phải biết đạo lý.

“Đạo” là gì? Đạo là pháp tắc tự nhiên vĩnh hằng không biến đổi. Người Trung Quốc nói “Ngũ đật đạo”, đật là thông đật, đạo là Ngũ luân. Ngũ luân là vợ – chồng, cha – con, anh – em, vua – tôi và bạn bè. Đây là năm mối quan hệ giữa người với người và cũng là pháp tắc rất tự nhiên. Hiểu rõ về các mối quan hệ này gọi là đật đạo. Hiểu được rồi tùy thuận đật đạo thì gọi là tận nghĩa vụ. Nghĩa vụ là tự nhiên “cho đi” mà không điều kiện. Phụ tử tử hiếu, anh nhường em kính phải tận nghĩa vụ thì xã hội mới trật tự. Giống như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, 24 tiết khí có thứ tự. Các hành tinh di chuyển trong không gian cũng có thứ tự vậy, ví như không có thứ tự thì loạn rồi. Từ đó cho thấy, đạo là trật tự vĩnh hằng không biến đổi, thứ tự này là tự nhiên, không phải do con người tạo ra.

Mười thiện nghiệp là thường đạo, là đại đạo căn bản, là đại đạo mà trời người và Thánh nhân tam thừa cùng đồng hành. Đi ngược đại đạo ắt gặp tai họa. Đây là đạo lý nhất định. Tai họa chính là ba đường ác, đọa lạc ba đường ác rồi thì dù hối hận cũng không kịp. Mà Phật, Bồ tát đại từ đại bi, chúng sanh đọa ba đường ác các Ngài cũng không từ bỏ, nên Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh đều có chư Phật, Bồ tát ở đó giáo hóa chúng sanh. chúng sanh nơi ác đạo nghiệp chướng quá nặng, tu hành có khó khăn nhất định, không thuận lợi như cõi người, trời, nên họ muốn quay đầu cũng không dễ. Thế nhưng chư Phật, Bồ tát từ bi vô tận vẫn không từ bỏ chúng sanh, vẫn mong giúp họ tiêu tai nghiệp chướng.

Giúp thế nào? Trong Kinh Địa Tạng chúng ta thấy rất rõ ràng, trước tiên là giúp họ có lại được thân người, thoát ly ba

đường ác, nhưng được thân người rồi lại mê hoặc thì sẽ quay lại ác đạo rất nhanh. Được thân người phải thành tựu ngay đời này, vĩnh viễn không đọa ba đường ác, việc này quá khó. Chúng ta lấy mình ra làm ví dụ thử, vì đầu tập khí của ta lại nặng như vậy? Vì tàn dư trong ba đường ác vẫn chưa được sửa. Tập khí này nếu không sửa, sau khi chết lại rất nhanh quay về ba đường ác. Như Địa Tạng Bộ Tát có nói, không hề dễ giúp chúng ta lên cõi người, chưa được mấy ngày ta lại quay lại rồi.

Một ngày cõi Nga quý là một tháng ở nhân gian, nếu từ cõi Nga quý hồi phục được thân người, sống đến 100 tuổi, sau khi chết lại quay lại cõi Nga quý tính ra chỉ có mấy ngày. Đây là sự chênh lệch thời gian rất lớn! Mà sự chênh lệch thời gian ở Địa ngục lại càng lớn, một ngày ở Địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm ở nhân gian. Giả sử chúng ta sống được một trăm năm lại quay về địa ngục thì giống như đi chưa đến một giờ đồng hồ rồi quay lại. Vậy mới biết thoát ly ba đường ác quả thật rất khó.

Phật lấy hình ảnh “Đầu chìm đầu nổi” làm ví dụ. Ví dụ này rất đáng suy ngẫm. Chỉ cần còn trong lục đạo thì ba đường ác chắc chắn là quê nhà, đến tam thiên đạo cũng như ra ngoài du lịch, thời gian ngắn liền phải trở về. Ở trong cõi ác tức là “đầu chìm”, chìm đắm dưới nước. Sanh ba đường thiện là “đầu nổi” nhưng chỉ là thỉnh thoảng nổi lên hít một hơi không khí tươi mát thôi. Phật lấy hình ảnh ấy để hình dung chân tướng sáu cõi, nên nói tóm lại chúng sanh trong sáu cõi là “kẻ đáng thương”. Tập khí của chúng sanh trong sáu cõi rất nặng, thích truy cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần tài, sắc, danh, thực, thù. Đây là quan niệm tuyệt đối sai lầm.

Quan niệm này vốn có từ lâu, là từ vô lượng kiếp huân tập mà thành. Đức Phật khổ công nhọc sức khuyên chúng ta dùng

lại vì những ý nghĩ, vìnhững tư tưởng cách nhìn này đều là sai lầm. Đòi sống vật chất quá phong phú thì không muốn xa lìa. Những điều Phật pháp dạy ta, mục đích cuối cùng là lìa khổ được vui, cho nên Phật đề xướng khổ hạnh. Nhưng Phật dạy chúng ta lìa khổ được vui, tại sao Đức Phật phải tu khổ hạnh, tan thán khổ hạnh ? Vì “lìa khổ được vui” của Phật dạy không phải với cái vui của trời người của lục đạo, mà là cái an vui của thế giới Tây phương Cực lạc, là cái an vui của thế giới Hoa Tạng. Nếu chúng ta tham luyện cái vui lục đạo, cái vui trong mười pháp giới thì vĩnh viễn không thể chứng được nhất chân pháp giới. Cái an vui của nhất chân pháp giới là niềm vui thật (chân lạc), không thoái chuyển, không biến chất; còn cái vui trong lục đạo vô cùng dễ biến chất, gọi là “lạc cực sanh bi”.

Chúng đắc A La Hán là tiểu quả, là cái vui nhỏ. Thoát khỏi luân hồi lục đạo đến Tứ thánh pháp giới gọi là tiểu quả. Đại sư Thiên Thai gọi là “Tương tự tức” là cái vui tương tự (tương tự lạc), không phải là chân lạc (vĩnh hằng, không biến, không mất gọi là chân). Chân lạc nhất định phải vượt ra mười pháp giới. Thế nên Phật tán thán khổ hạnh là vì vậy. Khổ hạnh khiến chúng ta không còn lưu luyện Tam đồ Lục đạo. Ví như chúng ta gặp duyên thù thắng, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đời này mới có thành tựu, nhưng tâm niệm của chúng ta không buông xả thú vui của ngũ dục trong lục đạo thì không thể vãng sanh, vậy là bỏ lỡ cơ hội tốt của đời này.

Cho nên, trong cuộc sống thường ngày, chúng ta phải học tập “Chỉ Quán”, phải dừng lại mọi ý nghĩ tham muốn thọ dụng, hiểu rõ tất cả pháp thế xuất thế gian. Buổi đầu học Phật, tôi thỉnh giáo Đại sư Chương Gia phương pháp thiện xảo nhất để vào cửa Phật. Ngài dạy tôi rằng: “Nhìn cho thấu, buông cho

được”. Đây chính là chỉ quán. Nhìn thấu là quán, buông bỏ là chỉ. Nhìn thấu là phải quán sát tỉ mỉ chân tướng sự thật, mà điều quan trọng của chân tướng sự thật là nhìn nhân quả. Nhân quả bày ra trước mặt, chúng ta từ quả báo thì thấy được được nhân hành của nó, từ nhân hành có thể thấy ra quả báo, vậy là đã rõ ràng rồi. Hết thấy đều thấy rõ ràng vậy thì chúng ta tự nhiên buông bỏ, buông không được là do còn chưa thấy rõ ràng. Hai điều này ý nghĩa vô cùng rộng, xuyên suốt toàn bộ Phật pháp và là tông cương lĩnh tu hành Phật pháp.

“Kiết sử” là đại danh từ của phiền não. “Nhất thiết kiết sử” chính là Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não và Vô minh phiền não mà Phật Pháp thường nói đến. Làm sao để đoạn phiền não? Phương pháp chỉ quán có thể đoạn trừ phiền não. Chỉ là định, đem tâm an trụ một chỗ. An trụ ở đâu? Điều này không có nhất định, vì các pháp môn khác nhau, nhưng “An trụ nhất xứ” (an trụ một chỗ) là nguyên tắc xuyên suốt, là không biến đổi. “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (chế ngự tâm lại một chỗ, thì không việc gì không thành) cũng là ý này.

Phàm phu vọng niệm rất nhiều, tâm viên ý mã (tâm ví con vượn, ý ví như con ngựa) nên tâm không dừng lại được. Tịnh tông dạy chúng ta an trụ trong Phật hiệu. Thực ra phương pháp chế tâm của Tịnh Tông rất nhiều nhưng đại khái chia thành 4 loại phương pháp niệm Phật gồm: Quán Tưởng niệm Phật, Thật Tướng niệm Phật, Quán Tượng niệm Phật và Trì danh niệm Phật. Bốn loại này mỗi một loại lại phân thành nhiều nhánh nhỏ hơn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy có 16 loại phương pháp, gọi là “Thập lục quán”. Chúng ta tu bất kỳ một pháp quán nào đều có thể chế tâm một chỗ, đều định được tâm; nói cách khác, là đều có thể đoạn phiền não.

Trì danh niệm Phật là quán thứ 16, cũng là pháp cuối cùng của Thập lục quán. Đây là một pháp môn đặc biệt. Trong cách giảng Kinh thuyết pháp Phật Thích Ca Mâu Ni có một nguyên tắc đó là điều tốt nhất để ở sau cùng, giống như hát kịch vậy, tiết mục hay nhất nhất định phải để sau cùng. Nguyên tắc này tương ứng với pháp thế gian, có thể thấy được Phật pháp không xa rời pháp thế gian. Ví dụ như trong Hội Lăng Nghiêm hai mươi lăm viên thông, theo thứ tự lục căn, lục trần, lục thức thì “Quán Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông” nên xếp ở vị trí thứ 2 nhưng Đức Phật đã xếp vào vị trí cuối cùng vì đây là pháp môn đặc biệt.

“Chế ngự tâm lại một chỗ ” là đem tâm dừng ở chỗ nào? Dừng ở danh hiệu Phật, danh hiệu Phật chỉ có 4 chữ. Chúng ta thấy trong Trúc Song Tùy Bút, có người hỏi Đại sư Liên Trì rằng: “Đại sư dạy người khác niệm Phật bằng cách nào?”, Đại sư trả lời: “Tôi dạy người khác niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật”. Người đó lại hỏi: “Vậy còn bản thân Đại sư thì niệm thế nào?”, Đại sư trả lời: “Bản thân tôi niệm bốn chữ A Di Đà Phật”. Người đó hỏi tiếp: “Tại sao lại như vậy?”, Đại sư đáp: “Vì tôi quyết tâm đời này nhất định phải sanh Tịnh độ cho nên tôi chấp trì danh hiệu Phật, đây là Kinh A Di Đà dạy danh hiệu chỉ có bốn chữ. Thế nhưng khi dạy người khác, vì họ chưa phát tâm cầu sanh Tịnh độ nên tôi dạy họ niệm sáu chữ, thêm vào hai chữ “Nam Mô”. Nam Mô tiếng Phạn nghĩa là quy y, cung kính tức quy y Phật A Di Đà, cung kính Phật A Di Đà. Từ đó có thể thấy, người thật sự hạ quyết tâm sanh Tịnh độ thì không cần lời khách sáo nữa, có thể lược bớt, niệm sáu chữ chi bằng niệm bốn chữ, càng đơn giản càng đắc lực. Đạo lý là ở chỗ này.

Tâm dừng trong câu Phật hiệu A Di Đà Phật thì quả nhiên tâm không động, phiền não tự nhiên đoạn, không khởi hiện hành. Niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật tức là “Tịnh niệm tương tục”. Niệm A Di Đà Phật là “tịnh niệm”, một câu tiếp nối một câu không đoạn là “tương tục”; còn như niệm bị đứt đoạn thì vọng niệm, tạp niệm lại sanh. Có thể nói đây là một phương pháp thù thắng nhất trong tất cả pháp môn tu hành, vì đơn giản, dễ dàng, chắc chắn, và có thể nhanh thành tựu. Cho nên, phiền não không cần đoạn, chỉ cần đặt tâm an trụ trong câu danh hiệu A Di Đà Phật, phiền não tự nhiên từ từ liền đoạn.

Tất cả pháp thế gian đều là giả, không điều gì là thật. Kinh Kim Cang kết luận bằng lời dạy “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Chúng ta phải niệm nhiều và suy nghĩ nhiều một chút. Câu dạy ấy hoàn toàn chân thật. Mộng, ảo, bọt, bóng thời gian tồn tại vô cùng ngắn ngủi, “như sương, như sấm lóe” vậy; nếu ta để vào tâm những pháp hư huyễn ngắn ngủi này thì đến cuối cùng chỉ còn là một bãi trống không. Đức Phật thường dạy rằng tài sản của ta ở thế gian này không cách nào mang theo được, người vật mà ta yêu mến cũng không mang theo được, ngay cả người thân của ta cũng không thể mang theo.

Người Trung Quốc dùng từ “luân lý” còn Phật pháp dùng từ “Pháp quyền thuộc”, cách dùng này viên mãn sâu sắc hơn so với Nho giáo. Sở dĩ chúng ta thành người một nhà cũng vì không ngoài bốn loại duyên gồm là báo ân, báo oán, trả nợ và đòi nợ. Không có bốn loại duyên thì không phải là người một nhà. Kể cả đoàn thể chùa chiền của người xuất gia, tứ chúng đồng tu ở cùng với nhau cũng vì bốn loại duyên này. Thông qua giáo hóa của Đức Phật, bốn loại duyên này đều biến duyên thiện ác thành Pháp duyên. Chúng ta hiểu rõ rồi thì đối với việc ân

oán của thế gian này nên xóa sạch hết , không đặt chúng vào tâm, ân đức thiện hạnh có thể để vào tâm còn như oan nghiệp, tội hành thì xóa bỏ hết. Có vậy người với người mới cùng chung sống hòa thuận, mọi người cùng nhau nỗ lực tu học Phật pháp, không tạo ra luân hồi lục đạo, đồng tâm đồng đức cầu sanh Tịnh độ. Cộng tu như vậy là như pháp, mới thật là một tăng đoàn hòa hợp, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu.

Chúng ta tu hành phương pháp giống nhau, đó là đều thực hành phương pháp trì danh hiệu Phật, mỗi niệm đều tu mười thiện nghiệp thì ấy chính là “Giới hòa đồng tu”. Thế gian hư vọng không đáng lưu luyến, đồng tâm đồng đức cầu sanh Tịnh độ thì đây là “Kiến hòa đồng giải”. Cứ trên cơ sở này tổ chức tăng đoàn cùng tu thì lý nào lại không thành tựu. Phương pháp này đầy đủ chỉ quán, không nên để vào tâm tất cả pháp thế xuất thế gian khác, mỗi niệm chỉ quán đầy đủ, mỗi niệm ly ác tu thiện, niệm Phật như vậy cầu sanh Tịnh độ mới có thể chắc chắn, mới không bỏ lỡ.

Cổ đức nói, nếu dùng phương tiện môn đã tu mà nói , “Chỉ” thuộc về không môn, tức Chân như môn, vì nó lìa tất cả tướng. “Quán” thuộc hữu môn, tức Sanh diệt môn, nó là đối với tất cả các pháp hữu vi mà phát lý giải thù thắng, cũng chính là nói quán là trí huệ, mà trí huệ có thể thông đạt tất cả pháp thế xuất thế gian. Đại Kinh dạy “Lìa tất cả tướng tức là tất cả pháp”. Lìa tất cả tướng là chỉ, tức tất cả pháp là quán. Theo thứ tự tu hành mà nói, chỉ (hay định) phải được xếp phía trước vì chỉ có thể chế phục phiền não; đoạn phiền não phải quán. Trước là tu chỉ, sau mới tu quán, Quán có thể thấy rõ chân tướng phiền não, có thể chuyển phiền não thành Bồ đề. Nhưng khi công phu đạt đến thuần thực, so với sơ học thì sẽ khác nhau, người sơ cơ tu

học thì phải theo thứ tự trước sau, còn với người có công phu thuần thực thì trong chỉ có quán, trong quán có chỉ, chỉ quán không phải là hai.

Tu học Phật Pháp Đại thừa, bất luận theo pháp môn nào, nhất định phải hiểu được nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập là chỉ, buông bỏ hết thấy pháp thế xuất thế chính là là chỉ. Công phu tập trung vào một môn thì một môn này chính là quán. Buông bỏ vạn duyên là chỉ, cho nên nhất môn thâm nhập là chỉ quán cùng vận hành. Phải dùng tâm thái gì đi tu học? “Chỉ thành cảm thông”. Chỉ thành là nhân, cảm thông là quả. Nói cách khác, phải dùng tâm chân thành nhất môn thâm nhập mới có thể khai ngộ chứng quả.

Hình dạng của “Cảm thông” là thế nào? Thông là thông đạt, pháp thế xuất thế gian tuy không học mà thông đạt, thì đây chính là hình dạng của cảm thông. Cảm thông cũng có thứ bậc nông sâu khác biệt, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có triệt ngộ. Đại sư Ấn Quang nói “Một phần thành kính thì một phần lợi ích” thì đây là tiểu cảm thông, còn “Thập phần thành kính thì được thập phần lợi ích” là đại cảm thông. Từ đó mà thấy năng lực cảm thông lớn hay nhỏ là tỉ lệ thuận với tâm thành kính của chúng ta. Tâm thành kính đó nhìn từ chỗ nào? Là từ mười thiện nghiệp, quả thật đoạn mười ác hành thập thiện chính là chí thành.

Muốn biết công phu nông sâu thì nhìn vào thành quả của việc đoạn ác tu thiện. Đối với hết thấy người, vật, việc đều lấy mười thiện nghiệp làm tiêu chuẩn, không sanh niệm mười ác; biết vận dụng chỉ quán, khi chỉ thì nhất niệm không sanh, khi quán vạn thiện cùng theo, khởi tâm động thuần thiện đối với người, vật, việc thì lúc này đây khoảng cách với cảm thông đã không còn xa. Một hiện tượng thô thiển nhất, Tam tạng mười

hai bộ kinh bày ra trước mắt chúng ta, ta đều có thể thông đạt không chướng ngại, mỗi một chữ mỗi một câu đều là vô lượng nghĩa vậy. Một câu nói trong Kinh giảng cả đời đều giảng không hết. Đây là sự thật .

Thật sự, nhất môn thâm nhập ắt sẽ có năng lực này. Mở quyển Kinh ra mà còn nhiều chướng ngại cho thấy chúng ta không “thông”, cũng không “nhập”. “Nhập” chưa có thì “Thâm” càng không cần phải nói, cho nên bí quyết tu hành Phật pháp chính là “Nhất môn thâm nhập”. Chúng ta thường nêu ví dụ, Phật pháp như quả cầu tròn, quả cầu thì có tâm tròn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn giống như một điểm bất kỳ trên mặt quả cầu, bất kỳ điểm nào cũng đều thông đạt với tâm tròn của quả cầu, nên chỉ cần đạt đến tâm tròn tức đã thông đạt toàn bộ. Không đạt đến tâm tròn thì không thông đạt, chúng ta chỉ biết một môn, không biết môn thứ hai.

Chúng ta cũng rất muốn thông đạt nhưng sao không thông đạt được? Vì còn nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu trừ tự ắt sẽ thông. Nghiệp chướng là gì? Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não thủy đều là nghiệp chướng và nghiệp chướng ấy có gốc rễ rồi. Chúng ta phải tìm cho ra gốc rễ ấy, rồi gốc rễ đó mà tu thì rất nhanh. Gốc rễ ấy chính là tâm, tức là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn có gốc rễ, đó là tự tư tự lợi. Cho nên nếu không thể buông bỏ tự tư tự lợi thì xem như ngay cửa đầu tiên đã không phá được.

Tự tư tự lợi trong Kinh Kim Cang gọi là “Ngã tướng”, “Ngã kiến” “Ngã chấp”. Kinh Kim Cang dạy: “nếu Bồ tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì đã không phải là Bồ tát”. Theo lẽ thường mà nói, “không phải là Bồ tát” chính là pháp thân Bồ tát vậy. Vì cách nhìn của

ta không cao như vậy “không phải là Bồ tát” nên hiểu là không phải quả vị Bồ tát sơ tín của Viên giáo. Như vậy mới thật sự phù hợp nghĩa Kinh. Bồ tát sơ tín vị đã phá 88 phẩm kiến hoặc trong Tam giới rồi, tức đều buông bỏ thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến rồi, trong Tiểu thừa tương đương sơ quả Tu Đà Hoàn. Bồ tát như vậy mới thật sự nhập môn. Cửa khó đầu tiên phá được rồi về sau tu hành liền thuận buồm xuôi gió.

Bất luận tại gia hay xuất gia thiện căn của mỗi người đều sâu dày nhưng từ vô lượng kiếp tới nay đời đời kiếp kiếp tu hành nhưng chưa đột phá, nên vẫn là phàm phu sanh tử. Nếu chứng Tiểu thừa sơ quả, quả vị Bồ tát sơ tín của Viên giáo Đại thừa thì người này là Thánh nhân. Tiểu thừa sơ quả đã siêu phàm nhập thánh, tuy chưa ra khỏi Tam giới nhưng chắc chắn không đọa ba đường ác. Tiểu thừa bắt đầu chứng Tu Đà Hoàn trải qua bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian thì chứng quả A La Hán. Bồ tát Đại thừa gặp duyên thù thắng thì một đời có thể thoát luân hồi lục đạo. Ý nghĩa đích thật Kinh Kim Cang là ở chỗ này, nói “Pháp thân Bồ tát” là quá cao, chúng ta khó với tới, cũng khó đề khởi tâm cảnh giác; còn nói quả vị Bồ tát sơ tín thì khoảng cách rất gần với chúng ta, vừa bước đã có thể nhập môn rồi. Nên không thể phá trừ “Ngã kiến” cuối cùng vẫn luẩn quẩn trong luân hồi lục đạo.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp bị những “tự tư tự lợi”, vọng tưởng, chấp trước theo hại, vậy phải làm thế nào để phá cửa này? Nhất định phải phá sạch ngã, ngã sở, cũng chính là buông bỏ. Trước kia Đại sư Chương Gia dạy tôi trước tiên ra tay bắt đầu từ “ngã sở”. Ngã sở là cái mà ta có, những vật ngoài thân, là cái phải buông bỏ trước tiên. Chúng ta hãy thường nghĩ đến lời

Phật dạy “Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân” (tức là “Không mang theo được gì, chỉ có nghiệp theo mình). “Tương bất khứ” nghĩa là không thể mang theo, những thứ không thể mang theo thì phải buông xả. Nhà cửa của ta, của cái của ta, địa vị của ta, danh tiếng lợi dưỡng của ta, chết rồi không thứ gì có thể mang theo. Quyền thuộc của ta, con cái của ta, con cháu của ta, cả thầy đều không mang theo được. Không mang theo được thì buông xả, buông xả không có nghĩa là vô trách nhiệm. Chúng ta vẫn phải có trách nhiệm, cố gắng dạy dỗ con cháu nhưng không chấp trước tình cảm trong tâm mà phải để tâm thanh tịnh, biến thân tình thành trí huệ chân thật, chuyển tình cảm thành lý trí, trong tâm không mảy may vướng bận, giống Phật, Bồ tát rồi. Cứ bắt đầu từ chỗ này mà thực hành vậy. Sau đó tiến thêm một bước, xả bỏ luôn cả “Ngã”, thân này không thể mang theo, thân này không phải là ta, thân này cũng là “Ngã sở”. Thường xuyên quán tưởng như vậy tự ắt thường sinh trí huệ. “Ngã” và “Ngã sở” đều buông bỏ hết thầy, chấp trước cũng không còn, có vậy mới có thể nhập môn.

Vào cửa Đại thừa là quả vị Bồ tát sơ tín, vào cửa Tiểu thừa là sơ quả Tu Đà Hoàn. Nếu chúng ta không thể buông xả, vĩnh viễn không khế nhập cảnh giới, vĩnh viễn làm phàm phu. Cả đời học Phật, mà theo cách nói của Đại sư Thiên Thai là “danh tự vị trung nhân” tức hữu danh vô thực, vẫn còn tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Trong lục đạo, nhân thiện thì cảm quả báo ba đường thiện, nhân ác cảm quả báo ba đường ác, không ra khỏi luân hồi lục đạo, không mảy may thành tựu. Ra khỏi luân hồi lục đạo đến pháp giới Tứ thánh mới tính là Tiểu quả. Thịnh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật của mười pháp giới là Tiểu quả. Lìa khổ được vui, lìa khổ Tam giới, đắc cái vui pháp giới Tứ thánh, cái vui này không phải cứu cánh nên phải nâng lên cao

thêm. Từ Tương tự vị nâng lên Phần chứng vị thì mới coi là thật sự thành tựu, chứng đắc đại quả, đến quả vị Như Lai chính là quả vị cứu cánh viên mãn. Nếu không ngừng nâng cao thêm, không ngừng buông bỏ thì buông bỏ chính là nâng cao thêm, nhìn thấu giúp buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu. Cho nên, trước hết là chúng ta phải chế phục phiền não, tiếp sau mới đoạn phiền não.

Ý nghĩa của “Chỉ Quán” sâu xa vô bờ. Kinh điển nói “Pháp tánh tịch nhiên là chỉ, pháp tánh thường chiếu là quán”, “Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch”. Từ đó cho thấy, chỉ với quán chỉ là một. “Chiếu mà thường tịch” thì quán tức là chỉ. “Tịch mà thường chiếu” thì chỉ tức là quán. Chỉ quán là nhất thể có hai mặt của công phu tu hành. Đại sư Tăng Triệu nói “Buộc tâm ở duyên gọi là chỉ, phân biệt rõ ràng gọi là quán”, lấy mười thiện nghiệp mà nói thì duyên chính là mười điều thiện, niệm niệm không lìa mười thiện là chỉ, còn Nho giáo gọi là “chỉ ư chí thiện”.

Sách Đại Học có câu: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện”. Đây là tổng cương lĩnh đạo lớn của Khổng Mạnh. Một đời các vị ấy tự thực hành giáo hóa người khác không lìa nguyên tắc này. “Minh minh đức” là quán; “thân dân”, “chỉ ư chí thiện” là chỉ. Vậy nên mới có câu “Tri chỉ nhi hậu hữu định”, “định” là tâm thanh tịnh hiện tiền, cảnh giới thiền định hiện tiền. Vì sao tâm ta lại loạn vậy? Sao lại không thể định được? Vì chúng ta không biết dừng và cũng không biết dừng ở đâu. Trí giả Nho giáo có định công, dù học chưa tiếp xúc cũng chưa từng học thiền định. Vậy định công ấy từ đâu mà có? Vì họ biết dừng, biết chỉ ư chí thiện. “Chí thiện” chính là “minh

minh đức”. “Minh minh đức” của Nho giáo và “minh tâm kiến tánh” của Phật giáo vô cùng giống nhau.

Chúng ta tu học nên dừng ở chỗ nào? Thông thường đồng tu đều nói nên dừng ở thánh hiệu A Di Đà, nói vậy có sai không? Không sai nhưng chưa viên mãn, vì chúng ta chưa thông hiểu rõ ràng danh hiệu A Di Đà. Nếu chúng ta thông hiểu thấu triệt danh hiệu A Di Đà rồi thì dừng lại ở danh hiệu A Di Đà mới là đại viên mãn. Phật A Di Đà có 48 đại nguyện, danh hiệu A Di Đà là nguyện thứ 18 trong 48 nguyện, nguyện thứ 18 bao hàm rất viên mãn 47 nguyện khác, thiếu một nguyện thì nguyện thứ 18 không viên mãn. Vậy nên tạng của 48 nguyện gì? Là Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ. Nói cách khác, rời Kinh Vô Lượng Thọ thì 48 nguyện thành trống rỗng. Kết cấu của toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ ở đâu? Ở Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Nhờ đó ta mới biết được công đức của câu danh hiệu này là bất khả tư nghị. Danh hiệu một câu này bao gồm cả thiện pháp của pháp thế xuất thế gian ở trong đó, nên tôi mới nói chúng ta chấp trì danh hiệu không viên mãn. Đạo lý là ở chỗ này.

Chấp trì danh hiệu ở mức thấp nhất là ta phải vận dụng thực tiễn đoạn mười ác nghiệp tu mười thiện nghiệp, có vậy niệm Phật mới sanh tác dụng; bằng như không đoạn ác tu thiện thì niệm Phật cũng như không, như lời xưa nói “rất hòng đau cổ cũng uống công”. Tại sao có người niệm Phật hiệu quả, có người niệm Phật cả đời mà vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp? Mấu chốt ở “biết” với “không biết”. “Biết”, nói thật ra rất đơn giản, là hoàn toàn dùng mười thiện mà đối nhân tiếp vật, cố gắng tu mười thiện, đoạn mười ác thì niệm một câu danh hiệu khẳng định vắng sanh.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn tán thán Đức Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương” nên có thể nói Phật A Di Đà là người đại thiện đứng đầu thế xuất thế gian. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán như vậy nhưng thực tế Ngài đại diện cho mười phương tất cả chư Phật cùng tán thán. Tâm hạnh chúng ta không thiện sao tương ứng với Phật A Di Đà được? Chúng ta niệm một câu “A Di Đà Phật” nhưng không tương ứng, nên niệm không hiệu quả, những người niệm có hiệu quả, nếu ta quán sát tỉ mỉ thì ấy là người có tâm địa, hành vi lương thiện. Như thế mới có thể vãng sanh.

Niệm Phật thật sự có công phu không, một phút cuối cùng là hoàn toàn hiển lộ ra hết. Chúng ta sống ở thế gian dùng đủ cách tinh vi để che lấp nhằm dối người gạt đời, mọi người cứ thế gọi ta là người thiện. Chúng ta tuy có tiếng tốt, nhưng chưa chắc đã là thật. Phải xem lúc lìa đời chúng ta trải qua thế nào, phút cuối cùng này đâu thể dối người, thật sự có công phu hay không là xem ở chỗ này. Chúng ta ra đi rất tự tại, rất tự nhiên tức chúng ta có công phu thật, còn như lúc lìa đời chúng ta ra đi có bệnh khổ thì chúng ta là giả. Do đó, bất luận xuất gia hay tại gia công phu tu hành thì đến phút cuối cùng hoàn toàn hiển lộ ra. Một đời có thể che đậy người, đến giờ phút cuối cũng không thể lừa người.

Cho nên tu hành nhất định như lý như pháp. Về lý thì “pháp tánh tịch nhiên”, “pháp tánh thường chiếu”, hai câu này đều nói rõ tự tánh của chúng ta. “Pháp tánh” là tự tánh của chúng ta, trí huệ đầy đủ viên mãn. “Thường chiếu” là trí huệ, tự tánh vốn có đủ trí huệ bát nhã. Tịch nhiên vốn định, như Kinh Lăng Nghiêm dạy “Thủ Lăng Nghiêm đại định” đây là Tánh định, không phải do tu mà có, tự tánh vốn như vậy. Đây là chân lý. Tự tánh vốn định nhưng hiện nay tại sao không định vậy? Vì hiện nay cái làm chủ chúng ta không phải là tự tánh mà là tâm

vọng tướng, tâm phân biệt, chấp trước. Vọng tâm là vô minh, mà vô minh chính là hồ đồ, không hiểu được chân tướng sự thật. Vọng tướng, phân biệt, chấp trước là phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tướng là vô minh phiền não.

Phật dạy chúng ta, phiền não là hư vọng, trong pháp tánh không có phiền não. Phật nhìn chúng sanh là nhìn vào bản tánh của tất cả chúng sanh, nên Phật tôn trọng tất cả chúng sanh, vì bản tánh chúng sanh và Phật không hai không khác. Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác đều dạy: “Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”. Vậy chúng sanh hiện có phải là Phật không? Trong mắt Đức Phật, chúng sanh là Phật, xác thực là Phật, một chút cũng không giả. Từ đâu Đức Phật lại thấy vậy? Từ căn tánh lục căn vì căn tánh lục căn là thật, còn hiện nay chúng ta biến thành hình dạng như vậy là vì lục thức biến ra. Thức là giả, tánh là thật. Thật thì vĩnh hằng bất biến, vĩnh hằng bất diệt. Luận Trung Quán dạy “Bát bát” để hình dung chân tánh “không do, không sạch, không thường, không đoạn, không một, không khác, không đến và không đi”. Đây là chân tánh, là điều chúng sanh ai ai cũng đầy đủ. Đây chính là điều chúng ta phải hồi phục lại.

Làm sao hồi phục lại? Phật dạy chúng ta phải dùng chân tánh không được dùng vọng thức. Chúng ta học được công phu này và chuyển biến được nó thì chúng ta là thượng thượng thiện căn, chúng ta là người viên đốn căn, không cần phải trải qua nhiều tầng thứ, một đời liền có thể chứng đắc pháp thân Đại sĩ. Đạo lý và phương pháp này Thế Tôn đã dạy rõ trong Kinh Lăng Nghiêm. Cũng trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, pháp sư Giao Quang trong bài tự có một câu chuyện thế này: Thọ mạng của Ngài đến rồi, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh, Ngài nói với Phật A Di Đà rằng, từ xưa đến nay khi Kinh Lăng Nghiêm truyền vào Trung Quốc, thì những chú giải trong Kinh đều chưa thật sự làm hiện lộ ý nghĩa của Phật Đà, nên Ngài muốn làm lại phần chú giải ấy. Thế là Ngài xin Phật A Di Đà

cho phép Ngài chú giải xong bộ Kinh rồi hãy vãng sanh, Phật A Di Đà đồng ý liền đi.

Quả thực là phương pháp tu hành mà Pháp sư đưa ra khác với phương pháp của đại đức xưa. Ngài nhất định chủ trương “Xả thức dụng căn”, đây là phương pháp cao, một đời liền chuyển được ngay. Nói cách khác phương pháp này dạy chúng ta đối người, xử sự, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày không được dùng tám thức mà phải trực tiếp dùng căn tánh. Mắt chúng ta nhìn, phải dùng tánh thấy để thấy sắc tánh; tai chúng ta nghe phải dùng tánh nghe để nghe tiếng thì lập tức liền minh tâm kiến tánh, từ quả địa phàm phu một mạch thăng lên là Pháp thân Đại sĩ; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta thấy đều không còn. Đây là ý nghĩa thật sự mà Đức Phật đã dạy trên hội Lăng Nghiêm, nhưng không mấy ai tu thành công, vì “xả thức” mà “thức” xả không hết, “dụng căn” mà “căn” thì không biết dùng, nên không thể tu thành Pháp thân Đại sĩ.

“Tri chí” rất quan trọng, không chỉ chúng quả khai ngộ của xuất thế gian mà ngay cả phước báo trời, người cõi thế gian đều lấy điều này làm nền tảng. Nên nói, nếu người không “tri chí” pháp thế xuất thế gian đều không có thành tựu. Giả sử đời trước ta tích lũy được nhiều phước báo nên đời này, người thế gian gọi là “đắc chí”, tức có thể đạt được vinh hoa phú quý, sanh mạng thật sự hết sức ngắn ngủi, trong đời này đem phước báo tích lũy nhiều đời được đều tiêu hao hết sạch, không những bản thân sau chết đọa ác đạo, con cháu của chúng ta, theo cách nói của người thế gian là sẽ rơi vào cảnh “nhà tan cửa nát”, thậm chí con cháu đều đoạn tuyệt. Nguyên nhân do đâu? Do không “tri chí”. Cho nên “tri chí” quan trọng hơn bất cứ thứ gì là vì vậy.

“Chỉ trang nghiêm cố”. “Trang nghiêm” ở đây nghĩa là tu được hoàn hảo, được như pháp, “chỉ nhất thiết ác”, đây là tiêu cực, còn tích cực là “tu nhất thiết thiện”. Phải “chỉ ác tu thiện” mới có thể đoạn sạch tất cả phiền não. “Kiết sử” là một cách gọi

khác của phiền não. Cho nên, con người nếu không “chỉ ác” hướng thiện thì tiền đồ chỉ một màu đen tối, mà tiêu chuẩn của thiện đều lấy Kinh này làm tiêu chuẩn. “Chỉ ác” là nhất định phải dừng mười điều ác tu thập điều thiện. Sau cùng, bản Kinh đã dẫn dụng khái quát toàn bộ Phật Pháp. Toàn bộ Phật Pháp đều lấy “thập điều thiện” làm nền tảng, hay nói cách khác là lấy “đoạn ác tu thiện” làm nền tảng (chớ làm các điều ác, nên làm các việc lành). Phước báo trời người của thế gian cũng là lấy điều này làm nền tảng. Từ đó mới biết mới thấy tính quan trọng của việc này vậy.

“Chỉ” nghĩa là buông bỏ, ở địa vị phạm phu, tôi thường nói là phải buông bỏ tự tư tự lợi đây là nói khái quát. Phiền não nghiêm trọng nhất của phạm phu chúng ta ngày nay chỉ có hai điều: một là tài và hai là sắc. Không buông bỏ được hai thứ này không chỉ đạo nghiệp không thể thành tựu mà đến cả phước báo thế thế gian cũng không cách nào tích lũy được, tích lũy công đức làm không được.

Chúng ta quán sát kỹ, các Tổ sư Đại đức như Đại sư Ấn Quang, Lão Hòa Thượng Hư Vân, họ chính thực là tấm gương sáng cho chúng ta. Đại sư Ấn Quang cả đời không làm trụ trì, lãnh đạo, trước kia khi chưa có danh tiếng gì, Ngài ở Tàng Kinh Các thuộc Phổ Đà Sơn trong suốt 30 năm phục vụ, làm công việc quản thủ cho Tàng Kinh Các. Lão Pháp sư có nền tảng quốc học rất tốt. lại thêm thời gian dài ở Tàng Kinh Các lâu, như vậy thì giống như bẻ quan, Tâm định lại “thâm nhập Kinh tạng” và quả báo chính là “trí huệ như hải”. Sau khi rời Phổ Đà Sơn, rất nhiều nơi mời Ngài làm trụ trì, Ngài nhường lại và giới thiệu cho người khác còn bản thân chỉ là một thanh chúng trong chùa, nhưng mọi người đều vô cùng kính trọng Ngài, nghe giáo huấn của Ngài. Cả đời Ngài làm thanh chúng, không quản việc, toàn bộ cúng dường của thập phương đều làm bố thí pháp. Ngài thành lập một “Hoằng Hóa Xã” đây là nơi lưu thông Kinh Phật của hiện nay, toàn tâm toàn lực thực hành pháp bố thí và cả đời chỉ làm một việc này. Thỉnh thoảng Ngài cũng làm việc từ thiện

cứu tế. Tiền cứu tế lấy từ đâu ra? Trích từ khoản in Kinh để làm từ thiện. Chúng ta có thể đọc thấy việc này trong Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Hội Pháp Ngữ. Cách làm những việc này đều là giáo huấn hậu học, bất kể làm việc gì phải chuyên nhất mới gặt được thành tựu.

Tôi được thành tựu như ngày nay cũng nhờ vào phước ân của đại sư. Tôi là người cùng mạch truyền thừa với Ngài. Lão cư sĩ Lý Bình Nam nhận truyền pháp của Ngài và ở Đài Trung hơn 30 năm y giáo phụng hành. Thầy Lý ở Đài Trung kiến lập Liên xã, thư viện Từ Quang, cũng đã làm không ít việc, hoàn toàn tuân theo giáo huấn của Đại sư. Tôi là truyền nhân của thầy Lý, tôi ở dưới hội của Thầy 10 năm, chân thật dốc lực vào hai câu “Nhất môn thâm nhập, chí thành cảm thông”, cả đời thọ dụng không hết, Tôi một đời này sống trong thế giới cảm ân. Cho nên, chúng ta nhận được phước ân từ Tổ sư Ấn Quang, chúng ta phải đem đức giáo của Tổ sư truyền cho người sau, hy vọng đời đời đều có truyền nhân.

Chúng ta hiểu được “chỉ”, cũng hiểu được “quán”. “Quán” là nhìn thấu, “chỉ” là buông bỏ. Chúng ta sinh trong xã hội động loạn này, nhất định học theo Tổ sư, cảnh giác cao như vậy. Thường nghĩ ta sắp chết, bất cứ khi nào, ở đâu đều có thể chết. Ta thử ngẫm xem, khi chết rồi, ở thế gian này ta mang theo được thứ gì? Phàm đều không mang theo được, cùng lắm là có một sự sắp xếp thỏa đáng, truyền cho đời sau, rồi đời đời lại truyền tiếp nhau, không được may mắn có tâm tham, có một chút tâm tham là sai rồi.

Khi xưa giảng Kinh, tôi cũng đã nói qua nhiều lần. Trước 40 tuổi phải dụng công nỗ lực học tập, dù xuất gia rồi, người xuất gia thì chỉ có hai việc: một là hoằng pháp và một là hộ pháp. Người có thiên phận, có khả năng thì học giảng Kinh. Người học giảng Kinh cả một đời làm thanh chúng; không đảm nhiệm bất kỳ chấp sự gì trong đạo tràng, chỉ chuyên tâm vào Kinh giáo để giáo hóa chúng sanh. Thứ hai là người không có

điều kiện giảng kinh thì phát tâm hộ pháp, đảm đang chấp sự thường trụ, làm nội hộ, hiệp trợ đồng tu giảng Kinh. Hoằng pháp và hộ pháp chỉ là một thể. Tôi lấy ví dụ như cái đồng hồ vậy, người hoằng pháp là cây kim trên mặt đồng hồ, người hộ pháp là máy móc bên trong, thiếu một trong hai thứ ấy thì đồng hồ không thể hoạt động được.

Nếu người hoằng pháp đố kỵ người hộ pháp, người hộ pháp đố kỵ người hoằng pháp thì đạo tràng này liền hỏng rồi. Bất luận là hoằng pháp hay hộ pháp thì tâm lượng đều phải lớn, “Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới”. Phỉ báng hay tán thán là chuyện bên ngoài, là cách nhìn người thế gian, là quan niệm thế tục. Chúng ta là người giác ngộ, cách nhìn, cách nghĩ không giống họ. Do đó người hộ pháp nghe đại chúng tán thán người hoằng pháp thì nên hoan hỷ, không chút tâm đố kỵ, lại càng ái hộ họ, càng hộ trì họ. Người hoằng pháp nghe đại chúng tán thán trụ trì, chấp sự, cũng nhất quyết không sanh tâm đố kỵ, phải biết tất cả đại chúng hoàn toàn là một thể.

“Năng như thật tri”. “Như thật” tức là chân thật biết được. “Chư pháp tự tánh” chính là thật tướng các pháp. Toàn bộ đều thực tiễn trong đoạn ác tu thiện. Chúng ta tự mình tu hành, giáo hóa chúng sanh thì phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ mười thiện nghiệp. Trước kia, tôi đã giảng không ít Kinh điển, mỗi khi bắt đầu vào bài giảng tôi đều dẫn lời lão Hòa thượng Hư Vân “Thâm tín nhân quả, đoạn ác tu thiện”. Tổ sư Đại đức Tông môn, Giáo hạ, Hiền giáo và Mật giáo cũng đều dạy chúng ta như vậy. Cho nên thâm tín nhân quả, đoạn ác tu thiện là căn bản tu học của thế xuất thế gian; chúng ta không hạ công phu ở chỗ này, thì bất luận dụng công tinh tấn thế nào rốt cuộc cũng đều rỗng không.

Phương tiện trang nghiêm cố

Kinh văn: “*Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc*” (Dùng phương tiện trang nghiêm, sớm thành tựu viên mãn cái vui của pháp hữu vi và pháp vô vi.).

Từ “Phương tiện” thì “phương” là phương pháp, “tiện” là tiện nghi, chính là phương pháp thích hợp nhất đối với mỗi người, vật và việc. Nó không có tiêu chuẩn nhất định, vì do người, do việc, do thời, do đất đều có sự khác biệt. Việc này phải dùng trí huệ mà “thông quyền đạt biến”, vận dụng linh hoạt. Vậy nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ tài và sắc. Hai điều này là quan trọng nhất. Có người ít ham muốn với tài sắc nhưng lại ưa thích danh tiếng, muốn chức vụ, muốn được người đời tôn trọng, háo danh cũng là chướng ngại nặng, cũng đều là tạp khí phiền não nghiêm trọng.

Chữ “tốc” trong “tốc đắc thành mãn” nghĩa là mau lẹ. Thành tựu viên mãn pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hữu vi là pháp thế gian, pháp vô vi là pháp xuất thế gian, “vi vô vi” là pháp thế xuất thế gian. Chúng ta đều có thể thành tựu viên mãn. Ngược lại, chúng ta không hiểu phương tiện, trong việc đối người, xử sự, tiếp vật thì nơi nơi đều có chướng ngại.

Còn “rộng kết thiện duyên” là chuẩn bị vận dụng nhiều phương tiện. Bình thường không kết thiện duyên với người, phương tiện khéo léo không cách nào vận dụng được, người khác không tin cũng không tiếp nhận ý tốt của chúng ta. Do đó có thể biết, nền tảng của phương tiện khéo léo chính là “nhân duyên tốt” mà người ta thường nói. Nhân duyên chúng ta không tốt, thì dù có phương tiện khéo léo cũng vẫn không thể tránh khỏi chướng ngại. Cho nên, học Phật học cái gì? Là học làm người mà thôi, là học cách chung sống hòa thuận cùng với mọi người, với mọi vật. Như thế chính là Phật, là Bồ tát. Phật, Bồ tát có thể chung sống hòa thuận được với thiên thần, có thể cùng với chúng sanh địa ngục hòa thuận với nhau, cùng ở chung với người thiện và cả với người ác.

Vì sao chúng ta không thể chung sống hòa thuận với người khác? Then chốt ở chỗ có lợi và có hại. Có lợi thì chung sống tốt, có hại thì biến thành đối địch. Chư Phật, Bồ tát không có quan hệ lợi – hại với tất cả chúng sanh, nên hết thảy đều có thể

chung sống tốt đẹp. Vậy đến khi nào chúng ta mới có thể giác ngộ? Là khi chúng ta cùng tất cả chúng sanh không còn quan hệ lợi- hại, khi ấy mới khế nhập cảnh giới Phật. Đối nhân, xử sự, tiếp vật một cách tự nhiên chính là phương tiện khéo léo. Phương tiện khéo léo không cần học, xuất phát từ tâm chân thành chính là phương tiện khéo léo. Còn mảy may có lợi – có hại, tính toán, thì phương tiện khéo léo sẽ giảm bớt, thậm chí hoàn toàn mất đi. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “Người trong cuộc thì mê, người bên cạnh thì tỏ”. Người trong cuộc thì còn để ý lợi – hại, người bên cạnh thì không có lợi – hại. Có lợi – hại thì thấy không rõ chân tướng sự thật, không có lợi – hại thì có thể thấy rất rõ ràng. Cho nên, chư Phật Bồ tát vĩ viễn làm người bên cạnh thế xuất thế gian. Chúng ta phải xả bỏ lợi-hại thì mới được đại lợi chân thật.

Lợi- hại từ đâu sanh ra? Từ cái “Ngã” mà ra. Nói tóm lại, cái gốc là “Ngã”, chấp trước vì có cái “Ngã”. Không biết “Ngã” là quan niệm sai lầm. Trong kinh Phật dạy “vô ngã” chính là phá chấp ngã, “vô nhân”; “vô chúng sanh”, “vô thọ giả” chính là phá chấp pháp. Phá được hai cái chấp Ngã – pháp rồi mới có thể hiểu thấu chân tướng nhân sanh vũ trụ. Chỉ cần hai chấp này tồn tại, thì những cái thấy đều là huyễn tướng, thiên biến vạn hóa, mộng, huyễn, bọt, bóng, giả tướng, hư mà không thật và đương nhiên chúng ta không có phương tiện khéo léo. Chỉ có người thấy được chân tướng thì lời nói, việc làm của họ tự nhiên thành phương tiện khéo léo vậy.

Sao lại nói về phương tiện ở chỗ này mà không phải là ở phần trước đó? Vì mười thiện nghiệp hoàn toàn được vận dụng thực tiễn vào Phật pháp, thế pháp thì tự nhiên thành thiện xảo (khéo léo) rồi. Thiện xảo không phải là thứ miễn cưỡng có thể học được, đó là trí huệ chân thật tự nhiên hiển lộ ra; đối nhân, xử sự, tiếp vật phải dùng một tấm chân thành. Hay nói cách khác là không có mảy may tự tư, niệm niệm vì chúng chúng sanh, vì người, vì sự, vì vật. Vậy thì lý nào lại không viên mãn!

Bồ tát vì chúng sanh mà lo nghĩ, nhưng chúng sanh lại không thể tiếp nhận. Nguyên nhân do đâu? Do chúng sanh còn mê. Cho nên, Đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng theo cấp bậc, quá trình gọi là “Ngũ Thừa Phật Pháp”. Giáo hóa chúng sanh chia thành năm giai đoạn. Năm giai đoạn này cũng chính là phương tiện khéo léo. Người căn tánh thấp, chấp trước phước báo cõi trời người mà không chịu xả bỏ, Phật liền dạy họ làm thế nào được phước báo cõi trời người, cải thiện cuộc sống hiện tiền, khiến họ viên mãn tâm ý, đây là tiểu tiểu pháp. Với những người này, Phật dạy về nhân quả, đoạn ác tu thiện, “trồng nhân thiện thì được quả thiện”, nội dung chủ yếu vẫn không ngoài mười thiện nghiệp.

Thập Thiện Nghiệp Đạo giảng dạy những điều đơn giản nhất. Không sát sanh được quả báo trường thọ, đây là bố thí vô úy. Không trộm cắp được quả báo phú quý, không những được giàu có của cải mà còn được địa vị; không trộm cắp là nhân hạnh của công danh phú quý. Trộm cắp còn chia thành nhiều mục nhỏ nữa, không chỉ có trộm tài vật mà trộm danh (lừa gạt lấy tiếng), trộm địa vị (dùng những thủ đoạn không chánh đáng để đoạt địa vị quyền lực) đều thuộc về trộm cắp. Không tà dâm thì được quyến thuộc mỹ mãn như ý, gia đình hòa thuận hưng vượng. Trồng nhân nào thì hưởng quả đó, những điều này người thường nghe lọt vào tai, tu nhân thì nhất định được quả báo. “Tóc đắc thành mãn” là cái vui của pháp hữu vi.

Người thượng căn lợi trí biết được phước báo của tam giới lục đạo không phải là cứu cánh, được rồi rất dễ mất đi, không thể gìn giữ lâu dài nên họ muốn giống chư Phật, Bồ tát, có được niềm vui chân thật cứu cánh bất sanh bất diệt. Đây là cái vui của pháp vô vi. Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, tu mười điều thiện. Không sát sanh tức là không may mắn có ý tổn hại với bất kỳ chúng sanh nào trong chín pháp giới, đây là cảnh giới cao. Nếu chúng sanh vì ta mà sanh phiền não thì đây cũng là một phần sát nghiệp, ta nên mau chóng rời xa, khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Cảnh giới không sát sanh này không giống

với phần đã nói ở phía trước, tuy cùng tên nhưng cảnh giới không đồng, tinh vi huyền diệu, độ cạn – sâu, rộng – hẹp có cự ly rất lớn. Cũng vì vậy mà mười thiện nghiệp từ sơ phát tâm đến quả vị Như Lai dù tên giống nhau nhưng nội dung lại khác, phương tiện khéo léo đương nhiên cũng khác. Bồ tát tu hành có thể giúp tất cả chúng sanh trong Cửu pháp giới sanh hoan hỷ tâm, không chỉ người mà cả súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, Tu la, chư Thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều có thể sanh tâm hoan hỷ. Vậy tức là trong pháp vô vi được thành tựu viên mãn rồi.

Thường câu trí huệ, dưỡng đức hạnh, dùng tâm thuần thiện thuần tịnh. Thuần thiện là nói đến Thập thiện nghiệp, không phải là cách nghĩ thiện – ác tương đối mà là lìa khỏi sự tương đối ấy, tức trong Kinh Đại Bát Nhã “Tam luân thể không”. Đây là cảnh giới quả địa Như Lai, gọi là “Làm mà như không làm, không làm mà như làm”. Từng giây, từng phút, từng ngày vẫn đang làm nhưng trong tâm không có dấu tích gì, đoạn ác tu thiện như vậy thì đạt đến cứu cánh viên mãn. Đây là “Phương tiện trang nghiêm” trên quả vị Như Lai. Đắc được quả vị này thừa nguyện tái lai, phổ độ chúng sanh, có thể làm thị hiện các loại, đáng dùng thân gì để độ thì hiện thân đó, đáng dùng phương pháp nào để độ thì dùng phương pháp đó, không gì không phải là phương tiện trang nghiêm.

“Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham” trong Kinh Lăng Nghiêm, có thuận hạnh, có nghịch hạnh. Thuận hạnh chính là thiện hạnh, nghịch hạnh chính là ác hạnh. Có một số chúng sanh phải dùng phương pháp ác để độ họ, thì họ mới giác ngộ. Nên nói đáng phương pháp nào thì dùng phương pháp đó; không có một phương pháp cố định, tất cả đều là thiện pháp, là phương tiện trang nghiêm chân thật. Ví dụ, Bà La Môn Thắng Nhiệt có ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương có sân hận, tham – sân – si là nghịch pháp; Bồ tát dùng giới – định – huệ không độ được họ nhưng dùng tham – sân – si lại có thể độ được thì dùng tham – sân – si. Những thứ này đều thuộc về phương tiện khéo léo.

Cho nên, phương pháp thì vô lượng vô biên, tám vạn bốn ngàn pháp môn và vô lượng pháp môn đều là phương tiện trang nghiêm.

Phương pháp, cách thức tuy khác nhau nhưng mục tiêu, phương hướng thì giống nhau, đều giúp họ phá mê khai ngộ. Bởi vậy, độ hóa chúng sanh phải có trí huệ và bản lĩnh chân thật. Bản lĩnh chân thật, người thế gian gọi là “thần thông”. Có năng lực quán cơ, thật hiểu rõ căn tánh chúng sanh, giống như bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân, biết nguyên nhân gây bệnh của chúng sanh ở chỗ nào, ra toa thuốc, dùng thuốc chính là pháp phương tiện. Chữa trị hợp lý, thuốc đến bệnh hết chính là thành tựu viên mãn.

Bình thường chúng ta tu dưỡng trí huệ đức hạnh. Trí huệ đức hạnh là tự tánh vốn có, không phải từ ngoài đến nhưng chúng ta mê mất tự tánh, bản thân có nghiệp chướng nên đức năng trí huệ không khởi tác dụng, vì thế phải tiêu trừ nghiệp chướng. Đầu tiên chúng ta phải biết, phải hiểu về nghiệp chướng thân ta, đây là thật sự nhìn thấu. Tiếp sau là tiêu trừ nghiệp chướng của mình, đây chính là buông bỏ. Đoạn Kinh văn trước có nói “Chỉ Quán”, tức là chúng ta phải quán sát rõ ràng, tự nhiên dừng ác hành thiện, chưa cần người khác chỉ dạy mà đã biết rồi. “Phương tiện” đối với đồng học trong việc học Kinh giáo mà nói chính là “quán cơ”, “tùy duyên”, có thể làm được thích hợp, hoàn hảo, làm được rất viên mãn khiến tất cả chúng sanh giác ngộ; sau khi giác ngộ rồi thì chúng sanh ắt sanh tâm hoan hỷ.

Chúng ta là phàm phu, không có trí huệ cao siêu, phương tiện khéo léo viên mãn như Phật, nên trong quá trình tu học chúng ta luôn phải làm thử nghiệm, phương pháp này không được thì đổi phương pháp khác. Tuy nhiên, có một nguyên tắc phải tuân thủ, ấy là “chân thành”. Làm người phải thành thật, làm người nghĩa . Cổ nhân dạy: “Tánh tình trung nhân”. Làm người nhất định phải tôn trọng đạo nghĩa, tùy thuận đạo nghĩa

rồi mới có thể từ từ hướng tới đức hạnh thánh hiền, nâng cao cảnh giới của bản thân, viên mãn quả báo bản thân. Đây là “phương tiện trang nghiêm”. vì vậy , “phương tiện” tức là đối với mình hay với người đều phải nói phương tiện trang nghiêm.

Thập lực, vô úy, Thập bát bất cộng.

Kinh văn: “Long vương dương tri, thử thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh, thập lực, vô úy, thập bát bất cộng nhất thiết Phật pháp, giai đắc viên mãn”.

“Long vương” là người Phật dạy trong Kinh này. Thường gọi tên của họ thì chắc chắn sau đó sẽ là phần khai thị rất quan trọng. Mười thiện nghiệp thậm chí có thể làm quả vị Như Lai có mười loại năng lực đặc thù, Tứ vô úy và Thập bát bất cộng đều viên mãn. Ba điều Thập lực, Tứ vô úy và Thập bát bất cộng là những điều đặc biệt chỉ có ở quả vị Như Lai. Đây là đức năng cứu cánh viên mãn thù thắng. vì thế mười điều thiện là căn bản của tu trì Phật pháp, lơ là mười thiện thì không thể nói Phật pháp. Nếu có người hỏi chúng ta rằng: “Phật pháp là gì”, ta có thể trả lời thế này: “Chăm chỉ tu trì mười thiện chính là Phật pháp. Như thế mới thật sự là đệ tử Phật”. Dù người xuất gia giảng Kinh thuyết pháp, hoặc là người tham thiền, niệm Phật, nhưng nếu họ không tu hành mười thiện thì đều không phải đệ tử Phật. Phần nhiều Phật giáo đồ chỉ gọi là “danh tự vị”, hữu danh vô thực mà thôi, bất kể tu hành như thế nào cũng không liên hệ được chút gì với xuất thế pháp, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Như vậy, chúng ta có thể rút ra được tổng kết là quả vị Như Lai đức tướng trí huệ viên mãn cứu cánh đều từ mười thiện mà sanh ra.

“Thập lực”, trong Đại Trí Độ Luận có nói “Phật quả Thập lực”. Đây là mười loại năng lực thù thắng mà Bồ tát tuy có nhưng không viên mãn. quả vị Như Lai mới cứu cánh viên mãn.

Thứ nhất “Thị xứ phi xứ trí lực, tri nhất thiết chúng sanh nhân duyên quả báo”. Chữ “Lực” này nghĩa là khởi tác dụng. Vì Phật dễ dàng độ chúng sanh; tất cả chúng sanh từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ hay từ vô lượng kiếp đến nay, nghiệp nhân tạo tác ra sao, nhận lãnh quả báo thế nào, Phật đều biết. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đã tạo tác nghiệp tập chủng tử, toàn bộ đều lưu lại trong A Lại Da Thức. Phật có thể thấy được chủng tử tập khí của tất cả chúng sanh lưu giữ trong A Lại Da Thức. Vì thế, chúng ta khởi tâm động niệm, tạo tác sao có thể giấu được Phật, Bồ tát? Cổ đức nói “Muốn người không biết trừ phi mình đừng làm”. Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác ngay cả trời đất quỷ thần cũng đều biết rõ ràng .

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có chuyện Ông Liễu Phàm sau khi tiếp nhận lời giáo huấn của Đại sư Vân Cốc liền nỗ lực đoạn ác tu thiện, nhưng vì là phạm phu nên phiền não tập khí của Ông rất nặng. Lần thứ nhất, Ông phát nguyện làm ba ngàn việc thiện, Ông làm hơn mười năm mới viên mãn. Có vậy mới thấy Ông tổn hao biết bao thời gian, tinh thần trong đấu tranh giữa thiện và ác. Lần thứ hai, Ông phát nguyện tu ba ngàn việc thiện, hai năm thì thành công. Lần thứ ba, ông phát nguyện làm mười ngàn việc thiện, nhất niệm liền thành công. Tâm địa của Ông dần dần đạt đến thuần thiện, không gì dối lòng mới có thể cảm động thiên thần. Sở dĩ con người không thể thành tựu là vì “nhân tuần”, cứ lơ là, mơ hồ không chăm chỉ, chính mình thường tha thứ với chính mình. Từ Liễu Phàm Tứ Huấn chúng ta quán sát được, Ông Liễu Phàm muốn khắc phục cửa ải khó này ít nhất phải dùng 20 năm công phu. Ắi thứ nhất qua rồi, về sau tiến triển rất nhanh. Chúng ta nếu không thể phát tâm dũng mãnh, cái ải này rất khó đột phá

Điều thứ nhất trong Như Lai Thập lực là bàn về nhân quả, “Làm thiện được quả báo thiện, làm ác nhận quả báo ác”. Đây là “thị xứ”. Vậy còn “phi xứ” là gì. “Trông nhân thiện nhưng nhận ác báo, tạo nhân ác lại được thiện báo” thì gọi là Phi xứ, làm gì có đạo lý này. Trông nhân thiện nhất định được quả thiện, tạo ác

nghiệp nhất định nhận ác báo. Đây gọi là “thị xứ phi xứ trí lực”, là trí huệ chân thật. Cho nên nhân quả là thật tướng của các pháp.

Thứ hai “Nghiep trí lực, tri nhất thiết chúng sanh tam thể sở hữu chư nghiệp”. “Nghiep” là tạo tác; nghiệp không ngoài ba loại: Thiện nghiệp, Ác nghiệp và Vô ký nghiệp. Vô ký nghiệp ý nói những tạo tác không thiện cũng không ác, chưa có quả báo; tuy chưa có quả báo nhưng đều rơi vào Vô minh.

Thứ ba “Định trí lực, tri nhất thiết chư thiên tam muội”. Từ Trời sắc giới trở lên, quả báo là Thiên định, mãi đến quả vị Như Lai đều là định – huệ, định – huệ thành tựu. Trong định có cảnh giới, rất nhiều cảnh giới công phu thiên định khác nhau, từ thế gian đến xuất thế gian, ngày nay gọi là khác biệt tần số không gian, Phật hoàn toàn biết rõ, tất cả nên Đức Phật có năng lực độ chúng sanh trong chín pháp giới. Từ Sơ thiên trở lên, nếu không hiểu rõ về cảnh giới công phu thiên định tam muội thì không thể độ người khác.

Thứ tư “Căn trí lực, tri chư chúng sanh chư căn thượng hạ”. “Căn” tức là căn tánh, người đời gọi là “thiên phú”. Đưa trẻ sanh ra bẩm chất thiên phú là thông minh hay ngu đần, thể hiện rõ ràng nhất qua việc đọc sách. Thiên phú cao, thầy dạy qua bài đọc một lần chúng liền thuộc và còn có khả năng lý giải một cách tương đối. Chúng ta gọi đó là “thượng căn lợi trí”. Trẻ có bẩm sanh thiên phú kém, phải đọc năm lần mười lượt mới có thể thuộc. là người thuộc về trung hạ căn.

Thứ năm “Dục trí lực, tri tha chúng sanh chủng chủng dục lạc”. “Dục” là dục vọng, “lạc” là hoan hỷ. Đây là tập khí liên quan đến đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Kiếp trước tích nhiều thiện nghiệp, đời đời kiếp kiếp thời gian ở trong Tam thiện đạo nhiều, thiện căn thâm hậu, ưa thích thiện pháp. Nếu người này trong đời quá khứ tạo ác nghiệp nhiều, tập khí ác nặng thì trong đời này họ thể hiện ra chẳng chút hứng thú với thiện pháp ; ngược lại đối với sát, đạo, dâm, vọng lại rất vui thích. Do đó, ái

dục của tất cả chúng sanh đều có nguyên do, không phải vô duyên có. Năng lực quán sát chúng sanh của chúng ta không được trí huệ cao như vậy, nên chỉ có thể thấy được biểu hiện bên ngoài, không biết trình trạng trong quá khứ. Năng lực của A La Hán biết được 500 kiếp của chúng sanh, họ quán cơ mạnh hơn nhiều so với chúng ta. Bồ tát có thể biết 500 kiếp trở lên của chúng sanh. Còn Phật có thể hiểu biết cứu cánh.

Nếu như không có năng lực trí huệ “tri tha chúng sanh chủng chủng dục lạc” thì việc quán sát căn cơ của tất cả chúng sanh quả thực rất khó khăn, nên phương pháp dạy học tuy nhiều, chúng ta toàn tâm lực và tinh thần không ít nhưng hiệu quả đạt được chẳng là bao, nguyên nhân là vì không khéo cơ. Nếu hoàn toàn khéo cơ, thính chúng dưới tòa liền khai ngộ chúng quả. Chúng ta cũng thấy trong Kinh, Thế Tôn chưa giảng xong bộ Kinh thì có một người đã khai ngộ chúng quả. Trong Kinh Lăng Nghiêm Tôn giả A Nan nghe Thế Tôn giảng đến cuối quyển thứ ba thì đã khai ngộ. Ma Đăng Già Nữ trong Hội Lăng Nghiêm nghe Phật giảng chưa đến nửa bộ Kinh thì Cô ta chứng Tam quả. Đây là khéo cơ. Như Lai có năng lực quán cơ, cho nên chúng sanh dễ thành tựu.

Thứ sáu “Giới trí lực, tri thế gian chủng chủng giới phân”. nghĩa là biết được trùng trùng các loại vọng tưởng, phân biệt của tất cả chúng sanh. Từ “giới” ý chỉ giới hạn. “giới” là từ phân biệt mà có; không có phân biệt, không có chấp trước thì làm gì có giới hạn? Lục đạo có giới hạn của lục đạo. Chúng ta cùng sống trên trái đất, vốn dĩ không có giới hạn, nhưng ngày nay có giới hạn quốc gia, giới hạn chủng tộc, giới hạn tôn giáo tín ngưỡng, giới hạn quá nhiều, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Nếu chúng ta không hiểu chân tướng của giới hạn thì đối với thế xuất thế gian sẽ sanh rất nhiều chướng ngại. Ta hiểu được rồi, lại giúp chúng sanh phá trừ chướng ngại thì ấy chính là phương tiện. “Giới” vốn dĩ không hề tồn tại, và hiện tại vẫn không có. “Giới” là một khái niệm trừu tượng và là một khái niệm sai lầm. Đột Phá được khái niệm này thì mới

giống như Phật “tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới”; cùng tất cả chúng sanh đều không có giới hạn.

Thứ bảy, “Chí xú trí lực, tri nhất thiết đạo chí xú tướng”. “Nhất thiết đạo” nghĩa là bao gồm vô số đạo môn của thế xuất thế gian. “Chí xú” là kết quả tu hành. Kết quả của chúng ta là gì, Đức Phật đều biết cả. Trong Phật pháp, phần lớn người, Trời, Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát và cả chúng ta tu pháp môn gì, tương lai được quả báo như thế đó, nghĩa là tương lai của chúng ta đạt đến chỗ đó. Nếu ta chăm chỉ tu Ngũ giới, Thập thiện, đời sau sẽ được phước báo vào trời người. Nếu ta tu Thượng phẩm Ngũ giới, Thập thiện, quả báo tương lai sẽ được sanh ở Trời dục giới. Còn nếu Thượng phẩm Thập thiện lại thêm tu thiền định, từ bi hỷ xả thì được quả báo ở cõi Trời Tứ thiên. Thế gian này người tu hành nhiều, phương pháp tu hành cũng nhiều nhưng Phật đều biết cả.

Đại đạo cứu cánh viên mãn là là được chứng đắc trên quả vị Như Lai, trong Phật Pháp gọi là “Nhất thừa pháp”, “Nhất Phật thừa”. “Chí xú” chính là quả vị Như lai cứu cánh. Nhất thừa pháp là gì? Đại đức xưa nói, Kinh Lăng Nghiêm là Nhất thừa pháp, Kinh Pháp Hoa là Nhất thừa pháp, Kinh Phạm Võng cũng là Nhất thừa pháp; so với Đại thừa, những Kinh này còn thù thắng hơn. Chúng ta nghĩ một đời được khế nhập cảnh giới quả vị Như Lai kỳ thực quá khó. Không cần nói là quả vị Như Lai, Tiểu thừa Tu Đà Hoàn, Đại thừa Bồ tát sơ tín vị đều không dễ dàng. đều không phải chúng ta chỉ dựa vào năng lực của mình trong đời này mà có thể làm được. Cho nên, chúng ta phải tiếp nhận pháp môn phương tiện của Như Lai, chính là pháp môn Tịnh độ đối nghiệp vãng sanh. Chúng ta chỉ có con đường này để đi, vì ngoài pháp môn này thì pháp môn nào cũng phải tiêu nghiệp, chỉ có Tịnh độ có thể đối nghiệp vãng sanh.

Lúc trước tôi ở nước Mỹ, có một số người phản đối “Đối nghiệp vãng sanh” từng tạo nên lên làn sóng rất lớn, làm cho người niệm Phật mất đi tín tâm. Một năm nọ tôi đến Los

Angeles, lão cư sĩ Chu Tuyên Đức đến sân bay đón tôi, trên xe ông ta hỏi tôi “Hiện tại có người nói đối nghiệp không thể vãng sanh, vì trong Đại Tạng Kinh tra không có chữ đối nghiệp vãng sanh. Vậy chúng ta tu Tịnh độ nhiều năm như vậy không phải là uổng phí sao? Vậy phải làm sao?” Nghe giọng điệu và biểu cảm của ông khá ảo não, lo lắng. Lúc đó ông đã hơn 80 tuổi và là bạn lâu năm với cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi cười nói với ông ta là: “Thì thôi vậy, không cần đến thế giới Cực lạc”. Ông nghe tôi nói vậy liền ngắt người. Tôi lại nói: “Nếu không có đối nghiệp vãng sanh, thế giới Tây phương Cực lạc chỉ có mỗi Phật A Di Đà cô độc, vậy chúng ta còn đến đó làm gì?”

Thấy ông vẫn có vẻ chưa hiểu, tôi liền nói thêm: “Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát là đẳng giác Bồ tát, đẳng giác Bồ tát còn có một phẩm sanh tướng Vô minh chưa phá, vậy các vị ấy có coi đó là đối nghiệp không?” Lúc này ông mới hiểu rõ. Một phẩm sanh tướng vô minh của Đẳng giác Bồ tát là đối nghiệp, còn như không có đối nghiệp thì rõ ràng chỉ có mỗi Phật A Di Đà thôi. Tôi lại nói tiếp: “Tuy trong Kinh văn không nói đến đối nghiệp vãng sanh nhưng có nhắc đến bốn độ, ba bậc và chín phẩm; nếu không đối nghiệp thì lấy đâu ra bốn độ, ba bậc, chín phẩm? Bốn độ, ba bậc, chín phẩm là tùy vào đối nghiệp nhiều hay ít; phẩm vị cao thì đối nghiệp ít, phẩm vị thấp thì đối nghiệp nhiều. Như vậy còn chưa rõ ràng, cần kẽ sao?” Lúc này ông ta mới nở nụ cười. Tôi nói thêm: “Thành thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, chắc chắn không sai lệch đâu”. Thật Báo Trang Nghiêm Độ vẫn là đối nghiệp vãng sanh. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này.

Điều thù thắng thế giới Tây phương Cực lạc là ở đâu? Là ở 48 nguyện Phật A Di Đà bốn nguyện gia trì đối nghiệp chúng sanh, chúng ta dựa vào bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, mà đối nghiệp vãng sanh. “Chí xứ” này là thù thắng không gì so được, một đời thành tựu, nên Thập phương Tam thế chư Phật không vị nào mà không tán thán Phật A Di Đà.

Thứ tám “Túc mạng trí lực, tri nhất thế nãi chí bách thiên vạn thế tánh danh, khổ lạc, thọ yếu đặng”. Túc mạng trí lực nghiêng nhiều về việc biết được quả báo đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của tất cả chúng sanh. Chúng ta đã từ cõi nào thọ sanh đến, tên gọi là gì, khi thọ sanh sẽ nhận an lạc hay đau khổ, thọ mạng dài ngắn, Phật đều biết hết cả. Năng lực này gọi là “Túc mạng thông”.

Thứ chín “Thiên nhãn trí lực, kiến chúng sanh sanh thời tử thời thiện đạo ác đạo đặng”. Đây là thiên nhãn, có thể đột phá tần số thời gian, không gian khác nhau, vậy nên mười pháp giới y chánh trang nghiêm, trong mắt của Phật không có chướng ngại. Phật biết tất cả chúng sanh sau khi chết sẽ đi đâu, đầu thai chỗ nào, đến cõi thiện hay cõi ác và biết tất cả chúng sanh sanh tử liên tục không gián đoạn. Cho nên Kinh văn thường dạy chúng sanh lục đạo sanh tử mệt nhọc không ngơi nghỉ, thân thể này chết rồi, linh hồn lại đi đầu thai. Đầu thai thế nào? Ai làm chủ tế? Không ai làm chủ tế! Không phải Thượng đế làm chủ tế cũng không phải Diêm vương làm chủ tế mà chính nghiệp lực của chúng ta làm chủ tế. Chúng ta tạo nghiệp thiện tự nhiên được đến cõi thiện, chúng ta tạo nghiệp ác thì tự nhiên phải đến cõi ác. Dịch Kinh có câu: “Vật dĩ loại tự, nhân dĩ quần phân . Sau khi chết cũng sẽ như thế, chúng ta sẽ đến những nơi chúng ta ưa thích.

Thứ mười “Lậu tận trí lực, tự tri ngã sanh dĩ tận, bất thọ hậu hữu”. “Lậu” đại danh từ của phiền não, vì sao gọi phiền não là “lậu”? Vì nó làm rò rỉ mất trí huệ, công đức của tự tánh trong chúng ta. Từ đó có thể thấy, “lậu tận trí lực” là đối với bản thân chứ không phải đối với người khác. Biết được tạp khí phiền não của ta đoạn rồi, biết được chính ta không còn luân hồi lục đạo, biết được thân ta không còn đọa lạc mười pháp giới, đây là “Lậu tận trí lực”. Pháp thân Bồ tát tuy có năng lực này nhưng không viên mãn. Pháp thân Bồ tát thì không đọa lục đạo, mười pháp giới nhưng ở Nhất chân pháp giới vẫn còn có tiến, thoái. Phải đến Bồ tát Bát địa mới không thoái, nên Bát địa được gọi

là “Bất động địa”. thoái chuyển ở Nhất chân pháp giới cũng có một mức thấp, chính là tuyệt đối không thoái chuyển đến dưới mức “Sơ trụ” , tuyệt đối không thoái chuyển đến mười pháp giới, lục đạo.

Vì đâu các vị Bồ tát vẫn còn tiến thoái? Vì nếu họ tu tập tinh tấn hơn thì ngày một lên thêm, nếu họ giải đãi thì rơi vào đọa lạc. “Bất thọ hậu hữu” là pháp thân Bồ tát, chắc chắn không thoái chuyển. Vậy nên các vị ấy quảng độ chúng sanh trong mười pháp giới, cứ tùy duyên ứng hóa, đáng dùng thân gì độ thì thị hiện thân đó, đáng dùng phương pháp gì độ thì dùng phương pháp ấy. Hiện thân, thuyết pháp của các vị ấy đều là phương tiện khéo léo, đều nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ được lạc. Đây là Như Lai quả vị mười loại năng lực trí huệ cứu cánh viên mãn, Bồ tát Đăng giác đều không thể so sánh được với các Ngài.

“ Vô úy ” nghĩa là không có lo sợ. Giảm lược nói thì có bốn loại.

Thứ nhất “Nhất thiết trí vô sở úy”. Phật là người nhất thiết chánh trí, vì đại chúng (tất cả chúng sanh trong chín pháp giới) giảng Kinh thuyết pháp không lo sợ. “Nhất thiết chánh trí” nghĩa là thể xuất thế gian, quá khứ vị lai không gì không biết, mà còn hiểu biết chính xác không sai lầm. Do đó có thể biết Đức Phật quả thực chúng đặc trí huệ cứu cánh viên mãn. Loại trí huệ cứu cánh viên mãn này vốn là tự tánh tất cả chúng sanh đều có, không phải từ ngoài mà có. Phật cho rằng chúng sanh vì mê đánh mất tự tánh, nên loại chánh trí huệ này không thể hiện tiền. Chúng ta tuy mê nhưng chánh trí chúng ta không mất đi, vì nếu mất rồi thì không thể phục hồi, mê mất có thể phục hồi. Nếu chúng ta phá được cửa mê, năng lực tất cả chánh trí liền phục hồi . Đây là chân tướng sự thật, cũng mang đến cho chúng ta tín tâm viên mãn.

Có rất nhiều đồng tu hỏi phải làm sao để đoạn phiền não? Làm sao để phá nghiệp chướng? Làm sao mới có thể chắc chắn

được vãng sanh Thế giới Tây phương Cực lạc, chứng đắc quả Phật viên mãn? Đây vấn đề mà người người đều hết sức quan tâm. Đại sư Ấn Quang dạy ta phải thường nghĩ đến “Tôi sắp chết rồi” có ý nghĩ này, niệm Phật không khản thiết cũng tự nhiên thành khản thiết, không tương ứng cũng tự nhiên thành tương ứng. Vì sao? Vì có thể thật sự buông bỏ được. Nghiệp chướng không thể phá, nguyên nhân chính vì không buông bỏ được, không biết ngày chết sắp đến, không biết tam đồ khủng khiếp thế nào. Đương nhiên người trẻ tuổi rất khó mà nghĩ đến việc này, vì thường cho rằng ngày tháng còn dài, bởi vậy công phu cũng không đặc lực. Người cao niên từ 60 tuổi trở lên thì ý thức tương đối mạnh, vì họ đã tiếp cận dần đến cái chết, nên họ cũng nỗ lực hơn để nhận thức rõ vấn đề này.

Đại sư Ấn Quang là Bồ tát Đại Thế Chí ở thế giới Tây phương Cực lạc tái lai. Bồ tát Đại Thế Chí thành Phật từ lâu rồi nhưng Ngài thị hiện làm vậy để cho chúng ta thấy. Ngài ở trong niệm Phật đường nhỏ của chính mình, niệm Phật đường chỉ cúng một tượng Phật A Di Đà để, trên tường viết một chữ “Tử” (chết) rất to. Ngài làm như thế để dạy chúng ta biết cách làm sao để đoạn ái dục, đạt đến nhất tâm chuyên niệm, sanh tới thế giới Tây phương Cực lạc nhất định một đời thành tựu, có thể hồi phục Thập lực, Tứ Vô úy, Thập bát pháp bất cộng trong tự tánh. Đây của quý trong nhà vốn có, không phải từ ngoài đến.

Thứ hai “Lậu tận vô sở úy”. “Lậu” là đại danh từ của phiền não. Tất cả phiền não của thế xuất thế gian Phật đều đoạn tận cả rồi.

Thứ ba “Thuyết chướng đạo vô sở úy”. “Chướng đạo” là tất cả chướng ngại chánh đạo, chướng ngại Phật pháp. Từng thời đại khác nhau, khu vực khác nhau mà chúng sanh do mê hoặc điên đảo nên có cái nhìn sai, nhìn lệch về Phật pháp, cho rằng đây là tà pháp nên ngăn cản sự truyền bá Phật pháp, phá hoại tăng đoàn của Phật pháp, ngăn cản người tu hành. Những nghiệp nhân quả báo trong đây Phật đều rõ ràng, thông suốt.

Ví như pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là mười hai ngàn năm; trong đó Chánh pháp tồn tại một ngàn năm, Tượng pháp tồn tại một ngàn năm, Mạt pháp tồn tại mười ngàn năm. Chúng ta hiện đang ở thế kỷ thứ hai của một ngàn năm thời kỳ Mạt pháp, vẫn còn 9 ngàn năm về sau nữa; Phật pháp không nói “ngày tận thế” nhưng pháp vận thế gian này thì có hưng suy, lên xuống. Khi mới học Phật, Đại sư Chương Gia nói với tôi rằng pháp vận Phật pháp hiện tại trong giai đoạn xuống dốc, vậy sẽ hưng khởi lại không? Sẽ hưng khởi lại. Thịnh suy của pháp vận là ở người tu học, không phải tại pháp, pháp không có thịnh suy, sanh diệt. Trong một thời kỳ nào đó tâm người hướng thiện thì Phật pháp hưng thịnh. Thời kỳ nào đó tâm người hướng ác thì Phật pháp liền suy. Nếu con người ưa thiện ghét ác thì Phật pháp là thiện nhất, mọi người đều nguyện lòng tu học. Bằng như tâm người ngược lại ưa ác ghét thiện, người học Phật ít đi, Phật pháp liền suy.

Chúng ta thử quan sát xã hội ngày nay xem, quả thực đại chúng thông thường ưa ác ghét thiện. Thế nhưng khi trải qua chịu đựng tai nạn thì đại chúng sẽ giác ngộ; biết mình đi sai đường rồi, đại chúng sẽ quay đầu, Phật pháp lúc này liền hưng. Phật, Bồ tát đại từ đại bi, dẫu chúng sanh làm điều diệt Phật pháp, Phật vẫn không từ bỏ mà còn cứu độ chúng sanh. Phật vĩnh viễn từ bi bình đẳng, quyết không có phân biệt chấp trước. Điều này chỉ có Phật và pháp thân Bồ tát mới làm được, người thường không cách nào làm được.

Thứ tư “Thuyết tận khổ đạo vô sở úy”. “Khổ” ở đây là cái khổ của ba đường ác, cái khổ của luân hồi lục đạo. “Tận” tức là vĩnh viễn thoát khỏi cái khổ luân hồi. Phật, Bồ tát vĩnh viễn thoát ly ác đạo, vậy các vị ấy còn đến ác đạo không? Các vị ấy vẫn thường đến nhưng không chịu khổ ở đó. Đây là cảnh giới bất khả tư nghị. Các vị ấy tuy đến ác đạo nhưng vẫn ở Nhất chân pháp giới, còn chúng ta thì ở trong luân hồi lục đạo. Nguyên nhân do đâu? Do vì tần số không gian của chúng ta không giống nhau, cảnh giới của mỗi chúng sanh cũng khác biệt

nên pháp giới là vô lượng vô biên. “Thập” (tức “mười”) là con số mang tính đại diện vô tận, mỗi người có một pháp giới riêng của mình, có cảnh giới riêng của mình.

Pháp giới từ đâu ra? Từ tâm tưởng sanh ra. Không phải vô lượng chúng sanh có vô lượng pháp giới mà là mỗi một chúng sanh có vô lượng pháp giới. Ví dụ, ta chí thành niệm Phật thì đương lúc ấy pháp giới Phật hiện tiền. Ta niệm Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát thì pháp giới Bồ tát hiện tiền. Một niệm tham – sân – si khởi lên, pháp giới ba đường ác liền hiện tiền. Cho nên, trong mỗi người từ sáng đến tối sẽ có vô lượng vô biên pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến” thì “thức” là tâm tưởng mà “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Cho nên, Phật dạy chúng ta phải chuyên tâm nghĩ thiện, không nghĩ ác, đạo lý là ở chỗ này đây.

Đây là trong Luận Đại Trí Độ nói “Tứ vô sở úy”, còn trong Luận Câu Xá cũng nói là “Phật tứ vô úy”. Một là “Chánh đẳng giác vô úy”. Hai là “Lậu vĩnh tận vô úy”. Ba là “Thuyết chương pháp vô úy”. Và bốn là “Thuyết xuất đạo vô úy”. Ý nghĩa trong Luận Câu Xá và Luận Đại Trí Độ hoàn toàn giống nhau.

“Thập bát bất cộng pháp” (Mười tám pháp bất cộng)

Thứ nhất “Thân vô thất”, thứ hai là “Khẩu vô thất”, thứ ba là “Ý vô thất”. Ba điều đầu tiên là nói về Thân – Khẩu – Ý vô thất, tức là vĩnh viễn không mắc sai lầm. Điều này thì phàm phu, nhị thừa, Bồ tát đều làm không được mà chỉ có Phật mới đạt đến thuần thiện không có lỗi lầm, tánh đức viên mãn hiện tiền.

Thứ tư, thứ năm, thứ sáu thì nghiêng nặng về tâm.

Thứ tư “Vô bất định tâm”. Định cảnh trên quả vị Như Lai là “Tịch diệt định”; thanh tịnh tịch diệt, vĩnh viễn trụ trong đại định, cũng gọi là “Na-già thường tại định, vô hữu bất định thời”.

Bồ tát phải đến Bát địa (Bát động địa) mới có thể đạt được cảnh giới này, bất thoái chuyển. Từ đó có thể thấy từ thất địa về trước, định có lúc có thể mất đi, mà mất đi chính là thoái chuyển, nhưng chỉ mất đi trong thời gian rất ngắn lại có thể hồi phục; còn Bồ tát bát địa thì không mất đi, đến quả vị Như Lai là cứu cánh viên mãn.

Thứ năm “Vô dị tướng tâm”. “Dị tướng” tức là vọng tưởng. Chân tâm lìa niệm, chắc chắn không còn “niệm”, Phật pháp gọi là “chánh niệm”, “chánh niệm vô niệm”. Với người sơ học phương tiện nói là “chánh niệm vô tà niệm”; hay nói cách khác, chánh niệm là vẫn còn có niệm nhưng niệm ấy không phải tà niệm. Đây là cảnh giới của Pháp thân Đại sĩ, mà Pháp thân Đại sĩ là phân chứng vị Phật, không có tà niệm. Quả vị Như lai thì cả chánh niệm, tà niệm đều không có, ấy mới thật “Chánh niệm”. Chánh và tà chỉ mang tính tương đối. Đại sư Lục Tổ Huệ Năng có câu nói rất hay “Tương đối là hai pháp, hai pháp đều không phải Phật pháp”. Theo lời của Lục Tổ nói “Tà pháp – chánh pháp là hai, hai pháp đều không phải Phật Pháp, Phật pháp là không hai pháp”. Chân tâm vĩnh viễn không có niệm, ấy mới là chánh niệm, tự nhiên có thể cùng tất cả chúng sanh mười pháp giới cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, các Ngài liền có ứng.

Tại sao không có niệm mà các vị lại có ứng? Vì “Pháp như thị” (tức “Pháp vốn như vậy”) , rất tự nhiên, nên cảnh giới này được gọi là “Cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị”. Điều này là sự thật. Cả thiện lẫn ác hai bên chúng ta đều phải xả bỏ. Vì sao hiện nay ta vẫn phải đoạn ác tu thiện? Vì chúng ta chưa đạt đến cảnh giới Như Lai, không đoạn ác tu thiện chắc chắn sẽ đọa ba đường ác. Chư Phật đến thế gian để thị hiện, Ngài cũng tự nhiên làm như vậy vì muốn làm gương cho chúng sanh mê cảm điên đảo. Đây là đại từ đại bi giáo hóa chúng sanh. Trên quả vị Như Lai thừa nguyện tái lai, cho nên, chư Phật không có dị tướng, “vô dị tướng” chính là chánh – tà hai bên đều không có.

Thứ sáu “Vô bất tri dĩ xả tâm”. Buông bỏ hết tất cả pháp thế xuất thế gian thì chắc chắn không còn chấp trước. Bồ tát Đẳng giác còn chấp trước một phẩm sanh tướng Vô minh, nếu các vị ấy không còn phân biệt chấp trước thì chứng được Phật quả viên mãn. buông bỏ càng nhiều thì quả vị càng thù thắng. Kinh Kim Cang có dạy: “Pháp còn phải xả, huống hồ phi pháp”. “Pháp” ý chỉ Phật pháp, cả Phật pháp cũng phải xả. “Xả” là không chấp trước, phải xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này cũng giống như trong Phật pháp Đại thừa dạy “phá lập đồng thời, không có trước sau” .

Thứ bảy đến thứ mười hai “Dục vô diệt; Tinh tấn vô diệt; Niệm vô diệt; Trí huệ vô diệt; Giải thoát vô diệt; Giải thoát tri kiến vô diệt”. Sáu loại này đều viên mãn đầy đủ, không chút gì khiếm khuyết. Đây là quả đức của tự tánh. Thế nhưng trên quả vị Như Lai còn “dục” không ? Chữ “dục” này so với từ “ái dục” mà chúng ta thường nói, tuy danh từ giống nhau nhưng thực tế ý nghĩa hoàn toàn khác. Trên quả vị Như Lai là lìa niệm, trong tâm không có niệm. Từ đó có thể thấy trong đây đã nói đều là quả đức cứu cánh viên mãn. Trên thực tế, “dục” này chính là nguyện tất cả chúng sanh viên thành Phật đạo. Nếu hỏi Như Lai có nguyện vọng gì thì Như Lai chỉ có duy nhất một nguyện vọng “Nguyện tất cả chúng sanh mau chóng thành Chánh giác”. Phật ứng hóa trong mười pháp giới, hiện các loại thân, thuyết giảng vô số pháp chỉ đều nhằm mục tiêu đơn thuần này. Những điều này , phàm phu, Nhị thừa, Bồ tát đều không thể đạt đến cứu cánh viên mãn, chỉ có trên quả vị Như Lai mới là cứu cánh viên mãn.

Thứ mười ba đến mười năm “Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành; Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành; Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành”. Phật ứng hóa trong mười pháp giới, hiện thân thuyết pháp thì thân-khẩu-ý ba nghiệp cũng có tạo tác.nhưng vô số tạo tác của Phật đều là “tùy trí huệ hành”. Ngược lại thân – khẩu – ý của phàm phu lại tùy phiền não, tập khí, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên tạo vô số nghiệp.

“Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham” trong Kinh Hoa Nghiêm là năm mươi ba vị thiện tri thức đều là chư Phật thị hiện, có đủ nam - nữ, già - trẻ và các ngành nghề, nhưng thân – khẩu – ý của các vị ấy đều là tùy trí huệ hành, không có sai lầm. Vì vậy, vô số thị hiện của Đức Phật đều không ngoài lợi ích tất cả chúng sanh.

Một số người nghe qua lời này có lẽ sẽ nghi ngờ. Tại sao vô số thị hiện Như Lai có lúc cũng gây hiểu lầm cho chúng sanh? Quả thực là có lúc làm lợi cho chúng sanh và có lúc cũng gây hiểu lầm cho chúng sanh. Vậy chúng sanh nào được lợi ích? Chúng sanh có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ thì được lợi ích. Còn những chúng sanh nào gây hiểu lầm? Những chúng sanh có phiền não, tập khí sâu dày; Tuy thấy Phật thị hiện nhưng họ vẫn thường nghĩ về hướng ác, thì thành hiểu lầm vậy. Nếu với vô số thị hiện của Phật mà họ đều có thể nghĩ về cái thiện thì chắc chắn họ cũng được lợi ích. Phật vô tâm mà thị hiện, mỗi chúng sanh là mỗi cảm thụ khác nhau. Đạo lý là ở chỗ này.

Tổng cương lĩnh Phật dạy chúng ta trong bộ Kinh này này là “Ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp”. Hành vi không thiện, chúng ta dụng tâm quán sát thì còn là thiện. Cho nên trong Kinh Đại thừa có dạy rằng pháp thế xuất thế gian không có thiện – ác, không có chánh – tà, không có chân – vọng. Tất cả tương đối đều không có, Tất cả tương đối do tâm tưởng sanh ra. Chúng ta tâm nghĩ thiện, thế xuất thế gian không pháp nào là không thiện; tâm địa chúng ta không thiện, pháp thế xuất thế gian không gì là thiện cả. Vì vậy Tổ sư Đại đức mới dạy chúng ta là “Tu từ căn bản”, căn bản tức là tâm tưởng vậy.

Cho nên chúng ta nên noi gương Phật Bồ tát: nhìn thấy Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh tạo tác vô số điều bất thiện, nhưng ngay trong tâm, trong mắt mình đều là nghiệp thanh tịnh, chúng ta liền thành tựu. Sao có thể thấy những điều này đều là nghiệp thanh tịnh? Vì “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, “Tất cả

pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, “Nhân duyên sanh các pháp, ngay cái thể là không, chẳng thể nào có được” xác thực nó là thanh tịnh, tiếc là ta không nhìn thấy được, mà cho rằng nó là nhiễm ô. Kỳ thực nó là thanh tịnh, xác thực vốn thiện, là thuần thiện không ác. Trên quả vị Như Lai thuần thiện không ác, tất cả chúng sanh cũng thuần thiện không ác, nên Phật nói “Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật” . Câu nói này tuyệt đối chính xác.

Vì vậy, lỗi lầm không do ngoại cảnh, lỗi lầm không do người; ngoại cảnh không có lỗi lầm, người khác không có lỗi lầm, chư Phật Bồ tát, Ngạ quỷ, Súc sanh, La sát, Tu la cũng đều không có lỗi lầm. Họ đều thanh tịnh vô vi. Lỗi là ở ý niệm của chúng ta sai; cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta sai. Đạo lý này thâm sâu vô cùng. Vì chúng ta thể hội không được, nên không chịu làm, không chịu tu. Chúng ta có thể hội được mấy phần, nên học rồi đi làm, thọ dụng vô cùng! Chân thật là tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh tự át cảnh giới bên ngoài thanh tịnh. Chúng ta mới biết được, thì ra Phật vốn dĩ trụ ở thế giới Cực lạc, Bồ tát trụ thế giới Hoa Tạng.

Thế giới Hoa Tạng ở đâu? Chính là ở ngay nơi đây! Thế giới Hoa Tạng không tách rời thế giới Ta bà của chúng ta, chỉ là mỗi người ở mỗi cảnh giới thôi. Nếu chúng ta không có tư tưởng, lý niệm, không chịu khế nhập, thì cảnh giới này thì chúng ta vĩnh viễn không đạt được, vĩnh viễn hoài nghi, vĩnh viễn không thể hiện tiền. Sự việc này, Phật, Bồ tát đều có khả năng cũng không thể giúp ta. Vì Phật giúp chúng sanh cũng chỉ có thể “khai thị” mà thôi (“khai” là nói rõ, “thị” là thị phạm, là làm gương cho ta). Trong Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, ba phần đầu là “Khai”, một phần cuối cùng “Phẩm nhập pháp giới” tức “Thiện Tài Đồng Tử ngũ thập tam tham” là “Thị”, vì chúng ta mà thị phạm. Người học phải ngộ, phải nhập. Muốn “ngộ nhập” phải dựa vào chính mình, Phật cũng không giúp được. Căn tánh lanh lợi thì nhanh ngộ nhập, căn tánh chậm chạp thì vô cùng khó khăn.

Sao phân biệt được lành lợi hay chậm chạp? Người lợi căn nghe lời, tuân thủ một trăm phần trăm. Như Đại sư Thiện Đạo trong chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh dạy ta phải tùy thuận theo lời giáo huấn của Phật Bồ tát, Phật Bồ tát dạy chúng ta làm thế nào thì chúng ta làm thế nấy, dạy chúng ta không thể làm thì quyết không làm. Như vậy là người thượng thượng căn, chần chẫn có thể ngộ nhập. Không thể tùy thuận giáo huấn Phật Bồ tát mà còn tùy thuận phiền não c, tập khí, vọng tưởng, chấp trước bản thân thì vĩnh viễn không thể ngộ nhập. Đọc kinh sách nhưng lòng đầy hồ nghi, học Phật như vậy không những không thể lợi ích ngược lại còn hại chính mình. Phật không hại chúng ta, là tự ta hại thân ta. Đạo lý này nhất định phải hiểu.

Thứ mười sáu đến thứ mười tám “Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại; Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại; Trí huệ tri vị lai thế vô ngại”. Đây là đức dụng Bát nhã tự tánh vốn có đủ. Mười phương tam thế không có nơi nào mà không biết. A la Hán có thể biết ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) nhưng chỉ giới hạn trong 500 đời, 500 đời quá khứ, 500 đời vị lai, trên 500 đời thì không có năng lực biết được.

Kinh Pháp Hoa có một công án rằng, có một ông lão nợ muốn phát tâm xuất gia, mà xuất gia phải có thiện căn nên Phật cho các vị đại A La Hán quán sát xem ông có thiện căn hay không. Các vị A La Hán xem qua đều lắc đầu “Không có thiện căn, không có duyên với Phật”. Thế nhưng Phật nói “Ông ấy có thiện căn. Vô lượng kiếp trước ông là một tiểu phu, lên núi đốn củi thì gặp hồ dữ muốn ăn thịt mình, ông liền treo lên cây niệm một tiếng Nam Mô Phật”. Đây chính là chút thiện căn đã gieo nên đời này gặp được Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy ông ta có thể xuất gia. Điều này cho thấy rõ Phật biết việc của vô lượng kiếp trước nhưng Bồ tát, A La Hán thì không biết.

Tóm lại, Thập lục, Tứ vô úy, Thập bát pháp bất cộng đều là đức năng viên mãn trên quả vị Như Lai, đức năng này là tự tánh vốn sẵn có, hiển lộ viên mãn.

“Tất cả Phật pháp đều được viên mãn” tức nói mười phương ba thế tất cả chư Phật đều viên mãn. Họ chính là nhờ vào mười thiện nghiệp mà viên mãn. Vậy phải bắt tay tu học mười thiện nghiệp từ đâu? Từ Kinh Vô Lượng Thọ, lời Kinh dạy ta “Khéo giữ khẩu nghiệp, không bàn lỗi người”. Trước tiên bắt đầu từ không vọng ngữ, không nói hai lời, không nói lời thêu dệt, không nói lời thô ác; sau đó lại học không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, không sân, không si. Mức độ tu học sâu hay rộng là tùy thuộc tu hành bản thân, chúng ta không chỉ mở rộng mà còn mở rộng đến khi hoàn toàn tương ứng với tự tánh thì đó chính là “Tánh vốn thiện”.

Kinh có bốn loại: Giáo; Lý; Hành và Quả. “Giáo Kinh” là lời giáo huấn, giáo hội. “Lý Kinh” là lời Phật giảng về chân tướng sự thật của nhân sanh vũ trụ. “Hành Kinh” y giáo phụng hành, Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là thuộc về Hành Kinh. Chúng ta thường nói “tu hành” thì tu hành phải dựa vào bộ Kinh này vì bộ Kinh này đầy đủ Phật pháp viên mãn, sao ta có thể lơ là, sao có thể xem thường được? Do đó có thể thấy, chúng ta học Phật nhiều năm nhưng lại không chút thành tựu, có thể nói mỗi ngày còn sanh phiền não, khởi Vô minh, tạo ác nghiệp thì nguyên nhân do đâu? Là do lơ là mười thiện nghiệp, cho rằng đây là chuyện nhỏ mà không biết việc thiện nhỏ là đại căn đại bản của thành tựu. Tất cả Phật pháp đều không xa lìa mười thiện nghiệp. Chúng ta thấy vàng hào quang trên đỉnh đầu tượng Phật thường được viết “Án, A, Hồng”(thì “Án” là thân nghiệp, “A” là khẩu nghiệp, “Hồng” là ý nghiệp) vậy Phật phóng quang là quang của mười thiện, thuần thiện không ác.

Kinh văn: **“Thị cố nhữ đẵng, ưng cần tu học”**(Vì vậy, các người phải siêng năng tu học.).

Ý của “Đẵng” là bao gồm tất cả chúng sanh hiện thời và chúng sanh đời sau có duyên đọc Kinh này. Đây là đấng Thế Tôn chính mình tuyên dương cũng như khuyên dạy chúng ta về việc “ưng cần tu học”, cho nên chúng ta càng phải phấn đấu học tập, không thể lơ là việc tu học. Tu học mười thiện được quả báo gì, thành tựu ra sao, hoàn toàn do ở dụng tâm của bản thân. Phật là bình đẳng tâm, nếu ta dùng tâm bình đẳng tu mười thiện, ta liền thành tựu rồi. Bồ tát là tâm lục độ, nếu ta dùng Tứ nhiếp, Lục độ tu hành mười thiện, thì chúng ta là Bồ tát. Còn như dùng tâm Từ – Bi – Hỷ – Xả tu học mười thiện thì được quả báo về cõi Trời. Vì thế, chúng ta nhất định phải nỗ lực chuyên cần tu học, nếu không thì một đời liền luống qua. Phần chánh tông đến đây đã giảng xong.

Kinh Văn: **“Long vương! Thí như nhất thiết thành ấp tụ lạc giai y đại địa nhi đắc an trụ, nhất thiết dục thảo hủy mộc tùng lâm, diệt y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử thập thiện đạo, diệt phục như thị”**.

Từ đoạn này về sau là phần lưu thông của bốn Kinh. “Thành ấp” nghĩa là thành phố, “tụ lạc” nghĩa là hương trấn thôn trang đều không rời khỏi đại địa. “Nhất thiết dục thảo hủy mộc tùng lâm” ý chỉ tất cả thực vật cũng từ đất mà sanh trưởng. Câu này nói rõ rằng tất cả sinh vật, nếu lìa khỏi đại địa thì không thể sanh trưởng. Chỗ này Phật lấy hình ảnh ẩn dụ để làm rõ vấn đề. “Đại địa” (tức “đất đai”) tượng trưng cho mười thiện, “Thử Thập thiện đạo, diệt phục như thị” mười thiện cũng như đại địa vậy, dù hữu tình hay vô tình cũng đồng nương tựa mà sanh tồn.

Tu mười thiện nghiệp có thể được quả báo thiện như câu “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Trồng nhân thiện chắc chắn có quả báo thiện, là đạo lý có cầu tất ứng. Thế nhưng người thế gian cầu nguyện rất nhiều, sao lại không cảm ứng? Là do không hiểu đạo lý cũng như phương pháp, cầu nhưng không như lý, không như pháp nên cầu không có cảm ứng vậy.

Lúc trước Đại sư Chương gia dạy tôi là “Chúng ta cầu nguyện Phật Bồ tát nhưng không thể toại nguyện là vì có nghiệp chướng, chướng ngại. Chúng ta phải phản tỉnh, quán sát xem nghiệp chướng của mình ở đâu, rồi nỗ lực tiêu trừ nghiệp chướng, sở cầu sẽ được mãn nguyện”. Làm sao để tiêu trừ nghiệp chướng? Đại sư nói với tôi: “Sám hối”, cùng với Bồ tát Phổ Hiền dạy là “Sám trừ nghiệp chướng” là một ý nghĩa vậy. Tôi lại hỏi tiếp “cách sám hối thế nào?”. Đại sư nói “Sau này không tái phạm nữa”. Câu này nói nghe thì dễ, làm thì thật khó. Như Nho giáo có câu “Bất nhị quá” tức không phạm sai lầm hai lần, không thể lặp lại lỗi đã phạm nữa. Đây chính là chân thật sám hối.

Cho nên, biết lỗi lầm của mình, đem lỗi lầm cải sửa lại, chính là tu hành. Tu hành không chỉ là niệm Kinh, niệm Phật. Niệm kinh, niệm Phật chỉ là phương pháp tu hành. “Kinh luận chánh tri kiến, giới luật chánh hành trì”. Người tu hành thật sự là phải biết tu sửa hành vi, lỗi lầm của mình. Bắt đầu tu từ đâu? Bắt đầu tu từ căn bản, mà căn bản chính là lúc khởi tâm động niệm. Đây là phương pháp tu hành cao minh nhất. Ta nói chuyện lỡ lời, lần sau ta sửa lại. Ta làm sai điều gì rồi, lần sau ta không làm nữa. Tu như thế là bắt đầu tu từ sự, từ thân, không phải từ căn bản. Bắt đầu tu từ căn bản tức là sửa đổi từ khi khởi tâm động niệm thì Thân – Khẩu – Ý tự nhiên liền không mắc lầm lỗi. Nhờ đó mà ý niệm vừa khởi liền quan sát được, cổ đức thường nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm” ý niệm khởi

lên , đây là lẽ đương nhiên vì ta chưa chứng quả vị cứu cánh thì vẫn còn ý niệm.

Bồ tát Đẳng giác còn một niệm sanh tướng vô minh, niệm niệm tương tục, nên mới thị hiện căn thân thế giới. Nhất chân pháp giới, thế giới Tây phương Cực lạc cũng như vậy mà biến hiện ra, nó là vô minh tương tục (nối tiếp) mà hiện thế giới, nếu đoạn được một niệm vô minh này rồi thì như lời Đại sư Vĩnh Gia trong Chúng Đạo Ca nói “Sau khi giác rồi, rỗng lặng không có ngàn đại thiên thế giới”. Vậy Phật còn độ chúng sanh hay không? Không độ chúng sanh. Từ điểm này chúng ta thể hội được “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” của Phật. Phật đến cảnh giới này, còn một phẩm vô minh cuối cùng liệu có đoạn không? Không đoạn nhưng không phải vì không có năng lực đoạn, Phật có năng lực đoạn mà không đoạn, đây là “thừa nguyện tái lai”, “đói hoặc nhuận sanh”.

Vì vậy, Bồ tát Đẳng giác cùng quả vị Như Lai là như nhau, nhìn như nhau nhưng lại không như nhau. Không như nhau chỗ nào? Bồ tát Đẳng giác chưa có năng lực đoạn một phẩm Vô minh, còn Phật là có khả năng đoạn nhưng không đoạn. Khác nhau là ở chỗ này. Phật không đoạn, là vì sau khi đoạn rồi thì không thể độ chúng sanh, không thể hiện tướng. “Đáng dùng thân gì để độ liền hiện thân đó” chính là khởi tác dụng của một phẩm sanh tướng Vô minh đó. Nếu một phẩm vô minh này đoạn rồi, thì không thể khởi tác dụng nữa.

Vậy nên, chúng ta dụng công là từ khi khởi tâm động niệm liền quán sát lỗi lầm của mình, ngày đêm sáu thời không lúc nào dừng. Biết ý niệm của ta sai rồi liền phải thành thật khẩn thiết sám hối, thì lỗi lầm mới có thể sửa đổi. Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, tạp khí tham tài, tham sắc, tham danh, tham

lợi huân tập quá sâu nặng, nếu không thống thiết sám hối thì không thể nhổ được gốc bệnh, bất cứ lúc nào nó cũng khởi hiện hành lại, khởi hiện hành thì sản sanh chướng ngại. Sợ nhất là lúc lâm chung, ý niệm cuối lại khởi hiện hành, thì kiếp sau lại phải luân hồi tam đồ, lục đạo. Chúng ta mỗi niệm đều nghĩ vãng sanh nhưng bị một vọng niệm cuối cùng hủy hoại. Điều này rất có khả năng xảy ra vì chúng ta không có cảnh giác. Không nên định ninh rằng “Tôi còn trẻ, đợi khi già rồi hẳn làm” chỉ e là chưa kịp già, thọ mạng đã hết rồi. Việc này nếu trước đây không biết thì không nói gì, nhưng giờ đã biết rồi thì phải chăm chỉ mà làm. Ngay trong đời sống thường nhật phải học theo Phật, Bồ tát, về sự thì có thể cùng chúng sanh hòa quang đồng trần, tâm địa thì nhất quyết không để ô nhiễm, tâm địa thanh tịnh, trí huệ hanh thông. Đây chính là công phu vậy.

Làm sao mới có thể không vướng nhiễm? “Phàm tất cả tướng, đều là hư vọng”, cảnh giới bên ngoài là giả, căn thân cũng giả. đây là nhìn thấu. Chỉ có thật nhìn thấu thì mới nguyện lòng cam tâm buông bỏ, hoan hỷ buông bỏ, không vướng nhiễm nữa. Đây mới thật là tu hành, là chân thật công phu; còn những nghi thức như tụng Kinh, lạy Phật nói một cách thành thật thì ấy đều là biểu diễn, diễn kịch để tiếp dẫn chúng sanh vậy. Tự mình tu hành công phu chân thật là ở tâm, không phải ở hình thức. Hình thức làm đẹp mắt chỉ nhằm tiếp dẫn những người còn chưa quay đầu, chưa biết đến pháp của Phật. Chúng ta biểu diễn những hình thức này là để tiếp dẫn chúng sanh, giúp họ bước vào cửa Phật, sau khi bước vào rồi liền phải truyền thụ những điều chân thật cho chúng sanh, không thể chỉ một mực phô diễn bề ngoài.

Kinh văn: **“Nhất thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhất thiết Thanh văn, Độc giác Bồ đề, chư Bồ tát hạnh, nhất thiết Phật pháp, hàm cộng y thứ, thập thiện đại địa nhi đắc thành tựu”**.

Từ đoạn Kinh văn này ta có thể hội được tính trọng yếu của mười thiện nghiệp. Mười thiện nghiệp là toàn bộ đại căn đại bản của Phật pháp, không chỉ Đức Thích Ca Mâu Ni dựa vào Kinh này để giáo hóa chúng sanh mà cả mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai cũng đều nương vào đây để kiến lập tất cả Phật pháp. Xa lìa mười thiện chính là không còn Phật pháp. Từ đó cho thấy, khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác, mỗi niệm phải tương ứng với mười thiện. Như vậy chính là chúng ta đang học Phật. Bất kể chúng ta tu học pháp môn nào, tông phái nào thì mười thiện cũng giống như đại địa; pháp môn, tông phái của chúng ta giống như tòa nhà cao lớn, đều phải xây dựng trên mặt đất này. Không có mặt đất thì biết xây dựng nơi nào? Phật lấy mười thiện ví như đại địa, là ý nói tất cả Phật pháp đều được xây dựng trên nền tảng ấy, tất cả Phật pháp cũng nhờ vào nền tảng ấy mà được cứu cánh viên mãn.

Cho nên, từ sơ phát tâm đến quả vị Như lai, không một phút giây xa lìa mười thiện nghiệp, tám muôn bốn ngàn pháp môn, vô lượng vô biên pháp môn nhưng tổng cương lĩnh vẫn là “Mười thiện nghiệp”. Chúng ta nhất định phải nhận thức được điều này. Ngày trước bản thân ngu mê, xem thường, lơ là căn bản, nên tu học Phật pháp mấy mươi năm, công phu cũng không đắc lực. Ấy là cái lỗi của mình.

Người học Phật xem trọng giới luật, thọ Tam quy Ngũ giới, Bát quan Trai giới, giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo Ni, giới Bồ tát, mà tất cả giới hành đều được xây dựng trên nền tảng mười thiện, không có mười thiện thì Tam quy cũng không thể thành tựu. Lúc trước tôi có giảng “Tịnh nghiệp tam phước”, Tịnh nghiệp tam phước giống như ba tầng lầu, không có tầng một sao xây được tầng hai? Tầng một là nền tảng của tầng hai, tầng một là “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ bi bất sát, tu Thập thiện nghiệp”; tầng hai là “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng

giới, bất phạm oai nghi”. Giả như không có mười thiện thì lấy đâu ra Tam quy, Ngũ giới? Chúng ta học học Phật gặp nhiều chướng ngại như vậy là vì không có nền tảng, giống như xây nhà không có nền đất. Mười thiện nghiệp là nền tảng học Phật, có nền tảng thì mới có thể tiến thêm một bước nữa là xây cất.

Bất luận là Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, Đại thừa hay Tiểu thừa cũng trước tiên đều phải có mười thiện nghiệp mới có thể thiết lập. Điều đang nói ở đây là Ngũ thừa Phật pháp mà chúng ta thường nói đến. “Nhất thiết Nhân Thiên” tức là Nhân thừa và Thiên thừa trong Ngũ thừa; “Nhất thiết Thanh văn”. “Nhất thiết” là bao gồm thế giới này và cả vô lượng vô biên cõi nước chư Phật khác. “Độc giác Bồ đề” chính là Duyên Giác. “Chư Bồ tát Hạnh” chư Bồ tát là Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa Đẳng giác. “Nhất thiết Phật pháp” Thiên Thai tông nói “Tạng, Thông, Biệt, Viên” đây là bốn loại Phật ; Còn Đại sư Hiền Thủ thì nói có năm loại Phật gồm “Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên”. Tất cả Phật pháp đều dựa vào đại địa mười thiện mà thành tựu, có vậy ta mới thấy bộ Kinh này quan trọng dường nào. Đó là đại pháp căn bản tu hành của Phật pháp.

Mười thiện là Thân tam, Khẩu tứ, Ý tam. Thân tam thiện là không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (với các đồng tu tại gia là “không tà dâm”). Khẩu tứ thiện là không vọng ngữ, không nói hai lời, không nói lời thù dật, không nói lời thô ác. Ý tam thiện là: không tham, không sân, không si với tất cả pháp thế xuất thế gian. Làm được thập thiện rồi, cũng như chúng ta đã có được nền đất. Nền đất gì? đó là nền đất pháp tánh, như vậy mới có tư cách học Phật. Học Phật bắt đầu từ Tam quy Ngũ giới, vậy thì chúng ta có tư cách quy y Tam bảo, có tư cách thọ trì chúng giới. Còn như không có nền đất pháp tánh, chỗ đứng chúng ta cũng không có, đạo lý này không thể không hiểu!

Chúng ta học Phật gì? tu đạo gì? mà đến chỗ đứng căn bản cũng không có? Vậy khác gì đạo chúng ta đang tu là đạo ma quỷ, chắc chắn không phải chánh pháp, chắc chắn không phải Phật đạo. Không những không phải Phật đạo, cũng không phải Thiên đạo, Nhân đạo, Thiên đạo, Nhân đạo(cõi trời, cõi người) đều lấy mười thiện làm nền tảng, vậy có thể thấy đường chúng ta đi là cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh, vì chỉ những cõi này mới không lấy mười thiện làm nền tảng. Mười thiện làm nền tảng bắt đầu từ cõi trời người, tức “Nhất thiết nhân thiên y chi nhi lập”. Nói cách khác, không tu mười thiện chính là ba đường ác. Như thế, muốn đến cõi trời, người thì phải cố gắng tu mười thiện nghiệp mới mong được quả báo về cõi trời, người. Đại đạo cứu cánh viên mãn của tất cả Phật pháp chính là viên mãn mười thiện nghiệp.

Kinh văn: ***“Phật thuyết thử kinh dĩ, Ta Kiệt La Long vương cập chư đại chúng nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành”***.

“*Ta Kiệt La*” theo tiếng Trung nghĩa là nước biển mặn, nước biển mặn biểu thị cho biển khổ. Phật ở Long cung của Ta Kiệt La Long vương biểu thị cho hoàn cảnh sinh sống của chúng sanh thế giới ta bà chúng ta là biển khổ. “Long” là sự khéo léo biến hóa, ví dụ cho lòng người trong xã hội hiện đại này tạo nghiệp thiên biến vạn hóa.

Biển khổ vô bờ, nhân tình sự lý biến hóa khôn lường, vậy chúng ta dùng phương pháp gì để ứng phó, dùng phương pháp gì để chung sống? Dùng mười thiện! Có lẽ có người sẽ nói: “Nếu thực chúng ta làm y theo mười thiện thì sống ở đâu cũng sẽ đều chịu thiệt thòi, không thể sống nổi ở thế gian này”. Sống không được ở thế gian này thì chúng ta đến cõi trời. Chúng ta là người thiện nên có quả báo tốt, quả báo cõi trời tốt hơn so với

nơi này, thế giới Cực lạc so với nơi này lại càng tốt hơn. Đầy đủ mười thiện, dù không có Tam quy Ngũ giới, niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Tam Bối Vãng Sanh trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ, đầy đủ mười thiện nghiệp niệm A Di Đà Phật thì có thể vãng sanh, nên hà tất lưu luyến thế gian này, hà tất đấu đá với người của thế gian này? Không cần thiết làm vậy!

Thị hiện của Phật Thích Ca Mâu Ni chính là tấm gương tốt về Đẳng chân tu. An bản lạc đạo, cam tâm tình nguyện sống đời nghèo khổ. Thực tế mà nói, cái “nghèo” là thật, nhưng “khổ” là giả. Vì người tu đạo tuy nghèo mà vui, còn người thế gian nghèo thì khổ. Nhan Hồi, một học trò của Khổng Tử là người chỉ “một giỏ cơm, một bầu nước”. Đây là hình dung điều kiện đời sống vật chất của ông ấy rất khổ: ăn cơm dùng trúc làm thành cái gá để đựng cơm, uống nước dùng ống sậy làm ly. Cuộc sống khổ đến mức như vậy. Nhưng Khổng tử vẫn khen ông rằng “Nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cái kỳ lạc” tức là người khác trải qua cuộc sống như vậy sẽ vô cùng ưu sầu, còn Nhan Hồi cả ngày an vui không gì sánh bằng. Ông ấy không phải là nghèo khổ, ông ấy là nghèo mà vui. Trong Kinh Thánh của Ki tô giáo có dạy về “Cam bản”. Cam bản có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là cam tâm tình nguyện sống đời sống nghèo khổ; nghĩa thứ hai, “cam” ý là vui tươi, nghèo nhưng an lành, an vui. Nếu chúng ta có thể sống được như vậy, thực hành mười thiện thì không quá khó.

Vì sao chúng ta không làm được mười thiện nghiệp? Vì chúng ta không nguyện lòng sống đời nghèo khổ, ham thích hưởng thụ vật chất. Ham thích là tâm tham, còn thập thiện là không tham, không sân, không si. Vì tâm tham chúng ta làm chủ mà thiện nghiệp tu không thành, cho nên nhất định phải đoạn tâm tham, không tham tất cả pháp thế xuất thế gian. Dù gặp

phải hoàn cảnh khốn khó (hoàn cảnh vật chất , hoàn cảnh nhân sự) nhất định không được có tâm sân si. Không tham, không sân là đại định, trong Kinh Lăng Nghiêm dạy “Thủ Lăng Nghiêm Vương Tam Muội”. Không si là trí huệ đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, tánh tướng, lý sự, nhân quả mọi thứ rõ ràng. Được vậy rồi thì Thân tam, Khẩu tứ tự nhiên làm được viên mãn, sao còn có thể mắc sai lầm! Đây là chân thật trí huệ viên mãn hiện tiền vậy.

Đại đức xưa dạy chúng ta “Tu từ căn bản” thì căn bản chính là “không tham, không sân, không si”. Mười thiện nghiệp là căn bản của tất cả Phật pháp cõi Trời người. Không tham, không sân, không si là căn bản của mười thiện nghiệp. Chúng ta phải bắt tay làm từ chỗ này thì thập thiện mới có thể tu tập thành tựu. Nếu như không bắt tay từ việc đoạn Tham – Sân – Si, xa lìa Tham – Sân – Si thì thập thiện nghiệp khó làm đến viên mãn. Nói cách khác, ngay cả nền tảng làm người cũng không có ,thì những thứ khác không cần phải nói. Học Phật chẳng qua là cùng Phật pháp kết pháp duyên mà thôi, công đức Phật pháp thù thắng, chúng ta may mắn cũng không có được.

Bộ Kinh này chúng tôi giảng đến đây là viên mãn. Hy vọng mọi người nghe xong sẽ chăm chỉ nỗ lực học tập “Thân người khó có được mà nay đã có được, Phật pháp khó được nghe mà nay đã được nghe”. Mong rằng đời này không trôi qua vô ích, nhất định phải có một kết quả, phải được thành tựu.

Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Biên tập: Lê Huyền Trang

(Nếu lời dịch có điều chi sơ sót, rất mong nhận được sự
góp ý từ quý vị)